

TAY LẠI SÚNG ĐẠ CỎM

HUGH
LAURIE

"Một tiểu thuyết thriller hạng nhất...
một cỗ máy giải trí tuyệt diệu vô song"
- THE PLAIN DEALER (CLEVELAND)



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG



Thông tin sách

Tên sách: **TAY LÁI SÚNG ĐA CẢM**

Nguyên tác: **The Gun Seller**

Tác giả: **Hugh Laurie**

Người dịch: **Nguyễn Thị Hương Thảo**

Nhà phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Lao Động**

Khối lượng: **400g**

Kích thước: **14 x 20,5 cm**

Ngày phát hành: **03/2013**

Số trang: **388**

Giá bìa : **105.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Trinh thám - Hành động**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: thanhbt

Ngày hoàn thành: 24/08/2016

Dự án ebook #221 thuộc Tủ sách BOOKBT



Trích đoạn

... Thử hình dung anh phải bẻ gãy tay ai đó.

Phải hay trái không quan trọng. Quan trọng là phải bẻ, bởi vì nếu không bẻ thì thực ra cũng chẳng vấn đề gì. Cứ cho là nếu anh không bẻ thì sẽ có hậu quả xấu đi.

Vậy câu hỏi của tôi là: anh sẽ bẻ thật nhanh - rắc, ối chà, xin lỗi, để tôi giúp anh với cái xương gãy ngay tức thì kia - hay anh sẽ nhằn nha trong vòng tám phút, thì thoảng mới mạnh tay lên một tí, cho tới khi tất cả những hoa cà hoa cải, những nóng và lạnh quyện vào nhau khó chịu đến vô cùng?

Đúng vậy. Tất nhiên rồi. Lựa chọn đúng đắn, lựa chọn duy nhất hẳn là làm cho xong đi càng nhanh càng tốt. Bẻ cái tay, nốc vài ngụm rượu, và lại trở thành công dân tốt. Chẳng thể có câu trả lời nào khác.

Trừ khi.

Trừ khi, trừ khi, trừ khi.

Nếu như anh căm ghét cái kẻ bị bẻ tay kia thì sao? Ý tôi là thực sự ghét hẳn ta, vô cùng ghét hẳn ta.

Đó chính là điều mà lúc này tôi phải tính tới.

Tác giả



Hugh Laurie (sinh 1959) là diễn viên, nhạc sĩ, nhà văn nổi tiếng người Anh, hai lần đoạt giải Quả Cầu Vàng và sáu lần được đề cử giải Emmy.

Năm 2011 ông được sách kỷ lục Guinness ghi nhận là diễn viên truyền hình được trả thù lao cao nhất, 250.000 bảng Anh một tập trong bộ phim nhiều tập House. Mặc dù văn chương không phải là “nghề tay phải” của Laurie, song Tay lái súng đa cảm (The Gun Seller), tiểu thuyết đầu tay (cũng là tiểu thuyết duy nhất cho đến nay) của ông, lập tức trở nên nổi tiếng và được tái bản nhiều lần.

Nhận định

“Một tiểu thuyết thriller hạng nhất... một cỗ máy giải trí tuyệt diệu vô song” - *The Plain Dealer (Cleveland)*

“Một cuốn tiểu thuyết rất đỗi thông minh tinh tế... tươi mới và lôi cuốn không cưỡng được.” - *Christopher Buckley, The New York Times Book Review*

Kính tặng cha

Tôi hàm ơn nhà văn và phát thanh viên Stephen Fry vì những bình luận của anh; Kim Harris và Sarah Williams vì sự thông minh và khiếu thẩm mỹ tuyệt vời của họ; người đại diện văn chương của tôi, Anthony Goff, vì những hỗ trợ và khích lệ hào phóng của anh; người đại diện sân khấu của tôi, Lorraine Hamilton, vì đã không bận tâm đến việc tôi có một đại diện văn chương ; và vợ tôi, Jo, vì những gì cô ấy đã đóng góp cho một cuốn sách còn dài hơi hơn cuốn này.

PHẦN MỘT

Một

Sáng nay, tôi thấy một người không muốn chết.

P. S. STEWART

Thử hình dung anh phải bẻ gãy tay ai đó.

Phải hay trái không quan trọng. Quan trọng là phải bẻ, bởi vì nếu không bẻ... ờ thì thực ra cũng chẳng vấn đề gì. Cứ cho là nếu anh không bẻ thì sẽ có hậu quả xấu đi.

Vậy câu hỏi của tôi là: anh sẽ bẻ thật nhanh - rắc, ối chà, xin lỗi, để tôi giúp anh với cái xương gãy ngay tức thì kia - hay anh sẽ nhả nha trong vòng tám phút, thi thoảng mới mạnh tay lên một tí, cho tới khi tất cả những hoa cà hoa cải, những nóng và lạnh quyện vào nhau khó chịu đến vô cùng?

Đúng vậy. Tất nhiên rồi. Lựa chọn đúng đắn, lựa chọn *duy nhất* hẳn là làm cho xong đi càng nhanh càng tốt. Bẻ cái tay, nốc vài ngụm rượu, và lại trở thành công dân tốt. Chẳng thể có câu trả lời nào khác.

Trừ khi.

Trừ khi, trừ khi, trừ khi.

Nếu như anh căm ghét cái kẻ bị bẻ tay kia thì sao? Ý tôi là thực sự ghét hẳn ta, *vô cùng* ghét hẳn ta.

Đó chính là điều mà lúc này tôi phải tính tới.

Tôi nói “lúc này”, có nghĩa là khi đó, là cái khoảnh khắc mà tôi đang miêu tả; cái khoảnh khắc nhỏ, nhỏ khôn kiếp ấy, trước khi cổ tay tôi bị kéo quặt tới gáy và xương cánh tay trái tôi gãy ra ít nhất thành hai đoạn lủng lảng, rất có khả năng là nhiều hơn.

Cái tay mà chúng ta vừa nói đến, anh thấy đó, là tay tôi. Nó không phải là một cánh tay trừu tượng, triết học. Những xương đó, da đó, những lông tay, rồi cả cái sọ nhỏ màu trắng ở đúng cùi tay do quệt vào góc lò sưởi từ hồi ở trường tiểu học Gateshill, tất cả đều thuộc về tôi. Và giờ là lúc tôi phải cân nhắc khả năng kẻ đứng đằng sau tôi, kẻ đang bóp chặt cổ tay tôi mà bề ngược dọc sống lưng theo một tư thế gần như tình tứ, hẳn căm ghét tôi, *vô cùng* căm ghét tôi.

Hắn cứ giữ cái tay thế mãi.

Họ hẳn là Rayner. Tên không rõ. Dù sao tôi đã không thể biết và bởi thế tôi đoán chắc là anh cũng không nốt.

Tôi đồ rằng hẳn phải có ai đó, ở đâu đó biết tên của hắn - đã từng rửa tội cho hắn bằng cái tên đó, đã từng gọi hắn xuống ăn sáng bằng cái tên đó, đã từng dạy hắn phải đánh vần nó như thế nào - và một người nào khác ắt đã từng gọi tên hắn trong quán bar để mời hắn làm vài cốc, hay đã từng thì thào cái tên đó trong lúc làm tình, hoặc giả đã viết nó vào một ô trong tờ khai bảo hiểm thân thể. Tôi biết chắc chắn họ đã làm tất cả những điều đó. Chỉ có điều khó mà hình dung ra, thế thôi.

Tôi áng chừng Rayner hơn tôi mười tuổi. Thế tốt thôi. Chuyện đó chẳng vấn đề gì cả. Tôi có quan hệ tốt, thân mật - không liên quan tới chuyện bề tay - với rất nhiều người hơn tôi mười tuổi. Những người lớn hơn tôi mười tuổi nhìn chung là đáng kính trọng. Nhưng Rayner còn cao hơn tôi bảy phân, nặng hơn khoảng hai chục ký, và ít nhất hơn tôi tám đơn vị trong thang bạo lực. Hắn xấu xí hơn cả cái bãi đỗ xe, với cái sọ to trụi tóc chỗ hóp vào chỗ phình ra như một quả bóng nhét đầy que trong ruột và cái mũi chiến binh phẳng dẹt, trông như thể một dải đồng bằng quanh co khúc

khuyết do ai đó cầm bút chì bằng tay trái, hoặc tệ hơn, bằng chân trái, vẽ lên mặt hân vậy.

Và Chúa ơi, cái trán mới đã làm sao. Bao nhiêu gạch, dao, chai lọ và những thứ vụn ẩu đã đầy đủ lý do khác, theo thời gian đã táng vào cái mặt phẳng căng đét đó mà không hề gây hư hại gì, chỉ để lại những vết lõm mờ giữa các lỗ chân lông sâu hoắm, lưa thưa. Chúng là những lỗ chân lông sâu nhất và thưa nhất mà tôi đã từng thấy trên da người, khiến tôi nhớ đến khu lỗ gôn của sân gôn địa phương ở Dalbeattie vào cuối mùa hè khô hạn, dài đặc năm 76.

Giờ chuyển sang hai bên đầu. Tai của Rayner rõ đã bị cắn rời từ lâu và rồi lại được phết vào cái thành đầu ấy, bởi vì cái tai trái toàn toàn bị lộn ngược trên xuống dưới hay trong ra ngoài, hoặc là một kiểu gì đó khiến ta phải nhìn chăm chú vào hồi lâu rồi mới nghĩ ra “ồ, đó là cái tai”.

Và trên hết, Rayner mặc áo khoác da màu đen bên ngoài áo đen cổ lọ, nói thế cho rõ nếu anh vẫn chưa hình dung rõ.

Nhưng hân anh đã mừng tượng rõ được hân. Kể cả khi Rayner quần lụa mỏng quanh người và cài hoa lan sau mỗi vành tai, người qua đường yếu bóng vía cũng vẫn sẽ nộp tiền cho hân trước, sau đó mới bắn khoản tự hỏi liệu mình đã từng nợ hân hay chưa.

Thực tế là tôi chẳng hề nợ tiền hân. Rayner thuộc một nhóm riêng mà tôi chẳng nợ nần gì cả, và giá như chuyện giữa chúng tôi tốt đẹp hơn một chút thì có lẽ tôi đã gợi ý cho hân và nhóm của mình đeo chung một loại cà vạt đặc biệt giúp nhận diện nhau. Kiểu hoa văn hình dấu thánh chẳng hạn.

Tuy nhiên, như tôi đã nói, chuyện giữa chúng tôi không tốt đẹp gì.

Có lần, huấn luyện viên chiến đấu cụt một tay tên là Cliff (vâng, đúng vậy - ông ta huấn luyện đánh nhau tay không, và chỉ có một tay thôi - đời lắm khi thế đấy), đã bảo tôi rằng sự đau đớn là điều mà người ta tự gây ra cho

bản thân mình. Người khác làm mọi thứ với anh - họ đánh anh, họ đâm anh, họ cố bẻ tay anh - nhưng nỗi đau là do chính anh. Bởi thế, Cliff ông huấn luyện viên đã từng ở Nhật hai tuần và luôn cảm thấy mình có bổn phận phải nhồi nhét những thứ võ vắn kiểu như vậy trong các giờ học, khẳng định, chúng ta luôn có sức mạnh để kiềm chế nỗi đau đớn của bản thân. Ba tháng sau, Cliff bị một mụ góa năm mươi lăm tuổi giết chết trong một vụ ẩu đả tại quán rượu, bởi thế tôi không còn cơ hội cùng ông ta kiểm chứng điều đó.

Đau đớn là một sự kiện. Nó xảy tới với anh, và anh đương đầu với nó theo mọi cách có thể.

Điều duy nhất tốt cho tôi là, cho tới giờ, tôi chưa hề rên la.

Chẳng phải là dũng cảm gì, anh hiểu không, đơn giản là tôi chưa đạt được mức đó. Cho tới lúc này, Rayner và tôi đã quần nhau giữa các bức tường và đồ đạc, trong im lặng đầm mồ hôi của giống đực, chỉ thỉnh thoảng có một tiếng gằn gừ để thấy rằng cả hai đều đang tập trung. Nhưng giờ đây, cùng lắm là năm giây nữa thôi tôi sẽ xỉu đi hoặc cuối cùng cái xương sẽ rã ra - giờ là thời khắc lý tưởng để tôi tung ra một chiêu thức mới. Và âm thanh là tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra.

Bởi thế tôi hít sâu qua mũi, uốn thẳng người dí sát hết mức vào mặt hấn, nhin thở trong một khắc, và bật ra thứ mà các võ sĩ Nhật gọi là *kiai* - hay anh có thể gọi nó là một âm thanh cực lớn, và hấn đúng như thế, một tiếng hét choáng váng với cường độ thần khóc quỷ sầu, tới nỗi ngay cả bản thân tôi cũng sợ hãi rụng rời.

Quả thật, chiêu thức đó đã tác động mạnh lên Rayner hết như tôi vừa quảng cáo, bởi vì hấn vô tình dịch người về một bên, nới lỏng khỏi tay tôi trong khoảng một phần mười hai giây. Thế là tôi lấy hết sức bình sinh đập mặt sau đầu vào mặt hấn, cảm thấy sụn mũi của hấn uốn theo hộp sọ tôi, kéo theo một vệt nước trơn như lụa tóe ngang qua da đầu tôi, rồi tôi đánh gót vào háng hấn, chân tôi nạo ngược đùi non hấn trước khi thúc vào đồng

bùng nhùng phía trên. Khi một phần mười hai giây đó vụt qua, Rayner không còn bẻ tay tôi nữa, và tôi chợt nhận ra, toàn thân mình đầm mồ hôi.

Tôi lùi ra xa hắn, nhảy trên đầu ngón chân như một con chó St Bernard già nua và nhìn quanh tìm vũ khí.

Đấu trường của cuộc tỉ thí chỉ dài một hiệp mười lăm phút giữa hai đấu thủ nghiệp dư và chuyên nghiệp này là một phòng khách nhỏ, đồ đạc không lấy gì làm trang nhã lắm ở Belgravia. Tay thiết kế nội thất đã làm công việc tởm hết sảy, y như tất cả các tay thiết kế nội thất khác, trăm lần như một, cảm có khác, không ngoại lệ - nhưng ở vào thời điểm đó, sở thích chơi những đồ vật nặng, nhắc được của ông ta hay bà ta hóa ra lại hợp với tôi. Tôi dùng cánh tay còn lành lặn lựa một bức tượng Phật bốn lăm xăng ti mét trên bề lõm sượt, và nhận ra rằng đôi tai của ông Bụt nhỏ thỏ này tạo thành một mấu cầm chắc chắn rất vừa ý cho đấu sĩ một tay này.

Rayner giờ đang quỳ, không ngừng nôn mửa lên tám tám Tầu khiến nó chuyển màu hắc đi. Tôi chọn chỗ đứng, lựa tư thế cho vững, rồi vung một cú sấp tay vào hắn, cắm phập góc đế tượng vào khoảng da mềm dưới tai trái hắn. Có một tiếng bẹp mơ hồ, thứ âm thanh chỉ được tạo ra khi thịt người bị đập mạnh vang lên, và hắn đổ vật sang một bên.

Tôi cũng chẳng thèm nhìn xem hắn còn sống không. Nhấn tâm, có lẽ, nhưng thế là xong.

Tôi quệt mồ hôi trên mặt rồi đi qua hành lang. Tôi cố nghe ngóng, nhưng giả thử có âm thanh nào trong căn nhà hoặc từ ngoài đường phố tôi cũng chẳng thể nghe được, bởi vì tim tôi đang đập thành thịch như máy đầm nền đường. Hoặc có lẽ đang có máy đầm đường bên ngoài thật. Tôi không tài nào chú ý được vì đang mãi bận hít hàng táng khí cỡ bự bằng cái va li vào buồng phổi.

Tôi mở cửa trước và cảm thấy làn gió mát thổi vào mặt ngay. Nó thấm thấu vào những giọt mồ hôi, làm chúng loảng ra, làm nổi đau đớn trên cánh tay

tôi tan dần đi, làm mọi thứ tan dần đi. Tôi nhắm mắt lại, mặc kệ cho mồ hôi rơi. Đó là một trong những điều tốt đẹp nhất mà tôi từng trải nghiệm. Có thể anh cho rằng đời tôi thật nghèo nàn. Nhưng rồi, anh sẽ thấy, hoàn cảnh là tất cả.

Tôi khép hờ cửa, bước xuống vỉa hè rồi châm một điếu thuốc. Dần dà, một cách nặng nhọc, tim tôi trở lại bình thường, và hồi lâu sau hơi thở cũng thế. Cánh tay tôi đau đớn khủng khiếp, và tôi biết nó sẽ còn đau trong nhiều ngày, nếu không phải trong nhiều tuần, nhưng thật may nó không phải là cánh tay mà tôi đang cầm thuốc hút.

Tôi quay trở vào ngôi nhà thì nhìn thấy Rayner ở đúng chỗ tôi đã bỏ hắt lại, nằm còng queo trên một vũng nôn mửa. Hắn đã chết, hoặc đã bị thương tật nghiêm trọng về thể xác, kiểu gì tôi cũng phải ngồi tù ít nhất năm năm. Mười năm, với thời gian cộng thêm vì tội hành vi xấu. Và điều này, đối với tôi, là rất tệ.

Tôi đã từng ở tù, anh biết không. Chỉ ba tuần, và chỉ là tạm giam thôi, nhưng một khi anh phải ngày hai lần dùng một bộ cờ thiếu sáu con tốt, hai con tượng, và toàn bộ xe, chiến cờ với một gã cổ động viên đội West Ham nói năng giống một, xăm một chữ “HẬN” trên tay này, một chữ “HẬN” khác trên tay kia, chừng đó anh sẽ thấy biết ơn mỗi thứ nhỏ nhất nhất mình có ở đời. Tỉ như không phải ở tù.

Tôi đang ngẫm những điều này cùng những vấn đề liên quan khác, và chớm nghĩ tới tất cả các nước nhiệt đới mà tôi chưa có điều kiện tới thăm, thì chợt nhận ra âm thanh đó - một âm thanh nhỏ, cọt kẹt, dịch chuyển, lạo xạo - hẳn nhiên không phải từ tim tôi. Cũng không phải từ phổi tôi, hoặc từ bất cứ phần nào trong cái cơ thể đang rên ư ử của tôi. Chắc chắn âm thanh này từ đâu đó bên ngoài.

Có ai đó, hoặc cái gì đó, đang cố gắng một cách tuyệt vọng để đi xuống cầu thang mà không gây tiếng động.

Tôi để bức tượng Phật vào chỗ cũ, nhặt cái bật lửa để bàn có đế thạch cao hình thù góm ghiếc rồi đi ra phía cái cửa trông cũng góm ghiếc nốt. Sao người ta lại làm ra một cái cửa góm ghiếc được cơ chứ? Anh có thể hỏi thế. Ừ, rõ là sẽ phải tốn công tìm hiểu đấy, nhưng tin tôi đi, những tay thiết kế nội thất hàng đầu có thể nôn ra những thứ kiểu này cho dù chưa kịp ăn bữa sáng.

Tôi cố nén hơi thở lại nhưng không thể, bởi thế tôi vừa chờ đợi vừa hỗn hển. Tiếng công tắc điện bật lên ở đâu đó, chờ đợi, rồi tắt đi. Một cánh cửa mở ra, ngừng lại, cũng chẳng có gì ở đó, đóng lại. Đứng im. Suy nghĩ. Thử cái phòng khách.

Có tiếng quần áo sột soạt, tiếng bước chân nhẹ nhẹ, rồi đột nhiên tôi thấy tay mình sờ lủng lõng khối chiếc bật lửa thạch cao, và người tôi tựa về phía sau thở phào nhẹ nhõm.

Bởi vì, ngay cả khi đang trong trạng thái sợ hãi và đau đớn, tôi vẫn sẵn sàng đặt cược mạng sống của mình vào sự thật rằng mùi nước hoa Fleur de Fleurs của hãng Nina Ricci không phải là mùi hương của bạo lực.

Cô gái dừng ở ngưỡng cửa, ngó quanh căn phòng. Đèn đã tắt nhưng các tấm rèm rộng mở cho ánh sáng từ ngoài đường lọt vào.

Chờ cho tới khi ánh mắt cô bắt gặp thân thể Rayner, tôi mới lấy tay bịt miệng cô lại.

Chúng tôi hành động đúng như những quy ước thông thường vốn được Hollywood và giới thượng lưu quy định. Cô ra sức gào lên và cắn vào lòng bàn tay tôi, còn tôi bảo cô hãy yên lặng bởi vì nếu cô kêu lên thì thế nào tôi cũng làm cô đau. Cô đã kêu và tôi đã làm cô đau. Hết theo quy ước chuẩn mực.

Dần dà, cô cũng ngồi xuống ghế, cái ghế sofa góm ghiếc, tay cô cầm cốc đựng đầy một nửa cái thứ mà tôi nghĩ là rượu mạnh, nhưng hóa ra lại là

rượu táo, còn tôi đứng cạnh cửa, mang trên mặt cái vẻ “Tôi là nhà tâm lý A1” tốt nhất và bảnh nhất.

Tôi có thể lật Rayner lại tư thế giúp hắn hồi tỉnh, để hắn không bị chết ngột vì cái đồng nôn mưa của mình. Hoặc của ai đó khác, nếu có tình huống ấy. Có thể cô muốn đứng dậy để lật hắn ra, xem hắn có ổn không - gối, vải ướt, băng gạc, và tất cả những thứ khiến cho người ngoài cuộc cảm thấy nhẹ nhõm hơn - nhưng tôi yêu cầu cô cứ ở nguyên đó bởi vì tôi đã gọi xe cứu thương, và tốt hơn hết hãy để cho hắn yên.

Cô bắt đầu run khe khẽ. Đầu tiên là hai tay, chúng nắm chặt cái cốc, sau đó tới khuỷu tay và tới hai vai, và càng lúc càng tệ hơn mỗi khi cô nhìn vào Rayner. Tất nhiên, run rẩy có lẽ không phải là phản ứng bất thường gì khi phát hiện một người chết lẫn lộn với một đồng nôn mưa trên chiếc thảm nhà mình giữa đêm khuya, nhưng tôi không muốn cô trở nên tệ hơn. Trong khi lấy chiếc bật lửa thạch cao châm thuốc - vâng, cả ngọn lửa nom cũng gớm ghiếc - tôi gắng thu thập bằng mắt thật nhiều thông tin trước khi những cốc rượu táo làm cô lấy lại can đảm và bắt đầu đặt câu hỏi.

Tôi đã thấy gương mặt cô ba lần ở căn phòng đó: một trong tấm ảnh lồng khung bạc trên bệ lò sưởi, cô đeo đôi kính Ray Ban, ngồi vắt vẻo trên xe cáp treo trượt tuyết; một trong bức sơn dầu cỡ lớn dở tệ, được vẽ bởi một ai đó hẳn không thích cô cho lắm, treo gần cửa sổ; và cuối cùng, chắc hẳn trong bức này trông cô đẹp nhất, là trên chiếc ghế sofa cách tôi ba mét.

Chắc chắn cô chưa đầy mười chín tuổi, đôi vai đầy đặn và mái tóc dài màu hạt dẻ lượn sóng tinh nghịch khuất vào sau gáy. Đôi gò má cao, tròn, hàm chứa một nét phương Đông, nhưng nét phương Đông ấy lại nhanh chóng bị xóa nhòa khi anh nhìn lên đến cặp mắt cũng tròn, to và có màu xám sáng. Chẳng biết về mặt đó có tạo nên chút ý nghĩa gì. Cô vận áo khoác lụa dài màu đỏ, chân đi một chiếc hài trang nhã có đường chỉ vàng đẹp mắt chạy ngang các ngón chân. Tôi liếc quanh phòng, nhưng không thấy chiếc kia đâu. Biết đâu cô chỉ đủ tiền mua một chiếc.

Cô háng giọng, rồi hỏi, “Ông ta là ai thế?”

Tôi đồ rằng tôi biết chắc chắn cô là người Mỹ ngay từ lúc cô chưa mở miệng. Hàm răng đều tăm tắp như thế thì không thể là người nước khác được. Họ kiếm đâu ra những hàm răng như vậy nhỉ?

“Hắn tên Rayner,” tôi đáp, và rồi nhận ra rằng câu trả lời ấy nghe có vẻ thiếu thiếu, bởi thế tôi cho rằng mình nên nói thêm gì đó. “Hắn rất nguy hiểm.”

“Nguy hiểm?”

Trông cô có vẻ lo lắng vì điều đó, như thế cũng đúng thôi. Hình như nỗi lo lắng vừa lướt qua tâm trí cô, cũng như tâm trí tôi rằng, nếu Rayner nguy hiểm như vậy, mà tôi lại giết chết được hắn ta, thế thì theo cấp bậc mà suy ra, tôi là kẻ thậm nguy hiểm.

“Nguy hiểm,” tôi nhắc lại lần nữa, và nhìn mặt cô gần hơn khi cô quay đi. Cô có vẻ đã bớt run, thế là tốt rồi. Hoặc có lẽ những run rẩy của cô đã rơi xuống mức đồng điệu với tôi, thế nên tôi không nhận ra mấy chẳng.

“Thế... ông ta làm gì ở đây?” Cuối cùng thì cô hỏi. “Ông ta muốn gì?”

“Thật khó nói.” Dù gì cũng rất khó cho tôi. “Có lẽ hắn muốn vợ tiền, cũng có thể các đồ vàng bạc...”

“Ông nói thế nghĩa là... ông ấy đã không nói gì với ông?” Giọng cô đột nhiên cao lên. “Ông đánh người, mà không hề biết người ta là ai? Không biết người ta đang làm gì ở đây sao?”

Mặc dù đang bị sốc nhưng có vẻ trí óc của cô đã tỉnh táo trở lại.

“Tôi đánh hắn vì hắn định giết tôi,” tôi nói. “Tôi là người như thế đấy.”

Tôi cố tìm một nụ cười xảo trá, rồi khi bắt gặp nó phản chiếu trong tấm gương trên thành lò sưởi, tôi liền nhận ra nó không có tác dụng.

“Ông là người như thế,” cô lặp lại, giọng không mấy thân thiện. “Thế ông là ai?”

Thế đấy. Tới lúc này, tình hình sắp trở nên hay ho đối với tôi rồi đây. Có thể mọi việc sắp đột ngột trở nên tồi tệ hơn nhiều so với thực tế đang diễn ra.

Tôi cố làm ra vẻ ngạc nhiên, và có lẽ thêm một chút tổn thương nữa. “Ý cô là cô không nhận ra tôi ư?”

“Không.”

“Hừ. Lạ thật. Fincham. James Fincham.” Tôi đưa tay ra. Cô không thèm bắt tay, nên tôi chuyển nó thành động tác vuốt tóc hững hờ.

“Đó chỉ là một cái tên,” cô nói. “Nó không cho biết con người ông thế nào.”

“Tôi là bạn của bố cô.”

Cô ngĩngợi một lát. “Bạn làm ăn sao?”

“Đại loại thế.”

“Đại loại thế.” Cô gật đầu. “Ông là James Fincham, đại loại là bạn làm ăn của bố tôi, và ông vừa giết một người trong nhà tôi.”

Tôi ngả đầu sang một bên, và cố tỏ ra rằng đúng thế, cuộc đời này nhiều lúc chó chết thế đấy.

Cô lại để lộ hàm răng của mình.

“Chỉ có thế thôi, phải không? Đó là lý lịch của ông à?”

Tôi lặp lại điệu cười xảo trá, cũng chẳng khá hơn tí nào.

“Chờ chút,” cô nói.

Cô nhìn Rayner, rồi thốt nhiên ngồi thẳng lên một chút, như thể có ý nghĩ nào vừa xẹt qua.

“Ông chưa gọi ai cả, phải không?”

Tôi bắt đầu cho rằng, nếu xét kỹ ra, cô hẳn phải khoảng hai mươi tư tuổi.

“Ý cô...” Giờ thì tôi lúng túng.

“Ý tôi là,” cô nói, “sẽ không có xe cứu thương nào tới đây cả.”

Cô đặt chiếc cốc xuống thảm cạnh chân mình, đứng dậy bước về phía cái điện thoại.

“Này,” tôi nói, “trước khi cô làm bất cứ điều gì dại dột...”

Tôi bắt đầu tiến lại phía cô, nhưng cái kiểu xoay tròn đó của cô làm cho tôi thấy có lẽ tốt hơn là nên đứng yên. Tôi không muốn phải gỡ từng mảnh nhỏ của chiếc hộp điện thoại ra khỏi mặt mình trong các tuần lễ tiếp theo.

“Ông đứng nguyên ở đó, ông James Fincham,” cô rít lên với tôi. “Chẳng có gì dại dột cả. Tôi sẽ gọi xe cứu thương, cả cảnh sát nữa. Đây là những thủ tục mà cả thế giới công nhận rồi. Người ta sẽ đến mang theo những cái dùi cui to đùng và sẽ bắt ông đi. Chẳng có gì dại dột hết.”

“Nghe này,” tôi nói, “tôi chưa hoàn toàn thẳng thắn với cô.” Cô quay lại phía tôi và nheo mắt lại. Anh biết ý tôi rồi chứ? Cô nheo mắt theo chiều ngang, không phải chiều dọc. Tôi nghĩ có thể có người nói cô làm mắt mình ngấn lại, nhưng chưa ai từng nói thế cả.

Cô nheo mắt lại.

“Ông nói ‘chưa hoàn toàn thẳng thắn’ là ý quái quỷ gì thế? Ông chỉ nói với tôi hai điều. Theo ý ông thì một trong hai là lời nói dối sao?” Không còn nghi ngờ gì nữa, cô đã xỏ mũi được tôi. Tôi đang gặp rắc rối. Nhưng rồi cô chỉ quay số 9 đầu tiên của ba con chín điện thoại khẩn cấp.

“Tôi tên là Fincham,” tôi nói, “và tôi có biết bố cô.”

“Thế ông ấy hút thuốc hiệu gì?”

“Dunhill.”

“Ông ấy chưa bao giờ hút thuốc lá.”

Có lẽ cô phải gần ba mươi. Kịch kim là ba mươi. Tôi hít một hơi dài khi cô quay số “9” thứ hai.

“Được thôi, tôi không biết ông ấy. Nhưng tôi đang cố giúp ông ấy.”

“Đúng rồi. Ông tới để sửa vòi hoa sen bồn tắm.”

Số “9” thứ ba. Phải chơi con bài quyết định thôi.

“Có người định giết ông ấy,” tôi nói.

Có một tiếng cách nhẹ và tôi nghe thấy tiếng ai đó, ở một nơi nào đó, đang hỏi xem quý khách cần sử dụng dịch vụ gì. Rất từ từ, cô quay lại phía tôi, tay giữ ống nghe xa khỏi mặt mình. “Ông nói gì cơ?”

“Có người đang định giết bố cô,” tôi nhắc lại. “Tôi không biết đó là ai, cũng không biết lý do tại sao. Nhưng tôi đang cố ngăn họ lại. Tôi là người như thế, và đó là những gì tôi đang làm ở đây.”

Cô nhìn tôi với ánh mắt nghiêm nghị một lúc lâu. Tiếng đồng hồ tích tắc đầu đó, một cách góm ghiếc.

“Người này,” tôi trở vào Rayner, “có liên quan đến chuyện đó.”

Tôi có thể thấy rằng cô nghĩ điều đó là không thỏa đáng, vì Rayner khó mà ở vào vị trí đối chọi được với tôi; bởi thế tôi mềm giọng một chút, nhìn quanh vẻ lo lắng như thể tôi cũng đang hoang mang rồi bời y như cô vậy.

“Tôi không thể quả quyết rằng hẳn đến để giết bỏ cô,” tôi nói, “bởi vì chúng tôi không có cơ hội mà nói nhiều với nhau. Nhưng không hẳn là không thể.” Cô vẫn nhìn tôi chằm chằm. Nhân viên tổng đài đang nheo nhéo xin chào trong ống nghe và có lẽ đang cố lần theo cuộc gọi.

Cô đợi. Đợi cái gì, tôi cũng không chắc.

“Xe cứu thương,” cuối cùng cô lên tiếng, và vẫn nhìn tôi, rồi quay đi một chút để nói địa chỉ. Cô gật đầu, đoạn rất chậm rãi, rất chậm rãi, bỏ cái ống nghe lên giá và quay về phía tôi. Lại im lặng hồi lâu nên tôi bèn lấy thêm một điều thuốc và chìa bao thuốc mời cô.

Cô bước về phía tôi rồi dừng lại. Trông cô thấp hơn so với lúc ở đầu kia của căn phòng. Tôi lại cười, và cô rút một điều thuốc ra, nhưng không châm lửa. Cô từ từ nghịch nó, rồi hướng một đôi mắt màu xám nhìn tôi.

Tôi nói là một đôi. Ý tôi nói là đôi mắt cô ấy. Cô ấy không lấy đôi mắt của ai đó từ trong một cái ngăn kéo để chìa sang tôi. Cô hướng đôi mắt to màu hạt dẻ, nhợt nhạt của mình về phía tôi. Đôi mắt như vậy có thể khiến một người đàn ông trưởng thành đâm ra lắp bắp. Lạy Chúa, bình tĩnh nào.

“Ông là kẻ dối trá,” cô nói.

Không giận dữ, không sợ sệt. Chỉ nói ra vấn đề. Ông là kẻ dối trá.

“Ồ, đúng,” tôi nói, “nhìn chung thì tôi là thế. Nhưng cụ thể lúc này, rất tình cờ là tôi đang nói thật.”

Cô cứ nhìn chằm chặp vào mặt tôi, như tôi vẫn thường nhìn mình khi vừa cạo râu xong, nhưng dường như cô không lấy thêm được câu trả lời nào

nữa ngoài những điều tôi đã nói. Rồi cô chớp mắt, và bằng cách nào đó, có vẻ cái chớp mắt ấy đã làm thay đổi tình hình. Có cái gì đó đã biến mất, hoặc hết sạch, hoặc ít nhất là bớt đi một chút. Tôi bắt đầu thấy thoải mái.

“Tại sao lại có người muốn giết bố tôi?” Cô mềm giọng hơn.

“Thực sự tôi không biết,” tôi nói. “Tôi chỉ mới biết là ông ấy không hút thuốc.”

Cô thẳng người lên, như không nghe thấy tôi nói gì.

“Thế nói tôi nghe xem nào, thưa ông Fincham,” cô nói, “sao ông lại liên quan tới những chuyện này?”

Đây là giây phút khó khăn. Thực sự khó khăn. Vô cùng khó.

“Tôi được người ta thuê,” tôi đáp.

Cô ngừng thở. Tôi nói là cô thực sự ngừng thở. Và trông như thể cô không hề có ý định tái thở nào sau đó.

Tôi tiếp tục, cố bằng giọng càng bình tĩnh càng tốt.

“Có người đã trả tôi rất nhiều tiền để giết bố cô,” tôi nói trong khi cô cau mày vẻ không tin. “Và tôi đã bỏ vụ đó.”

Tôi không nên nói thêm những lời đó. Thực sự không nên nói.

Định luật thứ ba của Newton về Đối thoại, nếu như nó đã từng tồn tại, có lẽ sẽ phát biểu rằng mỗi một lời tuyên bố sẽ ngụ ý cả nó và lời tuyên bố đối nghịch với nó. Nói rằng tôi đã từ bỏ lời chào hàng thì cũng đồng thời gợi ra khả năng là tôi chưa từ bỏ. Tôi không muốn cái thuyết ấy cứ lờn vờn quanh căn phòng vào lúc này. Nhưng cô đã lấy lại hơi thở, bởi thế có thể cô đã không để ý.

“Tại sao?”

“Tại sao gì cơ?”

Mắt trái của cô lộ ra một vết nhỏ xíu màu xanh lục khi con người nhìn theo hướng Đông Bắc. Tôi đang đứng đó nhìn vào mắt cô, và cố không làm thế, bởi tôi đang trong tình trạng rắc rối đến tệ hại vào lúc này. Trên nhiều phương diện.

“Sao ông lại từ bỏ?”

“Bởi vì...” Tôi dợm nói, rồi dừng lại, vì tôi phải nói điều này ra thật chuẩn xác.

“Gì cơ?”

“Bởi vì tôi không giết người.”

Có một khoảng lặng khi cô nuốt những lời này và khuấy đảo chúng trong miệng vài lần. Rồi cô liếc xéo xác Rayner.

“Tôi nói với cô rồi,” tôi nói. “Hắn bắt đầu trước.”

Cô lại nhìn tôi thêm ba trăm năm nữa rồi vẫn chậm chậm xoay xoay điều thuốc giữa các ngón tay, đi về phía ghế sofa, hiển nhiên đang suy nghĩ rất lung.

“Thú thực,” tôi nói tiếp, cố kiểm soát bản thân và tình huống. “Tôi là người tốt. Tôi sống ở Oxfam, tôi tái chế báo, và tất cả mọi thứ.”

Cô lại gần xác Rayner rồi dừng lại. “Thế chuyện xảy ra khi nào?”

“Ồ... vừa mới đây thôi,” tôi lắp bắp như một thằng ngố.

Cô nhắm mắt lại một lúc. “Ý tôi là ông nhận được yêu cầu khi nào ấy.”

“À,” tôi nói. “Mười ngày trước đây.”

“Ở đâu?”

“Amsterdam.”

“Hà Lan, phải không?”

Đó là một sự giải thoát. Nó làm tôi thấy dễ chịu hơn rất nhiều. Thi thoảng được tụi trẻ kính trọng quả là khoái thật. Nhưng anh sẽ không muốn điều đó mọi lúc đâu, chỉ thi thoảng thôi.

“Đúng thế,” tôi nói.

“Ai yêu cầu ông làm thế?”

“Tôi chưa hề gặp ông ta lần nào.”

Cô cúi xuống nhặt cái cốc lên, hớp một ngụm rượu táo và nhăn mặt vì vị của nó.

“Và tôi cần phải tin vào điều này sao?”

“Cái này...”

“Ý tôi là, hãy làm rõ cho tôi,” cô nói, giọng lại gắt lên. Cô hất cằm về phía Rayner. “Chúng ta có một người ở đây, nhưng ông ấy không thể làm chứng cho câu chuyện của ông, và tại sao tôi phải tin ông đây? Bởi vì ông có khuôn mặt đẹp chắc?”

Tôi không thể tự cứu mình. Tôi nên cố làm điều đó, nhưng không thể.

“Tại sao không?” Tôi nói, và cô tỏ vẻ quỵên rũ. “Tôi tin những điều cô nói.”

Một sai lầm tệ hại. Thực sự tệ hại. Một trong những lời đánh giá đàn độn, lồ bịch nhất mà tôi đã nói ra trong suốt cuộc đời dài dặc đầy những đánh giá lồ bịch của tôi.

Cô quay lại phía tôi, và đột nhiên trở nên rất giận dữ.

“Ông thôi cái trò chết tiệt đó ngay đi.”

“Tất cả những điều tôi muốn nói...” Tôi nói, nhưng tôi mừng là cô đã ngắt ngang lời tôi, bởi vì thú thực tôi không biết mình muốn nói gì.

“Tôi nói thôi đi. Có một người đang sắp chết ở đây đây.”

Tôi gật đầu biết lỗi và cả hai đều cúi đầu về phía Rayner, như thể chúng tôi đang tỏ lòng thành kính. Sau đó, cô làm như thể đang gập quyển thánh ca lại, bước lên. Bờ vai cô thả lỏng, và cô đưa cốc về phía tôi.

“Tôi là Sarah,” cô nói. “Ông lấy cho tôi một cốc Coca được không?”

Cuối cùng thì cô cũng gọi cảnh sát, họ tới nơi vừa đúng lúc đội cấp cứu đang cho Rayner lên một cái cáng gấp, hẳn có vẻ vẫn còn thở. Chẳng biết xử lý thế nào, họ lôi mọi thứ trên bệ lò sưởi ra rồi kiểm tra bên dưới và làm điệu bộ cứ như đang vội vì còn phải đến nơi nào khác ấy.

Cảnh sát thường là không muốn tiếp những vụ mới. Không phải bởi họ lười biếng mà bởi, cũng như bất kỳ ai khác, họ muốn tìm thấy một ẩn ý, một mối liên hệ trong mớ bòng bong những bất hạnh mà họ đang giải quyết. Nếu như đang trong quá trình truy tìm một thằng choai choai nào đó cạy nắp trục bánh xe, mà lại được gọi tới hiện trường của một vụ giết người tập thể, thì họ không thể dừng kiểm tra xem dưới ghế sofa có cái nắp trục bánh xe nào hay không. Họ muốn tìm thứ gì đó có liên quan đến thứ họ đã từng thấy, để làm cho cái mớ lộn xộn kia có lý một chút. Như thế họ mới có thể tự nói với mình rằng, điều này xảy ra vì điều kia đã xảy ra. Khi không tìm ra mối liên hệ ấy - khi tất cả những gì họ thấy chỉ là một đống những thứ

mới phải ghi chép lại, phải lưu vào hồ sơ, những thứ bị mất và được tìm thấy dưới đáy ngăn kéo, rồi lại bị mất, và cuối cùng chẳng gọi lên được tên của ai cả - thì họ đâm ra thất vọng.

Họ rất thất vọng về câu chuyện của chúng tôi. Sarah và tôi đã tập trước những thứ chúng tôi cho là hợp lý và phải biểu diễn đến ba lần trước các sĩ quan cấp bậc tăng dần, cuối cùng kết thúc với một thanh tra còn rất trẻ tự xưng là Brock.

Brock ngồi ở ghế sofa, thi thoảng liếc xuống móng tay mình và gật đầu đầy trẻ trung nghe hết câu chuyện về James Fincham gan dạ, người bạn của gia đình, đang ở trong căn phòng trống tầng một. Nghe thấy tiếng động, lặng lẽ xuống cầu thang để kiểm tra, người đàn ông ác hiểm vận chiếc áo khoác da màu đen và áo cổ chui màu đen, chưa từng gặp bao giờ, đánh nhau, ngã xuống, trời ơi, đập vào đầu. Sarah Woolf, ngày sinh 29 tháng 8 năm 1964, nghe thấy tiếng vật lộn, đi xuống, chứng kiến toàn bộ. Uống chút gì không thanh tra? Trà nhé? Hay Ribena?

Đúng thế, tất nhiên, hoàn cảnh cũng trợ giúp cho chúng tôi. Nếu như kể câu chuyện này tại tòa nhà Hội đồng quận Deptford, có lẽ chúng tôi đã ngay lập tức nằm trên sàn thùng xe cảnh sát, mỗi môm van xin những gã thanh niên khỏe mạnh đầu đình dịch mông ra một tí để đầu chúng tôi thoải mái hơn chút ít rồi. Nhưng ở cái khu hào nhoáng và giàu có Belgravia này, cảnh sát có xu hướng tin những gì anh nói hơn. Tôi nghĩ điều đó bao gồm trong thuế của từng địa phương.

Khi chúng tôi ký vào bản khai, họ yêu cầu chúng tôi đừng có làm chuyện gì ngu ngốc kiểu như xuất ngoại mà không thông báo cho cảnh sát địa phương, và đại khái khuyên chúng tôi nên hợp tác trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Hai giờ sau khi Rayner cố gắng bẻ tay tôi, tất cả những gì còn lại của hắn, kẻ không rõ tên, chỉ còn là cái mùi.

Bước ra khỏi căn nhà, tôi cảm thấy cơn đau cứ nhói mạnh theo mỗi bước chân đi. Tôi châm một điếu thuốc và rít trên đường xuống góc phố, ở đó tôi rẽ trái vào một khu chuồng trại rải sỏi xưa kia từng để nhốt ngựa. Rõ ràng, giờ một “ngài” ngựa phải kéch xù thì mới đủ điều kiện sống nơi đây. Song có lẽ cái không khí đặc trưng của trại nuôi ngựa trước đây vẫn bao trùm toàn bộ nơi này, nên việc buộc xích một con mô tô cùng xô lúa mạch và vài cọng rơm dưới bánh sau xe xem ra vẫn hợp pháp lắm.

Cái xe vẫn nằm nguyên chỗ mà tôi bỏ nó lại, nghe thì có vẻ chẳng đáng lưu tâm, nhưng thời buổi này thì có đấy. Đối với người đi xe máy, để xe của mình ở chỗ tối trong hơn một giờ, kể cả có khóa xe và chuông báo trộm, mà khi quay trở lại thấy nó vẫn còn nguyên vẹn, đó quả thực là điều đáng để nói lắm. Nhất là khi đó là một chiếc Kawasaki ZZR 1100.

Tôi không phủ nhận rằng người Nhật đã quá mạnh động khi tấn công Trân Châu Cảng, và bữa ăn toàn cá mú của họ thì quá nghèo nàn không cần bàn cãi nữa - nhưng trời ơi, họ biết cách làm xe mô tô. Chỉ cần vào số, tăng ga là cặp đồng tử anh đã phọt ngay ra sau gáy. Ừ thì đó chưa hẳn đã là lý do hợp lẽ để mọi người chọn cho mình một phương tiện giao thông cá nhân, nhưng từ khi giành được chiếc xe này trong một ván cờ thỏ cáo, trở về nhà cùng chiến thắng hết sức may mắn chỉ với một lần xúc 4-1 và ba lần liên tiếp xúc được hai quân 6, thì tôi đã rất thích nó. Nó là con xe to màu đen và thậm chí có thể chở vèo một tay lái hạng xoàng sang thẳng thiên hà khác.

Tôi khởi động xe, về ga to đến mức có thể đánh thức dăm ba tài chính gia bụng béo khu Belgravia, và lên đường về Notting Hill. Tôi phải đi từ từ trong cơn mưa, bởi vậy có nhiều thời gian suy ngẫm lại chuyện hồi đêm.

Điều duy nhất đậu lại trong đầu khi tôi vòng vèo trên những con phố đèn vàng trơn nhẫy là lời Sarah, cô bảo tôi đừng “cái thứ chết tiệt” đó lại. Và nguyên do tôi phải dừng lại là vì có một người đang nằm chết trong phòng.

Luật Đối thoại của Newton, tôi tự nhủ, ngụ ý là tôi không cần dừng “cái chết tiệt” đó, nếu như không có người nào nằm chết trong phòng.

Điều đó làm tôi phấn chấn hẳn lên. Tôi bắt đầu nghĩ sao mình không tìm cách để một ngày nào đó mình và cô ấy được cùng nhau ở trong căn phòng đó, mà không có người nào chết cả, và lúc đó tên tôi không phải là James Fincham nữa.

Tất nhiên tên tôi không phải thế rồi.

Hai

Suốt một thời gian dài tôi thường đi ngủ sớm.

MARCEL PROUST

Trở về căn hộ, tôi lập tức kiểm tra hộp thư thoại như thường lệ. Hai tiếng bíp bíp vô nghĩa, một số gọi nhầm máy, một là của người bạn, bị đứt đoạn ngay ở câu đầu, tiếp theo là ba người mà tôi không muốn nghe, nhưng giờ buộc phải gọi lại.

Trời ơi, tôi ghét cái máy đó quá.

Tôi ngồi xuống bàn xem các thư tới trong ngày. Tôi ném mấy cái hóa đơn vào thùng rác rồi chợt nhớ ra là đã chuyển cái thùng rác vào trong bếp rồi - bởi vậy tôi đâm ra bức dọc, nhồi hết đồng thư còn lại vào một ngăn kéo, và từ bỏ ý nghĩ rằng làm những việc vặt thì đầu óc sẽ tỉnh táo hơn.

Bấy giờ đã quá muộn không thể mở nhạc to, nên món giải trí duy nhất tôi có thể tìm thấy trong nhà là whisky, thế là tôi lượm một cái cốc và một chai Gà Gô trắng Trứ danh, rót vài lóng tay rượu, rồi đi vào trong bếp. Tôi cho thêm nước để nó vừa đủ thành một cốc Gà Gô trắng Bình dân rồi ngồi vào bàn với một cái máy ghi âm bỏ túi, bởi có ai đó đã từng bảo tôi rằng cứ nói thật to lên là có thể làm sáng tỏ mọi thứ. Tôi hỏi nó có hiệu nghiệm với những lời nịnh hót không. Họ nói không, nhưng lại hiệu nghiệm với bất cứ thứ gì phiền nhiễu tinh thần anh.

Tôi cho băng vào máy rồi gạt nút thu. “Các diễn viên chính,” tôi nói. “Alexander Woolf, cha của Sarah Woolf, chủ nhân của ngôi nhà kiểu Georgia xinh xắn ở đường Lyall, Belgravia, ông chủ của những tay thiết kế nội thất mù quáng và đầy oán thù, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Gaine Parker. Đàn ông da trắng bí ẩn, người Mỹ hoặc Canada, khoảng năm

mười. Rayner. Người to lớn, hung dữ, đã được đưa vào viện. Thomas Lang, ba mươi sáu, ở căn hộ D, số 42 Westbourne Close, cựu nhân viên Lực lượng Cảnh vệ Scotland, xuất ngũ với hàm đại tá. Sự thật, cho tới lúc này được biết, là như thế.”

Tôi không biết tại sao cái máy ghi âm lại khiến tôi nói ra như thế, nhưng đúng là vậy.

“Gã đàn ông lạ mặt đã cố thuê T.Lang giết A.Woolf một cách bất hợp pháp. Lang đã từ chối công việc với tư chất một người tử tế. Có kỷ luật. Nhẫn nại. Một quý ông.”

Tôi làm một ngum whisky đầy, đoạn nhìn cái máy thu, tự hỏi liệu có lúc nào tôi mở đoạn độc thoại này cho ai nghe không. Một gã kế toán bảo tôi rằng mua cái máy là một hành động khôn ngoan, bởi vì tôi có thể lấy lại tiền hoàn thuế. Nhưng vì đã không đóng chút thuế nào, lại chẳng có nhu cầu sử dụng máy ghi âm, và cũng chẳng lấy gì làm tin tưởng tay kế toán, tôi đã cho cái máy này là một trong những thứ tôi ít muốn mua hơn cả.

Ây dà!

“Lang tới nhà Woolf, với ý định cảnh báo ông ta về khả năng bị ám sát. Woolf đi vắng. Lang đã quyết định triển khai một cuộc điều tra.”

Tôi ngừng lại một lát, và một lát đó hóa ra lại thành một lúc lâu, bởi thế tôi nhấp thêm chút whisky rồi nằm xuống cạnh cái máy ghi âm, ngẫm ngợi.

Điều duy nhất tôi đã điều tra được là từ “gì đấy” - cụm từ mà tôi cố lắm mới kịp lòi ra khỏi miệng trước khi bị Rayner cầm ghế phang. Ngoài cái đó ra, tất cả những gì tôi đã làm là đánh gằn chết một người sau đó bỏ đi, rồi thì cầu mong, khá nhiệt thành, rằng mình đã giết hấn chết hấn. Và anh sẽ không thực lòng muốn những thứ kiểu như thế được lưu lại đâu đó trên băng từ trừ phi anh biết anh đang làm gì. Ngạc nhiên thay, lúc đó tôi lại không biết mình đang làm gì.

Tuy vậy, tôi đã đủ tỉnh táo để nhận ra Rayner, thậm chí cả trước khi tôi biết tên hắn. Không dám chắc là hắn đã theo dõi tôi, nhưng tôi lại rất giỏi ghi nhớ các khuôn mặt - bù lại cho khả năng nhớ tên người khác thì vô cùng tệ hại - và khuôn mặt Rayner lại không dễ quên chút nào. Phi trường Heathrow, quán bar ở khu nhà Devonshire Arms đường King, và lối vào đường hầm quảng trường Leicester là đã đủ thành một đoạn quảng cáo, thậm chí cả cho một thằng đàn như tôi.

Tôi có cảm giác rằng cuối cùng thế nào chúng tôi cũng chạm mặt nhau, thế nên tôi đã chuẩn bị trước bằng một chuyến viếng thăm cửa hàng điện tử Blitz ở đường Tottenham Court, ở đó tôi chỉ hai bảng tám mươi xu mua một đoạn ba mươi phân cáp điện có đường kính lớn. Dẻo, nặng tay, đoạn cáp này dùng để quật bọn trộm cướp tốt hơn bất cứ loại dùi cui chuyên dụng nào. Lúc duy nhất nó không có tác dụng làm vũ khí là khi anh để nó trong ngăn kéo xó bếp, còn nguyên giấy gói chưa bóc. Đúng là lúc đó thì nó chẳng có tác dụng gì mấy thật.

Về lão da trắng bí ẩn đã ngỏ lời thuê tôi làm sát thủ, hừm, tôi không nuôi nhiều hy vọng lần được dấu vết lão. Hai tuần trước đây, tôi ở Amsterdam, hộ tống một tay chơi cá ngựa chuyên nghiệp người Manchester luôn khỏ sở tin rằng ông ta có những kẻ thù tàn bạo. Ông ta thuê tôi để được yên tâm chơi bài. Bởi thế tôi giữ cửa xe cho ông ta, kiểm tra các tòa nhà tìm mấy tay bắn tỉa mà tôi thừa biết là chẳng có mống nào ở đây, và rồi đốt hết bốn mươi tám tiếng một nhòai ngồi với ông ta trong câu lạc bộ đêm, nhìn ông ta ném tiền ra mọi nẻo, trừ chỗ mình. Khi cuối cùng ông ta đã kiệt sức, tôi vác xác lên phòng khách sạn xem phim sex trên ti vi. Chuông điện thoại rung - đương giữa một cao trào đặc biệt, theo tôi nhớ - và một giọng đàn ông mời tôi xuống quầy bar uống rượu.

Tôi kiểm tra để đảm bảo tay cá ngựa chuyên nghiệp đã được áp kín an toàn trên giường nhờ một ả điểm xinh đẹp ám áp, rồi lẳng lặng xuống lầu với hy vọng không tốn bốn chục bảng nốc vài cốc rượu với gã bạn cũ nào đấy hồi còn quân ngũ.

Nhưng hóa ra giọng nói trên điện thoại lại thuộc về một tấm thân béo lùn vận đồ vest đắt tiền mà chắc chắn tôi không hề quen biết. Và cũng không hề muốn biết, cho tới khi lão đút tay vào trong túi áo khoác, lôi ra một xấp ngân phiếu dày bằng cả người tôi.

Ngân phiếu nhà băng Mỹ. Có thể dùng mua hàng hóa và dịch vụ trên hàng nghìn cửa hàng bán lẻ toàn thế giới. Lão đẩy tờ giấy bạc một trăm đô la qua bàn sang chỗ tôi, bởi vậy trong năm giây tôi đã khá thích anh bạn nhỏ bé này, nhưng rồi, gần như ngay lập tức, tình yêu đó chết rụi.

Lão nói với tôi vài tin “cơ bản” về một người đàn ông tên Woolf - nơi ông ta sống, việc ông ta làm, tại sao ông ta làm việc đó, làm việc đó ông ta được bao tiền - rồi lão nói với tôi rằng tờ bạc trên bàn có một nghìn người bạn bé nhỏ, và chúng sẽ tìm đường vào ví tôi nếu mạng sống của Woolf được kết liễu một cách bí mật.

Tôi phải chờ cho tới khi khu quầy rượu chúng tôi ngồi vắng người hơn, mà tôi biết là sẽ không lâu lắm. Với giá bán rượu ở đây, có lẽ chỉ có đôi chục người trên thế giới có thể nán lại uống cốc thứ hai.

Khi quầy đã vắng tanh, tôi rướn người về phía lão béo ục ịch và tuôn cho lão một bài. Đó là một bài diễn thuyết tẻ nhạt, dẫu thế lão vẫn lắng nghe rất chi chăm chú, bởi vì tôi đã thò tay xuống dưới gầm bàn nắm lấy bùi dái lão. Tôi nói cho lão biết tôi là loại người như thế nào, sai lầm mà lão đã phạm phải là gì, và tiền của lão có thể dùng để chùi cái gì. Thế rồi chúng tôi ai đi đường nấy.

Chỉ có thế. Đó là tất cả những gì tôi biết, và tay tôi đang đau. Tôi lên giường đi ngủ.

Tôi đã mơ rất nhiều thứ nhưng không kể ra đây kéo làm anh ngượng mặt, và cuối cùng tôi hình dung mình đang phải hút bụi tấm thảm trải sàn. Tôi cứ hút mãi, hút mãi, nhưng dù có làm gì đi nữa cái vết trên tấm thảm vẫn không tài nào biến mất.

Rồi tôi nhận ra rằng mình đã thức giấc, và cái vết bẩn trên tấm thảm là ánh nắng mặt trời vì có ai đó vừa kéo rèm ra. Trong chớp mắt tôi cuộn mình lại, căng cứng, đứng tư thế sẵn sàng nhào tới ăn thua đủ, tay bóp đoạn cáp điện, tim đầy máu cuồng sát.

Nhưng rồi tôi nhận ra rằng đó cũng chỉ là mơ, và thực ra việc tôi đang làm là nằm trên giường, nhìn vào một cánh tay to đùng lông lá ở sát mặt mình. Cánh tay biến mất để lại một chiếc cốc bốc hơi nghi ngút, và mùi một thứ trà phổ biến được bán với nhãn hiệu PG Tips. Có lẽ trong khoảnh khắc chớp mắt đó tôi đã xác định được rằng những kẻ đột nhập nhà ta để cắt cổ ta sẽ không đun nước sôi và không mở rèm cửa sổ. “Mấy giờ rồi?”

“Tám giờ ba lăm. Tới giờ ăn sáng rồi, ngài Bond.”

Tôi ngồi dậy, nhìn qua phía Solomon. Anh ta vẫn lùn và vui vẻ như mọi khi, vẫn với cái áo mưa màu nâu nhợt nhạt anh ta mua từ mặt sau của tờ *Tin tức Chủ nhật*.

“Tôi nghĩ là anh đến điều tra một vụ trộm cơ đấy?” Tôi hỏi và dụi mắt cho tới khi những đốm sáng màu trắng bắt đầu xuất hiện.

“Vụ trộm nào thế, thưa ngài?”

Solomon gọi tất cả mọi người là “ngài” trừ cấp trên của anh ta.

“Vụ trộm chuông cửa nhà tôi,” tôi nói.

“Nếu như ngài, với vẻ châm biếm kia, đang ám chỉ tới việc tôi lặng lẽ vào tư gia này, thì tôi xin được nhắc ngài rằng tôi là một người thực hành phép phù thủy. Và những người thực hành muốn đạt được yêu cầu thì phải luyện tập. Giờ hãy ngoan ngoãn ra đóng bộ đi nào. Chúng ta sẽ muộn mất đấy.”

Anh ta biến vào trong bếp, tôi nghe thấy tiếng lách cách và ro ro của cái lò nướng bánh mì từ thế kỷ mười bốn của tôi.

Tôi vùng dậy khỏi giường, nhắm mắt vì tay trái nghe như nặng nặng, quàng lên người chiếc áo sơ mi và quần dài, đoạn cầm dao cạo điện vào trong bếp.

Solomon đã dọn cho tôi một chỗ ở bàn bếp, để vài lát bánh mì vào một cái đĩa mà tôi thậm chí không biết rằng mình có. Trừ khi anh ta mang theo nó tới đây, nhưng chuyện đó thì khó xảy ra. “Thêm trà nhé, cha cô?”

“Muộn cái gì?” Tôi hỏi.

“Một cuộc hẹn, thưa ông chủ, một cuộc hẹn. Nào, ngài có cà vạt chứ?”

Đôi mắt lớn màu nâu của anh ta nhấp nháy nhìn tôi đầy vẻ hy vọng.

“Tôi có hai cái,” tôi nói. “Một là của câu lạc bộ Garrick, mà tôi không phải là thành viên, còn cái kia thì đang dùng để buộc cái bồn rửa mặt cố định vào tường.”

Tôi ngồi xuống bàn thì nhận ra anh ta còn kiếm đâu ra được một lọ mứt cam Dundee hiệu Keiller. Thực sự tôi chưa bao giờ biết anh ta làm thế nào, nhưng Solomon có thể lục lọi trong thùng rác và lôi ra một chiếc ô tô nếu anh ta phải làm việc ấy. Một kẻ đồng hành rất hữu ích để cùng đi vào sa mạc.

Có thể đó là nơi chúng tôi đang chuẩn bị tới.

“Thưa ông chủ, thế ngài lấy gì để trả các hóa đơn lúc này?” Anh ta ghé nửa miệng lên bàn nhìn tôi ăn.

“Tôi hy vọng là anh sẽ trả.”

Món mứt rất ngon, và tôi muốn chén cho hết, nhưng có thể thấy rằng Solomon đang sốt ruột muốn đi. Anh ta nhìn đồng hồ rồi biến vào trong phòng ngủ, ngồi ở ngoài tôi có thể nghe thấy tiếng anh ta sốt soạt trong tủ quần áo, cố tìm cho ra một cái áo khoác.

“Ở dưới gầm giường ấy,” tôi nói vọng vào. Tôi nhặt cái máy thu âm ở trên bàn lên. Băng vẫn còn ở bên trong.

Tôi vừa uống vội cốc trà thì Solomon bước vào mang theo một chiếc áo hai hàng khuy, thiếu mất hai cúc. Anh ta chìa nó ra như một người hầu. Tôi vẫn ngồi im một chỗ.

“Ồ, ông chủ,” anh nói. “Đừng có khó tính, khi mùa gặt chưa xong và những con la vẫn quần quật ngoài đồng.”

“Nói cho tôi biết chúng ta sẽ đi đâu.”

“Xuống phố, trong một chiếc xe bụi chẳng bóng lộn. Ngài sẽ thích cho mà xem. Và trên đường về có khi ngài còn được ăn kem nữa.”

Chậm rãi, tôi đứng dậy mặc áo vào. “David,” tôi nói.

“Vẫn đây, thưa ông chủ.”

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

Anh ta trề môi ra và hơi nhăn mặt lại. Hỏi kiểu gì tệ quá. Tôi vẫn cương quyết.

“Tôi đang gặp rắc rối gì à?” Tôi hỏi.

Anh ta càng nhăn nhó hơn, rồi nhìn tôi với đôi mắt trầm tĩnh, điềm đạm.

“Có vẻ thế.”

“Có vẻ thế?”

“Có một đoạn cáp điện loại nặng trong ngăn kéo kia. Vũ khí ưa thích của ông chủ trẻ trung.”

“Thì sao?”

Anh ta mỉm cười lịch sự. “Rắc rối cho ai đó.”

“Ồ, thôi đi David,” tôi nói. “Tôi có cái đó đã hàng tháng nay rồi. Định để buộc hai thứ vào gần nhau thôi mà.”

“Vâng. Hóa đơn từ hai ngày trước. Vẫn còn ở trong túi.” Chúng tôi nhìn nhau một lúc.

“Xin lỗi ông chủ,” anh nói. “Pháp thuật. Đi nào.”

Đó là một chiếc xe Rover, có nghĩa rằng nó là xe công. Chẳng ai lái những chiếc xe hõm hĩnh đến ngu ngốc này, với những đồ gỗ và da bọc ngổ ngẩn, được gắn hời hợt vào những chỗ nổi và rãnh ở bên trong xe, trừ khi họ buộc phải làm thế. Và chỉ có chính phủ và ban giám đốc của Rover mới phải đi loại xe này.

Tôi không muốn phá bĩnh Solomon trong khi anh ta lái xe, bởi anh ta thường hỏi hột mỗi khi làm việc này, thậm chí còn không thích nếu như có người bật radio lên. Anh ta mang nào là gắng lái xe, mũ lái xe, kính lái xe và một vẻ mặt lái xe, và anh ta nắm vô lăng trong tay hết như người ta vẫn làm cho tới bốn giây sau khi họ vượt qua bài thi lấy bằng lái. Nhưng khi chúng tôi chậm rãi đi qua đoàn diễu hành kỵ binh, với vận tốc khoảng trên dưới hai mươi lăm dặm một giờ, tôi nghĩ có thể mạo hiểm xem sao.

“Tôi không có cơ hội biết người khác cho rằng tôi đã làm gì sao?”

Solomon nghiêng răng và nắm vô lăng thậm chí còn chặt hơn, tập trung cao độ trong khi chúng tôi đi qua một đoạn đường rộng rãi vắng vẻ. Khi kiểm tra xong tốc độ, vòng quay, nhiên liệu, áp suất dầu, nhiệt độ, thời gian, dây an toàn, hai lần liền, anh ta quyết định là đã có đủ khả năng trả lời.

“Điều mà lẽ ra ngài nên làm,” anh ta nói, qua hàm răng nghiêng chặt, “là xử sự tốt và cao thượng, như ngài vẫn luôn thế.”

Chúng tôi đổ vào sân sau của Bộ Quốc phòng. “Tôi đã không thể à?” Tôi hỏi.

“Bính boong. Bãi đỗ xe. Chúng ta đã chết và đã tới thiên đàng.”

Bất chấp một biển báo an ninh cỡ lớn thông báo rằng toàn thể Bộ Quốc phòng đang được đặt ở tình trạng báo động an ninh cấp độ cam, gác cổng vẫn cho chúng tôi đi qua mà chẳng thêm hé mắt.

Tôi nhận ra rằng cảnh vệ của Anh vẫn luôn như thế; trừ khi anh thực sự làm việc trong tòa nhà mà họ đang gác, trong trường hợp đó họ sẽ kiểm tra mọi thứ của anh từ những chỗ trám răng tới cái gấu quần để xem có phải anh chính là cái người mới đi ra ngoài mua bánh sandwich mười lăm phút trước không. Nhưng nếu anh là một khuôn mặt lạ, họ sẽ cho anh đi thẳng vào, bởi vì họ sẽ quá ngượng khi phải làm phiền anh, thẳng thắn mà nói là vậy.

Nếu anh muốn một địa điểm được canh gác tử tế, hãy thuê tại Đức.

Solomon và tôi đi lên ba cầu thang, qua nửa tá hành lang cùng hai thang máy, dọc đường anh ta phải đăng ký mấy lần tên tôi, cho tới khi chúng tôi đến một cánh cửa màu xanh lá đậm có biển đề C118. Solomon gõ cửa, rồi chúng tôi nghe thấy một giọng phụ nữ vọng ra bảo “Đợi đã” và sau đó “Được rồi”.

Bên trong là một bức tường cách cửa tầm một mét. Và giữa bức tường với cửa, trong cái khoảng không gian chật hẹp khó tin đó, có một cô gái áo màu chanh ngồi ở bàn, với cái máy chữ, bình cây cảnh, cốc đựng bút chì, búp bê lông thú và những xếp giấy màu cam. Thật không thể tin nổi là có ai hay thứ gì có thể hoạt động được trong một không gian như thế. Như thể ta đột nhiên phát hiện có cả một bày hải ly đang trú trong giày của mình vậy.

Nếu như bạn đã từng chứng kiến điều đó.

“Ông ấy đang chờ các ông,” cô nói, hồi hộp đưa cả hai tay giữ cái bàn sợ chúng tôi làm rơi thứ gì.

“Cảm ơn, cô,” Solomon vừa nói vừa lách qua bàn.

“Người mắc chứng sợ không gian lớn à?” Tôi vừa hỏi vừa đi theo anh ta, và nếu như chỗ đó rộng hơn thì chắc tôi đã đập cho mình một cái, bởi vì hẳn cô ấy phải nghe điều đó ít nhất năm mươi lần một ngày.

Solomon gõ cánh cửa phía trong, sau đó chúng tôi đi thẳng vào.

Mỗi nửa mét vuông mà người thư ký mất đi thì cái văn phòng này nuốt hết.

Ở đây trần nhà cao, các cửa sổ ở hai bên treo những tấm rèm lưới do chính phủ trang bị và giữa các cửa sổ là một cái bàn cỡ sân quần vợt. Đằng sau chiếc bàn ấy, một cái đầu hói đang cúi xuống, rất tập trung.

Solomon đi thẳng tới bông hồng ở giữa tấm thảm Ba Tư, còn tôi chọn một vị trí sát ngay vai trái anh ta.

“Thưa ông O’Neal,” Solomon nói. “Lang đã tới.”

Chúng tôi cứ chờ.

O’Neal - nếu đó là tên thật của ông ta, thì tôi còn ngờ- trông giống như tất cả những người ngồi sau bàn giấy rộng. Người ta thường nói chủ nào chó nấy, nhưng tôi vẫn luôn cho rằng câu đó cũng đúng, nếu không muốn nói còn đúng hơn, khi nói về chủ nhân của những cái bàn và những cái bàn của họ. Đó là một bộ mặt bè bè, phẳng đét, đôi tai cực lớn phẳng lì, và rất nhiều chỗ hữu dụng để chứa kẹp giấy. Thậm chí cả chuyện ông ta không có râu cũng tương đồng với lớp véc ni Pháp sáng bóng của cái bàn. Ông ta mặc áo cánh đắt tiền, và tôi không thấy chiếc áo khoác nào trong phòng cả.

“Tôi nghĩ chúng ta đã hẹn lúc chín rưỡi cơ mà,” O’Neal nói mà không nhìn lên hay xem đồng hồ.

Giọng nói của ông ta không đáng tin chút nào. Nó cố bắt chước cái kiểu èo uột của quý tộc, nhưng còn khuya mới được như quý tộc. Nó căng sít và the thé, và giả như vào lúc khác có lẽ tôi đã cảm thấy thương cho ngài O’Neal. Nếu như thực sự đó là tên ông ta. Điều mà tôi vẫn hoài nghi.

“Tôi xin lỗi, xe cộ đông quá,” Solomon nói. “Chúng tôi đã cố tới đây nhanh hết sức rồi.”

Solomon nhìn ra ngoài cửa sổ, như thể để nói rằng anh ta làm xong việc của mình rồi. O’Neal nhìn anh ta chăm chăm, đoạn liếc sang tôi, rồi quay trở lại với công việc đang-đọc-cái-gì-đó-quan-trọng của mình.

Vì Solomon đã đưa tôi tới an toàn, và không có gì anh ta phải chịu rắc rối, tôi quyết định đã đến lúc khẳng định mình một chút.

“Chào buổi sáng, ông O’Neal,” tôi nói, giọng to đến độ xuân ngốc. Âm thanh vọng lại từ các bức tường phía xa. “Tiếc là bây giờ không tiện cho lắm. Như thế cũng không hề tốt cho cả tôi nữa. Tại sao không để thư ký của tôi cùng với thư ký của ông bố trí một cuộc gặp khác? Thực ra, sao không để các thư ký của chúng ta ăn trưa cùng nhau? Để thế giới này được đặt đúng trật tự của nó.”

O’Neal nghiêng hai hàm răng vào nhau một chốc, rồi ngược lên tôi với cái nhìn mà hẳn nhiên ông ta nghĩ là xuyên thấu được tâm can.

Khi đã nhìn no mắt, ông ta bỏ tập giấy xuống đoạn đặt hai tay lên mép bàn. Rồi ông ta nhấc tay lên đặt vào lòng mình. Rồi ông ta trở nên khó chịu với tôi vì tôi đã quan sát ông ta thực hiện những hành động kỳ quặc đó.

“Ông Lang,” ông ta nói. “Ông nhận ra mình ở đâu chứ?” Ông ta mím môi vẻ thành thực.

“Tôi biết chứ, thưa ông O’Neal. Tôi đang ở phòng C188.”

“Ông đang ở trong Bộ Quốc phòng đấy.”

“Hừm. Cũng khá đẹp. Có cái ghế nào quanh đây không?”

Ông ta lại nhìn tôi trừng trừng, rồi hất cằm về phía Solomon, anh ta liền đi qua cửa và kéo về một thứ nhái theo kiểu đầu thế kỷ mười chín, đặt vào giữa tám tấm. Tôi vẫn ở chỗ cũ.

“Ngồi xuống đi, ông Lang.”

“Cảm ơn, tôi thích đứng hơn,” tôi nói.

Giờ ông ta nóng mũi thực sự. Hồi còn đi học bọn tôi thường làm những trò kiểu này với một thầy giáo dạy địa lý. Ông thầy rời trường sau hai học kỳ và trở thành mục sư ở quần đảo Western.

“Ông biết gì về Alexander Woolf, thưa ông?” O’Neal vươn người ra trước, chống tay lên mặt bàn, và tôi thoáng thấy một cái đồng hồ đeo tay vàng chói. Quá nhiều vàng đến nỗi chẳng là vàng nữa.

“Người nào?” ông ta cau mặt.

“Ông hỏi ‘người nào’ là thế nào? Thế ông biết mấy Alexander Woolf?”

Tôi khẽ nhích môi, đếm nhẩm. “Năm.”

Ông ta thở dài bực dọc. Đúng thế, thầy ơi, hạ hỏa đi chứ.

“Các người tên Alexander Woolf mà tôi đang đề cập tới,” ông ta nói, với giọng chế giễu thông thái rởm đặc trưng mà tất cả những người Anh ngồi bàn giấy sớm hay muộn rồi thì cũng mắc phải, “có một ngôi nhà ở đường Lyall, Belgravia.”

“Đường Lyall. Tất nhiên rồi.” Tôi tặc lưỡi. “Thế thì là sáu.”

O’Neal bắn cái nhìn về phía Solomon, nhưng không nhận được sự trợ giúp nào từ đó. Ông ta quay lại tôi, với một điệu cười làm sồn gai ốc.

“Tôi đang hỏi ông, ông Lang, ông biết gì về ông ấy?”

“Ông ta có một ngôi nhà ở đường Lyall, Belgravia,” tôi nói. “Thế có giúp gì được ông không?”

Lần này O’Neal thử một chiến thuật khác. Ông ta hít một hơi dài rồi thở ra từ từ, có ý làm cho tôi nghĩ rằng dưới cái khuôn mặt phúng phính đó ẩn chứa một cỗ máy giết người đã được bôi trơn, và chỉ cần hai bước chân là ông ta có thể nhào qua cái bàn đó và đập chết tôi. Đó là một màn trình diễn hết sức đáng thương. Ông ta thò tay vào ngăn kéo, lôi ra một cặp tài liệu màu da bò, rồi bắt đầu lật giở với vẻ giận dữ.

“Ông ở đâu vào mười rưỡi tối qua?”

“Lướt ván buồm ở Bờ Biển Ngà,” tôi nói, gần như trước cả khi ông ta hỏi hết câu.

“Tôi đang hỏi ông rất nghiêm túc đây, ông Lang,” O’Neal nói. “Tôi khuyên ông, một cách chân thành nhất, là nên trả lời tôi một cách nghiêm túc.”

“Còn tôi xin thưa rằng đó không phải chuyện của ông.”

“Chuyện của tôi...”, ông ta bắt đầu.

“Chuyện của ông là bảo vệ.” Tôi đột nhiên gào lên, gào thật sự, và từ khóe mắt tôi có thể thấy Solomon quay lại nhìn. “Và thứ mà ông được trả lương để bảo vệ là quyền của tôi, cái quyền được làm gì mình muốn mà không phải trả lời hàng tá câu hỏi chó chết.” Tôi dịu giọng lại. “Còn gì nữa không?”

Ông ta không trả lời, bởi vậy tôi quay người bước về phía cửa. “Chào anh, David,” tôi nói.

Solomon cũng không trả lời. Tôi vừa đặt tay vào núm cửa thì O’Neal lên tiếng.

“Lang, tôi muốn ông biết rằng tôi có thể bắt giữ ông ngay giây phút ông rời khỏi tòa nhà này.”

Tôi quay lại và nhìn ông ta. “V ị cái gì?”

Đột nhiên tôi không thích chuyện này. Tôi không thích bởi vì, lần đầu tiên kể từ khi tôi bước vào, O’Neal trông đầy thư giãn.

“Âm mưu giết người.”

Căn phòng trở nên yên tĩnh.

“Âm mưu?” Tôi hỏi.

Anh biết bị tắc tị giữa dòng sự việc là thế nào chứ. Thông thường, từ ngữ được chuyển từ não bộ xuống khoang miệng, và tại điểm nào đó dọc đường truyền anh dừng chúng lại một lát để kiểm tra xem chúng có thực sự là những gì anh đã đặt hàng và có được gói ghém cẩn thận hay không, trước khi anh gửi tới vòm họng để phát ra ngoài không khí.

Nhưng khi anh bị tắc tị giữa dòng, cái phần kiểm tra trong tâm tưởng của anh đã không hoàn thành nhiệm vụ.

O’Neal đã thốt ra bốn chữ “Âm mưu giết người”.

Cái cụm mà tôi nên nhắc lại bằng giọng điệu hoài nghi đáng lẽ ra phải là “giết người”; nhưng trong bốn chữ đó cái mà chắc chắn tôi không nên chọn để nhắc lại là “âm mưu”.

Tất nhiên, nếu như chúng tôi nói chuyện lại, tôi sẽ làm mọi việc khác đi rất nhiều. Nhưng chúng tôi đã không làm thế.

Solomon đang ngó tôi, và O’Neal đang ngó Solomon. Bản thân tôi thì đang bận rộn với cái chổi và gàu hót ngôn từ.

“Ông đang nói cái quái gì thế? Ông thực sự không có gì hay ho hơn để làm à? Nếu ông đang nói về chuyện tối hôm qua thì ông nên biết, nếu ông đã đọc bản khai của tôi, rằng tôi chưa bao giờ gặp người đàn ông đó, rằng lúc ấy tôi đang tự vệ trước một vụ tấn công bất hợp pháp, và trong khi vật lộn hắn... đã đập vào đầu hắn.”

Tôi chợt nhận ra những mệnh đề đó mới khập khiễng làm sao.

“Cảnh sát,” tôi tiếp tục, “đã tuyên bố rằng họ hoàn toàn hài lòng, và...”

Tôi dừng lời.

O’Neal ngả lưng vào ghế và đặt cả hai tay ra sau đầu. Một mảng mồ hôi rộng cỡ đồng mười xu hiện ra mỗi bên nách ông ta.

“Ồ, tất nhiên, họ *có thể* tuyên bố rằng họ hài lòng mà, đúng không?” Ông ta nói, nhìn hết sức tự tin. Ông ta chờ tôi nói điều gì đó, nhưng chẳng có gì xuất hiện trong đầu tôi cả nên tôi cứ để ông ta tiếp tục. “Bởi vì họ đã không biết những gì mà hiện giờ chúng tôi biết.”

Tôi thở dài.

“Ôi Chúa ơi, tôi phần khích với cuộc nói chuyện này quá, e chảy máu cam mất. Cái điều quan trọng chết tiệt, quan trọng đến nỗi làm tôi bị lòi đến đây vào cái giờ này, các ông biết nó là gì chứ?”

“Bị lòi đến?” Ông ta nói, lông mày nhướng lên tới tận đường chân tóc. Ông ta quay về phía Solomon. “Ông đã *lòi* ông Lang tới đây à?”

O’Neal đột nhiên trở nên cợt nhả và nghịch ngợm, và đó là cảnh tượng đáng buồn nôn. Hẳn Solomon cũng buồn nôn như tôi, bởi vì anh ta không trả lời.

“Tôi đến tổn thọ vì ở trong căn phòng này mất thôi,” tôi bực bội nói. “Vào thẳng vấn đề đi.”

“Rất tốt,” O’Neal nói. “Giờ chúng tôi đã biết, nhưng cảnh sát lúc đó không biết, rằng tuần trước ông đã có cuộc gặp bí mật với một tay buôn vũ khí người Canada tên là McCluskey. McCluskey đã ước ngỏ ông một trăm ngàn đô la nếu ông chịu... kết liễu Woolf. Theo chúng tôi biết, ông đã xuất hiện tại ngôi nhà của Woolf ở Luân Đôn và đã bị chặn lại bởi một người tên là Rayner - còn có tên là Wyatt hay Miller - về pháp lý được Woolf thuê về làm vệ sĩ. Chúng tôi biết rằng hậu quả của vụ đụng độ đó là Rayner đã bị trọng thương.”

Dạ dày tôi dường như đã co lại bằng kích thước của một quả bóng cricket. Một hột mồ hôi đang tụt xuống sống lưng tôi một cách hết sức vớ vẩn.

O’Neal tiếp tục. “Dù ông đã kể gì với cảnh sát đi nữa, chúng tôi vẫn biết không chỉ có một mà hai cuộc gọi tới tổng đài 999 đêm qua; cuộc đầu tiên chỉ gọi xe cứu thương, cuộc thứ hai gọi cảnh sát. Hai cuộc gọi cách nhau mười lăm phút. Chúng tôi biết là ông đã khai tên giả cho cảnh sát, vì những lý do gì thì chúng tôi chưa xác minh được. Và cuối cùng,” ông ta nhìn tôi như một ảo thuật gia tôi với một cái mũ đựng đầy cỏ, “chúng tôi biết rằng khoản tiền hai mươi chín ngàn bốn trăm bảng, tương đương năm mươi ngàn đô la Mỹ, đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông tại quận Swiss Cottage bốn ngày trước.” Ông ta gập phắt hồ sơ lại và mỉm cười. “Khai vị thế ỏn không?”

Tôi đang ngồi trên cái ghế giữa văn phòng của O’Neal. Solomon đã chạy đi pha cà phê cho tôi và trà hoa cúc cho chính anh ta, thế giới dường như chuyển động chậm lại một chút.

“Thế này,” tôi nói, “hiển nhiên là tôi đã bị cài bẫy, vì một lý do nào đó.”

“Hãy giải thích cho tôi nghe nào, thưa ông Lang,” O’Neal nói, “tại sao kết luận đó lại là hiển nhiên?”

Ông ta lại trêu đùa rồi. Tôi hít thật sâu.

“Thì, trước tiên tôi phải nói với ông là tôi không biết tí gì về số tiền đó cả. Ai mà chẳng làm được chuyện đó, từ bất cứ ngân hàng nào trên thế giới. Điều đó dễ thôi mà.”

O’Neal làm một màn trình diễn ấn tượng : mở nắp chiếc bút máy Parker Doufold và ghi nhanh điều gì đó xuống một mảnh giấy. “Và rồi cô con gái xuất hiện,” tôi nói. “Cô ta nhìn thấy vụ đánh nhau. Cô ta đã làm chứng cho tôi trước cảnh sát đêm qua. Tại sao các ông không đưa cô ta tới đây?”

Cánh cửa mở ra và Solomon quay lại, anh ta đang giữ ba chiếc cốc thăng bằng. Anh ta đã bỏ chiếc áo mưa màu nâu ở đâu đó và giờ đang mặc áo len kiểu thể thao có khóa kéo cùng màu. Rõ ràng là O’Neal thấy khó chịu vì chiếc áo, thậm chí tôi còn thấy nó không ăn nhập chút nào với những thứ còn lại trong phòng.

“Tôi đảm bảo với ông, chúng tôi sẽ thẩm vấn cô Woolf vào lúc thuận tiện,” O’Neal nói trong khi cẩn thận nhấp một ngụm cà phê. “Tuy nhiên, mối quan tâm trước mắt của Bộ là ông. Ông Lang, ông đã được yêu cầu thực hiện một vụ ám sát. Có được ông cho phép hay không thì tiền cũng đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông. Ông xuất hiện ở ngôi nhà của mục tiêu và suýt giết chết vệ sĩ của ông ấy. Rồi sau đó ông...”

“Dừng một phút,” tôi nói. “Chết tiệt, dừng một phút cái đã. Mấy chuyện vệ sĩ này là sao? Woolf thậm chí còn không ở đó cơ mà.”

O’Neal trừng mắt nhìn tôi bằng cái kiểu điềm tĩnh thật đáng tửm.

“Ý tôi là,” tôi tiếp tục, “làm sao một vệ sĩ lại bảo vệ được một người không ở trong cùng tòa nhà với hắn ta? Bằng điện thoại à? Vệ sĩ kỹ thuật số chắc?”

“Ông đã lùng sục ngôi nhà, phải không ông Lang?” O’Neal chất vấn. “Ông đã tới ngôi nhà đó để tìm kiếm Alexander Woolf?” Một nụ cười nguy hiểm xuất hiện trên môi ông ta.

“Cô ta bảo tôi là ông ấy không ở đó,” tôi nói, bực mình vì vẻ khoái chí của ông ta. “Và dù gì đi nữa, thôi mẹ nó đi.”

Ông ta lưỡng lự một chút.

“Dù sao đi nữa,” cuối cùng ông ta lên tiếng, “trong trường hợp đó thì sự hiện diện của ông trong căn nhà ấy cũng đáng để chúng tôi dành thời gian và công sức quý báu lắm chứ.”

Tôi vẫn không thể làm mọi thứ cho ra đầu ra đuôi được.

“Tại sao?” Tôi nói. “Tại sao lại là các ông mà không phải cảnh sát? Cái ông Woolf đó có gì đặc biệt vậy?” Tôi hết nhìn O’Neal rồi lại đến Solomon. “Và nếu đúng vậy thì có gì đặc biệt ở tôi vậy chứ?”

Điện thoại trên bàn O’Neal kêu reng reng, ông ta liền chộp lấy bằng một cử chỉ khoa trương, hất cái dây ra sau khuỷu tay khi đưa ống nghe lên tai. Ông ta nhìn tôi trong khi nghe điện thoại.

“Vâng? Vâng... Thực vậy. Cảm ơn.”

Cái ống nghe đã được đặt lại vào giá và nằm yên ngay tức thì. Nhìn cách ông ta xử lý nó, tôi dám chắc rằng nói chuyện điện thoại là một tuyệt kỹ của ông ta.

Ông ta nguyệt ngoạc gì đó lên giấy rồi gạt đầu ra hiệu Solomon đi tới chỗ bàn. Solomon nhìn tờ giấy, rồi cả hai cùng nhìn tôi.

“Ông có súng không, ông Lang?”

O’Neal hỏi với một điệu cười niềm nở đầy hữu dụng. Quý khách muốn đặt ghế ngồi dọc lối đi hay gần cửa sổ hơn ạ? Tôi bắt đầu cảm thấy phát ón.

“Không, tôi không có.”

“Ông có từng tiếp xúc với bất kỳ loại súng nào?”

“Không, kể từ khi tôi rời quân ngũ.”

“Rồi,” O’Neal nói, và tự gật đầu với mình. Ông ta dừng lại một lúc lâu, kiểm tra tờ giấy để bảo đảm cho chắc những chi tiết mình có được là hoàn toàn đúng. “Thế thì có lẽ thông tin về một khẩu súng lục Browning 9 ly, với 15 viên đạn, được tìm thấy trong căn hộ của ông có lẽ sẽ làm ông ngạc nhiên?”

Tôi ngẫm nghĩ.

“Tôi còn ngạc nhiên hơn vì căn hộ của tôi đang bị lục soát.” “Đừng bận tâm chuyện đó.”

Tôi thở dài.

“Được thôi,” tôi nói. “Không, tôi không hoàn toàn ngạc nhiên.”

“Ý ông là gì?”

“Ý tôi là tôi bắt đầu hiểu rõ ngày hôm nay sẽ như thế nào.” O’Neal và Solomon trông thần mặt ra. “Ồ, thôi nào,” tôi nói.

“Bất kỳ người nào định bỏ ra ba mươi ngàn bảng để làm tôi giống một tay súng đánh thuê thì có lẽ cũng sẽ không ngại lãng thêm ba trăm bảng để làm tôi giống một tay súng đánh thuê mang sẵn súng mà ông ta có thể thuê được.”

O’Neal nghịch nghịch môi dưới một lúc, dùng ngón tay cái và ngón trỏ vặn vẹo nó sang cả hai bên.

“Tôi đang gặp rắc rối ở đây, phải không ông Lang?”

“Ông á?”

“Đúng, tôi nghĩ là tôi đang gặp phải rắc rối,” ông ta nói. Ông ta bỏ tay ra khỏi môi, và cái môi cứ ở nguyên tình trạng đó, trề ra như một củ hành, như thể nó không muốn trở lại hình dạng ban đầu vậy. “Hoặc ông là một sát thủ, hoặc là có kẻ nào đó đang cố để làm ông giống một sát thủ. Vấn đề là tất cả chúng cứ tôi có được đều cân bằng giữa hai khả năng. Thật sự là rất khó khăn.”

Tôi nhún vai.

“Hẳn vì thế mà họ cho ông cái bàn to đến vậy,” tôi nói.

Cuối cùng thì họ đành để tôi đi. Vì lý do nào đó, họ không muốn dính dáng tới cảnh sát trong một vụ tàng trữ vũ khí trái phép, và Bộ Quốc phòng, theo tôi được biết, lại không có buồng giam của riêng họ.

O’Neal yêu cầu tôi xuất trình thẻ căn cước, và trước khi tôi kịp bịa ra rằng đã làm mất trong máy giặt thì Solomon đã lôi nó từ túi quần sau ra. Tôi được căn dặn phải giữ liên lạc và phải cho họ biết nếu như có bất kỳ người lạ mặt nào nữa tiếp cận tôi. Tôi cũng chẳng thể làm gì khác hơn là đồng ý.

Rời tòa nhà và đi lang thang qua công viên Thánh James trong một ngày nắng tháng Tư hiếm hoi, tôi cố xem liệu mình có cảm thấy khác chút nào không, khi biết rằng Rayner chỉ gắng làm công việc của anh ta. Tôi cũng tự hỏi tại sao tôi không biết anh ta là vệ sĩ của Woolf. Hoặc thậm chí ông ta có vệ sĩ.

Nhưng quan trọng hơn, quan trọng hơn thế nhiều là: Tại sao cô con gái của Woolf lại không biết những việc đó?

Ba

*Chúa và bác sĩ là những người chúng ta tôn sùng Nhưng chỉ khi chúng ta
hoạn nạn, còn trước đó thì không.*

JOHN OWEN

Sự thực là tôi cảm thấy tội nghiệp cho bản thân mình.

Tôi đã quen với cảnh túng quẫn, còn thất nghiệp đối với tôi thì hơn cả một người quen. Tôi đã bị những người đàn bà tôi yêu rũ bỏ, và thi thoảng lại có vài cái răng đau dữ dội. Nhưng chẳng hiểu sao, không thứ nào trong số đó có thể bằng được cảm giác cả thế giới đang chống lại mình.

Tôi bắt đầu nghĩ về những người bạn mà tôi có thể trông cậy nhờ vả, nhưng, như tất cả những lần cố kiếm tìm các quan hệ kiểu đó, tôi lại nhận ra rằng có quá nhiều người đã ra nước ngoài, đã chết, đã cưới những người chả ưa gì tôi, hoặc họ không thật sự là bạn tôi, và bây giờ tôi bắt đầu nghĩ về điều đó.

Đó là lý do tại sao tôi vào một bộ điện thoại trên đường Piccadilly, gọi cho Paulie.

“Tôi e là ông ấy đang ở tòa án,” một giọng trả lời. “Ông có để lại lời nhắn không?”

“Hãy nói với ông ấy tôi là Thomas Lang, và nếu ông ấy không có mặt ở quán Simpson đường Strand đúng lúc một giờ để mời tôi bữa trưa thì sự nghiệp pháp lý của ông ấy sẽ chấm dứt.”

“Sự nghiệp pháp lý... chấm dứt,” người thư ký nhắc lại. “Khi ông ấy gọi về tôi sẽ chuyển tin nhắn của ông tới ông ấy, ông Lang.”

Paulie, tên đầy đủ là Paul Lee, và tôi có một mối quan hệ khác thường.

Nó lạ thường ở chỗ chúng tôi vài tháng gặp nhau một lần, theo kiểu quan hệ xã hội thuần túy - quán bar, cơm tối, rap hát, opera, những thứ Paulie yêu thích - và cả hai chúng tôi cũng thẳng thắn thừa nhận rằng chúng tôi không quý mến nhau một chút nào. Không một tí nào. Nếu như cảm giác của chúng tôi dành cho nhau mạnh như lòng căm thù, thì anh có thể suy diễn rằng đó chỉ là một cách nói bị bẻ queo đi để biểu đạt sự quý mến. Nhưng chúng tôi không ghét nhau. Chúng tôi chỉ không thích nhau, thế thôi.

Tôi thấy Paulie là một kẻ tham vọng, vênh vang hợm hĩnh, còn anh ta thấy tôi là một kẻ lười chây thây, không tin tưởng được, và là một kẻ thô lỗ nhếch nhác. Điều tích cực duy nhất anh có thể nói về “tình bạn” của chúng tôi là: nó có tính tương hỗ. Chúng tôi thường gặp gỡ, dành khoảng chừng một giờ nói chuyện về những vấn đề của nhau, và rồi chia tay nhau với cùng cảm giác “Ôn Chúa, may mình không như thế” ở cường độ mạnh như nhau. Và để đổi lại việc bao tôi bữa trưa thịt bò quay cùng rượu vang trị giá năm mươi bảng, Paulie thú nhận rằng anh ta đã nhận được cảm giác bề trên trị giá đúng năm mươi bảng.

Tôi phải hỏi mượn cà vạt từ người phục vụ khách sạn, rồi anh ta trừng phạt tôi bằng cách cho tôi lựa chọn giữa một cái màu tía và một cái màu tía khác, nhưng tới mười hai giờ bốn mươi lăm thì tôi đã yên vị ở một cái bàn tại quán Simpson, giải tỏa những phiền phức hồi sáng bằng một cốc lớn rượu vodka tăng lực. Rất nhiều thực khách khác là người Mỹ, điều đó lý giải tại sao thăn thịt bò lại bán chạy hơn thăn thịt cừu. Người Mỹ chưa bao giờ thực sự biết thưởng thức thịt cừu là như thế nào. Tôi nghĩ họ cho rằng nó quá mềm.

Đúng một giờ thì Paulie đến, nhưng tôi biết anh ta sẽ xin lỗi vì tới muộn.

“Xin lỗi tôi tới muộn,” anh ta nói. “Anh có cái gì ở đó thế? Vodka à? Cho tôi một cốc như thế đi.”

Người bồi bàn đi khỏi còn Paulie nhìn quanh căn phòng , vuốt cà vạt thẳng xuống trước sơ mi và thi thoảng hát cầm để cổ áo đỡ tì vào ngấn cổ. Vẫn như mọi khi, mái tóc của anh ta mượt mà, bóng loáng. Anh ta tuyên bố rằng kiểu tóc rất hợp với bồi thẩm đoàn, nhưng kể từ khi tôi biết Paulie thì tình yêu đối với mái tóc đó luôn luôn là một điểm yếu của anh ta. Thực tế thì anh ta không được may mắn về mặt ngoại hình, nhưng , như để an ủi cái thân thể lùn tịt tròn lẳn của anh ta, Chúa đã ban cho một cái đầu với mái tóc đẹp, mà có lẽ anh ta sẽ giữ, dưới nhiều sắc thái khác nhau, cho tới tận tám mươi tuổi.

“Uống nào Paulie,” tôi nói rồi nốc một ngụm vodka.

“Mọi việc thế nào?” Khi nói chuyện, Paulie chẳng bao giờ nhìn vào anh. Anh có đứng dựa lưng vào một bức tường gạch thì anh ta vẫn cứ lơ đãng nhìn ra phía sau anh mà thôi.

“Ồn, ồn,” tôi đáp. “Anh thì sao?”

“Sau cùng cũng đã vớt được cho thằng chó đực đó.” Anh ta lắc đầu về thân phục. Một gã đàn ông lúc nào cũng sững sốt trước khả năng của chính bản thân mình.

“Tôi không biết anh làm cả mấy vụ gian dân nữa cơ đấy, Paulie.”

Anh ta không cười. Paulie chỉ thực sự cười vào cuối tuần. “Không,” anh ta nói. “Cái tay mà tôi đã bảo anh đấy. Dùng xẻng làm vườn đánh thẳng cháu nó tới chết. Đã gỡ được cho hần rồi.”

“Nhưng anh nói là chính hần đã làm mà.”

“Đúng vậy.”

“Thế sao mà anh gỡ được?”

“Tôi nói dối như cuội mà li,” anh ta nói. “Thế anh có gì mới không?”

Trong khi chờ món xúp, chúng tôi cứ trao đổi về công việc như thế, mỗi một thành công của Paulie đều làm tôi chán nản và mỗi thất bại của tôi đều khiến anh ta vui sướng. Anh ta hỏi xem tình hình tiền bạc của tôi có ổn không, mặc dù cả hai đều biết anh ta sẽ chẳng mấy may đếm xỉa gì nếu như tôi không ổn. Và tôi hỏi về các ngày nghỉ của anh ta, về quá khứ và tương lai. Paulie trông đợi rất nhiều vào các ngày lễ.

“Nhóm chúng tôi đang thuê một chiếc thuyền đi Địa Trung Hải lặn biển, lướt ván, những thứ khác nữa, kiểu vậy. Đầu bếp xịn, học Cordon Bleu, nói chung đủ cả.”

“Thuyền buồm hay động cơ?”

“Thuyền buồm.” Anh ta cau mặt một thoáng, rồi đột nhiên nhìn già đi hai chục tuổi. “Dù vậy, giờ ngẫm lại thì, có lẽ nó cũng có động cơ. Nhưng có một thủy thủ đoàn lo tất cả những thứ đó rồi. Anh có định đi nghỉ không?”

“Chưa nghĩ tới chuyện đó,” tôi nói.

“À, mà lúc nào anh chả nghỉ ngơi còn gì? Ngày nghỉ thì cũng chẳng hơn gì cả.”

“Nói hay đấy, Paulie.”

“Ồ, thế anh thì sao? Kể từ khi rời quân ngũ, anh làm gì?”

“Tư vấn.”

“Tư vấn cái con khỉ.”

“Đừng nghĩ là tôi đủ năng lực tài chính để làm điều đó nhé, Paulie.”

“Được thôi. Để hỏi tay tư vấn phục vụ của chúng ta xem cái đêch gì xảy ra với món xúp vậy.”

Trong khi chúng tôi nhìn quanh tìm bồi bàn, tôi phát hiện những kẻ bám đuôi mình.

Hai gã ngồi ở bàn cạnh cửa, đang uống nước khoáng và quay đi ngay khi tôi nhìn về phía họ. Gã già hơn trông như được thiết kế bởi cùng một tay kiến trúc sư đã tạo ra Solomon, và gã trẻ hơn đang cố để trở nên như thế. Cả hai đều có vẻ rắn chắc, và tạm thời tôi đang đủ vui để giữ họ ở quanh mình.

Sau khi món xúp được bung ra, Paulie ném thử rồi phán rằng cũng chỉ tạm được, tôi dịch ghế quanh bàn và nghiêng người về phía anh ta. Thực ra tôi không định thu hoạch não anh ta, bởi vì thành thật mà nói nó chưa được chín lắm. Nhưng tôi không thấy mình mất mát gì trong chuyện này.

“Cái tên Woolf có gọi cho anh điều gì không, Paulie?”

“Tên người hay tên công ty?”

“Tên người,” tôi nói. “Người Mỹ, tôi nghĩ thế. Thương gia.”

“Ông ta đã làm gì? Say rượu lái xe? Giờ tôi không làm những thứ kiểu như thế nữa đâu. Và nếu tôi làm thì phải có một bao tải tiền.”

“Như tôi được biết, ông ta chưa làm cái gì cả,” tôi nói. “Chỉ bản khoản liệu anh đã từng nghe tên ông ta bao giờ chưa. Gaine Parker là tên công ty.”

Paulie nhún vai và xé cái bánh mì thành từng mẩu nhỏ. “Tôi có thể tìm ra cho anh. Để làm gì vậy?”

“Công việc ấy mà,” tôi nói. “Tôi đã từ chối rồi, nhưng chỉ là tò mò thôi.”

Anh ta gật đầu và nhét mấy miếng bánh mì vào miệng. “Tôi đã tiến cử anh cho một công việc khoảng vài tháng trước đây.”

Đang đưa thìa xúp nửa chừng từ bát lên miệng thì tôi phải dừng lại. Chuyện này trái với con người Paulie, người anh ta chẳng bao giờ thêm quan tâm đến cuộc sống của tôi, chứ đừng nói là giúp đỡ.

“Công việc kiểu gì thế?”

“Một tay người Canada. Tìm người để làm một việc cơ bắp. Vệ sĩ, đại loại kiểu thế.”

“Tên ông ta là gì?”

“Không nhớ được. Bắt đầu bằng chữ J, tôi nghĩ thế.”

“McCluskey?”

“McCluskey không bắt đầu bằng chữ J, phải không nào? Không, nó là Joseph, Jacob, hay kiểu kiểu như thế.” Anh ta nhanh chóng đầu hàng không cố nhớ nữa. “Ông ta có liên lạc với anh không?”

“Không.”

“Tiếc thế. Thế mà tôi cứ nghĩ tôi đã thuyết phục được ông ta.”

“Và anh đã cho ông ta biết tên của tôi?”

“Không, tôi cho ông ta cỡ giày chết tiệt của anh. Tất nhiên là tôi cho ông ta tên anh chứ. Mà cũng không phải ngay từ đầu. Tôi giới thiệu với ông ta vài tay thám tử mà chúng tôi đã từng dùng qua. Máy tay đó có vài gã bụi chảnh làm vệ sĩ, nhưng ông ta không lấy. Thích loại cao cấp hơn. Lính giải ngũ, ông ta nói thế. Anh là người duy nhất mà tôi nghĩ ra được. Ngoại trừ Andy Hick, tay bi-a lưng danh ấy mà, nhưng gã đó kiếm mỗi năm hai trăm ngàn trong một ngân hàng thương mại rồi.”

“Tôi cảm động đấy, Paulie.”

“Không có gì.”

“Thế sao anh gặp lại ông ta?”

“Hắn tới để gặp Kẹo Bơ, tôi chỉ dây dưa thôi.”

“Kẹo Bơ đấy là một người à?”

“Spencer. Nghị viên. Tự gọi mình là Kẹo Bơ. Chẳng biết tại sao. Có gì đó liên quan tới chơi gôn. Đánh phát bóng, có thể thế.”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc.

“Anh không biết ông ta gặp Spencer làm gì à?”

“Ai nói là tôi không biết?”

“Thế anh biết à?”

“Không.”

Paulie đang dán mắt vào nơi nào đó sau gáy tôi, tôi bèn quay lại để xem anh ta dòm cái gì. Hai gã ở cửa giờ đang đứng. Gã già hơn nói điều gì đó với người quản lý, người này trở một anh bồi tới hướng bàn chúng tôi. Một vài thực khách khác dõi theo.

“Ông là ông Lang?”

“Tôi Lang đây.”

“Ông có điện thoại, thưa ông.”

Tôi nhún vai với Paulie, anh ta đang liếm ngón tay và nhặt những mẩu vụn trên khăn trải bàn.

Tới lúc tôi đến chỗ cửa thì gã trẻ tuổi hơn trong hai kẻ theo dõi đã biến mất. Tôi tìm cách nhìn vào mắt tên già hơn, nhưng gã đang bận nhìn một bức tranh vô danh trên tường. Tôi cầm lấy ống nghe.

“Ông chủ,” Solomon nói, “mọi chuyện ở Đan Mạch không được tốt lắm.”

“Ồ, tệ quá,” tôi nói. “Trước đây mọi thứ tốt lắm cơ mà.”

Solomon định trả lời nhưng có một tiếng cạch và một tiếng giật mạnh, sau đó là giọng the thé của O’Neal trên điện thoại.

“Lang, ông đây à?”

“Đúng,” tôi nói.

“Cô gái đó, ông Lang ạ. Người phụ nữ trẻ, tôi nên nói thế. Ông có biết bây giờ cô ta có thể ở đâu không?”

Tôi cười lớn.

“Ông đang hỏi *tôi* là cô ấy ở đâu à?”

“Đúng thế đấy. Chúng tôi đang gặp rắc rối vì phải tìm xem cô ta ở đâu đây.” Tôi liếc nhìn kẻ theo dõi, y vẫn đang dán mắt vào bức tranh.

“Rất tiếc, thưa ông O’Neal, tôi không giúp được ông đâu,” tôi nói. “Ông biết đấy, tôi không có đội ngũ nhân viên chín nghìn người và ngân sách hai mươi triệu bảng để dành cho việc tìm người và theo dõi họ. Dù sao cũng nói với ông, ông nên thử dùng nhân viên an ninh của Bộ Quốc phòng. Họ được cho là rất thạo những công việc kiểu thế này.”

Nhưng ông ta đã gác máy nửa chừng khi tôi nhắc đến chữ “Quốc phòng”.

Tôi để Paulie thanh toán tiền, và nhảy lên một chiếc xe buýt tới công viên Holland. Tôi muốn xem O’Neal đã xáo trộn căn hộ của tôi thế nào, và cũng

để xem liệu mình có được tiếp xúc thêm với những tay buôn súng người Canada tên Joseph và Jacob như trong kinh Cựu ước không.

Những đệ tử của Solomon cùng lên xe buýt với tôi, họ dòm ra ngoài cửa sổ như thể đây là lần đầu tiên tới thăm Luân Đôn. Khi tới Notting Hill, tôi nghiêng người về phía họ.

“Các anh có khi cứ xuống cùng với tôi nhi,” tôi nói. “Thế đỡ mất công các anh phải xuống bên kế tiếp rồi chạy ngược lại.” Gã già hơn nhìn ra chỗ khác, nhưng gã trẻ hơn thì cười nhả nhổ. Cuối cùng, chúng tôi xuống cả cùng một lúc, và bọn họ lớn vồn ở bên kia đường trong khi tôi trở vào trong căn hộ.

Lẽ ra tôi nên biết rằng căn hộ sẽ bị khám xét mà không được báo trước. Không hẳn là mong chờ họ thay hộ cái ga giường hay hút bụi cả căn phòng, nhưng tôi nghĩ họ nên để nó ở tình trạng tốt hơn thế này. Chẳng có thứ đồ đạc nào ở đúng vị trí, một vài bức tranh của tôi đã bị chọc thủng, những cuốn sách trên giá lộn xộn đến thảm hại. Họ thậm chí còn bỏ một đĩa CD khác vào đầu stereo. Hay họ cảm thấy nhạc của Professor Longhair là thích hợp nhất với việc khám nhà chẳng?

Tôi chẳng thiết di chuyển đồ đạc về vị trí cũ. Thay vào đó, tôi đi vào bếp, gõ lên cái âm và nói lớn, “Trà hay cà phê?”

Có một tiếng sột soạt nhỏ từ phía phòng ngủ. “Hay là ông thích Coca?”

Vẫn quay lưng về phía cánh cửa khi âm nước reo gần sôi, nhưng tôi nghe thấy tiếng cô đang đi theo lối cửa bếp. Tôi rắc một ít hạt cà phê vào trong cốc rồi quay lại.

Thay vì bộ váy lụa dài, Sarah Woolf đang mặc quần jean bạc màu và áo sơ mi vải bông cổ chui màu xám đậm. Tóc cô được vuốt lên, buộc lỏng ở phía sau theo kiểu mà đối với nhiều phụ nữ chỉ tốn năm giây, trong khi với

những người khác thì tốn tới năm ngày. Và như để làm phụ kiện hợp màu cho cái áo, cô cầm một khẩu Walther TPH.22 tự động ở tay phải.

TPH là loại khá nhỏ. Nó có cơ cấu nạp đạn tự động, bằng sáu viên và nòng dài hơn năm phân. Nó cũng được xem là một loại vũ khí hoàn toàn vô dụng, bởi vì trừ khi anh chắc chắn hoặc sẽ bắn trúng tim hoặc trúng óc ngay phát đầu tiên, không thì anh chỉ trêu tức người bị bắn. Đối với hầu hết mọi người, một con cá thu còn tươi có khi lại là lựa chọn tốt hơn thế để làm vũ khí.

“Ồ, ông Fincham,” cô nói, “sao ông biết tôi ở đây?” Giọng cô nghe thật hợp với bộ dạng.

“Nước hoa Fleur de Fleurs,” tôi nói. “Giáng sinh vừa rồi tôi cho bà dọn dẹp một lọ, nhưng tôi biết là bà ấy không dùng. Nên chắc chắn là cô.”

Cô nhướn mày nghi hoặc nhìn khắp căn phòng.

“Ông có người dọn dẹp sao?”

“Vâng, tôi biết,” tôi nói. “Chúa ban phước cho bà ấy. Bà ấy hơi vất vả một chút. Bệnh thấp khớp. Bà ấy không dọn được những thứ dưới đầu gối hay cao hơn bả vai. Tôi cố gắng để những thứ bẩn ở tầm cao ngang hông, nhưng đôi khi...” Tôi mỉm cười. Cô không cười lại. “Nếu đã thế này rồi, làm thế nào cô vào được đây vậy?”

“Cửa không khóa,” cô nói.

Tôi lắc đầu phủ nhận.

“Cái bọn giẻ rách này. Tôi phải viết cho tay nghị sĩ của tôi mới được.”

“Gì cơ?”

“Cái chỗ này,” tôi nói, “sáng nay đã bị Lực lượng An ninh Công vụ Anh quốc lục soát. Đó là những tay chuyên nghiệp, được huấn luyện nhờ tiền thuế của dân, thế mà họ thậm chí chẳng buồn khóa cửa lại sau khi xong việc. Công vụ kiểu thế thì cô gọi là gì? Tôi chỉ có Coca không đường thôi. Được chứ?”

Khẩu súng vẫn chĩa về hướng tôi, nhưng nó không theo tôi tới tủ lạnh.

“Họ tìm thứ gì thế?” Giờ cô đang nhòm ra ngoài cửa sổ. Thực tình trông cô như đã trải qua một buổi sáng vô cùng tồi tệ.

“Tôi chịu,” tôi nói. “Tôi có một cái áo làm vải bọc bơ ở dưới đáy tủ bát. Có lẽ đó là một sự bôi bác chế độ cũng nên.”

“Họ có tìm thấy khẩu súng không?” Cô vẫn không nhìn tôi. Cái âm cách một cái, tôi liền rót nước sôi vào trong cốc. “Có, họ tìm thấy rồi.”

“Khẩu súng mà ông định dùng để giết bố tôi ấy à.”

Tôi không ngoảnh lại. Vẫn tiếp tục pha cà phê. “Không có khẩu súng nào như thế,” tôi nói.

“Khẩu súng họ tìm thấy ở đây đã được ai đó bỏ vào để làm cho giống như là tôi sắp sử dụng nó để giết bố cô.”

“Chà, thế thì có tác dụng đấy.” Giờ đây thì cô nhìn thẳng vào tôi. Và khẩu TPH.22 cũng thế. Nhưng tôi luôn tự hào về tính hài hước của mình, bởi thế tôi vẫn rót sữa vào cà phê và châm một thìa thuốc. Điều đó làm cho cô điên tiết.

“Ông là đồ con hoang khốn kiếp đấy à?”

“Đừng nói tôi thế. Mẹ tôi yêu tôi lắm.”

“Thế à? Đây là lý do để tôi không bắn ông sao?”

Tôi đã mong rằng cô đừng nói gì đến súng, hay bắn, bởi biết đâu Bộ Quốc phòng chả đặt rệp điện tử đâu đó trong phòng, nhưng bởi vì cô đã khơi ra nên tôi khó lòng làm ngo được.

“Tôi có thể nói gì đây trước khi cô bắn cái đó chứ?”

“Nói đi.”

“Nếu chủ định dùng một khẩu súng để giết bố cô, sao tôi không mang nó theo đêm qua, khi tôi tới nhà cô ấy?”

“Có thể là ông đã mang.”

Tôi dừng lại để nhấp một ngụm cà phê.

“Trả lời rất hay,” tôi nói. “Được thôi, nếu tôi mang nó theo ngày hôm qua, tại sao tôi không dùng nó để bắn Rayner khi ông ta vịn tay tôi?”

“Có thể ông đã cố. Có thể đó chính là lý do ông ấy vịn tay ông.”

Trời đất ạ, người đàn bà này làm tôi mệt mỏi quá.

“Một câu trả lời hay nữa. Được thôi, hãy nói tôi nghe. Ai bảo với cô rằng người ta tìm thấy súng ở đây?”

“Cảnh sát.”

“Không,” tôi nói. “Có thể họ đã nói họ là cảnh sát, nhưng không phải thế.”

Tôi đang định nhảy vồ lấy cô, có thể là ném cốc cà phê trước, nhưng giờ không có cơ hội nào rồi. Đằng sau cô, tôi trông thấy hai đệ tử của Solomon đang chậm chậm di chuyển qua phòng khách, gã già hơn cầm một khẩu ô quay cỡ lớn đưa ra phía trước trong tư thế hai tay giữ báng súng, còn gã trẻ tuổi hơn chỉ cười. Tôi quyết định để cho bánh xe công lý cọt kẹt một tẹo.

“Ai nói với tôi không quan trọng,” Sarah nói.

“Ngược lại là khác, tôi nghĩ nó rất quan trọng. Nếu người bán hàng bảo cô cái máy giặt đó rất tốt, đó là một chuyện. Nhưng nếu Tổng giám mục ở Canterbury bảo cô rằng nó tốt lắm, rằng nó có thể giữ bụi kẻ cả ở nhiệt độ thấp thì lại là chuyện khác hẳn.”

“Ông đang...”

Cô nghe thấy bọn họ khi họ chỉ ở cách cô vài bước, và khi cô quay lại thì gã trẻ tuổi đã chộp lấy cổ tay cô, ấn xuống rồi vặn ra phía ngoài một cách cực kỳ thành thạo. Cô kêu lên một tiếng ngắn, và khẩu súng trượt khỏi tay.

Tôi nhặt nó lên và chuyển qua cho gã già hơn, báng súng đi trước. Tỏ vẻ cho họ thấy tôi thực là một anh chàng ngoan ngoãn, giá mà thế giới có thể hiểu được.

Khi O’Neal và Solomon tới thì Sarah và tôi đã bị ấn xuống an tọa trên ghế sofa, hai gã theo dõi đang an vị quanh cửa vào, và chẳng ai trong số chúng tôi gọi chuyện. Và khi O’Neal đang om sòm ở nơi này, đột nhiên tôi có cảm tưởng như có rất nhiều người đang ở trong căn hộ. Tôi đề nghị đi ra lấy bánh, nhưng O’Neal đã thể hiện vẻ mặt “trách nhiệm bảo vệ thế giới phương Tây đặt cả lên vai tôi” một cách dữ dội nhất, bởi vậy tất cả chúng tôi đều im lặng ngó xuống tay mình.

Sau vài lời thì thâm với những người theo dõi, những gã này sau đó rút lui lặng lẽ, O’Neal bước tới hết chỗ này chỗ khác, nhặt thứ này, thứ kia lên mà bĩu môi. Hẳn ông ta đang chờ đợi điều gì, nó chưa ở trong phòng hoặc sắp sửa vào qua cửa, bởi vậy tôi đứng dậy bước tới chỗ điện thoại. Tôi vừa chạm vào thì nó reo lên. Đôi khi đời là thế.

Tôi cầm lấy ống nghe.

“Nghiên cứu Sau Đại học,” một giọng Mỹ chói tai.

“Ai đấy?”

“O’Neal phải không?” Có một chút bức dọc trong giọng nói. Hẳn không phải là người để anh hỏi xin một cốc đường.

“Không, nhưng ông O’Neal đang ở đây,” tôi nói. “Ai đang gọi đây?”

“Đưa cái ống nghe chết giẫm cho O’Neal đi,” người đó nói. Tôi quay lại thì thấy O’Neal đang sải bước về phía tôi, bàn tay vờ ra.

“Đi chỗ nào học xử sự cho tử tế tí đi nhé,” tôi nói và gác máy.

Yên lặng một chút, và rồi có rất nhiều thứ dường như xảy ra đồng thời. Solomon dẫn tôi lại ghế sofa, không quá thô bạo nhưng cũng không ân cần lắm, O’Neal hét gọi mấy tay theo dõi, những tay theo dõi hét gọi nhau, và chuông điện thoại lại reo.

Chộp lấy điện thoại xong là O’Neal thấy khó chịu với cái dây ngay vì nó không hợp lắm với nỗ lực truyền tải sự điềm tĩnh bậc thầy như ông ta làm trước đây. Hiên nhiên là trong thế giới của O’Neal có nhiều kẻ tép riu hơn nhiều so với cái giọng Mỹ chói tai ở đầu dây bên kia.

Solomon đẩy tôi xuống gần chỗ Sarah, cô co người lại ghê tởm. Cũng khá đặc biệt khi có nhiều người ghét mình đến thế trong căn nhà của chính mình.

O’Neal gật đầu và vâng dạ khoảng một phút gì đó, rồi rất nhẹ nhàng đặt ống nghe xuống. Ông ta nhìn Sarah.

“Cô Woolf,” ông ta nói, ở mức lịch sự nhất có thể, “cô cần tới gặp ông Russell Barnes ở Đại sứ quán Mỹ càng nhanh càng tốt. Một trong các ông đây sẽ chở cô đi.” O’Neal nhìn đi chỗ khác, ý chừng mong chờ cô dựng dậy ngay lập tức và biến đi. Nhưng Sarah vẫn ngồi nguyên chỗ cũ.

“Lấy que chọc mẹ vào đít ông ấy,” cô nói.

Tôi phá lên cười.

Thực ra chỉ có mình tôi cười, và O’Neal bắn cái nhìn khét tiếng của ông ta về phía tôi. Song Sarah thì vẫn trân trân nhìn ông ta.

“Tôi muốn biết người ta sẽ làm gì với người này,” cô nói. Cô hất cằm về phía tôi, bởi vậy tôi nghĩ tốt nhất là thôi không cười nữa.

“Ông Lang cứ để chúng tôi lo, cô Woolf,” O’Neal nói. “Bản thân cô có bốn phạm tội sử quán nước cô, lúc...”

“Các ông không phải là cảnh sát, đúng không?” Cô nói.

O’Neal nhìn không được thoải mái.

“Không, chúng tôi không phải cảnh sát,” ông ta đáp một cách cẩn trọng.

“Tôi muốn cảnh sát đến đây, và tôi muốn gã này phải bị bắt vì có ý đồ giết người. Hắn ta đã cố giết bố tôi, và theo tất cả những gì tôi biết thì hắn ta sẽ lại làm điều đó.”

O’Neal nhìn cô, nhìn tôi, rồi nhìn Solomon. Ông ta dường như muốn nhận được giúp đỡ từ một trong số chúng tôi, nhưng tôi tin là ông ta sẽ chẳng được gì.

“Cô Woolf, tôi được ủy quyền để thông báo với cô...” Ông ta dừng lại, hồ như không thể nhớ ra rằng có thật mình được ủy quyền hay không, và nếu đúng thế thì cái người ủy quyền cho mình thực có ý đó không. Ông ta nhăn mũi một lúc, sau cùng mới quyết định tiếp tục.

“Tôi được ủy quyền thông báo với cô rằng bố của cô, ở thời điểm này, đang là đối tượng điều tra của cơ quan tình báo của chính phủ Mỹ, được hỗ trợ bởi phòng của tôi ở Bộ Quốc phòng.” Những lời đó rơi xuống sàn nhà kêu lách cách, còn chúng tôi chỉ ngồi yên như thế. O’Neal chuyển cái nhìn sang

tôi. “Chúng tôi có toàn quyền trong việc bắt ông Lang đây, hoặc trong bất kỳ hành động nào ảnh hưởng tới bố cô và các hoạt động của ông ấy.”

Tôi không phải là người giỏi đọc vị người khác, nhưng tôi có thể thấy tất cả chuyện này xảy đến như một cú sốc đối với Sarah. Khuôn mặt cô đã chuyển từ xám sang trắng.

“Những hoạt động gì?” Cô nói. “Bị điều tra cái gì?” Giọng cô căng thẳng. O’Neal trông không thoải mái, và tôi biết rằng ông ta đang sợ rằng cô sẽ khóc.

“Chúng tôi nghi ngờ bố cô,” cuối cùng ông ta lên tiếng, “đang nhập các chất cấm loại A vào châu Âu và Bắc Mỹ.”

Căn phòng trở nên thật yên lặng và mọi người đều nhìn Sarah. O’Neal hắng giọng.

“Bố cô buồn ma túy, cô Woolf.” Giờ lại tới lượt cô cười toáng lên.

Bốn

Có một con rắn ẩn mình trong cỏ.

VIRGIL

Như tất cả mọi chuyện tốt cũng như xấu, cuối cùng thì việc này cũng kết thúc. Các hình nhân Solomon đưa Sarah tới quảng trường Grosvenor trên chiếc xe Rover của họ, còn O'Neal thì gọi một chiếc taxi, nhưng mãi xe mới đến, khiến ông ta có thêm thời gian để cười nhạo đồ đạc của tôi. Solomon thật thì ở lại để rửa mấy cái cốc, rồi sau đó gợi ý hai chúng tôi nên ra ngoài uống một chút bia ấm thơm ngon.

Mới chỉ năm giờ rưỡi, thế mà các quán bar đã đầy ắp bọn trai trẻ mặc vest và để ria lạc kiểu, kháo chuyện trên trời dưới biển. Chúng tôi xoay xở tìm được một bàn ở quán Thiên Nga Hai Cỗ, nơi Solomon lục lợi ra hàng đồng tiền lẻ từ hai túi quần. Tôi bảo tính nó vào chi phí công vụ, thế là anh ta bảo tôi lấy từ khoản ba mươi ngàn bảng của tôi ra mà trả. Chúng tôi tung đồng xu, và tôi thua.

“Thật biết ơn sự tốt bụng của ngài, ông chủ.”

“Uống nào, David.” Cả hai chúng tôi đều tu một hơi dài, rồi tôi châm một điếu thuốc.

Tôi chờ xem Solomon có gợi chuyện bằng vài lời nhận xét về những sự việc đã diễn ra hai mươi tư giờ vừa rồi không, nhưng có vẻ anh ta thấy hài lòng với việc chỉ ngồi đó lắng nghe một tụi cò nhà đất ở bàn bên bàn bạc về những hệ thống báo động trong xe. Anh ta cố làm cho tôi cảm thấy như thể ra đây ngồi là ý tưởng của tôi, mà tôi thì không có ý đó.

“David.”

“Thưa ngài.”

“Thế này có phải là thân hữu không?”

“Thân hữu?”

“Anh được người ta yêu cầu rủ tôi ra ngoài phải không? Vỗ vào lưng tôi, chuốc cho tôi say, tìm hiểu xem tôi có ngủ với Công nương Margaret không à?”

Solomon luôn bực dọc khi thấy người khác có những phát ngôn khinh thị Hoàng gia, đó chính là lý do tại sao tôi làm thế.

“Tôi được yêu cầu ở cạnh ngài,” cuối cùng thì anh ta nói. “Tôi nghĩ sẽ thú vị hơn một chút nếu chúng ta ngồi cùng bàn, thế thôi.” Dường như anh ta nghĩ điều đó đã trả lời câu hỏi của tôi.

“Thế chuyện gì đang diễn ra ở đây?” Tôi nói.

“Đang diễn ra?”

“Này David, nếu như anh cứ ngồi đó, tròn mắt ra, nhắc lại tất cả những gì tôi nói như thể anh sống cả đời trong truyện cổ tích ấy, thì buổi tối hôm nay sẽ chán tẻ đấy.”

Im lặng một chút.

“Buổi tối chán tẻ?”

“Thôi nào, im đi. Anh biết tôi mà, David.”

“Tôi quả thực có đặc ân đó.”

“Tôi có thể thưởng vàng hạ cám thật, nhưng tôi chắc chắn không phải là một sát thủ.”

“Kinh nghiệm lâu năm trong vấn đề này,” anh ta uống thêm một hơi bia dài rồi chẹp môi, “đã cho tôi thấy, thưa ông chủ, rằng tất cả mọi người chắc chắn đều không phải sát thủ, cho tới khi họ trở thành sát thủ.”

Tôi nhìn anh ta một thoáng.

“Tôi sắp chửi thề đây, David.”

“Nếu như ngài muốn.”

“Cái câu chết tiệt đó nghĩa là gì thế?”

Bọn buôn bắt động sản đã bàn sang chủ đề ngực phụ nữ, từ đó họ moi ra được bao nhiêu chuyện hài hước. Nghe họ nói, tôi có cảm giác mình già đi những một trăm bốn chục tuổi.

“Giống như những tay chủ nuôi chó ấy,” Solomon nói. “Họ bảo, ‘chó của tôi không cắn ai cả’. Cho tới một ngày họ thấy mình nói ‘ồ, nó chưa từng làm thế trước kia’.”

Anh ta nhìn tôi và thấy tôi đang cau mày. “Điều tôi muốn nói là, chẳng có ai thực sự biết ai. Bất kỳ người nào hoặc bất kỳ con chó nào. Không *thực sự* hiểu hết được.”

Tôi dẫn mạnh cốc xuống bàn.

“Chẳng ai thực sự biết ai? Ấn tượng đấy. Ý anh là bất chấp việc chúng ta đã đi guốc trong bụng nhau suốt hai năm nay, anh vẫn không biết tôi có thể giết người để lấy tiền hay không?” Thú thực là lúc đó tôi hơi nổi nóng. Còn bình thường tôi không mấy khi nổi nóng.

“Thế ngài nghĩ là tôi có thể biết không?” Solomon hỏi. Nụ cười bốn cọt vẫn trên miệng.

“Tôi có nghĩ rằng anh có thể giết người lấy tiền không á? Không, tôi không nghĩ thế.”

“Chắc không?”

“Chắc.”

“Thế ngài là thằng đàn rồi, thưa ngài. Tôi đã giết một người đàn ông và hai mẹ đàn bà.”

Tôi biết điều đó. Tôi cũng biết nó ảnh hưởng như thế nào tới anh ta.

“Nhưng không phải vì tiền,” tôi nói. “Không phải là ám sát.”

“Tôi là một bầy tôi của Hoàng gia, thưa ông chủ. Chính phủ trả tiền nhà cho tôi. Dù ngài nhìn nhận chuyện đó kiểu gì, và hãy tin tôi, tôi đã nhìn nó theo nhiều cách khác nhau, cái chết của ba con người đó đã mang lại bát cơm cho tôi. Uống thêm cốc nữa nhé?”

Trước khi tôi nói được gì, anh ta đã cầm cốc của tôi mà đi về phía quầy.

Khi nhìn anh ta đi xuyên qua mấy tay buôn bắt động sản, tôi chợt nghĩ về những trò cao bồi và da đỏ mà Solomon và tôi đã chơi cùng nhau ở Belfast.

Những ngày vui vẻ, chỉ loáng thoáng có vài tháng tệ hại.

Đó là năm 1986, và Solomon có giấy gọi, cùng với chục người khác từ Lực lượng Cảnh sát Đặc biệt Đô thành, bổ sung tạm thời vào Cảnh sát Hoàng gia Ireland vốn khá là chó chết. Anh ta đã sớm chứng tỏ mình là người duy nhất trong nhóm xứng đáng có vé máy bay, bởi vậy tới cuối khóa một vài tay lão luyện vốn cực kỳ khó tính đã yêu cầu anh ta ở lại thử sức với quân đội trung thành của Hoàng gia, và anh ta nhận lời.

Cách đó nửa dặm, trong mấy căn phòng phía trên Đại lý Du lịch Tự do, tôi đang phục vụ năm cuối trong tám năm quân ngũ và được biệt phái tới một

đơn vị được đặt tên khá sành điệu là GR24, một trong rất nhiều đơn vị tình báo vẫn từng ganh đua trong lĩnh vực thương mại ở Bắc Ireland, và có lẽ bây giờ vẫn thế. Những bạn đồng ngũ với tôi hầu hết là cựu học sinh Eton, họ đeo cà vạt khi tới sở và thường bay tới các bãi sân gà gô trắng Scotland vào cuối tuần, tôi thấy mình càng ngày càng có nhiều thời gian hơn với Solomon, chủ yếu là khi đợi trong xe ô tô với bộ sườn không hoạt động.

Nhưng đôi khi chúng tôi cùng ra ngoài làm cái gì đó hữu ích, và trong khoảng chín tháng làm việc cùng nhau, tôi đã thấy Solomon làm rất nhiều việc dũng cảm và phi thường. Anh ta đã lấy đi ba mạng sống, nhưng lại cứu hàng chục mạng khác, kể cả tôi. Bọn cò nhà đất đang cười cợt cái áo mưa màu nâu của anh ta.

“Woolf là một tay đều, ngài biết không,” anh ta nói.

Chúng tôi đã tới cốc thứ ba, và Solomon đã cởi nút áo trên cùng. Hẳn tôi cũng làm thế nếu có một chiếc như vậy. Quán giờ đã thưa hơn, vì người ta đã về nhà với vợ con, hoặc đi xem phim. Tôi châm điếu thuốc không biết thứ bao nhiêu trong ngày.

“Bởi vì ma túy?”

“Bởi vì ma túy.”

“Có gì khác không?”

“Có cần thiết phải có gì khác không?”

“Ừm, có.” Tôi nhìn sang Solomon. “Cần có cái gì đó khác chứ, nếu không thì đội Chó Ma túy đã lo vụ này rồi. Ông ta đã làm gì liên quan tới bọn anh thế? Hay là dạo này chẳng có việc gì làm nên các anh vợ bèo gặt tép?”

“Tôi chưa từng nói từ nào về chuyện đó.”

“Tất nhiên là anh chưa nói.”

Solomon ngừng lại, cân đong từ ngữ và hiển nhiên là đang tìm một vài từ khá nặng.

“Một người rất giàu có, một nhà tư bản, tới đất nước này mà nói ông ta muốn đầu tư ở đây. Bộ Công thương mời ông ta một cốc rượu và đưa mấy quyển thông tin bìa bóng, rồi ông ta bắt tay vào việc. Ông ta bảo họ, ông ta muốn sản xuất một loạt kết cấu kim loại và nhựa và hỏi nếu xây dựng nửa tá nhà máy ở Scotland và Đông Bắc Anh quốc thì có được không? Một đôi người ở Bộ Thương mại vì phấn khích quá đã đề nghị trợ cấp cho ông ta hai trăm triệu bảng và một suất đỗ xe ở Chelsea. Tôi không chắc là cái nào có giá hơn.”

Solomon nhấp thêm một chút bia rồi lấy mu bàn tay quệt miệng. Anh ta đang rất tức giận.

“Thời gian trôi đi. Tiền trong séc thì đã rút rồi, các nhà máy đã được xây dựng, và chuông điện thoại reo ở khu chính phủ nhà ta. Đó là một cuộc gọi quốc tế, từ Washington. Liệu chúng tôi có biết trước rằng một nhà tư bản kéch xù vốn sản xuất các thứ đồ nhựa lại cũng buôn bán một lượng lớn thuốc phiện từ châu Á không ư? Trời ạ, không, chúng tôi không biết điều đó, cảm ơn rất nhiều đã cho chúng tôi biết, xin gửi tình cảm sâu sắc tới bà nhà và các cháu. Kinh hãi. Nhà công nghiệp giàu có hiện đang ngồi trên một núi tiền của chúng ta và đang sử dụng ba nghìn lao động là công dân của chúng ta.”

Đến lúc này, Solomon có vẻ hụt hơi, như thể nỗ lực kiềm chế cơn nóng giận là quá sức với anh ta. Nhưng tôi không thể chờ thêm.

“Bởi vậy?”

“Bởi vậy một hội đồng bao gồm những ông và những bà không hẳn là thông minh lắm đã chụm những cái đầu bự chẳng của họ lại với nhau định ra những phương án hành động khả thi. Danh sách đó bao gồm không làm

gì cả, không làm gì cả, không làm gì cả, hoặc gọi 999 yêu cầu cảnh sát. Điều duy nhất mà họ chắc chắn là họ không thích phương án cuối cùng.”

“Còn O’Neal...?”

“O’Neal nhận việc đó. Theo dõi. Ngăn chặn. Giảm thiểu tổn thất. Gọi nó bằng cái tên bốn cột nào cũng được, nếu ngài thích.” Đối với Solomon, “bốn cột” là một từ mạnh. “Tất nhiên là chẳng hành động nào trong số đó đụng chạm tí ti gì đến Alexander Woolf.”

“Tất nhiên không rồi,” tôi nói. “Giờ Woolf đang ở đâu?” Solomon liếc nhìn đồng hồ.

“Vào lúc này ông ta đang ngồi ghế số 6C trên một chiếc 747 của Hàng không Anh quốc từ Washington tới Luân Đôn. Nếu sành ăn, có thể ông ta đã chọn thịt bò Wellington. Cũng có thể ông ta là người thích cá, nhưng tôi nghi ngờ điều đó.”

“Phim thì là phim gì?”

“*Khi em đang ngủ.*”

“Tôi bị ấn tượng đấy,” tôi nói.

“Cái thú vị là ở các chi tiết, thưa ông chủ. Không phải vì một việc nào đó vốn dĩ chẳng ra gì mà chúng ta buộc phải làm nó một cách chẳng ra gì.”

Chúng tôi hóp thêm chút bia trong yên lặng đầy dễ chịu. Nhưng tôi phải hỏi anh ta.

“Này David.”

“Xin cứ sai bảo, ông chủ.”

“Phiền anh giải thích tại sao tôi lại dính vào tất cả chuyện này?” Anh ta nhìn tôi bằng vẻ như sắp bảo “ngài giải thích cho tôi thì có” cho nên tôi vội tiếp. “Ý tôi là, ai muốn ông ta chết, và sao lại phải làm ra vẻ tôi là kẻ ra tay?”

Solomon uống cạn cốc bia.

“Tại sao thì không biết,” anh ta nói. “Còn về ai, chúng tôi nghĩ có thể là CIA.”

Suốt đêm tôi trở mình trần trọc, lật qua lật lại, dậy hai lần để thu băng những đoạn độc thoại ngu xuẩn về tình huống hiện tại với cái máy thu âm tiết kiệm tiền thuế của tôi. Trong toàn bộ chuyện này, có những cái làm tôi lo lắng, lại có những cái khiến tôi sợ hãi, nhưng Sarah Woolf thì cứ xuất hiện mãi trong đầu tôi và chẳng chịu rời đi.

Tôi không yêu cô ấy, anh hiểu chứ. Làm sao có thể thế được? Rốt cuộc thì tôi cũng chỉ có vài giờ cùng với cô và chẳng phải trong hoàn cảnh thoải mái gì. Không. Chắc chắn là tôi không yêu cô. Phải có gì nhiều hơn một cặp mắt sáng màu xám và một mớ tóc nâu sẫm bồng bênh mới cuốn hút được tôi.

Vì Chúa.

Đúng chín giờ sáng hôm sau tôi thắt cà vạt Garrick, cài nột cúc áo, và đúng chín rưỡi tôi nhấn chuông quầy hướng dẫn tại Ngân hàng Nhà nước Westminster ở Swiss Cottage. Tôi không có kế hoạch hành động rõ ràng trong đầu, nhưng tôi nghĩ biết đâu tới gặp trực tiếp ông giám đốc ngân hàng lần đầu tiên trong vòng mười năm lại giúp tôi phần chần chừ, cho dù số tiền trong tài khoản không phải của tôi.

Tôi được chỉ vào một phòng đợi bên ngoài văn phòng giám đốc, và người ta cho tôi một cốc cà phê bằng nhựa quá nóng để uống cho tới khi, chỉ trong khoảng một phần trăm giây, nó đột ngột trở nên quá nguội. Tôi đang

cổ đồ hết vào một cái cây nhựa ở đằng sau thì một cậu- trai- chín- tuổi với mái tóc màu nghệ thò đầu ra khỏi cửa, ra hiệu cho tôi vào, rồi tự giới thiệu mình là Graham Halkerston, Giám đốc chi nhánh.

“Tôi có thể làm gì cho ông, ông Lang?” Anh ta nói, yên vị sau chiếc bàn trẻ trung, sơn màu nghệ.

Tôi tạo cái tư thế mà tôi nghĩ là ra điều mình có việc rất ư quan trọng trên chiếc ghế đối diện anh ta, đoạn vuốt thẳng cà vạt.

“À, thưa ông Halkerston,” tôi nói, “tôi muốn tìm hiểu về số tiền gần đây được chuyển vào tài khoản của tôi.”

Anh ta liếc xuống tờ giấy mới được in ra trên bàn. “Có phải là số tiền được gửi hôm mùng 7 tháng Tư?”

“Mùng 7 tháng Tư,” tôi nhắc lại một cách cẩn trọng, cố không để nó lẫn lộn với những khoản thanh toán ba mươi ngàn bảng khác mà tôi nhận được tháng đó. “Vâng,” tôi nói. “Có vẻ là cái đó.”

Anh ta gật đầu.

“Hai mươi chín ngàn, bốn trăm mười một bảng và bảy mươi sáu xu. Ông có định chuyển tài khoản không, ông Lang? Bởi vì chúng tôi có rất nhiều tài khoản với mức lãi suất cao hơn có thể phù hợp với nhu cầu của ông.”

“Nhu cầu của tôi?”

“Vâng. Dễ dàng truy cập, lãi suất cao, sáu mươi ngày miễn thưởng, tùy ông chọn.”

Nghe một người nói những cụm từ đó cứ thấy lạ lạ kiểu gì ấy. Cho tới giờ phút ấy trong đời, tôi mới chỉ thấy những thứ như thế trên các biển quảng cáo.

“Tuyệt,” tôi nói. “Tuyệt. Ông Halkerston, hiện thời nhu cầu của tôi chỉ đơn giản là nhờ ông giữ số tiền đó trong một căn phòng với một chiếc khóa ra trò trên cửa.” Anh ta bần thần nhìn tôi. “Tôi muốn biết nguồn gốc số tiền được chuyển.” Mặt anh ta chuyển từ bần thần sang ngay đơ ra. “Ai chuyển cho tôi số tiền đó, ông Halkerston?”

Tôi nhận ra rằng những khoản giúp đỡ hảo tâm không phải là chuyện thường gặp trong giao dịch ngân hàng, và mất một lúc thần người, rồi sau đó giấy tờ sột soạt một chút, rồi Halkerston mới trở lại bình thường.

“Việc thanh toán thực hiện bằng tiền mặt,” anh ta nói, “bởi vậy tôi không có thông tin về nơi chuyển. Nếu ông có thể đợi một chút, tôi sẽ sao cho ông phiếu thanh toán.” Anh ta nhấn nút thoại nội bộ và gọi Ginny, người này hồi hải mang một tập tài liệu vào. Trong khi Halkerston lật giở, tôi phải tự hỏi làm sao Ginny có thể giữ được đầu ngẩng lên dưới sức nặng của các thứ mỹ phẩm quét trên mặt như vậy. Có thể sâu bên dưới chúng cô ta cũng khá xinh đẹp. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được.

“Đây rồi,” Halkerston nói. “Tên của người thanh toán không được điền vào, nhưng có chữ ký. Offer. Hoặc có thể là Offee. T Offee, đúng thế.”

Phòng xử án của Paulie nằm ở Middle Temple, mà tôi nhớ rằng anh ta nói ở đâu đó gần đường Fleet, và cuối cùng tôi đã tới được đó nhờ sự trợ giúp của một chiếc taxi màu đen. Đó không phải là phương tiện đi lại thường xuyên của tôi, nhưng trong lúc ở ngân hàng tôi đã quyết định rút vài trăm bảng trong số tiền trả bằng máu của mình để chi tiêu thì cũng chẳng hại gì.

Paulie đang trong phiên tòa xử một vụ tông-xe-rồi-chạy, đóng vai trò má-phanh-người trong cái bánh xe công lý, bởi vậy tôi không được vào phòng xử án của Milton Crowley Spencer. Thay vào đó tôi phải trả lời những cật vấn của người thư ký về “vấn đề” của tôi và tới khi ông ta kết thúc chuyện đó tôi thấy còn chán thậm tệ hơn bất kỳ lần nào tôi phải đi khám hoa liễu.

Thế không có nghĩa là tôi đã đi khám hoa liễu nhiều lần đâu.

Vượt qua bài kiểm tra sơ bộ, tôi được phép ngồi cho hạ nhiệt tại một phòng chờ để đầy các số cũ của tờ *Expressions*, tập san dành cho người dùng thẻ tín dụng của American Express. Bởi vậy tôi cứ ngồi đó đọc về những nhà tạo mẫu quần có tiếng ở phố Jermyn, những người dệt tất ở Northampton, những người làm mũ ở Panama, và khả năng Kerry Packer sẽ giành giải Vô địch Polo Veuve Clicquot ở câu lạc bộ Smith's Lawn năm nay thế nào, và hầu như đọc qua tất cả những tin nổi bật, cho tới khi người thư ký quay lại và nhướn mắt về sổ sàng vài lần với tôi.

Tôi được dẫn vào một căn phòng rộng lát gỗ sồi có những giá treo tranh “Nữ hoàng và phần còn lại của thế giới” trên ba mặt tường, và một dãy tủ gỗ dọc theo bức tường thứ tư. Có một bức ảnh trên bàn chụp ba thiếu niên, trông như được cắt ra từ một cuốn catalogue, cạnh đó là một bức ảnh ký tên Denis Thatcher. Tôi đang nghiên ngẫm cái sự thật kỳ quặc rằng cả hai bức ảnh đều hướng ra ngoài cái bàn đó thì một cánh cửa phụ mở ra và Spencer đột ngột xuất hiện.

Và đó là một sự xuất hiện ấn tượng. Ông ta là một phiên bản của Rex Harrison nhưng cao hơn, với mái tóc màu xám, kính bán nguyệt và một cái áo trắng lôm lốp chắc hẳn là tốn nhiều điện nước lắm. Quả thực tôi không nhìn thấy ông ta hẹn giờ đồng hồ khi ngồi xuống.

“Ông Fincham, xin lỗi làm ông phải chờ, mời ông ngồi.”

Ông ta ra hiệu quanh phòng, như bảo tôi chọn, nhưng ở đó chỉ có duy nhất một chiếc ghế. Tôi vừa ngồi xuống thì đã phải đứng phắt lên bởi vì cái ghế kêu kêu kẹt kẹt như thể gỗ đang bị nứt ra. Tiếng kêu rất to, nghe quần quai khổ sở đến nỗi tôi tưởng như người đi ngoài phố thấy đều dừng lại, đang ngóng lên cửa sổ, phân vân không biết có nên gọi cảnh sát không. Spencer thì dường như không để ý điều đó.

“Tôi không nghĩ là đã gặp ông ở câu lạc bộ,” ông ta nói, nở nụ cười đất giá.

Tôi lại ngồi xuống, mặc chiếc ghế gào thét lần nữa, loay hoay tìm thế ngồi khả dĩ giúp cuộc nói chuyện của chúng tôi ít nhiều to hơn tiếng gõ kêu.

“Câu lạc bộ?” Tôi hỏi, rồi nhìn xuống khi ông ta ra dấu về cái cà vạt của tôi.

“À, ý ông là câu lạc bộ Garrick hả?”

Ông ta gật đầu, vẫn cười cười.

“Ồ, không,” tôi nói, “tôi không thường xuyên lên phố như ý muốn.” Tôi phẩy tay ra về ngụ ý về khoảng vài ngàn mẫu Anh ở Wiltshire cùng vô số chó săn. Ông ta gật đầu, như thể hình dung được chính xác chỗ đó, và có thể sẽ ghé vào ăn trưa nếu lần sau đi ngang qua.

“Giờ thì,” ông ta nói, “tôi có thể giúp gì cho ông nào?”

“À, chuyện này khá tế nhị...” Tôi bắt đầu.

“Ông Fincham,” ông ta nhẹ nhàng ngắt lời, “nếu như có một ngày các thân chủ tới gặp tôi mà nói rằng cái chuyện khiến ông ta hoặc bà ta cần đến lời khuyên của tôi là không tế nhị, thì lúc đó tốt nhất là tôi nên cởi áo xin về vườn.” Từ vẻ mặt ông ta, tôi có thể thấy là ông ta trông chờ tôi tiếp thu điều ấy như một lời nhận xét dí dỏm. Tất cả những gì tôi nghĩ được là câu ấy có lẽ đã làm tôi tốn mất ba mươi bảng.

“Ồ, thật thú vị,” tôi nói, để ra vẻ mình đã cảm được câu đùa. Chúng tôi cười thoải mái với nhau. “Vấn đề là,” tôi tiếp tục, “một người bạn của tôi gần đây có nói với tôi rằng ông đã hết sức nhiệt tình khi tiến cử cho ông ta vài người có những kỹ năng đặc biệt.”

Có một khoảng lặng, như tôi đã dự đoán trước. “Tôi hiểu rồi,” Spencer nói. Nụ cười của ông ta từ từ tắt dần, cặp kính được tháo xuống, và cái cằm vênh lên năm độ. “Liệu tôi có hân hạnh được biết tên người bạn của ông không?”

“Tôi không nên nói ra vào lúc này. Ông ta bảo tôi rằng ông ta cần... kiểu như là vệ sĩ, một người có thể được dùng cho một số nhiệm vụ bất thường, và ông đã cho ông ta vài cái tên.”

Spencer ngả người ra sau ghế dò xét tôi. Từ đầu tới chân. Tôi có thể nói rằng cuộc phỏng vấn đã kết thúc và giờ là lúc ông ta quyết định nói với tôi theo cách nhã nhặn nhất. Một lúc sau, ông ta từ từ hít một hơi qua cái mũi được chế tác khá đẹp của mình.

“Có thể là,” ông ta nói, “ông đã hiểu lầm những dịch vụ mà chúng tôi phục vụ tại đây, thưa ông Fincham. Chúng tôi là một công ty luật. Luật sư. Chúng tôi tranh tụng trước tòa. Đó là chức năng của chúng tôi. Và tôi nghĩ đây chính là chỗ khởi đầu những rối rắm, chúng tôi không phải trung tâm giới thiệu việc làm. Nếu như bạn của ông hài lòng với sự phục vụ ở đây thì tôi rất vui. Nhưng tôi hy vọng và tin tưởng rằng đó là việc liên quan đến tư vấn luật nhiều hơn là giới thiệu người làm.” Từ miệng ông ta chữ “*người làm*” nghe đầy vẻ khó chịu. “Xem chừng tốt hơn là ông hãy liên lạc với bạn của mình để bảo đảm cho chắc về những thông tin ông muốn có?”

“Đó chính là vấn đề đấy,” tôi nói. “Bạn tôi đã đi xa rồi.” Ngừng một chút rồi Spencer chậm chậm chớp mắt. Có cái gì đó là lạ, xác xược trong cái chớp mắt từ từ đó. Tôi biết thế, bởi vì bản thân tôi cũng từng làm thế.

“Ông cứ tự nhiên sử dụng điện thoại trong phòng thư ký.”

“Ông ấy không để lại số.”

“Chúa ơi, ông Fincham, thế thì khó cho ông rồi. Giờ nếu ông thứ lỗi...” Ông ta đưa cặp kính lại lên mũi rồi chăm chú đọc những giấy tờ trên bàn.

“Bạn tôi muốn có một ai đó sẵn sàng giết người,” tôi nói.

Cặp kính lại được gỡ ra, cái cằm lại hất lên. “Vậy đó.”

Một khoảng lặng dài.

“VẬY ĐÓ,” ông ta lại nói. “Đó là một hành vi phạm pháp, và chắc chắn ông ta không thể nhận được bất kỳ trợ giúp nào từ nhân viên của hãng này, thưa ông Fincham...”

“Ông ta đảm bảo với tôi rằng ông đã giúp đỡ...”

“Ông Fincham, tôi nói thẳng nhé.” Giọng nói đã trở nên đanh thép đáng kể, và tôi chợt nhận ra rằng sẽ rất thú vị khi được xem ông Spencer trước tòa. “Trong đầu tôi chợt dấy lên hoài nghi rằng có thể ông đang đóng kịch ở đây để như người khác *sập bẫy*.” Ông ta phát âm từ đó, “agent provocateur” với ngữ điệu Pháp rất tự tin, không chệ vào đâu được. Ông ta có một căn biệt thự ở Provence mà. “V ị động cơ gì thì tôi không rõ,” ông ta tiếp tục. “Tôi cũng không hứng thú lắm. Tuy thế, tôi từ chối nói thêm bất cứ điều gì nữa với ông.”

“Trừ phi ông tới cùng với một luật sư.”

“Chúc ông một ngày tốt lành, ông Fincham.” Ông ta lại đeo kính lên.

“Bạn tôi nói rằng ông đã thực hiện việc thanh toán cho nhân viên mới của ông ấy.”

Không có câu trả lời. Dẫu biết rằng sẽ không lấy thêm được câu trả lời nào nữa từ Spencer, nhưng tôi nghĩ cứ tiếp tục gia tăng sức ép xem sao. “Bạn tôi nói rằng tự ông ký cuốn séc,” tôi nói. “Tự tay ông.”

“Ông làm tôi chóng mặt với những thông tin về ông bạn của ông quá, thưa ông Fincham. Tôi xin lặp lại, chúc ông một ngày tốt lành.”

Tôi đứng dậy đi về phía cửa. Cái ghế gào lên vì được giải thoát.

“Thế lời đề nghị về vụ gọi điện thoại vẫn còn giá trị đấy chứ?”

Ông ta vẫn không ngẩng lên.

“Chi phí cuộc gọi sẽ được tính vào hóa đơn của ông.”

“Hóa đơn gì?” Tôi nói. “Ông chẳng cho tôi cái gì cả.”

“Tôi đã cho ông thời gian của tôi, ông Fincham. Còn nếu ông không muốn sử dụng nó, đó hoàn toàn là vấn đề của ông.”

Tôi mở cửa.

“Dù sao cũng cảm ơn ông, ông Spencer. Mà này...” Tôi chờ cho tới khi ông ta ngẩng lên. “Có một số kẻ ở Garrick nói xấu là ông chơi bài brít ăn gian. Tôi đã nói với những người ở đó rằng đây chỉ là những chuyện rác rưởi vô lý, nhưng ông biết những chuyện kiểu đó mà. Bọn họ đã có sẵn những ý nghĩ như thế trong đầu. Tôi nghĩ là ông nên biết chuyện ấy.”

Thảm hại. Nhưng tất cả những gì tôi nghĩ được lúc đó chỉ có thế.

Cảm thấy tôi không phải là một người *quá đỗi tử tế*, gã thư ký đã cảnh báo tôi, một cách cẩu thả, rằng hãy chờ hóa đơn thanh toán dịch vụ gửi tới nhà trong vài ngày tới.

Tôi cảm ơn sự tốt bụng của ông ta và quay về phía cầu thang. Trong lúc làm thế, tôi thấy có ai đó nữa đang bước cùng lối với tôi qua những số cũ của tờ *Expressions*, tập san của những người dùng thẻ American Express.

Những người đàn ông béo lùn mặc vest xám: phạm trù này rất rộng.

Những người đàn ông béo lùn mặc vest xám mà tôi đã từng nắm bùi dái tại quầy rượu một khách sạn ở Amsterdam: phạm trù này rất hẹp.

Nhỏ xíu, đúng ra là thế.

Năm

Nhặt một cọng rơm rồi tung nó lên không, anh sẽ biết gió thổi chiều nào.

JOHN SELDEN

Bám theo một ai đó mà không để cho họ biết chẳng hề dễ như trở bàn tay như trong phim ảnh. Tôi đã chứng kiến vài vụ theo dõi chuyên nghiệp, và những vụ mà chuyên gia theo dõi trở về bản doanh báo cáo “chúng tôi mất dấu anh ta hay cô ta rồi” thì còn nhiều hơn. Trừ khi con mồi của anh điếc, đui và què, anh cần ít nhất cả tá người và điện đài sóng ngắn trị giá năm mươi ngàn bảng để làm cho tươm tất.

Vấn đề với McCluskey là hắn ta, theo thuật ngữ chuyên môn, là “một tay chơi” - kẻ biết mình có thể là mục tiêu, và biết cách đối phó. Tôi không thể mạo hiểm tới quá gần, và cách duy nhất để tránh điều đó là chạy, ở những đoạn thẳng thì trở lại bình thường, rồi chạy hết tốc độ khi hấn vào chỗ rẽ, dừng lại kịp thời nếu hấn quay lại. Một đội chuyên nghiệp thì chắc chắn không chấp nhận mấy chuyện này, bởi họ thì không thèm biết đến cái khả năng là kẻ bị theo dõi biết có ai đó đang theo dõi sau lưng hấn ta, người này có thể bắt đầu bắn khoả không hiểu cái kiểu chạy, đứng, nghiêng ngó kính cửa hàng kia thực ra là cái trò gì.

Đoạn đường đầu diễn ra khá dễ dàng. McCluskey đi từ phố Fleet dọc xuống tới Strand, nhưng khi tới Savoy, hấn nhảy ngang qua đường rồi đi lên phía Bắc vào quận Covent Garden. Sau đó hấn đi giữa vô số cửa hàng cửa hiệu, và dừng lại khoảng năm phút xem một người tung hứng phía ngoài nhà thờ Nghệ sĩ. Thoải mái rồi, hấn bước mau về phía đường Thánh Martin, ngang qua quảng trường Leicester rồi biến tôi thành thẳng đàn bằng cách đột ngột rẽ về hướng Nam vào quảng trường Trafalgar.

Khi chúng tôi tới cuối đường Haymarket, mồ hôi tôi túa ra như suối và tôi mong sao hấn vẫy một cái taxi. Nhưng hấn không làm thế cho tới khi đến tận đường Lower Regent, và sau đó hai mươi giây tôi bắt chiếc khác một cách đầy chật vật.

Tất nhiên là một chiếc khác. Ngay cả những kẻ theo dõi nghiệp dư cũng biết rằng đừng có lên cùng taxi với người mình đang theo dõi.

Tôi gieo mình xuống ghế và hét với người tài xế “bám theo cái taxi đó”, rồi nhận thấy thật lạ lùng làm sao khi nói như thế trong đời thực. Song người lái taxi thì dường như không thấy thế.

“Nói tôi nghe xem nào,” ông ta nói, “hấn ngủ với vợ ông à, hay ông ngủ với vợ hấn?”

Tôi cười như thể đó là lời tuyệt nhất tôi từng được nghe trong nhiều năm qua, đó là điều ta phải làm với các bác tài taxi nếu muốn xe đến đúng chỗ và đi đúng lộ trình.

McCluskey xuống xe ở Ritz, nhưng hấn là hấn bảo người tài xế chờ và vẫn để công tơ mét chạy. Tôi để hấn đi ba phút rồi mới làm tương tự với xe của tôi, nhưng, ngay khi tôi mở cửa xe, McCluskey quay trở lại và chúng tôi lên đường tiếp.

Xe chúng tôi bò dọc phố Piccadilly một lúc, rồi rẽ phải vào những con phố hẹp mà tôi không biết tí gì. Đây là kiểu lãnh thổ nơi những người thợ khéo tay xây dựng tư gia cho các chủ thẻ American Express.

Tôi rướn người lên định bảo tài xế đừng tới quá gần, nhưng vì đã làm những việc kiểu này trước đây hoặc đã thấy trên ti vi nên ông ta giữ khoảng cách khá tốt.

Xe của McCluskey dừng ở phố Cork. Thấy hấn trả tiền, tôi liền bảo bác tài vượt lên từ từ rồi thả tôi xuống khoảng gần hai trăm mét phía xa cuối

đường.

Đồng hồ hiện sáu bảng, tôi bèn đưa tờ mười bảng qua cửa kính và ngắm màn trình diễn trong mười lăm giây của vở tôi- không-chắc-là-có-tiền-lê-trả-lại, ngó giấy phép lái taxi số 99102, trước khi ra ngoài và quay đầu nhìn về cuối phố.

Trong mười lăm giây đó, McCluskey đã bốc hơi. Tôi đã theo hắn hai mươi phút và năm dặm, rồi để tuột mất hắn trong gần hai trăm mét cuối cùng. Tôi nghĩ cũng thật đáng đời, vì mình đã keo kiệt mấy đồng tiền boa.

Phố Cork chẳng có gì ngoại trừ các phòng trưng bày nghệ thuật, hầu hết có cửa sổ mặt tiền lớn, và một trong những thứ tôi nhận thấy ở các cửa sổ là chúng giúp cho việc nhìn từ trong ra ngoài cũng thuận tiện y như nhìn từ ngoài vào trong. Tôi không thể đi gì mũi vào tất cả các cửa sổ của mỗi phòng triển lãm cho tới khi tìm được hắn, bởi thế tôi quyết định phải mạo hiểm. Tôi xác định vị trí McCluskey xuống xe, rồi ngoặt vào cánh cửa gần nhất.

Nó bị khóa.

Tôi đang đứng đó nhìn đồng hồ, cố đoán xem cái phòng triển lãm này có thể mở cửa giờ nào nếu như không phải mười hai giờ, thì một cô gái tóc vàng mặc váy đen bó sát từ trong bóng tối xuất hiện và gạt chốt cửa. Cô mở cửa với nụ cười chào mừng, và rồi đột nhiên tôi dường như không còn lựa chọn nào khác là bước vào, niềm hy vọng tìm thấy McCluskey của tôi xẹp xuống sau mỗi một giây.

Vẫn để một mắt hướng ra cửa sổ trước mặt, tôi chìm vào khoảng không gian hơi tối của cửa hàng. Ngoại trừ cô gái tóc vàng, hồ như không còn ai khác ở chỗ này, nên không có gì ngạc nhiên lắm khi tôi cứ nhìn vào các bức tranh.

“Ông có biết Terence Glass không?” Cô ta hỏi, chìa cho tôi một tấm cạc và bảng giá. Cô ta trông quá trẻ.

“Có, tôi biết,” tôi đáp. “Thực ra tôi có ba bức của ông ta.”

Chà, ý tôi là, dù sao thì đôi khi anh cũng phải nói dối gì đó, phải không?

“Ba cái gì cơ?” Cô ta nói.

Không phải lúc nào lời nói dối cũng phát huy tác dụng, tất nhiên rồi.

“Bức tranh.”

“Trời ơi,” cô ta nói. “Tôi không biết là ông ấy cũng vẽ. Sarah,” cô ta gọi, “chị có biết là Terence vẽ tranh không?”

Từ nửa sau của phòng tranh, một giọng Mỹ trầm tĩnh vọng lại. “Terry chưa từng vẽ tranh trong đời. Ông ấy còn hiếm khi viết tên mình ấy chứ.”

Tôi ngược nhìn lên vừa khi Sarah Woolf đi qua cửa tò vò, trông tinh khôi trong chiếc váy hình chữ A và áo khoác, cô toát ra làn sóng hương nhẹ nhàng của Fleur de Fleurs. Nhưng cô không nhìn tôi. Cô đang nhìn về cửa trước phòng tranh.

Tôi quay lại, theo hướng nhìn của cô, và thấy McCluskey đang đứng ở lối ra vào.

“Nhưng quý ông đây nói rằng ông ấy có ba...” Cô tóc vàng vừa nói vừa cười.

McCluskey đang bước nhanh về phía Sarah, tay phải của hắn trượt ngang ngực, vào phía trong của chiếc áo khoác. Tôi đưa tay phải đẩy cô tóc vàng ra xa, nghe cô ta hỏn hển câu gì đó lịch sự, và cùng lúc đó McCluskey quay đầu về phía tôi.

Hắn vừa lắc người qua một bên, tôi liền tung một cú đá vòng cầu nhằm thẳng bụng hắn, để đỡ cú đó hắn phải rút tay phải từ trong áo ra, cú đá chạm người hắn, và chỉ trong một khoảnh khắc chân McCluskey bật lên khỏi sàn. Hắn vừa thở hổn hển vừa đánh đầu về phía trước, còn tôi vòng ra sau và luồn cánh tay trái quanh cổ hắn. Cô tóc vàng gào lên “ôi trời ơi” với giọng rất lịch sự và quờ quạng cái điện thoại trên bàn, nhưng Sarah thì vẫn ở nguyên chỗ cũ, hai cánh tay cứng đờ hai bên người. Tôi la lên bảo cô chạy đi, nhưng hoặc cô không nghe thấy tôi, hoặc cô không muốn nghe tôi. Khi tôi siết chặt gọng kìm quanh cổ McCluskey, hắn ra sức cưỡng lại, cố nhét các ngón tay vào giữa khuỷu tay tôi và cổ họng hắn. Nhưng hắn không có cơ hội làm chuyện đó.

Tôi đè cùi chỏ phải lên bả vai McCluskey còn bàn tay phải ấn sau gáy hắn. Tay trái tôi luồn vào hõm khuỷu tay phải tôi, thế là tôi đã ở trong tư thế ở hình vẽ (c) trong chương có tiêu đề “Kỹ thuật bẻ cổ: Những điều cơ bản”.

Thấy McCluskey vừa giãy giụa vừa đập lầy đập đẽ, tôi bèn khẽ kéo tay trái về sau và đẩy tay phải lên trước, thế là hắn ngừng đập ngay. Hắn ngừng đập bởi vì đột nhiên nhận ra điều mà tôi biết, và muốn hắn biết - đó là, chỉ cần gia tăng chút áp lực nữa thôi, tôi có thể kết liễu đời hắn.

Tôi không chắc chắn lắm, nhưng tôi nghĩ đó là lúc khẩu súng được lôi ra.

Tôi không nhớ cảm giác thực sự khi bị bắn. Chỉ là sự phẳng bẹt của tiếng nổ trong phòng tranh, và mùi của cái thứ người ta dùng làm thuốc súng ngày nay.

Đầu tiên tôi nghĩ là cô đã bắn McCluskey, nên tôi bắt đầu nguyên rửa cô bởi vì tôi đã kiểm soát được mọi thứ, và dù sao tôi cũng đã bảo cô ra khỏi đây. Sau đó tôi nghĩ lạy Chúa, hắn là tôi đang ra rất nhiều mồ hôi, bởi vì tôi có thể cảm thấy nó chảy dọc người mình, nhỏ giọt ướt cả cặp quần. Tôi nhìn lên thì nhận ra rằng Sarah chuẩn bị bắn tiếp. Hay có khi cô đã bắn rồi cũng nên. McCluskey đã vặn vẹo thoát ra còn tôi dường như ngã về phía sau vào một trong các bức tranh.

“Con đi đàn độn,” tôi nghĩ là mình đã nói thế, “Tôi... ở phe cô cơ mà. Chính hần... là người... hần là người... muốn giết bố cô. Mẹ kiếp.”

Mẹ kiếp bởi vì mọi thứ bắt đầu trở nên lạ lẫm. Ánh sáng, âm thanh, hành động.

Sarah đang đứng ngay trước mặt tôi, và tôi nghĩ, nếu như tình huống khác đi, có lẽ tôi đang thưởng thức cặp giò của cô. Nhưng nó đã không khác. Nó vẫn thế. Và tất cả những gì tôi nhìn thấy giờ đây là khẩu súng.

“Ông nói lạ thật đấy, ông Lang,” cô nói. “Ông ấy có thể làm việc đó tại nhà.” Đột nhiên tôi không còn hiểu chuyện này là thế nào nữa. Quá nhiều thứ đã sai, sai lè, nửa người bên trái tê cứng của tôi không phải là tất cả. Sarah quỳ xuống kê hòng súng dưới cằm tôi.

“Người này,” cô hất ngón cái về phía McCluskey, “là bố tôi.”

Bởi không thể nhớ gì thêm nữa, tôi nghĩ là mình đã bị ngất đi.

“Ông cảm thấy thế nào?”

Đó là câu người ta hần sẽ hỏi anh khi anh nằm ngửa trên giường bệnh viện, nhưng tôi ước gì cô ta đừng hỏi y như thế. Đầu óc tôi bấn loạn kiểu như lúc anh phải gọi người phục vụ để đòi lại tiền đã trả, và nếu chính tôi hỏi cô ta rằng tôi cảm thấy thế nào thì xem ra sẽ có lý hơn. Nhưng cô ta là y tá, bởi thế không có chuyện cô ta đang giết tôi, vậy nên tôi quyết định tạm thời sẽ quý mến cô ta.

Với một nỗ lực phi thường, tôi mở môi và rên rỉ với cô ta, “Ồn.”

“Thế thì tốt,” cô ta nói. “Bác sĩ sẽ tới khám ngay cho ông đây.” Cô ta vỗ vỗ vào mu bàn tay tôi rồi khuất dạng.

Tôi nhắm mắt lại một lúc, và khi mở mắt ra thì bên ngoài trời đã tối. Một chiếc áo trắng đang đứng cạnh tôi, và tuy người mặc nó trông đủ trẻ để có thể là giám đốc chi nhánh ngân hàng của tôi, tôi chỉ có thể nghĩ ông ta là bác sĩ. Ông ta để cổ tay tôi xuống, đầu tôi không nhận ra là ông ta đã cầm nó, rồi ghi nhanh gì đó vào kẹp hồ sơ.

“Ông cảm thấy thế nào?”

“Ồn.”

Ông ta tiếp tục ghi chép.

“Hắn là không phải thế rồi. Ông đã bị bắn. Mất khá nhiều máu, nhưng không vấn đề gì. Ông đã gặp may. Xuyên qua nách ông.” Ông ta nói cứ như toàn bộ câu chuyện này là do lỗi ngớ ngẩn của tôi. Mà, ở mặt nào đó, thì đúng là như vậy.

“Tôi đang ở đâu?” Tôi hỏi.

“Ở bệnh viện.”

Ông ta đi ra.

Sau đó, một bà rất béo bước vào với chiếc xe đẩy rồi đặt một đĩa gì màu nâu có mùi khó chịu lên cái bàn cạnh tôi. Tôi không thể tưởng tượng tôi đã làm gì với bà ta, nhưng dù là làm gì thì chắc hẳn đều rất tệ.

Có lẽ bà ta nhận ra rằng mình đã phản ứng thái quá, bởi vậy nửa giờ sau bà ta tới mang cái đĩa đi. Trước khi đi, bà nói cho tôi biết tôi đang ở đâu. Bệnh viện Middlesex, khu William Hoyle.

Người đầu tiên tới thăm tôi là Solomon. Anh ta bước vào, vẽ kiên định và vững chãi, ngồi xuống giường và đặt một túi giấy đựng nho lên bàn.

“Ngài cảm thấy thế nào?”

Một khuôn mẫu cố định đã hình thành ở đây.

“Tôi cảm thấy,” tôi nói, “gần như chính xác là tôi đã bị bắn, giờ đang nằm trong bệnh viện và cố gắng hồi phục, vậy mà một viên cảnh sát Do Thái lại đang ngồi lên chân tôi.” Anh ta khẽ dịch người dọc theo giường.

“Họ nói với tôi rằng ngài đã gặp may, thưa ông chủ.”

Tôi ngắt một quả nho.

“May mắn vì...?”

“Vì chỉ cách tim ngài vài phân thôi.”

“Hoặc chỉ cần chệch vài phân là bắn trượt tôi. Tùy theo quan điểm của anh.”

Anh ta gật đầu, ngẫm nghĩ về điều đó.

“Thế còn của ngài?” Một lúc sau anh ta nói.

“Của tôi cái gì?”

“Quan điểm của ngài ấy mà.”

Chúng tôi nhìn nhau.

“Là đội Anh nên chơi đẹp với Hà Lan,” tôi nói.

Solomon đứng dậy khỏi giường rồi bắt đầu cởi áo mưa, và tôi khó mà trách anh ta được. Nhiệt độ phải khoảng 32 độ C, và dường như có quá nhiều, quá nhiều không khí ở trong phòng. Chúng tùm tùm lại, lùa vào mặt và tóc, làm ta tưởng như căn phòng như là chuyến tàu điện ngầm vào giờ cao điểm, và rất nhiều khí thừa đã cố lách vào ngay khi người ta đóng cửa.

Tôi hỏi y tá xem liệu cô ta có thể vận nhiệt độ thấp một chút không, nhưng cô ta nói rằng máy sưởi được điều khiển bằng máy tính. Nếu là kiểu người chuyên ngồi viết thư phàn nàn cho tờ *Daily Telegraph* thì có lẽ tôi đã viết một bức rồi.

Solomon treo áo khoác ra sau cánh cửa.

“Giờ thưa ngài,” anh ta nói, “tin hay không thì tùy nhưng các quý bà quý ông, những người trả lương cho tôi đã yêu cầu tôi lấy ở ngài một lời giải thích về chuyện làm thế nào ngài lại nằm ở sàn của phòng tranh West End danh tiếng với một lỗ đạn xuyên vào ngực.”

“Nách.”

“Hộc tay, nếu như ngài thích thế hơn. Giờ ngài có thể nói tôi nghe không, ông chủ, hay là tôi phải dẫn gỏi lên mặt ngài cho tới khi ngài chịu hợp tác?”

“Chà,” tôi nói, nghĩ rằng có lẽ chúng tôi nên bàn chuyện công việc, “tôi cho rằng anh đã biết McCluskey chính là Woolf.” Tất nhiên là tôi chưa từng đưa ra được giả thiết đó trước đây. Tôi chỉ muốn lời nói đó nghe sao có trọng lượng. Biểu hiện của Solomon rõ ràng cho thấy là anh ta chưa hề biết, bởi vậy tôi nhấn mạnh thêm. “Tôi đã theo McCluskey tới phòng tranh, cứ nghĩ rằng ông ta sẽ làm gì đó không tốt với Sarah. Tôi nện ông ta, bị Sarah bắn, sau đó cô ấy nói cho tôi biết rằng, người bị đánh thực ra chính là bố cô ấy, Alexander Woolf.”

Solomon điềm tĩnh gạt đầu, cái kiểu quen thuộc của anh ta mỗi khi nghe những thứ lạ đời.

“Trong khi ngài,” cuối cùng anh ta nói, “là người đã từ chối ông ta khi ông ta dùng tiền đề nghị ngài giết Alexander Woolf?”

“Đúng thế.”

“Và ngài đã nghĩ, thưa ông chủ, tôi chắc chắn nhiều người ở vào vị trí của ngài cũng nghĩ thế, rằng khi một người yêu cầu ngài giết ai đó, thì ai đó không thể lại chính là ông ta được.”

“Hiển nhiên trên đời này không ai làm vậy cả.”

“Hừm.” Solomon đã dịch tới cửa sổ, anh ta có vẻ bị quyến rũ bởi Tháp Bưu điện ở đó.

“Thế thôi, phải không?” Tôi hỏi. “Hừm à? Báo cáo của Bộ Quốc phòng về chuyện này chỉ gồm một chữ ‘hừm’, được bọc bằng da với nhũ vàng và được nội các chính phủ ký xác nhận hay sao?”

Solomon không trả lời, vẫn nhìn chăm chăm vào cái Tháp Bưu điện.

“Rồi,” tôi nói, “thế thì hãy nói cho tôi biết. Chuyện gì đã xảy ra với Woolf bố và Woolf con? Sao tôi tới được đây? Ai gọi xe cứu thương? Họ đã ở đó với tôi cho đến lúc xe cứu thương tới chứ?”

“Ngài đã ăn ở cái nhà hàng cứ xoay xoay trên đỉnh kia bao giờ chưa...?”

“David, vì Chúa...”

“Cái người đã gọi xe cứu thương là ông Terence Glass nào đó, chủ của phòng tranh chỗ ngài bị bắn, và là người đã kiến nghị đòi tiền của Bộ để tẩy vết máu của ngài trên sàn.”

“Cảm động làm sao.”

“Dù vậy những người đã cứu sống ngài lại là Green và Baker.”

“Green và Baker?”

“Họ đã theo ngài khá lâu. Baker đã bịt khăn lên vết thương của ngài.”

Thật là sốc. Tôi cứ tưởng là sau khi tôi uống bia với Solomon thì hai gã theo dõi đã được cho nghỉ. Tôi khinh suất quá. Tạ ơn Chúa.

“Hoan hô Baker,” tôi nói.

Hình như Solomon đang chuẩn bị nói với tôi điều gì thì lại bị chen ngang bởi tiếng cửa mở. O’Neal tới giữa chúng tôi ngay. Ông ta đi thẳng đến bên giường tôi, và biểu hiện của ông ta cho thấy ông ta nghĩ việc tôi bị bắn là một bước tiến vĩ đại.

“Ông cảm thấy thế nào?” Ông ta hỏi, gần như đang cố nín cười.

“Tôi rất khỏe, cảm ơn ông O’Neal.”

Im lặng một chút, và khuôn mặt ông ta hơi xịu xuống.

“Tôi nghe bảo may mắn là ông còn sống,” ông ta nói. “Ngoại trừ điều đó, kể từ giờ trở đi, ông có thể nghĩ rằng mình không may mắn vì vẫn còn sống.” O’Neal rất khoái chí với điều đó. Tôi hình dung ông ta đã tập nói điều đó trong thang máy. “Thế đó ông Lang ạ. Tôi không biết làm thế nào để cảnh sát đừng nhúng mũi vào. Với sự chứng kiến của các nhân chứng, ông rõ ràng đã cố giết ông Woolf...”

O’Neal dừng lại, cả ông ta và tôi nhìn xung quanh căn phòng, ở dưới sàn, bởi vì âm thanh chúng tôi nghe thấy hẳn phải phát ra từ một con chó ốm. Rồi chúng tôi nghe lại lần nữa, và cả hai đều nhận ra đó là Solomon đang hắng giọng.

“Với lòng kính trọng của tôi, thưa ông O’Neal,” Solomon nói, giờ thì anh ta đã giành được sự chú ý của chúng tôi, “Lang có cảm nhận rằng người mà ông ta đã tấn công thực ra là McCluskey.”

O’Neal nhắm mắt lại. “McCluskey? Woolf lại là...”

“Vâng, chính xác,” Solomon nhẹ nhàng nói. “Nhưng Lang kiên quyết rằng Woolf và McCluskey là một người.”

Im lặng một lúc lâu.

“Làm ơn nhắc lại được không?” O’Neal nói.

Điều cười trịch thượng đã biến mất khỏi mặt ông ta, và tôi đột nhiên cảm thấy mình như đang nhảy dựng dậy khỏi giường.

O’Neal khịt khịt mũi. “McCluskey và Woolf là một người à?” Ông ta nói, giọng vỡ ra the thé. “Anh điên hẩn rồi chắc?”

Solomon nhìn tôi để xác nhận.

“Sự việc cũng gần như thế đấy,” tôi nói. “Woolf chính là người tiếp cận tôi ở Amsterdam, và yêu cầu tôi giết một người tên Woolf.”

Gương mặt O’Neal trở nên hoàn toàn nhợt nhạt. Trông ông ta giống như một anh chàng vừa mới nhận ra mình đã gửi một lá thư tình nhầm địa chỉ.

“Nhưng không thể nào thế được,” ông ta lắp bắp. “Không có lý nào lại như thế.”

“Điều đó không có nghĩa là không thể,” tôi nói.

Nhưng O’Neal thực sự không còn nghe thấy gì lúc này. Ông ta đang ở trong trạng thái tồi tệ. Bởi vậy tôi tiếp tục tiến tới vì Solomon.

“Tôi biết tôi chỉ là một gã tầm thường,” tôi nói, “và đây không phải là chỗ để tôi lên tiếng, nhưng đây là giả thuyết của tôi. Woolf biết rằng có một số nhóm người trên toàn cầu muốn ông ta chết. Ông ta làm các thứ thông thường, mua một con chó, thuê vệ sĩ, không nói cho bất kỳ ai biết nơi ông ta sẽ đến chừng nào chưa tới đó, nhưng,” và tôi có thể thấy O’Neal lắc người để tập trung, “ông ta biết như thế chưa đủ. Những kẻ muốn ông ta

chết rất cao thủ, rất chuyên nghiệp, chẳng chóng thì chầy họ sẽ đánh thuốc con chó và mua chuộc tay vệ sĩ. Bởi thế ông ta có một lựa chọn.”

O’Neal nhìn tôi chăm chăm. Đột nhiên nhận ra miệng mình đang há hốc, ông ta liền ngậm phết lại.

“Vâng?”

“Ông ta có thể đương đầu với bọn họ,” tôi nói, “điều mà chúng ta đều biết là khó. Hoặc có thể tránh lui.” Solomon đang bặm môi. Mà cũng đúng, vì tất cả chuyện này nghe thật tệ. Nhưng nó còn tốt hơn bất cứ thứ gì họ nghĩ ra được lúc này. “Ông ta tìm một người mà ông ta biết sẽ không chấp nhận công việc mình giao nhưng rồi vẫn giao việc đó cho họ. Ông ta để cho bên ngoài biết rằng hợp đồng đó là để lấy đi tính mạng của ông ta, và hy vọng rằng kẻ thù thực sự của ông ta sẽ chậm lại một chút bởi vì chúng nghĩ rằng nào thì việc đó cũng được hoàn thành mà không cần chúng phải mạo hiểm hay tốn một xu nào.”

Solomon đã quay lại với điệp vụ Tháp Bưu điện, còn O’Neal đang cau mặt.

“Ông tin như thế thật à?” Ông ta nói. “Ý tôi là, ông có nghĩ điều đó có thể xảy ra không?” Tôi nghĩ ông ta đang khao khát một điểm chốt để móc nối, điểm chốt nào cũng được, kể cả xả nước một cái là trôi đi ngay.

“Vâng, tôi nghĩ là có thể. Không, tôi không tin thế. Nhưng tôi đang hồi phục từ một vết thương do súng lục gây ra, và đó là điều tốt nhất tôi có thể làm.”

O’Neal bắt đầu đi lại trên sàn, lùa ngón tay vào tóc. Sức nóng trong phòng cũng đã tác động đến ông ta, nhưng ông ta không có thời gian để cởi áo khoác.

“Được rồi,” ông ta nói, “có người muốn Woolf phải chết. Tôi không thể giả vờ rằng chính phủ của Nữ hoàng sẽ đau lòng nếu ông ta bị xe buýt cán

ngày mai. Thêm vào đó, những kẻ thù của ông ta có thể rất đáng gờm, và các biện pháp phòng vệ bình thường là vô dụng. Đến đây thế là hợp lý. Đúng, ông ta không thể đương đầu với họ,” O’Neal khá thích cụm từ đó, tôi có thể nhận thấy thế, “bởi vậy ông ta bày ra một hợp đồng giả để giết chính mình. Nhưng nó đã không diễn ra như ý đồ của ông ta.” O’Neal ngừng đi lại và nhìn tôi. “Tôi muốn hỏi, sao ông ta có thể chắc chắn hợp đồng đó là giả? Làm sao ông ta biết được ông sẽ không theo đuổi vụ đó?”

Tôi nhìn Solomon, anh ta biết tôi đang nhìn, nhưng không nhìn lại.

“Tôi đã từng được đề nghị một việc như vậy,” tôi nói. “Người ta đưa ra nhiều tiền hơn thế nhiều. Tôi đã nói không. Có lẽ ông ta biết điều đó.”

O’Neal chợt nhớ ra rằng ông ta cực kỳ ghét tôi.

“Thế ông luôn luôn nói không à?” Tôi nhìn chằm chằm lại O’Neal, một cách điềm tĩnh nhất có thể. “Ý tôi là có thể ông đã thay đổi,” ông ta nói. “Có thể đột nhiên ông cần tiền. Đó là một sự nguy hiểm tức cười.”

Tôi nhún vai khiến nách tôi đau nhói.

“Không hẳn,” tôi nói. “Ông ta có vệ sĩ, và ít nhất với tôi ông ta biết mỗi nguy hiểm từ đâu tới. Rayner đã theo tôi nhiều ngày trước khi tôi vào căn nhà đó.”

“Nhưng ông đã vào căn nhà đó, Lang. Ông thực sự...”

“Tôi tới đó để cảnh báo ông ta. Tôi nghĩ đó là việc xóm giềng tốt bụng nên làm.”

“Được rồi, được rồi.” O’Neal lại dần thêm vài bước. “Thế ông ta làm thế nào để ‘tiết lộ ra ngoài’ rằng hợp đồng đã được ký kết? Ý tôi là ông ta viết lên tường phòng tắm, hay đặt tin quảng cáo trên tờ *Standard*, hay thế nào?”

“Chà, ông biết mà.” Tôi đã bắt đầu thấy mệt mỏi. Tôi muốn ngủ và cần thậm chí là một đĩa cái gì đó nâu nâu khó ngủ.

“Chúng tôi không phải là kẻ thù của ông ta, ông Lang”, O’Neal nói. “Từ góc độ nào cũng không, từ mức độ nào cũng không.”

“Thế sao các ông biết việc của tôi là phải theo ông ta?”

O’Neal dừng lại, và tôi có thể thấy ông ta nghĩ là đã nói quá nhiều chuyện với tôi. Ông ta cúi kính nhìn sang Solomon, đổ cho anh ta đã không kèm người tốt. Solomon trông chỉ như một bức tranh tĩnh vật.

“Tôi không thấy chúng ta có lý do gì mà không nói cho ông ấy điều đó, thưa ông O’Neal,” anh ta nói. “Ông ấy bị một viên đạn xuyên ngực không phải do lỗi của ông ấy. Có lẽ nếu biết tại sao nó xảy ra thì ông ấy sẽ mau lành hơn.”

O’Neal mất một lúc để tiêu hóa điều đó, rồi quay sang tôi.

“Rất tốt,” ông ta nói. “Chúng tôi nhận được thông tin về cuộc gặp của ông với McCluskey, hay là Woolf...” Hẳn ông ta ghét nói ra điều này. “Chúng tôi nhận được tin từ người Mỹ.”

Cửa phòng mở ra và một y tá bước vào. Có lẽ cô ta là người đã vỗ vào mu bàn tay tôi lúc tôi mới tỉnh lại, nhưng tôi không chắc. Cô ta nhìn thẳng qua Solomon và O’Neal rồi tới nghịch với những chiếc gối của tôi, dựng chúng lên, đặt loanh quanh, làm cho chúng trở nên không thoải mái hơn nhiều so với lúc trước.

Tôi nhìn O’Neal.

“Ông nói tới CIA?”

Solomon mỉm cười, còn O’Neal thì tí nữa sồn ra quần.

Cô y tá thì chẳng động cựa mảy may.

Sáu

Giờ đã điểm, mà người chưa tới.

WALTER SCOTT

Tôi nằm viện trong thời gian đủ ăn bảy bữa, dù thế là lâu hay chóng. Tôi xem ti vi, uống thuốc giảm đau, cố giải tất cả các ô chữ đang giải dở dang đăng sau bìa báo *Woman's Own*. Và tự vấn vô số câu.

Đầu tiên là, tôi đã làm gì? Sao tôi lại ở trên đường đi của viên đạn, bắn ra bởi một người tôi không biết, bởi những lý do mà tôi không hiểu nổi? Ở đó có gì cho tôi? Ở đó có gì cho Woolf? Ở đó có gì cho O'Neal và Solomon? Tại sao những ô chữ bị bỏ dở? Do những bệnh nhân đã khỏi bệnh, hay đã chết, trước khi họ làm xong? Hay là họ tới bệnh viện rồi bị cắt đi nửa não, và đó có phải là bằng chứng về trình độ của bác sĩ phẫu thuật không? Ai đã xé bìa của các tạp chí và tại sao? Liệu câu trả lời cho câu “không phải phụ nữ” (3) có thật là “đàn ông” không?

Và trên hết, tại sao hình ảnh Sarah Woolf lại được dán vào mặt trong tấm cửa tâm trí tôi, khiến mỗi lần tôi mở nó ra, để nghĩ điều gì đó - chương trình ti vi buổi chiều, hút thuốc ở phòng vệ sinh cuối khu, gãi một ngón chân ngứa - thì cô luôn ở đó, mỉm cười và cau có với tôi cùng một lúc? Ý tôi là, lần thứ một trăm rồi, đó là người phụ nữ mà tôi chắc chắn mình không yêu.

Tôi nghĩ Rayner có thể trả lời được ít nhất một vài trong số những câu hỏi đó, bởi vậy nên, khi tự thấy mình đã đủ khỏe để đứng dậy đi loanh quanh, tôi mượn một bộ quần áo dài rồi lên tầng tới khu Barrington.

Khi Solomon nói với tôi rằng Rayner cũng ở trong viện Middlesex, tôi đã ngạc nhiên, ít nhất là trong một lúc. Nghe có vẻ trớ trêu, rốt cuộc thì cả hai

chúng tôi đều bị đem đi sửa trong cùng một hiệu, sau tất cả những gì chúng tôi đã trải qua cùng nhau. Nhưng sau đó, như Solomon đã chỉ ra, chẳng còn nhiều bệnh viện sót lại ở London vào lúc này, và nếu như anh bị đau khi đang ở bất kỳ nơi nào về phía Nam Watford Gap, rất có thể anh sẽ tới bệnh viện Middlesex, không sớm thì muộn.

Rayner nằm ở một phòng riêng, đối diện với bàn y tá, được nối dây với đủ thể loại hộp đang kêu bip bip. Hai mắt ông ta nhắm lại, có thể là đang ngủ cũng có thể do hôn mê, đầu bọc trong một cái băng gạc lớn. Và ông ta mặc bộ pyjama giả vải flanel màu xanh dương, nó khiến cho ông ta nom như một đứa trẻ, có lẽ lần đầu tiên trong rất nhiều năm. Tôi đứng cạnh giường ông ta một lúc, lòng tràn đầy thương cảm, cho tới khi một y tá xuất hiện hỏi tôi muốn gì. Tôi nói rằng tôi muốn rất nhiều thứ, nhưng sẽ hài lòng nếu được biết tên của Rayner.

Bob, cô nói. Cô đứng cạnh tôi, tay đặt trên nệm cửa, muốn tôi ra khỏi đó, nhưng còn chân chừ vì bộ quần áo tôi mặc.

Tôi xin lỗi, Bob, tôi nghĩ thầm.

Ông ta đã ở đó, chỉ để làm những việc đã được phân công, những việc mà ông ta được trả lương để làm, thế rồi một thằng ngu ở đâu tới nên ông ta bằng bức tượng Phật cẩm thạch. Đúng là họa vô đơn chí.

Tất nhiên tôi biết Bob cũng chẳng kém cạnh gì. Ông ta thậm chí cũng không hẳn là kẻ đi bắt nạt kẻ kém cạnh đó. Nói chính xác nhất, ông ta là đại ca của cái kẻ chuyên bắt nạt cái kẻ chuyên bắt nạt kẻ kém cạnh. Solomon đã lục tìm hồ sơ của Rayner ở Bộ Quốc phòng, và phát hiện ông ta từng bị đuổi khỏi Đội Pháo binh Hoàng gia vì buôn chợ đen - tất cả mọi thứ từ dây buộc giày quân dụng tới xe bọc thép Saracen tuồn qua cổng doanh trại dưới tay Bob Rayner - nhưng dù thế, tôi là người đã đánh ông ta, vì vậy tôi thấy thương cảm ông ta ít nhiều.

Tôi đặt phần nho còn lại mà Solomon mang cho tôi lên bàn gần giường ông ta, rồi bước ra.

Những người đàn ông đàn bà mặc áo choàng trắng đã cố ép tôi ở lại bệnh viện thêm vài ngày, nhưng tôi lắc đầu và nói với họ rằng tôi khỏe rồi. Họ tặc lưỡi, bắt tôi ký một số giấy tờ, rồi chỉ cho tôi cách thay gạc và bảo tôi hãy quay lại đây ngay nếu như cảm thấy nóng hay ngứa ở vết thương.

Tôi cảm ơn sự chu đáo của họ, và từ chối khi họ đề nghị dùng xe lăn. Đằng nào thì cũng thế, bởi vì thang máy đã ngừng hoạt động.

Rồi sau đó tôi khập khiễng lên xe buýt về nhà.

Căn hộ của tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ, nhưng dường như nhỏ hơn so với tôi nhớ. Chẳng có lời nhắn nào trong điện thoại và chẳng có gì trong tủ lạnh ngoại trừ nửa cốc sữa chua tự nhiên và một cọng cần tây mà tôi thừa hưởng từ người ở đây trước đó.

Ngực tôi đang đau, như người ta đã nói trước, bởi vậy tôi tới ghế sofa nằm xem ngày đua ngựa ở Doncaster trên ti vi, với một con lật đặt Tôi Chắc Tôi Đã Từng Nhìn Thấy Con Gà Gô Ấy Đâu Đó Trước Kia to đùng ở khuỷu tay.

Hắn là tôi đã gà gât một lúc, và chuông điện thoại làm tôi thức giấc. Tôi ngồi dậy thật nhanh, nhăn nhó vì chỗ đau ở nách, và với tay lấy chai whisky. Rỗng không. Tôi thấy vô cùng khó chịu. Tôi nhìn đồng hồ rồi nhấc ống nghe. Tám giờ mười, hoặc hai giờ kém hai mươi. Tôi không thể nói chính xác được.

“Ông Lang phải không?”

Đàn ông. Người Mỹ. Tiếng lạch cạch, tiếng vo vo. Tiếp tục đi, tôi biết cái giọng này. “Vâng.”

“Ông Thomas Lang?” Biết rồi. Đúng, Mike, tôi gọi tên giọng nói đó sau năm giây. Tôi lắc đầu để cố đánh thức mình, và cảm thấy có gì kêu lách cách.

“Xin chào ông, ông Woolf,” tôi nói.

Im lặng ở đầu dây bên kia. Và rồi: “Ông đã khỏe hơn nhiều rồi, tôi nghe được thế.”

“Không hẳn,” tôi nói. “Thế à?”

“Mỗi lo lớn nhất trong đời tôi là không có chuyện gì để kể cho con cháu nghe. Tôi có thể nói rằng chuyện của tôi với gia đình Woolf đủ để kể cho chúng nghe tới năm chúng mười lăm tuổi.”

Tôi nghĩ mình vừa nghe thấy ông ta cười, nhưng cũng có thể chỉ là một tiếng lách cách trên đường dây. Hoặc cũng có thể là đội của O’Neal vừa kích hoạt con rệp điện tử của họ.

“Nghe này, Lang,” Woolf nói, “tôi muốn chúng ta gặp nhau ở đâu đó.”

“Tất nhiên là ông muốn rồi, ông Woolf. Để tôi xem nào. Lần này ông sẽ yêu cầu tôi thực hiện một vụ cắt ống dẫn tinh cho ông mà không cần báo trước. Tôi đoán có đúng không?”

“Tôi muốn giải thích, nếu như ông thấy không có vấn đề gì. Ông thích đồ ăn Ý không?”

Nghĩ về cọng cần tây và cốc sữa chua, tôi nhận ra rằng mình thích ăn đồ Ý ghê gớm. Nhưng có một vấn đề ở đây.

“Ông Woolf,” tôi nói, “trước khi ông nói địa điểm, hãy chắc chắn rằng ông có thể đặt chỗ cho ít nhất mười người nhé. Tôi có cảm giác đây sẽ là một bữa tiệc đông người đấy.”

“Cái đó thì được,” ông ta vui vẻ nói. “Ông có một cuốn sách hướng dẫn du lịch ngay cạnh điện thoại đây.” Tôi nhìn xuống bàn và thấy một quyển bìa mềm màu đỏ. *Hướng dẫn du lịch London* của Ewan. Trông mới tinh, và dĩ nhiên không phải do tôi mua. “Nghe kỹ này,” Woolf nói, “tôi muốn ông giờ trang hai mươi sáu, mục thứ năm. Gặp ông ở đó ba mươi phút nữa.”

Có tiếng ồn ồn ở đầu dây bên kia khiến trong thoáng chốc tôi cứ nghĩ ông ta đã gác máy, nhưng giọng ông ta lại cất lên. “Lang à.”

“Vâng?”

“Đừng để quyển sách lại trong căn hộ của ông.” Tôi hít một hơi thở sâu và mệt mỏi.

“Ông Woolf này,” tôi nói, “tôi có thể ngu ngốc, nhưng tôi không ngu ngốc đâu.”

“Đó là điều tôi hy vọng.”

Đường dây đã bị ngắt.

Mục thứ năm trang hai mươi sáu trong quyển sách của Ewan hướng dẫn cách xài tiền ở khu Đại London là “Giare, 216Roseland, WC2, Ital, 60 pp điều hòa nhiệt độ, Visa, Mast, Amex”. Liếc qua quyển sách là đủ thấy Ewan khá tận tiện với mô típ ba chiếc chìa của ông ta, bởi vậy ít nhất tôi cũng có thể trông chờ một bữa ăn đâu ra đấy.

Vấn đề tiếp theo là làm sao tới đó mà không kéo theo một đoàn chục nhân viên công vụ mặc áo mưa nâu. Tôi không chắc là Woolf có thể làm điều tương tự, nhưng nếu như ông ta đã cất công nghĩ tới trò sách hướng dẫn, mà tôi phải thừa nhận tôi thích trò ấy, thì hẳn ông ta sẽ biết cách đi đứng sao cho không bị người lạ làm phiền.

Tôi ra khỏi căn hộ, đi tới cửa chính. Mũ bảo hiểm của tôi vẫn ở đó, ngự trên đỉnh đồng hồ xăng, cùng với một đôi găng tay da đã vệt. Tôi mở cửa,

ngó đầu ra phố. Không có bóng dáng đội mũ nỉ nào đang tựa cột đèn liên thẳng người dậy và bung điều thuốc không đầu lọc đi. Nhưng mà nói cho ngay, thật ra tôi không nghĩ mình sẽ thấy cảnh đó.

Cách năm mươi thước về bên trái tôi thấy một chiếc Leyland màu xanh lá đậm với cái ăng ten bằng cao su thò ra trên mái, và bên phải, phía bên kia đường là một cái lều sọc đỏ trắng của thợ sửa đường. Cả hai đều có vẻ vô hại.

Tôi rút đầu vào trong nhà, đội mũ, đeo găng và lấy chìa khóa ra. Tôi nhẹ nhàng mở hộp thư ở cửa trước, lấy cái điều khiển từ xa dành cho chuông báo động xe đặt ngang hàng với rãnh khe thư, bấm nút. Chiếc Kawasaki bíp một tiếng cho thấy chuông báo động đã được tắt, tôi bèn mở cửa và phóng thẳng xuống phố sao cho nhanh nhất trong chừng mực nách tôi cho phép.

Con xe nổ máy ngon lành ngay lần đầu, xe Nhật thường đều vậy cả, cho nên tôi gạt ti, lên số một và nhả côn. Tôi cũng đã trèo lên xe rồi, nhưng cứ nói ra vậy luôn nếu như anh đang lo tôi chưa làm chuyện ấy. Khi vượt qua chiếc xe màu xanh sẫm hẳn tôi đang phóng khoảng bốn mươi dặm một giờ, và tôi thoáng khoái trá nghĩ rằng rất nhiều tay đội mũ trùm đầu ở đó đang động cùi chỗ vào thứ này thứ nọ mà nói “Chết tiệt”. Khi tới cuối con phố tôi có thể thấy trong gương chiếu hậu ánh đèn một chiếc xe đang bám theo. Đó là một chiếc Rover.

Tôi rẽ trái vào đường Bayswater với vận tốc xấp xỉ vận tốc giới hạn, và dừng ở một đèn giao thông mà suốt bao năm qua chưa bao giờ bật xanh mỗi khi tôi tới gần. Nhưng tôi chẳng lấy đó làm phiền. Tôi nghịch găng tay và mũ lưỡi trai một lát, cho tới khi nhận thấy chiếc Rover bò vào làn đường bên trong, tôi liếc nhìn khuôn mặt để râu ngồi sau tay lái. Tôi muốn nói với anh ta, thôi về nhà đi bởi vụ này sẽ làm anh xấu hổ lắm đấy.

Khi đèn chuyển sang màu hổ phách, tôi đóng van gió hết cỡ và vắn vắn xăng tới khoảng năm ngàn vòng/phút, rồi ngả người về phía trước tì lên bình xăng để ấn bánh trước xuống. Tôi nhả côn khi đèn về màu xanh và

cảm thấy bánh sau không lồ của chiếc Kawasaki quấy điên cuồng từ bên này sang bên kia như đuôi một con khủng long, cho tới khi nó tìm được chỗ bầu cần thiết để phóng tôi vút tới trên đường.

Hai giây rưỡi sau tốc độ đã là 60 dặm/giờ và hai giây rưỡi sau nữa tất cả đèn đường đều nhòe vào nhau, thế là tôi không nhớ tay lái xế chiếc Rover trông thế nào nữa.

Giare là một chỗ vui nhộn đến lạ, với những bức tường trắng và nền nhà gạch vóng âm biến mọi lời thì thầm thành tiếng quát tháo và mỗi tiếng cười thành một tiếng rống.

Một ả tóc vàng mặc đồ Ralph Lauren với cặp mắt to nhận lấy mũ bảo hiểm của tôi và chỉ cho tôi tới một bàn gần cửa sổ. Tôi ngồi xuống rồi gọi một cốc nước khoáng cho mình và một cốc lớn vodka cho chỗ đau ở dưới nách. Trong khi chờ Woolf tới, để giết thời gian, tôi có thể lựa chọn giữa một đằng là cuốn sách hướng dẫn của Ewan còn một đằng là thực đơn. Thực đơn trông có vẻ dài hơn một chút, bởi vậy tôi chọn nó.

Món đầu tiên chiến đấu dưới cái tên “Món nướng Tarroce, với khoai tây Benatore” và trọng lượng ấn tượng : gần tám ki lô gam. Cô tóc vàng mặc Ralph Lauren đi tới hỏi tôi có cần giúp chọn món không, tôi liền nhờ cô giải thích khoai tây là cái gì. Cô không hề cười.

Tôi vừa mới bắt đầu hiểu phần miêu tả về món thứ hai, có lẽ là món kho kiểu Anh em nhà Marx nếu tôi không lầm, thì nhác thấy Woolf ở cửa, tay khư khư giữ một cái va li trong khi anh bồi cởi áo khoác cho ông ta.

Và rồi, đúng lúc nhận ra rằng bàn này dành cho ba người, tôi thấy Sarah Woolf hiện ra từ sau lưng ông ta.

Tôi ghét phải nói ra điều này: cô trông quyến rũ lắm. Cực kỳ quyến rũ. Tôi biết nói thế là sáo rỗng, nhưng có những lúc anh nhận ra rằng tại sao sáo rỗng lại trở thành sáo rỗng. Cô mặc bộ váy lụa xanh đơn giản, và, ở trên

người cô, bộ váy làm đúng những gì mà mọi áo váy sẽ làm nếu chúng có cơ hội được khoác lên cô - nằm nguyên ở những nơi chúng phải nằm yên và chuyển động ở những nơi ta muốn nhìn thấy chuyển động. Gần như mọi con mắt đều nhìn theo khi cô đi về phía bàn, và cả phòng im lặng khi Woolf đẩy ghế cho cô ngồi xuống.

“Ông Lang,” Woolf lớn nói, “rất vui là ông đã tới.” Tôi gật đầu với ông ta. “Ông biết con gái tôi chứ?”

Tôi liếc sang Sarah, cô đang nhìn xuống khăn ăn của mình, cau mặt. Kể cả khăn ăn của cô ấy nhìn cũng thích hơn khăn ăn của bất cứ ai.

“Vâng, tất nhiên,” tôi nói. “Để tôi xem nào. Wimbledon? Henley? Đám cưới của Dick Cavendish? Không, tôi nhớ ra rồi. Ở đầu nòng súng, đó là nơi chúng tôi gặp nhau gần đây nhất. Rất vui được gặp lại cô.”

Đó vốn là một câu thân thiện, thậm chí bông đùa, nhưng khi cô vẫn không ngẩng lên nhìn tôi, câu nói đó dường như vón cục thành một thứ mang tính công kích, tôi ước giá như tôi cứ im miệng và chỉ cười thôi. Sarah chỉnh bộ dao nĩa theo một kiểu mà hẳn theo cô nhìn sẽ thích mắt hơn.

“Ông Lang,” cô nói, “tôi đã nghe theo lời khuyên của bố tôi là đến đây xin lỗi ông. Không phải vì tôi nghĩ tôi đã làm gì sai, mà bởi ông đã phải chịu đau đớn dù ông không đáng phải chịu. Và tôi hối tiếc vì điều đó.”

Woolf và tôi chờ đợi cô tiếp tục, nhưng dường như đó là tất cả những gì chúng tôi được nghe lúc này. Cô chỉ ngồi đó, lục lọi trong túi xách cốt để không phải nhìn tôi. Có vẻ cô đã tìm được một số thứ, kể cũng lạ, bởi vì túi của cô khá nhỏ.

Woolf vẫy phục vụ, rồi quay về phía tôi. “Ông đã xem thực đơn chưa?”

“Mới liếc qua thôi,” tôi nói. “Tôi nghe nói món nào ông gọi cũng rất ngon.”

Người phục vụ tới và Woolf nói lỏng cà vạt một chút. “Hai martini,” ông ta nói, “nguyên chất nhé, còn...”

Ông ta nhìn tôi và tôi gật đầu.

“Vodka martini, “ tôi nói. “Cực khô. Sấy khô, nếu anh làm được.”

Người phục vụ quay đi, và Sarah bắt đầu nhìn xung quanh, như thể cô cảm thấy chán rồi. Những đường gân ở cổ cô nhìn thật đẹp.

“Thế, Thomas này,” Woolf nói. “Có phiền không nếu tôi gọi ông là Thomas?”

“Không sao,” tôi nói. “Dù gì đó cũng là tên của tôi.”

“Tốt. Thomas. Trước hết thì, vai của ông thế nào rồi?”

“Tốt,” tôi nói, và ông ta có vẻ nhẹ cả người. “Tốt hơn nhiều so với nách của tôi, tôi bị bắn vào đấy mà.”

Cuối cùng, cô quay đầu nhìn tôi. Hai mắt cô mềm dịu hơn nhiều so với toàn bộ phần còn lại của cô vốn đang vờ tỏ ra mềm dịu. Cô cúi đầu một chút, giọng cô nhỏ và không tròn tiếng.

“Tôi nói với ông rồi, tôi xin lỗi,” cô nói.

Tôi rất muốn đáp lại lời gì đó, một lời thật dễ nghe, nhã nhặn, nhưng đầu óc tôi đâm ra trống rỗng. Lặng một lúc, và khoảng lặng đó có thể trở thành tệ hại nếu như cô không mỉm cười. Nhưng cô đã mỉm cười, và máu tôi dường như đột ngột dâng lên, đập dồn vào hai tai, nhỏ xuống mọi thứ rồi chảy tràn ra. Tôi cười lại với cô, và chúng tôi cứ nhìn nhau như thế.

“Tôi nghĩ chúng ta phải nói là mọi việc lẽ ra đã có thể tệ hơn,” cô nói.

“Tất nhiên là vậy,” tôi nói. “Nếu như tôi là người mẫu nách quốc tế thì có khi phải nghỉ việc vài tháng cũng nên.”

Lần này thì cô cười to, cười to thực sự, và tôi cảm thấy mình vừa giành được tất cả huy chương Olympic trên thế giới.

Chúng tôi khai vị với một chút xúp đựng trong cái bát to bằng căn hộ của tôi, rất ngon. Chúng tôi nói những chuyện bình thường. Hóa ra Woolf cũng mê đua ngựa, tôi đã từng xem một trong các con ngựa của ông ta đua ở Doncaster buổi chiều hôm đó, bởi thế chúng tôi tán gẫu một chút về đua ngựa. Khi món thứ hai được mang ra, chúng tôi đang chấm phá thêm vài nét cuối cùng của chủ đề vừa tròn ba phút về sự thất thường của thời tiết nước Anh. Woolf ngoạm đầy miệng thứ gì đó gồm thịt rưới nước xốt, rồi chấm chấm miệng.

“Thế, Thomas,” ông ta nói, “tôi đoán có một vài chuyện ông muốn hỏi tôi?”

“Chà, đúng vậy.” Tôi cũng lấy khăn chấm chấm miệng.

“Tôi không thích dò đoán, nhưng ông nghĩ mình đang làm cái quái gì thế?”

Có một tiếng hít mạnh vào ở bàn bên cạnh, nhưng Woolf không hề nao núng và Sarah cũng vậy.

“Được,” ông ta nói và gật đầu. “Câu hỏi thích đáng đấy. Trước hết, bắt chấp những gì ông được nghe từ người của Bộ Quốc phòng, tôi không liên quan gì đến ma túy. Không gì cả. Trước kia tôi từng chích một ít penicillin, nhưng chỉ thế thôi. Chấm hết.”

Hừm, rõ ràng điều đó không hay cho lắm. Không hay chút nào. Nói “chấm hết” ở cuối một điều gì đó không có nghĩa là việc đó không thể tranh cãi.

“Ồ, vâng,” tôi nói, “xin ông bỏ qua cho cái thói chua cay cũ rích chán phèo này của người Anh chúng tôi, nhưng chẳng phải đây là trường hợp ‘ông

muốn nói gì chẳng được’ hay sao?” Sarah nhìn tôi vẻ căm kình, và đột nhiên tôi thấy hãnh mình đã hơi quá đáng. Nhưng rồi tôi nghĩ, việc quái gì chứ, gân cổ có đẹp hay không thì cũng có những chuyện cần nói thẳng ra ở đây.

“Tôi xin lỗi vì đã khơi ra vấn đề thậm chí trước khi ông bắt đầu,” tôi nói, “nhưng tôi nghĩ chúng ta tới đây để nói chuyện thẳng thắn, bởi vậy tôi nói chuyện thẳng thắn.”

Woolf cắn một miếng đồ ăn nữa và mắt vẫn nhìn vào đĩa, mất vài giây tôi mới nhận ra rằng ông ta đang để cho Sarah trả lời.

“Thomas,” cô nói, và tôi liền quay sang nhìn cô. Đôi mắt cô to tròn, di chuyển từ bên này vũ trụ sang bên kia vũ trụ. “Tôi từng có một người anh trai. Michael. Hơn tôi bốn tuổi.”

Ồ, ngạc nhiên chưa. Từng có.

“Michael chết hồi học năm thứ nhất Đại học Bates. Do thuốc kích thích, thuốc an thần, ma túy. Anh ấy mới hai mươi tuổi đầu.”

Cô dừng lại, và tôi phải nói. Điều gì đó. Bất cứ điều gì.

“Tôi rất tiếc.”

Hừm, còn nói gì khác được chứ? Dai quá? Đưa giùm lọ muối? Tôi nhận ra rằng mình đang gặp người xuống bàn, đang cố hòa mình với nỗi mất mát của họ, nhưng chẳng có tác dụng gì. Đối với một chuyện như thế, anh là người ngoài cuộc.

“Tôi nói với ông điều đó chỉ bởi một lý do,” cuối cùng thì cô nói. “Là để ông thấy rằng bố tôi,” nói đến đây cô quay lại nhìn Woolf trong khi ông ta vẫn cúi đầu, “không tài nào lại liên quan đến chuyện buôn ma túy, cũng như ông ấy không thể bay lên mặt trăng vậy. Chỉ thế thôi. Tôi dám đem mạng sống của mình đánh cược điều đó.”

Chấm hết.

Trong một lúc, chẳng ai trong bọn họ nhìn nhau, hay nhìn tôi.

“Vâng, tôi rất tiếc,” tôi nói lần nữa. “Tôi vô cùng tiếc.” Chúng tôi cứ ngồi thế hồi lâu, một ki ốt nhỏ im lặng mọc lên ngay giữa trung tâm một quán ăn ồn ào, rồi đột nhiên Woolf quay ra cười, và dường như lấy lại toàn bộ sự hoạt bát.

“Cảm ơn, Thomas,” ông nói. “Nhưng cái gì đã qua cũng qua rồi. Đối với Sarah và tôi, chuyện này đã cũ và chúng tôi phải đối diện với nó đã lâu. Giờ đây, có phải ông muốn biết vì sao tôi yêu cầu ông giết tôi?”

Một người đàn bà ở bàn bên cạnh quay sang nhìn Woolf, cau mày. Không lẽ nào ông ta lại nói điều đó. Có thể không nhỉ? Bà ta lắc đầu và quay lại với con tôm hùm.

“Thật ngắn gọn thôi,” tôi nói.

“Ồ, rất đơn giản,” ông ta nói. “Tôi muốn biết ông là người thế nào.”

Ông ta nhìn tôi, miệng mím lại thành một nét ngang thẳng đẹp.

“Tôi biết,” tôi nói, mà thực ra chẳng biết gì sất. Tôi nghĩ một khi mình yêu cầu ai đó nói thật ngắn gọn thì đây là thứ mình nhận được đây. Tôi chớp mắt vài lần, rồi ngả người ra sau ghế và cố nhìn ra trước.

“Sao không gọi điện hỏi ông hiệu trưởng cũ của tôi?” Tôi nói. “Hoặc bạn gái cũ chẳng hạn? Chẳng phải điều đó là quá vớ vẩn hay sao?”

Woolf lắc đầu.

“Không vớ vẩn chút nào,” ông ta nói. “Tôi đã làm tất cả những việc đó.”

Thật là sốc. Một cú sốc thật sự. Tôi vẫn còn ngượng vì đã ăn gian ở kỳ thi môn Hóa bậc O và giành được một điểm A trong khi các ông thầy nhiều kinh nghiệm dự đoán phải là điểm F. Tôi biết rằng một ngày nào đó trò này sẽ bị phanh phui. Tôi biết thế.

“Thật à,” tôi nói. “Tôi thế nào?”

Woolf mỉm cười.

“Cũng được,” ông ta nói. “Vài cô bạn gái cũ nói ông là đồ bỏ đi, còn lại thì đều tốt đẹp cả.”

“Tốt quá,” tôi nói.

Woolf tiếp tục, như thể đang đọc từ một bản danh sách. “Ông thông minh. Ông can trường. Ông trung thực. Có sự nghiệp hoành tráng trong Đội cận vệ Scotch.”

“Scots,” tôi nói, nhưng ông ta lờ đi và cứ tiếp tục.

“Và trên tất cả, theo quan điểm của tôi, là ông đang túng bấn.”

Ông ta lại mỉm cười, điều này làm tôi khó chịu.

“Ông đã bỏ sót việc vẽ vờ của tôi,” tôi nói.

“Thế nữa ư? Quả là một người đàn ông rất oách. Điều duy nhất tôi cần biết là liệu có mua được ông không.”

“Rồi,” tôi nói. “Và bởi thế có năm mươi ngàn đô.”

Woolf gật đầu.

Sự việc bắt đầu vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Tôi biết rằng đến một thời điểm nào đó tôi nên thuyết một bài danh thếp về việc tôi là ai, và họ nghĩ họ là cái thá gì mà chọc ngoáy chuyện tôi là người thế nào, và ngay khi vừa

dùng món bánh pudding tôi đã trở lại đúng là con người tôi - nhưng dường như cái khoảnh khắc thích hợp đó không quay trở lại nữa. Bất chấp cái lỗi ông ta đối đãi với tôi, cộng với chuyện ông ta thọc mũi vào các bản nhận xét về tôi ở trường, tôi vẫn không tài nào buộc mình ghét Woolf cho được. Có gì đó ở ông ta khiến tôi thích. Và cả với Sarah, nữa. Những đường gân đẹp đẽ.

Cho dù thế thì thêm một chút nữa cũng chẳng hại gì.

“Để tôi đoán nhé,” tôi nói, nhìn Woolf nghiêm khắc. “Một khi nhận ra rằng không thể mua chuộc tôi, ông sẽ càng cố làm chuyện đó.”

Ông ta thậm chí không hề đáp ứng.

“Chính xác,” ông ta nói.

Đó. Chính là nó, giờ là giây phút thích hợp. Một quý ông có những giới hạn của ông ta, và tôi cũng vậy. Tôi vút khăn ăn xuống mặt bàn.

“Chuyện rất hấp dẫn,” tôi nói, “và tôi nghĩ nếu tôi là một loại người khác thì chắc tôi thậm chí sẽ nghĩ người ta đang tâng bốc mình. Nhưng ngay lúc này, tôi thật sự phải biết tất cả những chuyện này là gì. Bởi vì nếu ông không nói với tôi, ngay bây giờ tôi sẽ rời cái bàn này, rời khỏi cuộc sống của các người, và thậm chí có thể cả đất nước này.”

Thấy Sarah đang nhìn mình nhưng tôi vẫn dán chặt mắt vào Woolf. Ông ta đang lừa miếng khoai tây cuối cùng vòng quanh đĩa của mình và đẩy nó xuống một vũng dầu. Nhưng rồi ông ta bỏ nĩa xuống và bắt đầu nói rất nhanh.

“Ông biết về Chiến tranh vùng Vịnh chứ, ông Lang?” Ông ta hỏi. Tôi không biết điều gì đã xảy ra với Thomas, nhưng không khí hẳn nhiên đã thay đổi phần nào.

“Có, thưa ông Woolf,” tôi nói. “Tôi có biết về Chiến tranh vùng Vịnh.”

“Không, ông không biết. Tôi dám đánh cược tất cả những gì tôi có rằng ông không hề biết cái điều chết tiệt trước nhất về Chiến tranh vùng Vịnh. Có biết thuật ngữ ‘tổ hợp công nghiệp - quân sự’ không?”

Ông ta nói như một tay tiếp thị, cố tìm cách nào đó ép buộc tôi, và tôi muốn hãm cho mọi thứ chậm lại. Tôi hớp một ngụm rượu dài.

“Dwight Eisenhower,” cuối cùng tôi trả lời. “Vâng, tôi biết thuật ngữ đó. Tôi đã từng là một phần của tổ hợp đó, nếu như ông nhớ.”

“Dù rất tôn trọng ông nhưng tôi vẫn phải nói, ông chỉ là một phần rất nhỏ của nó, ông Lang ạ. Quá nhỏ - xin thứ lỗi cho tôi vì nói thế - nhỏ quá nên không thể tự biết mình là một phần của nó.”

“Tùy ý ông,” tôi nói.

“Giờ hãy thử đoán xem thứ hàng hóa nào quan trọng nhất thế giới. Quan trọng tới nỗi việc sản xuất và thông thương của mọi loại hàng hóa khác đều phụ thuộc vào nó. Dầu mỏ, vàng, thực phẩm, ông chọn cái nào?”

“Tôi có cảm giác rằng ông sẽ nói với tôi đó là vũ khí,” tôi nói. Woolf chồm người qua bàn, quá nhanh và quá xa về phía tôi đến độ tôi không ưa nổi.

“Đúng thế, ông Lang,” ông ta nói. “Đó là ngành công nghiệp lớn nhất trên thế giới, và mọi chính phủ đều biết điều ấy. Nếu ông là chính trị gia, và ông dính vào công nghiệp sản xuất vũ khí, dưới bất kỳ hình thức nào, thì sáng mai khi tỉnh giấc ông không còn là chính trị gia nữa. Trong một vài trường hợp, có thể sáng mai ông không còn tỉnh dậy được nữa. Dù ông đang cố làm luật sở hữu vũ khí ở bang Idaho, hay đang cố ngăn cản việc bán F-16 cho không quân Iraq. Ông giẫm vào chân họ, họ sẽ giẫm lên đầu ông. Chấm hết.”

Woolf lại ngồi xuống ghế và gạt mấy giọt mồ hôi trên trán.

“Thưa ông Woolf,” tôi nói, “tôi thấy rằng chuyện này có thể lạ lẫm đối với ông, tại nước Anh này. Tôi thấy rằng hẳn chúng tôi đã làm ông kinh ngạc về đất nước của những anh nhà quê, những người chỉ mới có bình nước nóng lạnh trước hôm ông bay sang, nhưng dù thế, tôi phải nói với ông rằng tôi đã nghe những chuyện như thế nhiều lần trước đây rồi.”

“Ông hãy cứ nghe đã, được chứ?” Sarah nói, thế là tôi đã khuấy lên một chút giận dữ trong giọng cô rồi. Khi tôi nhìn cô, cô nhìn lại tôi chăm chăm, đôi môi mím chặt.

“Ông đã bao giờ nghe tới Stoltoi Bluff chưa?” Woolf hỏi. Tôi quay lại với ông ta.

“Stoltoi... chưa, chắc là chưa.”

“Cũng chẳng sao,” ông ta nói. “Anatoly Stoltoi là tướng Hồng quân. Tổng chỉ huy trưởng dưới thời Khrushchev. Đã dành cả sự nghiệp của mình để làm cho nước Mỹ tin rằng người Nga có số tên lửa nhiều hơn họ những ba mươi lần. Đó là nghề của ông ấy. Đó là công việc của cả đời ông ấy.”

“Công việc đó mang lại hiệu quả chứ gì?”

“Đối với chúng tôi thì đúng thế.”

“Chúng tôi là...?”

“Lầu Năm Góc biết điều đó là nhằm nhí từ đầu tới cuối. Biết đấy. Nhưng điều đó không ngăn trở họ sử dụng nó để biện hộ cho sự tăng cường vũ trang lớn nhất mà thế giới từng được chứng kiến.”

Có thể là tại rượu, nhưng tôi có cảm giác tôi đang chậm hiểu một cách tệ hại tất cả những điều này.

“Phải rồi,” tôi nói. “Vậy chúng ta hãy cùng làm gì đó về chuyện này nhé? Tôi để cái máy thời gian của tôi ở đâu rồi nhỉ? Ồ, tôi biết rồi, thứ Tư tuần

sau.”

Sarah xì nhẹ một tiếng rồi nhìn chỗ khác, và có thể cô đứng - có thể tôi đang không nghiêm túc - nhưng, lạy Chúa, những chuyện này rồi sẽ đi đến đâu chứ?

Woolf nhắm mắt lại một lát, cố gom sự kiên nhẫn từ đâu đó.

“Ông nói xem nào,” ông ta chậm rãi nói, “công nghiệp vũ khí cần cái gì nhất?”

Tôi gãi đầu một cách đầy ý thức trách nhiệm. “Khách hàng?”

“Chiến tranh,” Woolf nói. “Xung đột. Rắc rối.”

Ồ, đây rồi, tôi nghĩ. Cái luận thuyết đã xuất hiện.

“Tôi hiểu rồi,” tôi nói. “Ông đang cố nói với tôi rằng Chiến tranh vùng Vịnh đã được châm ngòi bởi các nhà sản xuất vũ khí?” Thú thực, tôi đang cố nói một cách lịch sự nhất trong khả năng mình.

Woolf không trả lời. Ông ta chỉ ngồi đó, đầu hơi nghiêng sang một bên, nhìn tôi như tự hỏi liệu cuối cùng mình có kiếm nhầm người hay không. Tôi thì thậm chí chẳng phải băn khoăn gì.

“Không, nghiêm túc đây,” tôi nói. “Có phải đó là điều ông đang nói với tôi không? Ý tôi là, tôi thực sự muốn biết ông đang nghĩ gì. Tôi muốn biết tất cả những chuyện này là thế nào.”

“Ông có xem đoạn phim họ đã chiếu trên ti vi không?” Sarah nói, trong khi Woolf vẫn tiếp tục quan sát. “Bom thông minh, hệ thống hỏa tiễn Patriot, tất cả những thứ đó?”

“Tôi có xem,” tôi nói.

“Thomas ạ, nhà sản xuất các vũ khí đó đang sử dụng đoạn phim ấy để quảng cáo tại rất nhiều hội chợ vũ khí trên khắp thế giới. Con người thì đang chết dần chết mòn, còn họ thì sử dụng chúng vì mục đích thương mại. Thật bẩn thỉu.”

“Đúng,” tôi nói. “Đồng ý. Thế giới này thật tồi tệ, thế nên chúng ta thà sống trên Sao Thổ còn hơn. Nhưng cụ thể là nó ảnh hưởng tới tôi như thế nào?”

Trong khi cha con Woolf đưa mắt nhìn nhau đầy ẩn ý, tôi cố gắng một cách cùn cực để che giấu lòng thương cảm lớn lao mà tôi dành cho họ. Hiển nhiên họ đang dần thân vào những lý thuyết, những mưu đồ rùng rợn mà rất có thể sẽ khiến họ phải dành những năm tháng đẹp nhất của đời mình để cất những bài báo, dự thuyết trình về những vị trí ẩn mình khả dĩ khi thực thi nhiệm vụ ám sát, và tôi chẳng thể nói gì để làm họ thay đổi cái vận mạng họ đã chọn. Điều tốt nhất có lẽ là đưa cho họ vài đồng tiền mua keo dán rồi đường ai nấy đi.

Tôi đang suy nghĩ mông lung, gắng tìm ra một cụm từ nhã nhặn để cáo từ, thì thấy Woolf kéo cái va li - giờ ông ta đã mở nó, lôi ra một xấp ảnh bóng loáng cỡ 25 x 20 xăng ti mét.

Ông ta đưa cái ảnh trên cùng cho tôi, tôi liền cầm lấy.

Đó là ảnh một chiếc trực thăng đang bay. Tôi không thể ước lượng kích thước của nó, nhưng nó không giống như bất cứ loại nào tôi từng thấy hay nghe nói. Nó có hai động cơ chính nằm cách nhau khoảng vài chục phân trên một trụ duy nhất và không có động cơ ở đuôi. Khoang chở người có vẻ ngắn hơn so với toàn thân máy, và chẳng hề có ghi ký hiệu nào. Nó được sơn đen.

Tôi nhìn Woolf chờ một lời giải thích, nhưng ông ta chỉ đưa cho tôi một ảnh nữa. Bức ảnh chụp từ trên cao, bởi thế nên bao gồm cả hình nền, và điều làm tôi ngạc nhiên nhất: đó là khung cảnh một thành phố. Cũng vẫn chiếc máy bay đó, hoặc một chiếc giống thế, đang lượn giữa hai khối tháp

vô danh, và tôi có thể thấy chiếc trực thăng này rất nhỏ, có lẽ chỉ có một ghế ngồi duy nhất.

Bức ảnh thứ ba thì chụp gần hơn nhiều, cho thấy một chiếc trực thăng trên mặt đất. Dù có là gì đi nữa, chiếc này chắc chắn là loại quân dụng, bởi vì có một khối những thứ dữ dằn treo trên giá vũ khí chạy dọc thân phía sau buồng lái. Những quả rốc két Hydra 70 li, tên lửa không đối đất Hellfire, súng máy nòng 0,5 và hàng đồng thứ khác nữa. Đó là một món đồ chơi lớn, cho những anh chàng to xác.

“Ông lấy những tấm ảnh này từ đâu vậy?” Tôi hỏi.

Woolf lắc đầu.

“Điều đó không quan trọng.”

“Ồ, tôi lại nghĩ là quan trọng,” tôi nói. “Trực giác mách bảo tôi rằng, thưa ông Woolf, lẽ ra ông không nên có những tấm ảnh này.”

Woolf nghiêng đầu trở lại, như thể là cuối cùng ông ta đã đánh mất sự kiên nhẫn với tôi.

“Không quan trọng là từ đâu,” ông ta nói. “Vấn đề ở đây là đối tượng. Đây là một loại máy bay rất quan trọng, ông Lang. Tin tôi đi, rất quan trọng.”

Tôi tin ông ta. Tại sao lại không chứ?

“Chương trình LH của Lầu Năm Góc đã được triển khai từ mười hai năm nay,” Woolf nói, “đang cố tìm giải pháp thay thế cho loại Cobra và Super-Cobra mà không quân và thủy quân lục chiến Mỹ đã sử dụng kể từ chiến tranh Việt Nam.”

“LH?” Tôi ngập ngừng thăm dò.

“Trực thăng hạng nhẹ,” Sarah trả lời, với cái vẻ như nói, “tưởng tượng mà, xem có người lại không biết điều đó cơ chứ.” Woolf bổ tiếp tục nói.

“Chiếc máy bay này là giải pháp cho chương trình đó. Nó là sản phẩm của tập đoàn Mackie, được thiết kế để sử dụng trong các chiến dịch dẹp bạo loạn. Khủng bố. Thị trường cho nó, ngoài đơn đặt hàng của Lầu Năm Góc, còn có cảnh sát và quân đội ở khắp nơi trên thế giới. Nhưng với giá hai triệu rưỡi đô la cho mỗi cái, thật khó để người ta quyết định.”

“Đúng thế,” tôi nói. “Tôi có thể hiểu được.” Tôi lại liếc nhìn những bức ảnh và cố nặn ra điều gì đó thông thái để nói. “Tại sao lại có hai động cơ? Nhìn có vẻ hơi phức tạp.” Tôi thấy họ nhìn nhau, nhưng không biết cái nhìn đó có nghĩa gì.

“Ông không biết chút nào về máy bay trực thăng phải không?” Cuối cùng Woolf hỏi.

Tôi nhún vai.

“Chúng rất ồn,” tôi nói. “Tai nạn rất nhiều. Chỉ có thế.”

“Chúng bay chậm lắm,” Sarah nói. “Chậm, vì thế dễ gặp nguy hiểm trên chiến trường. Loại trực thăng tấn công hiện đại này có thể bay với vận tốc khoảng hai trăm năm mươi dặm một giờ.”

Tôi đang định nói rằng như thế có vẻ khá nhanh đối với tôi, thì cô tiếp tục: “Một chiếc máy bay chiến đấu hiện đại sẽ vượt qua một dặm trong vòng bốn giây.”

Vì không gọi bồi bàn yêu cầu mang giấy nháp và bút chì ra nên tôi chẳng có mấy may cơ hội nào để tính xem nó nhanh hơn hay chậm hơn hai trăm năm mươi dặm một giờ, bởi thế tôi chỉ gật đầu và để cô tiếp tục.

“Điều làm hạn chế tốc độ của một chiếc trực thăng thông thường,” cô nói chậm lại, cảm nhận được sự bần khoản của tôi, “là chỉ có một động cơ.”

“Đương nhiên,” tôi nói và lại ngồi vào ghế để tiếp tục nghe bài giảng rất ấn tượng của Sarah, có rất nhiều điều cô nói đã vụt qua đầu tôi, nhưng cái cốt yếu, nếu như tôi hiểu đúng, có vẻ là như thế này:

Thiết diện của cánh quạt trực thăng, theo Sarah, ít nhiều tương đương với thiết diện cánh của máy bay phản lực. Hình dáng của nó tạo ra một độ chênh áp suất không khí giữa bề mặt phía trên và bề mặt phía dưới, tạo ra một lực nâng. Tuy nhiên, nó khác với cánh của máy bay phản lực ở chỗ là khi trực thăng di chuyển về phía trước, không khí đi qua cánh quạt xoay theo chiều tiến nhanh hơn so với khi nó đi qua cánh quạt xoay theo chiều lùi. Điều đó tạo ra lực nâng không đều ở hai phía của trực thăng, và trực thăng càng bay nhanh thì lực nâng càng mất cân bằng. Cuối cùng thì “cánh quạt lùi” sẽ thôi không tạo ra lực nâng nào nữa, và trực thăng sẽ nằm ngửa bụng lên mà rơi xuống đất. Điều đó, theo Sarah, là một khía cạnh tiêu cực.

“Ồ Mackie họ làm thế này: họ đặt hai động cơ trên cùng một trục, quay theo hai hướng ngược nhau. Cân bằng lực nâng ở cả hai phía, có khả năng tăng gần gấp đôi vận tốc. Cũng không có phản ứng xoáy, do đó không cần có động cơ đuôi. Nhỏ hơn, nhanh hơn, cơ động hơn. Biết đâu chừng cỗ máy này sẽ có khả năng vượt trên bốn trăm dặm một giờ.”

Tôi gật đầu chậm rãi, cố tỏ ra mình bị ấn tượng, nhưng không thấy ấn tượng cho lắm.

“Ồ, tốt đấy,” tôi nói. “Nhưng tên lửa cá nhân đất đối không Javelin có thể đi được gần nghìn dặm một giờ.” Sarah nhìn lại tôi chăm chăm. Làm sao tôi dám thách thức cô về mấy món kỹ thuật này cơ chứ? “Ý tôi là,” tôi nói, “mọi chuyện cũng chẳng thay đổi nhiều lắm. Nó vẫn là một chiếc trực thăng, vẫn có thể bị bắn rơi. Nó không phải là bất khả chiến bại.”

Sarah nhắm mắt một giây, bắn khoăn xem phải nói như thế nào thì cái thằng đàn này mới hiểu được.

“Nếu như tay điều khiển tên lửa SAM không đến nổi xoàng và được huấn luyện tốt, lại sẵn sàng chiến đấu thì anh ta có cơ hội,” cô nói. “Chỉ một cơ hội duy nhất. Nhưng điểm mạnh của cỗ máy này là mục tiêu không có thời gian để chuẩn bị. Nó sẽ giội xuống đầu anh ta trong khi anh ta còn đang dụi mắt ngái ngủ.” Cô nhìn tôi chăm chăm. Ý như hỏi, giờ anh đã hiểu chưa? “Hãy tin tôi, ông Lang,” cô tiếp tục, trừng phạt tôi vì tội xác láo, “đây là thế hệ trực thăng chiến đấu tiếp theo.” Cô hát cảm về phía những tấm hình.

“Đúng thế,” tôi nói. “Ok. Thế thì hẳn họ phải hài lòng lắm.”

“Đúng vậy, Thomas,” Woolf nói. “Họ rất hài lòng với loại này. Hiện giờ, người ở Mackie chỉ có một vấn đề duy nhất.”

Ai đó hiển nhiên sẽ phải hỏi “là gì?”

“Là gì?” Tôi hỏi.

“Chẳng ai ở Lầu Năm Góc tin rằng nó sẽ hoạt động cả.”

Tôi suy nghĩ một chốc.

“Họ có thể yêu cầu một chuyến bay thử chứ? Bay xung quanh tòa nhà đó vài lần chẳng hạn?”

Woolf thở một hơi dài, và từ hành động đó tôi nhận ra rằng, cuối cùng thì, sau khoảng thời gian vừa rồi, chúng tôi đang gần đến câu chuyện chính của buổi tối hôm nay. “Điều sẽ giúp bán được cỗ máy này,” ông ta nói chậm rãi, “cho Lầu Năm Góc, và cho năm mươi không lực khác trên khắp thế giới, là cảnh nó chống lại một hoạt động khủng bố tầm cỡ.”

“Đúng,” tôi nói. “Ý ông là họ phải chờ Thế vận hội Munich tới?”

Woolf vẫn ung dung từ tốn, chuẩn bị câu chốt hạ sao cho thật nặng cân.

“Không, tôi không có ý như thế, ông Lang,” ông nói. “Tôi muốn nói rằng họ sẽ *tạo* ra một Thế vận hội Munich.”

“Tại sao ông lại nói với tôi tất cả những điều này?”

Chúng tôi giờ đang ngồi trong quán cà phê, và các bức ảnh đã được bỏ lại vào trong kệ tài liệu.

“Ý tôi là, nếu như ông đúng,” tôi nói, “và về phương diện cá nhân, tôi sẽ bị tắc ở ngoài đó ‘nếu’ như tôi bị thùng lốp và không có lốp dự phòng - nhưng nếu như ông đúng thì ông định làm gì với cái đó? Viết bài gửi *Washington Post*? Esther Rantzen? Hay thế nào?”

Cả hai Woolf đều im lặng, và tôi không biết chắc tại sao. Có lẽ họ nghĩ chỉ cần đưa ra lý thuyết thôi là đủ - và tưởng là ngay khi nghe thấy nó tôi sẽ nhảy dựng lên, mài sắc cái đĩa đựng bơ và gào lên đòi giết chết những kẻ sản xuất vũ khí - nhưng đối với tôi chẳng thế nào là đủ cả. Làm sao mà đủ được?

“Ông có nghĩ bản thân mình là một người tử tế không, Thomas?”

Câu đó được bật ra từ Woolf, nhưng ông ta vẫn không nhìn tôi.

“Không, tôi không nghĩ thế,” tôi nói.

Sarah nhìn lên.

“Thế thì thế nào?”

“Tôi nghĩ bản thân mình là một người cao ráo,” tôi đáp. “Một người nghèo. Một người có cái bụng đầy căng. Một người có xe máy.” Tôi ngừng, và cảm thấy mắt cô đang nhìn tôi. Ý như “Tôi không biết ông hiểu ‘tử tế’ nghĩa là thế nào.”

“Tôi cho là chúng tôi có ý đứng về phía các thiên thần,” Woolf nói.

“Chẳng có thiên thần nào cả,” tôi nói nhanh. “Tôi xin lỗi, nhưng không có thiên thần đâu.”

Không khí như lắng xuống, trong khi Woolf gật đầu chậm chậm cơ hồ thừa nhận điều đó, đúng vậy, đó là một quan điểm, nó chỉ ngẫu nhiên là một quan điểm gây quá nhiều thất vọng, rồi Sarah thở dài và đứng dậy.

“Thứ lỗi cho tôi,” cô nói.

Woolf và tôi rục rịch trên ghế, nhưng Sarah đã đi qua nửa nhà hàng trước khi chúng tôi đứng dậy được. Cô lướt về phía một người bồi bàn, thì thầm gì đó với anh ta, gật đầu khi anh ta trả lời, sau đó bước về phía cổng tò vò ở phía cuối phòng.

“Thomas này,” Woolf nói. “Để tôi nói thế này nhé. Một vài người xấu đang chuẩn bị làm một vài điều xấu. Chúng ta có cơ hội để ngăn họ lại. Anh sẽ giúp chúng tôi chứ?” Ông ta ngừng. Và tiếp tục ngừng.

“Này ông, câu hỏi vẫn còn đó,” tôi nói. “Ông định làm gì? Hãy nói với tôi. Có vấn đề gì với báo chí? Hoặc với cảnh sát? Hoặc với CIA? Thôi nào, chỉ cần lấy danh bạ điện thoại, bỏ vài đồng xu, thế là chúng ta có thể giải quyết chuyện này.”

Woolf lắc đầu bức tức, ấn các đốt ngón tay xuống mặt bàn. “Ông đã không nghe tôi, Thomas,” ông ta nói. “Tôi đang nói về sự quan tâm ở đây. Những mối quan tâm lớn nhất trên thế giới. Tài chính. Đừng nói chuyện tài chính với một cái điện thoại và vài lá thư lịch sự gửi cho ông Nghị của ông.”

Tôi đứng dậy, người hơi lão đảo do tác động của rượu. Hoặc của cuộc nói chuyện.

“Ông đi à?” Woolf hỏi, vẫn không ngẩng đầu lên. “Có thể,” tôi nói. “Có thể.” Thực tình tôi không biết mình sẽ làm gì. “Nhưng tôi sẽ vào nhà vệ

sinh trước đã.” Và chắc chắn đó là điều tôi muốn làm lúc đó, bởi vì tôi đang bối rối, và bởi vì tôi thấy đồ sứ sẽ giúp cho tôi suy nghĩ tốt hơn.

Tôi bước chậm chậm ngang qua nhà hàng về phía công tò vò, đầu tôi vang lên tiếng lạch cạch của đủ thứ hành lý cá nhân sắp xếp lộn xộn có thể rơi xuống đầu làm bị thương hành khách - và tôi đang làm gì đây ngay cả khi đang nghĩ về lúc cất cánh, lúc máy bay chạy lấy đà trên đường băng, và khởi đầu của những hành trình? Tôi phải thoát ra khỏi chuyện này, thoát ra thật nhanh. Nội việc xử trí mấy bức ảnh đó thôi cũng đủ ngu ngốc rồi.

Tôi rẽ vào công tò vò thì thấy Sarah đang đứng ở một hốc tường đặt máy điện thoại trả tiền. Cô đứng quay lưng lại phía tôi, đầu hơi cúi về phía trước, gần như tì hẳn vào tường. Tôi đứng đó một lúc, ngắm nhìn cổ cô, tóc cô, hai vai cô, và phải, không sao, hình như tôi cũng liếc nhìn cả mông cô nữa.

“Chào,” tôi nói, một cách ngu ngốc.

Cô quay lại, và trong chớp nhoáng tôi nhìn thấy sự sợ hãi thật sự trên mặt cô - vì cái gì thì tôi hoàn toàn không biết - rồi cô mỉm cười và gác ống nghe.

“Vậy là,” cô nói, và bắt đầu bước về phía tôi. “Anh nhập đội chứ?”

Chúng tôi nhìn nhau một lúc, rồi tôi cười lại, nhún vai, và dợm nói từ “ồ”, cái từ mà tôi luôn nói mỗi khi bí từ. Và anh sẽ thấy, nếu như anh thử việc này ở nhà, nó sẽ tạo thành âm “ồ”, anh phải chúm môi lại như đang bĩu môi - rất giống như khi anh tạo khẩu hình để huýt sáo. Hoặc có lẽ là khi hôn nhau.

Cô hôn tôi.

Cô hôn tôi.

Điều tôi muốn nói là, tôi đang đứng đó, môi chúm, óc nhúm, còn cô thì chỉ bước tới đưa lưỡi mình vào miệng tôi. Trong một thoáng, tôi đã nghĩ có thể cô vấp vào ván sàn nên đã thè lưỡi ra như một phản xạ - nhưng có vẻ không giống thế lắm, và dù sao, một khi đã lấy lại thăng bằng rồi thì sao cô lại không rút lưỡi vào?

Không, chắc chắn là cô đang hôn tôi. Giống như trong phim. Không giống như trong cuộc đời tôi. Trong một vài giây tôi đã quá ngạc nhiên, và bị mất phương hướng, không biết phải làm gì, bởi vì đã quá lâu rồi một chuyện như thế này mới xảy ra với tôi. Trên thực tế, nếu như nhớ không nhầm, tôi là một người hái ô liu dưới triều đại Rameses III khi chuyện đó xảy ra, và tôi không chắc chắn mình đã đối đầu với nó thế nào.

Cô có vị của kem đánh răng, rượu, nước hoa, và thiên đường trong một ngày đẹp trời.

“Anh nhập đội chứ?” Cô lại hỏi, và xét qua sự rành rọt của lời cô nói tôi nhận ra rằng hẳn một lúc nào đó cô đã rút lưỡi về rồi, mặc dù tôi vẫn còn cảm thấy nó, trong miệng, trên môi, và tôi biết tôi sẽ luôn luôn có thể cảm thấy nó. Tôi mở mắt ra.

Cô đang đứng đó, nhìn tôi, và đúng, đó chắc chắn là cô. Đó không phải là người bôi bàn, hay cây treo mũ.

“Ồ,” tôi nói.

Chúng tôi quay lại bàn thì thấy Woolf đang ký tên vào hóa đơn thẻ tín dụng, và có lẽ một vài điều khác cũng đang xảy ra trên thế giới, nhưng tôi không chắc lắm.

“Cảm ơn vì bữa tối,” tôi nói, như một con rô bốt.

Woolf vẫy tay và cười toe toét.

“Rất hân hạnh, Tom,” ông ta nói.

Ông ta vui mừng vì tôi nói “được”. Từ “được” trong câu “được, tôi sẽ nghĩ về điều đó”.

Nói chính xác, tôi sẽ nghĩ *cái gì* thì không ai có thể nói ra một cách chính xác, nhưng chừng đó đủ để làm thỏa mãn Woolf, và tạm thời tất cả chúng tôi đều có lý do để thấy hài lòng. Tôi cầm cái kẹp tài liệu lên và bắt đầu lật giở các tấm ảnh một lần nữa, từng tấm từng tấm một.

Nhỏ, nhanh, và dữ dội.

Sarah cũng hài lòng, tôi nghĩ vậy, mặc dù cô đang cư xử như chẳng hề có gì nhiều nhận đã xảy ra ngoài một bữa ăn lịch sự và một chút chuyện trò về thời đại mới.

Dữ dội, nhanh và nhỏ.

Có lẽ, đằng sau cái vẻ điềm tĩnh đó đang có một vực xoáy tình cảm sục sôi, và cô chỉ đang giữ cái nắp bên trên, bởi vì bố cô đang ngồi đó.

Nhỏ, nhanh, và dữ dội.

Tôi thôi không nghĩ về Sarah nữa.

Khi mỗi hình ảnh của cái thiết bị ác nghiệt này lướt qua mắt tôi, tôi dường như cảm thấy bản thân mình từ từ tỉnh thức từ một cái gì đó, hoặc một nơi nào đó. Thức dậy thấy mình đang ở trong một thứ gì khác hoặc một nơi nào khác. Nghe thật kỳ lạ, tôi biết, nhưng đặc tính nổi bật của cỗ máy này - vẻ xấu xa của nó, tính hiệu quả tối giản của nó, cái nhấn tâm tột cùng của nó - dường như thấm qua giấy ảnh mà xuống thấu tay tôi, làm máu tôi mát lạnh. Có lẽ Woolf cũng nhận ra cảm giác của tôi.

“Nó không có tên gọi chính thức,” ông ta nói, chỉ tay về phía mấy tấm ảnh. “Nhưng tạm thời nó được gọi bằng cái tên Máy bay Kiểm soát Đô thị và Cường chế Thi hành Luật pháp.”

“UCLA,” tôi nói, một cách băng quơ.

“Ông cũng biết đánh vần à?” Sarah nói, gần như nở một nụ cười.

“Vì thế cái tên được đặt cho mẫu này...” Woolf nói.

“Là?”

Không ai trong bọn họ trả lời, nên tôi ngược lên nhìn, và thấy Woolf đang đợi cho tới khi tôi bắt gặp ánh mắt ông ta.

“Sau Đại học,” ông ta nói.

Bảy

Một sợi tóc phụ nữ có thể kéo hơn trăm cặp bò.

JAMES HOWELL

Tôi đánh vỡng chiếc Kawasaki dọc đê Victoria chẳng để làm gì. Chỉ để thông ống xả của nó và của tôi.

Tôi đã không nói với bố con Woolf về cuộc điện thoại gọi tới căn hộ của tôi và cái giọng Mỹ khó chịu ở đầu dây bên kia. “Nghiên cứu sau đại học” có thể có bất cứ nghĩa gì - thậm chí là nghiên cứu sau đại học - và người gọi tới có thể là bất cứ ai. Khi anh đang giao dịch với những nhà lý luận về âm mưu - và, dù hôn hay không hôn, chắc chắn đó là thứ tôi đang giao dịch - thì chẳng có lợi gì khi cung cấp thêm cho họ những sự trùng hợp đặc biệt để cho họ được dịp phân tích.

Chúng tôi rời nhà hàng trong trạng thái đình chiến hòa nhã. Ra ngoài vỉa hè, Woolf siết cánh tay tôi và bảo tôi đêm nay hãy nằm vắt tay lên trán mà nghĩ kỹ về điều đó, làm tôi thấy gai cả người bởi vì tôi đang ngấm mông Sarah trong khi ông ta nói. Nhưng ngay khi nhận ra ý ông ta là gì, tôi liền hứa sẽ nghĩ kỹ, và lịch sự hỏi nơi có thể liên lạc với ông ta khi cần. Ông ta nháy mắt và nói sẽ tìm tôi, điều này tôi chẳng ưa cho lắm.

Tất nhiên, có một lý do cực chính đáng để tôi đứng về phía lẽ phải của Woolf. Có thể ông ta là một người không đáng tin và lập dị, còn con gái của ông ta thì hình như không làm được gì hơn ngoài đóng vai một chiếc giá treo áo cực đẹp từ trước ra sau, nhưng tôi không thể chối bỏ rằng cả hai người đều có nét quyến rũ riêng.

Điều tôi đang cố nói là họ đã đi rồi và để lại một lượng lớn sự quyến rũ ấy trong tài khoản ngân hàng của tôi.

Xin đừng hiểu lầm tôi. Tôi không quan tâm đến tiền bạc lắm, đó là một nguyên tắc. Ý tôi là, tôi không phải một trong những người làm không công hay gì. Tôi làm gì cũng lấy phí dịch vụ hẳn hoi, âu cũng hợp lý thôi, và tôi bực bội khi bị ai đó nợ tiền. Nhưng cùng lúc tôi có thể thẳng thắn nói tôi chưa bao giờ thực sự chạy theo đồng tiền. Chưa từng làm việc gì mà tôi không thấy hứng thú, ít nhất là có chút hứng thú, chỉ để kiếm thêm vài đồng bạc. Những người như Paulie chẳng hạn - và chính anh ta đã nói với tôi điều này nhiều lần - dành hầu hết thời gian thức của mình hoặc để cầm lấy tiền hoặc nghĩ cách để cầm được tiền. Paulie có thể làm những việc không tốt đẹp gì - thậm chí vô đạo đức - và nếu như có một tấm séc nặng tay đang chờ, anh ta sẽ làm mà chẳng chút bận tâm. Mang tới đây, Paulie sẽ nói thế.

Nhưng tôi, tôi không như thế. Chúng tôi được đúc từ những khuôn khác nhau. Điều duy nhất mà tôi nhận thấy ở tiền, mặt tích cực duy nhất của một thứ hàng hóa khá thô鄙, là anh có thể dùng nó để mua các thứ.

Và các thứ thì tôi khá thích, nhìn chung là vậy.

Năm mươi ngàn đô la của Woolf không phải là chìa khóa mở ra hạnh phúc trường tồn, tôi biết. Với số tiền đó thì không thể mua biệt thự ở Antibes, hay thậm chí chỉ là thuê trong một ngày rưỡi. Nhưng dù sao thì tiền cũng thật tiện lợi. Dễ chịu. Nó mang thuốc lá tới đặt trên bàn tôi.

Và nếu như để có được mấy thứ tiện nghi đó tôi phải sống thêm vài tối trong những chương tiểu thuyết của Robert Ludlum, thỉnh thoảng lại bị một phụ nữ đẹp hôn thì, chà, tôi sẽ chịu đựng được.

Lúc đó đã quá nửa đêm và không có nhiều xe cộ đi lại trên đê. Con đường khô ráo và chiếc ZZR cần phi nước đại, bởi thế tôi tăng tốc sang số ba và nhả lại vài dòng của thuyền trưởng Kirk với ngài Chekhov trong đầu trong khi vũ trụ tự nó sắp xếp lại quanh bánh sau xe tôi. Có lẽ tôi đã chạm tới vận tốc một trăm mười dặm một giờ khi cầu Westminster nằm trong tầm mắt, thế là tôi nhấn nhẹ phanh và khẽ dòn người lên, sẵn sàng ngoặt xe sang phải. Ánh sáng từ Quảng trường Nghị viện chuyển sang màu xanh lá

và một chiếc Ford xanh đậm bắt đầu đi ra, vì vậy tôi vặn ga, tăng tốc thêm một chút và chuẩn bị vượt qua nó khi vào đoạn cua. Khi tôi lên được ngang hàng nó, đầu gối phải của tôi vừa hướng xuống nền đá rậm rải nhựa thì chiếc Ford bắt đầu rẽ về bên trái, tôi bèn thắng người dậy để giành phần đường rộng hơn.

Vào lúc đó, tôi nghĩ đơn giản là anh ta không nhìn thấy tôi. Tôi nghĩ anh ta chỉ là một tài xế hạng xoàng.

Thời gian là một thứ buồn cười.

Có lần tôi gặp một phi công RAF, anh ta nói với tôi rằng anh ta và hoa tiêu của mình đã phải nhảy khỏi chiếc Tornado GR1 đắt giá từ hơn chín mươi mét phía trên thung lũng Yorkshire, vì một thứ mà anh ta gọi là “chim tấn công”. (Nói thế nghe không công bằng theo quan điểm của tôi, bởi vì nghe cứ như là con chim có lỗi ấy; như thể anh chàng lông vũ nhỏ bé đó đã chủ tâm đâm đầu vào hai mươi tấn kim loại di chuyển ngược chiều với vận tốc gần vận tốc âm thanh.)

Dù sao, mấu chốt chuyện này là ở chỗ, sau vụ tai nạn, phi công và hoa tiêu đã ngồi trong phòng tường trình mà nói cho những người điều tra, suốt một giờ mười lăm phút không ngừng nghỉ, về những gì họ đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, và làm, tại thời điểm va chạm.

Một giờ mười lăm phút.

Chưa hết, cuối cùng khi hộp đen theo dõi hành trình được lôi ra khỏi đồng sắt vụn, nó cho thấy khoảng thời gian từ khi chú chim đâm vào lỗ gió động cơ và thời điểm phi hành đoàn thoát ra ngoài chỉ nhỏ hơn bốn giây một chút.

Bốn giây. Ấy là bùm, một, hai, ba, không khí.

Khi nghe chuyện này thực tình tôi không tin một chút nào. Ngoại trừ những thứ khác, tay phi công đó là một anh chàng nhỏ người, chắc nịch, với đôi mắt màu xanh biển dễ sợ mà những người ưu trội về mặt thể chất thường có. Và bên cạnh đó, tôi không thể ngăn mình đứng về phía chú chim trong câu chuyện này.

Nhưng giờ thì tôi tin.

Tôi tin bởi vì tài xế của chiếc Ford không bao giờ rẽ phải. Và tôi đã sống một vài cuộc đời, không phải tất cả đều dễ chịu và hoàn hảo, trong khi anh ta ép tôi ra khỏi đường vào sát sạt hàng rào chắn chạy dọc Nhà Quốc hội. Khi tôi phanh, anh ta cũng phanh. Khi tôi tăng tốc, anh ta cũng tăng tốc. Khi tôi nghiêng xe để rẽ, anh ta vẫn tiếp tục tiến lên, bám sát phía hàng rào, thúc kính chiếu hậu bên ghế hành khách vào vai tôi.

Vâng, hiển nhiên tôi có thể nói hàng giờ về cái hàng rào đó. Và còn có thể nói dài hơn về khoảnh khắc tôi nhận ra rằng tài xế xe Ford là một tay chẳng tầm thường chút nào. Thực ra anh ta rất lão luyện.

Đó không phải là chiếc Rover, điều này có ý nghĩa gì đó. Hẳn phải có một bộ đàm để giúp anh ta vào vị trí, bởi vì không có ai vượt qua tôi khi tôi đi trên đê. Người ngồi trên ghế khách đã nhìn tôi lúc tôi đi song song, và rõ ràng người đó không nói “chú ý tay lái mô tô đó” khi chiếc xe rẽ về phía tôi. Xe có gương chiếu hậu kép, đó không phải là thiết bị chuẩn thường có trên xe Ford. Và hai hòn đá tôi đau. Điều đó làm tôi tỉnh lại.

Chắc khi đi trên đường anh cũng nhận ra rằng việc người lái mô tô không thắt dây an toàn là vừa hay lại vừa dở. Hay bởi vì không ai muốn bị cột chặt vào một khối kim loại cực nóng nặng khoảng hai trăm năm mươi ký khi nó trượt lê trên đường. Dở bởi vì khi nhấn phanh mạnh, đột ngột, xe sẽ dừng lại nhưng người lái thì không. Anh ta tiếp tục lao về hướng Bắc cho tới khi bộ phận sinh dục của anh ta đập vào bình xăng và nước mắt anh ta trào ra, không cho anh ta nhìn thấy chính cái mà anh ta đã đạp phanh để tránh.

Hàng rào.

Những cái hàng rào chắc khỏe, không hề vô nghĩa, được mài bóng. Những cái hàng rào xứng đáng với nhiệm vụ bao bọc cái nôi của nghị trường. Những cái hàng rào mà, vào năm 1940, người ta dỡ xuống để làm nên những Spitfire, Hurricane, Wellington và Lancaster, và còn một loại máy bay nữa có cánh phụ ở đuôi, là gì nhỉ? Có phải Blenheim không?

Tất nhiên ngoại trừ một điều là vào năm 1940 chưa có các hàng rào. Chúng chỉ được dựng lên từ năm 1987 để ngăn không cho những kẻ điên khùng người Libya làm gián đoạn công việc của Nghị viện bằng một phần tư tấn thuốc nổ loại mạnh nhét trong thùng sau một chiếc Peugeot gia đình.

Những hàng rào này, những hàng rào của tôi, đã ở đó để làm một việc. Chúng ở đó để bảo vệ nền dân chủ. Chúng đã được dựng thủ công bởi những người thợ tên là Ted hoặc Ned, hoặc có thể là Bill.

Chúng là những hàng rào rất hợp cho những anh hùng.

Tôi lịm đi.

Một khuôn mặt. Một khuôn mặt rất lớn. Một khuôn mặt rất lớn chỉ có đủ da để che phủ một khuôn mặt rất nhỏ, bởi thế mọi thứ trên đó trông đều căng. Cái cằm căng, cái mũi căng, đôi mắt căng. Tất cả các cơ và gân trên mặt đều phồng lên và gợn sóng. Nhìn như một thang máy đông người. Tôi chớp mắt, khuôn mặt liền biến mất.

Hoặc có lẽ tôi đã ngủ một giờ và khuôn mặt kia đã ở đó năm mươi chín phút. Tôi không thể nào biết được. Thay vào chỗ khuôn mặt là một cái trần nhà. Có nghĩa là một căn phòng. Có nghĩa là tôi đã được chuyển đi. Tôi bắt đầu nghĩ về bệnh viện Middlesex, nhưng ngay lập tức biết rằng nó là một cái xoong kho cá khác.

Tôi cố cựa người một chút. Thật nhẹ nhàng, không dám dịch chuyển đầu vì nhờ đầu cổ tôi đã bị gãy. Hai chân có vẻ vẫn ngon lành, hình như hơi xa nhau một chút. Miễn là chúng đừng có xa nhau nhiều hơn mét chín thì tôi không có gì phải phàn nàn. Đầu gối trái trả lời bức thư của tôi bằng một lá thư gửi qua đường bưu điện, nói rằng nó ổn, nhưng gối bên phải thì có vẻ không ổn. Nặng và nóng. Quay lại cái đó nào. Hai đùi. Bên trái bình thường, bên phải không tốt lắm. Khung xương chậu có vẻ không sao, nhưng chỉ khi nào có thể đặt trọng lượng của mình lên đó thì tôi mới dám chắc được. Hai hòn dái. À, vấn đề này thì hoàn toàn khác đây. Không cần đặt trọng lượng lên đó tôi vẫn biết rằng chúng đang trong tình trạng tồi tệ. Dái quá nhiều và dái quá đau. Bụng và ngực nhận điểm B trừ, còn tay phải thì hỏng toàn tập. Không động đậy gì. Cả bên trái cũng vậy, mặc dù tôi di chuyển được bàn tay, điều đó cho tôi biết không phải tôi đang ở trong khu William Hoyle. Ở bệnh viện công ngày nay người ta có thể phũ phàng tùy tiện, nhưng dù vậy họ cũng sẽ không buộc tay anh vào thành giường nếu không có lý do chính đáng. Tôi để dành cổ và đầu lại cho ngày khác, rồi rơi vào một giấc ngủ sâu nhất có thể với bảy hòn dái.

Gương mặt đã quay lại, căng hơn bất cứ lúc nào. Lần này anh ta đang nhai cái gì đó, những bó cơ ở hai má và cổ nổi lên hết hình vẽ trong sách *Giải phẫu* của Gray. Có vụn bánh mì quanh môi anh ta và thi thoảng cái lưỡi màu hồng lại thò ra để cuốn một mẩu vụn vào trong cái hang là miệng anh ta.

“Lang?” Cái lưỡi giờ đang làm việc phía trong miệng anh ta, rà quanh lợi và làm đôi môi chúm lại nên trong khoảnh khắc tôi cứ nghĩ anh ta sắp sửa hôn tôi. Tôi mặc cho anh ta chờ.

“Tôi đang ở đâu đây?” Tôi rất vui khi nghe thấy giọng mình rên rỉ, khó nghe vô cùng.

“Ừ,” khuôn mặt nói. Nếu như có đủ da thì chắc nó đã cười rồi. Thay vào đó, nó di chuyển ra xa cái giường hay gì đó nơi tôi đang nằm, và tôi nghe tiếng cửa mở. Nhưng cửa không đóng lại.

“Hẳn tỉnh rồi,” vẫn giọng đó, khá lớn, và cánh cửa vẫn chưa đóng lại. Có nghĩa là người nào đó điều khiển căn phòng cũng điều khiển cả hành lang luôn. Nếu như nó là một cái hành lang. Nó có thể là một giàn cầu đưa tới tàu vũ trụ lắm. Hoặc ra khỏi tàu vũ trụ. Hoặc là có thể tôi đã ở trong tàu, và chuẩn bị để thế giới lại xa tít phía sau.

Những tiếng bước chân. Hai cặp. Một cao su, một da thuộc. Nền cứng. Những bước chân da thuộc chậm hơn. Da thuộc là sếp. Cao su là kẻ lẳng xẵng, giữ cửa, dẹp đường cho da. Cao su là cái mặt. Mặt Cao su. Thế cho dễ nhớ.

“Ông Lang?” Da dừng lại bên cạnh giường. Nếu như nó là một cái giường. Tôi vẫn nhắm mắt, giữ vẻ mặt nhăn nhó vì hơi đau đớn.

“Ông cảm thấy thế nào?” Người Mỹ. Vào lúc này có quá nhiều người Mỹ trong đời tôi. Hẳn là do tỷ giá hối đoái.

Anh ta bắt đầu đi vòng quanh giường, và tôi nghe thấy tiếng lạo xạo của cát dưới gót giày anh ta. Và mùi nước dưỡng ẩm sau khi cạo râu. Quá nồng. Nếu như chúng tôi là bạn, tôi sẽ nói cho anh ta biết. Nhưng không phải lúc này.

“Hồi còn bé lúc nào tôi cũng thích đi xe máy,” giọng đó nói. “Xe Harley. Bỏ tôi bảo xe ấy nguy hiểm lắm. Bởi vậy tôi học lái ô tô và ngay năm đầu đã tông xe bốn lần để đáp lại ông ta. Ông ta là một tay đều cán, bỏ tôi ấy.”

Thời gian trôi qua. Đó là điều tôi không thể làm gì được.

“Chắc là cổ tôi bị gãy rồi,” tôi nói. Tôi vẫn nhắm mắt và giọng rên rỉ đi kèm rất ngọt.

“Thế à? Rất tiếc. Giờ hãy nói với tôi về bản thân ông, ông Lang. Ông là ai? Ông làm gì? Ông có thích xem phim hay đọc sách không? Đã bao giờ được uống trà với Nữ hoàng chưa? Hãy nói với tôi những điều đó.”

Chờ cho tới khi đôi giày quay đi, tôi mới từ từ mở mắt ra.

Anh ta đã đứng ngoài tầm nhìn của tôi, bởi vậy tôi dán mắt lên trần nhà.

“Ông là bác sĩ à?”

“Tôi không phải bác sĩ, Lang, không phải đâu,” anh ta nói. “Chắc chắn tôi không phải là bác sĩ. Tôi là một thằng chó đẻ.” Có một tiếng cười thâm đầu đó trong phòng, tôi đoán rằng Mặt Cao su vẫn còn đang đứng cạnh cửa.

“Xin lỗi, ông nói gì?”

“Một-thằng-chó-đẻ. Tôi là thế đấy. Đó là công việc của tôi, đó là cuộc sống của tôi. Nhưng này, hãy nói về ông đi.”

“Tôi cần bác sĩ,” tôi nói. “Cổ tôi...” Nước mắt bắt đầu trào ra trong mắt tôi, và tôi cứ để kệ. Tôi sụt sịt một chút, nghẹn ngào một chút, làm cho trò diễn được ngon lành, nếu như tôi có tự nói ra như vậy.

“Nếu ông muốn biết sự thật,” người đó tiếp tục, “thì tôi chẳng quan tâm đến gì đến cái cổ của ông đâu.”

Tôi đã quyết định sẽ không nói với hắn về mùi nước sau khi cạo râu. Không bao giờ.

“Tôi muốn biết những thứ khác,” người đó lại nói. “Rất nhiều, rất nhiều những thứ khác.”

Nước mắt vẫn cứ trào ra.

“Này, tôi không biết ông là ai, hay tôi đang ở đâu...”, Tôi áp a áp ứng, gắng sức để nhắc đầu khỏi gối.

“Biến đi, Richie,” người đó quát lên. “Ra ngoài hít thở khí trời đi.”

Có một tiếng lằm bằm từ phía cửa, và hai cái giày rời khỏi căn phòng. Tôi chắc rằng Richie đang ở phía trên chúng.

“Thấy không, đại loại ý tưởng là như thế, Lang. Ông không cần biết tôi là ai, cũng không cần biết ông đang ở đâu. Quan điểm ở đây là ông nói với tôi mọi chuyện, chứ tôi không nói gì với ông cả.”

“Nhưng cái...”

“Ông có nghe tôi vừa nói gì không đấy?” Đột nhiên lại có một khuôn mặt khác lù lù trước mặt tôi. Nhấn nhui, cọ rửa cẩn thận, tóc tai như Paulie. Sạch sẽ lông tơ, được chải hoàn hảo đến là lố bịch. Hắn khoảng chừng bốn mươi, có lẽ đã tập hai giờ một ngày trên xe đạp tập. Chỉ có một từ dành cho hắn. Chải chuốt. Hắn xem xét tôi kỹ càng, và từ cái kiểu hắn ta nhìn chòng chọc vào cằm tôi, tôi đoán rằng có một vết thương ra trò ở đó, điều đó làm cho tôi phấn khích một chút. Sợ luôn làm cho người ta dễ bắt chuyện với nhau hơn.

Cuối cùng thì mắt hắn gặp mắt tôi, và bốn con mắt không thân thiện với nhau tạo nên. “Tốt,” hắn ta nói, và đi ra xa.

Hắn lúc đó là sáng sớm. Nguyên do duy nhất để tôi đoán thế là độ nồng của mùi nước hoa mà hắn ta dùng sau khi cạo râu.

“Ông đã gặp Woolf,” Chải Chuốt nói. “Và đưa con gái ngu ngốc của ông ta.”

“Đúng.”

Có một khoảng lặng và tôi dám nói rằng tôi đã làm hắn hài lòng, bởi vì nụ cười đã làm thay đổi tiếng hắn thở. Nếu tôi chối bỏ điều đó, nhầm số rồi, không lo-oi tiêng-iêng A-anh, thế nào hắn cũng biết tôi là một tay chơi. Nếu tôi trung thực thừa nhận, hắn sẽ cho tôi là một thằng đàn. Mà dù sao thì tất cả các chúng có đều cho thấy điều đó cơ mà.

“Tốt. Giờ. Ông có thể cho tôi biết các người đã nói với nhau những gì không?”

“Ồ,” tôi nói, nhìn mặt tập trung, “ông ta hỏi tôi về quá trình quân ngũ của tôi. Nhân tiện xin nói là tôi đã ở trong quân đội.”

“Gớm nhỉ. Ông ta biết điều đó, hay là ông nói với ông ta?”

Một suy nghĩ vĩ đại nữa từ thẳng đàn.

“Tôi không chắc. Giờ ông nhắc tới điều này, tôi nghĩ hẳn ông ta đã biết trước rồi.”

“Cô con gái cũng biết chứ?”

“Ồ, làm sao tôi dám chắc, phải không nào. Tôi không chú ý nhiều lắm tới cô ta.” Thật may là lúc đó tôi không bị gắn vào một cái máy nói dối. Cái kim hẳn đã đi sang phòng bên cạnh nằm nghỉ từ trước rồi. “Ông ta hỏi về kế hoạch của tôi, xem tôi định làm công việc kiểu gì. Thực ra thì cũng đâu có gì nhiều nhận đề nói.”

“Ông từng làm trong tình báo phải không?”

“Gì cơ?”

Cách tôi nói điều đó đáng ra phải được hiểu là đã trả lời câu hỏi của anh ta, nhưng anh ta vẫn tiếp tục.

“Trong quân đội. Ông đánh khủng bố ở Ireland. Ông có liên quan tới tình báo không?”

“Ôi Chúa, không.” Tôi mỉm cười, như thể là đang hãnh diện vì điều đó.

“Có gì mà buồn cười?” Tôi thôi cười.

“Không có gì, chỉ là... ông biết đấy.”

“Không, tôi không biết. Cái đó có liên quan nhiều tới việc tại sao tôi đang hỏi ông. Ông có ở trong tình báo quân đội không?”

Tôi hít một hơi đầy đau đón trước khi trả lời.

“Ulster là một hệ thống,” tôi nói. “Thế thôi. Tất cả mọi việc diễn ra ở đó đều xảy ra hàng trăm lần rồi. Hệ thống là tất cả. Những người như tôi, ông biết đấy, chỉ có đó cho đông thôi. Tôi đi lòng vòng. Chơi quần vợt. Cười đùa một chút. Thực tình cũng khá vui.” Tôi nghĩ mình đã nói hơi quá, nhưng xem ra anh ta không để tâm. “Này, cô tôi... tôi không biết nữa, có cái gì đó không ổn. Tôi cần gặp bác sĩ thật mà.”

“Ông ta là người xấu, Tom à.”

“Ai cơ?” Tôi hỏi.

“Woolf. Thực sự xấu. Tôi không biết ông ta đã nói với ông những gì về bản thân ông ta. Tôi đoán chừng ông ta không nói với ông về ba mươi sáu tấn côcain ông ta đã mang vào châu Âu trong bốn tháng vừa rồi. Ông ta có nói chuyện đó với ông không?” Tôi cố lắc đầu. “Chà, tôi cho là ông ta đã quên không nhắc tới điều đó. Nhưng đó là chuyện xấu với chữ X viết hoa, phải thế không Tom? Tôi thì tôi nói thế đấy. Ông ta là Quỷ sống trần gian, và ông ta bán côcain tổng hợp. Đúng thế. Nghe như một bài hát. Cái gì vắn với côcain nhỉ?”

“Đau^[1],” tôi nói.

“Đúng thế,” Chải Chuốt nói. Hấn thích thú lắm. “Đau.” Hai chiếc giày da đi dạo lòng vòng một chút. “Có bao giờ ông nhận ra làm thế nào những gã xấu xa lại hòa hợp với những gã xấu xa không, Tom? Tôi thì nhận ra điều đó. Nó xảy ra suốt ấy mà. Tôi không biết nữa, bọn chúng thích có cảm giác như ở nhà, chia sẻ những sở thích, kiểu như cùng một ký hiệu ngôi sao, hay gì gì đó. Tôi thấy hàng nghìn lần. Hàng nghìn lần.” Hai chiếc giày dừng lại.

“Bởi thế khi một người như ông bắt đầu bắt tay với một người như Woolf, tôi phải nói rằng nó làm cho tôi không thích ông cho lắm.”

“Này, kết thúc nhé,” tôi nói, về hờn dỗi. “Tôi sẽ không nói thêm một lời nào nữa chừng nào tôi chưa nhìn thấy bác sĩ. Tôi không hề hiểu tí ti gì những điều ông nói. Tôi biết về Woolf cũng như biết về ông, nghĩa là chẳng biết gì sất, và tôi nghĩ rằng có khả năng cổ tôi đã bị gãy.” Không có câu trả lời. “Tôi yêu cầu được gặp bác sĩ,” tôi nhắc lại, cố hết sức mình sao cho giọng mình nghe như một du khách người Anh ở trong một khu bán hàng của người Pháp.

“Không, Tom. Theo tôi chúng ta không nên làm lãng phí thời giờ của bác sĩ.” Giọng hần đều đều, nhưng tôi có thể nói rằng hần ta đang phẫn khích. Tiếng da lạo xạo, và cánh cửa mở ra. “Ồ đó với nó. Mỗi giây mỗi phút. Nếu mày phải đi nhà vệ sinh thì gọi tao.”

“Chờ một phút,” tôi nói. “Ý ông nói lãng phí thời gian là sao? Tôi đang bị thương. Tôi đang đau lắm, lạy Chúa.”

Đôi giày quay về phía tôi.

“Điều đó có thể, Tom. Điều đó rất có thể. Nhưng có kẻ rò nào đi rửa đĩa giấy không?”

Chẳng có gì hay ho để nói hay để cảm nhận về tình trạng của tôi. Chẳng nhiều một chút nào. Nhưng quy luật là sau bất cứ một trận đụng đầu nào, thắng hay bại, anh phải chiếu lại đoạn phim trong đầu mình để xem anh học được những gì. Bởi thế đó là việc tôi làm, trong khi Richie huých vào bức tường cạnh cửa.

Đầu tiên, Chải Chuốt biết nhiều điều và hần biết rất nhanh. Vậy hần là người có quyền lực, hoặc có nguồn thông tin tốt, hoặc cả hai. Thứ hai, hần đã không bao hầy gọi Igor hay gọi thằng nào khác. Hần nói “gọi tao”. Từ

đó có thể suy ra rằng chỉ có Chải Chuốt và Richie ở trên tàu không gian này.

Thứ ba, và là điểm quan trọng nhất vào lúc đó: tôi là người duy nhất biết chắc chắn rằng cô tôi không bị gãy.

Tám

Tôi đăng lính, để trưởng thành trong vinh quang, Và bị bắn để lấy sáu xu một ngày.

CHARLES DIBDIN

Một khoảng thời gian nào đó đã trôi qua. Có thể một khoảng thời gian dài đã trôi qua, có lẽ thế, nhưng sau vụ tai nạn xe, tôi bắt đầu hoài nghi một chút về thời gian và cách hành xử của nó. Vỗ vỗ vào túi tôi sau mỗi lần gặp gỡ, kiểu như thế.

Không có cách nào để đo lường bất cứ điều gì trong căn phòng này. Ánh sáng nhân tạo, bật thường trực. Mức âm thanh thì chẳng gọi lên điều gì. Nghe thấy tiếng bình sữa cọ vào nhau trong một cái thùng, hoặc có ai đó rao “*Evening Standard*, ấn bản năm giờ mới phát hành” cũng có thể giúp ích một chút. Nhưng ta không thể có mọi thứ.

Thiết bị đo thời gian duy nhất trên người tôi là bông đài, nó nói với tôi rằng khoảng bốn tiếng đã trôi qua kể từ lúc ở nhà hàng. Điều đó không khớp hoàn toàn với mùi nước hoa cạo râu được cho là từ Chải Chuột. Nhưng mà, những thứ bông đài rẻ tiền nhiều khi chẳng đáng tin tưởng một tí nào, mẹ kiếp.

Richie chỉ rời phòng duy nhất một lần, để đi kiếm một cái ghế. Trong khi hắn đi tôi cố thoát ra khỏi dây trói, buộc tằm chần lại với nhau, rồi tụt xuống đất, nhưng tôi mới chỉ giải phóng được đến đùi non thì hắn đã quay trở lại. Khi đã ngồi thoải mái rồi, hắn không gây ra một tiếng động nào, điều đó làm tôi nghĩ có lẽ hắn cũng đã mua về vài thứ để đọc. Nhưng không có tiếng lật giở các trang giấy, cho nên hoặc là hắn đọc rất chậm hoặc là hắn chỉ vui vẻ ngồi đó ngắm bức tường. Hoặc ngắm tôi.

“Tôi cần đi vệ sinh,” tôi rên rỉ.

Không trả lời.

“Tôi nói tôi cần...”

“Câm cái miệng lại.”

Thế là tốt. Điều đó làm cho tôi cảm thấy đỡ áy náy hơn về cái việc tôi sắp làm với Richie.

“Này, anh phải...”

“Có nghe thấy tao nói gì không? Câm cái mồm lại. Cần đái, đái tại chỗ ấy.”

“Richie...”

“Thằng chó nào bảo mày gọi tao là Richie thế hả?”

“Thế tôi phải gọi anh thế nào?” Tôi nhắm mắt lại.

“Đừng có gọi gì cả. Đừng gọi. Ở nguyên đó mà đái đi. Hiểu chưa?”

“Tôi không muốn đái.”

Tôi gần như có thể thấy tiếng óc hấn nhấn lại.

“Gì?”

“Tôi muốn ỉa, Richie. Truyền thống của người Anh cổ. Giờ anh có muốn ngồi trong phòng trong khi tôi ỉa không thì tùy. Tôi chỉ nghĩ rằng nên nói trước với anh cho công bằng.”

Richie nghĩ một lúc, và chắc chắn tôi đã nghe tiếng mũi hấn nhấn lại. Cái ghế cọt kẹt, và đôi giày cao su đi về phía tôi.

“Đừng đi toilet, và đừng ỉa.” Cái mặt đã vào trong tầm nhìn, căng hết sức.
“Nghe thấy không? Mày nằm nguyên ở đó, và cầm môm lại...”

“Anh không có con cái, phải không Richie?”

Hắn cau mặt, điều đó có vẻ như một nỗ lực vĩ đại trên khuôn mặt hắn. Lòng mảy, cơ, gân, tất cả được huy động cho một biểu hiện duy nhất, hơi có vẻ ngu ngốc này.

“Gì cơ?”

“Thực ra thì tôi chưa con cái, nhưng tôi có con đỡ đầu. Và anh không thể nói với chúng là đừng có ỉa. Không được đâu.”

Vết nhăn hằn sâu hơn.

“Mày đang nói cái khi gì thế?”

“Ý tôi là tôi đã thử rồi. Anh có trẻ con nằm trong xe nôi, và một đứa muốn đi ỉa, mà anh lại bảo bọn chúng nhìn đi lại, đút nút vào đó, đợi tới khi nào chúng ta đến chỗ nào đây cái đã, nhưng như thế không ổn. Khi nào cơ thể muốn ỉa thì nó phải ỉa chứ.”

Vết nhăn đã bớt đi một chút, cũng tốt thôi, bởi vì tôi đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi vì phải nhìn vào nó. Hắn cúi xuống mặt tôi, đưa cái mũi thẳng hàng với mũi tôi.

“Nghe tao nói đây này, đồ cục c...”

Hắn chỉ đi xa được chừng đó bởi khi hắn nói đến “cục c...” thì tôi đã thúc gối phải mạnh hết sức trúng vào má hắn. Hắn hóa đá trong một giây, phần vì ngạc nhiên, phần vì choáng, rồi tôi nhấc chân trái vòng quặp gáy hắn. Trong khi tôi lôi hắn xuống giường, hắn cố gắng đưa tay trái ra trước để chống người lên. Nhưng đây là hắn không biết về sức mạnh của chân. Thực sự là chân rất mạnh.

Mạnh hơn nhiều so với hòng.

Hắn vùng vẫy khá tốt, tôi phải thừa nhận điều đó. Hắn thử những món thông thường, chộp lấy háng tôi, quai chân về phía mặt tôi, nhưng để làm những thứ kiểu như thế một cách hiệu quả thì cần không khí, mà tôi thì đang không có hứng để cho hắn có được chút khí nào. Sự chống cự của hắn diễn tiến theo một vòng cung từ giận dữ tới điên cuồng tới khiếp đảm, đạt đỉnh ở đó và rồi trôi tuột xuống bất tỉnh. Tôi giữ hắn trong năm phút sau cái đập cuối cùng của hắn, bởi nếu tôi là hắn thì tôi đã giả chết ngay khi nhận thấy trò chơi bắt đầu.

Nhưng chắc chắn Richie đã không giả chết.

Tay tôi bị buộc bằng mấy sợi dây lưng, cho nên tháo chúng ra cũng tốn thời gian ra phết. Công cụ sẵn có duy nhất của tôi là răng, và khi kết thúc việc này tôi có cảm giác như thể mình vừa mới ăn hết vài tòa nhà. Tôi cũng biết chắc mình bị thương ở cằm, bởi vì khi lần đầu tiên nó quệt vào một cái khóa thắt lưng, tôi có cảm tưởng mình sẽ vọt lên xuyên qua trần nhà. Thay vì vậy tôi nhìn xuống thì thấy máu loang lổ trên sợi dây da, một số vết đã thâm và cũ, một số đỏ tươi và rất mới.

Khi mọi việc xong xuôi, tôi ngã ra sau, thở hổn hển vì mất sức, và cố gắng xoa bóp để cho sự sống trở lại nơi hai cổ tay. Sau đó tôi lại ngồi dậy và nhẹ nhàng nhấc chân qua thành giường rồi đặt xuống đất.

Cái đau đớn tột cùng ngăn không cho tôi gào lên. Nó tới từ rất nhiều nơi, nói rất nhiều thứ tiếng, mặc rất nhiều loại trang phục dân tộc lấp lánh, khiến cho trong vòng mười lăm giây tôi chỉ biết treo hàm ở đó mà ngạc nhiên. Tôi bấu lấy thành giường, nhắm nghiền mắt lại cho tới khi cơn đau đã dịu xuống thành âm ỉ, rồi tôi thử một cách kiểm tra khác. Với bất cứ thứ nào tôi cũng đều đụng bằng bên phải. Đầu gối, đùi non và hông đang gào lên với tôi, tiếng gào của chúng trở nên dữ dội hơn vì sự tiếp xúc vừa rồi với đầu của Richie. Xương sườn của tôi nghe như đã bị bẻ ra và cấy lại sai

vị trí, còn cổ tôi, mặc dù chắc chắn không bị gãy, hầu như không cử động được. Và rồi còn những hòn đá nữa.

Chúng đã thay đổi. Chỉ là tôi không thể tin được rằng chúng là những hòn đá tôi đã mang suốt cả cuộc đời và đối xử với chúng như những người bạn. Chúng đã thành ra to hơn, to hơn rất nhiều và hình dáng đã sai lệch hoàn toàn.

Chỉ có một cách.

Có một kỹ thuật, của những người tập võ thuật, để giải phóng sự khó chịu ở búi đá. Người ta thường dùng nó trong các võ đường của người Nhật, mỗi khi bạn đồng môn hơi quá hăng một chút mà giáng một cú vào khu vực quanh hạ bộ ta.

Điều anh cần làm là thế này: nhảy mười lăm phân lên không, và tiếp đất bằng gót chân trong khi hai chân căng cứng hết sức, để làm tăng một cách tức thời trọng lực dồn lên hòn đá. Tôi không biết tại sao nó lại hữu ích, nhưng chính thế đấy. Hay là không nhỉ? Bởi vậy tôi phải thử một vài lần, nhảy lên nhảy xuống xung quanh phòng ở mức mạnh nhất mà cái chân phải của tôi cho phép, cho tới khi, một cách từ từ, từng tí từng tí một, nỗi đau đón tôi cùng bắt đầu lắng xuống.

Sau đó tôi cúi xuống để xem xác Richie.

Mác áo vest của hắn cho thấy đó là một sản phẩm của Falkus, Dệt may Cao cấp, nhưng không có gì khác; hắn có sáu bảng và hai mươi xu trong túi quần phải, một con dao nhíp có vỏ ngụy trang ở trong túi trái. Áo sơ mi của hắn làm bằng sợi ni lông trắng, còn giày là loại Baxter bốn lỗ kiểu nửa giày vò da nâu đỏ. Ít nhiều như thế. Chẳng có gì khác làm Richie tách biệt ra khỏi đám đông và khiến mạch máu của một thám tử có đôi mắt tinh tường phải đập nhanh lên cả. Không có vé xe buýt. Không thẻ thư viện. Không có mẫu quảng cáo cá nhân nào cắt ra từ báo địa phương với một đường khoanh bằng bút bi đỏ.

Thứ duy nhất tôi tìm thấy mà thậm chí vượt xa những thứ thông thường là một cái bao da Bianchi kẻ chéo, trong có chứa một khẩu Glock 17 mới tinh, chín ly, loại tự lên đạn.

Anh có thể đã đọc, lúc nào đó, một vài điều vớ vẩn viết về Glock. Do thân súng được tạo từ polyme, một loại vật liệu hay ho nên một số tay nhà báo quá khích đã ủng hộ cái lập luận cho rằng có khả năng loại súng này sẽ không bị phát hiện khi đi qua máy quét X-quang ở các sân bay, nhưng thật ra nói thế là hết sức tầm bậy. Vỏ khóa nòng, nòng súng và phần lớn các bộ phận bên trong là bằng kim loại, và, nếu như thế còn chưa đủ, mười bảy viên đạn Parabellum khó mà lọt qua được máy quét giống như các thỏi son. Ưu thế thực sự của Glock17 là băng đạn chứa được nhiều mà trọng lượng vẫn nhẹ, độ chính xác cao, và độ tin cậy hầu như không thể so sánh. Tất cả những điều đó làm cho Glock17 trở thành lựa chọn của các bà nội trợ ở khắp mọi nơi.

Tôi kéo vỏ khóa nòng, nhét một viên đạn vào trong. Không có chốt an toàn trên khẩu Glock. Anh chĩa súng, bắn rồi chạy trốn chết. Kiểu súng của tôi đây.

Tôi nhẹ nhàng mở cửa ra hành lang, hóa ra là không có tàu không gian nào cả. Nó là một cái hành lang màu trắng, mộc mạc, có bảy cánh cửa. Tất cả đều đóng im ỉm. Cuối hành lang có một cửa sổ nhìn ra một tòa nhà cao tầng có thể gặp ở bất cứ thành phố nào trong số năm mươi thành phố. Đang là ban ngày.

Cho dù tòa nhà được xây dựng lên vì mục đích gì đi nữa, nó đã không được sử dụng vào việc đó trong một thời gian dài. Hành lang bẩn thỉu, chất đông đủ thứ rác rưởi - những hộp các tông, những đồng giấy, những thùng đựng rác, và ở đoạn đằng kia, một cái xe đạp leo núi không còn bánh.

Rà soát dinh cơ của địch thủ thực ra là một trò chơi dành cho ba người trở lên. Sáu là một con số tốt. Người chơi ở bên trái nhà cái sẽ kiểm tra các phòng, hai người khác yểm trợ, trong khi ba người còn lại quan sát hành

lang. Cách chơi là như thế. Nếu như anh thực sự cần phải chơi trò đó một mình thì luật chơi khác hẳn. Anh từ từ mở từng cánh cửa, đồng thời kiểm tra phía sau lưng trong khi làm việc đó, nheo mắt nhìn qua khe bản lề và mắt cả giờ để rà soát hết mười thước hành lang. Điều đó được viết trong mọi sổ tay hướng dẫn về vấn đề này.

Cảm giác của tôi về các quyển sách hướng dẫn là: mấy anh bạn kia có lẽ cũng đã đọc chúng rồi.

Tôi đi ngoằn ngoèo trên hành lang nhanh hết sức mình, súng chìa ra trước, mở tung cả bảy cánh cửa cho tới khi đến cánh cửa cuối cùng thì tôi nhào xuống núp dưới cửa sổ, định bắn hết băng đạn vào bất kỳ kẻ nào thò đầu ra. Nhưng không có kẻ nào thò đầu ra.

Song giờ tất cả cửa đều đã mở, và cánh cửa đầu tiên bên trái dẫn tới một cầu thang. Tôi có thể thấy một vài chục phân cầu thang, và phía trên nó là một cái gương. Tôi cúi lom khom chạy qua cánh cửa, chĩa khẩu súng lên trên, xuống dưới cầu thang theo kiểu dọa nạt hung hăng nhất trong khả năng mình. Chẳng có gì.

Tôi thu tay phải lại và đập báng khẩu Glock vào giữa cái gương làm kính vỡ toát. Tôi chọn một mảnh to và cắt tay trái vào đó. Tai nạn, nếu như anh đang phân vân không hiểu làm thế là có ý gì.

Cầm mảnh gương vỡ lên, tôi nheo mắt nhìn cầm mình trong gương. Trông vết thương không đẹp lắm.

Quay lại hành lang, tôi trở về với phương pháp rà soát chậm, từ từ nhích tới mép khung cửa, thò mảnh gương vỡ ra, quay nó chậm chậm để nhìn khắp phòng. Đó là một phương pháp vụng về, và bởi vì các bức tường không dày hơn ba phân thạch cao Gyproc, có khi còn không ngăn nổi một hột anh đào phọt ra từ ngón tay một đứa trẻ ba tuổi đang mệt nên khá là vô dụng. Nhưng phải chăng làm vậy lại có cảm giác dễ chịu hơn so với đứng ở cửa mà hò “ồ hô”?

Hai căn phòng đầu tiên cũng trong tình trạng giống hành lang. Bản thủ, toàn những đồ bỏ đi chất đống. Máy đánh chữ hỏng, điện thoại hỏng, những cái ghế ba chân. Đang ngẫm ngợi rằng chẳng có thứ gì trong bất kỳ một bảo tàng lớn nào trên thế giới lại nhìn cũ kỹ hơn một chiếc máy photocopy mười tuổi thì tôi nghe thấy một âm thanh. Một âm thanh của con người. Một tiếng rên.

Tôi chờ đợi. Âm thanh không lặp lại, bởi thế tôi tua lại trong đầu. Nó phát ra từ căn phòng kế tiếp trong hành lang. Đó là giọng đàn ông. Đó là một người đang làm tình, hoặc đang trong tình trạng tồi tệ. Hoặc đó là một cái bẫy.

Tôi khẽ khàng lùi trở lại hành lang và đi men sang cánh cửa kế bên, nằm xuống dọc tường. Tôi đưa cái gương ra trước mặt, chỉnh vị trí của nó. Ngồi trên một chiếc ghế giữa phòng, đầu gục xuống ngực là một người đàn ông. Lùn, béo, trung niên, bị buộc vào ghế. Bằng mấy sợi dây da.

Có máu ở ngực áo. Rất nhiều.

Nếu như đó là một cái bẫy thì chắc đây là khoảnh khắc đối thủ đợi tôi nhảy ra mà nói, “Ôi trời ơi, tôi có thể giúp gì được không?” Cho nên tôi cứ ở nguyên đó quan sát. Người đàn ông và hành lang.

Ông ta không tạo ra âm thanh nào nữa, và hành lang không có động tĩnh gì khác lạ so với hành lang bình thường. Sau khoảng một phút quan sát, tôi ném mảnh gương sang một bên rồi bò qua bậc cửa vào trong phòng.

Có lẽ tôi đã biết đó là Woolf ngay từ lúc nghe thấy tiếng rên. Hoặc là do tôi nhận ra giọng, hoặc là tôi đã nghĩ rằng nếu như Chải Chuốt có thể bắt được tôi thì hẳn tóm được Woolf cũng chẳng khó gì.

Hoặc cả Sarah.

Tôi đóng cửa lại và chống một cái ghế hai chân vào dưới tay nắm cửa. Nó sẽ không cản được ai, nhưng ít ra nhờ vậy tôi cũng có cơ hội để lộn ba hay bốn vòng trước khi cửa được mở ra. Tôi quỳ phía trước Woolf, và ngay lập tức nguyên rửa chỗ đau ở đầu gối. Tôi lùi lại, nhìn xuống sàn. Bảy hay tám bu lông ốc vít ướt dầu nằm dưới chân Woolf, tôi bèn nghiêng người xuống để gạt chúng ra xa.

Nhưng đó không phải là bu lông ốc vít, và kia cũng chẳng phải dầu diéc gì. Tôi đang quỳ lên những chiếc răng của ông ta.

Tôi cởi dây trói, cố nâng đầu ông ta lên. Cả hai mắt ông ta vẫn nhắm, nhưng tôi không thể biết đó là vì ông ta đang bất tỉnh hay là bởi thịt xương xung quanh má cùng hốc mắt đã bị sung vù khủng khiếp. Bong bóng máu và nước dãi dính đầy quanh miệng và hơi thở của ông ta nghe thật tồi tệ.

“Ông sẽ ổn thôi,” tôi nói. Nhưng tôi còn không tin chính mình thì liệu ông ta có tin hay không. “Sarah ở đâu?”

Ông ta không trả lời, nhưng tôi thấy là ông ta đang gắng mở mắt trái. Ông ta nghiêng đầu ra sau và một tiếng lẩm bầm làm bắn ra một chút bột quanh môi. Tôi vươn người lên, cầm lấy hai tay ông ta.

“Sarah đâu?” Tôi nhắc lại, cảm thấy một bàn tay to, đầy lông lá của nỗi lo âu đang kẹp lấy thanh quản mình. Ông ta bất động một lúc, và tôi bắt đầu nghĩ ông ta đã chết rồi, nhưng bỗng nhiên ngực ông ta lại phập phồng và miệng mở ra như thể đang ngáp.

“Anh nói gì, Thomas?” Giọng nói khò khè, và hơi thở của ông ta tệt đi từng giây. “Anh có...” Ông ta dừng lại để hít thêm không khí.

Tôi biết rằng ông ta không nên nói tiếp. Dẫu biết nên bảo ông ta rằng hãy lặng yên và giữ sức nhưng tôi không thể làm điều đó. Tôi muốn ông ta nói. Nói điều gì đó. Về việc ông ta cảm thấy tệ ra sao, kẻ nào đã gây ra điều này, về Sarah, về cuộc đua ngựa ở Doncaster. Bất cứ thứ gì trên đời.

“Tôi gì cơ?” Tôi hỏi.

“Anh có phải người tử tế không?”

Tôi nghĩ ông ta đã cười.

Tôi ở nguyên thế một lúc, nhìn ông ta, cố nghĩ ra điều gì để làm. Nếu tôi dịch chuyển ông ta, có thể ông ta sẽ chết. Nhưng nếu không làm thế, ông ta sẽ chết. Tôi thậm chí còn nghĩ phần nào tôi thực sự muốn ông ta chết, như thế tôi có thể rảnh tay mà làm điều gì đó. Trả thù. Chạy thoát thân. Tức giận.

Và rồi đột nhiên, gần như trước khi ý thức được mình làm gì, tôi bỏ tay ông ta ra để nhặt khẩu Glock lên, di chuyển ngang qua phòng trong tư thế cúi gập người thấp nhất có thể.

Bởi vì có ai đó đang cố xoay nắm đấm cửa.

Cái ghế giữ chắc được cho cánh cửa trong một hai lần đẩy đầu tiên nhưng rồi trượt ra khỏi tay nắm vì một cú đạp chân. Cánh cửa bật tung và một người đàn ông đứng đó, cao lớn hơn so với tôi nhớ, đó là lý do tại sao tôi mất vài tích tắc mới nhận ra rằng đó chính là Chải Chuốt và hắn đang chĩa súng vào giữa phòng. Woolf dợm đứng dậy khỏi ghế, hoặc có lẽ chỉ là ông ta ngã về phía trước, rồi một tiếng nổ dài, chói tai được nối đuôi bởi những tiếng pằng pằng đánh gọn khi tôi nã sáu phát vào đầu và thân Chải Chuốt. Hắn ngã ngửa xuống hành lang còn tôi nhào theo, bắn tiếp ba phát nữa vào ngực hắn khi hắn ngã xuống. Tôi đá khẩu súng ra xa khỏi tay hắn và chĩa khẩu Glock vào giữa đầu hắn. Vỏ đạn nằm lăn lóc trên nền hành lang.

Tôi quay vào phòng. Woolf đang ở cách chỗ tôi nhìn thấy ông ta lần cuối gần hai mét, nằm ngửa trên một vũng máu đang đen đặc lại. Tôi không hiểu tại sao thân thể ông ta có thể đi được xa thế, cho tới khi tôi nhìn xuống và thấy vũ khí của Chải Chuốt.

Đó là một khẩu MAC 10. Một loại tiểu liên cỡ nhỏ ác hiểm, không quan trọng bắn vào ai, nó có khả năng xả hết cơ số ba mươi viên đạn trong thời gian chưa tới hai giây. Chải Chuốt đã ra sức nã được gần hết ba mươi viên vào người Woolf, và chúng xé ông ta ra thành từng mảnh.

Tôi cúi xuống bắn một viên nữa vào mồm Chải Chuốt.

Phải mất một giờ tôi mới đi hết từ đỉnh tới chân tòa nhà. Và khi đi hết, tôi biết rằng nó nằm ở High Holborn, trước kia từng là trụ sở của một hãng bảo hiểm lớn còn giờ đây trở thành một tòa nhà trống rỗng. Từ đó tôi có một suy đoán. Rằng nếu súng nổ mà không kéo theo tiếng hú còi của cảnh sát thì tựu trung có nghĩa là không có ai ở đây.

Không còn cách nào khác, tôi đành bỏ khẩu Glock ở lại. Tôi kéo xác Richie đặt vào phòng cùng với Woolf, để hắn nằm ngang phòng, sau đó chúi cán và cò khẩu Glock vào áo tôi rồi ấn nó vào tay Richie. Tôi nhặt khẩu MAC lên bắn ba viên cuối cùng vào xác Richie, trước khi đặt nó lại cạnh Chải Chuốt.

Hoạt cảnh đó, như tôi đã sắp xếp, không thuyết phục lắm. Nhưng mà cuộc sống thực cũng thế thôi, một hiện trường rắc rối thường dễ tin hơn là hiện trường thẳng đuột. Dù sao thì tôi cũng hy vọng thế.

Rồi tôi về Sovereign, một quán trọ có bữa sáng tồi tàn ở King's Cross, tôi ở đó hai ngày ba đêm cho cái cảm có thì giờ khô lại và những vết thâm tím trên người trở nên có màu đẹp đẽ. Bên ngoài cửa sổ phòng tôi, nước Anh mua bán ma túy công khai, ngủ với bản thân nó để kiếm tiền, và chiến những trận say chệnh choáng để rồi sáng hôm sau chẳng còn nhớ gì.

Trong khi ở đó, tôi nghĩ về những chiếc trực thăng, về những khẩu súng, về Alexander Woolf, về Sarah Woolf, và rất nhiều những thứ hay ho.

Tôi có phải là người tử tế hay không?

Chín

Đeo ủng, đóng cương, lên ngựa, và đi!

BROWNING

“Cái gì sau đại học cơ?”

Cô gái thật đẹp, kiều đẹp làm người ta sửng sò, và tôi tự hỏi cô ta sẽ làm công việc này trong bao lâu nữa. Tôi dám chắc rằng công việc lễ tân cho Đại sứ quán Mỹ ở Quảng trường Grosvenor mang lại cho anh mức lương kha khá và đủ các thứ bỏ miệng, nhưng nó hẳn phải buồn chán hơn cả bài diễn văn của Bộ Ngân khố năm ngoái.

“Nghiên cứu Sau Đại học,” tôi nói. “Ông Russell Barnes.”

“Ông ấy có biết ông tới không?”

Cô ta sẽ không trụ lại được đến sáu tháng, chắc chắn thế. Cô ta buồn chán vì tôi, buồn chán vì tòa nhà, buồn chán vì thế giới này.

“Hiển nhiên tôi hy vọng thế,” tôi đáp. “Sớm nay văn phòng của tôi đã gọi điện để bảo đảm chắc chắn về cuộc gặp. Họ được trả lời là sẽ có người ở đó gặp tôi.”

“Solomon, đúng không?”

“Đúng.” Cô ta nhìn qua một sổ danh sách. “Một chữ M,” tôi nói, vẻ xăng xái.

“Và văn phòng của ông là...?”

“Là văn phòng đã gọi điện tới sáng nay. Tôi xin lỗi, tôi cứ nghĩ đã nhắc tới nó rồi cơ mà.”

Cô ta chán ngán quá không buồn hỏi lại. Cô ta nhún vai và bắt đầu điền vào một cái thẻ khách tham quan cho tôi.

“Carl ới?”

Carl không chỉ là Carl. Anh ta là CARL. Anh ta cao hơn tôi bốn phân, và thường nâng tạ vào thời gian rảnh rỗi, thứ mà hiển nhiên anh ta có rất nhiều. Anh ta cũng là lính thủy quân lục chiến Mỹ, mặc bộ quân phục mới tinh tới nỗi tôi gần như tưởng mình nhìn thấy người nào đó đang khâu nốt đường viền ống quần ở mắt cá chân anh ta.

“Ông Solomon,” cô lễ tân nói. “Phòng 5910. Gặp ông Barnes, Russell.”

“Russell Barnes,” tôi chữa, nhưng chẳng ai để ý.

Carl đưa tôi qua một loạt chốt kiểm tra an ninh đắt tiền, nơi những Carl khác quét máy dò tìm kim loại khắp người tôi và sờ nắn đến nhàu quần áo tôi. Họ đặc biệt thích thú với cặp xách tay của tôi, và lo lắng vì trong đó chỉ đựng một tờ *Daily Mirror*.

“Tôi chỉ dùng nó làm đồ trang trí thôi,” tôi diễn giải một cách vui vẻ, nhưng nghe vậy dường như phần nào họ cũng thỏa mãn. Có lẽ nếu như tôi bảo họ tôi chỉ dùng nó để đưa tài liệu mật ra khỏi một đại sứ quán nước ngoài thì có thể họ sẽ vỗ vỗ lưng tôi và đề nghị mang giúp tôi không chừng.

Carl đưa tôi tới thang máy và đứng sang một bên trong khi tôi bước vào. Tiếng nhạc có âm lượng nhỏ đến độ khó chịu vọng vào, và nếu như đây không phải là đại sứ quán, tôi dám thề rằng đó là giọng Jonny Mathis hát lại bài *Bat Out of Hell*. Carl theo tôi vào và quẹt một cái thẻ nhựa qua đầu đọc điện tử, rồi bấm số vào cái bàn phím bên dưới bằng ngón tay đi găng trắng tinh.

Khi thang máy vút lên trên, tôi trấn an mình để chuẩn bị cho một cuộc phỏng vấn chắc là sẽ lắm trò. Tôi liên tục tự nhắc thầm rằng tôi chỉ đang làm những gì người ta khuyên làm khi mình bị một dòng triều mạnh cuốn ra biển. Hãy bơi theo chiều nó, đừng chống lại nó, họ bảo thế. Cuối cùng thì anh sẽ tới được đất liền. Ra tới tầng năm, tôi bước theo sau Carl dọc một hành lang bóng loáng tới phòng 5910 - Phó Giám đốc Ban Nghiên cứu châu Âu, Barnes, Russell P.

Carl chờ đợi trong khi tôi gõ cửa, và khi cửa mở ra, suýt tí nữa thì tôi dúi vào bàn tay đeo găng của anh ta vài bảng tiền xu và yêu cầu anh ta đặt cho tôi một bàn ở L'Epicure. May mắn thay, anh ta đã ngăn tôi làm việc đó bằng cách chào với vẻ dửng dưng rồi quay gót bước đi về phía hành lang với tốc độ một trăm mười bước một phút.

Russell P. Barnes đã đi kha khá vòng quanh thế giới. Có thể tôi không phải là người xuất sắc trong việc đọc vị người khác, nhưng tôi biết rằng anh sẽ không thể trở nên giống Russell P. Barnes chỉ bằng cách ngồi sau bàn suốt nửa cuộc đời, nửa đời còn lại thì bết nhè trong những tiệc cocktail chiêu đãi của đại sứ quán. Ông ta chừng năm mươi, cao gầy, với một đám sẹo và những vết nhăn đang đánh nhau để giành quyền kiểm soát cái khuôn mặt sạm nắng. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng ông ta là tất cả những gì mà O'Neal đang cố gắng tốt bậc để trở thành.

Dù đã nhìn tôi qua cặp kính bán nguyệt lúc tôi bước vào nhưng ông ta vẫn tiếp tục đọc, rà đầu cây bút máy đặt trên lề theo dòng chữ. Mỗi một thớ thịt trên người ông ta nói rằng những Việt Cộng bị giết, những đối thủ vũ trang hạng nặng và Tướng Schwarzkopf thấy đều gọi tôi là Cau Có.

Ông ta giở một trang và quất về phía tôi. “Vâng!”

“Ông Barnes,” tôi nói, đặt chiếc cặp xuống chân ghế đối diện ông ta và chìa tay ra.

“Trên cửa ghi gì?” Ông ta vẫn tiếp tục đọc. Tôi vẫn chìa tay ra.

“Xin chào ngài.”

Im lặng một chút. Tôi biết tiếng “ngài” sẽ làm ông ta chú ý. Ông ta đánh hơi không khí, khám phá mùi vị của một đồng chí sĩ quan, rồi chậm rãi ngẩng mặt về phía tôi. Sau đó ông ta nhìn xuống tay tôi một lúc trước khi chìa tay ra. Khô như ngói.

Ông ta chuyển cái nhìn xuống ghế thể là tôi ngồi xuống, và khi làm điều đó, tôi bắt gặp một bức ảnh treo trên tường. Gần như chắc chắn đó là Norman bão tố, mặc bộ rằn ri, với lời đề tặng viết tay bên dưới khuôn mặt. Dòng chữ quá nhỏ không đọc được, nhưng tôi dám cá tất tật mọi thứ tôi có rằng nó bao gồm chữ “đá” và “đít”. Gần đây là một bức hình lớn hơn của Barnes mặc đồ kiểu như lính dù, mũ bảo hộ ôm trên tay.

“Anh quốc?” Ông ta gỡ cặp kính ra thả xuống bàn.

“Chính tông, thưa ông Barnes,” tôi nói. “Chính tông.” Tôi biết thừa ông ta có ý nói Quân đội Anh quốc. Chúng tôi trao cho nhau những cái cười quân sự gượng gạo để nói với nhau rằng chúng tôi ghét ba cái thứ cứt đá ruồi bầu đã trói tay những người đàn ông lịch lãm và gọi đó là chính trị. Khi thứ đó đã đủ với chúng tôi rồi, tôi nói: “David Solomon.”

“Tôi có thể làm gì cho ông, ông Solomon?”

“Tôi nghĩ là thư ký của ngài đã có nhắc, tôi từ Bộ của ông O’Neal tới. Ông O’Neal có một vài câu hỏi và ông ấy hy vọng ông có thể trả lời được.”

“Cứ nói.” Lời thốt ra thật dễ dàng trên môi ông ta, và tôi tự hỏi đã bao nhiêu lần và trong bao nhiêu hoàn cảnh khác nhau ông ta đã nói điều đó.

“Nó liên quan đến Nghiên cứu Sau Đại học, thưa ông Barnes.”

“Ừ.”

Thế đấy. Ủ. Không phải “ông đang nói tới cái âm mưu của một nhóm người giấu mặt hòng hậu thuẫn cho hoạt động khủng bố với mục tiêu làm tăng doanh số các thiết bị quân sự chống khủng bố?” Điều mà, tôi phải thừa nhận, tôi đã tin là đúng. Nếu không phải thế thì một khởi đầu không đâu vào đâu là cũng đủ rồi. Nhưng cái tiếng “Ủ” tự thân nó chẳng có ích một chút nào.

“Ông O’Neal hy vọng ông có thể làm chúng tôi sáng tỏ bằng những suy nghĩ mới nhất của ông về vấn đề này.”

“Giờ ông ấy vẫn đang hy vọng sao?”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói chắc nịch. “Ông ấy hy vọng ông có thể sẵn lòng làm sáng tỏ giúp chúng tôi bằng lý giải của ông về các sự kiện gần đây.”

“Những sự kiện gần đây nào thế?”

“Có lẽ ở điểm này tôi không nên đi vào chi tiết, thưa ông Barnes. Tôi tin chắc là ông hiểu.”

Ông ta cười, và có ánh vàng lấp lóe đâu đó trong miệng ông ta.

“Ông có liên quan gì tới việc đặt hàng không, ông Solomon?”

“Hiển nhiên là không, thưa ông Barnes.” Tôi cố tỏ vẻ thảm thương. “Vợ tôi còn không tin tôi khi đi mua sắm ở siêu thị cơ mà.”

Nụ cười của ông ta tắt ngấm. Trong vòng tròn mà Russell P. Barnes bước vào, hôn nhân là một việc mà những người chinh chiến có phẩm giá chỉ làm ở chôn riêng tư. Nếu như họ có làm.

Điện thoại trên bàn ông ta kêu khe khẽ, ông ta liền giật ống nghe đưa lên tai.

“Barnes.” Ông ta lấy bút ra, ấn cái nắp lên xuống vài lần trong khi lắng nghe. Ông ta gật đầu và nói vâng vài lần rồi gác máy. Ông ta cứ nhìn cây bút, và dường như đã đến lượt tôi nói.

“Tuy vậy, tôi nghĩ có thể nói rằng điều chúng tôi quan tâm là sự an toàn,” tôi ngừng lại một chút để báo trước lời nói giảm, “của hai công dân Mỹ hiện đang cư trú trên đất Anh. Tên của họ là Woolf. Ông O’Neal hẳn không biết liệu ông có thông tin nào có thể giúp Bộ chúng tôi đảm bảo rằng họ sẽ được bảo vệ thường trực hay không.”

Ông ta khoanh tay trước ngực và ngả người ra ghế.

“Chết tiệt.”

“Xin lỗi, ngài nói gì?”

“Người ta nói rằng nếu anh ngồi yên lâu quá thì sẽ bị cả thế giới qua mặt.”

Tôi cố ra vẻ bối rối.

“Tôi vô cùng xin lỗi, thưa ông Barnes, nhưng e tôi không hiểu ý ông là gì.”

“Đã lâu lắm rồi kể từ khi tôi phải nốc chừng ấy thứ rác rưởi trong một cái cốc.”

Một cái đồng hồ tích tắc đầu đó. Khá nhanh. Dường như quá nhanh đối với tôi, trong khi nó đếm từng giây.

Nhưng mà đây là một tòa nhà Mỹ, và có lẽ người Mỹ đã quyết định rằng một giây như thế là quá chậm, nên họ bèn nghĩ về một cái đồng hồ có thể chạy được một phút trong vòng hai mươi giây. Bằng cách đó, họ có nhiều giờ chết tiệt hơn trong một ngày chết tiệt hơn so với những tên người Anh chết tiệt này.

“Ông có thông tin gì không, thưa ông Barnes?” Tôi hỏi, vẻ lì lợm.

Nhưng ông ta không tỏ ra vội vã chút nào.

“Sao mà tôi biết cái thông tin đó được, hả ông Solomon? Ông cũng từng là lính. Tôi mới nghe ông O’Neal nói thôi.”

“Chà,” tôi nói, “tôi băn khoăn không biết điều đó có thực sự đúng không.”

“Thế à?”

Có gì đó không ổn. Tôi không biết là gì, nhưng chắc chắn có điều gì đó rất không ổn ở đây.

“Hãy dẹp điều đó sang một bên, thưa ông Barnes,” tôi nói, “chúng ta hãy cùng giả sử rằng Bộ của tôi đang hơi thiếu lính tráng vào lúc này. Nhiều người cảm cúm. Nghỉ hè. Hãy giả thiết rằng lính tráng của chúng tôi, do sự thiếu hụt về số lượng, đã tạm thời mất dấu hai người này.”

Barnes bẻ vài đốt ngón tay và vươn người về phía trước bàn.

“Chà, tôi không cho là chuyện đó có thể xảy ra được, thưa ông Solomon.”

“Tôi không nói là nó đã xảy ra,” tôi nói. “Tôi chỉ đưa ra như một giả định thôi.”

“Cũng thế cả, tôi không đồng ý với giả thiết của ông. Đối với tôi thì có vẻ ngay bây giờ các ông đang thừa người.”

“Tôi xin lỗi, tôi không hiểu ý ông.”

“Đối với tôi dường như nhân viên của ông đang ở khắp nơi, theo đuôi chính ông.”

Đồng hồ tích tắc.

“Thật sự thì ông muốn nói gì?”

“Điều tôi thật sự muốn nói là nếu như bộ phận của ông có thể tuyển mộ hai David Solomon để làm cùng một việc thì hẳn các ông có một ngân quỹ mà tôi ước gì mình có.”

Ồi thôi.

Ông ta đứng lên và bắt đầu đi vòng quanh bàn. Chẳng đe dọa hay gì, chỉ để co duỗi chân một chút.

“Có thể các ông có nhiều hơn? Có thể các ông có cả một sư đoàn David Solomon. Phải thế không?” Ông ta ngừng lại. “Tôi đã gọi cho ông O’Neal. David Solomon giờ này đang trên một chuyến bay tới Praha, và dường như O’Neal nghĩ đó là David Solomon duy nhất mà ông ta có. Bởi vậy có lẽ tất cả David Solomon các ông cùng lĩnh lương chung chẳng?” Ông ta vờ tay về phía cửa, mở ra. “Mike, gọi đội E tới đây. Ngay bây giờ.”

Ông ta quay lại, dựa người vào khung cửa, hai tay khoanh lại, nhìn tôi.

“Ông có khoảng bốn mươi giây.”

“Được thôi,” tôi nói. “Tên tôi không phải là Solomon.”

Đội E gồm có hai Carl, mỗi người đứng một bên ghế tôi. Mike đã thế chỗ ở cửa còn Barnes quay lại ngồi vào ghế sau bàn. Tôi đang đóng vai kẻ bại trận buồn chán.

“Tên tôi là Glass. Terence Glass.” Tôi cố sao cho cái tên đó nghe càng nhạt thích càng tốt. Nhạt đến mức sẽ không ai nghĩ tới chuyện bịa ra nó. “Tôi quản lý một phòng tranh ở đường Cork.” Tôi thò tay vào trong túi ngực và tìm thấy tấm danh thiếp mà cô tóc vàng được nuôi dưỡng tốt kia đã đưa cho. Tôi đưa lại cho Barnes. “Đây. Cái cuối cùng. Tiện thể, Sarah làm việc cho tôi. Từng làm việc cho tôi.” Tôi thở dài và sụp người thấp xuống một chút. Một người đã đánh cược và đã mất mọi thứ. “Cách đây vài tuần, cô ấy đã xử sự... Tôi không biết nữa. Có vẻ cô ấy lo lắng. Thậm chí là sợ hãi. Cô

ấy bắt đầu nói về những điều lạ lùng. Rồi một hôm cô ấy không tới làm việc nữa. Biến mất. Tôi gọi điện. Không ai thưa. Tôi thử gọi cho bố cô ấy vài lần, nhưng dường như ông ấy cũng biến mất. Tôi đã xem qua một số thứ trên bàn của cô ấy, những thứ vật vãnh, và tôi thấy một bộ hồ sơ.”

Đến đó Barnes khẽ khịt mũi, bởi thế tôi nghĩ cứ thử nói thêm chút nữa.

“Nghiên cứu Sau Đại học. Ghi ở ngoài bìa. Lúc đầu tôi nghĩ nó là thứ gì đó về Lịch sử Mỹ thuật, nhưng hóa ra không phải. Thực tình mà nói, tôi không hiểu nó là gì. Kinh doanh. Sản xuất hay gì đó. Cô ấy có để lại vài dòng ghi chú. Một người đàn ông tên Solomon. Và tên của ông. Đại sứ quán Mỹ. Tôi... Tôi có thể trải lòng với ông được không?”

Barnes nhìn lại tôi. Chẳng có gì trên mặt ông ta ngoài sọc và những nếp nhăn.

“Đừng nói với cô ấy điều này,” tôi nói. “Ý tôi là cô ấy không biết điều này, nhưng... Tôi yêu cô ấy. Đã vài tháng rồi. Thực sự đó là lý do tại sao tôi cho cô ấy công việc đó. Tôi không cần thêm người làm ở phòng tranh, nhưng tôi muốn được ở gần cô ấy hơn. Tôi chỉ nghĩ đến mỗi chuyện đó. Tôi biết nói thế nghe có vẻ yếu đuối, nhưng... ông có biết cô ấy không? Ý tôi là ông đã từng gặp cô ấy chưa?”

Barnes không trả lời. Ông ta chỉ kẹp tám danh thiếp tôi đưa giữa các ngón tay, và nhướn lông mày nhìn lên Mike. Tôi không quay lại, nhưng Mike hẳn là đang bận rộn.

“Glass,” một giọng nói. “Đã kiểm tra.”

Barnes hít hơi qua kẽ răng một lúc rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ngoại trừ cái đồng hồ, căn phòng yên tĩnh đến đáng kinh ngạc. Không tiếng điện thoại, không tiếng máy chữ, không tiếng xe cộ ngoài đường. Cửa sổ chắc hẳn phải bốn lớp kính.

“O’Neal ấy à?”

Tôi làm ra vẻ thảm bại hết sức.

“Có chuyện gì về ông ta?”

“Tại sao ông biết được những thứ đó về O’Neal?”

“Trong hồ sơ,” tôi nhún vai. “Tôi đã nói với ông rồi, tôi đã đọc hồ sơ của cô ấy. Tôi muốn biết điều gì đã xảy ra với cô ấy.”

“Tại sao ông không nói với tôi điều này ngay từ đầu? Tại sao lại nói toàn ba chuyện vớ vẩn kia?”

Tôi cười to và liếc nhìn mấy tay Carl.

“Ông không phải là người dễ gì gặp được, ông Barnes. Tôi đã cố gọi điện cho ông mấy ngày liền. Người ta cứ chuyển cuộc gọi của tôi sang bộ phận làm visa. Chắc họ cho rằng tôi đang giở trò để cố lấy Thẻ Xanh. Bằng cách thông qua một người Mỹ.”

Một khoảng lặng dài.

Đó là câu chuyện ngớ ngẩn nhất tôi đã từng kể; nhưng tôi đang đánh cược - một cách đầy may rủi, phải thừa nhận thế - vào lòng tự tôn nam nhi của Barnes. Tôi đọc thấy ông ta là hạng người kiêu ngạo bị mắc kẹt ở xứ người, và tôi hy vọng rằng phần lớn trong ông ta muốn tin rằng mọi câu chuyện mà ông ta gặp đều ngớ ngẩn như câu chuyện của tôi. Nếu như không ngớ ngẩn hơn.

“Ông đã thử nói điều này với O’Neal chưa?”

“Theo Bộ Quốc phòng thì không có người nào có tên như thế làm việc ở đó, nên tôi đành trình báo về người mất tích với đồn cảnh sát nơi tôi cư trú.”

“Ông đã làm thế?”

“Tôi đã thử làm thế.”

“Đồn nào?”

“Bayswater.” Tôi biết họ sẽ không hỏi đồn ấy để kiểm tra đâu. Ông ta chỉ muốn xem tôi trả lời nhanh đến mức nào. “Cảnh sát bảo hãy chờ một vài tuần. Dường như họ nghĩ là có thể cô ấy đã tìm được một người tình khác.”

Tôi thấy hài lòng. Tôi biết ông ta sẽ tin.

“Một người tình ‘khác’?”

“Ồ...” Tôi cố đỏ mặt. “Vâng. Một người tình.”

Barnes cắn môi. Tôi đang có vẻ thảm thương tới nỗi ông ta không còn cách nào khác ngoài tin tôi. Nếu là tôi, tôi cũng sẽ tin, mà tôi thì vốn là người không dễ vừa lòng với một cái gì.

Ông ta đi tới một quyết định.

“Hồ sơ đó bây giờ ở đâu?”

Tôi ngược nhìn lên, ngạc nhiên, lại có người quan tâm đến hồ sơ đó cơ đây.

“Vẫn ở phòng tranh. Thì sao?”

“Miêu tả xem nào?”

“Ồ, nó kiểu như là... phòng tranh, đúng vậy. Nghệ thuật.”

Barnes hít một hơi sâu. Ông ta thực sự ghét phải nói chuyện với tôi.

“Tập hồ sơ nhìn thế nào?”

“Giống tập hồ sơ. Bìa các tông...”

“Lạy Jesus lạy đức Mẹ Đồng trinh,” Barnes nói. “Màu gì?”

Tôi nghĩ một lát.

“Màu vàng, chắc thế. Đúng rồi. Màu vàng.”

“Mike. Chuẩn bị đi.”

“Chờ một phút...” Tôi dợm đứng dậy, nhưng một trong mấy Carl đè vào vai tôi nên tôi quyết định lại ngồi xuống. “Các ông định làm gì?”

Barnes đã quay lại với đồng giấy tờ. Ông ta không nhìn tôi. “Ông sẽ đi cùng với ông Lucas tới nơi làm việc của ông và chuyển hồ sơ đó cho ông ấy. Ông hiểu chưa?”

“Nhưng vì cái quái gì tôi phải làm chuyện đó?” Tôi không biết những người chủ phòng tranh nên nói giọng thế nào trong tình huống này nhưng tôi đã chọn vẽ hờn dỗi. “Tôi tới đây để tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra với một trong các nhân viên của tôi, chứ không phải để các ông xen vào những thứ riêng tư của cô ấy.”

Có vẻ như ông ta vừa đột nhiên nhìn xuống và thấy mục cuối cùng trong nhật trình của mình là “để người ta thấy tôi làm việc cần mẫn thế nào”, cho dù Mike đã ra khỏi cửa và các Carl đã bắt đầu quay trở ra.

“Nghe đây, tay đồng dâm kia,” ông ta nói. Thực sự tôi nghĩ như thế là quá đáng. Các Carl dừng lại theo bản phận để ngưỡng mộ cái chất nam tính đó. “Hai điểm. Một. Phải tới khi tận mắt nhìn thấy tập hồ sơ đó chúng tôi mới biết nó là của riêng cô ta hay là của chúng tôi. Hai. Càng nghe theo lời tôi, ông càng có cơ hội gặp lại con đĩ đồng bóng đó. Rõ chưa nào?”

Mike là một anh chàng tương đối tử tế. Khoảng gần ba mươi, dáng thể thao, và rất sắc sảo. Tôi nhận thấy anh ta không thoải mái với những thứ

nặng đô này, vì thế mà tôi thích anh ta hơn.

Chúng tôi đi về hướng Nam xuống đường Park Lane trên một chiếc Lincoln Ngoại giao màu xanh nhạt, được chọn từ ba mươi chiếc giống nhau trong bãi đậu xe của đại sứ quán. Đối với tôi thì là điều hiển nhiên các nhà ngoại giao sử dụng loại xe tên Ngoại giao, nhưng cũng có thể là người Mỹ vốn thích các loại xe mang thông tin chỉ dẫn thế này. Theo tôi biết thì một tay bán bảo hiểm người Mỹ bình thường sẽ lái một chiếc gọi là Chevrolet Người Bán Bảo hiểm. Tôi cho rằng đó là điều không đáng phải bận tâm trong cuộc đời một con người.

Tôi ngồi ở ghế sau, nghịch mấy cái gạt tàn, trong khi tay Carl mặc thường phục ngồi bên cạnh Mike ở ghế trước. Tay Carl đó đeo tai nghe với sợi dây khuất vào trong áo sơ mi. Có Chúa biết là nó dẫn đi đâu.

“Ông Barnes ấy quả là người tử tế,” sau cùng tôi nói.

Mike nhìn tôi qua gương chiếu hậu. Carl quay đầu khoảng ba phần và biểu lộ sự tán thành bằng kích cỡ cái cổ của anh ta, đó là tất cả những gì anh ta có thể làm được. Tôi muốn xin lỗi vì đã làm gián đoạn giờ tập tạ của anh ta. “Tôi nghĩ là ông ấy giỏi trong cả công việc nữa. Ông Barnes ấy. Làm việc hiệu quả thật.”

Mike liếc nhìn sang phía Carl, vẻ như đang hỏi có nên trả lời tôi không.

“Ông Barnes thực sự là một người đặc biệt,” anh ta nói.

Tôi nghĩ rằng có lẽ Mike ghét Barnes. Tôi khá chắc chắn rằng nếu phải làm việc cho ông ta thì tôi cũng sẽ như thế. Nhưng Mike là người tử tế, đáng nể trọng và chuyên nghiệp, người đang cố hết sức tỏ ra trung thành và tôi nghĩ sẽ không công bằng chút nào nếu cứ cố ép anh ta phải thể hiện nhiều hơn trong khi có mặt Carl. Bởi vậy tôi quay lại giết thì giờ với những chiếc cửa sổ điều khiển điện.

Về cơ bản, chiếc xe không được trang bị để làm nhiệm vụ của nó - nó chỉ có loại khóa thông thường ở cửa sau, cho nên tôi có thể bước ra ngoài ở bất cứ chỗ đèn giao thông nào nếu muốn. Nhưng tôi đã không làm điều đó, thậm chí còn chẳng muốn làm. Tôi không biết tại sao, nhưng đột nhiên cảm thấy rất hứng thú.

“Đúng, quả là đặc biệt,” tôi nói. “Đó cũng là từ tôi sẽ dùng. Chà, không, đó là từ anh đã dùng, nhưng anh không phiền nếu như tôi cũng dùng chứ?”

Tôi thực sự đang thích thú với bản thân mình. Chuyện này không thường xuyên xảy ra.

Chúng tôi rẽ vào Piccadilly, rồi ngược phố Cork. Mike kéo tấm che nắng thấp xuống, gài tấm danh thiếp của Glass ở đây, và đọc to số nhà. Tôi thấy hết sức nhẹ nhõm bởi vì anh ta đã không hỏi tôi về chuyện đó.

Chúng tôi đỗ bên ngoài căn nhà số bốn mươi tám, và Carl mở cửa xe bước ra ngoài trước khi xe dừng hẳn. Anh ta giạt mở cửa sau và nhìn ngược nhìn xuôi trên phố trong khi tôi bước ra ngoài. Tôi thấy mình như một vị tổng thống vậy.

“Số bốn mươi tám, đúng không?” Mike hỏi.

“Đúng,” tôi đáp.

Tôi nhấn chuông và ba chúng tôi đứng đợi. Một lúc sau, một người lùn lùn, dáng vẻ nhanh nhẹn xuất hiện, bận rộn với những chốt và khóa trên cánh cửa.

“Chúc buổi sáng tốt lành, thưa quý ông,” ông ta nói. Một giọng vọng ra từ sâu bên trong.

“Chào buổi sáng, Vince. Cái chân thế nào rồi?” Tôi nói và bước vào phòng tranh.

Người đàn ông nhanh nhẹn có vẻ quá nhiều chất Anh nên sẽ không hỏi Vince là ai? Chân nào? Và tiện thể, ông đang nói cái gì thế? Thay vào đó ông ta đứng lù lại, với một nụ cười lịch thiệp, cứ để Mike và Carl theo sau tôi.

Bốn chúng tôi đi vào giữa phòng tranh và nhìn quanh các bức vẽ lem nhem. Thật sự là chẳng ra gì. Tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu như ông ta bán được mỗi năm một bức.

“Nếu anh thấy thích bức nào, tôi sẽ hạ giá mười phần trăm cho anh,” tôi nói với Carl, anh ta đang chậm rãi chớp mắt.

Cô tóc vàng xinh đẹp lần này diện bộ màu đỏ, tươi cười rạng rỡ từ phía sau nhà bước ra. Khi cô ta nhìn thấy tôi, cái cằm tốt giống của cô ta liền hạ xuống trước bộ ngực thậm chí còn tốt giống hơn.

“Ông là ai?” Mike đang hướng về người đàn ông nhanh nhẹn. Tay Carl thì đang mãi ngắm tranh.

“Tôi là Terence Glass,” người đàn ông nhanh nhẹn đáp.

Thật là một khoảnh khắc tuyệt vời. Giây phút mà tôi sẽ nhớ mãi. Năm người chúng tôi cứ đứng đó, chỉ có Glass và tôi là đủ sức để giữ miệng mình đừng há hốc ra. Mike là người đầu tiên lên tiếng.

“Chờ một phút,” anh ta nói. “Ông là Glass.” Anh ta quay sang tôi với vẻ dửng dưng trên mặt. Sự nghiệp bốn mươi năm với lương hưu và cơ sở lần đi nghỉ ở Seychelles bắt đầu vụt qua trước mắt anh ta.

“Xin lỗi,” tôi nói. “Không hoàn toàn đúng đâu.” Tôi nhìn xuống sàn xem có tìm được vết máu đọng của mình không, nhưng ở đó không có gì hết. Glass đã rất nhanh tay dùng nước tẩy Vím hoặc giả mạo một vụ đòi bồi thường tài sản.

“Có gì hiểu lầm ở đây chẳng, thưa quý ngài?” Glass đã cảm nhận được sự hiểu lầm đâu đây. Thật tệ vì chúng tôi không phải là những hoàng tử Ả-rập. Giờ có vẻ như chúng tôi không giống những người mua tranh chút nào.

“Ông là... kẻ giết người. Người này...” Cô tóc vàng đang vật lộn tìm từ.

“Tôi cũng rất vui được gặp cô,” tôi nói.

“Chúa ơi,” Mike nói, và anh ta quay sang Carl, anh này thì quay về phía tôi.

Anh ta là một tay to con.

“Chà, xin lỗi vì có sự hiểu lầm nho nhỏ,” tôi nói. “Nhưng đã tới đây rồi, sao các ông không đi đi?” Tay Carl bắt đầu di chuyển về phía tôi. Mike túm lấy tay anh ta, rồi nhìn tôi, nhăn mặt.

“Đợi đã nào. Nếu như ông không phải... Ý tôi là, ông có biết mình vừa làm gì không?” Tôi nghĩ anh ta thực sự không tìm được từ để diễn đạt. “Chúa ơi.”

Tôi quay về phía Glass và cô tóc vàng.

“Hãy bình tâm lại, bởi vì tôi biết hẳn các vị đang hơi băn khoăn không biết chuyện gì đang diễn ra ở đây. Tôi không phải người như các vị nghĩ cũng chẳng phải loại như họ tưởng. Ông,” tôi nắm lấy ngón tay của Glass, “ông là người mà họ tưởng là tôi, và cô,” tôi nói với cô tóc vàng, “cô là người tôi muốn nói chuyện sau khi mọi người đã đi hết khỏi đây. Rõ rồi chứ?”

Không ai giơ tay lên. Tôi đi về phía cửa và làm cử chỉ tiễn khách.

“Chúng tôi muốn tập hồ sơ,” Mike nói.

“Hồ sơ nào?” Tôi hỏi.

“Nghiên cứu Sau Đại học.” Anh ta vẫn còn chưa bắt nhịp được với tình huống này. Tôi không thể trách anh ta vì điều đó.

“Xin lỗi vì đã làm ông thất vọng, nhưng không có hồ sơ nào cả. Tên ‘Nghiên cứu Sau Đại học’ hay bất cứ tên nào khác.”

Mặt Mike xị xuống, và tôi thực lòng thấy thương cho anh ta. “Nghe này,” tôi nói, cố làm cho sự việc diễn ra dễ dàng hơn, “tôi đã ở tầng năm, các cửa sổ có hai lớp kính, đó là lãnh thổ Mỹ, và cách duy nhất tôi có thể nghĩ ra để thoát khỏi đó là nói về tập hồ sơ. Tôi nghĩ nó có thể dụ được tất cả các ông.”

Im lặng một lúc lâu. Glass bắt đầu nghiêng răng, như thể những phiền toái kiểu này xảy ra quá thường xuyên trong những ngày gần đây. Tay Carl quay lại phía Mike.

“Tôi bắt ông ta chứ?” Giọng anh ta đột nhiên cao chói, gần như the thé.

Mike cắn môi.

“Thực ra đó không hẳn là quyết định của Mike,” tôi nói. Cả hai người đều nhìn tôi. “Ý tôi là, tôi có bị bắt theo như các ông nói hay không là tùy thuộc vào tôi.”

Tay Carl chăm chăm nhìn tôi, đánh giá đối thủ.

“Này,” tôi nói, “tôi sẽ nói thật với ông. Ông là một tay to con, và tôi chắc chắn rằng ông có thể hít đất nhiều hơn tôi. Tôi ngưỡng mộ ông vì điều đó. Thế giới này cần những người có thể hít đất. Điều đó quan trọng mà.” Anh ta hást cầm lên đầy vẻ đe dọa. Cứ tiếp tục nói đi, ông bạn. Bởi thế tôi tiếp tục. “Nhưng đánh đấm là chuyện khác. Một chuyện rất khác, mà ngẫu nhiên tôi lại rất giỏi món đó. Không có nghĩa là tôi mạnh hơn hay rắn rỏi hơn ông hay gì gì. Chỉ là tôi giỏi đánh nhau, thế thôi.”

Tôi thấy rằng Carl không mấy thoải mái với kiểu nói chuyện này. Đường như anh ta được dạy dỗ ở trường theo kiểu “Tao sẽ moi tim mày ra vân vân” và biết phản ứng lại với kiểu đó, chỉ kiểu đó thôi.

“Điều tôi muốn nói là,” tôi nói, ở mức tử tế nhất trong khả năng mình, “nếu như ông muốn bản thân mình tránh được vô số sự hổ thẹn thì hãy ra khỏi đây ngay bây giờ mà đi ăn trưa ở chỗ nào đó.”

Đó là điều mà cuối cùng họ đã làm, sau một hồi lăm răm và nhìn nhau.

Một giờ sau tôi ngồi trong quán cà phê Ý với cô tóc vàng, người mà từ rày trở đi sẽ được gọi là Ronnie bởi vì đó là cái tên bạn bè vẫn gọi cô, và có vẻ như tôi vừa trở thành một trong bọn họ.

Mike đã cúp đuôi ra đi, còn tay Carl mang cái vẻ “một ngày tệ hại, anh bạn à” trên mặt. Tôi sẽ hân hoan vẫy tay đón chào anh ta trở lại, nhưng tôi biết nếu như không nhìn thấy anh ta lần nữa thì đời tôi cũng chẳng vì vậy mà thành thảm họa.

Ronnie ngồi đó tròn xoe mắt nghe câu chuyện đã được rút gọn bớt sự kiện của tôi, bỏ qua đoạn những người chết, nhìn chung cô đã thay đổi cách nhìn và giờ đây có vẻ cô nghĩ tôi là một anh chàng ra trò; thật là một sự thay đổi tốt đẹp. Tôi gọi thêm một châu cà phê nữa và tựa lưng về phía sau để đắm mình trong sự ngưỡng mộ của cô.

Cô hơi cau mày một chút.

“Thế anh không biết hiện giờ Sarah ở đâu à?” Cô hỏi.

“Không biết gì hết. Có thể cô ấy vẫn ổn, đang tạm ẩn nấp, hoặc có thể đang gặp rất nhiều rắc rối cũng nên.”

Ronnie dựa lưng vào ghế, nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi biết cô quý Sarah, bởi vì cô thực sự lo lắng. Rồi đột nhiên cô nhún vai và nhấp một ngụm cà phê.

“Ít nhất thì anh đã không đưa tập hồ sơ cho họ,” cô nói. “Đó là một điều tốt.”

Nói dối ai đó hiển nhiên là có hại. Họ bắt đầu thấy rối trí vì không biết điều gì là thật điều gì là giả. Tôi nghĩ như vậy cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

“Không, cô không hiểu,” tôi nhẹ nhàng giải thích. “Không có hồ sơ nào cả. Tôi đã nói với họ rằng có một cái, bởi vì tôi biết họ sẽ phải tới kiểm tra nó trước khi họ bắt tôi mà ném xuống sông hay bất cứ cách gì vẫn làm với những người như tôi. Cô thấy đấy, những người làm việc trong văn phòng thường tin vào các tập hồ sơ. Các tập hồ sơ quan trọng đối với họ. Nếu như cô nói với họ rằng cô có một tập hồ sơ, họ sẽ muốn tin vào điều đó, bởi vì họ có nhiều phòng để lưu trữ những thứ đó.” Tôi đúng là một nhà tâm lý học vĩ đại. “Nhưng tôi e rằng cái tập hồ sơ này đơn giản là chưa từng tồn tại.”

Ronnie ngồi thẳng dậy và tôi thấy cô đột nhiên phấn khích. Hai đốm nhỏ màu đỏ xuất hiện trên hai má cô nhìn thật dễ thương.

“Nhưng mà có tập hồ sơ thật đấy,” cô nói.

Tôi lắc đầu một cái để kiểm tra xem tai của mình có còn ở nguyên chỗ cũ không.

“Xin lỗi, cô nói gì?”

“Nghiên cứu Sau Đại học,” cô nói. “Hồ sơ của Sarah. Tôi đã nhìn thấy nó rồi.”

Mười

Khói lửa vẫn bốc lên từ đống tro tàn.

CHAU CER

Tôi hẹn gặp Ronnie lúc bốn rưỡi chiều, khi phòng tranh đóng cửa và làn sóng rầm rộ đồ xô mua sắm của khách hàng đã được chặn an toàn bên ngoài, để rồi thêm một đêm nữa họ rỏ dãi chờ trên vỉa hè với những cái giường di động và tập séc mở sẵn.

Tôi không nhiệt thành tranh thủ sự giúp đỡ của Ronnie, nhưng cô là kiểu người trẻ tuổi ham vui, những người mà, vì lý do nào đó, cảm nhận được sự gấn bó giữa hành vi nghĩa hiệp với tính mạo hiểm cao và không thể cưỡng lại nó được. Tôi không cho cô biết rằng chuyện này cho tới giờ chỉ liên quan đến những lỗ đạn và những bùi dái bị bóp giập, bởi vì không thể bỏ qua khả năng có thể cô sẽ cực kỳ hữu ích. Bởi vì, thứ nhất, bây giờ tôi không có phương tiện đi lại, và thứ hai, tôi thường suy nghĩ tốt hơn khi có ai đó ở bên cạnh để nghĩ hộ.

Tôi nường vài tiếng ở Thư viện Anh, cố gắng tìm cho ra mọi điều có thể tìm về Tập đoàn Mackie của Mỹ. Gần như toàn bộ thời gian tôi lẩn quẩn với những hộp tra mục lục, nhưng trong mười phút cuối cùng trước khi phải đi, tôi đã kịp kiếm được thông tin vô giá sau đây: Mackie là một kỹ sư người Scotland đã làm việc cùng Robert Adams để chế tạo một loại súng ngắn ổ quay thân liền đạn nhồi, kim hỏa-cò kết hợp, hai khẩu trong số đó đã được trưng bày tại Đại Triển lãm ở Luân Đôn vào năm 1851. Tôi cũng chẳng buồn ghi lại điều đó.

Khi chỉ còn một phút nữa thì phải đi, tôi bỗng bắt gặp một tập tài liệu xỉn màu có tên gọi *Nanh cọp*, được thiếu tá J.S. Hammond (đã nghỉ hưu) viết, nhờ đó tôi phát hiện ra rằng Mackie đã thành lập một công ty mà kể từ đó

đến nay đã phát triển thành nhà cung cấp “trang thiết bị” lớn thứ năm cho Lầu Năm Góc. Trụ sở công ty hiện đặt tại Vensom, California, và lợi nhuận trước thuế hàng năm được công bố gần đây nhất có nhiều số không ở đằng sau đến nỗi tôi ghi lên mu bàn tay không xuê.

Trên đường trở về phố Cork, đang lạng lách giữa những người đi mua sắm buổi chiều thì tôi nghe tiếng rao báo, có thể đây là lần đầu tiên trong đời tôi thực sự hiểu người đó nói cái gì. Những khách qua đường khác chắc đã nghe thấy rao “Ba người hết tiền may mắn trúng xổ số”, nhưng chẳng cần liếc qua tờ quảng cáo tôi cũng biết điều anh ta rao thực ra là “Ba người chết trong một vụ nổ súng trong thành phố.” Tôi mua một tờ vừa đi vừa đọc.

Cảnh sát đang tiến hành một “cuộc điều tra quy mô lớn” sau khi phát hiện ba xác chết đàn ông, tất cả đều do bị đạn bắn, tại một văn phòng vô chủ ngay giữa trung tâm khu tài chính Luân Đôn. Cả ba xác chết, chưa xác định tung tích, được phát hiện bởi nhân viên an ninh, ông Dennis Falkes, năm mốt tuổi, cha của ba người con, khi ông quay trở lại sở sau buổi hẹn khám răng với nha sĩ. Người phát ngôn của cảnh sát từ chối đưa ra ý kiến về động cơ đằng sau vụ giết hại, nhưng hiển nhiên không thể loại trừ nguyên nhân do ma túy. Không có bức ảnh nào. Chỉ có câu chuyện dây cà ra dây muống về sự gia tăng lượng người chết có liên quan tới ma túy ở thủ đô trong hai năm qua. Tôi lẳng tờ báo vào thùng rác và tiếp tục bước đi.

Dennis Falkes đã nhận tiền từ một kẻ nào đó, điều ấy rõ như ban ngày. Có khả năng là chính Chải Chuốt đã trả tiền cho ông ta, bởi thế khi Falkes quay lại và nhận ra nhà hảo tâm của mình đã bị bắn chết thì ông ta cũng chẳng còn động lực nào mà giấu giếm cảnh sát nữa. Tôi mong rằng câu chuyện về nha sĩ là có thật. Nếu không, cảnh sát sẽ làm cho cuộc đời của ông ta trở nên khôn khổ khôn nạn.

Ronnie đang đợi tôi trong xe của cô ở bên ngoài phòng tranh. Đó là một chiếc TVR Griffith màu đỏ tươi, động cơ V8 năm lít, tiếng nổ ồ ồ xả thì đang ở tận Bắc Kinh cũng nghe thấy. Về khía cạnh nào đó có vẻ nó không đạt chuẩn một chiếc xe hoàn hảo cho công việc theo dõi bí mật, nhưng (a),

cái thể của tôi bây giờ thì không thể đòi hỏi gì hơn, và (b), có một niềm hứng thú khó cưỡng khi bước lên chiếc xe thể thao mui trần do một phụ nữ xinh đẹp cầm lái. Cứ như là một phép ẩn dụ vậy.

Ronnie đang cao hứng, điều đó không có nghĩa là cô chưa đọc câu chuyện về Woolf trên báo. Thậm chí dù cô đã đọc rồi, thậm chí dù cô biết rằng Woolf đã chết, tôi không chắc là điều đó sẽ tạo ra nhiều khác biệt ở cô. Ronnie có thứ mà người ta thường gọi là sự can trường. Hàng thể kỷ truyền giống, có lúc nhận thêm vào, có lúc bị mất đi, đã cho cô đôi gò má cao và sở thích phiêu lưu mạo hiểm. Tôi hình dung rằng, lúc mới lên năm, cô đã phóng qua hàng rào cao hai mét rưỡi trên lưng con ngựa lùn tên Winston, liều mạng sống bảy chục lần trước khi chịu vào ăn sáng.

Cô lắc đầu khi tôi hỏi cô đã tìm thấy gì trong ngăn kéo của Sarah ở phòng tranh, rồi cô lại quấy rầy tôi với bao nhiêu câu hỏi suốt đường đến Belgravia. Tôi chẳng nghe thấy một câu nào bởi tiếng gầm từ ống xả chiếc TVR, nhưng cứ gật và lắc mỗi khi thấy có vẻ thích hợp.

Khi chúng tôi tới phố Lyall, tôi gào lên rằng cô hãy chạy vượt qua ngôi nhà đó và đừng có nhìn gì khác ngoài con đường trước mặt. Tìm thấy một cuộn băng của AC/DC, tôi liền nhét vào trong cassette và vặn to lên hết cỡ. Tôi đang hoạt động trên nguyên tắc rằng ta càng ồn ào thì càng đỡ có vẻ khả nghi. Nếu được lựa chọn, tôi sẽ nói rằng ta gây càng nhiều chú ý thì sẽ càng bị chú ý, nhưng lựa chọn là thứ mà tôi không dư dả vào lúc này. Nhu cầu là mẹ đẻ của cái “tự huyền hoặc bản thân”.

Khi chúng tôi vượt qua nhà Woolf, tôi đưa tay lên mắt mà chọc ngoáy một tí, điều đó giúp tôi có thể ngó mặt tiền của ngôi nhà một cách kỹ lưỡng trong khi điều chỉnh kính áp tròng. Nó trông thật trống trải. Nhưng vẫn thế mà, tôi cũng chẳng mong sẽ thấy người ta đang ôm hộp đàn vĩ cầm đứng trước bậc tam cấp.

Chúng tôi đi vòng quanh dãy nhà và tôi ra hiệu cho Ronnie đỗ lại cách ngôi nhà chừng trăm mét. Cô tắt máy, và trong vài giây tai tôi bị ỉnh lên bởi sự

im lặng đột ngột. Rồi cô quay sang tôi, và tôi thấy những nốt đỏ đã trở lại trên hai má cô.

“Giờ sao, sếp?”

Cô thực sự bị hấp dẫn bởi vụ này.

“Tôi sẽ đi ngang qua xem có gì không.”

“Rồi. Còn tôi làm gì?”

“Nếu cô cứ ở nguyên đây thì tốt quá,” tôi nói. Mặt cô xị xuống. “Trong trường hợp tôi phải thoát ra thật nhanh.” Tôi thêm vào, và mặt cô liền đỡ xị hơn một chút. Cô thò tay vào trong túi xách, lấy ra một hộp thuốc lá nhỏ màu đồng thau, ấn vào tay tôi.

“Cái gì thế?” Tôi hỏi.

“Báo động chống cường hiếp. Nhấn vào đỉnh ấy.”

“Ronnie...”

“Cầm đi. Nếu nghe thấy nó, tôi sẽ biết là anh cần đón.”

Khu phố nhìn vẫn bình thường, mỗi căn nhà có giá ít nhất hai triệu bảng. Chỉ nguyên giá trị của những chiếc xe hơi xếp hàng dọc hai bên con phố có lẽ cũng đã vượt quá tài sản của nhiều nước nhỏ. Hơn chục chiếc Mercedes, hơn chục chiếc Jaguar và Daimler, năm chiếc Bentley Saloon và một Bentley mui trần, ba Aston Martin, ba Ferrari, một Jensen, một Lamborghini.

Và một Ford nữa.

Màu xanh dương đậm, quay đầu ra phía kia, đối diện với căn nhà bên kia đường, vì thế tôi không nhận ra nó khi đi vòng qua lần đầu. Hai ăng ten.

Hai gương chiếu hậu. Một vết lõm ở nửa chừng cửa trước. Kiểu vết lõm do va quệt vào sườn một chiếc xe máy cỡ lớn.

Một người đang ngồi ở hàng ghế sau.

Cảm giác đầu tiên của tôi là nhẹ cả người. Nếu như họ đang chốt người quanh khu nhà của Sarah thì nhiều khả năng là họ chưa bắt được cô, và ngôi nhà là nơi tốt nhất còn lại để họ tóm được cô. Nhưng mà cũng có thể họ đang giữ Sarah và chỉ cử ai đó quay lại để lấy bàn chải đánh răng cho cô. Ấy là nếu như cô còn cái răng nào.

Chẳng ích gì khi cứ lo lắng về điều đó. Tôi tiếp tục đi về phía chiếc Ford.

Nếu như từng được huấn luyện về lý thuyết quân sự, có thể anh đã ngồi nghe giảng về một thứ được gọi là vòng lặp Boyd. Boyd là một tay đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về chiến thuật không-đối-không trong chiến tranh Triều Tiên, phân tích những “chuỗi sự kiện” điển hình - hoặc theo ngôn ngữ của những người không chuyên thì là chuỗi các sự kiện - để thấy tại sao phi công A có thể bắn hạ phi công B, và phi công B cảm thấy như thế nào sau đó, và ai trong số họ ăn sáng với ketri. Lý thuyết của Boyd dựa trên những quan sát cực kỳ nghèo nàn rằng A làm điều gì đó, B phản ứng, A làm điều gì khác, B lại phản ứng, và cứ thế, tạo ra một vòng lặp gồm những hành động và những đáp trả. Vòng lặp Boyd. Nếu như hiểu được, có thể anh sẽ nghĩ đó là một công trình thú vị. Nhưng khoảnh khắc “Eureka” của Boyd, vốn làm cho tên tuổi ông ta được bàn tán trong các học viện quân sự trên khắp thế giới tới tận bây giờ, đã vụt đến khi ông ta nhận ra rằng, nếu B có thể làm hai việc trong khoảng thời gian mà thường anh ta chỉ dùng để làm một thứ, anh ta sẽ “nhảy vào trong vòng lặp”, và khả năng đúng sẽ tăng lên.

Lý thuyết của Lang, vốn đề cập tới vấn đề tương tự nhưng giá cả rẻ hơn nhiều, là hãy đâm vào mặt anh bạn kia trước khi anh ta có cơ hội thoát ra.

Tôi vòng ra đằng sau chiếc Ford từ phía tay trái, dừng lại ngang hàng với nó, nhìn lên ngôi nhà của Woolf. Người ngồi trong chiếc Ford không nhìn tôi, điều lẽ ra anh ta đã làm nếu là một thường dân, bởi vì người ta thường nhìn người khác khi chẳng có việc gì để làm. Tôi cúi xuống gõ vào cửa kính xe. Anh ta quay lại ngó tôi một lúc trước khi hạ cửa xuống, nhưng tôi có thể nói rằng anh ta đã không nhận ra tôi. Anh ta khoảng chừng bốn mươi và đang thưởng thức whisky.

“Anh là Roth à?” Tôi bắt đầu, bằng giọng Mỹ tốt nhất tôi có thể bắt chước - thế thực ra cũng là khá tốt rồi, tôi tự nhủ.

Anh ta lắc đầu.

“Roth tới đây chưa?” Tôi hỏi.

“Roth là thằng quỷ nào thế?” Tôi cứ nghĩ anh ta là người Mỹ, nhưng giọng anh ta lại đặc Luân Đôn.

“Chết tiệt,” tôi nói, thẳng người dậy và nhìn về hướng căn nhà.

“Ông là ai?”

“Dalloway,” tôi nói, nhăn trán. “Họ có nói với anh là tôi tới không?” Anh ta lại lắc đầu. “Anh đã ra khỏi xe phải không? Lỡ điện thoại rồi chứ gì?” Tôi ra vẻ đánh thép, nói nhanh và to, khiến anh ta bối rối. Nhưng không có vẻ nghi ngờ. “Nghe tin rồi chứ? Đã xem trên báo chưa, Chúa ơi! Ba người chết, và Lang không nằm trong số đó.” Anh ta chăm chăm nhìn tôi. “Chết tiệt,” tôi nói lại, phòhng khi anh ta chưa nghe thấy lúc tôi nói lần đầu.

“Giờ thì sao?”

Xì gà cho ngài Lang. Tôi đã phỉnh được anh ta. Tôi cần mỗi một lúc, rồi quyết định mạo hiểm.

“Anh ở đây một mình?”

Anh ta hát cảm về phía ngôi nhà.

“Micky đang ở trong đó.” Anh ta liếc đồng hồ đeo tay. “Mười phút nữa bọn tôi sẽ đổi ca.”

“Giờ đổi luôn đi. Tôi phải vào trong đó. Đã thấy ai đến đây chưa?”

“Chẳng có ai cả.”

“Điện thoại?”

“Có một lần. Giọng con gái, khoảng một giờ trước đây. Hỏi gặp Sarah.”

“Rồi. Đi nào.”

Tôi đã ở trong vòng lặp Boyd của anh ta, điều đó hiển nhiên. Thật lạ khi thấy ta có thể khiến người khác làm những việc gì một khi bước khởi đầu của ta chính xác. Anh ta trèo ra khỏi xe, như thể háo hức chứng tỏ mình có thể ra khỏi đó mau lẹ đến chừng nào, rồi sóng vai cùng tôi khi tôi sải bước về phía ngôi nhà. Tôi lấy chùm chìa khóa căn hộ của tôi trong túi và dừng lại.

“Các anh có quy ước gõ cửa không?” Tôi hỏi khi chúng tôi tới cửa trước.

“Xin lỗi?”

Tôi đảo mắt về mặt kiên nhẫn.

“Một kiểu gõ cửa. Ra hiệu. Tôi không muốn Micky cho tôi ăn một phát xuyên ngực khi tôi bước qua cái cửa chết tiệt này.”

“Không, chúng tôi chỉ... À, tôi chỉ gọi ‘Micky’.”

“Chà, ngắn gọn đấy nhỉ.” Tôi nói. “Ai nghĩ ra mà hay thế?” Tôi bày đặt một tí, cố khích bác để anh ta hết lòng thể hiện sự hữu dụng của mình. “Gọi đi.”

Anh ta ghé miệng vào hộp thư.

“Micky,” anh ta gọi, rồi ngược nhìn lên, vẻ hối lỗi. “Tôi đây.”

“Ồ, tôi biết rồi,” tôi nói. “Đó là cách để anh ta biết đó là anh. Tuyệt.” Lặng một lúc, rồi chốt cửa xoay và tôi đi thẳng vào trong nhà.

Tôi cố không nhìn Micky nhiều, bởi thế anh ta biết mình không phải tiêu điểm của vấn đề. Nhưng thoáng nhìn qua cũng thấy được anh ta khoảng hơn bốn mươi, gầy như que củi. Anh ta mang bao da ở hông và một khẩu ổ xoay, có lẽ mặc cả quần áo nữa, nhưng tôi không chú ý đến quần áo.

Khẩu súng lục ổ xoay được tráng một lớp niken của Smith & Wesson, nòng ngắn và kim hỏa liền, làm cho nó có khả năng bắn được từ trong túi quần. Có lẽ là một khẩu Bodyguard Airweight hay một loại tương tự. Một kiểu súng lén lút. Anh có thể hỏi tôi liệu có thể kể tên các loại súng trung thực, trang nhã, công bằng không, và tất nhiên tôi không thể kể. Tất cả các loại súng đều bắn đạn chì vào người ta nhằm gây hại, nhưng dù có vậy đi nữa thì mỗi một loại súng cũng có ít nhiều tính cách. Và một số loại thì lén lút hơn những loại khác.

“Anh là Micky?” Tôi hỏi và mãi miết nhìn quanh căn phòng.

“Là tôi,” Micky là người Scotland, và đang nóng lòng theo dõi biểu hiện của anh chàng đi cùng để xem tôi là đứa quái nào. Micky sẽ là tay rắc rối đây.

“Dave Carter gửi lời trân trọng.” Tôi có một tay bạn học cũ tên Dave Carter.

“Ồ. Vâng,” anh ta nói. “Đúng thế.”

Tuyệt cú mèo. Hai vòng Boyd trong vòng năm phút. Trong con ngát ngáy chiến thắng, tôi bước về phía bàn, nhắc điện thoại.

“Gwinevere,” tôi nói, về bí ẩn. “Tôi ở trong rồi.”

Tôi để ông nghe lại giá và đi về phía cầu thang, tự rửa mình đã làm hơi quá. Có thể họ sẽ không đánh chiêu đó. Nhưng khi tôi quay lại thì cả hai vẫn đứng đó, ngoan ngoãn như những chú cừu, với cái vẻ “ông là người chặn dất” trên khuôn mặt.

“Phòng nào là phòng ngủ của cô con gái?” Tôi cúi kính. Hai con cừu nhìn nhau về bốn chôn. “Các anh đã kiểm tra các phòng rồi, phải không?” Họ gật đầu. “Thế đâu là phòng có gối thêu và poster của Stefan Edberg hả, lạy Chúa?”

“Phòng thứ hai bên tay trái,” Micky nói.

“Cảm ơn.”

“Nhưng...”

Tôi lại dừng. “Nhưng gì?”

“Không có poster...”

Tôi nhìn cả hai, cái nhìn vừa héo hắt, vừa như khinh miệt và bước tiếp lên cầu thang.

Micky nói đúng, không có poster nào của Stefan Edberg. Cũng không có nhiều gối thêu đến thế. Tám cái, có lẽ thế. Nhưng mùi Fleur de Fleurs thì vẫn thoảng trong không khí, khoảng một phần triệu, và tôi nghe một cảm giác đau đớn đột ngột vì lo lắng và mong ngóng. Lần đầu tiên tôi nhận ra mình muốn bảo vệ Sarah đến chừng nào, bảo vệ cô trước bất cứ thứ gì, trước bất cứ kẻ nào.

Có thể đó chỉ là nỗi đau khổ kiêu đàn bà của các thiếu nữ trong lúc khôn quần, biết đâu một ngày nào đó hoóc môn của tôi lại bận rộn với một đối tượng khác thì sao. Nhưng vào lúc đó, khi đứng giữa phòng ngủ của cô ấy,

tôi muốn giải thoát cho Sarah. Chẳng phải chỉ bởi vì cô tốt còn những gã xấu xa thì không, mà còn bởi tôi thích cô. Tôi rất thích cô.

Chuyện đó nói vậy đủ rồi.

Tôi đến cái bàn cạnh giường , nhắc ông nghe, nhét đầu ông nói xuống dưới một cái gối. Nếu một trong hai con cừu bắt đầu lấy lại can đảm, hoặc chỉ là đâm tò mò mà muốn thử Gọi-Hỏi-Đáp, tôi sẽ nghe thấy. Nhưng cái gối sẽ không cho họ nghe thấy tôi.

Tôi kiểm tra tủ quần áo trước, cố đoán xem liệu một lượng kha khá quần áo của Sarah có bị lấy đi hay không. Có vài cái móc trống còn treo ở đó, nhưng chừng đó không đủ để nói lên rằng đã có một cuộc ra đi trật tự tới một nơi xa xôi.

Bàn trang điểm rải rác những lọ và chổi. Kem bôi mặt, kem bôi tay, kem mũi, kem mắt. Tôi băn khoăn trong một thoáng không rõ nếu ta trở về nhà khi say rượu và lỡ bôi kem tay lên mặt, quét kem bôi mặt lên tay thì có gì nghiêm trọng lắm không.

Ngăn kéo của bàn trang điểm cũng chứa những thứ như thế. Tất cả dụng cụ cùng những thứ bôi trơn cần thiết cho một phụ nữ hiện đại Công thức 1 sẵn sàng lên đường. Nhưng hoàn toàn không có kẹp hồ sơ nào.

Tôi đóng tất thảy những thứ ấy lại và đi tới phòng tắm kế bên. Bộ áo dài lụa Sarah đã mặc hôm đầu tiên tôi gặp cô vẫn treo phía sau cửa. Có một bàn chải đánh răng trên giá ở bồn rửa mặt.

Tôi quay trở lại phòng ngủ nhìn xung quanh, hy vọng có dấu hiệu gì đó. Ý tôi là, không phải những dấu hiệu thực sự - tôi không mong sẽ nhìn thấy một địa chỉ được viết bằng son môi ở trên gương - nhưng vẫn hy vọng có cái gì đó, có cái gì đáng lẽ phải ở đó mà lại không ở đó, hay cái gì đáng lẽ không ở đó nhưng lại ở đó. Chẳng có dấu hiệu nào, nhưng có cái gì đó

không ổn. Tôi phải đứng ở giữa phòng lắng nghe một lúc, trước khi nhận ra đó là cái gì.

Tôi không thể nghe thấy hai con cừu nói chuyện. Thế là có vấn đề rồi. Đáng lẽ họ phải có bao nhiêu thứ để nói với nhau. Nói gì thì nói, tôi là Dalloway, và Dalloway là một thành tố mới trong cuộc sống của họ, đáng ra họ nên nói chuyện về tôi mới phải.

Tôi bước tới cửa sổ, nhìn xuống dưới đường. Cánh cửa của chiếc Ford đang mở, và có vẻ như cái chân lông lá của cừu đang thò ra khỏi đó. Anh ta đang nghe đài. Tôi lấy điện thoại ra khỏi giường, đặt nó trở lại giá đỡ, và trong khi làm vậy tôi tự động mở ngăn kéo của chiếc bàn cạnh giường. Đó là một ngăn kéo nhỏ, nhưng dường như lại chứa nhiều thứ hơn phần còn lại của gian phòng. Tôi lục lọi các tập khăn giấy, băng bông, khăn giấy, kéo cắt móng tay, một thanh sô cô la Suchard ăn dở, khăn giấy, vài cái bút, cái nhíp, khăn giấy, khăn giấy - phụ nữ họ ăn những thứ vớ vẩn này hay sao thế? - và đây, ở đáy ngăn kéo, núp dưới một xấp khăn giấy là một gói nặng bọc trong mảnh da dê. Khẩu Walther TPH nhỏ bé mê hoặc của Sarah. Tôi nhả băng đạn ra và kiểm tra tất cả các rãnh ở hông. Còn đây.

Tôi thả khẩu súng vào trong túi, hít một hơi dài đầy mùi nước hoa Nina Ricci, rồi bước ra.

Mọi thứ đã thay đổi với bấy cừu kể từ lần cuối tôi nói chuyện với họ. Hiển nhiên là theo chiều hướng xấu. Cửa trước mở toang, Micky đang dựa người vào tường, tay phải đút túi quần, còn Whisky đang đứng trên bậc cầu thang bên ngoài, nhìn xuống dưới đường. Anh ta quay lại khi nghe thấy tiếng tôi từ cầu thang.

“Không có gì,” tôi nói, rồi chợt nhớ ra là tôi phải giữ vai một người Mỹ. “Chả có cái chết tiệt gì. Anh đóng cửa vào cái.”

“Hai câu hỏi,” Micky nói.

“Được!” Tôi nói. “Nhanh đấy nhé.”

“Dave Carter là thằng cha quái quỷ nào thế?”

Có vẻ không ích gì lắm khi nói với anh ta rằng Dave Carter đã năm lần vô địch hạng dưới mười sáu tuổi ở trường, và anh ta sẽ làm việc cho công ty kỹ thuật điện của bố mình ở Hove. Thế nên tôi nói, “Câu hỏi thứ hai là gì?”

Micky liếc nhìn Whisky, anh này tiến tới trước cửa và chặn ngay ở lối ra của tôi.

“Còn ông là thằng nào?”

“Dalloway,” tôi nói. “Có cần tôi viết ra cho các anh không? Có chuyện quái gì với các anh thế?” Tôi dứt tay vào trong túi và nhìn thấy tay phải của Micky cũng di chuyển vào túi của anh ta. Nếu như anh ta định giết tôi, tôi biết sẽ không bao giờ nghe thấy tiếng nổ. Tôi vẫn cứ để tay trong túi bên phải. Khổ cái là khẩu Walther tôi dứt ở bên trái. Tôi lại đưa tay ra, chậm chậm, tay nắm lại. Micky đang quan sát tôi như một con rắn.

“Goodwin nói chưa từng nghe về ông. Ông ta không cử ai tới đây cả. Cũng chưa hề nói với ai rằng chúng tôi đang ở đây.”

“Goodwin là thằng khôn nạn lười nhác, không hiểu chuyện gì cả,” tôi nói, vẻ cáu kỉnh. “Làm sao hắn có thể sửa được cái tính đó cơ chứ?”

“Chẳng làm sao cả,” Micky nói. “Muốn biết tại sao không?” Tôi gật đầu. “Có, tôi muốn biết.”

Micky cười. Anh ta có hàm răng phát sợ. “Bởi vì chưa từng có Goodwin nào cả,” anh ta nói. “Tôi bịa ra đấy.”

Chà, thế đó. Tôi đã bị lừa vào vòng lặp. Gậy ông đập lưng ông.

“Tôi hỏi lại ông một lần nữa,” anh ta nói, hướng về phía tôi. “Ông là ai?”

Tôi xuôi vai xuống. Trò chơi lên cao trào rồi. Tôi đưa cổ tay ra đằng trước kiểu như “còng tay tôi đi, cán bộ”.

“Anh muốn biết tên tôi?” Tôi hỏi lại.

“Đúng thế.”

Lý do họ không bao giờ nghe thấy tên của tôi là bởi vì chúng tôi bị ngắt quãng bởi một tiếng rú với âm độ cực mạnh tới thủng màng nhĩ. Âm thanh đó dội vào sàn và trần nhà phản xạ lại mạnh gấp đôi, làm lộn óc và khiến mắt mờ đi.

Micky nhăn nhó lùi lại dọc theo bức tường, còn Whisky bắt đầu đưa tay lên tai. Trong khoảng nửa giây họ dành cho tôi, tôi chạy ra cánh cửa mở và dùng vai phải húc vào ngực Whisky. Anh ta bật ngửa ra sau và ngã vào tay vịn cầu thang, trong khi tôi rẽ trái và chạy dọc phố với tốc độ tôi chưa từng chạy kể từ năm mười sáu tuổi tới giờ. Nếu có thể chạy xa gần hai mươi mét khỏi khẩu Airweight, tôi sẽ có cơ thoát thân.

Thực tình mà nói, tôi không biết họ có bắt theo không. Sau âm thanh không tưởng từ cái hộp đồng nhỏ của Ronnie, hai tai tôi không ở trong trạng thái tiếp nhận thông tin nữa.

Tất cả những gì tôi biết là họ đã không hiếp tôi.

Mười Một

Ngủ ngốc là tội lỗi duy nhất.

OSCAR WILDE

Ronnie đưa chúng tôi trở lại căn hộ của cô ở gần đường King , và chúng tôi lái xe vượt qua nó cả chục lần theo đủ các hướng. Không phải chúng tôi kiểm tra xem có “đuôi” không , mà chỉ là tìm chỗ đỗ xe. Khoảng thời gian này trong ngày, những cư dân Luân Đôn có ô tô, tức là hầu như tất cả cư dân Luân Đôn, đều chỉ bận cho những trò thú của mình - thời gian đứng yên, thậm chí lùi lại, hoặc làm những trò chết tiệt chẳng tuân theo quy luật thông thường của vũ trụ - và tất cả quảng cáo truyền hình đưa hình những vận động viên thể thao gọi cảm nhảy múa trên những con đường nông thôn hoang vắng đã bắt đầu kích thích anh một chút. Chúng không kích thích được tôi, tất nhiên rồi, bởi vì tôi đi xe máy. Hai bánh thì tốt, bốn thì không.

Cuối cùng Ronnie cũng xoay xở nhét được chiếc TVR vào một chỗ, chúng tôi đã tính đi taxi về căn hộ, nhưng rồi lại quyết định rằng buổi tối hôm đó đủ đẹp để cả hai thưởng thức một chuyến cuộc bộ. Hơn nữa, Ronnie thích đi bộ. Những người như Ronnie luôn thích đi bộ, và những người như tôi luôn thích những người như Ronnie, bởi thế cả hai đều nhắc đôi chân mập mạp của mình lên đường. Trên đường đi tôi thuật qua cho cô những chuyện xảy ra ở phố Lyall, và cô gần như im lặng, say mê lắng nghe. Cô nuốt từng lời của tôi theo cách mà người ta, nhất là phụ nữ, chẳng mấy khi làm. Họ thường bỏ qua, ngã treo chân, và đổ tội cho tôi vì chuyện đó.

Nhưng Ronnie thì khác biệt. Khác biệt bởi vì dường như cô nghĩ rằng tôi khác biệt.

Rốt cuộc chúng tôi cũng trở lại căn hộ của cô, cô mở khóa cửa trước, đứng sang một bên, và bằng giọng là lạ của một cô nhóc, cô mời tôi vào trước.

Tôi nhìn cô một lát. Tôi nghĩ có lẽ cô muốn đong đếm xem toàn bộ chuyện này nghiêm trọng thế nào, như thể cô vẫn còn chưa thực sự rõ về nó hoặc về tôi; bởi thế tôi làm ra vẻ dữ tợn và bước vào căn phòng với hy vọng sẽ giống kiểu của Clint Eastwood - dùng chân đẩy các cánh cửa, thỉnh thoảng mở các cửa tủ - trong khi đó cô đứng ở hành lang, hai má ửng đỏ.

Từ trong nhà bếp, tôi thốt lên, “Chúa ơi.”

Ronnie há hốc miệng, rồi chạy tới ngó qua cửa.

“Mì xốt bò băm đây ấy hả?” Tôi vừa nói vừa giơ lên một muôi gỗ để lâu trông rất bẩn.

Cô tặc lưỡi với tôi và rồi cười nhẹ nhõm, tôi cũng cười, và đột nhiên chúng tôi thấy như thể mình là những người bạn quen biết đã lâu. Thân nữa là khác. Bởi thế hiển nhiên là tôi phải hỏi cô.

“Khi nào thì anh ta quay lại?”

Cô nhìn tôi, đỏ mặt một chút, rồi quay lại với việc cạo món mì ra khỏi chảo.

“Khi nào ai quay lại cơ?”

“Ronnie,” tôi nói. Tôi đi loang quanh cho tới khi gần như đứng trước mặt cô. “Cô thu xếp mọi thứ rất tốt, nhưng cô thường không mặc áo cở ngực bốn bốn, và nếu có thì cũng không mặc cùng với nhiều áo vest kẻ sọc giống nhau.”

Cô liếc về phía phòng ngủ, nhớ lại cái tủ quần áo, rồi bước tới bồn bắt đầu xả nước nóng vào chảo.

“Uống gì nhé?” Cô nói mà không quay người lại.

Cô khai một chai vodka trong khi tôi liệng mấy viên đá lạnh trên sàn bếp, rồi thì cô cũng quyết định kể với tôi về bạn trai của mình, người mà - tôi nghĩ mình đã có thể đoán ra - bán hàng trong thành phố, không ở trong căn hộ này hằng đêm, nếu anh ta có ngủ lại thì cũng không về đây trước mười giờ. Thú thực, lần nào tôi cũng ăn đấm mỗi khi có phụ nữ nói với tôi điều đó, đã ba lần như thế rồi. Lần gần đây nhất tay bạn trai trở về lúc bảy giờ - “Anh ta chưa từng như thế” - và lấy ghế đập tôi.

Xét từ âm điệu và cách dùng từ của cô, tôi đoán rằng mối quan hệ của họ cũng chẳng thuận buồm xuôi gió cho lắm, và mặc dù rất tò mò song tôi nghĩ có lẽ tốt nhất nên đổi chủ đề.

Khi chúng tôi đã yên vị trên xôpha, với những viên đá lạnh leng keng bản nhạc vui tai trong cốc, tôi bắt đầu kể cho cô một dị bản đầy đủ hơn một chút về các sự kiện - bắt đầu ở Amsterdam và kết thúc ở phố Lyall, nhưng để trống một chút về những chiếc trực thăng và Nghiên cứu Sau Đại học. Dẫu thế, nó cũng là một câu chuyện khá hay, với rất nhiều hành động gan dạ, và tôi còn thêm thắt một vài chi tiết không-hẳn-gan-dạ- nhưng-nghe-cũng-hay-ho, chỉ để hợp với hình ảnh rực rỡ của tôi ở trong cô. Khi tôi kết thúc, cô hơi nhú mày.

“Nhưng anh đã không tìm thấy tập hồ sơ,” cô hỏi, trông có vẻ thất vọng.

“Không,” tôi nói. “Vậy không có nghĩa là nó không ở đó. Nếu Sarah chủ định giấu nó trong căn nhà thì phải có cả đội thợ xây và cần đến cả tuần lễ để tìm kiếm đâu ra đấy.”

“Tôi cũng đã đến phòng tranh, chắc chắn chẳng có gì ở đó. Cô ấy có để lại một số giấy tờ, nhưng giấy tờ công việc cả thôi.” Cô bước lại bàn, mở cặp tài liệu ra. “Tôi đã tìm thấy nhật ký của cô ấy, nếu như điều đó có ích gì.”

Tôi không chắc cô có nghiêm túc về chuyện này không. Hẳn cô đã đọc Agatha Christies đủ nhiều để biết rằng nhật ký hầu như luôn luôn có ích.

Nhưng có thể không phải của Sarah. Đó là một cuốn sổ biada khổ A4 ghi chép công việc, do một tổ chức từ thiện về u xơ làm ra, và nó không cho biết nhiều về chủ nhân để tôi có thể đoán ra được. Cô này làm việc nghiêm túc, ăn trưa ít, không viết dấu tròn thay cho dấu chấm ở trên đầu chữ i, nhưng có nguệch ngoạc hình các chú mèo trong khi cô ta nghe điện thoại. Cô ta lập nhiều kế hoạch cho các tháng tiếp theo, và lần ghi cuối cùng rất đơn giản “CED OK 7.30”. Nhìn lại ghi chép của các tuần trước đó, tôi thấy CED cũng đã OK ba lần, một lần vào 7.30 và hai lần vào 12.15.

“Có biết ai đây không?” Tôi hỏi Ronnie và chỉ cho cô đoạn ghi chép. “Charlie? Colin? Carl, Clive, Clarissa hay Carmen?” Tôi đã cạn vốn những tên phụ nữ bắt đầu với chữ “C”.

Ronnie cau mày.

“Sao cô ấy lại phải ghi chữ cái đầu tên đệm?”

“Làm sao tôi biết được,” tôi nói.

“Ý tôi là, nếu như cái tên là Charlie Duncce, tại sao không ghi là CD?”

Tôi nhìn xuống trang giấy.

“Charlie Etherington-Duncce? Chúa mới biết được. Đây là mối rập của cô.”

“Anh nói thế có ý gì?” Cô bị méch lòng nhanh đến đáng ngạc nhiên.

“Xin lỗi, ý tôi chỉ là... cô biết không, tôi chỉ hình dung một ngày cô mặc quần soóc hai ống...” Tôi gỡ gạc. Tôi thấy Ronnie không thích điều này.

“Vâng, tôi có cái giọng ẻo lả, một công việc không đâu, và bạn trai tôi làm việc trong thành phố.”

Cô đứng dậy đi rót cho mình một cốc vodka. Cô không mời tôi, và tôi có cảm giác rõ ràng là mình đang phải trả giá cho những tội lỗi của người

khác.

“Này, tôi xin lỗi,” tôi nói. “Tôi nói thế không có ý gì đâu.”

“Tôi không thể chịu được giọng nói của tôi, Thomas,” cô nói. “Hoặc ngoại hình của tôi.” Cô uống một ngụm vodka và vẫn đứng quay lưng lại phía tôi.

“Sao lại phải thay đổi? Cô nói dễ nghe, ngoại hình còn dễ thương hơn cả giọng nữa.”

“Ồ, thôi đi.”

“Chờ chút,” tôi nói. “Tại sao cô phải buồn bực về chuyện đó?”

Cô thở dài và lại ngồi xuống.

“Bởi vì nó làm tôi phát chán, thế đấy. Một nửa số người tôi gặp chẳng bao giờ nghĩ tôi nghiêm túc bởi cách nói của tôi, và nửa còn lại nghĩ tôi nghiêm túc *chỉ* vì cái cách tôi nói. Nó làm tôi lúc nào cũng lo lắng.”

“Chà, tôi biết nói thế này nghe có vẻ nịnh bợ, nhưng tôi xem trọng cô.”

“Thật chứ?”

“Tất nhiên rồi. Hoàn toàn nghiêm túc.” Tôi chờ một chút. “Cho dù hoàn cảnh của cô tệ hại thế nào đi nữa.”

Cô nhìn tôi một lúc, cái nhìn làm cho tôi bắt đầu nghĩ biết đâu mình đã nói không đúng cách, và cô đang chuẩn bị ném thứ gì đó vào tôi đây. Đột nhiên cô phá lên cười, lúc lắc đầu, và tôi thấy nhẹ nhõm hơn nhiều. Tôi đã hy vọng cô sẽ như thế.

Khoảng sáu giờ chuông điện thoại đổ, và dựa vào cách Ronnie cảm ổng nghe tôi biết rằng bạn trai cô đang nói giờ anh ta sẽ về nhà. Cô nhìn xuống sàn mà nói “vâng” rất nhiều lần, hoặc bởi vì tôi đang ở đó, hoặc bởi vì quan

hệ của họ đã ở mức độ đó. Tôi nhặt áo khoác lên và mang cốc của mình vào trong bếp. Tôi rửa rồi lau khô cốc, phòng trường hợp cô quên không làm việc ấy, và đang xếp vào tủ bát thì Ronnie bước vào.

“Anh sẽ gọi cho tôi chứ?” Trông cô có vẻ hơi buồn. Có lẽ tôi cũng hơi buồn nữa.

“Chắc chắn rồi,” tôi nói.

Tôi để cô bấm hành chuẩn bị cho anh chàng môi giới hàng hóa sắp về, rồi ra khỏi căn hộ. Có vẻ như họ đã thỏa thuận là cô sẽ làm bữa đêm cho anh ta, còn anh ta sẽ làm bữa sáng cho cô. Nếu Ronnie là kiểu người coi hai múi buổi là một bữa tiệc thịnh soạn thì tôi ngờ rằng anh ta có phần lợi hơn.

Thật lòng là thế. Anh bạn ạ.

Chiếc taxi đưa tôi đi dọc đường King vào khu West End và tới sáu giờ rưỡi tôi đã lảng vảng ở bên ngoài Bộ Quốc phòng. Vài cảnh sát dõi theo khi tôi đi ngược đi xuôi, nhưng tôi đã trang bị cho mình một tấm bản đồ và cái máy ảnh dùng một lần, và tôi đang chụp ảnh lũ bò câu với cái kiểu lơ lơ đủ để họ có thể cho đầu óc nghỉ ngơi một lát. Có lẽ tôi bị người bán hàng nghi ngờ nhiều hơn là họ, khi tôi hỏi mua một tấm bản đồ và nói mình chẳng quan tâm nó là bản đồ thành phố nào.

Không có thêm sự chuẩn bị nào khác cho chuyến đi, và hẳn nhiên tôi không muốn giọng của mình bị ghi lại khi gọi điện tới Bộ. Tôi đánh cầu may vào nhận định của mình rằng O’Neal là một tay làm việc chăm chỉ, và theo kết quả trình sát đầu tiên thì có vẻ như tôi nghĩ đúng. Tầng bảy, phòng góc, ánh đèn đêm từ văn phòng O’Neal đang tỏa sáng rực rỡ. Rèm chớp treo ở cửa sổ tắt cả các tòa nhà chính phủ “nhạy cảm” có thể đánh bại các ống kính tele, nhưng chúng không thể ngăn ánh sáng chiếu xuống đường.

Ngày xưa ngày xưa, trong những ngày căng thẳng của Chiến tranh lạnh, một thằng ngu ở một trong các sở an ninh đã ban sắc lệnh rằng tất cả các

công sở “có thể là mục tiêu” nên để đèn hai mươi tư giờ một ngày, nhằm đề phòng điệp viên của địch theo dõi xem những ai làm việc ở đó, trong khoảng thời gian bao lâu. Ý kiến này lúc đó đã được chào mừng nhiệt liệt bằng những cái gật đầu và những cái vỗ lưng cùng nhiều lời thì thầm kiểu “anh bạn Carruthers này sẽ tiến xa đấy, ghi nhớ lời tôi đi” - cho tới khi các hóa đơn tiền điện được ném lên thăm các bộ phận phụ trách tài chính, rồi thì cái ý tưởng đó, và cả Carruthers nữa, đã được khéo léo tiến ra khỏi cửa.

O’Neal ra khỏi cửa chính của Bộ lúc bảy giờ mười. Ông ta gật đầu với người gác cửa - người này tặng tờ ông ta - và bước tới đường Whitehall trong bóng tối chạng vạng. Ông ta mang cặp tài liệu, đó là điều lạ thường - bởi vì chẳng ai lại để cho ông ta ra khỏi tòa nhà đó với bất kỳ thứ gì quan trọng hơn là giấy vệ sinh- bởi thế biết đâu ông ta là một trong những người kỳ lạ sử dụng cặp tài liệu chỉ như đồ trang sức. Tôi chẳng biết nữa.

Để cho ông ta đi khỏi Bộ khoảng hơn trăm mét tôi mới bắt đầu bám theo, và phải cố lắm để giữ nhịp của mình chậm lại, bởi vì O’Neal bước chậm khác thường. Ai đó có thể nghĩ ông ta đang tận hưởng thời tiết, giá mà thời tiết lúc đó có gì đáng cho ta tận hưởng.

Chẳng cần phải chờ đến khi ông ta vượt qua đường Mall và bắt đầu tăng tốc tôi mới nhận ra rằng ông ta đang đi dạo. Ở Whitehall ông ta là con hổ săn mồi, là ông chủ lãnh địa của tất cả những gì ông ta điều tra, thuộc nằm lòng các bí mật động trời của đất nước, bất kỳ điều nào trong số đó cũng có thể làm cho những du khách đang lơ ngơ ngấm cảnh kia chờ người ra vì kinh ngạc nếu như họ biết đến. Nhưng khi ra khỏi khu rừng của mình mà bước vào một đồng cỏ thưa thì diễn cũng chẳng để làm gì, vì thế mà ông ta cứ bước bình thường. O’Neal là một người mà anh có thể thương cảm, nếu như anh có thời gian.

Không biết vì sao, nhưng tôi muốn ông ta đi thẳng về nhà. Tôi đã hình dung một ngôi nhà mái bằng ở Putney, ở đó người vợ tần tảo sẽ cho ông ta uống rượu nâu, ăn cá tuyết nướng và là quần áo trong khi ông ta vừa cầu nhàu vừa lắc đầu khi xem tin tức trên ti vi, như thể mỗi lời trong bản tin

đều có thêm một ý nghĩa đen tối hơn đối với ông ta. Nhưng thay vì vậy ông ta nhảy qua các bậc thêm đi qua ICA, sang phố Pall Mall và vào câu lạc bộ Travellers.

Có cô cũng chẳng thu được lợi lộc gì ở đó. Từ bên ngoài cửa kính, tôi quan sát O'Neal yêu cầu người phục vụ kiểm tra hộp thư của ông ta, nó rỗng không, và khi thấy ông ta giữ áo rồi đi vào trong quầy rượu, tôi cho rằng mình có thể tạm rời ông ta một lúc.

Tôi mua khoai tây chiên và bánh kẹp thịt nơi một quầy hàng ở đường Haymarket và lang thang một lúc, vừa đi vừa ăn, nhìn ngắm mọi người ăn mặc sáng sủa chen chúc xem những chương trình ca nhạc dường như được trình diễn mãi từ khi tôi mới chào đời. Một nỗi chán nản bắt đầu dề lên vai trong khi tôi bước, và tôi chợt giật mình nhận ra mình đang làm y hệt O'Neal - nhìn cái thằng tôi với vẻ mệt mỏi, giễu cợt kiểu “đồ đàn, giá mà anh biết được”. Tôi rũ cảm giác đó khỏi người và ném cái bánh vào thùng rác.

Ông ta ra ngoài lúc tám rưỡi, đi từ Haymarket ra Piccadilly. Từ đó ông ta đi tiếp tới đại lộ Shaftesbury, rồi rẽ trái ở Soho, nơi đây giọng lạnh lạnh chuyện trò của những người đi xem hát bị thay thế bởi giọng trầm hơn của các cô gái quán bar và vũ nữ khỏa thân. Cái miệng râu ria rậm rạp của những gã đàn ông lảng vảng quanh cửa ra vào đang nhỏ to về “các show diễn sex” khi tôi đi ngang qua.

O'Neal cũng bị các tay gác cửa chèo kéo, nhưng có vẻ ông ta biết mình đang đi đâu nên không một lần thèm quay đầu nhìn những thứ được chào mời. Thay vì vậy ông ta né sang trái, tránh sang phải một vài lần, không bao giờ quay lại, cho tới khi tới vườn địa đàng của mình, quán Shala. Rẽ xong, ông ta bước thẳng vào.

Tôi vẫn tiếp tục bước cho tới cuối phố, lần nữa một phút, rồi quay thẳng lại mặt tiền đầy hấp dẫn của quán Shala nổi tiếng. Những từ “Sống động”, “Gái”, “Tình ái”, “Khiêu vũ” và “Gợi tình” được sơn ngẫu nhiên trên cửa,

như thể đang mời ta thử tạo một câu với những từ đó, và có khoảng nửa tá đàn bà với vẻ ủ rũ mặc quần lót xếp hàng trong tủ kính. Một cô gái trong bộ váy da bó sát tựa người uể oải ở lối ra vào, tôi cười với cô ta theo kiểu cho thấy tôi từ Na Uy tới và đúng, Shala trông có vẻ là nơi để làm mới mình sau một ngày khó nhọc làm người Na Uy. Có lẽ nếu tôi gào lên rằng ngay bây giờ tôi sẽ bước vào cùng một khẩu súng phun lửa thì có khi cô ta cũng chẳng buồn chớp mắt. Hoặc có lẽ mắt cô ta đã chớp, dưới sức nặng của đồng mi giả đó.

Tôi trả cho cô ta mười lăm bảng và điền vào một mẫu đăng ký thành viên dưới cái tên Lars Petersen, đội trưởng Vice Squad, Cục Điều tra Tội phạm New Scotland Yard, và mau mắn xuống cầu thang tầng hầm để xem xem sự sống động, tình ái, gợi tình, khiêu vũ và gái gú của Shala đúng ra là như thế nào.

Tôi suýt nữa thì ngã lộn cổ. Một chút nữa thôi. Từ lâu rồi tay quản lý đã quyết định rằng để đèn tối mờ là giải pháp thay thế đầy tiết kiệm cho việc dọn vệ sinh, và tôi luôn có cảm giác rằng những viên gạch lát sàn cứ trượt ra xa khỏi đế giày mình. Khoảng hai mươi cái bàn được bố trí xung quanh một sân khấu nhỏ, trên đó có ba cô nàng mắt đờ đẫn đang nhún nhảy theo những đoạn nhạc ồn ã. Trần nhà thấp đến nỗi người cao nhất trong bọn họ cũng phải vừa nhảy vừa khom lưng ; nhưng ngạc nhiên thay, với việc khỏa thân trên nền nhạc Bee Gees, ba cô ả đã làm cho mọi thứ nom có vẻ khá đường hoàng.

O'Neal ngồi ở một bàn phía trước, dường như để mắt vào cô gái ở bên trái, một sinh vật có khuôn mặt như bột nhào mà tôi đồ là đang cần một cái bánh bò bầu dục tẩm bột nướng cỡ lớn và một giấc ngủ ngon. Cô ta dán mắt vào bức tường phía sau của câu lạc bộ và không hề cười.

“Uống gì?”

Một anh chàng đầy nhọt ở cổ nghiêng người qua quầy bar nói với tôi.

“Cho tôi whisky,” tôi nói, và quay về sân khấu.

“Năm bảng.”

Tôi quay lại nhìn anh ta. “Xin lỗi?”

“Năm bảng tiền whisky. Trả tiền luôn.”

“Không đâu,” tôi nói. “Mang rượu ra đây. Rồi tôi sẽ trả.”

“Ông trả trước.”

“Đéo mẹ anh trước bằng cái chĩa làm vườn thì có.” Tôi mỉm cười vì đã chơi anh ta một cú cay độc. Anh ta mang whisky ra. Tôi trả anh ta năm bảng.

Sau mười phút ở trong quán, tôi rút ra kết luận là O’Neal đến đây để thưởng thức buổi diễn chứ không gì khác. Ông ta không buồn nhìn đồng hồ hay nhìn ra cửa, ông ta uống rượu gin một cách khá phóng túng, điều đó càng làm tôi chắc chắn rằng ông ta hoàn toàn không vương bận gì. Tôi uống hết cốc của mình rồi lẳng lặng sang bàn ông ta.

“Đừng bảo tôi cô ta là cháu gái ông và cô ta làm nghề này chỉ để có Thẻ Nghiệp đoàn Diễn viên và gia nhập Nhà hát kịch Hoàng gia Shakespeare thôi.” O’Neal quay lại nhìn tôi trong khi tôi kéo một chiếc ghế và ngồi xuống. “Xin chào,” tôi nói.

“Ông đang làm gì ở đây vậy?” Ông ta hỏi, vẻ cau kỉnh. Tôi lại nghĩ là có lẽ ông ta cảm thấy hơi ngượng.

“Gượng đã nào,” tôi nói. “Thế là ngược đời mất rồi. Đáng lẽ ông phải nói ‘xin chào’ và tôi nói ‘ông đang làm gì ở đây?’ mới đúng chứ.”

“Ông đã ở đâu, Lang?”

“Ồ, lang thang thôi,” tôi nói. “Như ông biết đó, tôi như một cánh hoa bông bênh trong gió mùa thu. Mà cái đó lẽ ra phải ghi trong hồ sơ của tôi chứ.”

“Ông đã bám theo tôi tới đây.”

“Chắc. Bám theo là một từ xấu. Tôi thích ‘tổng tiền’ hơn.”

“Gì cơ?”

“Nhưng, tất nhiên, nó có ý nghĩa khác hẳn. Thôi, thế cũng được, cứ cho là tôi bám theo ông tới đây đi.”

Ông ta bắt đầu nhìn quanh phòng, xem tôi có mang theo vài anh bạn đô con nào tới cùng hay không. Hoặc có thể ông ta đang tìm những anh bạn đô con của mình. Ông ta ngả người ra trước và rít lên với tôi. “Ông đang gặp rắc rối, rắc rối rất nghiêm trọng, Lang ạ. Tôi thấy nên cảnh báo cho ông biết điều đó.”

“Vâng, có lẽ ông đúng,” tôi nói. “Rắc rối rất nghiêm trọng hiển nhiên là một trong những thứ tôi đang dính vào. Một thứ khác nữa là câu lạc bộ khóa thân. Với một công chức đáng kính, người mà tên tuổi sẽ được giữ kín ít nhất thêm một tiếng nữa.”

Ông ta ngả người ra ghế, một cái liếc mắt khác thường hiện trên mặt. Hàng lông mày nhướng lên, miệng dẩu ra. Tôi nhận ra rằng đó là khởi đầu của một nụ cười. Ở dạng rút gọn.

“Ồ, anh bạn thân mến,” ông ta nói. “Đúng là ông đang tổng tiền tôi rồi. Thật là đáng thương.”

“Thế à? Chúng ta không thể đến nỗi thế chứ.”

“Tôi đến để gặp một người. Điểm hẹn không phải do tôi lựa chọn.” Ông ta uống cốc gin thứ ba. “Giờ tôi rất biết ơn nếu ông biến đi nơi nào đó, để tôi đỡ phải gọi nhân viên bảo vệ tổng tiền ông ra khỏi cửa.”

Đĩa nhạc đã khắc khắc chuyển sang một bài ầm ĩ nhưng nhạt nhẽo “Chiến tranh, tốt cho điều gì chứ?” và cháu của O’Neal đã bước xuống bục trước sân khấu và đang bắt đầu lắc háng trước chúng tôi, hoàn toàn ăn khớp với đĩa nhạc.

“Ồ, tôi không biết,” tôi nói. “Tôi nghĩ là tôi thích chỗ này phết.”

“Lang , tôi cảnh cáo ông. Lúc này ông còn một chút uy tín với tôi. Tôi có một cuộc gặp quan trọng ở đây, và nếu như ông làm hỏng nó hoặc cản trở tôi bằng cách này hay cách khác thì tôi cũng sẽ cạ tình cạ nghĩa với ông. Tôi nói thế ông rõ chứ?”

“Đại úy Mainwaring,” tôi nói. “Đó là người ông làm tôi nhớ tới...”

“Lang, lần cuối cùng...”

Ông ta dừng lại khi nhìn thấy khẩu Walther của Sarah. Tôi nghĩ tôi cũng làm y như thế nếu như tôi ở vào vị trí của ông ta.

“Tôi cứ nghĩ là ông nói ông không mang theo súng cơ đấy,” một lúc sau ông ta nói. Lo lắng, nhưng cố không để lộ ra.

“Tôi là nạn nhân của thời trang,” tôi nói. “Có người bảo tôi rằng loại này đang là mốt năm nay, nên tôi sắm một cái chơi.” Tôi bắt đầu cởi áo khoác. Cô cháu gái chỉ ở cách đó vài bước, nhưng cô ta vẫn đang dán mắt vào bức tường cuối phòng.

“Ông đừng có bắn ở đây nhé, Lang. Tôi không tin là ông đã mất trí hoàn toàn.”

Tôi vo cái áo thành một cuộn chặt và nhét khẩu súng vào trong kẽ áo.

“Ồ, tôi dám đấy,” tôi nói. “Chắc chắn đấy. Người ta thường gọi tôi là Thomas ‘Chó Điên’ Lang mà.”

“Tôi bắt đầu đây...”

Cái cốc rỗng của O’Neal nổ tung. Các mảnh vỡ bắn đầy trên mặt bàn và nền nhà. Ông ta tái xanh lại.

“Chúa ơi...”, ông ta lắp bắp.

Nhịp điệu là mấu chốt. Anh có thể đúng nhịp hoặc sẽ lỡ. Tôi đã bắn cùng lúc với nhịp mạnh nhất của bài “Chiến tranh” nên chỉ tạo ra nhiều tiếng ồn ngang với việc liếm mép dán bì thư. Nếu như cô cháu gái làm việc đó, có thể cô ta sẽ nhả đạn vào lúc nhạc không cao trào lắm và thế là hỏng hết việc.

“Ông uống thêm chứ?” Tôi hỏi và châm điếu thuốc để át đi mùi khét của thuốc súng. “Tôi mời.”

“Chiến tranh” kết thúc trước Giáng sinh và ba cô gái thông thả rời sân khấu để nhường chỗ cho một cặp dùng roi da biểu diễn. Trông họ như là anh trai em gái và cách nhau không thể dưới một trăm tuổi. Cái roi của người đàn ông chỉ dài hơn nửa mét bởi trần nhà thấp, nhưng anh ta cầm như thể nó dài ba mét, quật cô em gái theo nhịp bài “Chúng ta là nhà vô địch”. O’Neal nhấp một ngụm rượu gin tăng lực mới một cách tao nhã.

“Giờ thì,” tôi nói và chỉnh vị trí của cái áo ở trên bàn, “tôi cần một điều từ ông và chỉ một điều thôi.”

“Quý tha ma bắt ông đi.”

“Chắc chắn rồi, và tôi đảm bảo sẽ giữ cho ông một chỗ dưới đó. Nhưng tôi muốn biết các ông đã làm gì với Sarah Woolf.”

Ông ta dừng ngụm rượu uống dở, quay sang tôi, trông đầy bối rối.

“Tôi đã làm gì với cô ta á? Cái quái gì khiến ông nghĩ rằng tôi đã làm gì đó với cô ta?”

“Cô ấy đã biến mất,” tôi nói.

“Biến mất. Đúng. Đó là một cách thống thiết để nói rằng ông không thể tìm thấy cô ta phải không?”

“Bố cô ấy chết rồi,” tôi nói. “Ông biết điều đó chứ?”

Ông ta nhìn tôi một lúc lâu.

“Phải, tôi biết,” ông ta nói. “Điều tôi quan tâm là làm sao ông lại biết điều đó.”

“Ông trả lời trước đi.”

Nhưng O’Neal đã bắt đầu dạn lên rồi, và khi tôi dịch cái áo lại gần hơn, ông ta không nao núng chút nào.

“Ông đã giết ông ta,” ông ta nói, phần giận dữ, phần hài lòng. “Thế đây, phải không nào? Thomas Lang, lính đánh thuê dũng cảm, đã hoàn thành nhiệm vụ và bắn chết một người. Chà, ông bạn thân mến, để ra khỏi vụ này, ông sẽ phải làm nhiều thứ đây, hy vọng là ông nhận ra điều đó.”

“Sau Đại học là gì?”

Sự bức dọc xen lẫn vui mừng dần trượt khỏi khuôn mặt ông ta. Xem chừng ông ta sẽ không trả lời nên tôi quyết định gây sức ép.

“Tôi sẽ nói với ông tôi nghĩ thế nào về Sau Đại học,” tôi nói, “và ông hãy cho điểm tôi về độ chính xác.”

O’Neal ngồi bất động.

“Đầu tiên, Sau Đại học có ý nghĩa khác nhau với những người khác nhau. Đối với nhóm này, nó có nghĩa là sự phát triển và tiếp thị một kiểu máy bay quân sự mới. Rất bí mật, hiển nhiên rồi. Rất không dễ chịu, có vẻ thế. Phạm

pháp, có thể không phải. Còn đối với một nhóm khác, và đây là chỗ mọi chuyện bắt đầu trở nên thú vị, Sau Đại học ám chỉ việc sắp đặt các hoạt động khủng bố cho phép những người tạo ra những cái máy bay đó được dịp khoe mẽ các món đồ chơi của mình. Bằng cách giết người. Và tạo ra hàng bao tải tiền từ những khách hàng nhiệt tình. Cực mật, cực khó chịu, cực, cực, cực mũ mưỡi, phạm pháp. Alexander Woolf nghe phong thanh về nhóm thứ hai, quyết định rằng ông ta sẽ không để họ làm thế, và bắt đầu tự gây hại cho mình. Bởi thế nhóm thứ hai, vài người trong bọn họ có lẽ có vị thế hợp pháp trong giới tình báo, bắt đầu tung tin trong các cuộc nhậu rằng Woolf là một tay buôn ma túy, để bôi nhọ tên tuổi ông ta và bóp chết những cuộc vận động dù nhỏ nhất mà ông ta muốn tiến hành. Khi điều đó không đi đến đâu, họ dọa giết ông ta. Khi *cái đó* cũng chẳng ăn thua nổi, họ đã giết ông ta. Có thể họ cũng đã giết cả con gái ông ta cũng nên.”

O’Neal vẫn không động đậy.

“Nhưng người mà tôi thực sự thấy thương cảm trong tất cả những chuyện này,” tôi nói, “sau nhà Woolf, tất nhiên rồi, là người nào đó vốn vẫn *nghĩ* rằng mình thuộc vào nhóm một, không phạm pháp, nhưng trong suốt cả quá trình lại giúp đỡ, tiếp tay và mặt khác viện trợ cho nhóm thứ hai, phạm pháp, mà không hề biết điều đó. Bất kỳ ai ở vào vị trí đó chả khác gì bị người ta tát vào mặt.”

Ông ta đang nhìn ra sau tôi. Đây là lần đầu tiên từ lúc gặp nhau tôi không thể biết ông ta đang nghĩ gì. “Đấy, thế thôi,” tôi nói. “Cá nhân tôi nghĩ trình bày thế là tuyệt rồi, giờ tới lượt ông.”

Nhưng ông ta vẫn không trả lời. Bởi thế tôi quay lại theo hướng nhìn của ông ta về phía cửa ra vào, một người gác cửa đang đứng đó, trở tay về phía bàn chúng tôi. Tôi thấy anh ta gật đầu và lùi lại, rồi cái dáng sẵn chắc mạnh mẽ của Barnes, Russell P. đang rảo bước vào phòng hướng tới chỗ chúng tôi.

Tôi bắn chết cả hai, sau đó bắt chuyến máy bay tiếp theo tới Canada, ở đó tôi cưới một người phụ nữ tên là Mary-Beth và bắt đầu công việc kinh

doanh đồ gồm sứ phát đạt.

Ít nhất, đáng lẽ tôi nên làm thế.

Mười Hai

Ngài chẳng thú gì sức ngựa, cũng không thích chân người.

SÁCH CẦU NGUYỆN 1662

“Ông đúng là một thằng khốn, ông Lang ạ. Một tay thực sự ra trò đấy, nếu nói thế có chút ý nghĩa gì đối với ông.”

Barnes và tôi đang ngồi trên một chiếc Lincoln Ngoại giao khác - hoặc có lẽ vẫn là chiếc cũ mà người ta đã làm sạch chỗ tàn thuốc kể từ lần trước tôi ngồi - đậu dưới cầu Waterloo. Một tấm biển lớn sáng trưng quảng cáo chương trình biểu diễn ở Nhà hát Quốc gia bên cạnh, chuyển thể từ phim sitcom *It Ain't Half Hot, Mum* do Sir Peter Hall đạo diễn. Đại loại thế.

Lần này O'Neal ngồi ghế sau, và Mike Lucas lại một lần nữa cầm lái. Tôi ngạc nhiên sao anh ta không bị đút vào túi vải bạt trên một chuyến bay trở về Washington, nhưng hẳn Barnes đã quyết định cho anh ta thêm một cơ hội sau khi vụ phòng tranh ở đường Cork thất bại. Cũng không hẳn là lỗi của anh ta, nhưng trong những vòng tròn rối rắm kiểu đó, có lỗi và đổ lỗi chỉ liên quan tới nhau rất ít.

Một chiếc Ngoại giao nữa đỗ sau chúng tôi, với một số lượng Carl nào đó bên trong. Có lẽ là cả một lô Carl. Tôi đã đưa khẩu Walther cho họ, bởi vì họ có vẻ thèm nó quá rồi.

“Tôi nghĩ là tôi đã biết điều ông muốn nói, ông Barnes,” tôi lên tiếng, “và tôi coi đó là một lời khen ngợi.”

“Tôi đếch quan tâm ông xem nó thế nào, ông Lang ạ. Đếch quan tâm.” Ông ta dòm ra ngoài cửa kính. “Chúa ơi, rối tinh hết cả lên rồi.”

O'Neal háng giọng và vặn mình trên ghế.

“Này ông Lang, điều ông Barnes muốn nói là ông đã tình cờ vướng vào một vụ khá phức tạp đấy. Có nhiều điều về vụ này mà ông hoàn toàn không biết gì, và ông, bằng hành động của mình, đã làm cho tình hình trở nên cực kỳ khó khăn đối với chúng tôi.” O’Neal mạo hiểm một chút với từ “chúng tôi”, nhưng Barnes không để ý. “Tôi nghĩ tôi có thể nói một cách thẳng thắn...”, ông ta tiếp tục.

“Ôi, im mẹ nó đi,” tôi nói. O’Neal thoáng đỏ mặt. “Tôi chỉ quan tâm đến một điều: sự an toàn của Sarah Woolf. Mọi thứ khác đều thừa.”

Barnes lại nhìn ra ngoài cửa.

“Về nhà thôi, Dick,” ông ta nói.

Không có động tĩnh gì, và O’Neal có vẻ bị tổn thương. Ông ta sẽ phải lên giường ngủ mà không được ăn tối trong khi chưa làm gì sai cả.

“Tôi nghĩ tôi...”

“Tôi nói về nhà đi cơ mà,” Barnes nói. “Tôi sẽ gọi cho ông sau.”

Không ai cựa quậy cho tới khi Mike ngả người sang mở cửa cho O’Neal. Trong hoàn cảnh này, ông ta phải đi.

“Tạm biệt, Dick,” tôi nói. “Thật là vinh hạnh vô cùng. Tôi hy vọng ông sẽ nghĩ tốt về tôi khi thấy xác tôi được lôi từ dưới sông lên.”

O’Neal lôi cái cặp theo sau, đóng sầm cửa, rồi leo lên những bậc thang Waterloo mà không hề nhìn lại.

“Ông Lang,” Barnes nói. “Cùng đi dạo nhé.” Trước khi tôi kịp trả lời, ông ta đã ra khỏi xe và bước xuống bờ đê. Qua gương chiếu hậu, tôi thấy Lucas đang nhìn mình.

“Người này hay thật,” tôi nói.

Lucas quay đầu nhìn Barnes đang đi giật lùi, rồi lại nhìn gương lần nữa.

“Cẩn thận nhé!” anh ta nói.

Tôi ngừng lại, tay để trên lẫy cửa xe. Giọng Mike Lucas không lấy gì làm vui vẻ. Không chút nào.

“Cẩn thận cái gì, cụ thể xem nào?”

Anh ta khẽ rút vai và đưa tay lên miệng, che những cử động của môi trong khi nói.

“Tôi không biết,” anh ta nói. “Tôi thề trước Chúa, tôi không biết. Nhưng có chuyện tồi tệ đang diễn ra ở đây...” Anh ta dừng lại khi có tiếng cửa xe mở và đóng lại đằng sau chúng tôi.

Tôi đặt tay lên vai anh ta.

“Cảm ơn,” tôi nói, và bước ra ngoài. Một vài tay Carl đang đi thông dong dọc chiếc xe, rướn cổ về phía tôi. Khoảng hai mươi mét phía trước, Barnes đứng nhìn, có vẻ đang đợi tôi bắt kịp.

“Tôi nghĩ mình thích Luân Đôn về đêm,” ông ta nói khi chúng tôi đã song hành.

“Tôi cũng thế,” tôi nói. “Dòng sông thật tuyệt.”

“Tuyệt cái con khỉ,” Barnes nói. “Tôi thích Luân Đôn về khuya bởi mình không phải nhìn rõ nó.”

Tôi cười, rồi im ngay bởi vì tôi nghĩ ông ta thực sự có ý đó. Ông ta có vẻ giận dữ và đột nhiên tôi có một ý nghĩ mơ hồ rằng việc phân bổ ông ta tới Luân Đôn có lẽ là sự trừng phạt cho lỗi lầm nào đó trong quá khứ, rồi ông

ta ở đây, sôi sục căm giận với sự bất công họ dành cho ông ta, và đổ hết nỗi căm giận đó lên đầu cái thành phố này.

Ông ta ngắt quãng dòng suy tưởng của tôi.

“Tôi nghe O’Neal nói rằng ông có một giả thiết nhỏ,” ông ta nói. “Một giả thiết mà ông vẫn đang theo đuổi. Có phải thế không?”

“Hiển nhiên thế,” tôi nói.

“Nói qua cho tôi nghe, được chứ?”

Và thế là, chẳng có lý do cụ thể nào để dừng cả, tôi cứ thế lặp lại bài diễn văn mà tôi đã nói với O’Neal ở Shala, thêm một tí chỗ này, bớt một tẹo chỗ nọ. Barnes lắng nghe không chăm chú cho lắm, và khi tôi kết thúc, ông ta thở dài. Một cái thở dài dằng dặc, mệt mỏi, ôi Chúa ơi, con phải làm gì với cái thở dài kiểu này đây?

“Nói toạc móng heo ra,” tôi nói, không muốn người ta hiểu lầm chút nào về cảm nhận của tôi, “tôi nghĩ ông là một kẻ nguy hiểm, thói tha, ăn tục nói phét. Tôi có thể vui vẻ cho ông lên châu trời ngay bây giờ nhưng tôi nghĩ mình không nên làm cho tình cảnh của Sarah tồi tệ thêm nữa.” Kể cả thế thì xem ra ông ta cũng chẳng bận tâm mấy.

“À há,” ông ta nói. “Còn chuyện ông vừa nói với tôi.”

“Chuyện đó thì sao?”

“Tất nhiên là ông đã ghi lại phải không? Đã sao một bản gửi cho luật sư, cho nhà băng, cho mẹ ông, cho Nữ hoàng và họ chỉ được mở ra khi ông chết. Tất cả những thứ rác rưởi này?”

“Tất nhiên. Ở đây chúng tôi cũng được xem truyền hình mà ông.”

“Chuyện đó thì còn phải bàn. Thuốc không?” Ông ta rút ra một bao Marlboro chia cho tôi. Chúng tôi cùng nhau hút thuốc một lúc, và tôi nghĩ cũng lạ làm sao, hai thằng đàn ông ghét nhau tận xương tận tủy như thế lại có thể cùng nhau rít cái mẩu giấy cháy này, cùng can dự trong một hành động khá là bạn hữu.

Barnes dừng lại dựa người vào lan can, ngó xuống dòng nước đen bóng của sông Thames. Tôi đứng cách đó vài mét, bởi vì ta không thể đưa cái tình bạn vớ vẩn này tiến quá xa.

“Được thôi, Lang. Thế này nhé.” Barnes nói. “Tôi chỉ nói tắt tắt chuyện này một lần thôi, bởi vì tôi biết ông không phải thằng ngu. Ông sẽ có bọn tiền.” Ông ta búng điếu thuốc đi. “Một vụ hời. Thế thì chúng ta sẽ bàn bạc tí nhỉ, trao đổi một số thứ. Ô hô. Có gì quá tệ đâu chứ?”

Tôi quyết định thử tiếp cận một cách bình tĩnh. Nếu cách đó không mang lại hiệu quả thì tôi sẽ thử lẳng hẩn xuống sông rồi chạy thực mạng.

“Thật tệ quá,” tôi nói chậm rãi, “bởi vì ông và tôi đều sinh ra và lớn lên trong những đất nước dân chủ, nơi ý nguyện của con người ta được cho là có chút giá trị. Và tôi tin rằng nguyện vọng của người dân vào lúc này là các chính phủ đừng giết hại công dân của chính mình hay của bất kỳ quốc gia nào khác chỉ để làm đầy túi mình. Thứ Tư tuần sau, có thể người ta sẽ nói đó là một ý kiến vĩ đại. Nhưng ngay bây giờ, ý nguyện của người ta là dùng từ ‘xấu xa’ khi nói về những hành động như thế.” Tôi rít hơi cuối cùng rồi thả đầu mẩu xuống dòng nước. Hình như nó rơi xuống một đoạn khá xa.

“Lang ạ, tôi rút ra được hai điểm,” Barnes nói sau một lúc im lặng khá lâu, “từ bài phát biểu hay ho của ông. Điểm thứ nhất, chẳng ai trong chúng ta sống trong một nền dân chủ cả. Cứ bốn năm đi bầu cử một lần cũng không đồng nghĩa với dân chủ. Không chút nào. Điểm thứ hai, đã có ai nói tới việc đầy túi đâu?”

“Ồ, tất nhiên rồi.” Tôi vỗ vào trán mình. “Tôi đã không nhận ra. Ông sẽ quyên hết tiền thu được từ việc bán vũ khí cho Quỹ Cứu trợ Trẻ em. Thật là một tấm lòng nhân từ vĩ đại, thế mà tôi thậm chí chưa từng để ý. Alexander Woolf sẽ rất cảm kích cho mà xem.” Tôi đang bắt đầu đi chệch khỏi cách tiếp cận bình tĩnh. “Ồ, nhưng gờm đã, những đoạn ruột của ông ta giờ này đang được cạo ra khỏi bức tường nào đó trong thành phố. Có lẽ ông ta không còn ‘trộn tấm lòng’ lắm với lời cảm ơn như ông ta mong muốn. Ông, ông Barnes ạ,” và tôi thậm chí còn đi xa hơn bằng việc trở ngón tay, “ông cần đi khám lại cái đầu đất của ông đi.”

Tôi bỏ đi, tiếp tục bước dọc dòng sông. Hai gã Carl đeo tai nghe đã sẵn sàng xử lý tôi.

“Ông nghĩ nó đi đâu hả Lang?” Barnes không nhúc nhích mà chỉ nói to hơn một chút. Tôi dừng lại. “Khi một tay chơi Ả-rập nào đó ghé qua thung lũng San Martin mua cho mình năm chục chiếc xe tăng chiến đấu M1 Abram và nửa tá F-16. Viết một tờ séc nửa tỷ đô la. Ông nghĩ số tiền đó sẽ đi đâu? Ông nghĩ là vào túi tôi ư? Hay là vào túi Bill Clinton? Hay David Letterman? Nó chui đi đâu?”

“Ồ, nói tôi nghe đi,” tôi nói.

“Tôi sẽ nói với ông. Cho dù ông đã biết tổng rồi. Nó rơi vào túi người dân Mỹ. Hai trăm năm mươi triệu người có phần của mình trong đó.”

Tôi làm vài phép toán không được nhanh cho lắm. Chia cho 10, nhớ 2...

“Mỗi người được hai nghìn đô la, phải không? Từ đàn ông, đàn bà đến trẻ con?” Tôi nghiêng răng. “Sao điều đó nghe không đúng lắm nhỉ?”

“Một trăm năm chục ngàn người có công ăn việc làm nhờ số tiền đó,” Barnes nói. “Với những công việc ấy, họ hỗ trợ cho ba trăm ngàn người khác. Và với nửa tỷ đô la đó, những người này có thể mua được rất nhiều xăng dầu, rất nhiều lúa mạch, rất nhiều xe Micra của Nissan. Nửa triệu

người khác sẽ bán cho họ những chiếc Micra của Nissan, và nửa triệu người khác sẽ sửa xe Micra của Nissan, rửa kính, bơm lốp. Và nửa triệu khác sẽ làm đường cho những chiếc Micra Nissan chết tiệt đó chạy, thế là chẳng mấy chốc ông sẽ có hai trăm năm mươi triệu công dân dân chủ tử tế, đủ để nước Mỹ tiếp tục làm ra thứ cuối cùng mà họ làm tốt. Chế tạo súng.”

Tôi nhìn chăm chăm xuống dòng sông bởi vì người đàn ông này đang làm cho đầu óc tôi phải vầy vùng. Ý tôi là, bắt đầu ở đâu nhỉ?

“VẬY là, vì quyền lợi của các công dân tử tế của chế độ dân chủ đó, một cái xác chỗ này một cái xác chỗ kia cũng chẳng phải là chuyện xấu xa gì. Có phải đó là điều ông muốn nói không?”

“ĐÚNG. Và không một công dân dân chủ tử tế nào có thể nói bất cứ điều gì khác.”

“Tôi nghĩ Alexander Woolf sẽ nói khác.”

“To tát đấy.”

Tôi vẫn nhìn dòng sông. Trông nó đặc quánh và ảm áp.

“Ý tôi là thế, Lang ạ. To tát thật đấy. Một người chống lại nhiều người. Ông ta bị bỏ phiếu loại bỏ. Đó là dân chủ. Còn muốn biết điều gì khác nữa không?” Tôi quay lại để nhìn Barnes, và ông ta giờ đang đối mặt với tôi, khuôn mặt nhăn nhoe của ông ta rõ lên trong ánh sáng chập chờn từ tấm biển rạp hát. “Còn hai triệu công dân Mỹ khác mà tôi đã không đề cập đến. Biết họ sẽ làm gì trong năm nay không?”

Ông ta đi về phía tôi, chậm rãi, tự tin.

“Trở thành luật sư sao?”

“Họ sẽ chết,” ông ta nói. Cái ý nghĩ đó dường như không quấy quả ông ta nhiều lắm. “Tuổi già, tai nạn xe hơi, ung thư máu, đau tim, đánh nhau trong

quán rượu, ngã cửa sổ, ai mà biết được những thứ quái quỷ nào? Hai triệu người Mỹ sẽ chết năm nay. Thế thì hãy bảo tôi nghe: ông sẽ rút nước mắt cho từng này người chứ?”

“Không hề.”

“Tại cái mẹ gì lại không? Có gì khác nhau đâu? Chết là chết, Lang ạ.”

“Cái khác nhau là tôi không liên quan gì tới cái chết của bọn họ,” tôi nói.

“Ông đã từng là lính, lạy Chúa!” Chúng tôi hiện giờ đang mặt đối mặt, ông ta la to đến độ có thể làm người ta phải bật dậy khỏi giường. “Ông được huấn luyện để giết người vì quyền lợi của đồng bào ông. Đó không phải là sự thật sao?” Tôi định trả lời, nhưng ông ta không muốn nghe. “Đúng không nào?” Hơi thở của ông ta bốc mùi ngọt ngào một cách kỳ lạ.

“Đó là một thứ triết lý tồi, lỗi thời rồi. Thật sự thế. Ý tôi là hãy đọc sách đi, vì Chúa.”

“Những người dân chủ không đọc sách, Lang ạ. Họ không đọc sách. Họ không quan tâm cái quái gì liên quan đến triết lý cả. Tất cả những gì người ta quan tâm, tất cả những gì họ muốn ở chính phủ của mình là mức lương ngày càng cao và cao hơn nữa. Năm này qua năm khác, họ muốn mức lương đó phải tăng lên. Nếu nó dừng lại, họ sẽ kiếm cho mình một chính phủ mới. Đó là điều người ta muốn. Họ chỉ cần có thế. Dân chủ là thế đó, ông bạn của tôi ạ.”

Tôi hít một hơi thật sâu. Thực tế là vài hơi liền thật sâu, bởi vì điều mà giờ đây tôi muốn làm với Russell Barnes có thể dẫn tới hậu quả là tôi sẽ không thở được trong một thời gian.

Ông ta vẫn đang nhìn tôi, thử phản ứng của tôi và tìm vài điểm yếu. Bởi thế tôi quay người bước đi. Hai gã Carl bước lại phía tôi, từ hai phía, nhưng tôi

vẫn cứ đi bởi vì tôi cho rằng họ sẽ không làm gì chừng nào chưa có tín hiệu từ Barnes. Sau khi tôi đi thêm vài bước nữa, hẳn ông ta đã ra hiệu.

Tên Carl bên trái chồm ra giữ tay tôi, nhưng tôi thoát được dễ dàng, tôi vặn tay hắn ấn mạnh xuống, buộc hắn phải nương người di chuyển theo. Tên Carl thứ hai quặp cổ tôi khoảng một giây, cho tới khi tôi giẫm mạnh lên mu bàn chân và thúi ngược vào háng hắn. Vòng siết của hắn lỏng ra, rồi tôi ở giữa trong khi bọn họ vây quanh, và tôi đã muốn tấn bọn họ một trận tới nơi tới chốn, để cho họ không bao giờ, không bao giờ quên được tôi.

Nhưng rồi đột nhiên, như thể chưa có chuyện gì xảy ra, họ lùi lại, vuốt phẳng áo choàng, và tôi nhận ra rằng hẳn Barnes đã nói gì đó mà tôi không nghe thấy. Ông ta bước lên giữa hai Carl, tiến tới rất gần tôi.

“Chúng tôi nghĩ thế này, ông Lang ạ,” ông ta nói. “Ông thì phá bĩnh chúng tôi. Ông không thích tôi chút nào và tôi thấy thực sự đau lòng. Nhưng đó không phải là vấn đề chính.”

Ông ta lắc bao thuốc, lấy cho mình một điếu nhưng không mời tôi.

“Nếu ông muốn gây rắc rối cho chúng tôi, Lang,” ông ta nói, nhẹ nhàng thở khói qua mũi, “tốt nhất ông nên biết cái giá phải trả sẽ là gì.”

Ông ta hướng mắt ra phía sau tôi và gật đầu với một ai đó. “Giết người,” ông ta nói.

Rồi ông ta cười chế nhạo tôi.

Xin chào, tôi nghĩ. Hay ho đây.

Chúng tôi lái xe trên đường M4 khoảng một tiếng, rồi dừng lại đâu đó gần Reading, chắc vậy. Tôi cũng muốn kể chính xác số giao lộ và ngã rẽ mà chúng tôi đã đi, nhưng bởi vì hầu như suốt hành trình tôi nằm trên sàn của chiếc Ngoại giao, mặt bị úp xuống thảm nên dòng dữ liệu chảy vào bị chặn

đôi chút. Cái thảm màu xanh thẫm, có mùi chanh, nếu như thông tin đó là hữu ích.

Xe chạy chậm lại khoảng mười lăm phút cuối, nhưng có thể là do đường đông, do sương mù, hay do có hươu cao cổ ở trên đường, tôi chỉ đoán vậy.

Rồi chúng tôi tới một con đường rải sỏi, và tôi tự nhủ, chẳng còn lâu nữa đâu. Tỉ như nếu anh có cào hết sỏi trên các con đường của nước Anh thì chắc cũng chỉ đủ để đầy một ba lô. Tôi nghĩ rằng kể từ giờ mình có thể được thả ra ngoài bất cứ lúc nào, trong tầm vọng của âm thanh đường cao tốc.

Nhưng đó không phải một chuyến xe thông thường.

Chiếc xe cứ đi mãi, đi mãi. Rồi lại đi mãi, đi mãi. Và, khi tôi nghĩ chúng tôi đang ở một góc cua và sẽ tấp vào lề đường, nó vẫn cứ đi, đi mãi.

Cuối cùng, chúng tôi cũng dừng lại.

Sau đó chúng tôi lại bắt đầu, và đi mãi đi mãi.

Tôi bắt đầu nghĩ có thể đó không phải là một chuyến xe nữa; có thể chỉ là chiếc Lincoln Ngoại giao đã được thiết kế, với trình độ kỹ thuật sản xuất chính xác tuyệt vời, để cho nó rã ra thành từng miếng nhỏ ngay khi vượt quá hạn bảo hành cây số; có lẽ âm thanh mà tôi đang nghe thấy bây giờ, cái âm thanh sắc gọn nảy trên vành bánh, là tiếng những mẫu khung xe.

Và rồi, cuối cùng, chúng tôi dừng lại. Tôi biết lần này thì chúng tôi đã dừng lại hẳn, bởi vì cái giày cỡ mười hai đè trên gáy tôi giờ đây đã có đủ động lực để dịch ra khỏi đó mà bước ra ngoài xe. Tôi ngóc đầu dậy, ngó qua cánh cửa mở.

Đây là một ngôi nhà lớn. Một ngôi nhà rất lớn. Tất nhiên là ở cuối một chặng đường như thế thì chẳng thể nào có kiểu hai trên hai dưới được; nhưng dẫu thế đây vẫn là một ngôi nhà lớn. Khoảng cuối thế kỷ mười chín,

tôi cho là thế, nhưng bắt chước những mẫu sớm hơn, với rất nhiều nét kiến trúc Pháp lồng vào thêm. Hừm, không phải lồng vào, tất nhiên rồi, mà được âu yếm câu mạch và dựng chóp nhọn, tạo gờ cong và lấp mộng, tạo góc xiên và làm vát góc, rất có thể bởi tay những gã đã thiết kế hàng rào nhà Quốc hội.

Tay nha sĩ của tôi để rất nhiều tạp chí *Đời sống Nông thôn* cũ ở quanh phòng chờ của hắn, nên tôi có biết sơ về giá cả của một chỗ như thế này. Bốn mươi phòng ngủ, cách Luân Đôn khoảng một tiếng lái xe. Một khoản tiền ngoài sức tưởng tượng. Thực tế là ngoài của ngoài sức tưởng tượng.

Tôi đang bắt đầu tính vu vơ số lượng bóng đèn cần thiết cho một chỗ như thế này, thì một gã Carl túm cổ áo lôi tôi ra khỏi xe, để không như lôi một cái túi đựng gậy chơi gôn mà chẳng có mấy cây gậy trong đó.

Mười Ba

Đàn ông ngoài bốn mươi đều là bọn vô lại.

GEORGE BERNARD SHAW

Tôi được dẫn vào một căn phòng. Một căn phòng màu đỏ. Giấy dán tường đỏ, rèm cửa đỏ, thảm đỏ. Họ nói đây là phòng ngồi chơi, nhưng tôi không hiểu sao họ lại quyết định giới hạn mục đích cho nó chỉ là để ngồi. Hiển nhiên, ngồi là một trong những việc anh có thể làm trong căn phòng cỡ này; nhưng anh còn có thể làm sân khấu nhạc kịch, tổ chức đua xe đạp và chơi một ván ném đĩa nhựa ra trò, tất cả các trò đó cùng một lúc, mà không phải di chuyển bất cứ thứ đồ nào.

Trời có thể mưa trong căn phòng rộng thế này.

Tôi dừng ở cửa một lúc, ngắm những bức họa, những cái đế gạt tàn thuốc, những thứ kiểu như thế, rồi thấy chán, tôi liền đi về phía chiếc lò sưởi ở đầu đằng kia. Đi được nửa chừng, tôi phải dừng lại ngồi xuống, bởi vì tôi không còn trẻ như ngày xưa nữa, và khi tôi làm thế một cánh cửa đôi nữa mở ra, có tiếng thì thầm giữa một Carl và một người đáng quản gia mặc quần kẻ sọc màu xám, áo khoác đen.

Cả hai thì thoảng liếc về phía tôi, rồi Carl gạt đầu và rời khỏi phòng.

Gã quản gia bắt đầu quay về phía tôi, một cách khá là suồng sã, tôi nghĩ thế, rồi gọi to ở khoảng cách hai trăm mét: “Ông muốn uống gì đó không, ông Lang?”

Tôi không cần nghĩ lâu lắm. “Cho tôi Scotch,” tôi hét lại.

Cho mà biết nhé.

Ở khoảng một trăm mét, ông ta dừng lại ở một cái bàn và mở chiếc hộp bạc nhỏ, rút ra một điều thuốc mà không thèm nhìn xem bên trong còn điều nào không. Ông ta châm lửa, và tiếp tục đi tới.

Khi ông ta tới gần hơn, tôi thấy ông ta khoảng chừng năm mươi, trông điển trai theo kiểu người hay ở trong nhà, và khuôn mặt có một thứ ánh sáng kỳ lạ. Ánh sáng phản chiếu từ những bóng đèn tường và đèn chùm nhảy múa trên trán ông ta, bởi thế ông ta gần như sáng lấp lánh khi di chuyển. Dù sao tôi biết đó không phải là mồ hôi, hay dầu, đó chỉ là ánh sáng.

Khi gần lại thêm mười mét nữa, ông ta mỉm cười với tôi, rồi chìa một tay ra, và cứ giữ nguyên như thế khi bước tới để rồi, trước khi kịp nhận ra, tôi đã đứng yên và sẵn sàng đón nhận ông ta như một người bạn cũ.

Cái nắm tay của ông ta ấm và khô ráo. Ông ta nắm lấy khuỷu tay tôi dẫn lại ghế Sofa, ngồi xuống sát tôi tới mức đầu gối chúng tôi gần chạm vào nhau. Nếu ông ta luôn ngồi gần khách khứa như thế này thì tôi phải nói rằng tiền ông ta đầu tư cho căn phòng thật là uổng.

“Giết người,” ông ta nói.

Lặng yên một lúc. Tôi chắc rằng anh hiểu tại sao.

“Xin lỗi ông nói gì?” Tôi hỏi.

“Naimh Murdah,” ông ta nói, rồi nhìn một cách kiên nhẫn trong khi tôi sắp xếp lại cách đánh vần của nó trong đầu. “Một vinh hạnh lớn. Vinh hạnh lớn.”

Tiếng nói của ông ta nhẹ nhàng, giọng điệu nghe có giáo dục. Tôi có cảm giác rằng ông ta cũng nói tốt cả tá ngôn ngữ khác. Ông ta gẩy tàn thuốc một cách lơ đãng về phía cái gạt tàn, rồi nghiêng người về phía tôi.

“Russell đã nói với tôi rất nhiều về ông. Và tôi phải nói rằng, tôi rất mừng cho ông.”

Ngồi gần thế này, tôi nhận ra hai điều về ông Murdah: ông ta không phải là quản gia; và cái ánh sáng trên mặt ông ta chính là tiền.

Không phải nó được tạo nên bởi tiền, hoặc được mua bằng tiền. Đơn giản nó là tiền. Tiền mà ông ta đã ăn, đã mặc, đã lái, đã thở, với khối lượng như thế và trong một khoảng thời gian dài như vậy đã bắt đầu tiết ra từ các lỗ chân lông trên da ông ta. Anh có thể nghĩ rằng không thể, nhưng thực sự là tiền đã làm ông ta đẹp đẽ.

Ông ta đang cười.

“Thực sự là rất mừng, đúng vậy. Ông biết không, Russell là một người tốt bụng. Thực sự rất tốt bụng. Nhưng đôi khi tôi nghĩ điều đó làm ông ta dễ bị nản chí. Có thể nói là ông ta có khuynh hướng trở nên kiêu ngạo. Và ông, ông Lang, tôi có cảm giác ông bổ sung tốt cho một người như thế.”

Đôi mắt sẫm màu. Cục kỳ sẫm màu. Với những đường viền sẫm ở mí mắt, hẳn phải do trang điểm, nhưng không phải thế.

“Ông, tôi nghĩ,” Murdah nói, vẫn tươi cười rạng rỡ, “ông làm nản lòng nhiều người. Tôi nghĩ có lẽ đó là lý do tại sao Thượng đế đưa ông đến với chúng tôi, ông Lang. Phải thế không?”

Tôi bèn phá lên cười. Chẳng biết bởi cái chết tiệt gì, vì ông ta chưa nói gì buồn cười cả. Nhưng tôi đã thế đấy, cười như một thằng say ngớ ngẩn.

Một cánh cửa mở ra đâu đó, rồi đột nhiên một khay đựng whisky đã ở giữa chúng tôi, một người hầu gái mặc đồ đen mang nó ra. Chúng tôi mỗi người lấy một cốc, và người hầu gái đợi trong khi Murdah rót ngập soda còn tôi chỉ cho một chút thôi. Cô ta bước ra mà chẳng mím cười hay gật đầu. Chẳng hề thốt ra bất cứ âm thanh nào.

Làm một ngụm lớn Scotch, tôi thấy chệnh choáng gần như ngay trước khi nuốt hết.

“Ông là lái buôn vũ khí,” tôi nói.

Không biết chắc mình chờ đợi phản ứng như thế nào, nhưng tôi đã chờ một điều gì đó. Tôi nghĩ ông ta sẽ ngần ngại, hoặc đỏ mặt, hoặc nổi giận, hoặc cho người bắn chết tôi, bất cứ điều gì trong số những điều kể trên, nhưng chẳng có gì cả. Thậm chí cũng chẳng có một chút ngập ngừng. Ông ta cứ tiếp tục như thể đã biết trước những điều tôi sắp nói cả vài năm rồi.

“Đúng thế đấy, ông Lang ạ. Đó là tội lỗi của tôi.”

Chà, tôi nghĩ. Thế mới đáng yêu làm sao. Tôi là đầu nậu vũ khí và đó là tội lỗi của tôi. Nó giàu có, như chính ông ta vậy.

Ông ta cụp mắt xuống với một vẻ khiêm nhường.

“Đúng thế, tôi mua bán vũ khí,” ông ta nói. “Phải nói rằng khá thành công, tôi nghĩ vậy. Tất nhiên, ông cũng như nhiều đồng bào của ông, không đồng tình với tôi, và đó là một trong những hình phạt đối với nghề nghiệp của tôi. Điều mà tôi phải chịu đựng, nếu tôi có thể.”

Tôi tưởng ông ta đang lấy tôi ra làm trò cười, nhưng có vẻ không phải thế. Có vẻ như sự không đồng tình của tôi làm ông ta cảm thấy buồn phiền.

“Tôi đã xem xét lại cuộc đời và cách ứng xử của mình, với sự giúp đỡ của rất nhiều người bạn là những người có tín ngưỡng. Và tôi tin tôi có thể trả lời với Thượng đế. Trên thực tế - nếu tôi có thể đoán trước được những câu hỏi của ông - tôi tin rằng tôi *chỉ* có thể trả lời với Thượng đế. Nên ông có phiền không nếu chúng ta dời gót một chút?” Ông ta lại cười. Âm áp, hời hợt một cách duyên dáng. Ông ta ứng phó với tôi như thể vẫn thường xuyên phải ứng phó với những người như tôi - như thể ông ta là một tài tử điện ảnh lịch lãm, và tôi hỏi xin chữ ký của ông ta vào một thời điểm trái khoáy vậy.

“Đồ đặc đẹp lắm,” tôi nói.

Chúng tôi đang du hành một chuyến vòng quanh căn phòng. Duỗi chân căng, hít thở, tiêu hóa một phần bữa ăn đồ sộ mà phần nhiều còn chưa động dao nĩa tới. Để hoàn thiện bức tranh, đứng ra chúng tôi cần một cặp chó đi lòng vòng quanh chân và một cánh cổng để dựa vào. Chúng tôi không có những thứ đó, bởi vậy tôi thử thay thế chúng bằng đồ đạc.

“Đó là hàng Boulle,” Murdah nói, chỉ vào cái tủ gỗ lớn dưới khuỷu tay tôi. Tôi gật đầu, cùng cái kiểu gật đầu khi người ta nói cho tôi nghe tên của những loài thực vật, và lịch sự nghiêng đầu về phía những khám đồng rồi rầm trên đó.

“Họ lấy một tấm gỗ mặt và một tấm đồng, dính chúng vào nhau, rồi khắc những hoa văn ngay trên đó. Cái đó,” ông ta chỉ về một cái tủ có vẻ cùng bộ, “là một *contre* Boulle. Ông thấy không? Hoàn toàn tương phản. Không có gì thừa thãi cả.”

Tôi gật đầu ra chiều ngẫm ngợi, và ngó đi ngó lại hai món đó, cố tưởng tượng xem mình cần có bao nhiêu cái xe máy trước khi quyết định dùng tiền vào những món như thế này.

Murdah dường như đã đi lại đủ, bèn quay lại ghé sofa. Cách ông ta di chuyển như nói lên rằng chiếc hộp khô hài đã gần như trống không.

“Hai hình ảnh đối lập của cùng một vật, ông Lang ạ,” ông ta nói, lấy thêm một điều thuốc nữa. “Ông có thể nói, nếu ông muốn, rằng những cái tủ đó giống y những vấn đề nhỏ của chúng ta.”

“Vâng, tôi có thể.” Tôi chờ đợi, nhưng ông ta chưa sẵn sàng diễn giải. “Tất nhiên, tôi muốn biết sơ qua ông đang nói về điều gì trước.”

Ông ta quay lại phía tôi. Ánh sáng trên mặt vẫn còn đó, và cái vẻ điển trai của người quen ở trong nhà cũng vậy. Nhưng sự gần gũi thân mật giờ đã lụi tắt, có thối phù phù vào lò cũng không làm ai ấm cả.

“Tôi đang nói về, ông Lang ạ, về Nghiên cứu Sau Đại học, hiển nhiên rồi.” Ông ta có vẻ ngạc nhiên.

“Tất nhiên,” tôi nói.

“Tôi có liên quan với một nhóm người nhất định,” Murdah nói.

Ông ta đang đứng trước mặt tôi, hai cánh tay dang rộng theo cử chỉ chào-mừng-đến-với-viễn-cảnh-của-tôi mà các chính trị gia ngày nay thường dùng, trong khi tôi uể oải ngồi trên sofa. Mặt khác, đã có chút gì đó thay đổi, nếu không thì hẳn phải có ai đó đang rán cá ở đâu đây. Thứ mùi đó không thuộc về căn phòng này.

“Những người này,” ông ta tiếp tục, “trong nhiều trường hợp, là bạn bè của tôi. Những người tôi đã có mối quan hệ công việc trong nhiều, nhiều năm. Họ là những người tin tưởng tôi, họ dựa vào tôi. Ông có hiểu không?”

Tất nhiên, ông ta không hỏi tôi có hiểu mối quan hệ cụ thể đó hay không. Ông ta chỉ muốn biết những từ kiểu như Tin tưởng, Đáng tin còn có ý nghĩa ở nơi tôi sống không thôi. Tôi gật đầu để nói rằng có, tôi có thể đánh vần những từ đó lúc khẩn cấp.

“Như một cử chỉ bạn hữu đối với những người đó, tôi tự nhận về mình một số nguy hiểm. Điều này là khá hãn hữu với tôi.” Điều đó, tôi nghĩ, là một trò đùa, bởi vậy tôi mỉm cười, thấy vậy ông ta có vẻ hài lòng. “Với tư cách cá nhân, tôi đã đứng ra bảo lãnh cho một thương vụ với một số lượng hàng hóa.” Ông ta ngừng nói mà nhìn tôi, muốn thấy phản ứng nào đó. “Tôi nghĩ có lẽ ông đã quen thuộc với bản chất của loại hàng hóa đó?”

“Trực thăng,” tôi nói. Có vẻ tới đoạn này rồi thì giả ngô nghệ không có ích lợi gì.

“Trực thăng, chính xác,” Murdah nói. “Phải nói với ông rằng bản thân tôi không thích thứ đó, nhưng tôi nghe người ta nói rằng nó có vài chức năng

cực hay.” Ông ta bắt đầu hơi thiếu nghiêm chỉnh với tôi, tôi nghĩ thế - và làm ra vẻ thật tâm chán ghét những thứ máy móc dầu mỡ thô lậu đã đem lại cho ông ta căn nhà này, và theo như tôi hiểu, còn hàng tá thứ khác như thế này nữa - bởi thế tôi quyết định thử nói toạc mọi thứ ra, với tư cách một con người bình thường.

“Chắc chắn rồi,” tôi nói. “Loại mà ông đang bán có thể phá hủy một ngôi làng bình thường trong vòng chưa đến một phút, cùng với tất cả cư dân ở đây, rõ là thế.”

Ông ta nhắm mắt lại trong một giây, như thể mỗi suy nghĩ về điều đó làm ông ta đau đớn, mà có lẽ thế thật. Nếu thế thì nó cũng không lâu cho lắm.

“Như tôi đã nói, ông Lang, tôi không nghĩ tôi phải phán xét bản thân mình trước ông. Tôi không quan tâm tới việc món hàng được ứng dụng vào việc gì. Mỗi quan tâm của tôi, vì các bạn bè của tôi, và cũng vì tôi nữa, là món hàng tới được tay khách hàng.” Ông ta chắp hai tay vào nhau và chờ đợi. Như thế mọi thứ bây giờ là vấn đề của tôi.

“Thế thì quảng cáo đi,” tôi nói, sau một lúc. “Mặt sau của tờ *Đồ dùng của Phụ nữ* ấy.”

“Hừm, ” ông ta nói. Như thể tôi là một thằng ngớ ngẩn. “Ông không phải là một thương gia, ông Lang ạ.”

Tôi nhún vai.

“Còn tôi là thương gia, ông biết đấy,” ông ta tiếp tục. “Nên tôi nghĩ ông phải tin tôi để biết về thị trường của chính tôi.” Một ý nghĩ dường như vừa lóe lên trong ông ta. “Dù sao, tôi cũng chẳng nên mạo muội khuyên ông cách tốt nhất để...” Và rồi ông ta nhận ra rằng ông ta tắc tị, bởi vì chẳng có gì trong hồ sơ của tôi chỉ ra rằng tôi biết cách tốt nhất để làm bất cứ chuyện gì.

“Để lái xe máy chẳng?” Tôi đỡ lời, với vẻ bợ đỡ. Ông ta mỉm cười.

“Như ông nói.” Ông ta lại ngồi xuống ghế. Lần này xa hơn. “Sản phẩm mà tôi đang buôn bán đòi hỏi cách tiếp cận phức tạp hơn, tôi nghĩ thế, so với trên những trang tạp chí *Đồ dùng của Phụ nữ*. Nếu ông sản xuất bẫy chuột, thì như ông nói, ông quảng cáo nó như một loại bẫy chuột mới. Mặt khác,” ông ta đưa tay kia ra, để cho tôi xem cái tay kia trông thế nào, “nếu ông đang cố bán bẫy rắn, thì điều đầu tiên ông phải làm là giải thích tại sao rắn lại là thứ xấu xa. Tại sao chúng phải bị đánh bẫy. Ông vẫn nghe tôi đấy chứ? Rồi, lâu, rất lâu sau đó, ông tới mang theo sản phẩm của mình. Ông thấy thế có lý chứ?” Ông ta mỉm cười nhẵn nại.

“Vì thế,” tôi nói, “ông sắp tài trợ cho một hoạt động khủng bố, và để cho cái đồ chơi nhỏ của ông làm công việc của nó trên bản tin chín giờ. Tôi biết tất cả những chuyện này. Rusty biết rằng tôi biết những chuyện này.” Tôi liếc đồng hồ đeo tay, cố làm như thể sắp có cuộc hẹn với một tay buôn vũ khí khác trong vòng mười phút nữa. Nhưng Murdah không phải loại người để người ta có thể giục nhanh lên hay chậm lại.

“Điều đó, về cơ bản, chính xác là những gì tôi định làm,” ông ta nói.

“Và chính xác, vị trí của tôi trong chuyện này là ở chỗ nào? Ý tôi là, đó là những thứ ông nói với tôi, thế tôi phải làm gì với những thông tin đó đây? Ghi vào trong nhật ký của tôi à? Sáng tác một bài hát về nó? Hay là sao?”

Murdah nhìn tôi một lúc, rồi hít vào một hơi sâu và thở ra nhẹ nhàng, cân trọng qua mũi, như thể ông ta đang học thở.

“Ông, ông Lang ạ, ông sẽ thực hiện vụ khủng bố này cho chúng tôi.”

Im lặng. Im lặng một lúc lâu. Chóng mặt vì bề ngang. Những bức tường của căn phòng rộng lớn này như châu đầu vào trong, rồi lại tỏa ra, làm cho tôi cảm thấy mình nhỏ bé hơn, yếu đuối chưa từng thấy.

“À há,” tôi nói.

Lại im bật. Mùi cá rán nồng hơn bao giờ hết.

“Tôi có thể nói gì trong chuyện này không?” Tôi rên rỉ. Cỗ họng tôi, vì một lý do nào đó, đang gây phiền phức cho tôi. “Ý tôi là, nếu như tôi định nói, ví dụ như, tiên sư bố ông và họ hàng hang hốc nhà ông, thì đại khái chuyện gì có thể xảy đến, với bảng giá của ngày hôm nay?”

Lần này tới lượt Murdah giờ bài liếc-nhìn-đồng-hồ. Có vẻ như ông ta đột nhiên trở nên buồn chán, chẳng muốn cười một chút nào nữa.

“Điều đó, ông Lang ạ, tôi nghĩ không phải là một lựa chọn mà ông phải phí thời gian để tâm làm gì.”

Cảm thấy có luồng gió mát hơn sau gáy, tôi quay người lại thì thấy Barnes và Lucas đang đứng cạnh cửa. Barnes nhìn có vẻ thoải mái, Lucas thì không. Murdah gật đầu, và hai anh chàng người Mỹ tiến lên, đứng hai bên ghé cạnh ông ta. Đối mặt với tôi. Murdah chìa tay ra, lòng bàn tay ngửa lên, trước mặt Lucas, mà không nhìn vào anh ta.

Lucas lật nắp túi áo khoác lấy ra một khẩu tự động. Một khẩu Steyr, tôi nghĩ. 9 ly. Điều đó chẳng thành vấn đề. Anh ta nhẹ nhàng đặt khẩu súng vào tay Murdah, rồi quay về phía tôi, hai mắt mở to để biểu thị một ý gì mà tôi không tài nào suy luận được.

“Ông Lang,” Murdah nói, “có sự an nguy của hai người mà ông phải quan tâm tới. Của bản thân ông, tất nhiên rồi, và của cô Woolf. Tôi không biết cái gì có thể đặt cao hơn sự an nguy của ông, nhưng tôi nghĩ nếu ông đặt sự an nguy của cô ấy lên trên thì đó chỉ có thể là chuyện yêu đương. Và tôi muốn ông cân nhắc sự an nguy của cô ấy thật kỹ lưỡng.” Ông ta đột nhiên tươi cười, như thể những gì tôi tặc nhát đã qua đi. “Nhưng, tất nhiên, tôi không mong chờ ông làm điều đó mà không có một lý do chính đáng.”

Vừa nói ông ta vừa kéo kim hỏa lên, và nhướn cằm về phía tôi, khẩu súng lỏng lẻo trong tay ông ta. Mồ hôi túa ra từ hai lòng bàn tay và cổ họng tôi cứng đờ. Tôi chờ đợi. Bởi vì đó là tất cả những gì tôi có thể làm.

Murdah dò xét tôi một lúc. Rồi ông ta vờ tay ra, ấn họng súng vào bên cổ của Lucas, bắn hai phát.

Chuyện đó xảy ra quá nhanh, quá bất ngờ, quá vô lý, cho nên trong một phần mười giây tôi đã muốn phá lên cười. Có ba người đang đứng đó, rồi có tiếng pằng pằng, và rồi chỉ còn hai. Thực sự nực cười.

Tôi nhận ra rằng mình đã tè ra quần. Không nhiều. Nhưng đủ.

Tôi chớp mắt một cái, và nhìn thấy Murdah đã đưa khẩu súng lại cho Barnes, anh ta đang ra dấu về phía cánh cửa sau lưng tôi.

“Tại sao ông ta làm thế? Tại sao lại có người làm điều tồi tệ như thế?”

Có lẽ đó là giọng tôi, nhưng không phải. Đó là giọng Murdah. Mềm mỏng và bình tĩnh, hoàn toàn kiểm soát. “Đó là một điều tồi tệ, ông Lang ạ,” ông ta nói. “Tồi tệ. Tồi tệ, bởi vì nó không có nguyên do. Mà chúng ta thì luôn luôn muốn tìm nguyên nhân của một cái chết. Ông đồng ý không?”

Tôi ngược nhìn khuôn mặt ông ta, nhưng không thể tập trung vào nó. Nó tới rồi đi, giống như giọng nói của ông ta, vừa như ở ngay bên tai tôi, vừa như ở xa hàng dặm.

“Chà, hãy nói với nhau rằng mặc dù anh ta chẳng có lý do gì phải chết, tôi vẫn có một lý do để giết anh ta. Như thế tốt hơn, tôi nghĩ thế. Tôi giết anh ta, ông Lang ạ, để chỉ cho ông thấy một điều, và chỉ một điều thôi.” Ông ta ngừng lại. “Để chỉ cho ông thấy rằng tôi có thể làm thế.”

Ông ta nhìn xuống xác Lucas, và tôi nhìn theo ánh mắt ông ta. Đó là phía bị bắn. Nòng súng quá gần với thịt cho nên khí thoát ra theo viên đạn vào

trong , làm chỗ bị bắn phòng đen trông thật kinh khủng. Tôi không thể nhìn vào đó lâu được.

“Ông có hiểu điều tôi đang nói không?”

Ông ta nghiêng người ra phía trước, đầu ngả về một bên. “Người này,” Murdah nói, “là một nhà ngoại giao chính thức của Mỹ, một nhân viên Bộ Ngoại giao Mỹ. Tôi chắc là anh ta có nhiều bạn bè, một người vợ, có lẽ thậm chí có vài đứa con. Vì lẽ đó mà không thể cho một người như anh ta biến mất, đơn giản là biến mất hay sao? Tan biến?”

Những người đàn ông đang lom khom trước mặt tôi, áo khoác sột soạt trong khi họ ra sức lôi xác Lucas đi. Tôi ép mình phải lắng nghe Murdah.

“Tôi muốn ông nhìn thấy sự thật, ông Lang. Và sự thật là nếu tôi muốn anh ta biến mất thì sẽ là như thế. Tôi bắn chết một người ở đây, ngay trong nhà tôi, để máu anh ta chảy ra tấm thảm của tôi, bởi vì đó là điều tôi muốn. Và không ai ngăn được tôi. Không cảnh sát, không mật vụ, không bạn hữu nào của ông Lucas. Và hiển nhiên không phải ông. Ông nghe tôi đấy chứ?”

Tôi lại ngẩng lên nhìn ông ta lần nữa, và thấy mặt ông ta rõ hơn.

Đôi mắt sẫm màu. Ánh sáng trên khuôn mặt. Ông ta vuốt thẳng chiếc cà vạt.

“Ông Lang,” ông ta nói, “thế tôi đã cho ông lý do để nghĩ về sự an toàn của cô Woolf hay chưa?”

Tôi gật đầu.

Họ lái xe chở tôi quay lại Luân Đôn, ấn tôi xuống thảm chiếc Ngoại giao, và quảng tôi ra một chỗ phía Nam con sông. Tôi qua cầu Waterloo và đi dọc phố Strand, thi thoảng dừng lại đâu đó chẳng vì lý do gì, đôi khi thả xu vào tay mấy người ăn xin mười- tám-tuổi, và mong muốn cái thực tế này

trở thành một giấc mơ, nhiều hơn bất cứ lúc nào tôi đã từng mong muốn một giấc mơ trở thành hiện thực.

Mike Lucas đã bảo tôi phải cẩn thận. Anh ta đã nhận lấy nguy hiểm để nhắc tôi phải cẩn thận. Tôi không hề quen người đàn ông đó, cũng không yêu cầu anh ta phải nhận lấy nguy hiểm thay tôi, nhưng dù sao anh ta cũng đã làm điều đó bởi vì anh ta là người tử tế và không thích những nơi công việc bắt anh ta phải tới, và cũng không muốn tôi bị đưa tới đó.

Pằng pằng.

Không quay trở lại. Trái đất không ngừng quay.

Tôi thấy thương bản thân, thương Mike Lucas, thương cả những người hành khất nữa, nhưng tôi thực sự thương hại bản thân mình, và điều đó phải dừng lại. Tôi bắt đầu bước về nhà.

Tôi chẳng còn lý do nào để lo lắng khi trở về căn hộ của mình nữa, kể từ khi tất cả những người tôi phải để ý gắt gao suốt tuần qua giờ đây đã lộ lộ ngay trước mặt. Ngủ trên giường của chính mình giờ đây là cách duy nhất để tôi thoát khỏi những chuyện này. Bởi vậy tôi sai bước nhanh tới Bayswater, và trong khi bước tôi cố nhìn vào khía cạnh đáng cười của vấn đề.

Thật không dễ dàng, và tôi không chắc mình đã làm điều đó một cách đúng đắn, nhưng đó là điều tôi muốn làm khi mọi việc không được tốt. Bởi vì nói mọi việc không được tốt thì có nghĩa lý gì? So sánh với cái gì đây? Anh có thể nói: so sánh với sự việc diễn ra một vài giờ trước đó, hoặc vài năm trước đó. Nhưng đó không phải mấu chốt. Nếu như hai chiếc xe ô tô cùng phóng nhanh tới một bức tường gạch mà không phanh, và một chiếc húc vào tường trong một khoảnh khắc trước chiếc kia, anh không thể thêm khoảnh khắc đó vào để nói chiếc xe thứ hai tốt hơn rất nhiều so với chiếc thứ nhất.

Chết chóc và thảm họa ngự trên vai chúng ta từng giây của cuộc đời, cố gắng túm lấy chúng ta. Chúng ta thoát, rất nhiều lần. Rất nhiều dặm đường trên xa lộ mà lốp trước không bị nổ. Rất nhiều vi rút đã chui vào người mà không đục khoét gì. Rất nhiều đàn dương cầm rơi xuống chỉ một phút sau khi chúng ta đã đi qua. Hoặc một tháng, cũng chẳng có khác biệt gì.

Bởi vậy, trừ khi chúng ta quỳ xuống cảm ơn mỗi lần tai họa giáng trượt, thì việc rên rỉ lúc nó đánh trúng chẳng có nghĩa gì. Với chúng ta, hoặc với một người nào khác. Bởi vì chúng ta không so sánh nó với bất cứ thứ gì.

Và dù sao đi nữa, chúng ta đều chết, hoặc chưa từng được sinh ra, và mọi chuyện thực ra chỉ là một giấc mơ.

Thế đó, anh thấy không. Đó là mặt đáng cười.

Mười Bốn

Thế là tự do giờ chẳng mấy khi thức giấc, Nhịp đập duy nhất của người, là khi có trái tim cảm phần nào tan vỡ, Để cho thấy rằng người vẫn sống.

THOMAS MOORE

Có hai thứ đồ trên phố nhà tôi mà tôi không nghĩ sẽ nhìn thấy khi quay về. Một là chiếc Kawasaki của tôi, trầy xước, dính máu, nhưng ngoài ra thì hình dạng trông vẫn ngon nghề. Thứ còn lại là một chiếc TVR màu đỏ tươi.

Ronnie đang ngủ sau tay lái, áo khoác kéo lên tận mũi. Tôi mở cửa bên kia và trườn vào ngồi cạnh cô. Cô ngóc đầu lên liếc nhìn tôi.

“Chào,” tôi nói.

“Chào.” Cô chớp mắt vài lần và nhìn ra đường. “Chúa ơi, giờ là mấy giờ? Tôi chết cóng rồi.”

“Một giờ kém mười lăm. Vào trong nhà một lát không?”

Cô nghĩ ngợi.

“Anh sốt sáng nhỉ, Thomas.”

“Tôi sốt sáng ấy à?” Tôi nói. “Hừm, cũng còn tùy, phải không?” Tôi lại mở cửa xe.

“Tùy cái gì?”

“Tùy vào việc liệu cô đã lái xe đến đây hay là tôi đã xây lại phố tôi xung quanh xe cô.”

Cô nghĩ thêm một chút nữa. “Tôi rất muốn được tợp một tách trà.”

Chúng tôi ngồi trong bếp, không nói nhiều lắm, chỉ uống trà và hút thuốc. Tâm trí Ronnie đang để ở đâu đó, và với trình độ đoán a ma tơ, tôi có thể nói rằng trước đó cô đã khóc suốt. Hoặc thế, hoặc là cô đã cố tạo hiệu ứng nghệ thuật nham nhở bằng thuốc chuốt mi. Tôi mời cô uống một chút Scotch nhưng cô không hứng thú, bởi vậy tôi uống một mình cho đến khi trong chai còn bốn giọt cuối cùng và cố giữ chúng ở đó. Tôi gắng tập trung vào cô, để tổng Lucas, Barnes và Murdah ra khỏi đầu, bởi vì cô đang đau khổ và đang ở trong căn phòng này. Những người kia thì không.

“Thomas, tôi hỏi anh điều này được không?”

“Tất nhiên.”

“Anh có phải là dân đồng tính không?”

Thật là... Cú giao bóng đầu tiên ra tuốt luốt ngoài sân rồi. Đáng ra phải nói về phim ảnh, kịch cợt, hoặc những đường trượt tuyết yêu thích. Phải nói những chuyện kiểu thế mới phải chứ.

“Không, Ronnie, tôi không phải dân đồng tính,” tôi nói. “Còn cô?”

“Không.”

Cô dán mắt vào cái cốc. Nhưng tôi dùng trà túi lọc, nên cô sẽ không tìm thấy bất cứ câu trả lời nào ở đó.

“Chuyện gì đã xảy ra với anh chàng tên gì ấy nhỉ?” Tôi vừa nói vừa châm một điếu thuốc.

“Philip. Anh ấy đang ngủ. Hoặc đi đâu đó. Tôi không rõ. Không quan tâm nhiều, thành thực mà nói.”

“Nào, Ronnie. Tôi nghĩ cô chỉ nói thế thôi.”

“Không, thật mà. Tôi cóc quan tâm đến Philip.”

Luôn có cái gì đó phẩn khích đến lạ lùng khi nghe một người phụ nữ vốn ăn nói đàng hoàng lại chửi thề.

“Hai người bất hòa phải không?” Tôi nói.

“Chúng tôi chia tay rồi.”

“Là chuyện xích mích thôi, Ronnie.”

“Tôi có thể ngủ với anh tối nay được không?” Cô nói.

Tôi chớp mắt. Và rồi, để chắc chắn rằng không phải chỉ là do tôi tưởng tượng ra, tôi chớp mắt lần nữa.

“Cô muốn ngủ với tôi sao?” Tôi nói.

“Vâng.”

“Ý cô không chỉ là ngủ cùng lúc với tôi, mà là ngủ cùng giường á?”

“Đi mà.”

“Ronnie...”

“Tôi sẽ để nguyên quần áo nếu anh muốn thế. Thomas, đừng để tôi phải xin thêm lần nữa. Điều đó quá tồi tệ cho lòng tự trọng của người phụ nữ.”

“Nó quá tốt cho một người đàn ông.”

“Ôi, im đi.” Cô giấu mặt sau chiếc cốc. “Tôi sẽ biến đi ngay bây giờ.”

“Ha ha, có tác dụng,” tôi nói.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đứng dậy đi vào phòng ngủ.

Vậy là cô cứ để nguyên quần áo như thế nên tôi cũng làm vậy. Cả hai nằm cạnh nhau trên giường và nhìn lên trần nhà một lúc, khi thấy “một lúc” đó cũng đủ lâu rồi, tôi với tay ra, cầm lấy bàn tay cô. Nó ấm áp, khô ráo, chạm vào thật dễ chịu.

“Đang nghĩ gì thế?”

Thành thực mà nói, tôi không thể nhớ ai trong chúng tôi đã nói câu đó trước. Cả hai cùng nói câu đó khoảng năm mươi lần trước khi trời sáng.
“Không gì cả.”

Chúng tôi cũng cùng nói câu đó nhiều lần.

Ronnie không hạnh phúc, câu chuyện là như thế. Tôi không thể nói rằng cô đã tuôn một mạch cả câu chuyện cuộc đời cô lên tôi. Nó được kể với những đoạn lạc lõng, và những khoảng trống dài ở giữa, giống như đang ở một câu lạc bộ sách giảm giá vậy, nhưng tới khi chiến chiến thức giấc thay thế sơn ca thì tôi đã biết được chút ít.

Cô là con thứ, điều đó có lẽ sẽ làm cho nhiều người thốt lên “chà, thế mà, thấy chưa?”, nhưng tôi cũng thế, và điều đó chẳng làm tôi để tâm gì. Bố cô làm việc ở City, chuyên bòn rút tiền của người nghèo, và anh em trai cô có vẻ như cũng nối nghiệp cha theo hướng đó. Từ khi Ronnie còn là cô bé, mẹ cô đã đâm ra có thú câu cá ngoài đại dương, kể từ đó bà cứ một năm sáu tháng vui thú ở các đại dương xa xôi trong khi bố cô thì bò bịch. Ronnie không nói là ở đâu.

“Đang nghĩ gì thế?” Lần này là cô hỏi.

“Không,” tôi đáp.

“Thôi nào.”

“Tôi không biết. Chỉ... nghĩ thôi.”

Tôi vuốt nhẹ tay cô.

“Về Sarah phải không?”

Tôi biết thế nào cô cũng hỏi điều này. Cho dù tôi đã thận trọng phát quả thứ hai thật thấp, không đề cập tới Philip nữa, để cô không có cơ hội nhắc đến chuyện này.

“Cùng những thứ khác. Ý tôi là những người khác.” Tôi siết nhẹ tay cô.
“Thẳng thắn mà nói, tôi không biết nhiều về người phụ nữ này.”

“Cô ấy thích anh đấy.”

Tôi bật cười.

“Làm gì có chuyện đó. Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau cô ấy nghĩ là tôi đang tìm cách giết bố cô ấy, và lần cuối cùng, suốt cả buổi tối cô ấy chỉ chực ban tặng tôi cọng lông trắng thưởng cho lòng hèn nhát khi đối mặt với kẻ thù.”

Tôi nghĩ là tốt nhất đừng có nói đến đoạn hôn hít trong lúc này.

“Kẻ thù nào?” Ronnie hỏi.

“Chuyện dài lắm.”

“Anh có giọng nói thật hấp dẫn.”

Tôi ngả đầu trên gối nhìn cô. “Ronnie, ở đất nước này, khi ai đó bảo ‘Chuyện dài lắm’ thì đó là cách trả lời lịch sự ngụ ý rằng họ sẽ không nói với cô về chuyện đó.”

Tôi tỉnh dậy. Như thế thì có khả năng là tôi đã ngủ, nhưng tôi không biết nó đã xảy ra khi nào. Tất cả những gì tôi nghĩ được là căn nhà đang bốc cháy.

Tôi nhảy ra khỏi giường, chạy vào bếp thì thấy Ronnie đang rán cháy thịt hun khói trong chảo. Khói từ chảo bay lên đùa giỡn tạo thành từng cột trong ánh nắng rọi qua khe cửa sổ, tiếng Đài Phát thanh số 4 bập bõm đâu đó gần đây. Cô đã tự tìm cho mình cái áo duy nhất còn sạch của tôi, điều đó làm tôi hơi khó chịu một chút bởi vì tôi đã để dành chiếc áo đó cho dịp đặc biệt, chẳng hạn khi cháu nội tôi hai mươi mốt tuổi - nhưng nhìn cô mặc rất đẹp, nên tôi bỏ qua.

“Anh thích món thịt đó không?”

“Giòn,” tôi nói dối, nhìn ra phía sau cô. Tôi chẳng biết nói gì khác cả.

“Anh cứ pha cà phê nếu anh muốn,” cô nói, và quay trở lại với cái chảo rán.

“Cà phê. Đúng rồi.” Tôi bắt đầu vặn nắp một hộp uống liền, nhưng Ronnie chặc lưỡi và hát cầm về phía tủ buýp phê, nơi nàng tiên mua sắm đã ghé qua hồi đêm và để lại bao nhiêu thứ hay ho ở đó.

Mở tủ lạnh, tôi thấy cuộc sống của người nào khác ở đó. Trứng, pho mát, sữa chua, vài miếng thịt bò, sữa, bơ, hai chai rượu trắng. Những thứ tôi chưa bao giờ có trong tủ lạnh suốt ba mươi sáu năm nay. Tôi lấy nước vào ấm và bật công tắc.

“Cô phải để tôi trả tiền những thứ này đây nhé,” tôi nói.

“Ồ, người lớn một tí đi nào.” Cô dùng một tay đập trứng vào thành chảo và làm bữa sáng cho chó trong đó. Còn tôi thì không nuôi chó.

“Chẳng phải giờ này cô nên đến phòng tranh rồi ư?” Tôi hỏi trong khi múc cà phê vào một cái bình. Mọi thứ đều có vẻ là lạ.

“Tôi gọi điện báo Terry là xe bị hỏng rồi. Phan không ăn, nên không biết tôi sẽ tới muộn chừng nào.”

Tôi nghĩ một lúc.

“Nhưng nếu phanh xe bị hỏng thì chắc chắn cô phải tới đây nhanh hơn chứ?”

Cô cười và đẩy một đĩa đen trắng vàng lẫn lộn ra trước mặt tôi. Nhìn nó không thể diễn tả được, ăn thì ngon tuyệt.

“Cảm ơn anh, Thomas.”

Chúng tôi đang đi xuyên qua công viên Hyde, chẳng tới một nơi nào cụ thể, nắm tay nhau một chút rồi bỏ ra, như thể nắm tay cũng chẳng phải là cái gì to tát ở đời. Mặt trời đã lên và Luân Đôn nhìn thật trắng lẹ.

“Cảm ơn vì cái gì?”

Ronnie cúi nhìn xuống đất và đá thứ gì đó hình như không có thật.

“V ì đã không cố làm tình với tôi đêm qua.”

“Không có gì.”

Thực tình tôi không biết cô chờ đợi tôi nói điều gì, hay thậm chí đây là bắt đầu hay kết thúc của cuộc nói chuyện. “Cảm ơn vì đã cảm ơn tôi,” tôi thêm vào, làm lời nói nghe càng giống đoạn kết của một câu chuyện hơn.

“Ồ, anh thôi đi.”

“Không, thật mà,” tôi nói. “Tôi rất cảm kích vì điều đó. Mỗi ngày tôi đều cố không làm tình với hàng triệu phụ nữ, và chẳng ai trong số họ hé răng nói điều gì cả. Đó là một thay đổi tốt đẹp.”

Chúng tôi đi lang thang một chút. Một con bò câu bay về phía chúng tôi nhưng đến lúc cuối lại vút đi xa, như thể đột nhiên nó nhận ra rằng chúng tôi không phải là người như nó nghĩ. Một đôi ngựa chạy nước kiệu trên

Rotten Row, trên lưng chúng có hai người mặc áo vải tuyết. Có lẽ thuộc đội Ky binh. Những con ngựa nhìn khá thông minh.

“Anh có ai không, Thomas?” Ronnie nói. “Vào lúc này ấy?”

“Tôi nghĩ là cô đang nói về phụ nữ phải không?”

“Chính thế đây. Anh có ngủ với ai không?”

“Ngủ, ý cô là...?”

“Trả lời câu hỏi ngay lập tức, không tôi gọi cảnh sát đây.” Cô cười. Bởi vì tôi. Tôi đã làm cô cười, đó là một cảm giác dễ chịu.

“Không, Ronnie, dạo này tôi không ngủ với bất kỳ người phụ nữ nào.”

“Đàn ông thì sao?”

“Hoặc với bất kỳ người đàn ông nào. Hoặc bất kỳ con vật nào. Hoặc bất kỳ loài thực vật nào.”

“Tại sao lại không, nếu anh không phiền? Mà kể cả là nếu anh phiền đi nữa.”

Tôi thở dài. Bản thân tôi cũng không biết câu trả lời, nhưng nói như thế cũng không làm cho tôi thoát khỏi được cái ngạnh lưỡi câu. Tôi bắt đầu nói mà chẳng rõ mình đang nói gì.

“Bởi vì tình dục tạo ra nhiều bất hạnh hơn là khoái cảm,” tôi nói. “Bởi vì đàn ông và đàn bà muốn những thứ khác nhau, và một trong hai người cuối cùng luôn cảm thấy thất vọng. Bởi vì tôi không hay bị gạ gẫm, và tôi thì không thích gạ gẫm. Bởi vì tôi không giỏi trong chuyện đó. Bởi vì tôi thường ở một mình. Bởi vì tôi không thể nghĩ ra lý do nào khác nữa.” Tôi ngừng lại lấy hơi.

“Được rồi,” Ronnie nói. Cô quay người lại và bắt đầu đi giật lùi để có thể nhìn rõ mặt tôi. “Cái nào trong số những cái đó là thật?”

“B,” tôi nói, sau một thoáng nghĩ ngợi. “Chúng ta muốn những điều khác nhau. Đàn ông muốn làm tình với một người đàn bà. Rồi họ muốn làm tình với một người đàn bà khác. Rồi lại một người khác. Sau đó họ muốn ăn bỏng ngô và ngủ một lúc, rồi họ muốn làm tình với một người đàn bà khác, và lại một người khác, cho tới khi họ chết. Phụ nữ,” và tôi nghĩ tôi nên lựa chọn từ ngữ cẩn thận hơn để miêu tả một giới tính mà tôi không phải là thành viên, “họ muốn có một mối quan hệ. Có thể họ sẽ không có được mối quan hệ nào, hoặc có thể họ phải ngủ với rất nhiều đàn ông trước khi có được một mối quan hệ, nhưng nói gì thì nói đó là điều họ muốn. Đó là mục đích. Đàn ông không có mục đích. Chỉ là bản năng thôi. Bởi thế người ta tạo ra bọn họ, cho bọn họ vào hai đầu một sân bóng đá. Rồi họ tạo ra bóng đá. Hoặc họ chọn đánh nhau, hoặc cố làm giàu, hoặc gây chiến tranh, hoặc làm hàng loạt thứ ngu xuẩn khác để chứng tỏ cái thực tế rằng họ chẳng có mục đích thật sự nào cả.”

“Vớ vẩn,” Ronnie nói.

“Đó tất nhiên là một khác biệt lớn nữa.”

“Thành thật mà nói, anh có nghĩ rằng tôi nên có quan hệ với anh không?”

Cú này hiểm quá. Một cú đập mạnh, đầu gây trúng bóng.

“Tôi không biết, Ronnie. Tôi không muốn đoán xem cô muốn gì trong cuộc sống.”

“Ồ, lại vớ vẩn nữa. Hãy nắm lấy, Thomas.”

“Nắm lấy cô á?”

Ronnie dừng lại. Và rồi cười nhả nhỏ.

“Thế được đây.”

Chúng tôi tìm thấy một cột điện thoại và Ronnie gọi đến phòng tranh. Cô nói với bọn họ rằng cô thấy mệt mỏi căng thẳng do xe hỏng, nên cô muốn nằm nghỉ cho tới hết buổi chiều. Rồi chúng tôi lên xe lái tới Claridges ăn trưa.

Tôi biết rằng cuối cùng thì tôi cũng phải nói với Ronnie vài điều về những việc đã xảy ra và vài điều về những gì tôi nghĩ sẽ xảy ra. Có lẽ sẽ có một chút lừa dối trong đó, vì tôi và cũng là vì cô, có thể còn có liên quan tới Sarah. Đó chính là lý do tại sao tôi muốn trì hoãn càng lâu càng tốt.

Tôi rất thích Ronnie. Nếu như cô là thiếu nữ đang gặp nạn, bị nhốt trong lâu đài đen trên đỉnh núi đen, thì có lẽ tôi sẽ yêu cô. Nhưng cô không bị nhốt. Cô đang ngồi đối diện với tôi, nói năng huyên thuyên, đang gọi món xa lát cải lông với cá bơn, trong khi một nhóm tứ tấu đàn dây mặc quốc phục của người Áo đang kéo và gảy những đoạn nhạc của Mozart ở tiền sảnh phía sau chúng tôi.

Tôi cẩn thận nhìn xung quanh phòng xem những người theo dõi tôi ở đâu, biết rằng giờ đây có thể có nhiều hơn một đội. Không có ứng viên nào rõ ràng ở xung quanh, trừ khi CIA đã tuyển mộ những bà góa bảy mươi có những thứ giống như hàng túi bột mì chảy sệ đắp trên mặt.

Dù trong trường hợp nào, tôi lo về chuyện bị theo dõi không nhiều bằng lo bị người ta nghe thấy. Chúng tôi chọn Claridges một cách ngẫu nhiên, bởi thế người ta không có cơ hội đặt thiết bị nghe trộm. Tôi ngồi quay lưng về phần còn lại của căn phòng nên bất kỳ thiết bị thu âm định hướng nào cũng không thể mang lại nhiều kết quả. Tôi rót cho mỗi người một cốc lớn Pouilly-Fuissé khá ngon mà Ronnie gọi, rồi bắt đầu nói.

Để bắt đầu, tôi nói với cô rằng bố Sarah đã chết, và tôi đã chứng kiến điều đó. Tôi muốn điều tệ nhất qua đi nhanh chóng, thả cô rơi xuống một cái hố, rồi lòi cô lên từ từ, để lòng can đảm tự nhiên của cô có chút thời gian hoạt

động. Tôi cũng không muốn cô nghĩ rằng tôi đang sợ hãi, bởi điều đó không giúp ích cho ai trong chúng tôi.

Cô tiếp nhận điều đó khá tốt. Tốt hơn là tiếp nhận con cá bơn nằm nguyên vẹn trên đĩa của cô với vẻ thê lương trong mắt như muốn nói “tôi đã làm điều gì sai sao?”, cho tới khi bồi bàn đến dọn nó đi.

Khi tôi ăn xong thì nhóm tứ tấu đã dừng bản nhạc của Mozart để nhường chỗ cho nhạc nền phim *Siêu nhân*, và chai rượu đã được đặt lộn xuống trong xô. Ronnie dán mắt vào khăn trải bàn và cau mày. Tôi biết cô muốn đi gọi điện cho ai đó, đâm đá thứ gì đó, hoặc gào to trên phố rằng thế giới này là một nơi tồi tệ và tại sao tất cả mọi người vẫn cứ tiếp tục ăn uống, mua sắm, cười cợt như thể không có gì xảy ra vậy. Tôi biết vậy bởi vì đó chính là những gì tôi muốn làm kể từ khi tôi thấy Alexander Woolf bị thổi bay ngang qua phòng bởi một thằng ngớ ngẩn cầm khẩu súng. Sau cùng cô nói, và giọng cô run lên vì giận dữ.

“Thế anh sẽ làm điều đó phải không? Anh sẽ làm điều bọn chúng nói với anh?”

Tôi nhìn cô và khẽ nhún vai.

“Đúng, Ronnie, đó là điều tôi sẽ làm. Tôi không muốn làm chút nào, nhưng tôi nghĩ những cách khác ít nhiều còn tệ hơn.”

“Anh cho đó là lý do à?”

“Đúng thế. Đó là lý do để hầu hết mọi người làm hầu hết mọi thứ. Nếu tôi không làm theo ý họ, có thể họ sẽ giết Sarah. Họ đã giết bố cô ấy rồi, bởi vậy dường như từ giờ họ sẽ không gặp chướng ngại nào đáng kể nữa.”

“Nhưng nhiều người sẽ phải chết.” Mắt cô ngấn nước. Và nếu như người bồi rượu không đến gạ chúng tôi một chai Pouilly nữa thì có lẽ tôi đã ôm lấy cô. Thay vì vậy tôi nắm tay cô trên bàn.

“Dù sao nhiều người cũng sẽ chết,” tôi nói, và tôi chán ghét bản thân mình vì đang nói giống như bài diễn thuyết thâm độc của Barnes. “Nếu tôi không làm việc đó, họ sẽ tìm ra một người khác, hoặc một cách khác. Kết cục thì vẫn y như thế, nhưng Sarah thì sẽ chết. Họ là như thế đó.”

Cô lại nhìn xuống bàn, và tôi có thể thấy cô biết tôi nói đúng. Nhưng cô đang kiềm lại mọi thứ, giống như người sắp rời nhà trong một thời gian dài. Khóa ống ga, rút phích ti vi, rải đá trong tủ lạnh.

“Còn anh thì sao?” Sau một lúc cô nói. “Nếu họ là như thế, điều gì sẽ xảy ra với anh? Họ sẽ giết anh phải không? Dù anh có giúp họ hay không thì cuối cùng họ cũng sẽ giết anh.”

“Có lẽ họ sẽ thử, Ronnie. Tôi không thể nói dối điều đó.”

“Thế anh có thể nói dối cái gì?” Cô đáp nhanh, nhưng tôi không nghĩ ý cô là như thế.

“Người ta đã cố giết tôi, Ronnie,” tôi nói, “và họ đã không làm được. Tôi biết rằng cô nghĩ tôi là kẻ lười biếng chẳng tự lo được gì, ngay cả việc mua sắm, nhưng tôi có thể tự chăm sóc bản thân theo những cách khác.” Tôi dừng lại để xem cô có cười không. “Không có cách nào khác thì tôi sẽ tìm cô nào ổn ổn, đi xe thể thao để chăm sóc tôi.”

Cô ngẩng lên, và suýt cười.

“Anh đã có một cô như thế rồi,” cô nói và rút ví ra.

Trong lúc chúng tôi ở trong khách sạn thì trời đã mưa rồi, và giờ thì Ronnie đã hạ mui chiếc TVR xuống, bởi vậy chúng tôi phải phóng qua Mayfair thật nhanh để làm khô mấy chiếc ghế da Connolly.

Tôi đang quờ quạng tìm lấy nắp mui xe, cố tìm cách làm khít khoảng cách hơn chục phân giữa khung xe và kính thì cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai. Tôi cố hết sức giữ cho cơ thể thả lỏng nhất.

“Mày là thằng nào?” Có tiếng nói.

Tôi từ từ ngồi thẳng dậy quay lại nhìn. Anh ta cao chùng bằng tôi, tuổi tác cũng không chênh lệch nhiều, nhưng anh ta hẳn giàu hơn rất nhiều. Áo sơ mi của anh ta được mua trên phố Jermyn, bộ vest mua ở Savile Row, và anh ta có giọng nói của một trong những trường công đất đỏ. Ronnie thò đầu khỏi đuôi xe, chỗ cô đang gấp mái che phía sau.

“Philip,” cô nói, đúng như tôi dự đoán.

“Thằng này là thằng nào?” Philip hỏi và vẫn nhìn tôi.

“Chào anh, Philip.”

Tôi cố tỏ ra thân thiện. Thực tình là tôi đã cố gắng.

“Thôi mẹ nó đi,” Philip nói. Anh ta quay về phía Ronnie. “Phải thằng chó chết này đã uống vodka của tôi không?”

Một tốp khách du lịch đội mũ trùm đầu màu sáng dừng lại cười với ba chúng tôi, hy vọng chúng tôi đều là những người bạn tốt. Tôi cũng hy vọng như thế, nhưng đôi khi chỉ hy vọng thôi không đủ.

“Philip, đừng nhàm chán thế.” Ronnie đóng sầm thùng xe lại và bước đến cạnh hông xe. Chiếc xe dừng đưa một chút, còn tôi cố lách ra để biến đi. Tôi chẳng ham gì xen vào giữa hai người sắp cưới, nhưng Philip thì không thấy thế.

“Mày định đi đâu?” Anh ta nói, hất cằm cao hơn chút nữa.

“Đi khỏi đây,” tôi nói.

“Philip, thôi nào.”

“Thằng chó này. Mày nghĩ mày là ai chứ?” Anh ta đưa tay phải ra nắm lấy cổ áo tôi. Tay túm chặt, nhưng chưa đến mức muốn đánh tôi. Thật nhẹ nhõm. Tôi nhìn xuống tay anh ta, rồi nhìn Ronnie. Tôi muốn dành cho cô cơ hội dẹp vụ này.

“Philip, xin anh! Đừng ngu ngốc thế,” cô nói.

Rõ ràng cô không nên nói điều đó vào lúc này. Khi một người đàn ông chuẩn bị vặn người ẩn kẻ khác vào góc tường, điều khiến anh ta không thể ngừng tay chính là một người phụ nữ bảo rằng anh ta ngu ngốc. Nếu là tôi, tôi sẽ nói lời xin lỗi, vuốt ve lông mày anh ta, mỉm cười, hoặc bất cứ điều gì tôi nghĩ ra được để tiêu tán bớt cái dòng chảy của hoóc môn nơi anh ta.

“Tao hỏi mày đây,” Philip nói. “Mày nghĩ mày là ai mà? uống rượu ở bar của tao, thò chân vào nhà tao?”

“Bỏ tôi ra,” tôi nói. “Anh đang làm nhăn áo tôi đấy.” Rất đúng mực, anh thấy không. Không làm mất mặt anh ta, không lời anh ta ra chỗ khác, không xông vào anh ta, hoặc làm những thứ cần phải dùng những từ lạ để mô tả. Chỉ thật thà lo lắng cho cái áo khoác của tôi. Đàn ông với đàn ông.

“Tao thêm vào quan tâm tới cái áo khoác của mày, thằng lợn.”

Chà, thế đấy. Tất cả các kênh ngoại giao đã thử đều không có tác dụng, tôi buộc phải dùng bạo lực.

Tôi đẩy anh ta trước và anh ta liền chống cự. Đó là điều người ta luôn làm. Sau đó tôi lùi lại cùng với cái ẩy của anh ta, kéo tay anh ta, và bẻ xoay làm cho anh ta phải ngoẹo cổ tay mới giữ được ve áo của tôi. Tôi đặt một bàn tay lên trên tay anh ta, giữ cho cái nắm tay đó ở nguyên đấy, và dùng cẳng tay kia nhẹ nhàng ấn xuống khuỷu tay anh ta. Nếu anh quan tâm, thì đó là một kỹ thuật Aikido có tên là Nikkyo, nó làm đối phương đau khủng khiếp mà không cần tốn nhiều sức lực.

Đầu gối anh ta oằn xuống và mặt anh ta trắng bệch khi gục xuống vĩa hè, cố gắng tuyệt vọng hầu giảm bớt áp lực đang đè vào khớp cổ tay. Tôi buông anh ta ra trước khi đầu gối anh ta chạm đất, bởi tôi cho rằng tôi càng để anh ta giữ được thể diện thì càng có ít lý do khiến anh ta thử làm cái gì khác. Tôi cũng không muốn Ronnie quỳ gối trước mặt anh ta mà nói, “đó, đó, ai là chiến binh dũng cảm hơn nào?” suốt từ đó đến hết buổi chiều.

“Xin lỗi,” tôi nói, và mỉm cười ngập ngừng, như thể cả tôi cũng không chắc lắm chuyện gì vừa xảy ra. “Anh ổn chứ?”

Philip bóp tay và ném về phía tôi một cái nhìn hằn học, nhưng cả hai chúng tôi đều biết anh ta sẽ chẳng làm gì cả. Cho dù anh ta không biết rằng tôi có thể làm anh ta hoàn toàn đau đớn.

Ronnie lách vào giữa chúng tôi và nhẹ nhàng đặt tay lên ngực Philip.

“Philip, anh hiểu lầm quá rồi.”

“Thật thế sao?”

“Đúng vậy, anh sai rồi. Đây là công việc.”

“Công việc mẹ nó. Cô đã ngủ với nó. Tôi không phải thằng đàn đàng.” Lời nhận xét cuối cùng đó hẳn phải làm cho bất kỳ luật sư tao nhã nào cũng phải nhảy dựng lên, nhưng Ronnie chỉ quay sang tôi và hơi nheo một mắt.

“Đây là Arthur Collins,” cô nói, chờ cho Philip nhăn mặt. Và cuối cùng anh ta cũng làm thế. “Ông ấy vẽ bộ tranh gấp mà chúng mình xem ở Bath đấy, anh nhớ không? Anh nói là anh thích mà.”

Philip nhìn Ronnie, rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn Ronnie. Trái đất quay được thêm một ít trong khi chúng tôi chờ cho anh ta tiêu hóa chuyện vừa nghe. Một phần anh ta ngượng chín người vì suýt nữa đã gây ra chuyện, nhưng một phần lớn hơn là cảm thấy nhẹ nhõm vì đã có cơ hội để có một lý do chính đáng không đánh tôi nữa: tôi đang ở đây, biết không, sẵn sàng quật

thằng phá hoại xuống, bắt nó cầu xin tha thứ, thế mà cuối cùng hóa ra nó lại không phải thế. Toàn người lạ với nhau. Cùng cười với nhau. Philip, anh đúng là thằng hề.

“Bức vẽ cừu phải không?” Anh ta hỏi, vuốt phẳng lại cà vạt, và dựng cổ áo bằng một cử chỉ thành thực. Tôi nhìn Ronnie, nhưng xem ra cô sẽ không giúp tôi trong cú này.

“Thực ra là các thiên thần,” tôi nói. “Nhưng rất nhiều người lại nhìn ra thành cừu.”

Điều đó có vẻ như thỏa mãn câu hỏi của anh ta, và một điệu cười toe toét trải rộng trên khuôn mặt.

“Chúa ơi, thật xin lỗi. Ông sẽ nghĩ thế nào về tôi nhỉ? Tôi nghĩ... mà, cũng chẳng có vấn đề gì phải không? Có một gã... ồ, thôi đừng để ý.”

Còn nhiều thứ nữa ở trong mạch máu, nhưng tôi chỉ dang rộng tay để tỏ ra rằng mình hiểu và rằng tôi cũng mắc phải những lỗi như vậy ngày ba bốn lần.

“Ông thứ lỗi cho chúng tôi chứ, ông Collins?” anh ta vừa nói vừa nắm lấy khuỷu tay Ronnie.

“Tất nhiên rồi,” tôi nói. Philip và tôi giờ là những người bạn tốt. Họ đi ra cách tôi vài chục phân và tôi chợt nhận ra rằng ít nhất thì cũng phải năm phút rồi tôi chưa hút thuốc, bởi thế tôi quyết định làm một điều. Những người đội mũ trùm đầu sáng màu vẫn đang bắn khoản cứ lảng vảng ở phía xa trên vỉa hè và tôi vẫy họ để nói rằng vâng, Luân Đôn là nơi điên rồ thế đấy, nhưng họ nên đi tiếp để có một ngày vui vẻ.

Philip đang cố thanh minh với Ronnie, điều đó thì rõ rồi - nhưng có vẻ như anh ta đang chơi quân bài “Tôi tha thứ cho cô”, thay vì chơi một quân bài mạnh hơn nhiều là “Hãy tha thứ cho anh”, quân mà tôi luôn nhận thấy rất

cuộc cũng sẽ đoạt được nhiều thứ hơn. Miệng Ronnie bậm lại thành một kiểu nửa chấp nhận, nửa buồn chán, và thì thoảng cô lại liếc nhìn tôi để chỉ ra rằng mọi thứ mệt mỏi thế đấy.

Tôi mỉm cười lại với cô, vừa khi Philip thò tay vào trong túi lôi ra một thếp giấy. Dài và mỏng. Một chiếc vé máy bay. Một chiếc vé “cuối tuần đi với anh nhé, chúng mình sẽ thỏa thuê với sex và rượu sâm banh”. Anh ta đưa nó cho Ronnie và hôn vào trán cô, đó lại là một sai lầm nữa, và vẫy tay chào Arthur Collins, danh họa vùng West Country, rồi lên đường.

Ronnie nhìn anh ta đi, rồi thông dong tiến lại chỗ tôi đang đứng.

“Những thiên thần,” cô nói.

“Arthur Collins,” tôi nói.

Cô nhìn xuống tấm vé và thở dài.

“Anh ta nghĩ chúng tôi nên đi một lần nữa. Mọi quan hệ của chúng tôi quý giá quá mà...”

Tôi “à” một tiếng, và hai chúng tôi đứng ngó cái vỉa hè một lúc.

“Thế anh ta sẽ đưa cô tới Paris phải không? Ủy mị một chút, nhưng tôi muốn hỏi, nếu như chuyện đó có dính dáng tới tôi.”

“Praha,” Ronnie nói, và có một tiếng chuông rung đâu đó trong đầu tôi. Cô mở chiếc vé. “Theo lời Philip thì Praha là một Venice mới.”

“Praha,” tôi nói, và gật đầu. “Người ta bảo tôi vào mùa này trong năm thì nó ở Tiệp Khắc.”

“Thực ra là Cộng hòa Séc. Philip rất đúng về chuyện này. Slovakia thì vút cho chó, không đẹp bằng một nửa. Anh ta đã đặt một khách sạn ở gần quảng trường thành phố.”

Cô nhìn xuống tấm vé đã mở lần nữa và tôi nghe hơi thở cô dừng lại nơi cổ họng. Tôi nhìn theo ánh mắt cô, nhưng có vẻ như không có con thú trời ơi nào đang bò lên tay áo của cô.

“Có gì không ổn à?”

“CED,” cô nói, gấp cái vé lại.

Tôi cau mặt.

“Có chuyện gì về hấn ta?” Tôi không thể thấy cô đang nhắm tới điều gì, mặc dù tiếng chuông vẫn rung trong đầu tôi. “Cô biết hấn ta là ai không?”

“Hấn ta OK, đúng không?” Ronnie nói. “Theo nhật ký của Sarah, CED OK, phải không?”

“Đúng thế.”

“Đúng rồi.” Cô đưa tấm vé cho tôi. “Hãy nhìn hãng hàng không.”

Tôi nhìn.

Này, đáng ra tôi phải biết rồi mới phải. Hoặc là mọi người đều biết trừ có Ronnie và tôi.

Nhưng, theo như tấm vé mà hãng Sunline Travel in cho cô R. Crichton, hãng hàng không của nước Cộng hòa Séc mới được ghi bởi những chữ CEDOK.

Mười Lăm

Trong chiến tranh, dù bên nào tuyên bố mình là người chiến thắng thì tất cả cũng đều chiến bại.

N. CHAMBERLAIN

Thế là hai sợi thừng của đời tôi đã bện lại với nhau ở Praha.

Praha là nơi Sarah đã ra đi, và Praha cũng là nơi người Mỹ cử tôi đến để thực hiện giai đoạn đầu của cái mà họ khăng khăng gọi là Điệp vụ Củi khô. Tôi nói thẳng với họ rằng cái tên đó thật chẳng ra gì, nhưng hoặc là có nhân vật quan trọng nào đấy đã chọn nó hoặc là họ đã ghi cả ra trên giấy tờ rồi nên họ từ chối không động gì tới nó hết. Tên của nó là Củi khô, có thể thôi, Tom.

Bản thân chiến dịch, ít nhất theo thông tin chính thức, là một kế hoạch phổ biến, thường là để thâm nhập vào trong một nhóm khủng bố, và, một khi đã vào được rồi, nó sẽ phá rối cuộc sống của bọn chúng, cuộc sống của những kẻ cung cấp, những kẻ tài trợ, những kẻ đồng cảm và yêu quý chúng, ở mức cao nhất có thể. Chẳng có gì quá đặc biệt. Các nhóm tình báo trên khắp thế giới luôn cố gắng không ngừng làm những chuyện như thế, với mức độ thất bại khác nhau.

Sợi thừng thứ hai, sợi Sarah, sợi Barnes, Murdah, Sau Đại học, tất cả là về việc bán trực thăng cho những chính phủ chuyên chế thối nát, và tôi đặt cho nó một cái tên riêng do tôi tự chọn. Tôi gọi nó là Ôi Chúa. Cả hai sợi gặp nhau ở Praha.

Theo kế hoạch, tôi bay vào đêm thứ Sáu, như vậy có nghĩa là còn sáu ngày tập huấn với tụi Mỹ và năm đêm uống trà cùng Ronnie, cầm tay Ronnie.

Anh chàng Philip đã bay tới Praha ngay hôm tôi gần như làm gãy cổ tay anh ta, để làm vài thương vụ cỡ bự với những người cách mạng nhưng, và anh ta bỏ Ronnie lại mặc cho cô bối rối và khổ sở. Cuộc sống của cô không phải là một đường trượt siêu tốc đầy cảm hứng trước khi tôi xuất hiện, nhưng nó cũng không hẳn là một cái giá chứa đầy những nỗi đau, và cú nhảy đột ngột vào thế giới những vụ khủng bố và ám sát, cùng với một mối quan hệ đang tan vỡ nhanh chóng không thể nào là thứ làm cho một phụ nữ cảm thấy thoải mái cho được.

Tôi đã từng hôn cô một lần.

Quá trình tập huấn của nhóm Củi Khô được tiến hành trong một lâu đài ba mươi phòng xây gạch đỏ ngay bên ngoài Henley. Nó có khoảng hai dặm vuông sàn lát gỗ mà cứ ba tấm gỗ lát lại có một tấm cong vênh lên vì ẩm, và chỉ có một bồn vệ sinh là xả nước được tử tế.

Họ mang tới đồ đạc mới, vài cái bàn cái ghế cùng một vài chiếc giường đã chiến, và cứ quăng bừa khắp nhà mà chẳng tính toán gì nhiều. Hầu hết thời gian của tôi là ở trong phòng vẽ, xem thuyết trình, nghe băng, ghi nhớ trình tự tiếp xúc, và đọc về cuộc sống của người làm nông trại ở Minnesota. Tôi không thể nói là chẳng khác gì quay lại trường phổ thông, bởi vì họ bắt tôi học văt và hơn cả hồi còn đi học, nhưng cái không khí quen thuộc đến kỳ cục thì đâu vẫn thế.

Hằng ngày tôi tới đó bằng chiếc Kawasaki mà họ đã thu xếp sửa cho. Họ muốn tôi ở lại qua đêm, nhưng tôi nói với họ rằng tôi cần vài châu cho đã ở Luân Đôn trước khi đi, và dường như họ thích điều đó. Người Mỹ tôn trọng lòng yêu nước.

Bảng phân vai cứ thay đổi liên tục, và không bao giờ ít hơn sáu vai. Một người làm việc vất tên Sam, Barnes thì cứ đi ra đi vào, một vài Carl quần quanh ở trong bếp, uống trà thảo mộc và chơi lên xà ở lối ra vào. Và rồi có những tay chuyên gia.

Tay đầu tiên tự xưng là Smith, có lẽ tôi không tin hẳn cho lắm. Hẳn nhỏ người nhưng béo, đeo kính và mặc gi lê chặt cứng, nói nhiều về những năm 60 và 70, những ngày tháng vàng son của khủng bố nếu như anh cùng cạ với hẳn - mà điều đó thì dường như bao gồm việc bám chân các thành viên của Nhóm Hồng quân và hộ tống các chiến binh Lữ đoàn đỏ đi khắp thế giới giống như cô gái mới lớn bám theo chuyến lưu diễn của Jackson Five vậy. Áp phích, phù hiệu, ký tặng ảnh, bao nhiêu là thứ.

Những người làm cách mạng theo tư tưởng Mác đối với Smith là cả một thất vọng lớn, hầu hết bọn họ đã thôi không làm cách mạng nữa mà kiếm cho mình những khoản vay và bảo hiểm nhân thọ từ đầu những năm 80, cho dù những người theo Lữ đoàn đỏ ở Ý thi thoảng vẫn họp nhau để ca lại những bài hát cũ. Đảng Con đường sáng và những tổ chức như thế ở Trung và Nam Mỹ cũng không phải kiểu của Smith. Chúng cứ như đàn gảy tai trâu, chẳng đáng nhắc tới. Tôi buông vài câu hỏi gợi chuyện về Quân đội Cộng hòa Ireland, nhưng Smith bèn cười nhả nhở và chuyển chủ đề.

Tiếp theo tới Goldman, cao gầy, thích thú với chuyện ông ta không thích công việc của mình. Nghề nghiệp của Goldman trước kia dường như mang tính nghi thức. Ông ta luôn có phương cách đúng và phương cách sai khi làm bất cứ việc gì, từ gác ống nghe điện thoại cho tới liếm nước bọt lên tem, và ông ta không thể chịu được những sai lệch. Goldman bảo tôi rằng từ rày về sau tôi sẽ được gọi bằng tên Durrell. Tôi hỏi ông ta liệu tôi có được tự chọn tên cho mình không, thì ông ta đáp không, Durrell đã được điền vào trong hồ sơ Điệp vụ Củi khô. Tôi hỏi ông ta đã từng nghe đến Tippex bao giờ chưa, ông ta liền trả lời đó là một cái tên ngớ ngẩn, tốt hơn là tôi nên tập cho quen với cái tên Durrell.

Travis là chuyên gia đánh tay bo; khi họ bảo anh ta rằng anh ta chỉ có một giờ với tôi, anh ta chỉ thở dài, nói “mất và bộ hạ,” rồi biến mất tăm.

Vào ngày cuối cùng, những người lập kế hoạch tới; hai đàn ông và hai đàn bà, ăn mặc như nhân viên ngân hàng và mang những chiếc cặp lớn. Tôi có tán tỉnh mấy người đàn bà nhưng họ chẳng hào hứng chút nào. Người lùn

hơn trong hai người đàn ông thì lại có vẻ thích thú. Người cao hơn, Louis, tỏ ra thân thiện nhất trong bốn người, và cũng là người nói chính. Ông ta có vẻ hiểu những thứ của mình, mà không khi nào thực sự nói ra những thứ của mình là gì, đó là một cách để cho thấy ông ta hiểu những thứ của mình đến chừng nào. Ông ta gọi tôi là Tom.

Có một điều, và chỉ một điều, có thể thấy rõ ràng từ tất cả những cái đó. Cui khô không phải chỉ là do một phút ngẫu hứng của ai kia, và những người này không phải chỉ ngồi lại cùng nhau một ngày trước đó với quyển sách của Ladybird về khủng bố quốc tế. Nó đã được vận hành từ nhiều tháng trước khi tôi bị lôi ra nước ngoài.

“Kintex có ý nghĩa gì với anh không, Tom?” Louis gác tréo chân và nghiêng ra trước về phía tôi giống như kiểu của David Frost.

“Không, Louis,” tôi nói. “Tôi là một tờ giấy trắng.” Tôi châm thêm một điếu thuốc nữa cốt để chọc tức họ.

“Thế cũng không sao. Điều đầu tiên anh nên biết, và tôi đoán là anh đã biết rồi: không còn tồn tại những kẻ mơ mộng trên thế giới này.”

“Ngoại trừ ông và tôi, Louis.”

Một trong hai người phụ nữ nhìn đồng hồ đeo tay.

“Đúng thế, Tom,” ông ta nói. “Anh và tôi. Nhưng những chiến sĩ đấu tranh cho tự do, những người giải phóng, những kiến trúc sư của bình minh thời đại mới, tất cả những thứ kiểu như thế đã ra đi giống như một quần ống loe rồi. Khủng bố thời nay là đám thương gia.” Một người phụ nữ hắng giọng, đầu đó phía sau căn phòng. “Và những nữ thương gia. Và khủng bố là một nghề ngon lành cho các cậu choai choai thời nay. Thật đấy. Nhiều triển vọng, được đi đây đi đó, phí tổn đi lại người khác lo, được nghỉ hưu sớm. Nếu mà tôi có một thằng con trai, tôi sẽ bảo nó hoặc theo ngành luật hoặc

đi làm khủng bố. Hãy chấp nhận thực tế: có khi khủng bố còn ít gây hại hơn.”

Đó là một câu chuyện đùa.

“Có thể anh sẽ bắn khoản rằng tiền ở đâu mà có?” Ông ta nhướn mày nhìn tôi, và tôi gật đầu giống như người dẫn chương trình truyền hình thiếu nhi. “Có những người xấu, người Syria, người Libya, người Cuba, những người vẫn đang xem khủng bố như một nền công nghiệp quốc gia. Thỉnh thoảng họ viết những tờ ngân phiếu mệnh giá lớn, và nếu như kết quả là cửa sổ Đại sứ quán Mỹ bị một hòn gạch ném vào thì họ sẽ lấy làm vui sướng. Nhưng trong khoảng mười năm trở lại đây có vẻ họ đã lùi một bước. Ngày nay, lợi nhuận là yếu tố cơ bản, và khi nói về lợi nhuận, mọi ngã đường đều dẫn tới Bungari.”

Ông ta ngồi lại xuống ghế và đó là lời nhắc cho một trong hai người phụ nữ bước lên đọc một kẹp hồ sơ, mặc dù rõ ràng cô ta biết mình đã thuộc nằm lòng và chỉ giữ cái kẹp hồ sơ cho tiện tay thôi.

“Kintex,” cô ta đã bắt đầu, “về danh nghĩa là một đại lý thương mại quốc doanh, trụ sở ở Sofia, nơi năm trăm hai mươi chín người được tuyển dụng làm xuất nhập khẩu. Một cách lén lút, Kintex điều khiển tới tám mươi phần trăm lượng ma túy vận chuyển từ Trung Đông sang Tây Âu và Bắc Mỹ, thường xuyên trao đổi lấy vũ khí hợp pháp và bất hợp pháp rồi bán lại cho các nhóm nổi loạn ở Trung Đông. Tương tự, hêrôin cũng được bán lại cho những đường dây vận chuyển riêng ở Trung và Tây Âu. Những người liên quan đến các hoạt động trên hầu hết không phải người Bungari, nhưng được trang bị nhà kho và trang thiết bị ở Varna và Burgas trên Biển Đen. Kintex, dưới cái tên hoạt động mới là Globus, cũng tham gia rửa tiền có được từ việc buôn bán ma túy trên khắp châu Âu, đổi tiền lấy vàng và đá quý đem phân phối lại tiền cho khách hàng thông qua chuỗi hoạt động thương mại ở Thổ Nhĩ Kỳ và Đông Âu.”

Cô ta ngẩng lên nhìn Louis để xem ông ta có muốn nghe nữa không, nhưng Louis nhìn tôi, thấy mắt tôi đã hơi mờ ra, ông ta liền khẽ lắc đầu.

“Những anh bạn thật tuyệt, phải không?” Ông ta nói. “Họ cũng là người đã cấp súng cho Mehmet Ali Agca.” Điều đó cũng chẳng có nghĩa nhiều lắm đối với tôi. “Bắn một phát vào Giáo hoàng John Paul năm 81. Cũng tạo được mấy dòng tí đấy.”

Tôi “à, vâng” và ngúc ngoắc đầu để cho thấy tôi bị ấn tượng thế nào.

“Kintex,” ông ta tiếp tục, “là cửa hàng mà anh có thể mua mọi thứ, Tom. Anh muốn gây rắc rối ở đâu đó trên thế giới, phá hủy vài đất nước, lấy đi vài triệu mạng sống, vậy anh chỉ cần cầm thẻ tín dụng rồi thẳng đường mà tới Kintex. Chẳng ai cạnh tranh được với giá cả của họ.”

Louis đang cười, nhưng tôi dám nói rằng ông ta đang bưng bưng cảm giận. Bởi thế tôi nhìn quanh phòng, và tôi khá chắc chắn rằng ba người kia cũng có cái vòng lửa nhiệt huyết đó xung quanh đầu họ.

“Và Kintex,” tôi nói, thông thiết hy vọng rằng họ sẽ trả lời ‘không’, “là những người mà Alexander Woolf đã giao thiệp phải không?”

“Đúng,” Louis nói.

Đó chính là lúc và cũng là lý do tại sao tôi nhận ra, trong một khoảnh khắc hết sức tệ hại, rằng không ai trong những người này, kể cả Louis, có một chút khái niệm mơ hồ nào về chuyện Sau Đại học thực sự là gì hoặc Điệp vụ Củi khô thực ra nhằm đạt được điều gì. Những người này thực sự nghĩ họ đang chiến đấu trong một cuộc chiến chính nghĩa chống bọn khủng bố được tài trợ bằng tiền buôn lậu ma túy, hay khủng bố ma túy, hay bất cứ cách gọi quái quỷ nào người ta dùng gọi nó, nhân danh một chú Sam nhân từ và bà cô Phần Còn lại Của Thế giới. Đây là một điệp vụ bình thường của CIA, chẳng có gì là khác thường cả. Họ đang đưa tôi vào một nhóm khủng bố hạng hai với hy vọng đơn giản, không một chút lẩn tránh, rằng tôi sẽ núp

vào một cái hộp điện thoại vào một buổi tối rảnh rỗi và trao cho họ thật nhiều những cái tên và địa chỉ.

Tôi đang được những giáo viên mù dạy lái xe, và ý thức về điều đó làm tôi hơi run một chút.

Họ lập ra một kế hoạch thâm nhập và bắt tôi nhắc lại từng giai đoạn của nó đến cả triệu lần. Tôi nghĩ, bởi vì tôi là người Anh nên họ lo rằng tôi không thể lưu giữ được nhiều hơn một ý nghĩ trong đầu mình cùng một lúc, nên khi thấy tôi tiếp thu cả đống khá dễ dàng, họ vỗ lưng nhau mà nói “làm tốt lắm”.

Sau một bữa tối chán ghét với thịt viên và Lambrusco, được phục vụ bởi một anh chàng Sam nom râu rĩ, Louis và các đồng sự của ông ta gói ghém va li, lắc lắc tay tôi và gật đầu một cách đầy hàm ý, trước khi họ trèo vào xe và xuôi về con đường gạch vàng. Tôi không buồn vẫy tay.

Thay vào đó, tôi nói với bọn Carl là tôi sẽ đi dạo, rồi bước xuyên qua khu vườn sau ngôi nhà, ở đó có một bãi cỏ chạy dài tới bờ sông và khung cảnh đẹp nhất có thể thấy trên suốt cả chiều dài sông Thames.

Đó là một đêm ấm áp, trên bờ sông phía bên kia các cặp tình nhân trẻ tuổi và những người lớn tuổi dắt chó đi dạo vẫn thong dong bước. Một vài chiếc ca nô được buộc lại gần đó, nước vỗ nhẹ nhẹ vào mạn thuyền, các cửa sổ chiếu ra một thứ ánh sáng màu vàng dịu mắt và mời mọc. Người ta đang cười, và tôi có thể ngửi thấy mùi xúp đóng hộp của họ.

Tôi đang ngập trong đồng phân.

Barnes đến ngay sau nửa đêm, và ông ta trông khác hẳn so với lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Những thứ đồ Brooks Brothers đã không còn nữa, giờ đây trông ông ta như có vẻ đã sẵn sàng chui vào rừng rậm Nicaragua ngay khi có tiếng bom rơi. Quần kaki, sơ mi xanh đậm, ủng Red Wing. Một chiếc đồng hồ kiểu quân sự với quai vải bố đã thế chỗ chiếc đồng hồ thời

trang Rolex. Tôi có cảm giác rằng xem chút nữa thôi là ông ta sẽ ngồi xuống trước gương mà tát phần ngực trang vào mặt. Những nếp hằn hiện rõ hơn bao giờ hết.

Ông ta bảo mấy gã Carl lui đi và hai chúng tôi ngồi trong phòng vẽ, ở đó ông ta lục ra một nửa chai rượu Jack Daniels, một hộp Marlboro và chiếc bật lửa Zippo vẽ sơn ngực trang.

“Sarah thế nào?” Tôi hỏi.

Cảm giác như đó là một câu hỏi ngờ nghệch, nhưng tôi vẫn phải hỏi. Cuối cùng thì cô là nguồn cơn khiến tôi làm tất cả những điều này - và giả như cô đã bị chèn dưới bánh xe buýt sáng nay hoặc bị chết vì sốt rét thì chắc chắn tôi sẽ bỏ vụ này. Không phải chỉ để Barnes trả lời rằng liệu cô có bị như thế hay không, mà còn để xem tôi có thể nhận được điều gì từ khuôn mặt ông ta khi ông ta trả lời.

“Tốt,” ông ta nói. “Cô ấy ổn cả.” Ông ta rót rượu vào hai cốc, và đẩy một cốc trên sàn gỗ tới trước mặt tôi.

“Tôi muốn nói chuyện với cô ấy,” tôi nói. Ông ta không mảy may phản ứng. “Tôi cần biết rằng cô ấy vẫn ổn. Vẫn còn sống và vẫn ổn.”

“Tôi nói với ông là cô ấy ổn mà.” Ông ta tu một ngụm.

“Tôi biết là ông nói với tôi thế,” tôi nói. “Nhưng ông là một thằng thần kinh, lời nói của ông chẳng đáng để chùi chân.”

“Tôi cũng không thích gì ông, Thomas.”

Chúng tôi đang ngồi đối diện nhau, uống rượu hút thuốc, nhưng không khí đã trầm xuống theo kiểu quan hệ điệp viên- người chỉ đạo, và còn tệ hơn ngay sau đó.

“Ông có biết vấn đề của ông là gì không?” Một lúc sau Barnes nói.

“Tôi biết rất rõ vấn đề của mình. Nó mua quần áo từ một catalogue của L.L. Bean, và hiện đang ngồi đối diện với tôi.”

Ông ta vờ không nghe thấy. Có thể ông ta không nghe thấy thật.

“Vấn đề của ông, Thomas ạ, là ông là người Anh.” Ông ta bắt đầu quay đầu theo một đường kỳ quặc. Thi thoảng một cái xương trong cổ ông ta lại kêu “cặc” một cái, hình như điều đó làm cho ông ta sáng khoái. “Những điều không ổn ở ông cũng là những gì không ổn ở cái hòn đảo bỏ đái tòi tàn này.”

“Chờ một phút,” tôi nói. “Chờ nguyên một phút, một phút tròn trịa đã nào. Chẳng thể nào. Chẳng lẽ nào một thằng lợn người Mỹ lại đang nói với tôi về điều gì đó sai trái nơi cái đất nước này.”

“Dái thọt mất rồi, Thomas. Ông không có. Cái đất nước này không có. Có thể ông đã từng có, nhưng ông đánh mất nó rồi. Tôi không biết nữa, mà cũng chẳng quan tâm mấy.”

“Này Rusty, cẩn thận đấy nhé,” tôi nói. “Tôi nên nhắc ông rằng ở đây người ta dùng từ đó để chỉ sự dũng cảm. Chúng tôi không hiểu trong tiếng Mỹ nó nghĩa là gì, người Mỹ luôn to mồm và dựng chim lên mỗi lần nói ‘Delta’, ‘tấn công’ và ‘đá đít’. Có sự khác biệt văn hóa đáng kể ở đây. Và khi nói về khác biệt văn hóa,” tôi thêm vào, bởi vì tôi phải thú thực là máu tôi đang nóng lên, “chúng tôi không có ý nói sự bất đồng về các giá trị. Ý chúng tôi là lấy cái bàn chải sắt mà đụ mẹ nhà các ông.”

Ông ta phá ra cười. Đó không phải là phản ứng mà tôi mong đợi. Tôi đã mong ông ta sẽ đánh tôi, nếu thế thì tôi có thể đâm vào cổ họng ông ta rồi thanh thân biến vào bóng đêm.

“Chà, Thomas,” ông ta nói, “Tôi hy vọng chúng ta đã xả hơi được một chút. Hy vọng giờ ông cảm thấy dễ chịu hơn rồi.”

“Dễ chịu hơn rất nhiều, cảm ơn,” tôi nói.

“Tôi cũng thế.”

Ông ta đứng dậy để tiếp đầy rượu vào cốc của tôi, rồi thả bao thuốc và cái bật lửa vào lòng tôi.

“Thomas, tôi sẽ nói thẳng nhé. Lúc này không thể gặp, hoặc nói chuyện với Sarah Woolf. Đơn giản là không thể. Nhưng đồng thời, tôi không mong chờ ông sẽ nhón tay làm gì cho tôi trừ khi ông đã nhìn thấy cô ấy. Thế nào? Như thế nghe sòng phẳng với ông chứ?”

Tôi nhấp một ngụm rượu và lấy một điếu thuốc từ trong bao.

“Các ông không giữ cô ấy, phải không?”

Ông ta lại cười. Dù sao tôi cũng phải kết thúc chuyện này.

“Tôi chưa từng nói là chúng tôi giữ cô ấy, Thomas. Ông nghĩ gì thế, rằng chúng tôi buộc cô ấy vào chân giường ở một chỗ nào đó sao? Thôi nào, hãy dành cho chúng tôi một chút tín nhiệm được không? Chúng tôi làm để kiếm miếng ăn, ông biết đấy. Chúng ta không cùng quan điểm về chuyện này.” Ông ta thả người xuống ghế và lại tiếp tục bài giãn gân cốt cổ, và tôi ước gì có thể giúp ông ta chuyện đó. “Sarah ở nơi mà chúng tôi có thể tới được khi chúng tôi cần. Hiện giờ, khi ông đang như một cậu nhóc người Anh ngoan ngoãn, chúng tôi không cần thiết phải làm việc đó. Được chưa?”

“Không, không được.” Tôi dụi mẩu thuốc và đứng dậy. Điều đó dường như cũng chẳng làm Barnes bận tâm. “Tôi phải gặp cô ấy, chắc chắn rằng cô ấy ổn, bằng không tôi sẽ không làm chuyện này. Không chỉ không làm chuyện này, tôi thậm chí còn có thể giết ông chỉ để chứng tỏ rằng tôi sẽ không làm. Được chưa?”

Tôi bắt đầu lừ lừ tiến lại phía ông ta. Tôi nghĩ rằng ông ta sẽ kêu to để gọi bọn Carl, nhưng điều đó không làm tôi lo lắng. Nếu như chuyện đó xảy ra,

tôi chỉ cần vài giây - trong khi bọn Carl phải cần đến cả tiếng để vác những cái thân xác lô bịch kia vào vị trí chiến đấu. Rồi tôi nhận ra tại sao ông ta lại vẫn thoải mái đến thế.

Ông ta buông tay xuống chiếc cặp da cạnh sườn, và ánh kim loại sáng màu lóe lên khi cái tay nhấc lên. Đó là một khẩu súng lớn, và ông ta cầm nó lỏng lẻo ngay trước đùi quần, hướng thẳng vào ức tôi, cách khoảng hơn hai mét.

“Chà, Chúa ơi,” tôi nói. “Ông đang dựng lên à, ông Barnes. Chẳng phải là ông đang ôm khẩu Colt Delta Elite ở bụng sao?”

Lần này thì ông ta không trả lời. Chỉ nhìn.

“Mười milimét,” tôi nói. “Một khẩu súng cho những kẻ có hòn dái bé hoặc ít có niềm tin vào khả năng bắn trúng giữa mục tiêu.”

Tôi đang phân vân làm sao vượt qua khoảng cách hơn hai mét ấy mà không bị ông ta bắn một phát gọn gàng. Sẽ không dễ, nhưng hoàn toàn có thể. Miễn là phải có can đảm. Trước và sau khi kết thúc sự việc.

Hắn ông ta đánh hơi thấy tôi đang nghĩ gì, bởi vì ông ta lên cò súng. Rất chậm rãi. Nó tạo ra một tiếng cạch rất vừa ý, tôi phải thừa nhận thế.

“Ông biết loại đạn Glaser chứ, Thomas?” Ông ta nói nhẹ nhàng, gần như mơ màng.

“Không, Rusty,” tôi nói, “Tôi không biết đạn Glaser thế nào. Nghe có vẻ như đây là dịp để ông làm tôi chết vì buồn chán thay vì bắn tôi chết. Xin cứ việc.”

“Thomas, đầu đạn của Glaser Safety Slug là một cái chén nhỏ làm bằng đồng. Đồ đầy đạn chì trong teflon lỏng.” Ông ta chờ cho tôi tiếp nhận điều đó, biết rằng tôi sẽ hiểu nó có ý nghĩa gì. “Khi tác động, Glaser sẽ đảm bảo chuyển tải chín mươi lăm phần trăm năng lượng của nó lên mục tiêu.

Không xuyên qua, không bật lại, chỉ có sức mạnh quật ngã ghê gớm.” Ông ta dừng lại, nhấp một hớp whisky. “Những cái lỗ to, rất to trên người ông.”

Hắn chúng tôi đã như thế trong một thời gian khá lâu. Barnes nhấm nháp whisky, còn tôi thì nhấm nháp cuộc đời. Tôi có thể thấy thân mình đang đổ mồ hôi và xương bả vai đã bắt đầu ngứa ngáy.

“Được thôi,” tôi nói. “Có thể tôi sẽ không cố giết ông lúc này.”

“Rất vui khi nghe điều đó,” một lúc lâu sau Barnes nói, nhưng khẩu Colt vẫn không dịch chuyển.

“Khoét một lỗ to trên người tôi cũng chẳng giúp ông được nhiều.”

“Cũng chẳng làm tôi đau đớn gì.”

“Barnes, tôi cần phải nói chuyện với cô ấy,” tôi nói. “Cô ấy là lý do tại sao tôi ở đây. Nếu tôi không được nói chuyện với cô ấy thì chả có nghĩa lý gì.” Thêm vài trăm năm nữa trôi qua, và rồi tôi bắt đầu nghĩ Barnes đang cười. Nhưng tôi không hiểu tại sao cũng như khi nào thì ông ta bắt đầu cười. Nó giống như ngồi trong rạp chiếu phim trước khi tới phần phim chính, phân vân tự hỏi đèn đã thật sự tắt hay chưa.

Và rồi nó đập vào tôi. Đúng hơn là mơn trớn tôi. Mùi hương Fleur de Fleurs của hãng Nina Ricci, nồng độ một phần tỷ.

Chúng tôi bước xuống bờ sông. Chỉ có hai chúng tôi. Bọn Carl đang đi đâu quanh đó, nhưng Barnes đã bảo họ giữ khoảng cách và họ làm như vậy. Mặt trăng đã nhô lên, trải ánh bạc trên mặt nước cho tới chỗ chúng tôi ngồi, chiếu sáng mặt cô bằng thứ ánh sáng lóng lánh yếu ớt.

Sarah trông thảm thương nhưng vẫn thật tuyệt vời. Cô đã sụt cân một chút, và cô đã khóc quá nhiều. Họ nói với cô rằng bố cô đã chết mười hai tiếng trước đó, và vào khoảnh khắc ấy tôi muốn quàng tay ôm cô, hơn tất cả

những gì tôi từng muốn trong đời. Nhưng có gì đó không đúng. Tôi không biết tại sao.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc, nhìn ra mặt nước xa xa. Những chiếc ca nô đã tắt đèn, người ta phủ vải bạt lên chúng từ lâu rồi. Ở hai bên vệt trăng, dòng sông tối đen và yên tĩnh.

“Này,” cô nói.

“Vâng,” tôi nói.

Lại một khoảng yên lặng dài, trong khi chúng tôi nghĩ về những điều phải nói. Nó như một cục bê tông tròn lớn mà anh biết mình sẽ phải nhấc lên. Anh bước xung quanh nó, bước hoài, tìm một chỗ để nắm, nhưng không có.

Sarah thử trước.

“Hãy nói thật nhé. Ông đã không tin chúng tôi, phải không?”

Cô gằn như cười, bởi vậy tôi suýt trả lời rằng cô đã từng không tin là tôi không định giết bố cô. Tôi dừng lại kịp lúc.

“Đúng, tôi đã không tin,” tôi nói.

“Ông nghĩ chúng tôi chỉ làm trò cười. Giống như hai người Mỹ nửa đêm gặp ma.”

“Cũng tựa tựa thế.”

Cô lại bắt đầu khóc, và tôi ngồi chờ cho cơn xúc động qua đi. Khi nó đã qua rồi, tôi châm hai điếu thuốc, đưa cô một điếu. Cô rít thật sâu, rồi cứ vài giây lại gảy chỗ tàn thuốc không có thật xuống dòng sông. Tôi nhìn cô mà vờ như không nhìn.

“Sarah này,” tôi nói. “Tôi rất tiếc. Về mọi thứ. Về mọi thứ đã xảy ra. Và tiếc cho cô. Tôi muốn...” Tôi thật không thể nào nghĩ được điều đúng đắn để nói. Tôi chỉ cảm thấy mình nên nói gì đó. “Về mặt nào đó, tôi muốn làm mọi việc cho đúng. Tôi muốn nói là, tôi biết bố cô...”

Cô ngẩng lên nhìn tôi mỉm cười, bảo tôi đừng lo.

“Nhưng luôn luôn có một lựa chọn,” tôi lắp ba lắp bắp, “giữa việc làm điều đúng đắn và làm điều sai trái, bất chấp điều gì đã xảy ra. Và tôi muốn làm điều đúng đắn. Cô hiểu chứ?”

Cô gật đầu. Đó là một điều quá tốt ở cô, bởi tôi chẳng có chút khái niệm nào dù mơ hồ nhất về chuyện thật ra ý tôi muốn nói gì. Tôi có quá nhiều điều để nói, nhưng bộ óc lại quá nhỏ không sao sắp xếp được chúng. Bưu điện ba ngày trước Giáng sinh, đó là cái đầu tôi lúc này đây.

Cô thở dài.

“Ông ấy là người tốt, Thomas ạ.”

Chà, phải nói gì bây giờ?

“Tôi biết ông ấy là người tốt,” tôi nói. “Tôi quý ông.” Điều đó là thật.

“Tôi không thật sự biết điều đó cho đến năm ngoái,” cô nói. “Chúng ta không hay nghĩ cha mẹ mình là người thế nào, phải không? Tốt hay xấu. Họ có đó thì vẫn có đó thôi.” Cô dừng lại. “Cho tới khi họ không còn nữa.”

Chúng tôi nhìn dòng sông một lúc. “Bố mẹ ông còn sống chứ?”

“Không,” tôi nói. “Bố tôi mất khi tôi mười ba. Đau tim. Mẹ tôi thì qua đời bốn năm trước.”

“Tôi rất tiếc.”

Tôi không thể tin được. Cô đang lịch sự, dù cho tất cả những chuyện này...

“Cũng không sao,” tôi nói. “Lúc đó bà sáu mươi tám tuổi rồi.”

Sarah nghiêng người về phía tôi và tôi nhận ra rằng mình đang nói rất khế. Tôi không chắc tại sao. Có thể bởi vì đó là sự tôn trọng nỗi đau buồn của cô, hoặc có lẽ tôi không muốn giọng nói của mình phá vỡ sự điềm tĩnh mà cô đang có.

“Ông có kỷ niệm đáng nhớ nào về mẹ mình không?”

Đó không phải là một câu hỏi buồn. Nghe như cô thực sự muốn biết, như thể cô đang sẵn sàng thưởng thức câu chuyện về thời thơ ấu của tôi.

“Kỷ niệm đáng nhớ.” Tôi nghĩ ngợi một lúc. “Hằng ngày, giữa bảy giờ và tám giờ tối.”

“Tại sao?”

“Bà uống gin tăng lực. Bảy giờ đúng. Chỉ một cốc. Và trong một giờ bà trở thành người phụ nữ hạnh phúc nhất, vui tính nhất mà tôi từng biết.”

“Thế còn sau đó?”

“Buồn,” tôi nói. “Chẳng có từ nào khác cả. Bà là một phụ nữ buồn, mẹ tôi ấy. Buồn vì bố tôi, và buồn vì bản thân bà. Giá tôi như là bác sĩ của bà, chắc tôi sẽ kê đơn cho bà uống rượu gin sáu lần một ngày.” Trong một khoảnh khắc, tôi tưởng chừng muốn khóc. Rồi nó qua đi. “Thế còn cô?”

Cô không phải nghĩ quá nhiều về chuyện của mình, nhưng cô vẫn chờ, đùa với nó trong đầu mình và việc đó khiến cô mỉm cười.

“Tôi không có nhiều kỷ niệm hạnh phúc với mẹ của tôi. Khi tôi lên mười hai bà ấy bắt đầu ngủ với tay huấn luyện viên quần vợt của mình rồi mùa hè năm sau thì biến mất. Điều tốt nhất từng đến với chúng tôi là,” và cô nhắm

mất lại trong sự ảm áp của ký ức, “bố tôi đã dạy anh trai tôi và tôi chơi cờ. Khi chúng tôi lên tám, chín gì đó. Michael chơi tốt, tiếp thu rất nhanh. Tôi cũng chơi khá, nhưng Michael chơi tốt hơn. Nhưng khi chúng tôi học chơi, bố tôi thường chơi chấp Hậu. Ông luôn lấy quân đen và luôn đánh không có Hậu. Khi Michael và tôi chơi tiến bộ hơn, ông cũng không bao giờ lấy lại quân đó. Vẫn cứ chơi không Hậu, thậm chí khi Michael có thể hạ bố tôi chỉ sau mười nước. Cho tới khi Michael có thể chơi không có Hậu mà vẫn thắng. Nhưng bố tôi vẫn cứ tiếp tục, thua hết ván này tới ván khác, và không một lần nào chơi với đầy đủ quân trên bàn cờ.”

Cô cười to, toàn thân cử động, và những cử động ấy khiến cô phải đuổi người ra sau, tựa trên hai khuỷu tay.

“Vào sinh nhật thứ năm mươi của bố, Michael tặng ông một con Hậu đen, đựng trong chiếc hộp nhỏ bằng gỗ. Ông đã khóc. Thật lạ khi thấy bố mình khóc. Nhưng tôi nghĩ ông đã rất vui được thấy chúng tôi học hỏi, mạnh lên cứng cáp lên, ông không bao giờ muốn mất đi cái cảm giác đó. Ông muốn chúng tôi chiến thắng.”

Rồi, đột nhiên, nước mắt ứa ra như một cơn sóng khổng lồ, xô vào cô làm rung tâm thân mảnh dẻ của cô cho tới lúc cô hầu như không còn thở được. Tôi nằm xuống, vòng tay quanh cô, siết cô thật chặt để che chắn cho cô khỏi mọi thứ.

“Sẽ ổn thôi,” tôi nói. “Tất cả mọi thứ rồi sẽ ổn.”

Nhưng tất nhiên chẳng ổn chút nào. Còn xa mới ổn.

Mười Sáu

Đây điệu nghệ nàng rung cái lưỡi vĩnh hằng, một cách thanh cao nhất giữa những điều sai.

EDWARD YOUNG

Người ta sợ có bom trên chuyến bay tới Praha. Không hề có bom, nhưng nỗi sợ thì nhiều.

Chúng tôi vừa mới ổn định xong chỗ ngồi thì giọng phi công qua hệ thống điện đàm yêu cầu chúng tôi phải rời máy bay càng nhanh càng tốt. Không phải “thưa quý bà quý ông, thay mặt hãng hàng không British Airways,” hay gì gì. Chỉ là “ra khỏi máy bay ngay”, chấm hết.

Chúng tôi ngồi quanh một căn phòng sơn màu hoa tử đinh hương, với số ghế ít hơn mười cái so với số hành khách, không có nhạc nhẽ gì, và không được phép hút thuốc. Tôi, dù sao, vẫn cứ hút. Một phụ nữ mặc đồng phục trát nhiều son phấn tới bảo tôi tắt điều thuốc đi, nhưng tôi giải thích rằng tôi bị hen và thuốc lá là được thảo trị liệu làm giãn nở cuống phổi mà tôi phải dùng mỗi khi bị stress. Mọi người ai cũng ghét tôi vì chuyện đó, những người hút thuốc thậm chí còn ghét hơn cả những người không hút thuốc.

Khi cuối cùng lục tục quay trở lại máy bay, chúng tôi ai cũng nhìn dưới ghế mình, lo rằng con chó đánh hơi có thể bị cảm cúm đúng ngày hôm đó, và ở đầu đây có một hộp dụng cụ nhỏ màu đen mà cả đội kiểm tra đã không phát hiện ra.

Từng có một người đàn ông đến gặp bác sĩ tâm lý, do cứ hễ đi máy bay là ông ta lại sợ run người. Nỗi sợ của ông ta dựa trên niềm tin rằng sẽ có bom trên bất cứ chuyến bay nào ông ta đi. Bác sĩ tâm lý cố làm thay đổi nỗi ám ảnh ấy nhưng không thể, thế nên ông ta gửi bệnh nhân của mình tới gặp

một nhà thống kê. Nhà thống kê tiến hành tính toán rồi nói với người đàn ông rằng xác suất có bom trên chuyến tiếp theo mà ông ta bay là một phần nửa triệu. Người đàn ông vẫn chưa vừa lòng nên cứ ngồi đó, tin chắc mình sẽ đi trên chính cái chuyến một phần nửa triệu đó. Bởi thế nhà thống kê thực hiện lại phép tính và nói, “Được rồi, thế nếu xác suất là một phần mười triệu thì ông có cảm thấy an toàn hơn không?” Người đàn ông nói có, tất nhiên ông ta sẽ thấy an toàn hơn. Nhà thống kê liền nói, “Xác suất để có hai quả bom, riêng lẻ, không phụ thuộc nhau trên chuyến bay tiếp theo của ông chính xác là một phần mười triệu.” Người đàn ông hoang mang, liền đáp, “Như thế là ổn và rất tốt, nhưng nó giúp gì được cho tôi?” Nhà thống kê trả lời: “Rất đơn giản. Ông hãy mang theo người một quả bom lên máy bay.”

Tôi kể chuyện này với một thương gia mặc com lê màu xám què ở Leicester, ngồi ở ghế cạnh tôi, nhưng ông ta không cười tí nào. Thay vào đó ông ta gọi một cô tiếp viên đến rồi nói rằng ông ta nghĩ tôi có mang theo bom trong hành lý. Tôi phải kể lại câu chuyện với cô tiếp viên, và kể lần thứ ba cho cơ phó, anh này đi rồi quay lại, ngồi xôm cạnh chân tôi với cái cau mày trên mặt. Tôi sẽ không bao giờ bắt chuyện với người lạ nữa.

Có lẽ tôi đã đánh giá sai cảm giác của người ta khi có bom trên máy bay. Có khả năng thế. Một lời giải thích khả dĩ hơn là do tôi là người duy nhất trên chuyến bay biết rằng trò đùa báo có bom bắt nguồn từ đâu, và nó có nghĩa gì.

Đó là động thái bày trò gây một mối đầu tiên của Điệp vụ Củi khô.

Sân bay Praha nhỏ hơn một chút so với cái biển “Sân bay Praha” ở đằng trước một nhà chờ. Quy mô khổng lồ kiểu Stalin của cái biển làm tôi băn khoăn không biết có phải nó được xây từ trước thời đại định vị vô tuyến, để cho phi công có thể đọc được khi mới bay được nửa đường, đang ở giữa Đại Tây Dương hay không.

Ở bên trong một sân bay, hừm, là một sân bay. Bất kể anh đang ở đâu trên thế giới, anh phải có một cái sàn lát đá để đẩy xe hành lý, anh phải có cái xe hành lý, và anh phải có vài cái hộp kính trưng bày mấy cái thắt lưng da cá sấu mà sẽ chẳng ai mua trong một nghìn năm văn minh nữa.

Tin tức về vụ đào thoát của Séc khỏi cái dạ dày Xô Viết chưa đến được với các nhân viên sở di trú, những người ngồi trong hộp kính mà diễn lại Chiến tranh Lạnh với những cái nhìn hằn học rơi vào từ tấm ảnh hộ chiếu đến tên tư bản thối nát đang đứng trước mặt họ. Tôi là tên tư bản đó, và tôi đã phạm phải sai lầm là mang trên mình chiếc áo Hawaii, có lẽ nó chỉ càng nhấn mạnh hơn sự thối nát của tôi. Để rút kinh nghiệm cho lần sau vậy. Trừ phi có thể tới lần sau thì ai đó đã tìm được chìa khóa vào trong mấy cái hộp kính ấy mà bảo những kẻ tội nghiệp chuyên gây trở ngại kia rằng giờ đây chúng ta đã có chung nền văn hóa và mặt bằng kinh tế với Euro-Disney rồi. Tôi quyết định thử học cụm từ tiếng Séc để nói “nhớ em rồi”.

Tôi đòi một ít tiền rồi đi ra ngoài vẫy taxi. Đó là một buổi tối mát mẻ, vũng nước bùn rộng ở bãi đỗ xe phản chiếu lên trời ánh sáng màu xanh xám từ tấm bảng quảng cáo neon, làm cho buổi tối thậm chí còn có vẻ mát hơn. Tôi ngoặt ở góc nhà chờ và gió ùa vào chào đón tôi, liếm vào mặt tôi bằng nước mưa có mùi dầu diesel rồi trượt khỏi mặt tôi mà nhảy nhót vui vẻ trên cẳng chân tôi, giật ống quần tôi. Tôi đứng đó một lúc, để cho cơ thể ngấm dần sự lạ lẫm của nơi này, hoàn toàn ý thức rằng mình, bằng rất nhiều cách khác nhau, đã đi từ nước này sang nước khác.

Cuối cùng tôi tìm được một chiếc taxi, và nói với người tài xế bằng thứ tiếng Anh thuần thực rằng tôi muốn tới quảng trường Wenceslas. Lời yêu cầu này, giờ tôi biết, về mặt ngữ âm tương tự như cụm từ Séc “Tôi là một thằng đàn đi du lịch, xin hãy lột đi mọi thứ tôi có.” Xe là một chiếc Tatra, còn tài xế là thằng đều; anh ta lái xe nhanh và khá cừ, tự ư ử với chính mình một cách sung sướng, giống như người vừa mới thắng bạc vậy.

Đó là một trong những khung cảnh đẹp nhất tôi từng được thấy ở bất cứ thành phố nào. Quảng trường Wenceslas chẳng giống quảng trường chút

nào, mà là một đại lộ kép, chạy dọc sườn dốc từ chỗ Bảo tàng Quốc gia hùng vĩ ngự bên trên nó. Cho dù thậm chí không biết gì về chỗ đó, tôi cũng cảm thấy rằng nó rất quan trọng. Lịch sử xa xưa và hiện đại đan xen nhau trên nhiều đoạn của khoảng nửa dặm đá vàng và xám này, để lại một thứ mùi. *Thứ mùi của thời đại Praha*. Những mùa Xuân, mùa Hạ, mùa Đông và mùa Thu Praha đã đến rồi đi, và hẳn lại sẽ đến nữa.

Khi lái xe nói với tôi anh ta muốn bao nhiêu tiền, tôi phải mất vài phút để giải thích rằng không phải là tôi muốn mua cái xe, tôi chỉ muốn rúc vào trong đó mười lăm phút thôi. Anh ta nói với tôi đó là dịch vụ cho xe Limousine hoặc ít nhất anh ta đã nói “limousine” và nhún vai rất nhiều lần, và sau một lúc anh ta đã đồng ý giảm yêu cầu xuống chỉ còn ở mức trên trời. Tôi xách túi lên và bắt đầu cất bước.

Người Mỹ đã nói chỗ ăn nghỉ thì tôi phải tự tìm tự thu xếp lấy, và cách duy nhất chắc chắn để mình trông giống như một người đã bỏ nhiều thời gian tìm chỗ ở là bỏ nhiều thời gian ra để tìm chỗ ở. Bởi vậy tôi bước vào một cuộc hành quân thoải mái, tới Praha One, quận trung tâm của khu phố cổ, sau khoảng hai giờ. Hai mươi sáu nhà thờ, mười bốn phòng tranh và bảo tàng, một nhà hát opera - nơi cậu bé Mozart đã trình diễn buổi đầu tiên với đêm ra mắt vở *Don Giovanni* - tám rạp hát, và một nhà hàng McDonald. Một trong các địa điểm trên có một hàng người xếp dài gần năm mươi mét ở bên ngoài.

Tôi dừng lại ở vài quán rượu để hòa mình vào không gian xung quanh những chiếc cốc cao, thẳng, với dòng chữ “Budweiser” nơi thành cốc, và ngắm nhìn những người Séc hiện đại đi lại, nói chuyện, ăn mặc, tiêu khiển. Hầu hết các bồi bàn đều cho tôi là người Đức, đó cũng là một lỗi chấp nhận được nếu xét số người Đức tới thành phố này. Họ đến theo từng nhóm mười hai người, khoác ba lô trên lưng, với những cặp giò bự, nối đuôi nhau trên mọi con phố họ đi qua. Nhưng tất nhiên, đối với hầu hết người Đức, Praha chỉ cách vài giờ đi nhanh bằng xe tăng, bởi vậy chẳng có gì ngạc nhiên khi họ đối xử với nơi này giống như góc cuối vườn nhà họ.

Tôi gọi một đĩa thịt lợn luộc và bánh bao trong một tiệm cà phê gần sông, rồi, theo lời khuyên của một cặp người xứ Wales ngồi bàn bên, làm một chuyến đi dạo qua cầu Charles. Ông bà người Wales đã cam đoan với tôi đó là một kiến trúc tuyệt hảo, nhưng nhờ có hàng ngàn người hát rong buông rèm trên mỗi mét lan can, tất cả đều hát những bài hát của Dylan, nên tôi không bao giờ nhìn thấy chút tuyệt hảo nào của nó.

Cuối cùng tôi cũng tìm được chỗ trọ ở Zlata Praha, một khu nhà trọ tồi tàn trên đồi gần với lâu đài. Bà chủ nhà cho tôi chọn giữa một căn phòng rộng bẩn thỉu và một căn phòng bé nhỏ sạch sẽ, tôi chọn cái rộng, bẩn thỉu, tự nghĩ rằng mình có thể dọn dẹp được. Sau khi bà ấy đi rồi, tôi mới nhận ra rằng điều đó thật ngu ngốc làm sao. Tôi thậm chí còn chưa bao giờ dọn dẹp căn hộ của chính mình.

Tôi dỡ đồ ra, nằm xuống giường hút thuốc. Tôi nghĩ về Sarah, về bố cô, về Barnes. Tôi nghĩ về bố mẹ mình, về Ronnie, những chiếc trục thăng, những chiếc xe máy, người Đức và những chiếc bánh kẹp thịt hiệu McDonald.

Tôi nghĩ về rất nhiều thứ.

Tôi tỉnh dậy lúc tám giờ, lắng nghe những âm thanh khi thành phố tự lòi nó thức dậy và vận động. Tiếng ồn lạ duy nhất là tiếng xe điện, lóc cóc lướt suýt trên những con phố rải sỏi và ngang qua những chiếc cầu. Tôi băn khoăn không biết có nên cứ mặc chiếc áo Hawaii hay không.

Tới chín giờ tôi đã ở trong quảng trường thành phố, bị quấy rối bởi một người đàn ông thấp lùn để ria mép, ông ta mời chào tôi một tour tham quan thành phố bằng xe ngựa kéo. Theo quảng cáo, tôi sẽ được kéo đi trên chiếc xe cỏ lạ lạ của ông ta, nhưng chỉ liếc qua tôi đã thấy có vẻ đó là nửa dưới của một chiếc Mini Moke, động cơ đã được tháo ra, và cang xe ngựa được gắn vào chỗ trước kia là đèn pha trước. Tôi nói “không, cảm ơn” cả chục lần và “biến đi” một lần.

Tôi đang tìm một quán cà phê có những chiếc ô Coca Cola che trên các bàn. Đó là nơi họ nói. Tom, khi anh tới đó, anh sẽ thấy một quán cà phê với những chiếc ô Coca Cola che trên các bàn. Điều họ không nói, hoặc có lẽ đã không nhận ra, là tay đại lý Coca Cola ở khu vực này làm việc quá tận tâm nên đã có thể đem những chiếc ô Coca Cola phủ kín chừng hai chục quán. Đại lý của thuốc lá Camel chỉ bỏ được độc hai chỗ, bởi vậy chắc anh ta đã bị chết rục ở cái rãnh nào rồi, trong khi tay đại lý Coca Cola hẳn đã được thẻ đồng và một chỗ đỗ xe riêng tại trụ sở công ty ở Utah.

Tôi tìm thấy nó sau hai mươi phút. Quán Nicholas. Hai bảng một cốc cà phê.

Họ bảo tôi vào ngồi trong nhà, nhưng đó là một buổi sáng đẹp trời nên tôi cảm thấy không muốn phải làm theo những gì người ta bảo, bởi vậy tôi ngồi ở một chỗ bên ngoài nơi có thể ngắm quảng trường và những người Đức đi qua. Tôi gọi cà phê, và trong khi đó có hai người đàn ông từ trong quán đi ra rồi ngồi xuống bàn bên cạnh. Cả hai đều còn trẻ, nhìn khá cân đối, đều đeo kính râm. Chẳng ai nhìn về hướng tôi. Có lẽ họ ngồi bên trong đã được một giờ, chuẩn bị vị trí đẹp cho một cuộc gặp, và tôi đã tới phá hỏng mọi thứ.

Tuyệt hảo.

Tôi chỉnh lại vị trí ghế và nhắm mắt một lúc, cho tới khi ánh nắng lọt vào chân chim kẽ mắt.

“Ông chủ,” một giọng nói, “thật là một thú vui hiếm có.”

Tôi nhìn quanh thì thấy một bóng người mặc áo mưa màu nâu đang nghiêng người xuống chỗ mình.

“Ghế này có ai ngồi chưa?”

Anh ta ngồi vào đó mà không chờ câu trả lời.

Tôi nhìn anh ta.

“Chào David,” cuối cùng tôi nói.

Tôi vỗ một điều thuốc ra khỏi bao trong khi anh ta ra hiệu cho bồi bàn. Tôi liếc nhìn qua hai anh chàng kính râm, nhưng bọn họ đang cố nhìn ra xa khỏi tôi mỗi khi tôi quay lại.

“*Kava, prosim,*” Solomon nói, bằng một giọng có vẻ khá hay. Anh ta quay lại phía tôi. “Cà phê ngon, thức ăn thì dở tệ. Đó là điều tôi vừa mới viết vào trong bưu thiếp của mình.”

“Không thể là anh được,” tôi nói.

“Vậy hả? Thế là ai nào?”

Tôi vẫn nhìn. Đó là điều ít được dự liệu nhất. “Để tôi nói thế này nhé,” tôi nói. “Có phải anh đấy không?”

“Ý ngài là có phải tôi đang ngồi đây, hay là tôi sẽ dự cuộc họp như ngài nghĩ?”

“David.”

“Cả hai, thưa ngài.” Solomon ngả người về sau để cho bồi bàn đặt cốc cà phê xuống. Anh ta nhấp một ngụm và chép môi hài lòng. “Tôi có vinh dự được đóng vai người huấn luyện trong thời gian ngài dừng chân ở xứ sở này. Tôi tin rằng ngài sẽ thấy mối quan hệ này là có lợi.”

Tôi hất cằm về phía mấy tay kính râm. “Họ đi với anh à?”

“Chính là ở chỗ đó, thưa ông chủ. Họ chẳng ưa ai cho lắm, nhưng cũng ôn thôi.”

“Người Mỹ à?”

Anh ta gật đầu.

“Ngọt ngào làm sao. Cái điệp vụ này rất, rất có tính kết dính. Thực tế là kết dính hơn rất nhiều so với chúng ta trong từng ấy thời gian. Một điều tốt, nói cho ngắn gọn.”

Tôi nghĩ một lúc.

“Nhưng tại sao họ không nói với tôi?” tôi nói. “Ý tôi là họ biết rằng tôi biết anh, vì có gì mà họ không nói với tôi?”

Anh nhún vai.

“Chúng ta chỉ là những cái khớp trên bánh xe của một cỗ máy khổng lồ, phải không ngài?”

Chà, đúng vậy.

Tất nhiên tôi muốn hỏi Solomon mọi chuyện.

Tôi muốn đưa anh ta quay trở lại đúng từ đầu - để dựng lại tất cả mọi thứ mà chúng tôi biết về Barnes, O’Neal, Murdah, Củi khô và Sau Đại học - như thế chúng tôi có thể định vị được một lưới tam giác trong mớ hỗn lộn này, có lẽ thậm chí còn lập ra cả một khóa học từ đó nữa.

Nhưng có những lý do khiến tôi không thể. Những lý do đô con, vạm vỡ từ phía cuối lớp học giơ tay lên ngoe nguẩy, buộc tôi phải lắng nghe chúng. Nếu tôi nói với anh ta những điều tôi nghĩ là mình biết, có thể Solomon sẽ làm điều đúng đắn hoặc điều sai trái. Điều đúng đắn sẽ rất có khả năng giết chết Sarah và tôi và hiển nhiên là không thể ngăn cản được những gì đang đến. Hành động đó có thể trì hoãn phi vụ này, có thể buộc người ta phải làm lại với một nhóm khác vào một lúc khác, nhưng sẽ không thể dừng nó lại. Điều sai trái thì không đáng bàn tới. Bởi vì điều sai trái có nghĩa là Solomon ở trong một nhóm khác, và một khi đã thế thì coi như không ai biết ai cả.

Bởi thế, trước mắt, tôi im miệng mà lắng nghe trong khi Solomon nói sơ lược những điều tôi sẽ phải vượt qua trong bốn mươi tám tiếng tới. Anh ta nói nhanh nhưng bình tĩnh, và chúng tôi đã nắm bắt được rất nhiều vấn đề trong vòng chín mươi phút, cũng nhờ anh ta không phải nói “điều này thực sự rất quan trọng” trước mỗi câu, như người Mỹ đã làm.

Các Kính Râm đang uống Coca Cola.

Buổi chiều hôm đó tôi có thể dành cho riêng mình, và bởi dường như phải còn lâu lắm tôi mới có lại được một buổi chiều như thế nữa nên tôi đã tiêu xài nó một cách phung phí. Tôi uống rượu, đọc báo cũ, lắng nghe buổi diễn ngoài trời của một tay Mahler nào đó, tự trung là vui chơi như một quý ông rất mực thanh thoi.

Tôi gặp một phụ nữ Pháp trong quán bar, cô nói mình làm việc trong một công ty phần mềm máy tính, và tôi hỏi cô muốn làm tình với tôi không. Cô chỉ nhún vai, rất Pháp, tôi hiểu đó nghĩa là “không”.

Thời gian hẹn là lúc tám giờ, cho nên tôi cứ nhẩn nha ở quán cà phê cho tới quá mười giờ, chén thêm một lượt thịt lợn luộc với bánh bao và hút thuốc xả láng. Tôi thanh toán hóa đơn rồi bước ra không gian buổi tối mát mẻ, cuối cùng cũng cảm thấy mạch máu của mình đập mạnh hơn trước viễn cảnh hành động.

Tôi biết không có lý do gì để cảm thấy thoải mái cả. Tôi biết rằng công việc hầu như là bất khả thi, rằng chặng đường trước mắt còn dài, hiểm trở và có rất ít trạm xăng, và rằng cơ hội để tôi hưởng hết trăm năm cuộc đời đã rơi đập dưới sàn.

Nhưng, dù vì bất cứ lý do gì, tôi đang cảm thấy thoải mái.

Solomon đang đợi tôi ở chỗ hẹn với một Kính Râm. Ý tôi là một trong số hai cặp kính. Tuy nhiên, rõ ràng anh ta không đeo kính râm lúc này, ngoài trời đã tối, bởi thế tôi phải nhanh chóng chế một cái tên mới cho anh ta. Sau

vài giây suy nghĩ, tôi tìm được cái tên Không Kính Râm. Tôi nghĩ có lẽ trong tôi có một phần của người da đỏ Cree.

Tôi xin lỗi vì tới trễ, Solomon liền mỉm cười, rồi bảo rằng tôi không đến muộn, điều đó thật bức mình, sau đó ba chúng tôi trèo lên một chiếc Mercedes bản thủ, lăm lem dầu mỡ, Không Kính Râm cầm lái và khởi hành theo đường chính tới phía Đông thành phố.

Sau nửa tiếng chúng tôi đã ra khỏi ngoại ô Praha, con đường đã nhỏ lại thành hai làn đường cao tốc. Chúng tôi đi với tốc độ vừa phải. Cách tôi tệ nhất để làm hỏng một điệp vụ ngầm ở nước ngoài chính là dính vé phạt quá tốc độ, và dường như Không Kính Râm đã tiếp thu bài học này rất tốt. Solomon và tôi đưa ra những nhận xét thông thường về vùng thôn quê, như màu xanh thế nào, phần nào nhìn giống xứ Wales - mặc dù tôi không chắc liệu có ai trong hai chúng tôi tới đó chưa - nhưng nếu không làm vậy thì chúng tôi chẳng có gì nhiều để nói. Thay vào đó, chúng tôi vẽ tranh trên cửa kính đầm hơi nước trong khi châu Âu đang thu mình lại ngoài kia, Solomon vẽ hoa, còn tôi vẽ những mặt cười.

Sau một giờ, biển chỉ đường bắt đầu dẫn tới Brno, cái biển nhìn cứ như viết không đúng, đọc cũng không đúng nốt, nhưng tôi biết chúng tôi sẽ không đi xa đến thế. Chúng tôi rẽ lên hướng Bắc đi về phía Kostelec, rồi gần như ngay lập tức lại quay sang hướng Đông, trên một con đường thậm chí còn nhỏ hơn nữa, chẳng có biển hiệu gì. Điều này gần như gộp tất cả lại.

Chúng tôi đi sâu vào trong rừng thông đen vài dặm, và rồi Không Kính Râm chuyển sang dùng đèn hồng, làm cho vận tốc của chúng tôi chậm lại. Sau khoảng vài dặm như thế, anh ta tắt hết tất cả đèn, và bảo tôi dụi tắt thuốc đi bởi vì nó “gây khó khăn cho tầm nhìn của anh ta vào ban đêm”.

Và rồi, đột ngột, chúng tôi đã ở đó.

Họ giữ anh ta ở dưới tầng hầm một ngôi nhà trong trang trại. Trong bao lâu, tôi không biết - chỉ biết rằng sẽ không quá lâu nữa. Anh ta chừng bằng tuổi

tôi, cao tầm tôi, có lẽ cũng xấp xỉ cân nặng như tôi trước khi họ ngừng cho anh ta ăn. Họ nói tên anh ta là Ricky, và anh ta từ Minnesota tới. Họ không nói rằng anh ta đang sợ chết khiếp và muốn trở lại Minnesota càng sớm càng tốt, bởi vì họ không cần phải nói. Điều đó hiện hữu trong mắt anh ta, rõ như bất cứ thứ gì trong mắt bất cứ người nào.

Ricky bỏ đi từ năm mười bảy tuổi. Bỏ trường, bỏ nhà, bỏ hầu hết mọi thứ mà một thanh niên trẻ tuổi có thể bỏ được - nhưng rồi, rất mau chóng sau đó, anh ta lại rơi vào một vài thứ, một vài thứ thay thế, và chúng làm anh ta cảm thấy bản thân mình khá khảm hơn. Trong một khoảng thời gian, dù gì đi nữa.

Nhưng lúc này Ricky lại thấy bản thân mình tệ hơn rất nhiều; nhất là bởi anh ta đã tự khiến mình rơi vào tình cảnh phải trần truồng dưới gian hầm một ngôi nhà lạ, ở một đất nước lạ, với những người lạ nhìn mình chăm chặp, vài kẻ trong số họ có khi thỉnh thoảng làm anh ta đau, còn những kẻ khác vẫn đang đợi đến lượt. Lập lòa trong sâu thẳm trí óc Ricky, tôi biết, có những hình ảnh từ hàng ngàn thước phim mà trong đó người hùng, khi lâm cảnh hoạn nạn tương tự, liền ném trở lại vào đầu anh ta cái nhìn khinh miệt đối với những kẻ hành hạ anh ta, chửi vào mặt chúng. Và Ricky đã từng ngồi trong bóng tối, cùng hàng triệu thiếu niên khác, học bài học con người phải ứng xử thế nào trong hoàn cảnh khó khăn. Trước tiên, họ chịu đựng ; rồi họ trả thù.

Nhưng không phải tất cả đều chói lọi như thế - tất cả chỉ là hai hòn dái lợn, hoặc bất cứ thứ gì người ta nói ở Minnesota- Ricky đã không nhận ra lợi thế quan trọng mà những chúa ngục này có đối với anh ta. Trên thực tế, chỉ có một lợi thế duy nhất, nhưng nó rất quan trọng. Đó là, phim ảnh không phải thật. Thực vậy. Chúng không phải thật.

Ngoài đời thực, và tôi xin lỗi nếu tôi đang làm tan vỡ các ảo tưởng ở đây, những người rơi vào hoàn cảnh như Ricky sẽ không chửi bới ai hết. Họ không có cái nhìn khinh miệt, họ không nhổ nước bọt vào mặt người khác, và, tất nhiên, hẳn nhiên rồi, dứt khoát là họ không thể tự giải phóng mình ra

khỏi phòng giam. Điều họ thực sự làm là đứng như con vật nuôi bất động, run lẩy bẩy, khóc lóc cầu xin, nói đúng ra là van xin, van xin được gặp mẹ. Mũi dài chảy dài, hai chân run bần, họ thút tha thút thít. Đó là điều mà con người, tất cả mọi người, đều làm, và đời thực là như thế.

Rất tiếc, nhưng nó là thế.

Bố tôi thường trồng dâu tây dưới một tấm lưới. Thi thoảng có một con chim nhìn thấy những quả đỏ, ngọt, chín mọng dưới đất, liền quyết định thử chui xuống dưới tấm lưới, ăn trộm quả rồi bay đi. Rồi con chim làm lần một, lần hai chuẩn xác ngon lành - dễ như không, bọn chúng đến chính xác cứ như đồng hồ- nhưng lần thứ ba cô nàng hoặc anh chàng có thể sẽ trở thành bữa ngon cho chó. Có thể chúng bị mắc vào kẽ lưới, tiếp đó sẽ có rất nhiều tiếng quác quác và đập cánh, thế là bố tôi sẽ từ luống khoai tây nhìn lên, huýt sáo gọi tôi lại, và bảo tôi gỡ con chim ra. Thật cẩn thận. Giữ lấy nó, gỡ chỗ vướng, và thả nó tự do.

Đó là công việc tôi ghét hơn bất cứ công việc nào suốt thời niên thiếu.

Nỗi sợ hãi thật kinh khủng. Nó là cảm giác kinh khủng nhất trong tất cả các trạng thái tình cảm. Một con vật đang trong trạng thái giận dữ là một chuyện, như thế khá là đáng cho ta cảnh giác, nhưng một con vật đang trong trạng thái sợ hãi - đang đung đưa, đang lắc lư, đang nhìn, đang đớp từng nắm lông trong hoảng loạn - lại là chuyện khác. Tôi không bao giờ muốn thấy lại thứ đó lần nữa.

Tuy nhiên, giờ tôi đang ở đây, và đang thấy điều đó.

“Đồ cục c...”, một tay người Mỹ nói, bước vào trong bếp và ngay lập tức bận rộn với cái ấm nước. Solomon và tôi nhìn nhau. Chúng tôi ngồi lại ở bàn trong hai mươi phút sau khi người ta đưa Ricky đi, mà không hề nói với nhau lời nào. Tôi biết anh ta cũng choáng như tôi vậy, và anh ta biết rằng tôi biết, bởi thế chúng tôi chỉ ngồi đó, tôi nhìn bức tường, còn anh ta lấy móng tay cào những vết dài lên thành ghế.

“Điều gì sẽ xảy đến với anh ta?” Tôi hỏi, vẫn dán mắt vào bức tường.

“Không phải chuyện của ông,” tay người Mỹ nói trong khi xúc cào phê vào một cái bình. “Không phải vấn đề của một ai cả, sau ngày hôm nay.” Tôi nghĩ anh ta đã cười khi nói điều đó, nhưng tôi không dám chắc.

Ricky là một tên khủng bố. Đó là điều mà người Mỹ nghĩ về anh ta, và đó là lý do tại sao họ ghét anh ta. Dù sao thì họ ghét tất cả bọn khủng bố, nhưng điều khiến cho Ricky trở nên đặc biệt, điều khiến họ ghét anh ta nhất, đó là: anh ta là một tên khủng bố người Mỹ. Và đó dường như là một điều không đúng đắn. Trước khi vụ Oklahoma xảy ra, dân thường Mỹ vẫn xem những vụ đặt bom nơi công cộng như một thứ quái lạ, kiểu truyền thống của châu Âu, giống như đấu bò tót và nhảy Morris. Những thứ đó nếu có được phổ biến ra ngoài châu Âu thì chắc chắn cũng chỉ đi về hướng Đông, đến với những tay đua lạc đà, những cái đầu quấn khăn, tới những người con trai con gái đạo Hồi. Làm nổ tung những khu mua sắm, các tòa đại sứ, bắn tĩa những người mới trúng cử vào chính phủ, cướp những chiếc 747 chẳng vì gì khác ngoài tiền, đó là những chuyện xa lạ với người Mỹ hay người Minnesota. Nhưng vụ Oklahoma đã làm thay đổi rất nhiều thứ, tất cả đều trở nên tồi tệ hơn, và, như một hệ quả tất yếu, Ricky phải trả giá đắt cho những mộng tưởng của mình.

Ricky là một tay khủng bố người Mỹ, và anh ta là con sâu làm rầu nồi canh.

Tôi quay trở lại Praha lúc bình minh, nhưng không lên giường. Hoặc ít ra tôi có tới bên giường, nhưng không nằm xuống. Tôi ngồi ở thành giường, với một cái gạt tàn đầy và một bao Marlboro rỗng, cứ nhìn chăm chăm vào tường. Nếu như có một cái ti vi ở trong phòng, có thể tôi đã xem. Hoặc có thể không. Một tập phim *Khẩu Magnum* mười năm tuổi, lòng tiếng Đức, cũng chẳng thú vị hơn mấy so với một bức tường.

Họ nói với tôi rằng cảnh sát sẽ đến lúc tám giờ, nhưng thực ra chỉ bảy giờ mấy phút tôi đã nghe tiếng ủng đầu tiên trên bậc thềm. Có thể xem cái trò

trẻ con này là nhằm đảm bảo tôi sẽ mất nhắm mắt mở ngạc nhiên, trong trường hợp tôi không thể giả bộ một cách thật thuyết phục. Những người này không hề có niềm tin.

Họ có khoảng hơn chục người, tất cả đều mặc đồng phục, và họ hành xử quá đà, đập cửa, hò la, làm đổ tất cả mọi thứ. Tay đội trưởng nói được chút tiếng Anh, nhưng không đủ để hiểu từ “đau quá”, có vẻ thế. Họ lôi tôi xuống cầu thang ngang qua chỗ bà chủ nhà mặt trắng bệch - bà ta có lẽ đã hy vọng rằng cái thời những người ở trọ bị tổng lên xe cảnh sát lúc bình minh đã qua lâu rồi - trong khi những cái đầu tóc rối bù khác lo lắng ngó nhìn tôi từ sau các khe cửa.

Ở đồn cảnh sát, tôi bị giữ trong một căn phòng hồi lâu - không cà phê, không thuốc lá, không gương mặt nào thân thiện- rồi, sau khi thêm nhiều quát tháo, vài cái tát và mấy cú thụi vào ngực, tôi bị quăng vào một buồng giam; *không* thắt lưng, *chẳng* dây giày.

Về tổng thể, chúng khá là hữu dụng.

Có hai người khác cùng ở trong phòng giam, đều là đàn ông, họ không thức dậy khi tôi bước vào. Một trong hai người có lẽ không thể đứng dậy được cho dù có muốn chẳng nữa, hình như ông ta say quá cần câu. Ông ta sáu mươi, bất tỉnh, rượu còn rỉ ra từ mọi phần cơ thể, cái đầu ngoẹo thấp xuống ngực đến nỗi ta hầu như không thể tin nổi là có một cái xương sống gắn cái mình với cái thân.

Người thứ hai trẻ tuổi hơn, da sẫm màu hơn, mặc áo phong quần kaki. Ông ta nhìn tôi một lượt, từ đầu tới chân rồi lại nhìn lần nữa, sau đó tiếp tục bẻ xương cổ tay và các ngón tay trong khi tôi nhắc ông say ra khỏi ghế, đặt ông ta nằm xuống, không nhẹ nhàng lắm, vào một góc. Tôi ngồi xuống đối diện với Áo Phong và nhắm mắt lại.

“Đức à?”

Tôi không chắc mình đã ngủ bao lâu bởi vì họ cũng đã lấy đi đồng hồ của tôi - chắc là phòng trường hợp tôi treo cổ bằng cái đó - nhưng cái mông tê cứng của tôi cho biết rằng ít nhất vài giờ đồng hồ đã trôi qua.

Ông say đã đi, và ông Áo Phong đang ngồi cạnh tôi.

“Đức à?” Ông ta hỏi.

Tôi lắc đầu và lại nhắm mắt, cảm nhận chính bản thân mình lần cuối trước khi bắt đầu làm một người khác.

Tôi nghe tiếng Áo Phong gãi người. Những tiếng gãi dài, chậm chậm, đầy suy nghĩ.

“Người Mỹ hả?” Ông ta hỏi.

Tôi gật đầu, mắt vẫn còn nhắm, và cảm thấy một khoảnh khắc bình yên đến lạ. Thật dễ dàng khi ta làm một người khác.

Họ giữ Áo Phong trong bốn ngày còn tôi mười ngày. Tôi không được phép cạo râu hay hút thuốc, còn chuyện ăn uống thì bị một tay đầu bếp nào đó làm cho phát nản. Họ hỏi tôi một hai lần về vụ dọa bom trong chuyến bay từ Luân Đôn, yêu cầu tôi nhìn vào những tấm ảnh, ban đầu chỉ riêng hai hay ba tấm, và rồi, khi họ bắt đầu mất hứng thú thì là cả một album toàn ảnh những kẻ phạm tội - nhưng tôi tỏ rõ quan điểm bằng cách không chú ý vào chúng, và cố ngáp mỗi khi họ tát tôi.

Vào đêm thứ mười, họ đưa tôi tới một căn phòng màu trắng và chụp ảnh tôi từ một trăm góc khác nhau, rồi họ trả cho tôi thắt lưng, dây giày và đồng hồ. Họ thậm chí còn đưa cho tôi một con dao cạo. Nhưng phần chuôi nhìn còn sắc hơn lưỡi, và bộ râu dường như giúp tôi thay hình đổi dạng, nên tôi chả thiết cạo nó đi.

Bên ngoài trời tối, lạnh, đang mưa lất phất, nhưng chẳng đáng để tôi bận tâm. Tôi bước chậm rãi, như thể không quan tâm trời đang mưa, hoặc như

thể cuộc sống trên trái đất này chẳng còn gì để chào mời, và hy vọng rằng tôi sẽ không phải chờ đợi lâu.

Tôi không phải chờ một tẹo nào.

Đó là một chiếc Porsche 911, màu xanh lá thẫm, và chẳng cần khôn ngoan đặc biệt gì mới nhận dạng được nó, bởi vì những chiếc xe Porsche trên đường phố Praha cũng hiếm như chính tôi vậy. Nó chậm rãi đi theo tôi khoảng vài trăm mét, sau đó thay đổi ý định, tăng tốc vọt lên trước đến cuối phố rồi dừng lại. Khi tôi tới cách khoảng mười mét gì đó, cửa khách được đẩy ra. Tôi bước chậm dần, kiểm tra cả trước lẫn sau rồi ngó đầu vào nhìn người tài xế.

Anh ta khoảng tứ tuần, cằm vuông, mái tóc nhuộm muối tiêu khá nuột, và những gã tiếp thị xe Porsche sẽ rất vui sướng đưa anh ta lên vị trí một “chủ xe tiêu biểu” - nếu như anh ta thực sự là chủ xe, điều này e khó xảy ra, nếu tính đến nghề nghiệp của anh ta.

Tất nhiên, vào lúc đó tôi không biết anh ta làm nghề gì.

“Đi không?” Anh ta nói. Có thể là từ bất cứ nơi đâu, và có lẽ thế. Anh ta thấy tôi đang suy nghĩ về lời mời, hoặc đang suy nghĩ về anh ta, bèn thêm vào một nụ cười để chót thương vụ. Hàm răng rất đẹp.

Tôi liếc nhìn phía sau anh ta, Áo Phong đang ngồi co ro trên cái ghế sau nhỏ xíu. Anh ta giờ không mặc áo phong nữa, tất nhiên, mà tuyền một màu tím xanh không có một nếp nhăn nào. Anh ta thích thú một lúc trước vẻ ngạc nhiên của tôi, rồi gật đầu với tôi - nửa xin chào, nửa vào đi - và khi tôi vào xe, tài xế liền mở ga, nhả ly hợp một cách gấp gáp hứng thú, bởi thế tôi phải quờ quạng mới đóng được cửa. Hai người kia có vẻ lấy đó làm khoái chí lắm. Người mặc áo phong, tên thật chắc hẳn không thể nào và không bao giờ là Hugo, chìa ra một bao Dunhill trước mũi tôi, tôi bèn lấy một điếu và bật lửa.

“Ông đi đâu?” người tài xế hỏi.

Tôi nhún vai và nói có thể là khu trung tâm, nhưng cũng không quá quan trọng. Anh ta gật đầu và tiếp tục ư ử một mình. Tôi nghĩ là Puccini. Hoặc cũng có thể là Take That. Tôi ngồi hút thuốc, không nói gì, như thể đã quen với những thứ như thế này.

“Tiện thể,” cuối cùng tài xế nói, “tôi là Greg.” Anh ta mỉm cười, và tôi nghĩ thầm, tất nhiên rồi.

Anh ta bỏ một tay ra khỏi vô lăng mà chìa tới trước tôi. Chúng tôi bắt tay, nhanh nhưng thân thiện, rồi tôi ngừng lại một chút, chỉ để tỏ ra rằng tôi là típ người ung dung tự tại, thích thì nói, không thích thì im.

Sau một lúc, anh ta quay lại nhìn tôi. Một cái nhìn cứng rắn hơn. Không còn thân thiện nữa. Bởi vậy tôi trả lời anh ta.

“Tên tôi là Ricky,” tôi nói.

PHẦN HAI

Mười Bảy

Ông không thể nghiêm túc được.

JOHN MCENROE

Giờ tôi là một phần của đội. Một tập hợp. Một đẳng cấp. Chúng tôi được đưa đến từ sáu quốc gia, ba lục địa, bốn tôn giáo, hai giới tính. Chúng tôi là một nhóm anh em vui vẻ, cùng với một cô em, cô cũng rất vui vẻ và có phòng tắm riêng.

Chúng tôi làm việc ác chiến, chơi ác chiến, uống ác chiến, thậm chí ngủ cũng ác chiến. Thật vậy, chúng tôi ác chiến. Chúng tôi sử dụng vũ khí theo kiểu chúng tỏ mình biết sử dụng vũ khí, chúng tôi bàn luận về chính trị theo cách chúng tỏ mình có tầm nhìn vĩ mô.

Chúng tôi là Lưỡi gươm Công lý.

Trại thay đổi vài tuần một lần, và tới giờ nó đã lấy nước từ những con sông của Libya, Bungari, Nam Carolina và Surinam. Không phải nước uống, tất nhiên rồi; nước uống được máy bay chở đến đựng trong chai nhựa, cùng với sô cô la và thuốc lá tuần hai lần. Vào lúc này Lưỡi gươm Công lý dường như có vẻ thích Badoit, bởi vì nó “có ga nhẹ”, và như thế ít nhiều phù hợp với trạng thái xì xèo và phân bè cánh trong nhóm.

Không thể phủ nhận rằng vài tháng gần đây chúng tôi đã thay đổi rất nhiều. Gánh nặng của việc rèn luyện thể lực, chiến đấu tay không, thực hành thông tin, thực hành vũ khí, đề ra chiến lược và chiến thuật, tất cả những cái đó lúc đầu đến trong bầu không khí tàn nhẫn của những nghi kỵ và đấu

đá. Giờ đây tất cả đã qua đi, tôi vui mừng khi nói điều này, thế chỗ vào đó là sự nảy nở một *tinh thần đồng đội* chân thực và mạnh mẽ. Có những câu chuyện đùa mà cuối cùng tất cả mọi người đều hiểu được, sau khi kể đi kể lại đến lần thứ một nghìn; có những câu chuyện tình được đem ra chia sẻ với nhau; và chúng tôi cùng nấu nướng, khen ngợi nhau trong một điệp khúc gồm những cái gật đầu và tiếng ừm ừm trước món sở trường phong phú của mỗi người. Món của tôi, mà tôi cho là một trong những món phổ biến nhất, là bánh kẹp thịt với xa lát khoai tây. Bí quyết là ở trứng sống.

Giờ đang giữa tháng Mười hai, chúng tôi chuẩn bị tới Thụy Sĩ - ở đó chúng tôi dự định sẽ trượt tuyết một chút, xả hơi một chút, và bắn một chính trị gia người Hà Lan một chút.

Chúng tôi vui vẻ, sống thoải mái, và cảm thấy mình quan trọng. Người ta còn có thể đòi hỏi gì nhiều hơn từ cuộc sống chứ?

Trưởng nhóm tôi, theo như vốn hiểu biết của chúng tôi về tôn ti trật tự, là Francisco; hay Francis đối với vài người, Cisco đối với những người khác, và Người Giữ Trẻ đối với tôi, trong những tin mật mà tôi gửi về cho Solomon. Francisco nói rằng anh ta sinh ở Venezuela, là con thứ năm trong tám anh em, và bị di chứng của bệnh bại liệt từ khi còn bé. Về chuyện này, tôi không có lý do gì để nghi ngờ anh ta. Căn bệnh là nguồn cơn cho cái chân phải bị teo và cái chân giả của anh ta, thứ có thể ở hay đi tùy thuộc vào tâm trạng của anh ta và tùy xem anh ta muốn yêu cầu làm gì hay muốn gì từ mọi người. Latifa nói anh ta đẹp trai và tôi cho rằng có thể cô có lý, nếu như mi mắt dài hơn nửa mét và làn da màu ô liu là sở thích của ai đó. Anh ta nhỏ người và săn chắc; nếu như đang chọn người đóng vai Byron, có thể tôi sẽ gọi cho Francisco; thêm nữa bởi anh ta là một diễn viên rất tuyệt vời.

Với Latifa, Francisco là một người anh hùng - thông minh, nhạy cảm, rộng lượng. Với Bernhard, anh ta là một người vững vàng, một tay chuyên nghiệp can trường. Với Cyrus và Hugo, anh ta là một người có lý tưởng mạnh mẽ, với típ người như vậy không có cái gì là đủ cả. Đối với

Benjamin, anh ta gần như là một học giả, bởi Benjamin tin vào Chúa và muốn chắc chắn trong mỗi bước đi. Và với Ricky, kẻ vô chính phủ người Minnesota, Francisco là người thân ái, là bạn cùng uống bia, là người am hiểu nhạc Rock n' Roll, người biết rất nhiều ca khúc của Bruce Springsteen. Anh ta thực sự có thể đóng mọi loại vai.

Nếu như có một Francisco thật, thì tôi nghĩ một hôm nọ tôi đã nhìn thấy anh ta trên một chuyến bay từ Marseille tới Paris. Bối cảnh lúc đó là chúng tôi đi cùng chuyến nhưng ngồi tách biệt, tôi ngồi cách Francisco sáu bảy hàng, cùng dãy ghế dọc lối đi, rồi có một đứa trẻ khoảng lên năm ngồi ở hàng ghế đầu khoang bắt đầu khóc lóc rên rĩ. Mẹ thằng bé nhấc nó ra khỏi ghế và đang dẫn nó dọc theo lối đi về phía phòng vệ sinh thì máy bay bỗng hơi nghiêng sang một bên làm thằng bé ngã vào vai Francisco.

Francisco liền đánh nó.

Không mạnh lắm. Và không dùng nắm đấm. Nếu là một luật sư trong trường hợp đó, tôi thậm chí có thể nói rằng nó chỉ là một cái ẩy mạnh, để giúp cho đứa bé đứng thẳng lại. Nhưng tôi không phải là luật sư, và Francisco rõ ràng đã đánh đứa bé. Tôi không nghĩ có ai khác nhìn thấy chuyện đó ngoài tôi, và thằng bé đã quá hoảng nên nín khóc ngay; nhưng cái bản năng, cái lối hành xử chết tiệt đó đối với một đứa trẻ con năm tuổi, đã cho tôi biết rất nhiều về con người Francisco.

Ngoại trừ điều đó ra, và Chúa biết rằng tất cả chúng tôi đều đã có những ngày tồi tệ, bảy đứa chúng tôi sống với nhau khá ổn. Thực sự thế. Chúng tôi huyết sáo trong lúc làm việc.

Cái điều hãn có thể minh chứng sự hư hỏng của chúng tôi, như nó đã chứng minh sự hư hỏng của hầu hết các nhóm trong lịch sử loài người, điều ấy đơn giản là chưa từng tồn tại. Bởi vì chúng tôi, Lưỡi gươm Công lý, những kiến trúc sư của một trật tự thế giới mới và những người mang chuẩn mực của động lực cho tự do, đều thực sự chia sẻ việc rửa bát cùng nhau, một cách hoàn toàn tự nhiên.

Tôi chưa nghe chuyện như thế xảy ra bao giờ.

Ngôi làng Mürren - không xe hơi, không rác rưởi, không thanh toán hóa đơn chậm - núp dưới bóng ba ngọn núi lớn và nổi tiếng : Jungfrau, Monke, Eiger. Nếu như anh có hứng thú với những truyền thuyết về tự nhiên thì hẳn muốn biết câu chuyện về Tu sĩ đã bảo vệ trinh tiết của Thiếu nữ trước sự tấn công của Quái vật - một việc ông ta đã làm tốt mà hầu như không phải gắng sức một chút nào kể từ thời Oligocene tới giờ, những khối đá này vẫn ở đó, những vận động địa chất không ngừng đã vụn vẹo và nắn chúng thành hình hài.

Mürren là một làng nhỏ, và có rất ít triển vọng trở nên to hơn. Vì chỉ có thể tới đây bằng trực thăng hoặc đường sắt leo núi, nên số lượng xúc xích và bia được mang vượt núi để giữ chân cư dân của nó và du khách luôn luôn bị hạn chế, mà nhìn chung người địa phương thích như thế. Có ba khách sạn lớn, khoảng chục cái nhà trọ nhỏ hơn, và một trăm ngôi nhà nông trại và nhà gỗ nằm rải rác, tất cả đều được lợp mái ngói cao quá dốc làm cho những ngôi nhà Thụy Sĩ nhìn như thể bị chôn dưới đất gần hết. Có lẽ đó là kiểu làm hầm tránh hạt nhân của họ cũng nên.

Mặc dù được thiết kế và xây dựng bởi một người Anh, ngôi làng giờ lại không phải là nơi nghỉ dưỡng của người Anh. Những người Đức và Áo tới đây vào mùa hè toàn đi bộ và đi xe đạp, còn người Ý, Pháp, Nhật, Mỹ - bất kỳ ai dùng đến cái ý nghĩa phổ biến của những bộ quần áo dệt may sặc sỡ - đều tới nơi này để trượt tuyết vào mùa đông.

Những người Thụy Sĩ tới làng Mürren quanh năm để làm tiền. Điều kiện làm tiền tuyệt vời nhất là từ tháng Mười Một tới tháng Tư, với những khu bách hóa bên cạnh đường trượt và *những quầy đổi tiền*, và có nhiều hy vọng rằng sang năm, cũng vào tầm này, làm tiền sẽ thành môn thể thao ở Thế vận hội. Những người Thụy Sĩ đang lặng lẽ thưởng thức cơ hội của họ.

Nhưng có một đặc điểm riêng của Mürren đã đặc biệt hấp dẫn Francisco, bởi vì đây là lần đầu tiên chúng tôi ra ngoài cùng nhau và mỗi người đều bắt được vài con bướm. Thậm chí cả Cyrus, một người vốn lạnh như tiền. Vì là một làng nhỏ của Thụy Sĩ, tuân thủ luật pháp, và khó ra vào, Mürren không cần có lực lượng cảnh sát.

Thậm chí cảnh sát làm bán thời gian cũng không.

Bernhard và tôi tới vào buổi sáng, nhận phòng ở khách sạn; anh ta ở Jungfrau, tôi ở Eiger.

Cô gái ở quầy lễ tân xem xét hộ chiếu của tôi như thể chưa bao giờ nhìn thấy một thứ như vậy, và mất đến hai mươi phút mới điền hết một danh sách dài phi thường những điều mà các chủ khách sạn Thụy Sĩ muốn biết về anh trước khi cho anh ngủ trên giường của họ. Hình như tôi đã mắc mứu một chút khi trả lời tên đệm của thầy giáo dạy địa lý, và đã lưỡng lự khi trả lời về mã vùng bưu điện của bà đỡ đã đón bà cố tôi ra đời, còn về những điều khác tôi vượt qua mà không hề vấp vấp.

Tôi dỡ đồ ra, mặc vào người một chiếc áo trùm đầu sắc sỡ màu cam, vàng và hoa cà, kiểu áo mà anh sẽ mặc ở khu trượt tuyết nếu như không muốn bị chú ý, rồi thư thả ra khỏi khách sạn, leo lên đồi đi vào làng.

Đó là một buổi chiều đẹp trời; một ngày để ta nhận ra rằng Chúa trời đôi khi có thể làm rất tốt việc điều khiển thời tiết và tạo phong cảnh. Tầm giờ này thì đoạn dốc trượt cho người mới tập hầu như không có ai, có hẳn một giờ đẹp để trượt trước khi mặt trời khuất sau rặng Schilthorn và người ta đột nhiên nhận ra mình đang ở độ cao hơn hai nghìn mét trên mực nước biển vào giữa tháng Mười hai.

Tôi ngồi bên ngoài quầy rượu một lát giả vờ viết vài tấm bưu thiếp, thì thoáng liếc một mắt về phía bày trẻ con Pháp nghịch ngợm đang theo sau một cô hướng dẫn viên xếp đội hình như con cá sấu trượt xuống sườn dốc. Đứa nào đứa nấy trông như cái bình cứu hỏa, mặc trên người những bộ

quần áo của Gortex và lông vũ trị giá ba trăm bảng. Chúng trượt ngoằn ngoèo phía sau người nữ chỉ huy, một số đứng thẳng, một số lom khom, vài nhóc nhỏ quá khó mà nói được là đang đứng thẳng hay lom khom.

Tôi bắt đầu tự hỏi bao lâu nữa những bà mẹ mang bầu mới bắt đầu xuất hiện trên đường băng, trượt úp bụng xuống, hò hét chỉ đạo kỹ thuật và huýt sáo theo nhạc của Mozart.

Dirk Van Der Hoewe, cùng bà vợ người Scotland tên Rhona và hai cô gái đang tuổi thiếu niên, đã đến khu trượt tuyết Edelweiss lúc tám giờ cùng buổi tối hôm đó. Họ đã có một hành trình dài sáu tiếng đồng hồ; Dirk mệt mỏi, cáu kỉnh, và béo.

Các chính trị gia ngày nay thường không béo - hoặc vì họ làm việc vất vả hơn trước kia, hoặc vì cử tri hiện đại đã bày tỏ nguyện vọng muốn được nhìn thấy cả đằng trước lẫn đằng sau của cái người họ sẽ bỏ phiếu bầu mà không cần phải nghiêng người qua để ngó - nhưng Dirk trông có vẻ chống lại xu hướng đó. Hình dáng ông ta gợi nhớ về thế kỷ trước, khi các chính trị gia làm việc từ hai tới bốn giờ chiều, trước khi ních mình vào những bộ quần áo sang trọng cho buổi tối chơi bài pikê và món gan lợn xào nấm. Ông ta mặc bộ đồ thể thao, đi ủng da, điều ấy không có gì lạ đối với một người Hà Lan, và cặp kính trên ngực ông ta được treo bằng một sợi dây màu hồng.

Ông ta và Rhona đứng giữa sảnh chỉ dẫn người ta sắp xếp đồ đạc xa hoa của họ, những thứ gắn đầy nhãn Louis Vuitton, trong khi hai cô con gái cau có giậm giậm xuống sàn, trong cơn bực tức của cái tuổi mới lớn ngang ngạnh.

Tôi quan sát họ từ trong quầy rượu. Bernhard quan sát họ từ quầy bán báo.

Ngày tiếp theo là diễn tập kỹ thuật, Francisco đã nói thế. Hãy làm các thứ chậm một nửa, thậm chí chỉ bằng một phần tư tốc độ, và nếu như có vấn đề gì hoặc có bất cứ điều gì trở thành vấn đề thì dừng lại kiểm tra xem. Ngày

sau đó sẽ là tổng duyệt, tốc độ tối đa, dùng gậy trượt tuyết để giả súng, nhưng hôm nay là kỹ thuật.

Nhóm gồm có tôi, Bernhard và Hugo, Latifa làm dự bị; chúng tôi hy vọng là sẽ không phải dùng tới cô, vì cô không biết trượt tuyết. Cả Dirk cũng thế - ở Hà Lan có rất ít quả đồi rộng hơn một bao thuốc lá - nhưng ông ta đã trả tiền cho kỳ nghỉ, đã bố trí phóng viên ảnh tới để nắm bắt những khoảnh khắc nghỉ ngơi của một chính khách khắc khổ, và nói gì thì nói nếu như ông ta không thử thì tệ quá.

Chúng tôi theo dõi Dirk và Rhona thuê dụng cụ, cầu nhà cầu nhàu, nặng nề lê đôi ủng; chúng tôi dõi theo họ ị ạch leo năm mươi mét sườn dốc tập, thi thoảng dừng lại ngắm khung cảnh và lấy sức; chúng tôi dõi theo Rhona khi bà ta chuẩn bị sẵn sàng để xuống dốc, còn Dirk tìm ra một trăm năm mươi lý do để không đi đâu cả; và rồi, cuối cùng, khi đã bắt đầu cảm thấy ngứa ngáy vì phải đứng quá lâu mà không làm gì, chúng tôi thấy vị Thứ trưởng Bộ Tài chính Hà Lan, mặt trắng bệch vì căng thẳng, trượt xuống ba mét và ngồi xuống.

Bernhard và tôi nhìn nhau. Đó là điều duy nhất chúng tôi cho phép mình làm từ khi tới đây, và tôi phải quay đi để gỡ đầu gối.

Khi tôi quay lại nhìn Dirk, ông ta cũng đang cười. Cái cười nói lên rằng tôi là một tay nghiện mạo hiểm, tôi đam mê sự nguy hiểm cũng như những người đàn ông khác mê mẩn đàn bà và rượu. Tôi thích những mạo hiểm thú vị và đúng ra tôi không nên còn sống nữa. Tôi đang sống bằng thời gian vay mượn.

Hai vợ chồng lặp lại bài tập đó ba lần, mỗi lần trượt xuống lại bước lên một mét, đến khi sự ục ịch của Dick khiến ông ta hết cổ nổi nữa, họ bèn ngừng lại để tới một quán cà phê ăn trưa. Khi hai người nặng nề bơi qua tuyết, tôi quay nhìn hướng ngọn núi để tìm bóng dáng hai cô con gái, hy vọng có thể đánh giá được chúng trượt tốt thế nào, chúng sẽ trượt được bao xa khỏi đây trong một ngày bình thường. Nếu chúng leo khéo và vụng về, tôi cho rằng

chúng sẽ loanh quanh ở tầm dốc thấp, quanh quẩn xung quanh bố mẹ. Nếu như chúng trượt tốt, và nếu chúng ghét Dirk và Rhona chỉ bằng phân nửa như chúng tỏ ra thì có lẽ giờ chúng đã ở Hungary rồi.

Tôi không thấy bóng dáng đứa nào, và đang định quay về phía dốc thì chợt thấy một người đàn ông đứng trên một mỏm đá phía trên tôi, anh ta đang nhìn xuống dưới thung lũng. Anh ta đứng quá xa nên tôi không thể nhận ra nét mặt, nhưng cho dù thế, trông anh ta đáng nghi lạ lùng. Không chỉ vì anh ta không có cả ván trượt, gậy trượt, ủng, kính, hoặc thậm chí một cái mũ len.

Điều làm cho anh ta trở nên rất khả nghi là cái áo mưa màu nâu, được mua từ trang sau của tờ *Tin tức Chủ nhật*.

Mười Tám

Đêm nay với ta dường như chỉ là sự ồm yếu của ánh sáng ban ngày.

NGƯỜI LÁI BUÔN THÀNH VENICE

“Ai là người bóp cò?”

Solomon đợi một câu trả lời.

Thực tế anh ta phải đợi mọi câu trả lời, bởi vì tôi đang ở sân trượt băng , và đang trượt, còn anh ta thì không. Mất ba mươi giây tôi mới hoàn thành một vòng trượt và đưa ra một câu trả lời, bởi thế tôi sẽ có rất nhiều dịp để làm cho nó trở nên khó chịu. Chẳng phải là tôi cần nhiều dịp, anh hiểu không. Chỉ cần cho tôi một dịp bé tẹo teo, rồi tôi sẽ làm anh phát điên lên mà chết.

“Ý anh nói là cái cò ầm dụ ấy hả?” Tôi nói, khi trượt qua. Tôi ngoái lại nhìn thì thấy Solomon đã cười và hất cằm lên một chút, như một người cha khoan dung, và quay lại với trò đánh bi đá trên tuyết mà anh ta trông có vẻ đang xem.

Lại một vòng nữa. Loa phóng thanh ầm ỹ một điệu nhạc oompah Thụy Sĩ vui vẻ.

“Tôi nói cái cò cò, thưa ngài. Cái thực sự...”

“Tôi.” Và tôi lại trượt đi.

Dĩ nhiên tôi thích cái trò trượt này. Tôi bắt đầu bắt chước kiểu treo chân của một cô bé người Đức ở phía trước tôi, và làm khá tốt. Tôi cũng thích tò tò theo sau cô bé nữa, cảm giác khá thoải mái. Cô nhóc chắc khoảng sáu tuổi.

“Còn súng?” Lại là Solomon, anh ta nói qua hai bàn tay úp trước miệng, như thể đang hà hơi vào tay cho ấm.

Anh ta phải đợi lâu hơn mới có được câu trả lời, bởi vì tôi ngã ở góc xa của sân trượt, và trong vài khoảnh khắc tôi đã cố tự thuyết phục rằng mình đã bị vỡ hông. Nhưng nó không vỡ. Thật là tệ, bởi nếu vỡ thật thì tôi có thể đã được giải thoát khỏi mọi vấn đề kiểu thế này.

Cuối cùng tôi cũng lại trượt tới trước mặt anh ta.

“Ngày mai sẽ tới,” tôi nói.

Thực ra không hẳn vậy. Nhưng trong hoàn cảnh cuộc thẩm vấn này, sự thực sẽ tìm đến sau khoảng một tuần rưỡi.

Không phải ngày mai súng mới tới. Các phần riêng lẻ của nó đã ở đây rồi.

Do tôi thúc giục quá nhiều, Francisco đã đồng ý chọn PM L96A1. Đó không phải một cái tên đẹp, tôi biết, thậm chí còn không phải một cái tên dễ nhớ; nhưng khẩu PM, vốn được quân đội Anh gọi thân mật là “Đồ vật màu xanh” - về cơ bản là một đồ vật màu xanh lá - rất hữu dụng ; bắn một viên đạn 7,62 ly với độ chính xác đủ cho một vận động viên bắn súng thể thao tài năng - là tôi đây - có thể đảm bảo bắn trúng mục tiêu ở khoảng cách năm trăm mét.

Sự bảo đảm của các nhà sản xuất phải đúng như họ cam kết, tôi đã nói với Francisco rằng nếu như viên đạn chệch ba phân từ khoảng cách gần hai trăm mét - hoặc nếu bị gió làm chệch - thì tôi sẽ không lấy nó.

Anh ta xoay xở để nhận từng phần lẻ của Đồ vật màu xanh; hoặc, có lẽ như cách gọi của nhà sản xuất, một “hệ thống súng bắn tỉa bí mật”. Nó được gửi đến theo từng mẫu rời, hay nói cách khác, hầu hết các bộ phận của khẩu súng đã được đưa tới làng. Ống ngắm súng đã được chuyển tới theo kiểu ống ngắm 200 ly cho máy ảnh của Bernhard, với đế gắn ẩn bên trong ; khóa

nòng được gửi tới dùng làm cán bàn dao cạo của Hugo, trong khi Latifa đã cố gắng mang hai viên đạn Remington Magnum trong đế một đôi giày da đắt trời ơi đất hời. Thứ chúng tôi còn thiếu là nòng súng, và nó sẽ được đưa đến Wengen trên nóc chiếc Alfa Romeo của Francisco - cùng với rất nhiều đoạn kim loại dài khác mà người ta dùng cho các môn thể thao mùa đông.

Tôi tự mang cò súng, trong túi quần. Có lẽ tôi không phải là loại người sáng tạo cho lắm.

Chúng tôi đã quyết định sẽ tiến hành mà không cần có báng súng và ốp lót tay, vì cả hai bộ phận đó khó nguy trang và thành thực mà nói, không quan trọng. Giá đỡ súng cũng thế. Một khẩu súng tự trung chỉ là một cái ống, một viên chì, và một ít thuốc súng. Thêm nhiều sợi các bon vào đó, làm cho đạn đi nhanh hơn, cũng không làm cho người bị bắn dễ chết hơn. Nguyên liệu thêm thất duy nhất mà anh cần để làm cho vũ khí của mình trở nên giàu tính hủy diệt hơn - và, nhờ trời, thứ đó vẫn khó chinh phục được, thậm chí trong cái thế giới độc ác này - là một người nào đó có can đảm giương súng lên mà bắn.

Người nào đó như tôi.

Solomon đã không nói gì với tôi về Sarah. Không gì cả. Cô ra sao, cô đang ở đâu - tôi thậm chí còn muốn biết cô mặc gì lần gần đây nhất anh ta gặp cô, nhưng anh ta không nói một lời nào.

Có lẽ những người Mỹ đã bảo anh ta đừng nói gì. Tốt hay xấu. “Nghe này, David, và nghe cho rõ. Những phân tích của chúng ta về Lang cho thấy anh ta có phản ứng tiêu cực trước các dữ liệu tình cảm.” Đại loại kiểu như thế. Với một vài cụm từ “đá đít” được chèn vào đó. Nhưng rồi, Solomon quá hiểu tôi nên có thể tự quyết định sẽ nói với tôi những gì và không nói những gì. Và anh ta đã không nói với tôi. Thế thì hoặc anh ta không có tin tức gì về Sarah, hoặc là tin tức anh ta có không tốt. Hoặc có lẽ lý do tốt nhất để không nói với tôi - bởi cái đơn giản nhất đôi khi lại là tốt nhất - là do tôi chưa từng hỏi.

Tôi không biết tại sao.

Tôi nằm trong bồn tắm ở Eiger, lấy chân vặn vòi nước, sau khoảng mười lăm phút lại thêm vào chút nước nóng, và lại nghĩ về điều đó. Có lẽ bởi vì tôi sợ những điều tôi sẽ nghe thấy. Đó là một khả năng. Có lẽ tôi đang nghĩ về sự mạo hiểm của những cuộc gặp gỡ bí mật giữa tôi và Solomon; rằng nếu cứ gặp nhau nhiều, nói chuyện về những người ở nhà, tôi đang mạo hiểm mạng sống của anh ta cũng như của bản thân tôi. Đó cũng là một khả năng, nếu như không kín kẽ.

Hoặc có lẽ - và đây là lời giải thích mà tôi xem xét sau cùng, cẩn thận đi vòng quanh nó, nhìn chăm chăm vào nó, thi thoảng lấy que nhọn chọc vào xem nó có thức dậy mà cắn tôi không - có lẽ tôi đã ngừng quan tâm tới cô. Có lẽ tôi đã chỉ vờ vịt với chính mình rằng Sarah là nguyên do tôi dấn thân vào tất cả những chuyện này, trong khi trên thực tế giờ đây là lúc tốt để thú nhận rằng tôi đã có thêm những người bạn tốt hơn, khám phá được những mục đích sâu xa hơn, có nhiều lý do để ra khỏi giường sớm hơn mỗi sáng, kể từ khi tôi gia nhập Lưỡi gươm Công lý.

Rõ ràng, điều này không khả dĩ chút nào.

Nó thật kỳ quặc.

Tôi leo lên giường, thiếp vào giấc ngủ mệt mỏi.

Trời lạnh. Đó là điều đầu tiên tôi nhận ra khi kéo tấm rèm. Kiểu lạnh khô, xám xịt, kiểu lạnh hãy-nhớ-rằng-anh-đã-từng-ở-trên- dãy-Alps, và điều đó làm tôi lo lắng chút ít. Thực thế, bởi thời tiết kiểu này có thể sẽ khiến một vài người trượt tuyết lưỡng lự nằm lại trên giường, điều đó giúp ích cho tôi; tuy nhiên nó cũng có thể làm ngón tay tôi chậm lại tới tốc độ ba mươi ba vòng một phút và làm cho việc ngắm bắn trở nên cực kỳ khó khăn, nếu không muốn nói là không thể. Tệ hơn nữa, nó làm cho tiếng súng bay xa hơn.

Nói về súng , Đồ vật màu xanh không hẳn là một thứ ồn ào - không như anh M16 vốn làm người ta sợ mà chết trước khi thực sự bị viên đạn găm vào - đâu vậy, khi là người phải cầm một vật như thế, lại đang bận bịu chinh đầu ruồi nhắm vào một nghị sĩ châu Âu nổi tiếng , anh thường ý thức về tất cả những thứ như tiếng động. Những thứ như tất cả mọi thứ, thật thế. Anh muốn mọi người nhìn đi hướng khác một lúc, nếu họ không phiền. Khi anh siết cò súng , mà biết rằng , cách đó nửa dặm, những cái chén ngừng lại nửa đường lên miệng , những cái tai dỏng lên, những hàng lông mày nhướng , và những “cái quái gì thế nhỉ?” nhảy ra từ vài trăm cái miệng bằng vài chục thứ ngôn ngữ, tất tât sẽ làm anh bị cứng người lại một chút. Trong quần vợt, người ta gọi đó là nghẹn khi đập. Tôi không biết trong ám sát học thì người ta gọi đó là cái gì. Có thể là nghẹn khi bắn cũng nên.

Tôi ăn sáng thật no, tích một chút calo trong trường hợp chế độ ăn kiêng của tôi phải thay đổi triệt để trong vòng hai mươi tư giờ tới, và cứ thay đổi cho tới khi râu ria tôi chuyển sang màu xám, rồi tôi xuống phòng trượt ở dưới tầng trệt. Một gia đình người Pháp đang ở đó, đang um sùm cãi nhau ai lấy găng của ai, kem chống nắng đâu rồi, tại sao ủng trượt tuyết cọ đau thế - thế là tôi ngồi xuống chiếc ghế xa nhất tôi có thể tìm thấy và kiên nhẫn đợi để lấy được quyết tâm hành sự.

Cái máy ảnh của Bernhard thật nặng và kỳ cục, nó đang đập lục cục làm đau ngực tôi và tôi cảm thấy nó giả gấp hai lần chính nó. Khóa nòng và một viên đạn được xếp gọn ghẽ vào một túi ni lông đeo quanh hông tôi, nòng súng được giấu bên trong gậy trượt tuyết - chỗ tay cầm có một đốm đỏ, trong trường hợp tôi không thể phân biệt được sự khác nhau giữa cái gậy nặng một trăm bảy mươi gram và cái nặng gần hai cân. Tôi đã ném ba viên đạn khác ra khỏi cửa sổ phòng tắm, vì cho rằng một viên là đủ và như thế tốt hơn bởi vì nếu không thành công tôi sẽ gặp rắc rối lớn hơn - mà tôi không nghĩ mình có thể đối mặt với những rắc rối lớn hơn ngay vào lúc này. Tôi phí một phút cọ móng tay vào đầu cò súng, rồi cẩn thận gói cái mảnh kim loại nhỏ bé đó vào khăn giấy và nhét vào trong túi quần.

Tôi đứng dậy, hít một hơi sâu và đi qua chỗ gia đình người Pháp nọ tới phòng vệ sinh.

Kẻ tội đồ cho ra ngoài cả bữa sáng thịnh soạn của hắn.

Latifa đã hất kính râm ngược lên trên đỉnh đầu, điều đó có nghĩa là cô ta đã sẵn sàng, cũng có nghĩa là chẳng có gì. Không kính râm nghĩa là nhà Van Der Hoews đang ở trong nhà chơi trò tiddlywinks. Đeo kính râm nghĩa là họ đang đi ra dốc.

Kính râm gài trên đầu có nghĩa là họ có lẽ, anh có lẽ, tôi có lẽ, mọi thứ có lẽ.

Tôi đi ngang qua chân sườn dốc tập trượt, hướng về phía nhà ga tàu vượt núi. Hugo đã ở đó rồi, mặc đồ màu cam và lam ngọc, và cũng hất kính lên trên đỉnh đầu.

Điều đầu tiên anh ta làm là nhìn tôi.

Bất chấp tất cả những bài học của chúng tôi, cả quá trình luyện tập của chúng tôi, tất cả những cái gập đầu đồng ý tại các buổi rút kinh nghiệm của Francisco - bất chấp mọi điều đó, Hugo đang nhìn thẳng vào tôi. Tôi biết ngay rằng anh ta sẽ vẫn nhìn như thế cho tới khi nào bốn mắt chúng tôi gặp nhau, bởi thế tôi nhìn lại anh ta cho qua chuyện.

Mắt anh ta sáng lên. Chẳng có từ nào khác để miêu tả cả. Sáng bởi niềm vui và sự phấn khích, sự sẵn sàng, như đứa trẻ trong buổi sáng ngày Giáng sinh vậy.

Anh ta đưa tay đi gãi lên tai và chỉnh lại tai nghe Walkman. Một tay trượt tuyết bình thường hắn sẽ phải tặc lưỡi tiếc rẻ khi nhìn thấy anh ta như thế; đứng ở một trong những nơi đẹp nhất trên thế gian vẫn chưa đủ, anh ta còn phải thêm thắt vào nhạc của Guns N' Roses nữa. Hắn tôi cũng sẽ khó chịu với những cái tai nghe đó nếu như tôi không biết rằng chúng được nối với

một bộ thu phát sóng ngắn đặt ở hông anh ta, và Bernhard đang phát những dự báo của anh ta tới đầu bên kia.

Chúng tôi đã thống nhất là tôi sẽ không mang theo điện đàm. Lý do là trong trường hợp tôi bị bắt - Latifa đã giơ tay rasiết cánh tay tôi khi Francisco nói điều này - thì không ai có một lý do nào để liên đới cả.

Bởi thế tất cả những gì tôi có là Hugo và cặp mắt đang sáng lên của anh ta.

Trên đỉnh ngọn Schilthorn, ở độ cao hơn ba nghìn mét so với mực nước biển tọa lạc nhà hàng Piz Gloria; một sự pha trộn đáng kinh ngạc giữa kính và sắt thép, nơi mà, với số tiền đủ mua một chiếc xe hơi thể thao khá khảm, anh có thể ngồi, uống cà phê, ngắm nghía cảnh quan của không dưới sáu quốc gia vào một ngày đẹp trời.

Nếu cũng phần nào giống như tôi, có thể anh sẽ dành cả ngày đẹp trời đó để tìm hiểu xem sáu nước là những nước nào, nhưng nếu anh vẫn còn kha khá thời gian nữa, anh rất có thể sẽ băn khoăn không rõ làm cách nào dân Mürren có thể xây dựng được ở trên đó, và bao nhiêu người trong bọn họ đã bỏ mạng trong quá trình xây dựng. Khi thấy một kiến trúc như thế, và chợt nghĩ những người thợ xây bình thường của nước Anh cần thời gian bao lâu để trù tính chuyện mở rộng cái nhà bếp, ta sẽ thấy khá là ngưỡng mộ người Thụy Sĩ.

Một điều khác làm cho nhà hàng này trở nên nổi tiếng : nó từng là bối cảnh trong một phim James Bond; cái tên xuất hiện trong phim, Piz Gloria, đã trở thành tên của nhà hàng kể từ đó, cùng với việc những người điều hành nhà hàng được phép bán các vật kỷ niệm về bộ phim 007 cho bất cứ người nào chưa bị phá sản sau khi uống cà phê.

Nói ngắn gọn, đó là một địa điểm mà bất cứ du khách nào tới Mürren phải ghé thăm nếu có cơ hội, và nhà Van Der Hoewes đã quyết định, sau bữa tối với *boeuf en crôte* hôm trước, rằng rõ ràng họ có cơ hội.

Hugo và tôi xuống xe ở trên đỉnh nhà ga xe cáp kéo và tách nhau ra. Tôi đi vào trong , và há hốc mồm kinh ngạc, chỉ tro, lắc đầu khi thấy mọi thứ của ngọn núi này gọn ghẽ biết chừng nào, trong khi Hugo loanh quanh bên ngoài, hút thuốc và bỏ thời giờ buộc dây giày. Anh ta đang cố ra vẻ một người trượt tuyết nghiêm túc, người muốn chinh phục những sườn dốc đứng cùng đá phấn và ra vẻ dù gì đi nữa thì cũng đừng bắt chuyện với tôi, bởi giọng nam trầm trong bài này mới tuyệt vời làm sao. Tôi vui sướng được đóng vai một thằng ngốc lơ đãng.

Tôi viết thêm vài tấm bưu thiếp - tất cả đều được gửi tới một người tên Colin, vì một lý do nào đó - và thi thoảng tôi lại nhìn xuống Áo, hay Ý, hay Pháp, hoặc một nơi nào khác có tuyết phủ, cho tới khi những người bồi bàn trở nên cáu kỉnh. Tôi đang tự hỏi tại sao Lưỡi gươm Công lý lại có đủ quỹ để trả cho cốc thứ hai, thì chuyển động của một màu sắc rực rỡ đập vào mắt tôi. Tôi ngẩng lên thì thấy Hugo đang vẫy tay từ chỗ giàn đèn tín hiệu bên ngoài.

Mọi người trong nhà hàng cũng để ý đến anh ta. Có lẽ hàng ngàn người từ Áo, Ý và Pháp cũng chú ý anh ta. Tóm lại, đó là một hành động nghiệp dư không chữa được, nếu như Francisco mà ở đó thể nào anh ta cũng tát đốp vào Hugo, như đã làm nhiều lần trong quá trình luyện tập. Nhưng Francisco không ở đó, Hugo đang tự làm mình biến thành một tên xuẩn ngốc quần áo sặc sỡ, và khiến tôi trở nên thảm hại, mà chẳng bởi điều gì có lợi cả. Chỉ có một thứ cứu đỡ thể diện cho chúng tôi: không ai trong số hàng bao nhiêu kẻ nhìn ngó tò mò kia nói chính xác được anh ta đang vẫy tay với ai hay với cái gì.

Bởi anh ta đang đeo kính râm.

Tôi trượt đoạn đầu tiên của đường trượt một cách nhẹ nhàng, vì hai lý do: thứ nhất, vì tôi muốn hơi thở của mình đều nhất khi tới lúc bắn; thứ hai, và quan trọng hơn, bởi vì tôi không muốn - thiết tha không muốn - tự làm gãy chân mình và phải cạy người ta cáng ra khỏi núi với rất nhiều phần của khẩu súng giấu trong người.

Bởi thế tôi trượt ngang và trượt bằng cạnh ván, tạo vòng cua rộng và chậm hết sức, nhẹ nhàng vượt qua phần tối nhất của đường chạy cho tới khi vào được trong đôi cây. Độ khó của đường dốc là một điều đáng ngại. Bất kỳ kẻ ngớ ngẩn nào cũng có thể nhận thấy Dirk và Rhona nói thẳng ra là không đủ trình để trượt trên đó mà không bị ngã lộn nhào, có khi còn không thể tự đứng dậy được. Nếu như tôi là Dirk, hoặc một người bạn của Dirk, hoặc thậm chí chỉ là một người trượt tuyết ngang qua có lòng quan tâm, tôi sẽ nói với ông ta rằng thôi bỏ đi. Hãy lên xe cáp quay xuống dưới tìm thứ gì đó nhẹ nhàng hơn.

Nhưng Francisco tự tin về Dirk. Anh ta cảm thấy mình hiểu rõ con người ông ta. Phân tích của Francisco chỉ ra rằng Dirk rất cẩn thận với tiền bạc - đây là phẩm chất mà tôi nghĩ chúng ta cần ở một Bộ trưởng Tài chính - mà nếu Dirk và Rhona quyết định bỏ dỡ, họ sẽ bị phạt nặng tiền khi ngồi xe cáp quay trở lại.

Francisco đã đánh cược cả mạng sống rằng Dirk sẽ trượt cái dốc đó.

Chỉ để chắc ăn, anh ta gài Latifa vào quán bar của Edelweiss đêm hôm trước, thế là đêm ấy Dirk gọi mấy cốc rượu vào hòng ông ta và bắt cô thủ thả tâm tình và hôn hít người đàn ông dũng cảm sắp chinh phục Schilthorn. Ban đầu Dirk có vẻ lo lắng, song những cái chớp mắt cùng bộ ngực căng đầy của Latifa đã làm ông ta có nhuệ khí, và ông ta hứa đêm hôm sau sẽ mời cô uống rượu, khi ông ta đã trượt xong cả đoạn dốc bằng một lượt duy nhất.

Latifa bắt chéo hai ngón tay sau lưng, và hứa sẽ có mặt ở đó chín giờ đúng.

Hugo đã định được vị trí, giờ thì anh ta đứng đó vừa hút thuốc vừa cười toe toét, nhìn chung là có cả núi thời gian. Tôi trượt qua quá chỗ anh ta rồi dừng lại sâu trong rừng cây gần mười mét, chỉ để tự nhắc mình và nhắc Hugo rằng tôi vẫn còn biết tự quyết định. Tôi quay lại nhìn ngọn núi, kiểm tra lại vị trí, góc bắn, chỗ núp - rồi hất cằm về phía Hugo.

Anh ta vút điều thuốc ra xa, nhún vai, và bắt đầu xuống núi, biến một cái mô nhỏ thành một cú nhảy biểu diễn không cần thiết, rồi làm tung một đám bụi tuyết lên không trung khi anh ta dừng lại một cách hoàn hảo ở đầu đặng kia đường trượt, khoảng một trăm mét phía dưới. Anh ta quay lưng lại phía tôi, kéo khóa quần rồi đi tiêu vào một tảng đá.

Tôi cũng muốn đi tiêu. Nhưng lại có cảm giác rằng nếu bắt đầu, tôi sẽ không bao giờ dừng lại được; tôi sẽ cứ thế tè ra, cho tới khi người tôi chẳng còn lại gì trừ một đống quần áo.

Tôi tháo ống ngắm khỏi máy ảnh, bỏ nắp ra, tập ngắm vào ngọn núi, nheo mắt qua đầu ruồi. Hơi nước đọng làm hình ảnh phồng lên, tôi liền mở áo khoác ra bỏ ống kính vào trong, cố lấy cơ thể mình sưởi ấm nó.

Trời vừa lạnh giá vừa tĩnh lặng, tôi có thể thấy những ngón tay mình run run khi bắt đầu lắp khẩu súng.

Giờ tôi đã bắt được ông ta. Có lẽ cách khoảng hơn tám trăm mét. Ông ta vẫn béo như thế, với một hình dáng mà các xạ thủ bắn tỉa hằng mơ ước. Nếu như họ có mơ ước về một thứ gì.

Thậm chí từ khoảng cách như thế, tôi có thể nói rằng Dirk đang giữa lúc rất ư là tệ hại. Ngôn ngữ thân thể ông ta bộc lộ những câu ngắn và đơn giản. Tôi. Đang. Sắp. Chết. Mông ông ta chổng ra phía sau, ngực vòng lên phía trước, đôi chân căng cứng vì sợ hãi và kiệt sức, ông ta đang di chuyển chậm như sông băng.

Rhona đang trượt tốt hơn một chút, nhưng chẳng hơn là mấy. Trông thật kỳ quặc, giật cục, nhưng vẫn là tốt hơn. Bà ta đang cố gắng trượt xuống dốc càng chậm càng tốt, cố gắng không bỏ quá xa ông chồng tội nghiệp của mình.

Tôi đợi.

Ở khoảng cách gần năm trăm mét tôi bắt đầu thở gấp, lấy ôxy vào máu để có thể sẵn sàng khóa vòi, và khóa được nó ở khoảng cách xấp xỉ ba trăm mét. Tôi thở ra ở khoe miệng, thổi khe khẽ ra xa cái ống nhòm.

Ở gần bốn trăm mét, Dirk ngã chùng lần thứ mười lăm, và nom không có vẻ gì là vội đứng dậy. Vừa thấy ông ta hỗn hển thở, tôi kéo núm trên khóa nòng, và nghe kim hỏa vang lên một tiếng cạch lớn. Lạy Chúa, phát đạn này sẽ to lắm đây. Tôi đột nhiên thấy mình lo nhỡ đầu lở tuyết thì sao, và phải ngăn mình không bị cuốn vào cái ý nghĩ điên cuồng biết đâu mình sẽ bị vùi dưới hàng ngàn tấn tuyết. Điều gì sẽ xảy ra nếu sau vài năm người ta không tìm thấy xác tôi? Nếu như cái mũ trùm đầu này đã bị lạc một tẹo hại vào lúc họ lôi được tôi ra? Tôi chớp mắt năm lần, cố ổn định lại hơi thở, tầm nhìn, ghìm sự hoảng loạn. Trời quá lạnh, làm sao mà lở tuyết được. Để lở tuyết thì cần rất nhiều tuyết, và rất nhiều ánh nắng. Chúng ta không có cả hai. Cảm chắc sùng. Tôi nheo mắt nhìn qua ống ngắm, và thấy Dirk đã lại đứng lên.

Đứng lên, và đang nhìn tôi.

Hoặc ít nhất ông ta đang nhìn về hướng tôi, nhìn chăm chú vào rặng cây trong khi ông ta cạo tuyết ra khỏi cặp kính râm.

Ông ta không thể nhìn thấy tôi được. Không thể nào. Tôi đã núp kỹ sau một gò đất, đào một rãnh nhỏ đủ để giấu khẩu súng, và hình ảnh ông ta đang muốn nhìn cho rõ kia hẳn là một hình thù bất thường nào đó của bụi cây. Ông ta không tài nào nhìn thấy tôi được.

Vậy ông ta đang nhìn gì?

Tôi nhẹ nhàng hạ thấp đầu xuống dưới mô đất, đoạn quay nhìn xung quanh, kiểm tra xem có tay chạy đường dài đơn độc nào không, hoặc là một con sơn dương đi lang thang, hoặc đàn múa phụ họa của *No, No Nanette* hoặc bất cứ thứ gì có thể thu hút ánh mắt Dirk ở đó hay không. Tôi nín thở, quay đầu chậm chậm từ trái sang phải, rà soát quả đồi để tìm tiếng động.

Không có gì.

Tôi nhô đầu một chút lên khỏi ụ đất và lại nheo mắt nhìn vào kính ngắm. Trái, phải, trên, dưới.

Không thấy Dirk đâu.

Tôi thò hẳn đầu lên, người ta nói ta không bao giờ nên làm vậy, tuyệt vọng kiếm tìm bóng dáng ông ta trong cái màu trắng nhức mắt, mờ ảo này. Miệng tôi đột nhiên dường như có vị của máu, tim thì đập thành thạch trong lồng ngực, như muốn điên cuồng thoát ra ngoài.

Đây rồi. Gần ba trăm mét. Di chuyển nhanh hơn. Ông ta đang đổ dốc, trên phần phẳng hơn của dốc, nó đưa ông ta tới phía xa hơn của đường trượt. Tôi chớp mắt lần nữa, đặt mắt phải vào ống ngắm, nhắm mắt trái lại.

Ở khoảng cách chừng hai trăm mét, tôi hít một hơi dài, sâu, ngừng lại khi hai lá phổi đầy tới ba phần tư, và nín thở.

Dirk đang vượt qua. Vượt qua đoạn dốc, và đường ngắm bắn của tôi. Tôi dễ dàng đưa ông ta vào ống ngắm - có thể bắn bất cứ lúc nào - nhưng tôi biết đây phải là phát bắn chính xác nhất của đời mình. Tôi để ngón tay vào cò súng, siết hẹp lại khoảng trống giữa các cơ cấu, đoạn thịt chùng giữa đốt thứ hai và thứ ba của tôi, rồi đợi.

Ông ta dừng lại ở khoảng một trăm năm mươi mét. Nhìn lên ngọn núi. Dưới ngọn núi. Rồi ông ta quay người về hướng tôi. Ông ta đang vã mồ hôi hột, thở hổn hển nặng nhọc, với nỗi sợ hãi, và sự nhận biết. Tôi đặt đầu ruồi chính xác vào giữa ngực ông ta. Như tôi đã hứa với Francisco. Như tôi đã hứa với mọi người.

Siết. Đừng có kéo. Siết chậm chậm như đang thưởng thức, anh biết tại sao mà.

Mười Chín

Xin chào. Đây là bản tin chín giờ tối của đài BBC.

PETER SISSONS

Chúng tôi không rời Murren trong vòng ba mươi sáu tiếng sau. Đó là ý kiến của tôi.

Tôi nói với Francisco: điều đầu tiên họ sẽ làm là kiểm tra nhà ga tàu hỏa. Bất kỳ ai rời đi, hoặc cố rời đi, trong khoảng mười hai giờ sau vụ bắn, thấy rời sẽ có lúc chẳng khác gì sống trong địa ngục, dù cho họ có tội hay không.

Francisco cần môi, nghĩ ngợi một lúc, rồi khẽ cười đồng tình. Tôi nghĩ rằng đối với anh ta ở lại trong làng là một phương án bình tĩnh hơn, táo bạo hơn, mà bình tĩnh, táo bạo là những phẩm chất mà Francisco muốn thấy gắn liền với tên tuổi anh ta trên mục hồ sơ tờ *Newsweek* một ngày nào đó. Một khuôn mặt ủ rũ, cùng với một hàng chú thích: “Francisco: bình tĩnh và táo bạo”. Kiểu thế.

Lý do thực sự khiến tôi muốn ở lại Murren là vì muốn có cơ hội nói chuyện với Solomon, nhưng tôi nghĩ có lẽ tốt nhất đừng nói với Francisco điều đó.

Bởi thế chúng tôi vẫn quanh quẩn đó, tách biệt nhau, trong khi những người khác trở mắt ra nhìn những chiếc trực thăng vừa tới nơi. Đầu tiên là cảnh sát, rồi tới Chữ Thập Đỏ, và rồi, y như rằng, cách truyền hình. Những lời bàn tán về vụ nổ súng truyền quanh làng trong khoảng năm mươi phút, nhưng dường như hầu hết du khách đều quá choáng nên không thể nói với nhau chuyện đó. Họ loanh quanh chỗ này chỗ kia, nhìn ngó, cau mày, giữ lũ trẻ sát bên mình.

Những người Thụy Sĩ ngồi trong quán rượu rì rầm với nhau; có thể họ bối rối hoặc lo lắng về tác động của vụ ám sát đến việc kinh doanh. Khó mà nói được. Nhưng hẳn nhiên là họ không cần phải lo lắng. Đến chập tối, các quán bar nhà hàng đã đầy khách hơn bất cứ khi nào tôi thấy. Không ai muốn bỏ lỡ một quan điểm, một tin đồn, một mâu thuẫn giải nào về sự kiện tồi tệ, kinh khủng này.

Đầu tiên họ đổ tội cho người Iraq, điều đó dường như theo đúng trình tự chuẩn ngày nay. Giả thuyết đó tồn tại trong khoảng một giờ gì đó, cho tới khi những cái đầu thông minh bắt đầu gợi ý rằng người Iraq không thể nào làm chuyện đó, bởi họ thậm chí còn không vào được trong làng mà không bị nhận ra. Giọng nói, màu da, quỳ gối mặt quay về hướng Mecca. Những cái như thế không thể qua mắt một người Thụy Sĩ có độ cẩn trọng trung bình.

Tiếp theo là giả thuyết rằng có một vận động viên năm môn phối hợp không còn tự chủ, kiệt sức sau chặng đường hơn ba mươi kilômét trượt tuyết băng đồng, ông này vấp ngã, làm cho khẩu 22 ly của ông cướp cò, giết chết Herr Van Der Hoeve trong một tai nạn có xác suất xảy ra gần như bằng không. Dù nghe có vẻ lạ, giả thuyết này vẫn thu hút một lượng lớn người ủng hộ; chủ yếu bởi nó không liên quan gì tới những mưu mô hiểm độc, mà hiểm độc là thứ mà người Thụy Sĩ không muốn khuyến khích ở chốn thiên đường tuyết phủ của họ một tí nào.

Sau một lúc, hai lời đồn đó ăn nằm với nhau, đẻ ra một giả thuyết lai thật sự quái dị: đó là một vận động viên năm môn phối hợp người Iraq, những cái đầu không-thông-minh-chút- nào nói. Điên tiết vì ghen tị với thành công của các vận động viên Scandinavia ở kỳ Thế vận hội mùa đông vừa qua, một vận động viên năm môn phối hợp người Iraq (có người còn từng được nghe ai đó nhắc tới cái tên Mustapha) đã phát cuồng lên; trên thực tế, có lẽ hẳn vẫn đang đâu đó ngoài kia, bám theo những người trượt tuyết cao lớn tóc vàng.

Và rồi mọi sự tạm lắng. Các quán bar bắt đầu vắng khách, các quán cà phê đóng cửa buổi đêm, và những người phục vụ trao nhau những cái nhìn bí hiểm trong khi dọn dẹp thức ăn thừa.

Cũng mất một lúc tôi mới nhận ra những gì đang xảy ra. Những vị khách du lịch, không thỏa mãn với hầu hết các lời giải thích, đã quay về phòng khách sạn để quỳ xuống, từng người hoặc từng cặp, trước CNN biết-tuốt đầy quyền năng, với Phóng Viên Có Mặt Tại Hiện Trường Tom Hamilton mà hiện giờ vẫn đang cho thế giới biết “những tin tức mới nhất, vừa được cập nhật”.

Tụ tập xung quanh chiếc ti vi ở quán bar Züm Wilden Hirsch, Latifa và tôi, bị khoảng chục tay người Đức đỡ tỉnh đỡ say dờn ép quanh vai, để nghe Tom giải thích giả thuyết rằng “vụ giết người có khả năng là một hoạt động của các tổ chức chính trị” - tôi đoán Tom được trả khoảng hai trăm nghìn đô một năm cho lời giải thích đó. Tôi muốn hỏi anh ta làm thế nào anh ta có thể loại bỏ thẳng thừng khả năng vụ giết người là do những kẻ theo chủ nghĩa tiêu cực gây ra. Thực ra, tôi có thể dễ dàng làm việc đó, bởi vì Tom đang hăng say làm công việc của mình trong một biển đèn ánh sáng chói mắt, cách chỗ chúng tôi đang đứng không đầy hai trăm mét. Mới hai mươi phút trước tôi còn đứng nhìn một kỹ thuật viên của CNN gắn micrô vào cà vạt của Tom, và Tom đã hẩy anh này ra mà nói sẽ tự mình làm việc đó, vì anh ta không muốn làm hỏng cái nút thắt.

Bản tin đã được phát chậm lại vào lúc mười giờ địa phương. Nếu Cyrus đã làm tròn việc của mình và tin tức đã tới được với họ đúng như kế hoạch, thì CNN lúc này phải đang bỏ thời gian để xác minh tin đó. Có vẻ, nếu như toàn bộ các nhân viên khác cũng như Tom, họ sẽ dành thời gian để đọc bản tin này. Francisco đã nhất quyết yêu cầu dùng từ “chủ nghĩa bá quyền” và có lẽ đã làm cho nó chậm lại đôi chút.

Cuối cùng thì bản tin ấy được phát sóng lúc mười một giờ hai lần, được truyền tải chậm, rõ ràng, với dòng chữ to đậm “Những gã này làm tôi phát ốm” bởi người tổng hợp chương trình của CNN, Doug Rose.

Lưỡi gươm Công lý.

Mẹ ơi, ra nhanh mà xem. Bọn con đây. Ông ta đang nói về bọn con đây.

Tôi nghĩ, nếu muốn, tôi có thể ngủ với Latifa tối hôm đó.

Phần cuối bản tin của CNN bao gồm rất nhiều đoạn phim tư liệu về khủng bố trong lịch sử, chúng đưa trí nhớ người xem về đầu tuần trước, khi một nhóm ly khai xứ Basque đánh bom tòa nhà chính phủ ở Barcelona. Một người đàn ông để râu xen vào cố gắng tiếp thị những quyển sách ông ta viết về sự cuồng tín, và rồi chúng tôi quay lại chương trình chính của CNN: nói với những người đang xem CNN rằng điều chúng ta nên làm là xem CNN. Tốt nhất là xem từ một khách sạn tốt hơn khách sạn họ đang ở.

Tôi nằm trên giường ở Eiger, một mình, hai tay thay nhau tuôn rượu whisky và nicôtin vào trong cơ thể, và bắt đầu tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu ta thực sự đang ở *trong* cái khách sạn tốt mà họ quảng cáo, vào thời điểm người ta quảng cáo nó. Liệu điều đó có nghĩa rằng ta đã chết? Hoặc đã tới một thiên hà khác? Hay thời gian đã đi ngược lại?

Tôi đang say, anh thấy đấy, đó là lý do tại sao lúc đầu tôi không nghe thấy tiếng gõ cửa. Hoặc có thể tôi đã nghe thấy nó từ đầu, tôi chỉ cố chứng tỏ cho bản thân mình rằng tôi đã không nghe thấy, và tiếng gõ cửa đó đã tiếp diễn trong khoảng mười phút, có lẽ là mười tiếng, trong khi đầu óc tôi đang phải tự kéo nó ra khỏi trạng thái lơ đãng mệt mỏi CNN. Tôi lê mình ra khỏi giường.

“Ai đó?”

Im lặng.

Tôi không có vũ khí, hoặc bất kỳ ý định cụ thể nào là sẽ sử dụng vũ khí, bởi thế tôi mở rộng cửa, thò đầu ra. Chuyện gì xảy ra thì sẽ xảy ra thôi.

Một người rất lùn đứng ở hành lang. Đủ lùn để ghét những người nào có chiều cao như tôi.

“Herr Balfour phải không?”

Trong một khoảnh khắc, tôi thấy hoàn toàn trống rỗng. Kiểu trống rỗng vốn thường xâm chiếm những điệp viên hoạt động bí mật - khi những chiếc đĩa quay lệch khỏi trục khiến họ mất phương hướng không biết mình đóng vai ai, mình thực sự là ai, tay nào mình cầm bút, hoặc tay nắm cửa hoạt động thế nào. Uống rượu whisky thường làm tăng tần suất của những khoảnh khắc như thế, tôi thấy vậy.

Nhận thấy anh ta đang chăm chú nhìn mình, tôi vờ ho trong khi cổ trần tĩnh. Balfour, có hay không. Balfour là cái tên tôi đang dùng, nhưng với ai? Tôi là Lang đối với Solomon, Ricky đối với Francisco, Durrell đối với hầu hết những người Mỹ, và Balfour... thế đó. Tôi là Balfour đối với cái khách sạn này; vì thế, nếu như họ đã chọn, và tôi không nghi ngờ gì rằng họ đã chọn, thì tôi cũng sẽ là Balfour đối với cảnh sát.

Tôi gật đầu.

“Ông đi theo tôi.”

Anh ta quay gót giày và điều bước dọc hành lang. Tôi chộp cái áo khoác và chìa khóa phòng rồi theo anh ta, bởi vì Herr Balfour là một công dân tốt, người chấp hành mọi thứ luật pháp anh ta biết và mong muốn người khác cũng làm như thế. Khi chúng tôi đi tới thang máy, tôi nhìn xuống chân thì thấy anh ta mang giày đế cao. Thực sự anh ta thấp vô cùng.

Ngoài trời tuyết đang rơi (nơi này, để tôi nói cho anh biết, vẫn luôn có tuyết rơi, nhưng hãy nhớ rằng tôi mới chỉ đang bắt đầu tỉnh rượu) và những mảng lớn màu trắng đang run rẩy dưới đất, giống như những mảnh vụn từ một trận đánh nhau bằng gối của người nhà trời, bao phủ vạn vật, làm vạn vật mềm mại hơn, trở nên ít có vấn đề hơn.

Chúng tôi đi bộ khoảng mười phút, anh ta bước bảy bước mới theo kịp một bước của tôi, cho tới khi chúng tôi đến một ngôi nhà nhỏ ở rìa làng. Đó là căn nhà gỗ một tầng, có thể rất lâu đời rồi, cũng có thể không. Nó có cửa chớp hở trên ô cửa sổ, và những dấu chân trên tuyết cho thấy dạo gần đây có rất nhiều người được gọi đến. Hoặc có lẽ đó là một người, người thường hay quên thứ này thứ khác.

Đó là một trải nghiệm lạ, khi bước vào căn nhà đó, và tôi nghĩ có lẽ nó sẽ vẫn lạ như thế dù tôi có tỉnh táo. Tôi có cảm giác như nên mang theo một thứ gì; ít nhất là vàng hay trầm hương. Tôi không cảm thấy khó chịu với các chất nhựa thơm, bởi vì chưa bao giờ rõ thực ra nó là cái gì.

Người Đàn ông Rất lùn dừng ở bên cửa, liếc đằng sau nhìn tôi một lát, rồi gõ cửa một cái. Dường như sau một lúc, một cái chốt được mở ra đầu đó, rồi một cái nữa, một cái nữa, và một cái nữa, và cuối cùng thì cửa mở toang ra. Một người phụ nữ tóc xám nhìn Người Đàn ông Rất lùn một lúc, rồi nhìn tôi ba lúc, gật đầu, và đứng sang một bên cho chúng tôi đi qua.

Dirk Van Der Hoewe ngồi trên chiếc ghế duy nhất trong phòng, đang lau cặp kính. Ông ta mặc áo bành tô cỡ lớn ở ngoài, một chiếc khăn nhét vào cổ, cặp chân to béo phình ra ngoài đôi giày. Đó là đôi giày đắt tiền, hiệu Oxfords màu đen, dây giày bằng da. Tôi chỉ để ý điều đó bởi vì dường như bản thân ông ta cũng đang xem xét chúng một cách kỹ lưỡng.

“Thưa Bộ trưởng, đây là Thomas Lang,” Solomon nói, bước ra khỏi bóng tối, nhìn tôi nhiều hơn là nhìn Dirk.

Dirk vẫn từ từ lau kính, rồi nhìn chăm chăm xuống sàn trong khi khéo léo đặt kính lên mũi. Cuối cùng, ông ta ngẩng đầu lên nhìn tôi. Không phải một cái nhìn thân thiện. Ông ta đang thở nặng nhọc qua miệng, như một đứa trẻ đang cố hết sức để không ăn súp lơ xanh.

“Chào ông,” tôi nói và chìa tay ra.

Dirk nhìn Solomon, như thể chưa có ai nói trước với ông ta rằng có thể ông ta cũng sẽ phải chạm vào tôi, rồi giờ ra cho tôi một thứ mềm rũ, ướt nhoẹt với những ngón tay trên đó.

Chúng tôi nhìn nhau một lúc.

“Giờ tôi có thể đi chứ?” Ông ta hỏi.

Solomon ngừng một lát, buồn xo, có vẻ anh ta đã hy vọng rằng ba chúng tôi có thể ngồi nói chuyện một lúc và chơi bài Uýt.

“Tất nhiên, thưa ngài,” anh ta đáp.

Chẳng phải đợi đến khi Dirk đứng dậy để tôi nhìn ra rằng dù ông ta béo - và chao ôi, đúng, thực sự ông ta béo - nhưng ông ta không giống chút nào cái kích thước khi ông ta tới Mürren.

Đó hẳn phải là áo giáp chống đạn Life-Tec, anh biết đấy. Nó thật là một thứ tuyệt vời, nó sẽ làm mọi việc mà ta hy vọng nó làm để giữ mạng sống của ta. Nhưng nó không phải để cho đẹp mắt. Ý tôi là về hình dáng. Khi được mặc với quần áo trượt tuyết, nó có thể làm cho một người hơi béo trở nên rất béo, trong khi một người như Dirk sẽ trở thành một quả khinh khí cầu.

Tôi không đoán được người ta đã đánh đổi cái gì với ông ta. Hoặc có thể cả với chính phủ Hà Lan. Hiển nhiên là sẽ không ai nói với tôi làm gì. Có lẽ ông ta đang chuẩn bị nghỉ phép, nghỉ hưu hay bị cách chức - hoặc có thể họ đã bắt quả tang ông ta trên giường với một tá bé gái mười tuổi. Hoặc có thể chỉ là họ cho ông ta rất nhiều tiền. Tôi hiểu rằng đôi khi tiền rất có tác dụng với con người.

Dù thế nào thì họ đã làm được điều đó, Dirk sẽ ăn mình cho kỹ trong vòng vài tháng tới, vì chính ông ta cũng như vì tôi. Nếu như ông ta thò đầu ra ở một hội nghị quốc tế tuần tới, tuyên bố về sự cần thiết phải có một cơ cấu tỷ giá linh hoạt giữa các nước Bắc Âu, nó sẽ trở nên thật kỳ quặc, khiến

người ta phải đặt rất nhiều câu hỏi. Thậm chí CNN có thể sẽ cử người tường thuật vụ đó.

Dirk đi khỏi mà không nói lời cáo từ. Người phụ nữ tóc xám né người cho ông ta lách ra khỏi cửa, rồi ông ta và Người Đàn ông Rất lùn cùng nhau khuất vào trong bóng đêm.

“Ngài cảm thấy thế nào?”

Giờ tôi đang trên ghế, và Solomon đang chậm chậm đi lại xung quanh tôi sau khi thăm vắn, đánh giá ý chí, tính cách và độ say của tôi. Anh ta đặt một ngón tay trên môi và vờ không nhìn tôi.

“Tôi khỏe, cảm ơn anh, David. Anh thế nào?”

“Cảm thấy nhẹ nhõm, thưa ông chủ. Đúng thế, tôi có thể nói vậy. Hoàn toàn nhẹ nhõm.” Dừng lại một lúc. Anh ta đang nghĩ nhiều hơn là nói. “Dù sao,” cuối cùng anh ta lên tiếng, “tôi muốn chúc mừng ngài vì cú bắn rất chuẩn. Các đồng nghiệp người Mỹ của tôi muốn ngài biết thế.”

Solomon cười với tôi, theo một kiểu hơi uể oải, như thể anh ta đã khoắng đến đáy chiếc hộp Những Điều Tốt Đẹp Để Nói và đang chuẩn bị mở chiếc hộp khác.

“Chà, tôi rất hãnh diện đã làm thỏa lòng quý vị,” tôi nói. “Giờ thế nào?”

Tôi châm một điếu thuốc và cố thổi khói vòng tròn, nhưng vì Solomon cứ đi đi lại lại nên vòng khói tròn hỏng mất. Tôi nhìn khói thuốc trôi ra xa, tán thành các sọc méo mó không ra hình thù gì, và cuối cùng thì nhận ra rằng Solomon vẫn chưa trả lời tôi.

“David này!”

“À vâng, thưa ông chủ,” anh ta nói sau một lúc ngưng lại. “Giờ thế nào? Đó hiển nhiên là một câu hỏi thông minh và thỏa đáng, là câu hỏi đáng có được

câu trả lời đầy đủ nhất.”

Hắn có gì đó không ổn. Solomon thường không nói thế này. Tôi nói như thế khi tôi say, nhưng Solomon chẳng bao giờ thế.

“Chà,” tôi nói. “Chúng ta đã xong phải không? Công việc đã kết thúc, những kẻ xấu đã bị bắt quả tang, lễ đăng quang đã đầy hiệp sĩ canh giữ rồi phải không?”

Anh ta dừng lại, chỗ nào đó phía sau vai phải tôi.

“Sự thực là, thưa ông chủ, kể từ giờ trở đi mọi việc có phần sẽ trở nên kỳ quặc một chút.”

Tôi quay lại nhìn anh ta. Và gượng cười. Anh ta không cười lại.

“Thế thì anh sẽ dùng tính từ gì để miêu tả cái lỗi mọi việc đã xảy ra từ trước tới giờ? Ý tôi là, nếu như việc có bắn một người vào giữa cái áo chống đạn không phải là kỳ quặc...”

Nhưng anh ta không hề lắng nghe tôi. Anh ta trước nay có vậy đâu.

“Họ muốn ngài tiếp tục,” anh ta nói.

Hừm, tất nhiên là họ muốn rồi. Tôi biết điều đó. Bắt giữ khủng bố không phải và chưa bao giờ là mục tiêu của bài tập này. Họ muốn tôi tiếp tục, họ muốn tất cả tiếp tục, cho tới khi mọi sự sắp đặt ổn thỏa cho màn trình diễn lớn. CNN xuất hiện ngay tại hiện trường, máy quay lia liên tục - chứ không phải bốn tiếng sau khi sự việc xảy ra.

“Ông chủ,” Solomon nói, sau một thoáng, “tôi phải hỏi ngài một câu, và tôi cần ngài trả lời một cách trung thực.”

Tôi không thích kiểu này. Có gì đó rất không ổn. Như là rượu vang đỏ nhắm với cá. Mặc áo tuxedo mà lại đi giày nâu. Nó không ổn như mọi thứ

đang xảy ra.

“Nói đi.”

Anh ta có vẻ thực sự lo lắng.

“Ngài sẽ thành thật trả lời tôi chứ? Tôi cần phải biết trước khi đặt câu hỏi.”

“David, tôi không thể nói với anh điều đó được.” Tôi cười to, hy vọng rằng anh ta sẽ thả lỏng người, thư giãn, đừng dọa tôi sợ nữa. “Nếu như anh hỏi tôi là hơi thở anh có mùi hay không, tôi sẽ trả lời anh trung thực. Nếu như anh hỏi tôi... tôi không biết nữa, về bất cứ thứ gì khác, thì có, tôi có thể sẽ nói dối.”

Điều đó dường như không làm thỏa mãn anh ta nhiều lắm. Làm sao mà thỏa mãn được chứ, tất nhiên rồi, nhưng tôi còn nói được gì khác đây? Anh ta hắng giọng, chậm và kỹ, như thể sẽ không có cơ hội để làm điều đó lần nữa.

“Chính xác thì quan hệ của ngài với Sarah Woolf là gì?”

Tôi thực sự đang chơi trò tung đồng xu. Không thể biết là mặt sấp hay là ngửa. Bởi thế tôi cứ nhìn trần trần trong khi Solomon chậm chậm bước đi, tiến rồi lại lùi, mắt môi cau mày ngó sà nhà, giống như ai đó đang sắp diễn giảng về chủ đề thủ dâm với thằng con trai tuổi thiếu niên. Tôi chưa từng dự buổi diễn giảng nào như thế, nhưng tôi tưởng tượng sẽ có nhiều cái đỏ mặt và lấm sự bồn chồn, và việc khám phá ra một hạt bụi siêu vi trên áo khoác đột nhiên buộc người ta phải chú ý cao độ.

“Tại sao anh lại hỏi tôi, David?”

“Xin ông chủ, hãy...” Đây không phải là ngày tốt của Solomon, tôi có thể nói thế. Anh ta hít một hơi sâu. “Trả lời đi. Làm ơn.”

Tôi nhìn anh ta một lúc, vừa giận vừa thương hại.

“V ì tình xưa nghĩa cũ’, có phải anh định nói thế không?”

“V ì bất cứ thứ gì,” anh ta nói, “mong ông chủ trả lời câu hỏi của tôi. Tình xưa, tình nay, chỉ cần nói với tôi điều đó.”

Tôi châm một điếu thuốc nữa và nhìn xuống tay mình, cố gắng, như tôi đã từng cố nhiều lần trước, tự trả lời câu hỏi cho mình nghe, trước khi trả lời anh ta.

Sarah Woolf. Đôi mắt màu xám, với một vệt sáng màu xanh. Những đường gân cổ đẹp đẽ. Có, tôi có nhớ cô ấy.

Tôi thực sự cảm thấy thế nào à? Yêu? Chà, tôi không thể trả lời thế được, phải không? Chỉ là tôi thấy nó không đủ quen để gắn lên bản thân mình như vậy. Yêu là một từ. Một âm thanh. Sự gắn kết của nó với một cảm giác gì cụ thể là ngẫu nhiên, không đo đếm được, và hoàn toàn vô nghĩa. Không, tôi sẽ quay lại với nó sau, nếu anh không phiền.

Thế còn thương? Tôi thương Sarah Woolf bởi... bởi điều gì? Cô mất anh trai, rồi mất bố, và giờ đây đang bị giam trong tháp tối trong khi chàng người hùng tới để cứu cô còn đang loạng choạng vì cái thang bị hỏng. Chắc là tôi thương cô vì điều đó; vì cô xem tôi như một người giải thoát cho cô.

Bạn bè ư? V ì Chúa, tôi đâu có biết gì mấy về người phụ nữ này. Chà, thế thì là gì nào?

“Tôi phải lòng cô ấy,” tôi nghe thấy có ai đó nói, và rồi nhận ra đó là mình.

Solomon nhắm mắt lại trong một giây, như thể đó *lại* là một câu trả lời sai - rồi bước chầm chậm, lưỡng lự tới một chiếc bàn gần tường, cầm một cái hộp nhựa lên. Anh ta giữ nó trong tay một lúc, như đang suy ngẫm xem có nên đưa cho tôi hay lắng ra đông tuyết ngoài cửa sổ; rồi anh ta bắt đầu lục lọi trong túi. Dù anh ta muốn tìm cái gì thì hẳn nó cũng ở trong cái túi cuối cùng mà anh ta lục, và, đúng lúc tôi đang nghĩ nhìn thấy chuyện này diễn ra

với ai đó thật hay làm sao, anh ta đưa một cái bút lửa ra. Anh ta đưa cho tôi cái bút lửa và cái hộp, rồi quay lưng dạt ra xa, để tôi lại với nó.

Tôi mở hộp. Tất nhiên rồi. Đó là điều ta làm với những chiếc hộp đóng kín khi có người đưa cho ta. Ta mở chúng ra. Bởi thế tôi nhấc cái nắp nhựa màu vàng , và ngay lập tức trái tim chìm xuống sâu hơn một chút, cả theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Cái hộp chứa những tấm ảnh, và tôi biết, hoàn toàn biết, rằng tôi sẽ không thích bất cứ thứ nào trong số chúng.

Tôi rút tấm đầu tiên ra, đưa lên trước cái bút lửa.

Sarah Woolf. Không có nhầm lẫn gì.

Một ngày nắng, một bộ váy đen, đang ra khỏi một chiếc taxi ở Luân Đôn.

Tốt. Được thôi. Điều đó không có gì sai. Cô đang cười - một nụ cười rạng rỡ - nhưng điều đó chấp nhận được. Không sao cả. Tôi không mong đợi trông thấy cô gục vào gối khóc hai mươi bốn giờ một ngày. Kiểu thế. Tiếp theo.

Trả tiền cho tài xế. Lần nữa, lại không có gì sai cả. Anh đi xe taxi, anh phải trả tiền cho tài xế. Cuộc sống là thế. Bức ảnh được chụp với ống kính dài, ít nhất là loại 135, có thể còn hơn. Và cận cảnh cho thấy nó được chụp từ một người đi mô tô. Tại sao có người phải chụp làm gì...

Giờ đang đi từ xe taxi lại vệ đường. Cười. Tay tài xế taxi đang nhìn mông cô, điều mà tôi có thể cũng làm nếu tôi là tài xế taxi. Cô đã nhìn gáy của hắn, giờ hắn nhìn lại mông cô. Sòng phẳng. Thực ra thì cũng không sòng phẳng lắm, có lẽ thế, nhưng không ai có thể nói thế giới này là hoàn hảo cả.

Tôi liếc nhìn lưng Solomon. Đầu anh ta cúi xuống.

Xin mời tấm tiếp theo nào.

Cánh tay một người đàn ông. Thực ra là một cánh tay và một bả vai, trong một bộ com lê màu xám đậm. Đang với tới hông cô, trong khi cô nghiêng đầu lại, sẵn sàng cho một cái hôn. Nụ cười rạng rỡ hơn nữa. Lại nữa, có ai lo chứ? Chúng ta không phải là người Thanh giáo. Một phụ nữ có thể đi ăn trưa với một người nào đó, có thể lịch sự, vui mừng khi gặp anh ta - thế không có nghĩa rằng chúng ta phải gọi cảnh sát vì một thứ chết tiệt gì.

Giờ tay vòng quanh người nhau. Đầu cô ở phía máy ảnh, bởi vậy khuôn mặt anh ta không rõ, nhưng hẳn nhiên là họ đang ôm nhau. Một cái ôm đúng kiểu, trọn vẹn. Bởi thế anh ta có lẽ không phải giám đốc nhà băng của cô. Thế thì sao nào?

Cái này thì gần giống như thế, nhưng họ đã bắt đầu xoay người. Đầu anh ta đang ngẩng lên khỏi cổ cô.

Giờ họ đang đi về phía chúng tôi, vẫn khoác tay nhau. Không thể nhìn thấy mặt anh ta, vì có một người đang qua đường, gần với ống kính, làm nhòe ảnh đi. Nhưng khuôn mặt cô. Mặt cô thì thế nào? Sung sướng tuyệt trần? Hạnh phúc? Vui vẻ? Đam mê? Hay chỉ là lịch sự. Tầm tiếp theo, và cuối cùng.

Ồ, xin chào, tôi tự nhủ với chính mình. Anh ta đây.

“Ồ, xin chào,” tôi nói lớn. “Anh ta đây.”

Solomon không quay lại.

Một người đàn ông và một người đàn bà đang đi lại phía chúng tôi, tôi biết cả hai người. Tôi vừa mới thú nhận yêu người đàn bà, cho dù không chắc điều đó có phải là sự thực, và từng giây qua tôi càng trở nên không chắc chắn hơn, trong khi người đàn ông... vâng, đúng.

Ông ta cao lớn. Ông ta đẹp trai, vẻ phong trần. Ông ta mặc áo vest đắt tiền và cũng đang cười. Cả hai đều đang cười. Đang cười ngoác miệng. Cười rất

to, như thể đỉnh đầu của họ sắp rớt xuống đến nơi.

Tất nhiên tôi muốn biết họ vui vẻ vì cái quái gì thế. Nếu như đó là một câu chuyện cười thì tôi rất muốn nghe - để tự đánh giá xem liệu nó có đáng cười vỡ bụng không, liệu nó có là kiểu chuyện cười khiến anh muốn ôm người bên cạnh và siết chặt như thế. Hay là cứ siết người ta chẳng vì lý do gì cả.

Rõ ràng tôi không biết câu chuyện đó, tôi chỉ chắc rằng nó sẽ không làm tôi cười. Hết sức chắc chắn.

Người đàn ông trong tấm ảnh, tay vòng quanh cô gái bị nhốt trong tháp tối của tôi, đang làm cô cười - làm cô ngập trong tiếng cười, ngập tràn vui sướng, làm cô ngập tràn ông ta, với tất cả những gì tôi biết - ông ta là Russell P. Barnes.

Chúng tôi sẽ tạm nghỉ ở đây. Hẹn gặp lại quý vị sau khi tôi liệng cái hộp ảnh ngang phòng.

Hai mươi

Cuộc sống được tạo nên từ những tiếng khóc, tiếng sụt sịt, và những tiếng cười, trong đó tiếng sụt sịt nhiều hơn cả.

O. HENRY

Tôi kể cho Solomon tất cả. Tôi phải làm thế.

Bởi vì, anh biết đấy, anh ta là người thông minh, một trong những người thông minh nhất tôi được biết, và thật ngu ngốc khi cứ cố đâm đầu loạng choạng mà không sử dụng tới trí thông minh của anh ta. Trước khi thấy những tấm ảnh đó, tôi vẫn cứ tự mình cô đơn cày cuốc trên thửa ruộng của mình, nhưng giờ đã đến lúc thú nhận rằng đường cày đã chệch choạc ở góc ngoặt và đâm vào bờ ruộng.

Tôi kể xong lúc bốn giờ sáng, và trước đó khá lâu Solomon đã mở ba lô lôi ra đủ các thứ mà các Solomon trên thế giới này dường như không thể thiếu được. Chúng tôi uống trà nóng, bằng hai chiếc cốc nhựa; mỗi người một quả cam và một con dao để gọt; và hơn hai lạng kẹo sô cô la sữa Cadbury.

Thế là, trong khi chúng tôi ăn, uống, hút thuốc, và không tán thành việc hút thuốc, tôi trải ra câu chuyện về Sau Đại học từ đầu cho tới giữa: rằng tôi không ở nơi của tôi, làm việc của tôi, vì lợi ích của nền dân chủ; tôi không giữ an toàn cho bất cứ ai trên giường họ vào ban đêm, hoặc làm cho thế giới này trở thành một nơi tự do hơn, hạnh phúc hơn; tất cả những thứ tôi làm - tất cả những gì tôi đã làm kể từ khi toàn bộ câu chuyện bắt đầu - là buồn sủng.

Điều đó có nghĩa là Solomon cũng đang buồn sủng. Tôi là người buồn sủng, là nhân viên đại diện kinh doanh, và Solomon là tay nào đó ở bộ phận tiếp thị. Tôi biết anh ta không thích cảm giác đó lắm.

Solomon lắng nghe, rồi gật đầu, và hỏi những câu đúng, theo đúng thứ tự, vào đúng thời điểm. Tôi không thể nói liệu anh ta có tin tôi hay không ; nhưng tôi thì chưa bao giờ có thể tin Solomon, và chắc sẽ không bao giờ có thể.

Kể xong, tôi ngồi vắn vơ nghịch những thanh sô cô la, tự hỏi liệu mang sô cô la Cadbury tới Thụy Sĩ có khác gì mang than tới Newcastle không, và kết luận rằng có khác. Sô cô la Thụy Sĩ đã xuống cấp tệ hại so với hồi tôi còn là một thằng nhóc, giờ đây nó chỉ còn thích hợp với các bà cô. Trong khi đó, sô cô la Cadbury lên bước tiến lên, tốt hơn và rẻ hơn bất cứ thứ sô cô la nào trên thế giới. Dù sao đó cũng là quan điểm của tôi thôi.

“Đó là một câu chuyện ra trò đấy, ông chủ, nếu như ngài cho phép tôi nói.” Solomon đang đứng nhìn bức tường. Nếu như có cửa sổ, chắc anh ta đã nhìn ra phía ngoài, nhưng không có cửa sổ nào.

“Đúng vậy,” tôi tán thành.

Và chúng tôi quay lại với những bức ảnh, nghĩ xem chúng nói lên được điều gì. Chúng tôi giả sử và giả định, chúng tôi “có lẽ”, và “nếu mà” và “thế còn”; cuối cùng, khi tuyết đã bắt đầu tập hợp ánh đèn từ đâu đó mà phản chiếu xuyên qua khe cửa chớp và dưới khe cánh cửa, chúng tôi xác định rằng cuối cùng mình cũng đã xem xét hết mọi góc độ của vấn đề.

Có ba khả năng.

Có khá nhiều khả năng phụ, hiển nhiên, nhưng vào lúc đó chúng tôi muốn đương đầu với những cái lớn, bởi vậy chúng tôi quét dọn tất tậ các khả năng phụ vào ba đồng lớn. Chúng diễn ra như thế này: hấn đang phỉnh phờ cô ta; cô ta đang phỉnh phờ hấn; chẳng ai phỉnh phờ ai, đơn giản là họ yêu nhau - đều là người Mỹ, cùng qua những buổi chiều dài trong một thành phố lạ.

“Nếu như cô ấy phỉnh phờ hấn ta,” tôi bắt đầu, khoảng lần thứ một trăm, “thì để làm gì? Ý tôi là, cô ấy hy vọng sẽ nhận được gì từ đó?”

Solomon gật đầu, rồi nhanh chóng xoa mặt, dí cho hai mắt nhắm lại.

“Một sự thú tội sau khi quan hệ?” Anh ta nhăn mặt vì âm thanh những từ chính mình vừa nói. “Cô ấy thu lại, quay phim hay một kiểu gì đó, rồi gửi tới *Washington Post*?”

Tôi không thích điều đó lắm, và anh ta cũng vậy.

“Tôi phải nói rằng giả thuyết đó khá ngớ ngẩn.”

Solomon lại gật đầu. Anh ta vẫn đang đồng tình với tôi dù tôi chả đáng được đồng tình cho lắm - có lẽ bởi anh ta thấy nhẹ nhõm khi tôi đã không bị suy sụp hoàn toàn, vì hàng trăm nghìn thứ, và do đó muốn xoa dịu cho tôi trở lại trạng thái có lý trí và lạc quan.

“Vậy là hấn phỉnh cô ả sao?” Anh ta nói, ngả đầu về một bên, lông mày nhướng lên, dẫn tôi qua cổng như một con chó chăn cừu lạnh lợi.

“Có thể,” tôi nói. “Một tù nhân tự nguyện thì đỡ bị rắc rối hơn là không tự nguyện. Hoặc có thể hấn bịa ra vài chuyện, nói với cô ấy rằng mọi chuyện đều đã được thu xếp. Rằng hấn có tai mắt chẳng khác gì tổng thống, những thứ kiểu thế.”

Nghe cũng không lọt tai lắm.

Còn lại cho chúng tôi là khả năng thứ ba.

Nhưng tại sao một phụ nữ như Sarah Woolf muốn đồng hành với một người đàn ông như Russell P. Barnes? Tại sao cô có thể đi cùng hấn, cười với hấn, ôm hấn? Nếu như thực sự đó là những điều cô đã làm, và trong đầu tôi không nghi ngờ nhiều về chuyện đó.

Được thôi, hấn đẹp trai. Hấn có dáng thể thao. Hấn thông minh, và ngu ngốc theo một góc độ nào đó. Hấn có quyền lực. Hấn ăn mặc đẹp. Nhưng trừ những cái đó ra thì có gì cho cô chứ? Ý tôi là, lạy Chúa, hấn đã đủ già để trở thành một đại diện thời nát của chính phủ đất nước cô.

Trong khi lê bước về khách sạn, tôi thận trọng đánh giá kỹ càng vẻ quyền rũ của Russell P. Barnes. Bình minh đang rạng lên trên nhà ga, tuyết đã bắt đầu nở ra một màu trắng tươi mới, rộn ràng. Nó bám vào ống quần, dính nghe lạo xạo ở đế giày, còn tuyết đang trước mặt thì như đang nói “đừng giẫm lên tôi, xin đừng giẫm... ôi.”

Russell khôn kiếp Barnes.

Tôi về lại khách sạn, vào phòng hết sức khẽ khàng. Tôi mở chốt cửa, lách vào trong rồi ngay lập tức, dừng lại: ớn lạnh, cái áo khoác đã cởi ra một nửa. Sau một hành trình đi trong tuyết, chẳng có gì ngoài gió núi Alps thổi quanh, tôi lại bắt gặp cái mùi vị đặc trưng trong nhà - mùi bia chua từ quán rượu, mùi dầu giặt trên tấm thảm, mùi clo ở bể tắm dưới tầng hầm, mùi kem chống nắng tắm biển dường như có khắp mọi nơi - và giờ là cái mùi mới này. Mùi của thứ gì đó thật sự không thuộc về căn phòng này.

Đáng lẽ cái thứ mùi này không nên có ở đó bởi vì tôi trả tiền cho một phòng đơn, và các khách sạn Thụy Sĩ có tiếng chặt chẽ về những chuyện như thế này.

Latifa đang nằm dài ngủ trên giường tôi, tấm chăn cuộn quanh cơ thể khóa thân của cô như một tác phẩm của Rubens được phục dựng lại.

“Anh đã ở chỗ chết tiệt nào thế?”

Giờ cô đang ngồi dậy, chăn quấn chặt quanh cằm, trong khi tôi ngồi xuống cuối giường và tháo giày.

“Đi dạo,” tôi nói.

“Đi dạo ở đâu?” Latifa cảm cầu, vẫn còn đang nhăn nhó vì giấc ngủ, và giận tôi vì tôi đang nhìn cô trong bộ dạng như thế.

“Trời tuyết bỏ mẹ thế kia. Anh đi đâu trong tuyết rơi như thế? Anh đã làm chuyện gì hả?”

Tôi giật cái giày cuối cùng ra rồi chậm chậm quay lại nhìn cô.

“Hôm nay tôi đã bắn một người, Latifa ạ.” Chỉ có điều với cô tôi là Ricky, thành thử tôi phát âm thành Laddifa. “Tôi bóp cò bắn gục một người.” Tôi quay ra xa, nhìn xuống sàn, bài thơ của người lính, chán ngán về sự vô nghĩa của chiến trận.

Tôi cảm thấy tám chân lỏng ra ở dưới mình. Một cách nhẹ nhàng. Cô nhìn tôi một lúc.

“Anh đi cả đêm à?”

Tôi thở dài. “Tôi đi. Tôi ngồi. Tôi nghĩ. Cô biết đấy, cuộc sống một con người...”

Ricky, theo như chân dung tôi đã vẽ nên, là một người đàn ông gặp chút vấn đề trong khoản nói chuyện, bởi thế câu trả lời đó cần một lúc mới thoát ra ngoài được. Chúng tôi để cho cuộc sống của một con người treo lơ lửng trong không trung một lúc.

“Bao nhiêu người chết, Rick ạ.” Latifa nói. “Cái chết ở khắp mọi nơi. Giết chóc ở khắp mọi nơi.” Cái chân lỏng ra thêm chút nữa, và tôi thấy tay cô nhẹ nhàng đưa về phía thành giường, gần với tay tôi.

Tại sao tôi cứ phải nghe những lời như vậy ở mọi nơi tôi đến? Mọi người đều làm chuyện đó, thế thì anh sẽ lỗi thời nếu không nhập hội và giúp đỡ toàn bộ công việc. Tôi đột nhiên muốn tát cô ta, nói với cô ta tôi là ai, tôi thực sự nghĩ gì, nói rằng việc giết chết Dirk, giết chết bất cứ người nào, cũng sẽ không làm thay đổi cái gì ngoại trừ cái tự đại chó chết của

Francisco, vốn đã đủ rộng để chứa cả hai lần cái giới nghèo khổ, cộng thêm vài triệu tư sản trong những ô còn trống.

May mắn thay, tôi là một tay rất chuyên nghiệp, bởi thế tôi chỉ gật đầu, ngẩng lên, thở dài thêm vài tiếng nữa, và nhìn bàn tay cô trườn lại gần hơn, gần tay tôi hơn.

“Thật tốt là anh cảm thấy tệ,” cô nói sau một hồi suy nghĩ.

Không có nhiều suy nghĩ, hẳn thế, nhưng có một vài. “Nếu anh không cảm thấy gì thì nghĩa là không có tình yêu, không đam mê. Và chúng ta không là gì cả nếu không có đam mê.”

Có nó thì giữa chúng ta cũng chẳng có gì nhiều, tôi nghĩ, và bắt đầu lột áo.

Mọi thứ đang thay đổi, anh thấy đấy. Trong đầu tôi.

Cuối cùng chính những tấm ảnh đã làm điều đó - làm tôi nhận ra rằng tôi đã bị du đi đầy lại giữa những tranh chấp của người khác quá lâu đến nỗi lâm vào trạng thái không còn quan tâm nữa. Tôi không quan tâm đến Murdah và những cái trục thẳng của ông ta; tôi không quan tâm đến Sarah Woolf và Barnes; tôi không quan tâm đến O’Neal và Solomon, hay Francisco và Lưỡi gươm Công lý dở hơi. Tôi không quan tâm chuyện ai thắng trong các cuộc tranh luận, hoặc ai thắng trong cuộc chiến.

Tôi thậm chí chẳng hề bận tâm đến bản thân mình.

Những ngón tay của Latifa đang vuốt lên mu bàn tay tôi.

Về chuyện làm tình, tôi thấy dường như đàn ông bị kẹt giữa một tảng đá và một nơi mềm mại, yếu đuối và ân hận.

Cơ chế tình dục của hai giới không giống nhau, đó là một sự thật tởm tợ về nó. Một là loại xe *runabout*, thích hợp cho đi mua sắm, những chuyến đi ngắn xung quanh thành phố, và cực kỳ dễ đỗ; một là xe *estate*, được thiết

kể để chạy đường dài, chở nặng - rộng hơn, phức tạp hơn, khó bảo dưỡng hơn. Anh sẽ không mua một chiếc Fiat Panda để chở đồ cũ từ Bristol tới Norwich, và sẽ không mua một chiếc Volvo để làm một việc khác. Không phải vì cái này tốt hơn cái kia. Chúng chỉ khác nhau, thế thôi.

Đó là sự thực mà ngày nay chúng ta không dám chấp nhận- bởi vì sự giống nhau là tôn giáo của chúng ta và những người dị giáo không còn được chào mừng như trước nữa - nhưng tôi sẽ chấp nhận điều đó, bởi vì tôi luôn cảm thấy nhún nhường trước thực tế là cách duy nhất để giữ cho người ta còn có lý trí. Tuy nhiên, hãy nhún nhường trước thực tế, và hãy tự hào trước dư luận, như George Bernard Shaw từng nói.

Thực ra, ông ấy đã không nói câu đó. Tôi chỉ muốn đặt một người có uy tín đằng sau sự đúc rút của tôi, bởi vì tôi biết anh sẽ không thích nó.

Nếu một người đàn ông dốc toàn bộ bản thân mình cho khoảnh khắc tình dục, thì, hừm, tất cả chỉ có thế. Một khoảnh khắc. Một sự bộc phát. Một sự kiện không có độ dài. Nếu, mặt khác, anh ta kìm giữ, bằng cách cố gắng nhớ bao nhiêu cái tên mà anh ta có thể nhớ từ bảng màu của Dulux, hoặc bất cứ thứ gì ngẫu nhiên trở thành phương pháp được lựa chọn để câu giờ, thì anh ta sẽ bị cáo buộc là chỉ chú tâm vào mặt kỹ thuật một cách lạnh lùng. Cách nào cũng thế, nếu như anh là một người có đức tính bình thường thì đạt điểm trong một cuộc làm tình hiện đại là việc cực kỳ khó khăn.

Vâng, tất nhiên, điểm số không phải là mấu chốt của bài tập này. Nhưng mà, nếu giành được rồi thì ai chẳng nói được thế. Tôi muốn nói là nói điểm ấy. Và ngày nay đàn ông chẳng đạt được điểm nào. Trong đấu trường tình dục, đàn ông bị phán xét theo tiêu chuẩn của phụ nữ. Anh có thể xì, có thể tặc lưỡi và thở hắt nếu anh thích, nhưng đó là sự thật. (Đúng, hiển nhiên, đàn ông đánh giá đàn bà trong những không gian khác - chiều cổ họ, cai trị họ, loại trừ họ, đàn áp họ, làm cho họ cực cùng khôn khổ- nhưng về vấn đề truyền giống này, điểm chuẩn là do phụ nữ đặt ra. Nó giống như chiếc Fiat Panda đang cố muốn giống chiếc Volvo, không có chuyện ngược lại.) Anh sẽ không nghe thấy đàn ông chỉ trích đàn bà vì mất đến mười lăm phút mới

lên tới đỉnh; mà nếu có, nó sẽ không kèm theo một ám chỉ buộc tội rằng cô ấy yếu kém hoặc kiêu ngạo hoặc vị kỷ. Đàn ông, nhìn chung, chỉ ngượng ngùng nói: đúng, đó là do cơ thể của cô ấy thế, đó là điều cô ấy cần từ tôi, và tôi đã không đáp ứng được. Tôi là đồ bỏ và sẽ chuồn ngay đây, ngay sau khi tôi tìm thấy nốt chiếc tất kia.

Điều đó, thực thà mà nói, là không công bằng, gần như là lố bịch. Cũng lố bịch giống như gọi xe Fiat Panda là thứ xe vút đi chỉ vì anh không thể dứt vừa tú quần áo vào cốp xe. Nó có thể là thứ vút đi vì mọi kiểu lý do khác - nó bị hỏng, nó chạy tốn dầu, hoặc nó màu xanh lá mạ với chữ “tốc độ” viết như cua bò trên cửa kính sau - nhưng nó không phải đồ vút đi chỉ bởi một đặc điểm mà vốn dĩ nó được làm ra là để có: sự nhỏ gọn. Chiếc Volvo cũng không phải thứ xe vút đi chỉ vì nó không thể tự thu nhỏ mình lại để chui qua thanh chắn và cho anh chui vào mà không phải trả tiền đỗ xe.

Hãy đem thiêu tôi trên một đồng củi nếu anh thích, nhưng hai chiếc xe đó đơn giản là khác nhau, có thể thôi. Được thiết kế cho những mục đích khác nhau, với tốc độ khác nhau, chạy trên những kiểu đường khác nhau. Chúng khác nhau. Không cùng một loại. Không giống nhau.

Đó, như tôi đã nói. Nhưng tôi vẫn không thấy khá hơn chút nào.

Latifa và tôi làm tình hai lần trước bữa sáng, rồi một lần sau đó, và đến gần trưa thì tôi đã cố nhớ tới Burnt Umber, người làm được ba mươi một lần, một kỷ lục cá nhân.

“Cisco,” tôi nói, “hãy bảo tôi.”

“Chắc chắn rồi, Rick. Gì thế?”

Anh ta liếc nhìn sang tôi, rồi rướn tay tới bảng đồng hồ lấy cái bật lửa.

Tôi nghĩ, nghĩ khá lâu, chậm rãi, theo kiểu dân Minnesota.

“Tiền từ đâu tới?”

Chúng tôi đi tiếp khoảng hai cây số rồi anh ta mới trả lời.

Chỉ hai chúng tôi ngồi trong chiếc Alfa Romeo của Francisco, xe đang từ từ lăn bánh trên đường Autoroute de Soleil từ Marseille tới Paris, và nếu như anh ta để bài “Sinh ra ở nước Mỹ” chạy thêm trong cát xét chỉ một lần nữa thôi, tôi sẽ chảy máu mũi ra mất. Đã ba ngày trôi qua kể từ vụ bắn Dirk Van Der Hoewe và Lưỡi gươm Công lý hiện tại đang cảm thấy mình bất khả xâm phạm, bởi vì báo chí đã bắt đầu bàn những vấn đề khác và cảnh sát đang vò đầu vì thiếu những đầu mối chắc chắn.

“Tiền từ đâu đến,” cuối cùng Francisco nhắc lại, ngón tay gõ nhịp trên vô lăng. “Đúng thế,” tôi nói.

Đường cao tốc ồn ào. Rộng rãi, thẳng tắp, đặc Pháp.

“Tại sao anh lại muốn biết?”

Tôi nhún vai.

“Chỉ là... anh biết đấy... chỉ nghĩ thế thôi.”

Anh ta cười giống như thứ nhạc rock n’ roll điên cuồng.

“Đừng có nghĩ, Ricky, bạn tôi ơi. Anh cứ thế mà làm thôi. Anh làm tốt. Cứ tập trung vào nó đi.”

Tôi cũng cười, vì cách nói của Francisco làm tôi phấn khởi. Nếu cao hơn tôi mười lăm phân, có lẽ anh ta đã xoa đầu tôi như một người anh cả có trái tim lớn lao.

“Đúng. Tôi chỉ nghĩ thôi, dù...”

Tôi dừng lại. Trong vòng ba mươi giây cả hai chúng tôi đều ngồi thẳng hơn trên ghế trong khi một chiếc *Gendarme* Peugeot vượt qua. Francisco giảm ga một chút và để nó vượt.

“Tôi đã nghĩ,” tôi nói, “tỉ như khi tôi trả tiền phòng ở khách sạn, anh biết không... và tôi đã nghĩ, kiểu như, đó là một số tiền lớn... anh biết đấy... cho sáu chúng ta... khách sạn và các thứ khác... vé máy bay... bao nhiêu là tiền. Và tôi đã nghĩ... kiểu như là, tiền từ đâu ra? Anh biết đấy, có người đang trả tiền, đúng không?”

Francisco gật đầu thông thái, như thể anh ta đang giúp tôi giải quyết một vấn đề phức tạp liên quan đến các cô bạn gái.

“Chắc chắn rồi, Ricky. Có người đang trả tiền. Phải có người trả tiền, trong suốt thời gian đó.”

“Đúng,” tôi nói. “Đó là điều tôi đã nghĩ. Phải có ai đó trả tiền, bởi thế, tôi nghĩ, như kiểu... anh biết... là ai không?”

Anh ta nhìn về phía trước một lúc, rồi chậm chậm quay lại nhìn tôi. Một lúc lâu. Lâu, tới nỗi thi thoảng tôi phải liếc con đường trước mặt để cho chắc rằng không có đội xe tải nào đang ở phía trước chúng tôi.

Giữa những cái liếc đó, tôi nhìn lại anh ta với một vẻ ngờ nghệch ngây thơ mà tôi có thể tạo ra. Ricky không nguy hiểm, đó là điều tôi cố nói. Ricky là một chiến binh trung thực. Ricky tâm hồn đơn giản - người chỉ muốn biết ai trả lương cho mình. Ricky không phải - chưa bao giờ từng, và sẽ không bao giờ - là một mối nguy.

Tôi khẽ cười, vẻ lo lắng.

“Anh sẽ nhìn đường chứ?” Tôi nói. “Ý tôi là, như thế... anh biết đấy.”

Francisco cắn môi một lúc, rồi đột nhiên cười to với tôi và quay lại nhìn đường phía trước.

“Cậu có nhớ Greg không?” Anh ta nói với giọng vui vẻ.

Tôi cau mày bởi, trừ phi có chuyện gì đã xảy ra trong vòng mấy giờ qua, Ricky không dám chắc anh ta có thể nhớ được điều này điều nọ tốt cho lắm.

“Greg,” anh ta lại nói. “Đi xe Porsche. Hút xì gà. Chụp ảnh để làm hộ chiếu cho cậu.”

Tôi chờ một lúc, rồi hăng hái gật đầu.

“Greg, chắc chắn rồi, tôi có nhớ anh ta,” tôi nói. “Lái xe Porsche.”

Francisco mỉm cười. Có lẽ anh ta đang nghĩ rằng những gì anh ta đã bảo tôi chẳng có tác dụng gì, bởi vì tôi đã quên tất cả ngay khi chúng tôi tới Paris.

“Đúng anh ta đó. Greg là một tay thông minh.”

“Thế à?” Tôi nói, như thể đó là một khái niệm mới đối với tôi.

“Ồ, chắc chắn,” Francisco nói. “Thực sự thông minh. Một người thông minh lắm tiền. Một người thông minh có rất nhiều thứ.”

Tôi nghĩ về điều đó một lúc.

“Tôi thì thấy có vẻ là một thằng đều,” tôi nói.

Francisco nhìn tôi ngạc nhiên, rồi cười ồm lên khoái trá và đấm tay vào vô lăng.

“Chắc chắn hẳn là một thằng đều rồi,” anh ta nói to. “Một thằng cực đều, đúng vậy.”

Tôi cười với anh ta, rạng rỡ tự hào vì nói trúng một điều làm ông thầy hài lòng. Cuối cùng, dần dần, cả hai chúng tôi cùng bình tĩnh lại, rồi anh ta với tay tắt nhạc Bruce Springsteen đi. Có lẽ lúc đó tôi nên hôn anh ta một cái.

“Greg làm việc cùng với một tay khác,” Francisco nói, mặt anh ta đột nhiên trở nên nghiêm nghị. “Zurich. Họ giống những người làm tài chính. Họ chuyển tiền vòng quanh, làm hợp đồng, điều khiển những công chuyện lớn. Rất nhiều chuyện. Cậu biết không?” Anh ta nhìn sang tôi, và tôi nhăn trán đáp lại một cách nghiêm nghị, để chỉ ra sự tập trung cao độ. Dường như đó là thứ anh ta muốn. “Dù sao, Greg đã gọi một cú điện thoại. Tiền được chuyển đến. Hãy làm điều này với nó, hãy làm điều kia với nó. Ngồi trên nó. Tiêu phí nó. Gì cũng được.”

“Ý anh là chúng ta có tài khoản ngân hàng à?” Tôi hỏi và cười toe toét.

Francisco cũng cười toe toét.

“Chắc chắn rồi, chúng ta có tài khoản ngân hàng, Ricky ạ. Chúng ta có rất nhiều tài khoản ngân hàng.”

Tôi lắc đầu như bắn khoăn về sự tài tình của chuyện đó, rồi lại nhăn mặt.

“Thế là Greg trả tiền cho chúng ta, phải không? Nhưng không phải tiền của anh ta?”

“Không, không phải tiền của hắn. Hắn chỉ làm việc với nó, xà xẻo từ nó. Mà tôi nghĩ là xà xẻo miếng lớn nữa kia đấy, có thấy hắn đi Porsche không hả, còn tôi thì có gì ngoài con Alfa đều này. Nhưng đó không phải tiền của hắn.”

“Thế của ai?” Tôi nói. Có lẽ hơi vội vàng quá. “Ý tôi là, một người à? Hay rất nhiều người, hay cái gì?”

“Một người,” Francisco nói, rồi gửi cho tôi cái nhìn cuối cùng, dài, dò xét - phân tích tôi, đánh giá tôi - cố gắng nhớ lại những lần tôi làm anh ta khó chịu, tất cả những lần tôi làm anh ta hài lòng ; xem tôi có làm việc tốt để xứng đáng với mẫu tin mà tôi không có quyền và không có lý do được biết

đó không. Rồi anh ta khịt mũi, điều mà Francisco luôn làm khi chuẩn bị nói điều gì đó quan trọng.

“Tôi không biết tên ông ta,” anh ta nói. “Ý tôi là tên thật ấy. Nhưng ông ta dùng một cái tên cho việc chuyển tiền. Cho các ngân hàng.”

“Vâng?” Tôi nói.

Tôi cố làm ra vẻ như đang nín thở. Cisco đang trêu tức tôi, dư dả mọi thứ trước mặt tôi để làm trò đùa.

“Vâng?” Tôi lại nói.

“Cái tên đó là Lucas,” cuối cùng anh ta nói. “Michael Lucas.”

Tôi gật đầu.

“Tuyệt,” tôi nói.

Sau một hồi tôi áp đầu vào cửa kính, giả vờ ngủ.

Có một điều, tôi nghĩ, trong khi chúng tôi lầm lũi trên đường tới Paris, mà Chúa mới biết là gì. Có một điều kỳ lạ trong triết lý hành động. Tôi chưa từng nhận ra nó trước kia.

Không được Giết chóc, tôi luôn cho rằng điều này đứng đầu danh sách. Số 1 Viết đậm. Thêm thường vợ người là điều nên tránh, đương nhiên; cũng như thế, phạm tội tà dâm, không kính trọng bố mẹ, và cúi lạy những hình tạc.

Nhưng Không được Giết chóc. Đó là một điều răn. Đó là cái mọi người dễ nhớ nhất, bởi vì dường như đó là điều đúng đắn nhất, chân thực nhất, và là điều tuyệt đối.

Điều mọi người hay quên là không làm chứng dối đối với kẻ thân cận mình. Đường như nó là điều tầm thường khi so sánh với Không được Giết chóc. Nhỏ nhất. Không đáng kể.

Nhưng khi nó tấp vào mặt ta, khi dũng khí của ta phản ứng lại nó vài giây trước khi não bộ có cơ hội để tiêu hóa những điều nó vừa được nghe, ta sẽ nhận ra rằng, cuộc sống, đạo đức, những giá trị, chúng không tuân thủ theo cách như ta nghĩ.

Murdah bắn xuyên cổ Mike Lucas, và đó là một trong những điều độc ác nhất tôi từng thấy, trong một cuộc đời đầy rẫy những lúc thấy điều độc ác. Nhưng khi Murdah đã quyết định, vì những lý do lợi ích, hay giải trí, hay thu gọn đội ngũ, làm chứng dối chống lại người mà ông ta đã giết - để tước đi không chỉ cuộc sống vật chất mà cả cuộc sống tinh thần của anh ta, sự tồn tại, trí nhớ của anh ta, danh tiếng của anh ta, sử dụng tên tuổi của anh ta, bôi nhọ nó, chỉ để che giấu hành tung của chính mình - như thế ông ta có thể đẩy lời buộc tội về những việc sẽ xảy ra cho một nhân viên CIA hai mươi tám tuổi, một kẻ hơi điên khùng một chút, chà, đó là lúc mọi việc bắt đầu thay đổi với tôi. Đó là lúc tôi bắt đầu thực sự tức giận.

Hai mươi Một

Chắc là tôi đã làm đứt cúc quần.

MICK JAGGER

Francisco cho chúng tôi mười ngày phép để nghỉ ngơi và hồi sức.

Bernhard nói anh ta sẽ đi nghỉ ở Hamburg, và cái vẻ mặt anh ta dường như cho thấy sẽ có liên quan đến tình dục; Cyrus tới Evian Les Bains, bởi vì mẹ anh ta đang hấp hối - mặc dù cuối cùng thì hóa ra bà đang hấp hối ở Lisbon, và Cyrus chẳng qua là muốn ở cách xa bà hết sức lúc bà ra đi; Benjamin và Hugo bay tới Haifa để đi lặn; Francisco thì quanh quẩn trong ngôi nhà ở Paris, đóng vai một vị chỉ huy cô đơn.

Tôi bảo sẽ đi Luân Đôn, và Latifa bảo muốn đi cùng với tôi. “Chúng mình sẽ có những ngày tuyệt vời ở Luân Đôn. Em sẽ chỉ anh xem nhiều thứ. Luân Đôn là một thành phố tuyệt vời.” Cô cười cười, chớp mắt nhìn xung quanh.

“Mẹ kiếp,” tôi nói. “Tôi không muốn cô luẩn quẩn ở cạnh tôi.”

Đó là những lời nghiệt ngã, rõ ràng thế, và tôi thành thực ước gì mình không phải làm sự việc thành ra như thế. Nhưng cái nguy cơ hiện diện ở Luân Đôn với Latifa bên cạnh, và một vài thằng đàn gào tên tôi trên phố, “Thomas, lâu rồi không gặp, em nào thế?” là một điều quá tệ hại; tôi không muốn phải nhìn thấy nó. Tôi cần được đi lại thoải mái, và bỏ lại Latifa là việc duy nhất mà tôi có thể làm.

Tất nhiên, tôi có thể bịa ra vài câu chuyện như đi thăm ông bà, hay bày đũa con tôi, hoặc gặp người tư vấn về bệnh sinh dục của tôi, nhưng cuối cùng tôi quyết định rằng “mẹ kiếp” là đỡ phức tạp hơn cả.

Tôi bay từ Paris tới Amsterdam với hộ chiếu mang tên Balfour, và dành ra một giờ đồng hồ cố xem xem có tay người Mỹ nào đủ kiên nhẫn để còn theo tôi không. Có vẻ họ không có lý do cụ thể nào để làm điều đó nữa. Vụ ám sát ở Mürren đã thỏa mãn hầu hết bọn họ rằng tôi là một tay chơi đồng đội, và dù sao, Solomon cũng đã nói hãy cứ thả lỏng cho đến lần gặp gỡ tiếp theo.

Mặc dù thế, tôi không muốn trong một vài ngày tới có bất cứ một người nào, dù ở bên nào, nhướn mày hỏi “cái gì thế này?” đối với bất cứ thứ gì tôi đã làm hay nơi nào tôi đã tới. Bởi vậy, ở sân bay Schiphol tôi mua một vé tới Oslo rồi vứt đi, sau đó mua một bộ quần áo để thay, một đôi kính râm mới, và dùng dăng trong nhà vệ sinh một lúc trước khi lên ra ngoài và lại trở thành Thomas Lang, một kẻ vô danh tiểu tốt.

Tôi tới sân bay Heathrow lúc sáu giờ tối và nhận phòng ở khách sạn Post House; một địa điểm thuận tiện, bởi nó rất gần sân bay, và cũng đáng sợ, bởi nó quá gần sân bay.

Tôi tắm thật lâu, rồi quăng mình xuống giường với một bao thuốc lá và một cái gạt tàn, quay số của Ronnie. Tôi muốn nhờ cô một việc, anh biết đấy - cái kiểu việc mà ta phải cần thời gian để rào đón trước - bởi thế tôi dàn xếp cho một cuộc nói chuyện dài.

Chúng tôi nói chuyện thật lâu, điều đó tốt, dù gì cũng tốt, nhưng đặc biệt tốt bởi về lâu về dài Murdah sẽ phải trả tiền cho cuộc gọi đó. Cũng như ông ta sẽ phải trả tiền cho rượu sâm banh và thịt bò mà tôi gọi phục vụ tại phòng, và cây đèn tôi làm vỡ khi vấp ngã vào mép giường. Tất nhiên, tôi biết ông ta sẽ cần khoảng một phần trăm giây để kiểm ra số tiền đủ chi cho những cái đó- nhưng mà, khi bước vào cuộc chiến, anh phải sẵn sàng sống với những chiến thắng dẫu nhỏ nhoi như thế, trong khi chờ đợi những cái lớn lao, vĩ đại.

“Ông Collins. Mời ông ngồi.”

Người thư ký gạt một công tắc và nói vào không khí.

“Ông Collin tới để gặp ông Barraclough.”

Tất nhiên câu đó không phải nói vào không khí. Mà là vào một chiếc micrô dính vào bộ tai nghe giấu đâu đó trong bộ tóc kiểu cách của cô ta. Nhưng tôi phải mất đến năm phút mới nhận ra điều đó, chứ lúc ấy tôi muốn gọi cho ai đó mà bảo họ người thư ký này đang bị ảo giác khá nặng.

“Xin chờ một phút,” cô ta nói. Với tôi hay với chiếc micrô, tôi không chắc.

Cô ta và tôi đang ở trong văn phòng của Smeets VeldeKerkplein; còn tôi là Arthur Collins, một họa sĩ từ Tauton đến.

Tôi không chắc Philip có còn nhớ Arthur Collins không, thực ra nếu như anh ta không nhớ thì cũng chẳng vấn đề gì; nhưng tôi cần phải có chỗ bấu víu nho nhỏ nào đó để lên được tầng mười hai đây, và Collins dường như là một lựa chọn tốt. Dù sao, đó là một tiến bộ, nếu so với cách xưng danh Một Gã Nào Đó Đã Từng Ngủ Với Hôn Thê Của Anh.

Tôi đứng dậy, chậm chậm đi quanh phòng, nghiêng đầu theo kiểu họa sĩ nhìn hàng tá tranh đương đại treo kín trên tường. Các mảng lớn trên các bức tranh được trát màu xám và ngọc lam, với những sọc màu tía rất ư kỳ quặc. Trông như chúng được tạo ra trong một phòng thí nghiệm, có lẽ được chế tạo riêng nhằm nâng cao tối đa cảm giác tự tin và lạc quan trong lòng ngực một người vào thám sát văn phòng SVK lần đầu. Chúng không có tác dụng gì đối với tôi, tôi ở đây vì những lý do khác kia mà.

Một cánh cửa gỗ sồi màu vàng mở ra và Philip thò đầu vào. Anh ta liếc nhìn tôi một lúc, rồi bước ra và giữ cho cửa mở rộng.

“Arthur,” anh ta nói, có chút lưỡng lự. “Ông thế nào?”

Anh ta mặc quần dây đeo màu vàng tươi.

Philip đứng quay lưng lại phía tôi, đang rót dĩa cho tôi một cốc cà phê.

“Tên tôi không phải Arthur,” tôi nói, trong khi ngồi xuống một chiếc ghế.

Anh ta quay đầu lại, rồi quay lại như cũ.

“Chết tiệt,” anh ta nói và bắt đầu mút ống tay áo. Rồi anh ta quay người gọi to về phía cánh cửa đang mở. “Jane, em yêu, lấy cho anh một cái giẻ, được không?” Anh ta nhìn xuống chỗ cà phê đổ, sữa và bánh bích quy sẫm nước, quyết định không để ý tới những thứ đó nữa.

“Xin lỗi,” anh ta nói, vẫn đang liếm áo mình, “ông nói gì cơ?” Anh ta đi thong dong phía sau tôi, tới nơi ẩn náu ở bàn của mình. Tới đó rồi, anh ta ngồi xuống rất chậm rãi. Hoặc anh ta bị bệnh trĩ, hoặc bởi vì có khả năng tôi sẽ làm một điều gì đó nguy hiểm. Tôi mỉm cười, để chỉ ra rằng anh ta bị bệnh trĩ.

“Tên tôi không phải Arthur,” tôi nhắc lại.

Ngập ngừng một lúc, và có hàng ngàn lời đáp khả dĩ đang xúng xoảng trong óc Philip, quay vòng trong mắt anh ta như một cái máy xay hoa quả.

“Ồ?” Cuối cùng anh ta nói.

Hai quả chanh và một chùm quả anh đào. Nhấn nút bắt đầu.

“Tôi e rằng Ronnie đã nói dối anh ngày hôm đó,” tôi nói, vẻ hối lỗi.

Anh ta ngồi thẳng lại trên ghế, nở một nụ cười bình tĩnh, thoải mái, nụ cười kiểu anh-nói-gì-cũng-chẳng-chọc-tức-tôi- được-đâu.

“Thế à?” Ngừng lại. “Cô ta thật là lão.”

“Đó không phải là cái gì tội lỗi. Ý tôi là, anh phải hiểu rằng không hề có chuyện gì xảy ra giữa chúng tôi cả.” Tôi ngừng một chút - khoảng bằng với

thời gian đủ để nói câu “Tôi ngừng một chút” - và rồi đưa ra câu chốt. “Vào lúc đó.”

Anh ta lưỡng lự. Thấy rõ.

Tất nhiên là thấy rõ. Bởi vì nếu ngược lại thì tôi đã không biết. Điều tôi muốn nói là, nó là một sự lưỡng lự rất rõ, gần như giật mình. Đủ lớn, đủ rõ, để làm thỏa mãn một vị trọng tài giám sát gôn.

Anh ta nhìn xuống cái dây đeo quần và lấy móng tay cạo vào một cái nấc hãm bằng đồng.

“Vào lúc đó. Hiểu rồi.” Rồi anh ta ngược lên nhìn tôi. “Tôi xin lỗi,” Philip nói, “nhưng tôi cảm thấy tôi nên hỏi tên thật của ông, trước khi chúng ta đi xa hơn. Tôi muốn nói là, nếu ông không phải là Arthur Collins, ông biết đấy...” Giọng anh ta trầm xuống, tuyệt vọng và hoảng hốt, nhưng không muốn để lộ ra. Ít nhất là trước mặt tôi.

“Tên tôi là Lang,” tôi nói. “Thomas Lang. Và hãy để tôi nói rằng trước tiên tôi đã ý thức được là điều này sẽ gây sốc cho anh.”

Anh ta phẩy tay trước cổ găng xin lỗi của tôi, và ngồi đó một lúc, cắn đốt ngón tay, nghĩ xem tiếp theo mình sẽ làm gì.

Năm phút sau, anh ta vẫn đang ngồi nguyên vậy thì một cánh cửa mở ra, một cô gái mặc áo sọc, đoán chừng là Jane, đứng đó với một chiếc khăn bàn cùng Ronnie.

Hai phụ nữ dừng ở ngưỡng cửa, đưa mắt nhìn quanh, trong khi Philip và tôi đứng dậy và cũng nhìn quanh mãi. Nếu là một đạo diễn phim, anh sẽ khá vất vả với việc quyết định sẽ đặt máy quay ở chỗ nào. Hoạt cảnh vẫn cứ diễn ra như thế, mỗi chúng tôi quần quai trong cùng một hoàn cảnh khốn khổ, cho đến khi Ronnie phá tan sự im lặng.

“Anh yêu,” cô nói.

Philip, anh chàng chờ đợi khôn khéo, tiếp nhận điều đó trước tiên.

Nhưng Ronnie hiện giờ đang hướng về đầu bàn phía tôi, bởi thế Philip chuyển động tác của mình thành một cử chỉ không rõ ràng về phía Jane, và chuyện xảy ra với cốc cà phê là thế này, bánh quy thì thành ra thế kia, và em có muốn trở thành một người tình không?

Vào lúc anh ta kết thúc mà quay trở lại với chúng tôi, Ronnie đã trong vòng tay tôi, đang ôm tôi như một đoàn tàu cao tốc. Tôi ôm lại cô, bởi vì dường như tình huống đòi hỏi điều đó, và cũng bởi vì tôi muốn nữa. Mùi hương của cô thật tuyệt.

Sau một lúc, Ronnie khẽ lùi ra, ngửa người về sau để nhìn vào tôi. Tôi nghĩ có lẽ cô đã khóc, thế là hẳn nhiên cô đã sống với chính mình trong giây phút đó. Rồi cô quay người hướng về phía Philip.

“Philip... em có thể nói gì đây?” Cô nói, có vẻ đó là tất cả những gì cô có thể nói.

Philip gãi gáy, đỏ mặt lên một chút, rồi quay trở lại với chỗ vẩy cà phê ở ống tay áo. Anh ta là một người Anh, được thôi.

“Để đấy một lúc đã, được không Jane?” Anh ta nói mà không nhìn lên. Đó là điều Jane muốn nghe, và cô biến ra khỏi cửa trong tích tắc. Philip có cười một cách lịch sự.

“Thế,” anh ta nói.

“Vâng,” tôi nói. “Thế,” tôi cũng cười, ngượng ngịu. “Tôi nghĩ rằng như thế đó, thực sự. Tôi xin lỗi, Philip. Anh biết đấy...” Chúng tôi đứng như thế, ba người chúng tôi, trong một năm sau đó, chờ đợi ai đó thì thầm lời nhắc vở từ góc phòng. Rồi Ronnie quay lại tôi, đôi mắt cô nói: hãy làm đi.

Tôi hít một hơi sâu.

“Nhân tiện, Philip,” tôi nói, gỡ mình ra khỏi Ronnie rồi bước về phía bàn anh ta, “tôi cần khoản liệu có thể nhờ anh... anh biết không... liệu anh có thể làm ơn?”

Philip trông như thể tôi vừa đập cả một tòa nhà vào anh ta.

“Làm ơn ư?” Anh ta hỏi, và tôi có thể nói rằng anh ta đang cân nhắc giữa lợi và hại của việc nổi giận.

Ronnie tắc lưỡi đằng sau tôi.

“Thomas, đừng làm thế,” cô nói. Philip nhìn cô và khẽ cau mày, nhưng cô không chú ý. “Anh đã hứa không làm điều này,” cô thì thầm.

Điều đó đã được đánh giá đúng.

Philip đã đánh hơi trong không khí và thấy rằng nếu nó không ngọt ngào thì cũng đỡ chua chát hơn trước đó, bởi vì trong vòng ba mươi giây chúng tôi đã cho anh ta thấy rằng chúng tôi là cặp hạnh phúc duy nhất trong phòng này, và giờ đây có vẻ như Ronnie và tôi chuẩn bị cãi nhau.

“Ồn huệ gì thế?” Anh ta hỏi, khoanh tay trước ngực.

“Thomas, em nói không mà.” Lại là Ronnie, lần này giận dữ hơn.

Tôi nửa quay lại nói với cô, nửa lại nhìn về phía cánh cửa, như thể chúng tôi đã tranh cãi chuyện này nhiều lần trước đây.

“Này em, anh ấy có thể nói không, phải không nào?” Tôi nói. “Chúa ơi, tôi chỉ hỏi thôi mà.”

Ronnie tiến lên trước vài bước, khẽ chạm vào mép bàn cho tới khi ở giữa chúng tôi. Philip nhìn xuống đùi cô, và tôi thấy anh ta đang đánh giá vị trí tương đối giữa chúng tôi. Tôi chưa xong chuyện này đâu, anh ta đang nghĩ vậy.

“Anh đừng lợi dụng anh ấy, Thomas,” Ronnie nói, dịch khỏi chỗ đang đứng một chút. “Đừng làm thế. Thật không công bằng. Không phải lúc này.”

“Ôi, vì Chúa,” tôi nói, đầu thông xuống.

“Làm ơn kiểu gì?” Philip lại hỏi, và tôi cảm nhận thấy hy vọng đang lớn dần lên trong anh ta.

Ronnie vẫn dịch lại gần hơn.

“Không, đừng, Philip,” cô nói. “Đừng làm vậy. Bọn em sẽ đi, bọn em sẽ để anh...”

“Nào,” tôi nói, đầu vẫn cúi xuống, “có thể anh sẽ không có cơ hội như thế này một lần nữa. Anh phải hỏi anh ấy. Đây là nghề của anh, nhớ không? Hỏi han mọi người.” Tôi đang bắt đầu trở nên mỉa mai cay độc, và Philip thích thú với mỗi giây của nó.

“Xin đừng nghe, Philip, em xin lỗi...” Ronnie ném vào tôi một cái nhìn giận dữ.

“Không, không sao đâu,” Philip nói. Anh ta quay lại nhìn tôi, chậm rãi, nghĩ rằng tất cả những gì anh ta phải làm lúc này là không phạm lỗi. “Mà anh làm nghề gì hả, Thomas?”

Thật là tuyệt, Thomas. Một cách mới ngọt ngào, bạn hữu, ấn tượng để gọi một người vừa mới đánh cắp vị hôn thê của anh.

“Anh ấy là nhà báo,” Ronnie nói, trước khi tôi có cơ hội trả lời. Từ “nhà báo” buột ra như thể đó là một thứ nghề nghiệp khá tồi. Hãy đối mặt với nó...

“Anh là nhà báo, và anh muốn hỏi tôi điều gì đó?” Philip nói. “Rồi, nói đi.” Philip giờ đang cười. Lịch sự trong thất bại. Một quý ông.

“Thomas, nếu anh hỏi anh ấy, vào thời điểm như thế này, sau khi chúng ta đã đồng ý...” Cô buông nửa chừng ở đó. Philip muốn cô nói hết.

“Gì thế?” Tôi hỏi, với vẻ hùng hổ.

Ronnie liếc nhìn tôi giận dữ, rồi xoay người quay mặt vào tường. Trong khi làm thế cô quệt vào khuỷu tay Philip, và tôi thấy anh ta cong người một chút. Thật là đẹp. Tôi đã ở rất gần, anh ta nghĩ thế. Làm điều đó thật dễ dàng.

“Làm một đoạn tin về sự sụp đổ của nhà nước toàn trị,” tôi nói một cách mệt mỏi, như một người say.

Vài phóng viên mà tôi từng nói chuyện trong đời dường như có một điểm chung : sự mệt mỏi thường trực, bởi vì phải đương đầu với những người không được thú vị lắm như người ta nghĩ. Tôi đang cố gắng thể hiện điều đó lúc này, và dường như nó diễn ra khá đạt. “Quyền lực kinh tế của các công ty đa quốc gia lấn át các chính phủ,” tôi lú lút, như thể từ đây mỗi thằng ngu trên trái đất này đều hiểu rằng đó là một vấn đề nóng hổi.

“Cho tờ báo nào thế, Thomas?”

Tôi thụp người xuống ghế. Giờ đây hai người kia đang đứng, cùng nhau, ở đầu kia bàn, trong khi tôi thì rũ người xuống. Tất cả những điều tôi cần làm là ợ một vài cái và bắt đầu khêu rau chân vịt dính ở răng, và Philip có thể biết anh ta sắp sửa trở thành người chiến thắng.

“Bất cứ tờ báo nào cũng sẽ đăng, cơ bản là thế,” tôi nói, với một cái nhún vai cục cằn.

Philip giờ đang thấy tôi thật tội nghiệp, tự hỏi làm sao mà mình lại tin rằng tôi là một mối đe dọa.

“Và anh muốn một chút... thông tin nào đó?” Dong buồm qua eo biển cuối cùng tới chiến thắng.

“Vâng, đúng vậy,” tôi nói. “Thực ra chỉ là về sự di chuyển của dòng tiền. Làm sao người ta có thể lách được bao nhiêu luật về tiền tệ, ném tiền vào những nơi mà sẽ chẳng ai biết đến bao giờ. Hầu hết là về những thứ cơ bản như thế, nhưng cũng có một vài trường hợp thực tế mà tôi chú ý.”

Tôi đã thực sự ợ một cái nho nhỏ khi nói ra điều đó. Ronnie nghe thấy, liền quay lại đối mặt với tôi.

“Ôi, bảo anh ta cắt xéo đi thôi, Philip, vì Chúa!” Cô trừng trừng nhìn tôi. Cái nhìn hơi đáng sợ. “Anh ta xông vào chỗ này...”

“Này, đừng xía vào nữa, được không?” Tôi nói. Tôi nhìn trừng trừng lại cô một cách ngu ngốc, và anh ta có thể đoán rằng hai người chúng tôi là một cặp vợ chồng đã không hạnh phúc trong nhiều năm. “Philip không bận tâm, phải không, Phil?”

Philip đang dợm nói rằng anh ta không bận tâm điều đó, rằng tất cả mọi thứ đang diễn ra thật tuyệt vời theo quan điểm của anh ta, nhưng Ronnie không để anh ta làm điều đó. Cô đang thét ra lửa.

“Anh ấy lịch sự đấy, đồ đầu đất,” cô gào lên. “Philip là người nhã nhặn.”

“Không giống tôi?”

“Là chính anh nói đấy.”

“Em không phải nói.”

“Ồ, anh nhạy cảm quá đấy.”

Chúng tôi đang cãi nhau kịch liệt. Và chúng tôi chẳng tập trước tí nào.

Có một khoảng lặng dài, khó chịu, và có lẽ Philip bắt đầu nghĩ rằng tại khoảnh khắc cuối cùng đó tất cả mọi thứ có thể sẽ vọt đi mất, anh ta bèn nói:

“Thế là anh muốn lần theo sau đường đi của dòng tiền cụ thể nào đó phải không, Thomas? Hay là những cơ cấu chung chung mà người ta có thể sử dụng?”

Tuyệt vời.

“Lý tưởng nhất là cả hai, Phil,” tôi nói.

Sau một giờ rưỡi tôi bỏ Philip lại với chiếc máy tính của anh ta và một danh sách “những người bạn tốt có nợ ân tình”, để đi qua Luân Đôn tới Whitehall, nơi tôi có một bữa trưa tươm tươm với O’Neal. Dù rằng thức ăn khá là ngon.

Chúng tôi chuyện vãn một hồi về các loại cải bắp và những đức vua, rồi tôi thấy mặt O’Neal dần dần chuyển từ màu hồng, sang trắng, sang xanh, khi tôi tóm tắt lại chuyện đã diễn ra. Khi tôi đưa ra cái mà theo tôi có thể là đoạn kết khá sinh động cho toàn bộ mọi thứ, mặt ông ta chuyển thành xám.

“Lang,” ông ta rên rỉ, “ông không thể... ý tôi là... tôi không thể nào cứ đứng nhìn ông...”

“Ông O’Neal,” tôi nói, “tôi không hỏi xin sự cho phép của ông.” Ông ta thôi không rên rỉ nữa, chỉ ngồi đó, miệng hơi trề xuống. “Tôi đang nói với ông điều mà theo tôi là sẽ xảy ra. Vì phép lịch sự.” Tôi thừa nhận rằng dùng từ đó trong tình huống như thế này thì hơi kỳ quặc. “Tôi muốn ông, và Solomon, và Bộ của ông, có thể thoát ra khỏi vụ này trước khi quá nhiều trứng thối được ném lên áo quý vị. Dùng nó, hay không dùng. Tùy các vị.”

“Nhưng...” ông ta lúng túng, “ông không thể... ý tôi là... tôi có thể báo với cảnh sát về ông.” Tôi nghĩ chính ông ta cũng có thể nhận thấy lời ông ta nghe yếu ớt thế nào.

“Tất nhiên là ông có thể,” tôi nói. “Nếu ông muốn Bộ của ông bị đóng cửa trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, và các văn phòng của nó được

biến thành nhà bè cho Bộ Nông nghiệp và Thủy sản, thì vâng, báo tôi với cảnh sát chắc chắn là một cách tuyệt vời để làm điều đó. Thế ông có địa chỉ chứ?”

Ông ta càng trề miệng xuống, rồi rùng mình tỉnh lại, đi tới một quyết định, sau đó bắt đầu nhìn vờ như lên lút nhưng lơ lửng khắp nhà hàng, như một cách để nói với tất cả các thực khách khác rằng *Tôi đang chuẩn bị đưa cho người này một mẫu giấy quan trọng.*

Tôi nhận địa chỉ đó từ ông ta, tộp vộp cốc cà phê, đứng dậy khỏi bàn. Khi liếc nhìn lại từ chỗ cửa, tôi có cảm giác rõ ràng O’Neal đang tự hỏi làm sao ông ta có thể sắp xếp đi nghỉ tháng tới cho được.

Địa chỉ đó ở Kentish Town, và hoá ra nó là một trong cụm sáu mươi khu nhà chung cư thấp tầng, với những tấm gỗ sơn còn mới, những hộp cửa sổ, và một dãy ga ra với một bên tường trát sỏi. Thang máy vẫn còn hoạt động.

Tôi đứng chờ ở cửa thang máy tầng hai, cô hình dung chuỗi lỗi lầm quan liêu kinh hoàng nào đã khiến cho chỗ này được chăm sóc tốt như vậy. Ở hầu hết mọi vùng của Luân Đôn, người ta thu nhặt thùng rác từ các phố trung lưu rồi đem tới đổ ở các khu chung cư, trước khi đốt cháy một vài chiếc Fort Cortina trên vỉa hè. Nhưng rõ ràng là ở đây không như thế. Ở đây có một tòa nhà vẫn đang hoạt động, nơi người ta có thể thực sự sống với một mức nhân phẩm nào đó, mà không cảm thấy dường như phần còn lại của xã hội biến mất sau đường chân trời trong một chiếc xe buýt Butlins. Tôi cảm thấy dường như mình đang viết một lá thư chán ngấy tới ai đó. Rồi thì xé nó đi và tung những mẫu giấy xuống bãi cỏ phía dưới.

Cửa kính của phòng mười bốn mở ra, một phụ nữ đứng đó.

“Xin chào,” tôi nói. “Tôi tên là Thomas Lang. Tôi tới để gặp ông Rayner.”

Bob Rayner cho cá vàng ăn trong khi tôi nói với ông ta điều tôi muốn. Lần này, ông ta mang kính và mặc bộ áo len chơi gôn màu vàng, những người

đàn ông vất vả thì được phép làm thế trong ngày nghỉ của mình, tôi nghĩ vậy, còn vợ ông ta mang chè và bánh bích quy cho tôi. Chúng tôi có mười phút bồi rồi khi tôi hỏi han về cái đầu của ông ta, và ông ta bảo tôi ông ta vẫn đang phải chịu đựng những cơn đau đầu lạ; tôi nói rằng tôi xin lỗi thì ông ta bảo đừng cả nghĩ làm gì, trước khi bị tôi đánh ông ta vẫn thường bị thế mà.

Chỉ là có vẻ thế thôi. Nước chảy qua cầu. Bob là một tay chuyên nghiệp, anh thấy đấy.

“Ông nghĩ là ông có làm được không?” Tôi hỏi.

Ông ta gõ gõ vào bên thành bể cá, điều này có vẻ như không mấy may gây ấn tượng đối với lũ cá.

“Tốn kém cho anh đấy,” ông ta nói, sau một lúc.

“Được mà,” tôi nói.

Đúng như thế. Bởi vì Murdah sẽ trả tiền.

Hai mươi hai

Các vị thông thái ở Oxford

Biết tất cả mọi điều cần biết Nhưng không ai biết bằng phân nửa Ông Cóc thông minh.

KENNETH GRAHAME

Phần còn lại của chuyến đi Luân Đôn của tôi bị choán hết bởi những việc chuẩn bị này nọ.

Tôi đánh máy một văn bản dài và khó hiểu, chỉ miêu tả rất những phần của chuyến phiêu lưu mà trong đó tôi xử sự như một người tốt, thông minh, rồi đưa cho ông Halkerston ở Ngân hàng Quốc gia Westminster tại Swiss Cottage. Văn bản đó dài bởi vì tôi không có thời gian để viết một cái ngắn, và nó khó hiểu bởi vì máy chữ của tôi bị mất chữ cái “d”.

Halkerston trông có vẻ lo lắng, có thể do tôi hoặc do cái phong bì lớn màu nâu tôi đưa cho ông ta, tôi không thể biết được. Ông ta hỏi tôi có chỉ dẫn gì đặc biệt để biết trong những trường hợp như thế nào thì nên mở nó ra hay không, và khi tôi bảo ông ta hãy tự phán xét thì ông ta liền đặt cái phong bì xuống, gọi một người khác vào mang nó tới một phòng chứa chắc chắn.

Tôi cũng đổi phần tiền còn lại trong lần chuyển tiền đầu của Woolf thành séc du lịch.

Tiền rủng rỉnh, tôi liền tới cửa hàng điện tử Blitz ở đường Tottenham Court và dành một giờ với một người đàn ông rất tử tế đội khăn xếp để nói chuyện về tần số vô tuyến. Ông ta đảm bảo với tôi rằng Sennheiser Mikroport SK 2012 là một lựa chọn hoàn hảo, rằng tôi không nên chấp nhận một sự thay thế nào khác, và tôi đã làm như vậy.

Sau đó tôi thẳng hướng Đông ra Islington để gặp luật sư của tôi, ông ta nắm tay tôi lắc lắc và dành ra mười lăm phút để nói với tôi rằng hôm nào đây chúng tôi lại phải đánh gôn với nhau lần nữa. Tôi bảo ông ta đó là một ý tuyệt vời, nhưng, nghiêm túc mà nói, chúng ta cần phải đánh gôn với nhau một lần trước khi có thể đánh gôn lại với nhau lần nữa, thế là ông ta đỏ mặt đáp hẳn là khi nói vậy ông ta đã nghĩ đến Robert Lang. Tôi nói đúng, hẳn là thế rồi, rồi tiếp tục tiến hành khai và ký một bản chúc thư, trong đó tôi hiến tất cả bất động sản và động sản của tôi cho Quỹ Cứu trợ Trẻ em.

Và rồi, khi chỉ còn bốn mươi tám tiếng trước khi phải trở lại chiến hào, tôi đụng phải Sarah Woolf.

Khi tôi nói tôi đụng phải cô, thực sự tôi muốn nói rằng tôi đã đụng phải cô.

Tôi đã thuê một chiếc Ford Fiesta trong vài ngày để đi loanh quanh Luân Đôn khi tôi ký hòa ước cuối cùng với Đảng cứu thế và Những chủ nợ, và tất nhiên những việc lật vặt chỉ bắt tôi phải đi tới phố Cork. Bởi vậy, chẳng có mục đích gì cụ thể, tôi rẽ trái, rồi rẽ phải, rồi lại rẽ trái, và thấy mình đã lái xe vượt qua những phòng tranh đã hạ cửa chớp xuống gần hết, vừa lái vừa nghĩ về những ngày hạnh phúc. Tất nhiên, những ngày đó cũng chẳng hạnh phúc hơn đâu. Nhưng đó là những ngày có Sarah, và thế gần như là đủ.

Mặt trời thấp, sáng rực rỡ, và hình như bài “Chẳng phải nàng đáng yêu sao?” đang rền rĩ trên radio trong khi tôi ngoái đầu, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, về phía tòa nhà kính. Tôi quay lại, ngay khi chớp sáng màu xanh từ phía sau một chiếc xe phóng tới trước mặt tôi.

Phóng tới, ít nhất đó là từ tôi có thể sẽ dùng trong tờ khai bảo hiểm. Nhưng tôi nghĩ rằng bước ra, lượn ra, phóng ra hay thậm chí đi ra - bất cứ chữ nào trong số đó cũng gần với sự thực hơn.

Tôi đạp chân phanh, quá trễ rồi, và hốt hoảng nhìn cái bóng màu xanh đầu tiên lùi xa tôi và đứng đó, đắm tay xuống ca pô chiếc Fiesta, trong khi cái

hăm xung từ từ trượt tới ống quyển của cái ánh sáng xanh ấy.

Không còn chút khoảng cách nào. Tuyệt đối không. Nếu như cái hăm xung mà bắn thì có lẽ tôi đã chạm vào cô. Nhưng nó không bắn, và tôi đã không chạm, điều đó cho phép tôi nhất thời trở nên giận dữ. Tôi mở tung cửa, thò nửa người ra khỏi xe, chuẩn bị nói “Có bị thần kinh không đấy?” thì chợt nhận ra cặp giò mà tôi suýt cán gãy trông rất quen. Tôi ngược lên và thấy rằng tia sáng màu xanh đó có một khuôn mặt, một đôi mắt xám gây sự sợ hãi khiến lũ đàn ông trở nên lắp bắp, và hàm răng tuyệt vời, những thứ đó giờ đây đang dần hiện ra.

“Chúa ơi,” tôi nói. “Sarah.”

Cô trừng trừng nhìn tôi, mặt trắng bệch. Một nửa đang sốc, và nửa kia cũng đang sốc.

“Thomas à?”

Chúng tôi nhìn nhau.

Và trong khi chúng tôi nhìn nhau, cùng đứng đó trên phố Cork, Luân Đôn, Anh quốc, trong ánh mặt trời rực rỡ, tiếng nhạc ủy mị nỉ non của Stevie Wonder trong xe, mọi thứ xung quanh chúng tôi dường như đã thay đổi theo một cách nào đó.

Tôi không biết nó diễn ra như thế nào, nhưng trong vài giây đó tất cả những người mua sắm, những thương gia, thợ xây, khách du lịch, cảnh sát giao thông, với tất cả những giày dép, áo quần, váy tất, túi xách, đồng hồ, nhà cửa, xe cộ và những khoản vay trả góp, những cuộc hôn nhân, những sở thích và những tham vọng... tất cả đều nhòe đi.

Để lại Sarah với tôi, đứng đó, trong một thế giới rất tĩnh lặng.

“Em ổn không?” Tôi hỏi, sau khoảng một nghìn năm.

Chỉ là nói cho có. Tôi không thực sự rõ tôi có ý gì. Có phải tôi có ý rằng cô ớn vì tôi đã không làm tổn thương cô, hay là ớn bởi vì rất nhiều người đã không làm tổn thương cô?

Sarah nhìn tôi như thể cả cô cũng không biết, nhưng sau một hồi tôi nghĩ rằng chúng tôi đã quyết định sẽ nghi thức hơn một chút.

“Em ớn,” cô nói.

Và rồi, đột nhiên như thể người ta đang trở lại sau giờ ăn trưa, đoạn phim phụ trợ cho chúng tôi lại bắt đầu chuyển động, bắt đầu ồn ào. Tiếng huyền thuyên, tiếng chân bước, tiếng ho, tiếng những thứ rơi xuống. Sarah đang bóp nhẹ tay mình. Tôi quay đầu nhìn nắp ca pô của chiếc Ford. Cô phác một cử chỉ.

“Em chắc chứ?” Tôi nói. “Hắn là em...”

“Thật mà, Thomas, em ớn.” Ngừng lại một chút, để cô vượt phăng lại vạt váy, còn tôi nhìn cô làm điều đó. Rồi cô ngẩng lên nhìn tôi. “Còn anh thì sao?”

“Tôi?” Tôi nói. “Tôi...”

Chà, tới lượt tôi phải nói. Phải bắt đầu ở đâu đây nhỉ?

Chúng tôi tới một quán rượu. Quán Công tước Xứ Lơ Tơ Mơ nào đó, nằm dí ở góc một cái trại ngựa gần quảng trường Berkeley.

Sarah ngồi xuống bàn và mở túi xách tay, và trong khi cô bận rộn với những thứ ở bên trong đó, làm những chuyện của phụ nữ, tôi hỏi xem cô có muốn uống gì không. Cô đáp một cốc whisky lớn. Tôi không thể nhớ liệu người ta có khuyến khích đưa rượu còn cho người mới bị sốc hay không, nhưng tôi biết mình không thể gọi một cốc trà nóng ở Luân Đôn, thế nên tôi đi tới quầy rượu gọi hai cốc lớn Macallan.

Tôi nhìn cô, nhìn những cửa sổ, nhìn cửa chính. Hẳn bọn họ đang theo dõi cô. Hẳn thế.

Với sự đặt cược của họ vào cô, thật khó mà tưởng tượng họ có thể để cho cô đi rong mà không có người đi kèm. Tôi là một con sư tử, nếu như anh có thể tưởng tượng như thế một lúc, còn cô là con dê được cột trong chuồng. Thật điên khùng khi thả cô đi lang thang.

Trừ khi.

Không ai bước vào, không ai dòm vào trong, không ai đi vượt qua và vụng trộm nhìn từ ngoài vỉa hè vào. Không có gì cả. Tôi nhìn Sarah.

Cô đã kết thúc công chuyện với cái túi xách, giờ cô đang ngồi, nhìn ra giữa phòng, gương mặt cô hoàn toàn trống rỗng. Cô đang ở trong một trạng thái mù mẫn, suy nghĩ mông lung. Hoặc là cô đang bối rối, giữa những suy nghĩ về mọi chuyện. Tôi không thể biết được. Tôi khá chắc rằng cô biết tôi đang nhìn cô, bởi thế việc cô không nhìn lại là hơi lạ lùng. Nhưng lạ lùng không phải một cái tội.

Tôi lấy đồ uống và quay lại bàn.

“Cảm ơn,” cô nói, đón lấy cốc từ tay tôi và dốc một hơi tất cả vào họng.

“Bình tĩnh nào,” tôi nói.

Cô nhìn tôi một lúc với vẻ thực sự gây hấn, như thể tôi là một người nữa trong một hàng dài rất nhiều kẻ đang chen vào việc của cô, bảo ban cô phải làm gì. Và rồi nhớ ra tôi là ai - hoặc nhớ ra phải vờ như đã nhớ ra tôi là ai - cô liền mỉm cười. Tôi cười lại.

“Mười hai năm ủ trong thùng,” tôi nói một cách vui vẻ, “được cất giữ ở một sườn đồi cao nguyên Scotland, đợi thời khắc quan trọng của nó - rồi ực một cái, thế là xong. Ai muốn trở thành thứ rượu whisky mạch nha không pha kia chứ?”

Tôi đang nói huyền thuyên, hiển nhiên thế. Nhưng trong hoàn cảnh đó, tôi cảm thấy mình có quyền được làm vậy một chút. Tôi đã bị bắt, đã bị đánh đập, đã bị húc bay khỏi xe máy, đã bị giam, đã bị lừa dối, bị đe dọa, bị ngủ cùng, bị đối xử kẻ cả, và bị ép buộc bắt một người tôi chưa từng gặp. Tôi đã mạo hiểm mạng sống của mình trong nhiều tháng, và chỉ vài giờ nữa sẽ lại phải mạo hiểm, cùng với mạng sống của rất nhiều người khác, một vài trong số đó là của những người tôi rất yêu mến.

Và nguyên do của tất cả những điều đó - cái phần thưởng ở cuối chương trình trò chơi trên truyền hình Nhật Bản mà tôi đã luôn hướng tới - giờ đây đang ngồi trước mặt tôi, trong một quán rượu an toàn ấm áp của Luân Đôn, uống rượu. Trong khi ngoài kia người ta đang chạy ngược chạy xuôi, mua khuy áo và bàn luận về thời tiết đẹp một cách bất thường.

Nếu là anh, hẳn anh cũng sẽ nói huyền thuyên.

Chúng tôi quay trở lại chiếc Ford, và tôi lái xe chạy lòng vòng.

Thực ra Sarah vẫn không nói nhiều, có chăng chỉ là cô đảm bảo không có ai theo cô, và tôi nói như thế thật tốt, thật nhẹ cả người, song tôi không tin vào điều đó tẹo nào. Bởi thế tôi lái xe vòng quanh, vừa lái vừa nhìn kính chiếu hậu. Tôi lái xe vào đường một chiều nhỏ hẹp, lên một con đường nhiều cây cối và ít xe đi lại, lạng lách từ làn này sang làn khác trên đường Westway, và không thấy gì cả. Tôi nghĩ, đất rẻ không thành vấn đề, nên liền lái xe vào rồi đi thẳng ra luôn khỏi hai tòa nhà để xe cao tầng, thế là nếu có xe nào theo đuôi đi nữa thì chúng cũng đành chịu chết. Chẳng còn gì nữa.

Tôi để Sarah ngồi lại xe trong khi bước ra ngoài kiểm tra xem có thiết bị thu phát điện từ không, lần ngón tay vào trong chấn xe và chấn lốp trong khoảng mười lăm phút cho tới khi tôi cảm thấy chắc chắn. Tôi thậm chí còn đỗ xe vài lần, ngắm nghía bầu trời xem có tiếng lạch xạch của chiếc trực thăng cảnh sát nào không.

Chẳng có gì.

Nếu như là một tay cá cược, và có cái gì đó để đặt cược, tôi sẽ đặt cửa chúng tôi không bị bám đuôi, không bị theo dõi.

Riêng chúng tôi trong thế giới tĩnh lặng.

Người ta hay nói bóng tối buông xuống, đêm xuống, màn đêm buông xuống, song với tôi điều đó dường như chẳng bao giờ đúng. Dường như có lần họ nói đêm đã *đến*. Cứ như là đêm *xảy ra*. Có lẽ khi nói vậy họ liên tưởng đến hình ảnh mặt trời rơi xuống. Nghe có vẻ cũng đúng, ngoại trừ đáng ra người ta phải nói là ngày *xuống*. Và nếu đã từng đọc sách, chúng ta biết rằng ngày không *lên* hay *xuống*. Nó *rạng*. Trong sách thì ngày *rạng* còn đêm thì *xuống*.

Trong đời thực, đêm mọc lên từ mặt đất. Ngày cứ ở đó chừng nào nó còn có thể, tươi tỉnh và háo hức, chắc chắn là người khách cuối cùng rời bàn tiệc, trong khi mặt đất tối dần, bóng đêm rỉ ra ngập quanh mắt cá chân, nuốt chửng mãi mãi đôi kính áp tròng lơ đãng rơi, làm cho anh lơ quả bất bóng cuối cùng của lần ném cuối cùng trong trò chơi cuối cùng.

Đêm mọc lên ở Hampstead Heath khi Sarah và tôi sánh bước cùng nhau, đôi lúc nắm tay, đôi lúc không.

Chúng tôi hầu như bước đi trong im lặng, chỉ lắng nghe tiếng bàn chân của mình trên cỏ, trên đất bùn, trên đá. Những con chim nhận lệ làng bay đây đó, vụt như tên bắn vào những rặng cây cao và cây bụi như những kẻ đồng tính lén lút, trong khi những kẻ đồng tính lén lút cứ lệ làng vụt qua đây đó, chẳng khác nào những con chim nhận. Có rất nhiều hoạt động ở Heath trong đêm đó. Hoặc có lẽ mọi đêm đều thế. Những gã đàn ông dường như ở mọi nơi, một mình, hai mình, ba mình hay nhiều hơn nữa, bọn họ đang định giá, đang ra dấu, đang mặc cả, đang thực hiện: cắm vào nhau để cho, hoặc nhận, cái một phần triệu giây sạc điện đó sẽ giúp họ trở về nhà và tập trung được vào chuyện *Thám tử Morse* mà không bị mất ngủ.

Đàn ông là thế, tôi nghĩ. Đó là tình dục nam không bị xiềng xích. Không phải không có tình yêu, nhưng tách bạch khỏi tình yêu. Ngắn, gọn, hiệu quả. Fiat Panda, thực thế.

“Anh đang nghĩ gì thế?” Sarah hỏi, mắt dán chặt xuống đất trong khi bước.

“Về em,” tôi nói, trơn tru.

“Em?” Cô hỏi, và chúng tôi bước đi một lúc. “Tốt hay xấu?”

“Ồ tốt, hẳn nhiên rồi.” Tôi nhìn cô, nhưng cô đang cau mày, vẫn nhòm xuống dưới. “Tất nhiên là tốt,” tôi nhắc lại.

Chúng tôi tới một cái ao, và đứng trên bờ, nhìn, rồi lẳng vài hòn đá xuống, và nhìn chung cảm ơn nó vì một cái cơ cấu cổ xưa nào đó đã hấp dẫn con người đến với mặt nước. Tôi nghĩ về lần cuối cùng chỉ có hai chúng tôi với nhau, trên bờ sông ở Henley. Trước Praha, trước Luối guom, trước mọi thứ khác.

“Thomas,” cô nói.

Tôi quay lại đối diện với cô, bởi vì đột nhiên tôi có cảm giác rằng cô đã tập điều gì đó trong đầu và giờ là lúc cô nóng lòng muốn lấy nó ra.

“Sarah,” tôi nói.

Cô vẫn nhìn xuống.

“Thomas, anh nói chúng ta đang theo đuổi cái gì?”

Cô ngừng một lúc, và rồi, cuối cùng, ngược mắt lên nhìn tôi - đôi mắt màu xám, to, đẹp - và tôi có thể thấy nỗi tuyệt vọng ở trong đó, sâu bên trong và trên bề mặt. “Ý em là, hãy cùng nhau,” cô nói. “Hãy biến ra khỏi chuyện này.”

Tôi nhìn cô thờ dài. Ở một thế giới khác thì làm thế có thể sẽ có tác dụng, tôi tự nhủ. Ở một thế giới khác, ở một vũ trụ khác, ở một thời gian khác, như là hai người hoàn toàn khác, chúng tôi thực sự có thể bỏ mọi thứ lại sau mình, bay tới những hòn đảo ngập nắng ở Caribê, làm tình với nhau, uống nước dừa, không ngừng nghỉ, suốt cả năm.

Nhưng giờ đây, nó chẳng có chút tác dụng nào. Những chuyện tôi cứ nghĩ trong một thời gian dài, giờ đây tôi đã biết; và những thứ tôi đã biết trong một thời gian dài, giờ đây tôi lại không muốn biết.

Tôi hít một hơi dài.

“Em biết được chừng nào về Russell Barnes?” Tôi hỏi. Cô chớp mắt.

“Gì cơ?”

“Tôi hỏi em biết Russell Barnes được chừng nào rồi.”

Cô nhìn tôi một lúc, rồi phá lên cười; cái kiểu tôi vẫn hay làm khi nhận ra mình đang gặp rắc rối to.

“Barnes,” cô nói, nhìn ra xa và lắc đầu, cố xử sự như thể tôi vừa mới hỏi cô thích uống Coca hay Pepsi. “Cái quái gì đã...”

Tôi nắm lấy khuỷu tay cô siết chặt, giật cô quay lại đối mặt tôi lần nữa.

“Em có thể trả lời câu hỏi chết tiệt đó được không?”

Sự tuyệt vọng trong mắt cô giờ đây chuyển thành hoảng hốt. Tôi đang làm cô sợ. Và thành thực mà nói, tôi đang tự làm mình sợ.

“Thomas, em không biết anh đang nói tới điều gì.”

Chà, thế đấy.

Thế là chút hy vọng le lói cuối cùng đã tắt. Lúc cô, đứng đó gần mặt nước khi đêm lên, nói dối tôi, tôi biết mình đã biết.

“Là em đã gọi bọn họ, phải không?”

Cô vùng vằng cố thoát khỏi cái siết tay của tôi một lúc, rồi lại phá lên cười.

“Thomas, anh thật... có chuyện quái quỷ gì với anh thế?”

“Xin đừng, Sarah,” tôi nói, và tiếp tục giữ khuỷu tay cô, “đừng đóng kịch nữa.”

Lúc này, cô đang thực sự trở nên sợ hãi và bắt đầu cố dứt ra. Tôi cứ giữ lại.

“Chúa ơi...” Cô dợm nói, nhưng tôi lắc đầu và cô ngừng lại. Tôi lắc đầu khi cô cau mày với tôi, và tôi lắc đầu khi cô cố ra vẻ sợ hãi. Tôi chờ đợi cho tới khi cô ngừng tất cả những thứ đó lại.

“Sarah,” cuối cùng tôi nói, “hãy nghe tôi. Em biết Meg Ryan, phải không?” Cô gật đầu. “Chà, Meg Ryan được trả hàng triệu đô để làm chuyện mà bây giờ em đang cố làm. Hàng chục triệu đô. Em biết tại sao không?” Cô nhìn lại tôi. “Bởi vì đó là chuyện rất khó làm tốt, và trên thế giới này những người có thể làm được chuyện đó ở khoảng cách này chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Bởi thế đừng đóng kịch, đừng giả vờ, đừng nói dối.”

Cô mím miệng lại và dường như đột nhiên thả lỏng, bởi thế tôi thả lỏng bàn tay đang nắm ở khuỷu tay cô ra, rồi buông hẳn. Chúng tôi đứng đó như những người trưởng thành.

“Chính em đã gọi bọn họ,” tôi nhắc lại. “Em đã gọi bọn họ đêm đầu tiên tôi tới nhà em. Em đã gọi bọn họ từ quán ăn, vào đêm họ húc tôi bắn khỏi xe.”

Tôi không muốn nói điều cuối cùng, nhưng phải có ai đó nói thôi.

“Em đã gọi bọn họ,” tôi nói, “và họ tới giết bố em.”

Cô khóc trong khoảng một giờ, ở Hampstead Heath, trên ghế, trong ánh trăng, trong vòng tay tôi. Tất cả nước mắt trên thế gian này chảy trên khuôn mặt cô và thấm đắm vào lòng đất.

Có một lúc cơn khóc trở nên thật dữ dội, thật lớn, và chúng tôi bắt đầu nghe thấy những khán giả ở rải rác xa xa thì thầm bảo nhau gọi cảnh sát, rồi nghĩ tốt hơn cứ kệ thế. Tại sao tôi vòng tay quanh người cô? Tại sao tôi ôm một người đàn bà đã phản bội chính bố đẻ mình, cũng là người đã lợi dụng tôi như một cái khăn chùi tay?

Chịu.

Khi cuối cùng cơn khóc đã bắt đầu lắng dịu, tôi vẫn ôm cô, cảm thấy cơ thể cô giật lên và run rẩy với những tiếng nấc sau khi khóc mà trẻ em thường có.

“Đáng ra ông ấy không phải chết,” đột nhiên cô nói, với một giọng trong, mạnh, điều đó làm tôi tự hỏi có phải nó tới từ một nơi nào đó khác chẳng. Có lẽ thế. “Chuyện đó xảy ra không phải do chủ định. Thực ra,” cô lấy ống tay áo lau mũi, “thực ra người ta đã hứa với em rằng ông sẽ ổn. Người ta nói miễn sao ông ngừng lại thì sẽ chẳng có gì xảy ra. Cả ông và em sẽ được an toàn, và cả hai người...”

Cô áp úng, và với tất cả sự bình tĩnh trong giọng nói của cô, tôi có thể thấy cô đang chết đi vì mặc cảm tội lỗi.

“Cả hai người sẽ sao?” Tôi hỏi.

Cô ngửa đầu ra sau, ưỡn cái cổ dài, dang cổ họng cho ai đó không phải tôi.

Rồi cô cười. “Giàu có,” cô nói.

Trong một khoảnh khắc, tôi cũng muốn cười. Nó nghe như thể một từ kỳ quặc. Thật là một thứ kỳ quặc. Nghe nó như một cái tên, hoặc một đất

nước, hoặc một kiểu xa lát. Cho dù từ đó là gì đi nữa, hẳn nó không thể nào hàm nghĩa là có rất nhiều tiền. Như thế nó chỉ, đơn giản là, quá kỳ quặc.

“Người ta hứa rằng cả hai người sẽ giàu?” Tôi hỏi.

Cô hít sâu và thở dài, rồi nụ cười nhanh chóng nhạt dần như thể nó chưa từng đến.

“Vâng,” cô nói. “Giàu. Tiền. Họ nói cả hai bố con sẽ có tiền.”

“Nói với ai? Cả hai người?”

“Ồ, Chúa ơi, không. Bố sẽ không...” Cô dừng một lúc và toàn thân run rẩy mãnh liệt. Đoạn cô nhướng cằm lên, nhắm mắt lại. “Ông đã đi xa, quá xa, không thể nghe những thứ này.”

Tôi thấy khuôn mặt ông. Vẻ hăm hở, cương quyết, đầy sinh khí. Cái vẻ của một người đàn ông đã dùng cả đời để làm ra tiền, tạo lập con đường của mình, thanh toán các hóa đơn của mình, và rồi, vào đúng lúc, ông ta nhận ra rằng đó không phải là đích của cuộc chơi. Ông nhận thấy cơ hội để sửa lại nó.

Anh có phải là một người tốt không, Thomas?

“Thế rồi họ cho em tiền?” Tôi nói.

Cô mở mắt ra và cười, rất nhanh, rồi lại chùi mũi.

“Họ cho em tất cả. Tất cả những thứ mà một đứa con gái có thể muốn. Tất cả mọi thứ một đứa con gái đã có, thực ra là thế, trước khi bố nó quyết định sẽ mang chúng đi.”

Chúng tôi ngồi như thế một lúc, tay nắm tay, nghĩ và nói về những điều cô đã làm. Nhưng chúng tôi không đi xa lắm. Khi bắt đầu, cả hai chúng tôi nghĩ rằng đó sẽ phải là câu chuyện lớn nhất, dài nhất, sâu sắc nhất mà cả

hai từng nói với một người khác. Gần như ngay lập tức, chúng tôi nhận ra rằng nó không như thế. Bởi vì chẳng có ích lợi gì. Có quá nhiều thứ để nói, như một ngọn núi lớn những lời giải thích cần phải vượt qua, nhưng rồi, không biết sao, chẳng có chút nào trong đó cần phải được nói ra hết cả.

Chính là như thế.

Dưới sự lãnh đạo của Alexander Woolf, công ty Gaine Parker sản xuất lò xo, đòn bẩy, chốt cửa, kẹp thảm, mặt thắt lưng và hàng ngàn thứ lặt vặt khác của đời sống phương Tây. Họ sản xuất những thứ đồ nhựa, những thứ đồ kim loại, những thứ đồ điện tử, những thứ đồ cơ khí, một vài thứ cung cấp cho các cửa hàng bán lẻ, một vài thứ bán cho các nhà sản xuất khác, và một vài thứ cho chính phủ Mỹ.

Điều đó, lúc đầu, rất thuận lợi đối với Gaine Parker. Nếu như có thể làm ra những bộ sứ vệ sinh làm hài lòng người phụ trách nhập hàng của Woolworths, anh sẽ có tiền. Nếu anh có thể làm ra một cái thỏa mãn được chính phủ Mỹ, bằng cách đáp ứng các đòi hỏi trong bản chi tiết kỹ thuật của một bộ bộ xí quân sự - và tôi cam đoan với anh rằng có những thứ như thế, nó có một bản chi tiết kỹ thuật, và tôi có thể đoán chừng bản chi tiết kỹ thuật đó có lẽ phủ kín ba mươi mặt giấy A4 - nếu như anh có thể làm việc đó, chà, anh sẽ có tiền ra tiền vào hàng triệu lần trước mặt.

Như thực tế đã diễn ra, Gaine Parker không sản xuất bộ sứ vệ sinh. Họ làm ra các bộ chuyển mạch điện tử và những thứ thông minh với các bóng bán dẫn. Cũng như không thể thiếu được đối với các nhà sản xuất bộ điều nhiệt cho máy điều hòa, cái chuyển mạch đó cũng xuất hiện trong cơ cấu làm lạnh của một kiểu máy phát điện diesel mới theo yêu cầu kỹ thuật chi tiết của quân đội. Và bởi nó đạt yêu cầu, tháng Hai năm 1972, Gaine Parker và Alexander Woolf trở thành nhà thầu phụ cho Bộ Quốc phòng Mỹ.

Lợi lộc từ hợp đồng này không đo đếm bằng con số. Ngoài việc cho phép, thậm chí khuyến khích Gaine Parker bán ra với giá tám đô một bộ mà ở bất cứ nơi nào khác trên thị trường may lắm cũng chỉ được năm đô, hợp đồng

còn như một tem bảo đảm, làm cho khách hàng khắp thế giới muốn mua cái thứ chuyên mạch nhỏ bé thông minh đó vượt qua những đoạn đường rải sỏi để đến cửa nhà Woolf.

Kể từ khi đó, chẳng có gì không ổn có thể xảy ra, và đã không xảy ra điều gì. Chỗ đứng của Woolf trong giới kinh doanh *nguyên liệu* cứ được nâng dần, nâng dần, và quan hệ của ông với những người cực kỳ quan trọng, những người điều khiển thế giới đó - và do vậy cũng có thể nói là những người điều khiển thế giới này - cũng được nâng lên cùng với nó. Họ cười với ông, đùa với ông và để ông làm thành viên câu lạc bộ gôn St Regis ở Long Island. Họ gọi cho ông vào nửa đêm để tán vậ chuyện này chuyện kia. Họ mời ông đi du thuyền cùng họ ở Hamptons, và quan trọng hơn, chấp nhận lại lời mời của ông. Họ gửi thiệp Giáng sinh cho gia đình ông, rồi gửi quà Giáng sinh, và, cuối cùng, họ bắt đầu mời rượu ông ở những bữa tiệc tối hai trăm ghế của đảng Cộng hòa, nơi chủ đề của nhiều cuộc nói chuyện xoay quanh việc thâm hụt tài chính và sự tái sinh của nền kinh tế Mỹ. Và ông càng lên cao thì càng nhiều hợp đồng tìm đến, và những bữa tối trở nên nhỏ hơn, thân mật hơn. Cho tới khi, cuối cùng, họ chẳng còn gì nhiều để làm với những bữa tiệc chính trị đó nữa. Họ có nhiều việc phải làm với chính trị theo kiểu thông thường, nếu như anh hiểu ý tôi.

Đó là lúc một trong số các bữa tối như thế sắp tàn và một ông trùm công nghiệp, đã chệnh choáng sau vài cốc vang đỏ, nói với Woolf về một tin đồn ông ta mới nghe được. Tin đồn đó rất kỳ quái, và Woolf, tất nhiên, đã không tin. Thực tế, ông thấy nó thật nực cười. Nực cười tới nỗi ông đã quyết định chia sẻ nó với một trong những người đặc biệt quan trọng, vào một trong các cuộc điện đàm giữa đêm thông thường của họ và chợt nhận ra rằng đường dây đã bị ngắt trước khi ông kể đến điểm mấu chốt của câu chuyện.

Cái ngày Alexander Woolf quyết định dấn thân vào tổ hợp công nghiệp quân sự là cái ngày mọi thứ thay đổi. Đối với ông, với gia đình ông, với công việc của ông. Mọi việc thay đổi nhanh chóng, và thay đổi vĩnh viễn.

Tỉnh dậy từ giấc ngủ thiu thiu, tổ hợp công nghiệp quân sự đó nâng cái móng vuốt kỳ vĩ, lười nhác của nó lên và một phát khiến ông bắn ra xa, như thể ông chẳng phải là con người nữa.

Họ hủy bỏ các hợp đồng đã có và rút các hợp đồng tiềm năng trong tương lai. Họ làm phá sản các nhà cung cấp của ông, làm rối loạn công nhân của ông, và điều tra ông về tội trốn thuế. Họ mua cổ phiếu của công ty ông trong vài tháng rồi đem bán trong vài giờ, và khi những chuyện đó chưa đủ cho biết tay, họ cáo buộc ông tội buôn ma túy. Họ thậm chí còn ném ông ra khỏi St Regis, bởi người ta không thay thế một mảng cỏ ở đường bóng lăn sân gôn.

Chẳng chuyện nào trong số đó làm Alexander Woolf bận tâm, vì ông biết ông đã nhìn thấy ánh đèn, và ánh đèn đó màu xanh. Nhưng nó làm cô con gái ông bận tâm, và con quái vật biết điều đó. Con quái vật biết rằng Alexander Woolf đã bắt đầu cuộc đời với tiếng Đức là ngôn ngữ đầu tiên, và nước Mỹ là tôn giáo đầu tiên của ông ; rằng ở tuổi mười bảy ông đứng bán móc áo đằng sau một chiếc xe tải, sống một mình trong một phòng tầng hầm ở Lowes, New Hampshire, cả cha và mẹ đã chết và không có nổi mười đô la trong túi. Đó là nơi Alexander Woolf xuất phát, và đó cũng là nơi ông ta sẽ quay trở lại, nếu cái giá là quay trở lại. Với Alexander Woolf, nghèo đói không phải là bóng tối, hay thứ gì xa lạ, hay thứ gì ông phải sợ dù theo bất cứ cách nào. Vào bất cứ thời điểm nào của đời ông.

Nhưng con gái ông thì lại khác. Con gái của ông đã trải qua không gì khác ngoài những ngôi nhà lớn, những bể bơi lớn, những chiếc xe to, sự chăm sóc tận tình của bác sĩ nha khoa, và nghèo đói làm cô sợ muốn chết. Nỗi sợ những thứ xa lạ đó làm cô dễ bị tổn thương, và con quái vật biết điều đó.

Một người đã mang cho cô một nhiệm vụ.

“Thế đấy,” cô nói.

“Tốt đấy,” tôi nói.

Răng cô va vào nhau lập cập, điều đó làm tôi nhận ra chúng tôi đã ngồi ở đây lâu tới chừng nào. Và tôi còn lại bao nhiêu thời gian.

“Tôi nên đưa em về,” tôi nói, và đứng dậy. Thay vì đứng dậy cùng tôi, cô cuộn người sát hơn xuống ghế, hai tay khoanh trước bụng như thể đang đau. Bởi vì cô đang đau. Khi cô nói, giọng nghe cực nhỏ, và tôi phải ngòì xồm xuống cạnh cô mới nghe thấy. Tôi càng thấp xuống, cô càng cúi đầu để tránh nhìn vào mắt tôi.

“Đừng trừng phạt em,” cô nói. “Đừng trừng phạt em vì cái chết của bố em, Thomas, bởi vì em có thể làm chuyện đó mà không cần anh phải giúp.”

“Tôi không trừng phạt em, Sarah,” tôi nói. “Tôi chỉ đưa em về nhà, thế thôi.”

Cô ngẩng đầu lên, lại nhìn tôi, và tôi thấy một nỗi sợ hãi mới đang trượt vào đôi mắt cô.

“Nhưng tại sao?” Cô nói. “Ý em là, giờ chúng ta ở đây. Cùng nhau. Chúng ta có thể làm bất cứ điều gì. Đi bất cứ đâu.”

Tôi nhìn xuống dưới đất. Cô vẫn chưa hiểu vấn đề.

“Em muốn đi đâu?” Tôi hỏi.

“Điều đó chẳng quan trọng, phải không?” Cô nói, giọng cô lớn dần cũng như sự tuyệt vọng. “Cái chính là chúng ta có thể đi. Ý em là, Chúa ơi, Thomas, anh biết đấy... bọn chúng điều khiển anh bởi vì bọn chúng đe dọa làm hại em, và bọn chúng điều khiển em bởi vì bọn chúng đe dọa làm hại anh. Đó là cách bọn chúng làm. Nhưng giờ nó đã kết thúc. Chúng ta có thể đi đâu đó. Hãy đi khỏi đây.”

Tôi lắc đầu.

“Tôi e rằng giờ chuyện không đơn giản như thế nữa,” tôi nói. “Nếu như nó đã từng thế.”

Tôi ngừng lại nghĩ một lúc, tự hỏi mình nên nói với cô điều gì. Chẳng có gì, đó là điều tôi thực sự nên nói với cô. Nhưng, chết tiệt thật.

“Đây không phải chỉ là chuyện chúng ta,” tôi nói. “Nếu như chúng ta cứ thế bỏ đi, những người khác sẽ chết. Chết vì chúng ta.”

“Những người khác?” Sarah nói. “Anh đang nói gì thế? Những người khác nào?”

Tôi cười với cô, bởi muốn cô cảm thấy dễ chịu hơn, không sợ hãi như thế, và cũng bởi tôi nhớ tất cả bọn họ. “Sarah,” tôi nói. “Em và tôi...”

Tôi lúng túng. “Sao cơ?” Cô nói.

Tôi hít một hơi dài. Chẳng còn cách nào khác để nói điều đó.

“Chúng ta phải làm việc đúng đắn,” tôi nói.

Hai mươi Ba

Không có Đông hay Tây, Biên giới, Giống nòi, hay Ngày sinh tháng đẻ khi hai người đàn ông mạnh mẽ đứng trực diện nhau, đầu mỗi người đến từ một góc thế gian.

RUDYARD KIPLING

Đừng tới Casablanca mà mong nó giống trong phim.

Trên thực tế, nếu như anh không quá bận rộn, và lịch trình cho phép, đừng nên đến Casablanca.

Người ta thường nhắc đến Nigeria và những nước có bờ biển lân cận như là cái nách của châu Phi; như thế thật không công bằng, bởi vì con người, văn hóa, phong cảnh và bia ở cái khu vực đó của thế giới, theo trải nghiệm của tôi, thuộc hàng đầu. Tuy nhiên, đúng là khi nhìn vào bản đồ, một mắt mở tí hí, trong một căn phòng tranh tối tranh sáng, chơi trò chơi Đoạn Bờ Biển Này Gọi Cho Bạn Hình Ảnh Gì, thì anh có thể nói rằng, đúng, Nigeria có hình dạng ang áng như cái nách.

Nigeria thật không may mắn.

Nhưng nếu Nigeria là cái nách thì Maroc là bả vai. Và nếu Maroc là bả vai thì Casablanca là một nốt ruồi xấu xí to đùng màu đỏ trên bờ vai đó, kiểu như nó xuất hiện trong một ngày ta cùng vị hôn thê quyết định ra bãi biển. Cái kiểu nốt ruồi cọ đầu vào dây đeo áo ngực hay dây đeo quần tùy giới tính của người đeo, và làm ta tự nhủ từ rày trở đi quyết phải ăn thật nhiều rau tươi.

Casablanca là một thành phố công nghiệp núc ních, uể oải; một thành phố của bụi bê tông và khói dầu diesel, nơi ánh sáng mặt trời dường như làm

nhặt đi màu sắc hơn là nhuộm màu lên cảnh vật. Chẳng có cảnh gì đáng ngắm, ngoại trừ nửa triệu người nghèo khổ đang vật lộn với cuộc sống tại những khu nhà lụp xụp bằng bìa các tông và tôn dập, nhìn vào là anh sẽ muốn gói ghém đồ đạc nhảy lên máy bay ngay tức khắc. Như chỗ tôi được biết, nó thậm chí còn không có lấy một viện bảo tàng.

Có lẽ anh nghĩ rằng tôi không thích Casablanca. Có lẽ anh cảm thấy tôi đang cố thuyết phục anh đừng thích nó, hoặc làm anh suy nghĩ lại; nhưng thật ra đó không phải chuyện của tôi. Chỉ là, nếu như anh cũng giống như tôi - và cả cuộc đời anh ngồi nhìn ra cửa quán rượu, quán cà phê, khách sạn, hay cửa kính phòng khám rằng nơi anh đang ngồi, hy vọng rằng Ingrid Bergman sẽ tới, nhẹ nhàng trong bộ váy dài màu sữa, nhìn thẳng vào anh, đỏ mặt, ngực phập phồng như để cảm ơn Chúa trời rằng rốt cuộc thì cuộc sống đã tìm thấy một chút ý nghĩa - nếu như có một chút nào trong ba cái chuyện đó còn đang ngán ngẩm trong anh, thì rồi anh sẽ thấy Casablanca là một nỗi thất vọng vô hạn.

Chúng tôi đã tự chia thành hai nhóm. Da Trắng và da Ô liu.

Francisco, Latifa, Benjamin và Hugo vào nhóm Ô liu, trong khi Bernhard, Cyrus và tôi vào nhóm Trắng.

Điều này nghe có vẻ lỗi thời. Thậm chí gây sốc. Có lẽ anh đang mãi hình dung rằng tổ chức khủng bố là một tập hợp những người bình đẳng về cơ hội, và những sự phân biệt dựa trên màu da không có chỗ trong chúng tôi. Hừm, trong thế giới lý tưởng, có lẽ khủng bố là như thế. Nhưng ở Casablanca, mọi thứ lại khác.

Anh không thể tản bộ trên đường phố của Casablanca với làn da sáng màu.

Hoặc, ít nhất là anh có thể, nhưng chỉ khi anh đã chuẩn bị để đương đầu với một lũ nhôn nháo khoảng chừng năm mươi đứa trẻ, chúng gọi, chúng gào, chúng chỉ trỏ, chúng cười cợt, và cố gắng bán cho anh những đồng đô la Mỹ, giá cả tốt, tốt nhất, và cả hashih nữa.

Nếu như anh là du khách da trắng, anh hãy cứ chấp nhận thế thôi. Hiên nhiên rồi. Anh cười đáp lại, anh lắc đầu và nói *La, shokran (Không, cảm ơn)*, thế là chúng càng cười dữ hơn, la dữ hơn, càng chỉ trỏ, và như thế lại kéo thêm năm mươi đứa trẻ khác nhập hội nối đuôi theo sau anh, và tất cả bọn chúng, thật đáng ngạc nhiên thay, cũng có những giá cả hời nhất cho những đồng đô la Mỹ - tóm lại, anh hãy cứ cố gắng mà tận hưởng những trải nghiệm đó. Dù sao, anh là một du khách, trông anh xa lạ và có phần kỳ cục, biết đâu anh còn mặc quần soóc và một chiếc áo Hawaii lố bịch, thế thì tại sao chúng lại không chỉ trỏ vào anh chứ? Tại sao một chặng đường gần năm mươi mét tới một cửa hàng thuốc lá lại không mất đến bốn lăm phút, làm ách tắc phương tiện giao thông từ mọi hướng, và làm muộn giờ xuất bản của tờ tin tức buổi chiều Maroc chứ? Suy cho cùng, đó chính là lý do để anh đi nước ngoài. Là được ra ngoài.

Đó là nếu như anh là một du khách.

Nếu, ngược lại, anh đi nước ngoài để đánh chiếm một tòa đại sứ Mỹ bằng các loại vũ khí tự động, để có thể bắt vị đại sứ và nhân viên của ông ta làm con tin, đòi mười triệu đô la tiền chuộc và đòi thả ngay lập tức hai trăm ba mươi tù nhân lương tâm, rồi rời đi trên máy bay phản lực cá nhân, sau khi đã gài lại tòa nhà sáu mươi cân thuốc nổ dẻo C4 - nếu như đó là điều anh đã suýt khai vào mục Mục đích Viếng thăm trong tờ khai hải quan nhưng cuối cùng lại thôi, bởi vì anh là một tay chuyên nghiệp được đào tạo bài bản, người không dễ dàng vấp ngã như thế - thì thành thực mà nói, anh có thể đi mà không bị lũ trẻ chỉ trỏ nhòm ngó trên phố.

Bởi thế nhóm Ô liu có nhiệm vụ cảnh giới, trong khi nhóm Trắng chuẩn bị cho cuộc tấn công.

Chúng tôi chiếm một ngôi trường bỏ hoang ở quận Hay Mohammedia. Có thể trước đây nó là một vùng ngoại ô đẹp, cỏ mọc xanh tươi, nhưng giờ đây không còn thế nữa. Cỏ từ lâu đã bị những tấm tôn từ những nhà đang xây đè lên, rãnh thoát nước được đào hai bên đường, và đường là cái mà người ta sẽ làm sau cùng. Lạy Đức Allah nhân từ.

Đây là một khu nghèo, đầy những người nghèo, nơi thực phẩm tẻ hại và khan hiếm, và nước sạch là câu chuyện để các bậc phụ lão kể cho con cháu nghe trong những đêm dài mùa đông. Cũng không có nhiều người già đến thế ở Hay Mohammedia. Nơi đây, tuổi già là tuổi của những người bốn mươi lăm tuổi, rụng hết cả răng, thanh thân uống thứ trà bạc hà ngọt tới nhức đầu, đây được coi là một tiêu chí để đạt mức sống trung bình.

Ngôi trường đó là một tòa nhà lớn. Cao hai tầng, quay ba mặt, xây xung quanh một cái sân xi măng, nơi những đứa trẻ hẳn đã từng chơi đá bóng, hoặc cầu nguyện, hoặc học những cách quấy rầy người châu Âu; còn bao quanh phía ngoài là một bức tường năm mét, bị đục thủng bởi một cánh cửa thép duy nhất dẫn ra sân chơi.

Đó là nơi chúng tôi lên kế hoạch, luyện tập, và nghỉ ngơi. Và có những cuộc tranh cãi kịch liệt với nhau.

Ban đầu thường là những cái nhỏ nhất. Những cái giận bất chợt từ chuyện hút thuốc, chuyện ai là người uống cốc cà phê cuối cùng, chuyện ai sẽ ngồi ghế đầu của chiếc Land Rover hôm nay. Nhưng rồi dường như dần dần chúng trở nên xấu đi.

Đầu tiên tôi bỏ qua những cái đó để tập trung tư tưởng, bởi vì chúng tôi đang chơi một trò lớn hơn ở đây, lớn hơn nhiều, nhiều hơn so với bất cứ thứ gì chúng tôi đã từng làm. Nó làm cho Mürren dường như là một miếng bánh mà không có hạnh nhân.

Hạnh nhân ở Casablanca là cảnh sát, và có lẽ họ có việc phải làm với những căng thẳng, những hờn dỗi, những cãi cọ.

Bởi vì họ ở khắp mọi nơi. Họ có đủ hàng chục thể loại hình dạng, tầm vóc, với hàng chục đồng phục khác nhau đại diện cho hàng chục quyền lực và chức trách khác nhau, và hầu hết đều có chung một sự thực rằng, nếu anh

liếc nhìn họ theo cái lối họ không thích, họ có thể sẽ làm anh không thể ngóc đầu lên được trong suốt cả cuộc đời anh.

Lấy thí dụ, tại cổng mỗi đồn cảnh sát ở Casablanca đều có hai người đứng gác với hai khẩu súng máy.

Hai người. Súng máy. Tại sao?

Anh có thể đứng đó cả ngày, và anh có thể thấy rõ ràng những người đó chẳng bắt lấy một tên phạm tội, chẳng dập tắt một cuộc bạo loạn, chẳng đập tan một cuộc xâm lăng bởi thế lực thù địch nước ngoài nào - thực ra, họ chẳng làm bất cứ điều gì để cho cuộc sống của một người dân Maroc bình thường trở nên tốt đẹp hơn.

Tất nhiên, cái người đã quyết định chi tiền cho những người này - cái người đã ký sắc lệnh rằng đồng phục phải được thiết kế bởi các nhà may thời trang ở Milan, rằng kính chống nắng của họ phải thuộc loại có dây đeo quanh đầu - có thể sẽ nói: “Chà, tất nhiên là chúng tôi chẳng hề bị xâm lược bởi vì chúng tôi có hai người đứng bên ngoài tất cả các đồn cảnh sát với súng máy và quần áo chặt tới hai cỡ”. Và anh sẽ phải cúi đầu rời khỏi văn phòng, đi giật lùi, bởi vì không có cách gì để có thể đương đầu được với thứ logic như thế.

Cảnh sát Maroc là biểu tượng của chính quyền đất nước này. Thử tưởng tượng nhà nước là một gã to lớn trong một quán bar, và quân chúng như một tay nhỏ thó ở cùng trong quán bar đó. Gã to lớn có hình xăm ở bắp tay, và gã hời tay nhỏ thó: “Mày làm đồ bia của tao phải không?”

Cảnh sát Maroc chính là cái hình xăm đó.

Và với chúng tôi, họ hẳn nhiên là một vấn đề. Quá nhiều sắc quân, quá nhiều lính trong mỗi sắc quân, quá mạnh trong trang bị vũ khí, quá mức trong tất cả mọi thứ.

Có lẽ bởi vì thế mà chúng tôi có phần trở nên nóng nảy. Có lẽ bởi thế mà năm ngày trước đây, Benjamin - vốn ăn nói nhẹ nhàng, thích chơi cờ vua, và đã từng có ý định trở thành một giáo sĩ Hồi giáo - lại gọi tôi là thằng khốn nạn chó chết.

Lúc đó chúng tôi đang ngồi xung quanh bàn trong phòng ăn, ăn món thịt hầm tajine do Cyrus và Latifa nấu, và không ai muốn nói gì. Nhóm Trắng đã dành cả ngày để dựng mô hình kích thích thật mặt trước của tòa lãnh sự, chúng tôi đã mệt mỏi, và còn ngửi thấy mùi gỗ.

Cái mô hình giờ đang đứng phía sau chúng tôi, giống như trong tiết mục kịch câm ở trường, thi thoảng lại có ai đó ngẩng lên khỏi đĩa thức ăn mà nhìn nó, băn khoăn tự hỏi liệu nó có phải là thật hay không. Hoặc là, đã nhìn nó rồi, họ có phải nhìn một cái nào khác nữa hay không.

“Mày là một thằng khốn nạn chó chết,” Benjamin nói, nhảy dựng lên và đứng đó, siết nắm đấm rồi lại mở ra.

Một khoảng im lặng. Cần một lúc để cho mọi người nhận ra rằng anh ta đang nhìn ai.

“Anh vừa gọi tôi là gì?” Ricky hỏi, thẳng người lên một chút trên ghế - một tay khó mà nổi giận ngay, nhưng là kẻ thù kinh khủng một khi đã nổi giận.

“Mày nghe thấy rồi đây,” Benjamin nói.

Trong một thoáng tôi không chắc anh ta sẽ đánh tôi hay sẽ khóc.

Tôi nhìn Francisco, đợi anh ta bảo Benjamin ngồi xuống hoặc đi ra ngoài, hoặc làm việc gì đó, nhưng Francisco chỉ nhìn lại tôi và tiếp tục nhai.

“Tôi đã làm gì anh thế?” Ricky quay lại phía Benjamin nói.

Nhưng anh ta chỉ tiếp tục đứng đó, nhìn trừng trừng, siết chặt hai nắm đấm, cho tới khi Hugo đứng lên mà nói món thịt hầm thật là tuyệt. Tất cả mọi

người đều biết ơn, đều nói, đúng, món hầm rất tuyệt, lại không quá mặn nữa. Tất cả mọi người, trừ tôi và Benjamin. Anh ta trừng trừng nhìn tôi, tôi trừng trừng nhìn lại, và dường như chỉ mình anh ta biết được điều đó có nghĩa là gì.

Rồi anh ta quay gót đi về phía đại sảnh, và sau một lúc chúng tôi nghe thấy tiếng cánh cổng sắt kèn kẹt, rồi tiếng động cơ chiếc Land Rover vang lên.

Francisco vẫn đang nhìn tôi.

Năm ngày sau, Benjamin cố gắng cười với tôi một vài lần, và giờ chúng tôi đã sẵn sàng bắt đầu. Chúng tôi đã phá mô hình, gói ghém hành trang, xóa bỏ các dấu vết và cầu nguyện. Không khí thực sự khá là phấn khích.

Buổi sáng ngày mai, lúc chín giờ ba mươi lăm, Latifa sẽ đến xin cấp visa ở tòa đại sứ Mỹ. Lúc chín giờ bốn mươi, Bernhard và tôi sẽ có cuộc hẹn với ông Roger Buchanan, tham tán thương mại. Lúc chín giờ bốn mươi bảy, Francisco và Hugo sẽ tới với một xe đẩy đựng bốn thùng nhựa nước khoáng, hóa đơn ghi tên Sylvie Horvath tại phòng lãnh sự.

Sylvie thực sự đã gọi chở nước đến - nhưng không phải các thùng nước đựng trong sáu hộp các tông.

Và vào lúc chín giờ năm mươi lăm, dao động thêm một vài giây, Cyrus và Benjamin sẽ lao chiếc Land Rover vào tường phía Tây của tòa lãnh sự.

“Thế để làm gì?” Solomon hỏi.

“Cái gì để làm gì?” Tôi hỏi lại.

“Cái Land Rover.” Anh ta lấy bút chì ra khỏi miệng mà trở xuống bản vẽ. “Các anh sẽ không thể đi xuyên qua tường như thế được. Đó là tường bê tông cốt thép dày sáu mươi một phân, còn có cả hàng cọc chắn ở đó nữa. Thậm chí dù các anh có xuyên qua được thì nó cũng làm cho tốc độ giảm ngay lập tức.”

Tôi lắc đầu.

“Chỉ là tiếng động thôi,” tôi nói. “Họ tạo ra một tiếng động lớn, đè cái còi xuống, Benjamin ngã ra khỏi ghế lái, máu me be bét trên áo, và Cyrus gào người ta gọi cứu thương. Chúng tôi sẽ thu hút càng nhiều người tới phần phía Tây của tòa nhà càng tốt, để xem xem tiếng động đó là gì.”

“Họ có cứu thương không?” Solomon hỏi.

“Tầng trệt. Kho thuốc gần cầu thang.”

“Có ai được đào tạo không?”

“Tất cả nhân viên Mỹ của đại sứ quán đều đã tham dự khóa đào tạo, nhưng dường như Jack là người đảm trách.”

“Jack?”

“Webber,” Tôi nói. “Vệ sĩ tòa lãnh sự. Mười tám năm phục vụ trong Hải quân. Mang một khẩu Beretta 9 ly chuẩn ở hông bên phải.”

Tôi dừng lại. Tôi biết Solomon đang nghĩ gì.

“Thì sao?” Anh ta hỏi.

“Latifa mang một bình xịt Mace,” tôi nói.

Anh ta viết ra một điều gì đó - nhưng chậm rãi, như thể biết rằng điều mình đang viết ra cũng chẳng tạo nên khác biệt nhiều lắm.

Tôi cũng biết điều đó.

“Cô ấy cũng mang một khẩu Micro Uzi trong túi áo khoác nữa,” tôi nói.

Chúng tôi đang ngồi trong chiếc Peugeot mà Solomon đã thuê, đỗ ở một chỗ đất cao gần La Squala - một nơi đổ nát, vào thế kỷ mười tám đã từng là một kho lớn chứa các khẩu pháo chính trông ra bến cảng. Thực là một nơi đẹp để thưởng ngoạn phong cảnh ở Casablanca, nhưng cả hai chúng tôi đều không thưởng thức nhiều lắm.

“Giờ điều gì sẽ xảy ra?” Tôi hỏi trong khi châm một điếu thuốc với cái bảng đồng hồ của Solomon, gọi là bảng đồng hồ là bởi lúc lòi nó ra thì hầu như tôi đã làm nó bung bét cả cùng với cái bật lửa, và tôi phải mất một lúc để lắp các thứ lại với nhau. Tôi rít một hơi, cố thổi khói ra khỏi cửa sổ xe, nhưng không được thành công lắm.

Solomon vẫn đang nhìn xuống những ghi chép của mình.

“Hừm, có lẽ,” tôi nhắc anh ta, “có lẽ sẽ có cả một lũ đoàn cảnh sát Maroc và CIA núp trong trục thang máy. Và có lẽ, khi chúng tôi bước vào, họ sẽ thò đầu ra nói các anh đã bị bắt. Và có lẽ, Lưỡi gươm Công lý và tất cả những ai đã từng dính líu tới nó không lâu sau đó sẽ hiện diện tại một tòa án cách cái rạp chiếu phim này chừng hai trăm mét. Và có lẽ, tất cả những chuyện này sẽ xảy ra mà không có ai bị trầy vi tróc vảy gì.”

Solomon hít một hơi thật sâu, rồi thở ra chậm chậm. Sau đó anh ta bắt đầu xoa bụng, tôi không thấy anh ta làm vậy cả hàng chục năm rồi. Chúng loét ruột của Solomon là thứ duy nhất có thể khiến anh ta thôi nghĩ về công việc.

Anh ta quay lại nhìn tôi.

“Tôi sẽ bị điều về nhà,” anh ta nói.

Chúng tôi nhìn nhau một lúc. Rồi tôi phá lên cười. Tình cảnh này thật ra không tức cười, chính xác là thế - tiếng cười chỉ đột nhiên phát ra từ miệng tôi.

“Tất nhiên rồi,” cuối cùng tôi nói. “Tất nhiên là anh sẽ được chuyển về nhà. Hoàn toàn hợp lý.”

“Này, Thomas,” anh ta bắt đầu, và tôi có thể nhìn thấy trên mặt anh ta rằng anh ta ghét điều đó như thế nào.

“Cảm ơn ông vì đã làm việc tốt, ông Solomon,” tôi nói, bắt chước giọng của Russell Barnes. “Chúng tôi muốn cảm ơn vì sự chuyên nghiệp, sự gắn bó và trách nhiệm của ông, chúng tôi sẽ tiếp nhận công việc từ đây, nếu như ông không cảm thấy phiền.Ồ, như thế thật tuyệt hảo.”

“Thomas, hãy nghe tôi.” Anh ta đã gọi tôi là Thomas hai lần trong ba mươi giây. “Hãy thoát ra khỏi chuyện này. Hãy từ bỏ, được chứ?”

Tôi cười anh ta, càng làm cho anh ta nói nhanh hơn.

“Tôi có thể đưa anh tới Tangier,” anh ta nói. “Anh sẽ tự tới Ceuta, rồi đi phà sang Tây Ban Nha. Tôi sẽ gọi cảnh sát địa phương, bảo họ đỗ một xe ở phía ngoài tòa đại sứ, toàn bộ mọi thứ sẽ đổ bể. Chưa có chuyện gì xảy ra cả.”

Tôi nhìn vào mắt Solomon, và thấy tất cả những rắc rối ở trong đó. Tôi thấy anh ta cảm thấy tội lỗi và xấu hổ - tôi thấy một đoạn ruột loét ở trong mắt anh ta.

Tôi lắc mẩu thuốc ra khỏi cửa sổ.

“Thật nực cười,” tôi nói. “Đó là điều mà Sarah Woolf đã muốn tôi làm. Cô ấy đã nói hãy từ bỏ. Đến những bãi biển đầy nắng, xa khỏi những thứ CIA điên rồ.”

Anh ta không hỏi tôi đã gặp cô khi nào, hoặc tại sao tôi lại không nghe lời cô nói. Anh ta đang quá bận rộn với vấn đề của chính mình. Vấn đề đó là tôi.

“Thế nào?” Anh ta nói. “V ị Chúa, Thomas, hãy làm như thế đi.” Anh ta với tay sang nắm lấy tay tôi. “Toàn bộ chuyện này thật điên rồ. Nếu như bước vào trong tòa nhà đó, anh sẽ không thể sống sót mà ra ngoài được. Anh biết điều đó mà.” Tôi chỉ ngồi đó, làm cho anh ta tức điên lên. “Chúa ơi, anh chính là người đã nói điều đó. Anh cũng là người đã biết tất cả từ đầu.”

“Ồ, thôi nào, David. Anh cũng đã biết mà.”

Trong khi nói, tôi theo dõi khuôn mặt anh ta. Anh ta đã có một phần trăm giây cau mày, hoặc há hốc miệng ngạc nhiên, hoặc hỏi rằng anh đang nói cái gì đó, nhưng anh ta đã không nói. Ngay sau khi cái phần trăm giây đó qua đi, tôi biết, và anh ta biết rằng tôi biết.

“Bức ảnh chụp Sarah và Barnes cùng nhau,” tôi nói, và mặt Solomon vẫn ngây ra. “Anh biết ý tôi là gì. Anh đã biết rằng chỉ có một lời giải thích cho nó.”

Cuối cùng anh ta cụp mắt xuống, nói lỏng bàn tay đang nắm cánh tay tôi.

“Làm thế nào hai người đó lại đến với nhau sau khi những chuyện như thế xảy ra?” Tôi nói. “Chỉ có một lời giải thích duy nhất. Đó không phải là sau đó. Mà là trước đó. Bức ảnh được chụp *trước khi* Alexander Woolf bị bắn. Anh biết Barnes đang làm gì, và anh biết, hoặc có lẽ đã đoán được Sarah Woolf đang làm gì. Chỉ là anh đã không nói với tôi.”

Anh ta nhắm hai mắt lại. Nếu như anh ta đang xin tha thứ thì điều đó đã không được nói to, và không phải là từ tôi.

“Giờ UCLA ở đâu?” Sau một lúc tôi hỏi. Solomon lắc đầu nhẹ nhẹ.

“Tôi không biết bất cứ một thiết bị nào như thế,” anh ta nói, hai mắt vẫn nhắm.

“David...” Tôi bắt đầu, nhưng Solomon cắt ngang lời. “Thôi mà,” anh ta nói.

Thế nên tôi để cho anh ta nghĩ bất cứ điều gì phải nghĩ, và quyết định bất cứ điều gì anh ta phải quyết định.

“Tất cả những điều tôi biết, thưa ông chủ,” cuối cùng Solomon nói, và đột nhiên giọng anh ta nghe lại giống như ngày xưa, “là một máy bay vận tải quân sự của quân đội Mỹ đã hạ cánh xuống căn cứ Gibraltar RAF trưa hôm nay, dỡ xuống một lượng phụ tùng cơ khí dự trữ.”

Tôi gật đầu. Solomon đã mở mắt. “Số lượng nhiều chừng nào?”

Solomon hít một hơi dài nữa, muốn nói tất cả mọi thứ ra một lần.

“Một người bạn của một người bạn của một người bạn ở đó nói rằng có hai thùng, mỗi thùng có kích thước áng chừng dài sáu mét, rộng ba mét, cao ba mét, được áp tải bởi mười sáu hành khách nam giới, chín người trong số họ mặc đồng phục, những người đó ngay lập tức lấy các thùng ra mang đến một nhà chứa máy bay ở cạnh hàng rào đã được để dành riêng cho họ.”

“Barnes?” Tôi hỏi.

Solomon nghĩ một thoáng.

“Tôi không dám chắc, thưa ông chủ. Nhưng anh bạn đó cho rằng anh ta có lẽ đã nhận ra một nhân viên ngoại giao Mỹ trong toán tùy tùng đó.”

Ngoại giao cái con c... Ngoại giao gì cái loại chó đẻ đó.

“Theo anh bạn đó,” Solomon tiếp tục, “còn một người rất khác biệt mặc đồ dân sự.”

Tôi ngồi thẳng dậy, cảm giác như mồ hôi đang đổ ra từ lòng bàn tay mình.

“Khác biệt thế nào?” Tôi hỏi.

Solomon ngả đầu về một bên, đang cố nhớ lại tất cả các chi tiết. Như thể anh ta bắt buộc phải làm thế.

“Áo khoác đen, quần kẻ sọc đen,” anh ta nói. “Anh bạn đó cho rằng ông ta nhìn giống như một người bồi bàn khách sạn.”

Và cái vẻ sáng lạn trên nước da. Cái sáng lạn của đồng tiền. Cái sáng lạn của Murdah.

Đúng, tôi nghĩ. Quần anh tự hội đã đủ.

Trong khi chúng tôi lái xe quay lại trung tâm thành phố, tôi diễn giải cho Solomon nghe về điều tôi sắp làm, và điều tôi cần anh ta làm.

Thi thoảng anh ta gạt đầu, không thích thú một chút nào, mặc dù hẳn anh ta phải nhận ra rằng tôi cũng không hứng thú gì lắm.

Khi chúng tôi tới tòa lãnh sự, Solomon lập tức chậm lại, rồi cho chiếc Peugeot từ từ lượn vòng quanh khu nhà, cho tới khi chúng tôi ngang với hàng cây có gai. Chúng tôi nhìn lên những cành cao tán trải rộng của nó một lúc, rồi tôi gạt đầu với Solomon, thế là anh ta bước ra mở ngăn hành lý.

Trong đó có hai gói. Một hình chữ nhật, kích thước khoảng bằng một chiếc hộp để giày, cái kia hình ống, dài gần mét rưỡi. Cả hai đều bọc giấy dầu. Chẳng có đánh dấu, không có số xê ri, cũng không có hạn sử dụng.

Thấy rằng Solomon không thực sự muốn chạm vào chúng, tôi liền cúi vào tự lấy những gói đó ra.

Anh ta đóng cửa xe lại và khởi động máy trong khi tôi bước về phía bức tường tòa đại sứ.

Hai mươi Bốn

Nhưng này em! Mạch ta như trống nhỏ Đập theo mỗi bước ta đi, nói với em rằng ta tới.

GIÁM MỤC HENRY KING

Lãnh sự quán Mỹ ở Casablanca tọa lạc giữa đại lộ Moulay Youssess nhiều cây cối, một miếng đất nhỏ xíu nằm giữa khu phố Pháp thế kỷ mười chín hoành tráng, được xây nên để giúp cho những người thực dân mệt mỏi được thư giãn sau những ngày khó nhọc kiến thiết xây dựng hạ tầng.

Người Pháp tới Maroc để xây dựng đường xá, đường sắt, bệnh viện, trường học và tạo nên khiêu thời trang - tất cả những thứ một người Pháp bình dân cho là không thể thiếu trong một thế giới văn minh hiện đại - và khi đồng hồ điểm năm giờ, người Pháp nhìn lại các công việc của mình thì thấy họ đã làm việc tốt, họ cho rằng đương nhiên mình có quyền được sống như các vương gia. Thực ra là, trong một thời gian, họ đã sống như thế.

Nhưng khi bị nước láng giềng Algeria động nắm đấm vào mặt, người Pháp nhận ra rằng, đôi khi tốt hơn nên để cho đám dân xứ kia mong muốn nhiều hơn; bởi thế họ mở những cửa hàng Louis Vuitton, và đóng gói những chai nước thơm dùng sau khi cạo râu cùng những chai nước thơm khác của họ, và cả một chai khác nữa, cái chai để dưới bồn vệ sinh, cái chai mà, kiểm tra kỹ lại, hóa ra là chứa nước thơm sau cạo râu và bị lấy cắp lúc ban đêm.

Những người thừa kế các cung điện rộng lớn tường trát vữa mà người Pháp để lại này không phải là hoàng thân hay vua chúa hay các nhà công nghiệp triệu phú. Họ cũng không phải ca sĩ hộp đêm hay cầu thủ bóng đá hay bọn gang tơ hay ngôi sao truyền hình. Họ, thật đáng ngạc nhiên, là những nhà ngoại giao.

Tôi nói đáng ngạc nhiên, bởi vì điều đó ngày nay đã tiết sạch. Tại mỗi thành phố, mỗi quốc gia trên thế giới, các nhà ngoại giao sống và làm việc trong những bất động sản có giá trị nhất và đáng mơ ước nhất có thể tìm thấy. Lâu đài, cung điện, biệt thự, nhà trăm gian, có công viên cho hươu dạo, bất cứ thứ gì và bất cứ lúc nào, các nhà ngoại giao hễ bước vào là nói “được, tôi nghĩ tôi có thể lấy chỗ này.”

Bernhard và tôi chinh thắng cả vật, kiểm tra lại đồng hồ, và bước lên những bậc thang dẫn tới cửa chính.

“Tôi có thể làm gì cho hai ông?”

Cái kẻ Gọi-Tôi-Là-Roger Buchanan kia khoảng non năm mươi, đã lên đến đỉnh cao nhất mà ông ta có thể leo được trong giới ngoại giao Mỹ. Casablanca là nơi nhậm chức cuối cùng của ông ta, ông ta đã ở đây được ba năm, và chắc chắn là ông ta thích nó. Những con người tuyệt vời, đất nước tuyệt vời, thức ăn hơi bị nhiều dầu mỡ, nhưng còn lại thì đúng là xuất sắc.

Dầu mỡ trong thức ăn dường như không làm cho Gọi-Tôi-Là-Roger chậm chạp đi nhiều lắm, bởi vì hẳn ông ta đẩy tạ ít nhất cũng được một tạ, so với chiều cao một mét bảy lăm thì như thế quả là cừ.

Bernhard và tôi nhìn nhau, lông mày nhướng lên, như thể ai trong chúng tôi nói trước cũng không quan trọng.

“Ông Buchanan,” tôi nói nghiêm trang, “như đồng nghiệp của tôi và tôi đã giải thích trong thư, chúng tôi sản xuất loại găng tay nhà bếp mà chúng tôi tin là tốt nhất Bắc Phi.”

Bernhard gật đầu, chậm rãi, tuồng như anh ta còn có thể nói thêm là tốt nhất thế giới, mà thế thì cũng không sao.

“Chúng tôi có trang thiết bị,” tôi tiếp tục, “ở Fez, Rabat, và chúng tôi sẽ mau chóng mở một nhà máy nữa ở ngay bên ngoài Marrakech. Sản phẩm

của chúng tôi rất tốt. Chúng tôi đảm bảo điều đó. Có thể ông đã nghe về nó, có thể thậm chí ông đã sử dụng nó, nếu như ông thuộc kiểu người ta vẫn gọi là ‘Đàn ông lớp mới’.”

Tôi cười phá lên như thằng đàn, và Bernhard cùng Roger cũng hòa theo. Đàn ông. Dùng găng tay nhà bếp. Đó là một điều tốt. Bernhard đã vào chuyện, anh ta ngồi trên ghế ngả người về phía trước, nói với một giọng Đức đáng kính buồn buồn.

“Quy mô sản xuất của chúng tôi,” anh ta nói, “giờ đây đã đạt đến điểm mà chúng tôi mong muốn có được giấy phép xuất khẩu vào thị trường Bắc Mỹ. Và tôi nghĩ điều mà chúng tôi cần từ ngài là một sự giúp đỡ nho nhỏ qua các cơ cấu để chúng tôi có thể có mặt ở đó.”

Gọi-Tôi-Là-Roger gật đầu, đoạn viết gì đó xuống một miếng giấy. Tôi có thể thấy lá thư của chúng tôi nằm trên bàn trước mặt ông ta, và nhìn có vẻ như ông ta đã khoanh một vòng tròn quanh từ “cao su”. Tôi đã toan hỏi ông ta tại sao, nhưng đó không phải lúc.

“Roger này,” tôi nói và đứng dậy, “trước khi chúng ta thương thảo sâu hơn.”

Roger ngẩng lên khỏi tờ giấy.

“Xuống đại sảnh, cửa thứ hai bên tay phải.” “Cảm ơn,” tôi nói.

Nhà vệ sinh không có người, và có mùi dứa. Tôi cài cửa, kiểm tra đồng hồ, rồi trèo lên bệ xí và nhẹ nhàng mở cửa sổ.

Ở bên trái, một vòi phun nước đang phun những vòng cung duyên dáng về phía một tảng cỏ được chăm sóc kỹ. Một người đàn bà mặc áo in hoa đang đứng cạnh tường cắn móng tay, trong khi cách đó vài thước một con chó nhỏ đang ị. Ở góc xa, một người làm vườn mặc quần cộc và áo cộc tay màu vàng đang quỳ gối chăm sóc mấy bụi cây.

Ở bên phải, không có gì.

Thêm tường. Thêm cỏ. Thêm những luống hoa. Và một cây gai.

Tôi nhảy xuống khỏi bệ xí, nhìn đồng hồ lần nữa, mở chốt cửa và bước ra hành lang.

Trông trơn.

Tôi bước nhanh về phía cầu thang và nhảy xuống một cách vui vẻ, mỗi lần hai bậc, gõ vào tay vịn cầu thang theo một nhịp không rõ ràng. Tôi vượt qua một người mặc sơ mi mang theo một chồng giấy, nhưng tôi đã nói lớn “chào buổi sáng” trước khi anh ta kịp nói gì.

Xuống tầng một, tôi rẽ phải, thấy hành lang đã nhộn nhịp hơn.

Hai người đàn bà đang đứng ở giữa đường tôi đi xuống, đang mãi nói chuyện, và một người đàn ông ở bên trái đang khóa hay mở cửa một văn phòng.

Tôi liếc đồng hồ và thả lỏng, cảm thấy như trong túi có một vật mà có lẽ tôi đã bỏ quên ở đâu đó, hoặc nếu không ở đó thì ở một chỗ khác, nhưng cũng có thể, có thể là tôi chưa từng có nó, nhưng nếu có, liệu tôi có nên quay lại tìm chẳng? Tôi đứng ở hành lang, người đàn ông bên trái đã mở cửa xong và có vẻ như sắp hỏi xem tôi có bị lạc hay không.

Tôi rút tay ra khỏi túi và nhìn anh ta mà cười, giờ chùm chìa khóa lên.

“Thấy rồi”, tôi nói, và anh ta nhẹ gật đầu về chần chừ khi tôi bước tiếp.

Một tiếng chuông vang lên từ phía cuối hành lang, tôi bèn tăng tốc lên một chút, chùm chìa khóa xúng xểng trên tay phải. Cửa thang máy mở, và một chiếc xe đẩy thấp bắt đầu nhô ra khỏi hành lang.

Francisco và Hugo, mặc bộ đồ toàn xanh dương gọn ghẽ, cẩn thận đưa xe đẩy ra khỏi thang máy. Francisco đẩy xe, Hugo đỡ các thùng nước bằng cả hai tay. Thư giãn đi, tôi muốn nói với anh ta thế, trong khi đợi cho xe đẩy vượt lên trước mình. Chỉ là nước thôi mà, lạy Chúa. Anh đưa nó đi cứ như đưa vợ anh tới nhà hộ sinh ấy.

Francisco đi chậm, kiểm tra các con số trên cửa các văn phòng, thật sự là trông rất đạt, trong khi Hugo cứ quay đầu ngo ngoáy và liên tục liếm môi.

Tôi dừng lại ở một bảng tin mà xem xét. Tôi gỡ xuống ba mảnh giấy, hai trong số đó là về việc diễn tập phòng cháy, còn một cái là lời mời dự tiệc thịt nướng tại nhà Bob và Tina trưa Chủ nhật. Tôi đứng đó, đọc cứ như cần phải đọc mấy thứ này lắm, rồi lại nhìn đồng hồ.

Họ tới chậm.

Chậm bốn mươi lăm giây.

Tôi không thể nào tin được. Sau tất cả những thứ chúng tôi đã nhất trí, đã tập luyện, đã thề nguyền, đã luyện tập lại, những thằng cha chết giẫm này lại chậm.

“Vâng?” Một giọng nói cất lên. Năm mươi lăm giây.

Tôi nhìn xuống hành lang thì thấy Francisco và Hugo đã tới khu tiếp khách. Một người đàn bà ngồi ở bàn đang chăm chăm nhìn họ qua cặp kính cỡ bự.

Sáu mươi lăm giây khốn nạn.

“*Salem alicoum*,” Francisco nói, giọng nhẹ nhàng. “*Alicoum Salem*,” người phụ nữ đáp lại.

Bảy mươi.

Hugo đập tay vào nắp mấy cái bình nước, rồi quay lại nhìn tôi.

Tôi bắt đầu bước lên phía trước, được hai bước thì nghe thấy nó.

Nghe thấy và cảm thấy nó. Như một quả bom vậy.

Khi xem cảnh tông xe trên ti vi, anh sẽ nghe thấy một tiếng động được tạo bởi bộ lông tiếng, và anh có thể cho rằng đó chính là nó, tiếng ô tô đâm nhau là như thế. Anh sẽ quên hoặc là, nếu có chút may mắn, anh sẽ không bao giờ biết có bao nhiêu năng lượng được giải phóng khi nửa tấn kim loại lao vào nửa tấn kim loại khác. Hoặc vào hông một tòa nhà. Một năng lượng cực lớn, đủ làm cho thân thể anh rung từ đầu tới chân, thậm chí cho dù anh đứng cách đó hàng trăm mét.

Còi chiếc Land Rover, bị kẹt do con dao của Cyrus đâm xuống, xuyên vào khoảng không tĩnh lặng như tiếng rên la của một con vật. Và rồi nó nhanh chóng lắng xuống, bị ngập trong những tiếng mở cửa, tiếng ghế bị đẩy lùi ra sau, tiếng thân người chèn nhau ở lối ra vào - người nọ nhìn người kia rồi lại nhìn về phía hành lang.

Rồi tất cả đều cất tiếng, và hầu hết đều nói “Chúa ơi” và nguyên rủa, và “cái quái gì thế”, và đột nhiên tôi thấy cả chục cái lưng cuống cuống chạy ra xa chúng tôi, vấp ngã, nhảy qua, trèo qua nhau để ra cầu thang.

“Theo bà chúng ta có nên xem không?” Francisco nói với người phụ nữ ngồi ở bàn.

Người đàn bà nhìn anh ta, rồi nheo mắt nhìn về hành lang. “Tôi không thể... anh biết đấy...” Bà ta nói, và dịch tay về phía chiếc điện thoại. Tôi không biết bà ta định gọi cho ai.

Francisco và tôi nhìn nhau trong khoảng một phần trăm giây.

“Liệu đó...” tôi bắt đầu, nhìn người đàn bà một cách lo lắng, “liệu đó có phải là tiếng bom?”

Bà ta đặt một tay lên điện thoại còn tay kia giơ ra phía trước, lòng bàn tay hướng ra cửa sổ, yêu cầu thế giới hãy dừng lại và chờ chút để bà ta lấy lại bình tĩnh.

Có tiếng hét ở đâu đó.

Ai đó đã thấy máu trên áo Benjamin, hoặc đã vấp ngã lộn nhào, hoặc chỉ là cảm thấy muốn hét, và điều đó khiến người đàn bà khuyu xuống.

“Nó có thể là gì nhỉ?” Francisco nói, trong khi Hugo bắt đầu vòng quanh mép bàn của bà ta.

Lần này bà ta không nhìn anh ta.

“Họ bảo chúng ta cứ ở nguyên chỗ của mình,” bà ta nói, vẫn nhìn qua tôi về phía hành lang, “rồi người ta sẽ nói chúng ta phải làm gì.”

Trong khi bà ta nói, có tiếng kim loại kêu “cạch” và người đàn bà ngay lập tức biết có gì đó không ổn, rất không ổn; bởi vì có những tiếng “cạch” tốt và những tiếng “cạch” xấu, và tiếng này hiển nhiên là một trong những tiếng “cạch” tệ hại nhất.

Bà ta quay lại nhìn Hugo.

“Thưa bà,” anh ta nói, đôi mắt lấp lánh, “bà đã lỡ cơ hội rồi.”

Và chúng tôi ở đây.

Ngồi thoải mái, cảm thấy thích thú.

Chúng tôi đã kiểm soát tòa nhà trong vòng ba mươi lăm phút này giờ, và giờ đây nhìn lại, mọi thứ lẽ ra đã có thể tệ hơn rất nhiều.

Đội ngũ nhân viên người Maroc đã đi khỏi tầng trệt, còn Hugo cùng Cyrus đã quét sạch tầng hai và tầng ba từ đầu này tới đầu kia, lừa đàn ông đàn bà

xuống cầu thang chính và ra phố với rất nhiều câu la lối “đi đi nào” và “đi nào” hoàn toàn không cần thiết.

Benjamin và Latifa gác ở lối ra vào, họ có thể di chuyển nhanh chóng từ mặt trước của tòa nhà ra mặt sau nếu cần thiết. Dù sao chúng tôi cũng biết họ sẽ không cần làm điều đó. Ít nhất là trong một lát nữa.

Cảnh sát đã xuất hiện. Đầu tiên là xe con, rồi sau xe jeep, và giờ là xe tải. Họ tản ra xung quanh trong những chiếc áo bó sát, đang thét lác, dịch chuyển những chiếc xe, và họ vẫn chưa quyết định xem nên đứng đỉnh bước ngang con phố hay hồi hải băng qua phố đầu cúi thấp để tránh đạn bắn tia. Có thể họ thấy Bernhard ở trên mái nhà nhưng lại chưa biết anh ta là ai, hoặc anh ta đang làm gì trên đó.

Francisco và tôi đang ở trong văn phòng ông đại sứ.

Chúng tôi có tất cả tám tù nhân ở đây - năm đàn ông và ba phụ nữ, họ bị trói vào nhau theo cách của Bernhard, dùng rất nhiều còng tay của cảnh sát - và chúng tôi đã hỏi nếu ngồi xuống tám thăm Kelim rất ấn tượng này thì liệu họ có thấy phiền không. Chúng tôi giải thích cho họ rằng nếu bất cứ ai trong số họ làm tám thăm bị dịch chuyển thì sẽ có nguy cơ bị Francisco hoặc tôi bắn chết, với sự trợ giúp của một cặp tiểu liên bán tự động Steyr AUG mà chúng tôi đã rất khôn ngoan mang theo.

Ngoại lệ duy nhất chúng tôi dành cho ông đại sứ, vì chúng tôi không phải là súc vật - chúng tôi có ý thức về thứ bậc và nghi lễ, và chúng tôi không muốn một yếu nhân phải ngồi khoanh chân trên sàn - và dù sao, ông ta cũng cần phải nói điện thoại nữa.

Benjamin đã làm thủ thuật với hộp đấu điện thoại, và đã cam kết với chúng tôi rằng bất cứ cuộc gọi nào, tới bất cứ số nào trong tòa nhà này, đều đi qua phòng này.

Bởi thế ông James Beamon, người được chính thức bổ nhiệm làm đại diện của chính phủ Mỹ ở Casablanca, có quyền lực thứ hai trên đất Maroc chỉ sau ông đại sứ ở Rabat, giờ đang ngồi ở bàn mình, ngó chăm chăm Francisco với vẻ đánh giá rất chi bình thản.

Beamon, như chúng tôi đã điều nghiên kỹ càng, là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Ông ta không phải là gã bán giày đã nghỉ hưu mà bạn có thể mong gặp ở chỗ như thế này

- một người đã tài trợ năm mươi triệu đô la cho quỹ vận động tranh cử của tổng thống, rồi được thưởng lại một cái bàn to và ba trăm bữa trưa miễn phí một năm. Beamon tuổi gần sáu mươi, cao và vạm vỡ, có một cái đầu rất nhanh nhạy. Ông ta sẽ xử lý tình huống này rất tốt và theo một cách thông minh.

Đó chính là điều chúng tôi muốn.

“Thế còn đi vệ sinh thì sao?” Beamon hỏi.

“Lần lượt từng người, cách nhau nửa tiếng,” Francisco nói. “Các vị tự bàn với nhau, và sẽ đi với một người bọn tôi, các vị sẽ không khóa cửa.” Francisco lại gần cửa sổ nhìn ra ngoài đường phố. Anh ta đưa ống nhòm lên mắt.

Tôi nhìn đồng hồ. Mười giờ bốn phút.

Họ sẽ tới lúc bình minh, tôi tự nhủ. Những kẻ tấn công luôn làm kẻ từ khi người ta phát minh ra việc tấn công. Bình minh. Khi chúng tôi đã mệt mỏi, đói lả, chán nản và sợ hãi.

Họ sẽ tới lúc bình minh, và sẽ tới từ hướng Đông, khi mặt trời mới ló phía sau họ.

Lúc mười một giờ hai mươi, ngài lãnh sự có cuộc gọi đầu tiên.

Wafiq Hassan, Thanh tra Sở Cảnh sát, tự giới thiệu với Francisco, rồi chào Beamon. Không có gì nhiều để nói về ông ta, ngoại trừ việc ông ta mong muốn rằng tất cả mọi người sẽ hành động đúng mực, mọi chuyện sẽ được giải quyết ổn thỏa. Sau đó, Francisco thuật lại rằng ông ta nói tiếng Anh rất khá, và Beamon kể cách đây hai hôm ông ta đã tới nhà Hassan ăn tối. Hai người đã nói chuyện với nhau về sự yên tĩnh của Casablanca.

Lúc mười một giờ bốn mươi là cánh báo chí. Xin lỗi đã làm phiền chúng tôi, tất nhiên rồi, nhưng chúng tôi có gì để tuyên bố? Francisco đánh vắn tên anh ta, hai lần, và nói chúng tôi sẽ đưa bản tuyên bố viết tay tới một đại diện của CNN, ngay khi họ tới đây.

Lúc mười hai giờ kém năm, chuông điện thoại lại reo lên. Beamon trả lời điện thoại và bảo rằng mình không thể nói vào lúc này, có lẽ nên gọi lại ngày mai, hoặc có thể ngày kia. Francisco lấy ống nghe từ tay ông ta và lắng nghe một chút, rồi phá ra cười vì người khách từ Bắc Carolina tới kia muốn biết liệu lãnh sự quán có thể đảm bảo có nước uống ở khách sạn Regency không.

Ngay cả Beamon cũng cười vì chuyện đó.

Hai giờ mười lăm, họ mang đồ ăn tới cho chúng tôi. Thịt cừu hầm rau, cùng một xoong lớn bột mì nấu với nước thịt. Benjamin ra lấy đồ ăn ở bậc thềm trước, trong khi Latifa bồn chồn vung vẩy khẩu Uzi ở lối ra vào.

Cyrus tìm ra vài cái đĩa giấy đâu đó, nhưng không có thìa nĩa, bởi thế chúng tôi cứ ngồi xuống đợi cho thức ăn nguội đoạn thò tay bốc.

Có thể thấy là rất thú vị.

Ba giờ mười, chúng tôi nghe tiếng những chiếc xe tải bắt đầu chuyển động, và Francisco chạy tới cửa sổ.

Hai chúng tôi quan sát các tay lái xe cảnh sát rú ga, để số thấp, lái tiến lui trong những cú cua ăn mười điểm.

“Tại sao họ lại di chuyển?” Francisco hỏi, nheo mắt nhìn vào ống nhòm.

Tôi nhún vai.

“Cảnh sát giao thông à?” Anh ta nhìn tôi giận dữ.

“Mẹ kiếp, tôi không biết,” tôi nói. “Chắc họ làm cái gì đó. Có thể họ cần tạo ra một chút tiếng động trong khi đào hầm. Chúng ta chẳng thể làm gì được đâu”

Francisco cắn môi trong một giây, rồi lui về bàn. Anh ta cầm ống nghe lên quay số ở sảnh. Hân Latifa đang trả lời.

“Lat, tư thế sẵn sàng,” Francisco nói. “Nếu nghe thấy gì, nhìn thấy gì, gọi tôi ngay.”

Anh ta đập ống nghe xuống, có phần quá mạnh.

Anh sẽ không thể nào điềm tĩnh như khi giả vờ được, tôi nghĩ.

Tới bốn giờ chiếc điện thoại đã bắt đầu trở nên rất bận rộn, những người Maroc và người Mỹ gọi tới cứ năm phút một lần, luôn luôn yêu cầu được nói chuyện với một người khác chứ không phải người đang trả lời điện thoại.

Francisco quyết định đã đến lúc hoán đổi giữa chúng tôi, thế nên anh ta gọi Cyrus và Benjamin tới tầng một, còn tôi xuống cùng với Latifa.

Cô đang đứng ở giữa đại sảnh, mắt chăm chú nhìn ra ngoài cửa sổ và nhảy từ chân này sang chân kia, lắng em Uzi từ tay này sang tay nọ.

“Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi. “Có muốn đi tiểu không?”

Cô nhìn tôi gật đầu, thế là tôi bảo cô cứ đi giải quyết đi, và đừng có lo lắng quá thế.

“Mặt trời đang lặn,” Latifa nói, khoảng nửa bao thuốc sau đó.

Tôi nhìn đồng hồ, rồi nhìn ra ngoài cửa sổ phía sau, và quả nhiên, mặt trời lặn, đêm tối đang lên.

“Đúng thế,” tôi nói.

Latifa bắt đầu chỉnh lại mái tóc qua ánh phản chiếu từ tấm kính cửa sổ ở bàn lễ tân.

“Tôi ra ngoài một lúc đây,” tôi nói.

Cô nhìn quanh, hoảng hốt.

“Gì cơ? Anh điên sao?”

“Tôi chỉ muốn ra xem sao thôi.”

“Xem cái gì?” Latifa nói, và tôi thấy cô đang điên tiết với tôi, cứ như tôi đang bỏ rơi cô thật. “Bernhard đang ở trên mái nhà, anh ta có thể nhìn rõ hơn bất cứ ai. Anh muốn ra ngoài vì cái gì?”

Tôi nghiêng răng một lúc, và kiểm tra lại đồng hồ lần nữa.

“Cái cây đó làm tôi lo ngại,” tôi nói.

“Anh muốn nhìn cái cây chết giẫm đó à?” Latifa hỏi.

“Mấy cái cành ngả qua tường. Tôi chỉ muốn tới xem sao.”

Cô bước tới bên tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Cái vòi nước vẫn đang phun.

“Cái cây nào?”

“Cái cây đó,” tôi nói. “Cái cây có gai đó.”

Năm giờ mười.

Mặt trời đã lặn một nửa.

Latifa đang ngồi ở chân cầu thang chính, cọ cọ ủng vào sàn đá cẩm thạch và nghịch khẩu Uzi.

Tôi nhìn cô mà nghĩ, hiển nhiên rồi, về lần làm tình của chúng tôi - nhưng cũng về cả những tiếng cười, những sự thất vọng, và về món mì ống. Đôi khi Latifa có thể nổi điên.

Cô cũng rời trí và tuyệt vọng theo nhiều cách nhưng cũng rất tuyệt vời.

“Sẽ ổn thôi mà,” tôi nói.

Cô ngẩng đầu lên nhìn lại tôi.

Tôi tự hỏi liệu cô có đang nhớ những điều đó chẳng.

“Ai đã nói là không ổn nào?” Cô nói, vuốt vuốt tóc, kéo một món xuống mặt để che không cho tôi thấy.

Tôi cười to.

“Ricky,” Cyrus nghiêng người qua lan can tầng một gọi.

“Gì?” Tôi hỏi.

“Lên đây. Cisco gọi anh.”

Các con tin lúc này đang ngồi rải ra trên thảm, đầu gục vào lòng, lưng tựa vào nhau. Kỷ luật đã được nói lỏng đủ làm cho vài người có thể duỗi chân ra ngoài thảm. Ba bốn người đang hát bài “Dòng sông thiên nga” bằng giọng nhỏ nhỏ, hơi rụt rè.

“Gì thế?” Tôi nói.

Francisco ra hiệu về phía Beamon, ông này cầm ống nghe chìa cho tôi. Tôi cau mày phẩy tay, làm như vợ tôi gọi và lẽ ra tôi cần phải ở nhà từ nửa giờ trước kia. Nhưng Beamon vẫn cứ chìa ống nghe ra.

“Họ biết anh là người Mỹ,” ông ta nói.

Tôi nhún vai kiểu “thế thì sao”.

“Nói với họ đi, Ricky,” Francisco nói. “Sao lại không?”

Bởi thế tôi lại nhún vai, vẻ sung sủa, Chúa ơi, lãng phí thời giờ quá, và thông thả đi lại phía bàn. Beamon trừng trừng nhìn khi tôi cầm lấy ống nghe.

“Thằng Mỹ khôn kiếp,” ông ta thì thầm.

“Liếm mông tôi đây này,” tôi nói, và đặt ống nghe lên tai.

“Gì thế?” Có một tiếng cạch và một tiếng vo vo, rồi lại một tiếng cạch.

“Lang,” giọng kia cất lên.

Đây rồi, tôi nghĩ.

“Vâng,” Ricky đáp.

“Xin chào!”

Đó là giọng của Russell P. Barnes, thằng khôn của chốn này, và dù phải qua tiếng nhiễu xì xèo, giọng hấn vẫn đầy vẻ tự mãn.

“Ông muốn cái c... gì?” Ricky hỏi.

“Vẫy tay này, Thomas,” Barnes nói.

Tôi ra hiệu cho Francisco đưa ống nhòm, anh ta liền vói qua bàn đưa nó cho tôi. Tôi bước lại phía cửa sổ.

“Ông hãy nhìn về phía bên trái,” Barnes nói.

Thực tình tôi không muốn.

Ở một góc tòa nhà, trong một chiến lũy dựng bằng xe jeep và xe bọc thép, có một lũ người lúc nhúc đứng đó. Một vài mặc đồng phục, một số khác thì không.

Tôi nhắc ống nhòm lên thì thấy cây cối và nhà cửa nhảy nhót trong cỡ kính phóng đại, rồi Barnes vụt qua trong ống kính. Tôi quay lại, vẫn giữ vững ống nhòm, thì hắn đã ở đó, tai nghe điện thoại, ống nhòm để trên mắt. Đúng là hắn đang vẫy tay.

Tôi kiểm tra số người còn lại của nhóm đó, nhưng không thấy một cái quần sọc xám nào.

“Gọi để chào thôi Tom,” Barnes nói.

“Được rồi,” Ricky nói.

Đường truyền kêu lách tách trong khi chúng tôi đợi nhau nói. Tôi biết tôi có thể đợi lâu hơn so với hắn ta.

“Thế, Tom,” cuối cùng Barnes nói, “khi nào thì ông định ra khỏi đó?”

Tôi rời mắt khỏi ống nhòm, liếc về phía Francisco, Beamon và những con tin. Tôi nhìn họ mà nghĩ về những người khác.

“Chúng tôi sẽ không ra đâu,” Ricky nói, và Francisco gật đầu chậm rãi.

Tôi nhìn qua ống nhòm thì thấy Barnes đang cười to. Tôi không nghe thấy, bởi vì hắn đã đưa ống nghe ra xa khỏi mặt mình, nhưng tôi thấy hắn ngửa

đầu ra phía sau và nhe răng ra. Rồi hắn quay lại phía đám người của mình mà nói gì đó, và vài người trong số họ cũng cười phá lên.

“Chắc chắn rồi, Tom. Khi nào ông...”

“Nói thật đây,” Ricky nói, và Barnes vẫn tiếp tục cười. “Bất kể ông là ai, ông sẽ không đạt được thứ ông định làm đâu.”

Barnes lắc đầu, thưởng thức màn trình diễn của tôi.

“Có thể ông là người thông minh,” tôi nói, và nhìn hắn gật đầu. “Có thể ông là người có giáo dục. Thậm chí có thể ông đã tốt nghiệp đại học.”

Nụ cười tắt dần trên gương mặt Barnes. Tuyệt.

“Nhưng việc ông đang cố làm sẽ không tới đâu cả.” Hắn thả ống nhòm xuống và trừng mắt nhìn. Không phải bởi hắn muốn nhìn tôi, mà là bởi hắn muốn tôi nhìn thấy hắn. Mặt hắn lạnh như đá. “Hãy tin tôi, thưa ông Sau Đại Học,” tôi nói.

Hắn đứng im như phỗng, mắt phóng tia laze xẹt qua khoảng cách hai trăm mét giữa chúng tôi. Rồi tôi nhìn thấy hắn hét cái gì đó, đặt lại ống nghe vào tai.

“Nghe này, đồ khốn, tôi không quan tâm ông có ra hay không. Và nếu như ông có ra đi nữa, tôi không quan tâm ông tự đi ra hay là đi ra trong một cái túi cao su lớn hoặc trong rất nhiều túi cao su nhỏ. Nhưng tôi cảnh cáo ông, Lang...” Hắn ấn cái điện thoại chặt hơn vào miệng, và tôi nghe thấy cả tiếng nước bọt từ họng hắn bắn ra. “Đừng có phá bĩnh sự tiến bộ. Có hiểu không? Ông không được phép cản trở nó.”

“Chắc chắn rồi,” Ricky nói.

“Chắc chắn thế,” Barnes nói.

Tôi thấy hắn nhìn sang một bên và gật đầu.

“Nhìn sang bên phải xem, Lang. Chiếc Toyota màu xanh dương ấy.”

Tôi làm như hắn bảo, và một chiếc kính chắn gió trượt qua ống nhòm. Tôi nhìn vào đó.

Naimh Murdah và Sarah Woolf, ngồi cạnh nhau ở bang trước chiếc Toyota, đang uống thứ gì đó nóng đựng trong cốc vại bằng nhựa.

Đang chờ quả giao bóng trận chung kết. Sarah đang nhìn xuống một thứ gì hoặc không nhìn gì cả còn Murdah đang xem lại mình trong gương chiếu hậu. Ông ta dường như không bận tâm mình đang nhìn thứ gì.

“Tiến bộ, Lang,” giọng Barnes nói. “Tiến bộ là tốt cho tất cả mọi người.”

Hắn dừng và tôi lại lướt ống nhòm về bên trái, vừa kịp thấy hắn mỉm cười.

“Này,” tôi nói, bỏ một nhúm lo lắng vào giọng mình, “để tôi nói chuyện với cô ấy, được không?”

Qua khước mắt, tôi thấy Francisco thẳng người ra trên ghế. Tôi phải ứng phó với anh ta, giữ cho anh ta tin tôi, bởi vậy tôi giữ cái ống nghe ra xa khỏi mặt mình và quay lại nhăn nhó, vẻ bối rối.

“Mẹ tôi,” tôi nói. “Bà lo lắng về tôi.”

Cả hai chúng tôi cùng cười một chút vì điều đó.

Tôi lại nheo mắt nhìn vào ống nhòm, thấy Barnes giờ đang đứng cạnh chiếc Toyota. Bên trong xe, Sarah đang cầm điện thoại trước miệng, và Murdah đã quay lại nhìn cô.

“Thomas ơi,” cô nói. Giọng cô nhỏ và gượng gạo.

“Chào,” tôi nói.

Ngập ngừng một chút, trong khi chúng tôi trao đổi một hai ý nghĩ thú vị qua đường dây đang xèo xèo, và rồi cô nói, “Em đợi anh.”

Đó là điều tôi muốn nghe.

Murdah nói gì đó tôi không nghe được, rồi Barnes vờ tay qua cửa sổ lấy điện thoại từ tay Sarah.

“Không có thời gian cho tất cả, Tom. Ông có thể nói tất cả những gì ông muốn, khi ông đã ra khỏi đó.” Hấn cười. “Thế, ông có muốn chia sẻ ý nghĩ gì lúc này không Thomas? Có thể là một từ? Một từ nhỏ bé, như là ‘có’ hay ‘không’?”

Tôi đứng đó, nhìn Barnes đang nhìn mình, và tôi chờ lâu hết sức. Tôi muốn hấn cảm nhận được quyết tâm của tôi lớn lao chừng nào. Sarah đang chờ tôi.

Cầu Chúa, chuyện này phải thành công.

“Có,” tôi đáp.

Hai mươi lăm

Hãy cẩn thận với thứ này, bởi nó cực kỳ nguy hiểm.

VALERIE SINGLETON

Tôi đã thuyết phục Francisco đừng có vội tuyên bố.

Anh ta muốn nói toạc mọi thứ ra, nhưng tôi bảo rằng thêm vài giờ nữa cũng chẳng hại gì. Một khi họ đã biết chúng tôi, và có thể gọi tên chúng tôi, thì câu chuyện sẽ bị lắng xuống một chút. Thậm chí nếu ngay sau đó có pháo hoa đi nữa, thì điều bí ẩn đã bị mất đi rồi.

Chỉ thêm một vài giờ thôi, tôi nói.

Và thế là chúng tôi chờ xuyên đêm, thay phiên nhau cho từng vị trí.

Trên mái là chỗ ít nhộn nhịp nhất, bởi vì nó lạnh và cô độc, không ai ở đó lâu hơn một giờ đồng hồ. Còn những chỗ khác, chúng tôi ăn, nói chuyện, và không nói chuyện, nghĩ về cuộc sống của chúng tôi, về chuyện họ đã đưa chúng tôi tới chuyện này như thế nào. Liệu chúng tôi là những người bắt cóc hay là bị bắt cóc.

Đêm đó người ta không chuyển thêm đồ ăn tới cho chúng tôi, nhưng Hugo tìm thấy vài túi bánh kẹp thịt đông lạnh ở trong căng tin, thế là chúng tôi rải lên bàn của Beamon cho rã đông và chọc chọc vào mỗi khi không nghĩ ra được gì khác để làm.

Các con tin ngủ gà ngủ vịt và hầu như lúc nào cũng bị trói tay. Francisco đã nghĩ đến chuyện tách họ ra và rải mỗi người một chỗ trong tòa nhà, nhưng rồi cuối cùng anh ta quyết định rằng làm thế sẽ tổn thêm nhiều người gác; có lẽ anh ta đúng. Francisco đúng trong rất nhiều chuyện. Biết nghe lời khuyên nữa, điều đó tạo ra một sự thay đổi tốt đẹp. Tôi cho rằng chẳng có

nhiều khủng bố trên thế giới quen với tình huống bắt giữ con tin tới mức có thể trở nên giáo điều mà nói ừm, các anh phải làm như thế này này. Francisco rơi vào một tình huống lạ lẫm cũng như mọi người khác trong đội chúng tôi, điều đó làm anh ta phân nào đó tử tế hơn.

Vừa mới hơn bốn giờ, sắp đặt xong, tôi bèn xuống đại sảnh với Latifa trong khi Francisco tập tễnh xuống cầu thang cầm theo bản thông cáo báo chí.

“Lat này,” anh ta nói, nở nụ cười duyên dáng, “hãy nói với thế giới về chúng ta.”

Latifa mỉm cười đáp lại anh ta, xúc động vì người anh cả thông thái đã ban cái vinh hạnh này cho cô, nhưng không muốn bộc lộ ra quá nhiều. Cô cầm lấy cái phong bì từ tay anh ta và nhìn đầy âu yếm trong khi anh ta tập tễnh trở lại cầu thang.

“Bọn họ đang đợi em đây,” anh ta nói, không quay đầu lại. “Hãy đưa nó cho họ, bảo họ rằng cái này phải chuyển thẳng tới CNN, không qua người nào khác, và nếu họ không đọc nó, nếu họ để sót một từ trong đó thì sẽ có những người Mỹ chết ở chỗ này.” Anh ta dừng lại khi tới chỗ chiếu nghỉ, quay lại chúng tôi. “Yểm trợ cô ấy thật tốt nhé, Ricky.”

Tôi gật đầu và chúng tôi nhìn anh ta đi, rồi Latifa thở dài. Thật là một người đáng nể, cô đang nghĩ thế. Người hùng của tôi, và anh ấy chọn tôi. Nguyên do thực sự khiến Francisco chọn Latifa tất nhiên là bởi anh ta cho rằng nếu các chàng ga lăng người Maroc biết được trong nhóm khủng bố có phụ nữ thì khả năng tấn công vũ trang của các chàng sẽ bớt đi một chút. Nhưng tôi không muốn làm hỏng thời khắc của cô bằng cách nói ra điều đó.

Latifa quay đầu nhìn ra cửa chính, giữ chặt cái phong bì và nheo mắt trước ánh sáng rực rỡ từ các nhóm truyền hình. Cô đặt một tay lên tóc.

“Cuối cùng thì cũng trở thành người nổi tiếng,” tôi nói, cô liền nhăn mặt làm điệu bộ với tôi.

Cô đi qua bàn lễ tân và bắt đầu bồn chồn chỉnh lại áo xống phản chiếu trong tấm kính. Tôi làm theo.

“Đây,” tôi nói, đoạn cầm lấy phong bì từ tay cô và giúp cô chỉnh lại cổ áo sao cho bắt mắt. Tôi vuốt phẳng tóc cô ở phía sau tai, chùi một vết gì đó trên má. Cô đứng yên để tôi làm việc ấy. Đây không hẳn một cái gì riêng tư. Giống một võ sĩ ở góc võ đài của mình thì đúng hơn, chuẩn bị sẵn sàng cho hiệp tiếp theo trong khi đám bầu sậu xịt nước, xoa bóp, lau người và trang điểm cho anh ta.

Tôi thò tay vào túi, lấy cái phong bì ra đưa cho cô, trong khi cô hít vài hơi sâu.

Tôi siết vai cô.

“Em sẽ ổn thôi,” tôi nói.

“Chưa bao giờ lên ti vi cả,” cô nói.

Bình minh. Mặt trời lên. Rạng sáng. Gì cũng được.

Chân trời vẫn còn lơ mờ, nhưng đã có một đốm màu cam xuất hiện. Bóng đêm đã thu mình vào lòng đất, trong khi mặt trời quờ quạng bầu ngón tay vào mép chân trời.

Các con tin hầu như đã ngủ cả. Họ co lại gần nhau hơn trong đêm, bởi trời lạnh hơn mọi người nghĩ, những cái chân không còn thò ra ngoài mép thảm nữa.

Francisco trông mệt mỏi khi đưa điện thoại cho tôi. Chân anh ta đặt lên cạnh bàn Beamon, và anh ta đang xem CNN, ti vi vặn nhỏ tiếng, như để tỏ ra tử tế đối với Beamon đang ngủ.

Tôi cũng mệt mỏi, tất nhiên rồi, nhưng có lẽ vẫn còn đôi chút phấn khích trong máu vào lúc đó. Tôi nhận lấy điện thoại từ Francisco.

“Vâng.”

Vài tiếng lạch tách, nhiều điện từ. Rồi Barnes.

“Cuộc gọi báo động năm giờ rưỡi của ông,” hắn nói, giọng có ý giễu.

“Các ông muốn gì?” Và ngay lập tức tôi nhận ra mình vừa nói điều đó bằng giọng Anh. Tôi nhìn ngang qua Francisco, nhưng dường như anh ta không nhận ra. Bởi thế tôi quay lại cửa sổ và lắng nghe Barnes một lúc nữa, và khi hắn ta kết thúc tôi hít một hơi sâu, hy vọng tốt cùng và dừng dưng chẳng quan tâm, cả hai cảm giác cùng một lúc.

“Khi nào?” Tôi hỏi.

Barnes cười khùng khục. Tôi cũng cười, không theo một giọng nào cả.

“Năm mươi phút nữa,” hắn nói rồi gác máy.

Khi tôi từ chỗ cửa sổ quay lại, Francisco đang nhìn tôi. Lông mi anh ta dường như dài hơn bất cứ lúc nào hết.

Sarah đang đợi tôi.

“Họ sẽ mang bữa sáng tới cho chúng ta,” tôi nói, lần này uốn lưỡi theo giọng Minnesota.

Francisco gật đầu.

Mặt trời, đang từ từ kéo mình lên cao khỏi khung cửa sổ. Tôi rời bỏ những tù nhân, và Beamon, và Francisco đang gật gà trước CNN. Tôi bước ra khỏi phòng, đi thang máy lên trên nóc.

Ba phút sau đó, còn bốn mươi bảy phút nữa, và mọi thứ đang chuẩn bị sẵn sàng như nó sẽ tới. Tôi đi cầu thang xuống đại sảnh.

Hành lang trống không, cầu thang trống không, bụng trống không. Mạch máu ở tai tôi thành thạch, to hơn nhiều tiếng chân tôi trên thảm. Tôi dừng lại ở chiều nghỉ tầng hai, nhìn ra ngoài phố.

Một đám đông ra trò, vào khoảng thời gian này của buổi sáng.

Tôi đang nghĩ về chuyện sẽ tới, đó là lý do tại sao tôi quên bém hiện tại. Hiện tại chưa từng xảy ra, không phải đang diễn ra, duy chỉ có tương lai. Cuộc sống và cái chết. Cuộc sống hoặc cái chết. Những cái đó, anh thấy không, là những cái to tát. To tát hơn nhiều so với tiếng bước chân. Tiếng bước chân là những cái nhỏ nhất, so với cái bị lãng quên.

Xuống được nửa cầu thang, vừa mới ngoặt vào gác lửng thì tôi nghe thấy chúng và nhận ra chúng mới sai lầm làm sao- sai lầm bởi vì chúng đang chạy thành thạch, đáng ra người ta không nên chạy trong tòa nhà này. Không phải bây giờ. Không phải trong vòng bốn mươi sáu phút nữa.

Benjamin vòng quanh góc nhà và dừng lại.

“Gì thế, Benj?” Tôi nói, ở mức điềm tĩnh nhất có thể.

Anh ta nhìn tôi trừng trừng một lúc. Thở mạnh.

“Mày đã ở chỗ quái nào thế?” anh ta hỏi.

Tôi cau mặt.

“Ở trên mái,” tôi nói. “Tôi ở...”

“Latifa ở trên mái,” anh ta cấm cử.

Chúng tôi đứng dòm nhau. Anh ta đang thổi phù phù ra miệng, phần vì ráng sức, phần vì tức giận.

“Chà, Benj, tôi bảo cô ấy xuống dưới sảnh. Chuẩn bị ăn sáng...”

Và rồi, bằng một động tác nóng vội, Benjamin nâng khẩu Steyr lên vai, áp má vào báng súng, hai nắm tay cứ siết vào mở ra ở tay cầm: cái nòng súng đã biến mất.

Sao lại có thể thế được? Tôi tự nhủ. Làm sao mà nòng khẩu Steyr, dài bốn trăm hai mươi milimét, sáu rãnh khía, xoắn hướng bàn tay phải - làm sao nó lại biến mất được nhỉ?

Tất nhiên là nó không thể biến mất, và nó đã không biến mất.

Đó chỉ là từ góc nhìn của tôi.

“Mày là thằng khôn chó chết,” Benjamin nói.

Tôi đứng đó, dán mắt vào cái lỗ đen.

Còn bốn mươi lăm phút nữa, và lúc này, hãy chấp nhận thế, là lúc tồi tệ nhất để Benjamin mang một chuyện to tát, rộng lớn và nhức đầu gọi là Phản bội ra đây. Tôi gợi ý với anh ta, hy vọng mình đã nói một cách lịch sự, rằng chúng tôi có thể xem xét nó sau; nhưng Benjamin thì nghĩ tốt hơn hãy làm ngay bây giờ.

“Thằng khôn chó chết,” anh ta đáp lại vậy đó.

Một phần của vấn đề đó là Benjamin chưa từng tin tưởng tôi. Đó là nguyên do chính. Benjamin đã có những nghi ngờ ngay từ đầu, lúc này anh ta muốn tôi biết về những nghi ngờ đó, phòng khi tôi muốn tranh cãi lại với anh ta.

Tất cả đã bắt đầu từ khóa huấn luyện quân sự, anh ta nói với tôi.

Ôi, thật thế sao Benj? Đúng vậy.

Tối đó Benjamin nằm không ngủ, nhìn trần trời lên mái lều trại, tự hỏi từ đâu và làm thế nào một thằng Minnesota đàn độn lại học được cách tháo lắp một khẩu M16 trong lúc bịt mắt chỉ bằng nửa thời gian so với những người khác. Có vẻ từ đó anh ta đã đặt dấu hỏi về giọng của tôi, về sở thích quần áo và âm nhạc của tôi. Và làm sao tôi có thể thêm được chùng ấy dặm đường vào công tơ mét chiếc Land Rover trong khi tôi chỉ ra ngoài để uống bia?

Đó toàn là những thứ vật vãnh, tất nhiên rồi, nên cho tới tận giờ Ricky có thể dẹp tan chúng mà không gặp vấn đề gì.

Nhưng phần kia của vấn đề - thằng thần mà nói là phần lớn hơn, ngay vào giây phút này - là Benjamin đã nghịch hộp đấu chuyển điện thoại trong khi tôi nói chuyện với Barnes.

Bốn mươi một phút.

“Thế thì sẽ thế nào, Benj?” Tôi hỏi.

Anh ta áp chặt má hơn vào báng súng, và hình như tôi có thể thấy ngón tay anh ta đang trắng dần ra trên cò súng.

“Anh sẽ bắn tôi ư?” Tôi nói. “Bây giờ ư? Sẽ kéo cò súng?”

Anh ta liếm môi. Anh ta biết tôi đang nghĩ gì.

Anh ta từ từ lỏng người, nhấc mặt ra khỏi khẩu Steyr, vẫn giữ đôi mắt lớn nhìn tôi.

“Latifa,” anh ta gọi với ra sau. To. Nhưng không đủ to. Có vẻ như anh ta đang có vấn đề với giọng nói của mình.

“Họ mà nghe thấy tiếng súng, họ sẽ nghĩ là anh vừa giết một con tin, Benj a,” tôi nói. “Họ sẽ san phẳng tòa nhà này. Giết chết tất cả.”

Từ “giết” đã tác động vào anh ta, và trong một khoảnh khắc tôi nghĩ anh ta có thể sẽ bắn.

“Latifa,” anh ta lại gọi. Lần này to hơn, và cần phải thế. Tôi không thể để anh ta kêu lần thứ ba. Tôi bắt đầu dịch chuyển, rất từ từ, về phía anh ta. Tay trái tôi thả lỏng hết mức.

“Đối với rất nhiều tay ở ngoài kia, Benj,” tôi nói, vẫn dịch chuyển, “một tiếng súng chính là thứ họ muốn nghe lúc này. Anh sẽ cho họ có được nó sao?”

Anh ta lại liếm môi. Một lần. Hai lần. Quay đầu nhìn về phía cầu thang.

Tôi túm lấy nòng súng bằng tay trái, đẩy nó lại vai anh ta. Không có cách nào khác. Nếu như tôi kéo khẩu súng ra khỏi anh ta, cò súng sẽ bị ép, và tôi cũng sẽ bị ấn một phát. Bởi vậy tôi đẩy nó lùi lại, sang một bên, và khi mặt anh ta dịch xa hơn khỏi bóng súng, tôi thúc ngược gan bàn tay phải vào dưới mũi anh ta.

Anh ta đổ xuống như hòn đá - nhanh hơn hòn đá, như thể có một lực cực mạnh đẩy anh ta ngã xuống sàn - và trong một thoáng tôi nghĩ biết đâu mình đã giết anh ta. Nhưng rồi đầu anh ta bắt đầu đưa từ bên này sang bên kia, và tôi thấy những bong bóng máu phòi ra khỏi môi anh ta.

Tôi nhẹ nhàng gỡ khẩu Steyr khỏi tay anh ta và gạt khóa an toàn, vừa lúc Latifa gọi từ chỗ cầu thang.

“Vâng?”

Giờ tôi có thể nghe thấy tiếng chân cô trên cầu thang. Không nhanh, nhưng không chậm.

Tôi nhìn xuống Benjamin.

Đó là dân chủ, Benj. Một người chống lại nhiều người.

Latifa ngoặt ở góc cầu thang, khẩu Uzi vẫn quàng trên vai.

“Chúa ơi,” cô nói khi nhìn thấy máu. “Chuyện gì xảy ra thế?”

“Tôi không biết,” tôi nói. Tôi không nhìn cô. Tôi đang cúi người xuống Benjamin, nhìn lo lắng vào mặt anh ta. “Tôi đoán anh ta bị ngã.” Latifa lướt qua tôi và ngồi xổm xuống cạnh Benjamin, và trong khi cô làm thế, tôi liếc đồng hồ.

Ba mươi chín phút. Latifa quay lên nhìn tôi.

“Tôi sẽ lo việc này,” cô nói. “Canh ngoài sảnh nhé Rick.”

Thế là tôi đi.

Tôi ra ngoài sảnh, tới cửa chính, xuống các bậc thềm, và một trăm năm mươi ba mét từ bậc thềm tới chốt cảnh sát.

Tới nơi thì đầu tôi đã nóng bừng, bởi vì hai tay tôi siết chặt lấy nó.

Không có gì ngạc nhiên, họ nhảy căng lên mừng tôi như thể họ đang tham gia một kỳ thi nhảy căng. Để được nhập học tại trường Đại học Hoàng gia Nhảy căng. Năm lần, đầu đến chân, miệng, tai, xương chậu, đế giày. Họ xé gần hết quần áo trên người tôi, để cho tôi trông giống như một món quà Giáng sinh vừa được mở ra.

Mất mười sáu phút.

Họ để tôi đó năm phút nữa, dựa người vào thành một chiếc xe cảnh sát, dạng tay dạng chân, còn họ hò hét xô đẩy nhau. Tôi nhìn chăm chăm xuống đất. Sarah đang đợi tôi.

Chúa ơi, tốt hơn là cô nên đợi tôi.

Thêm một phút nữa trôi qua, thêm nhiều tiếng la hét, thêm nhiều xô đẩy hơn, và tôi bắt đầu nhìn xung quanh, nghĩ

rằng nếu một chuyện gì đó không mau chóng xảy ra, tôi sẽ phải làm cho nó xảy ra. Cậu Benjamin khốn kiếp. Vai tôi bắt đầu đau do lực dũa của tôi.

“Tốt lắm, Thomas,” một giọng nói.

Tôi quay sang trái, nhìn xuống thì thấy một đôi ủng Red Wing. Một đặt phẳng trên mặt đất, một dựng vuông góc, các ngón chân sục vào trong bụi. Tôi từ từ nghiêng người để nhìn hết phần còn lại của Russell Barnes.

Hắn đang dựa người vào cửa xe, cười cười, chìa bao Marlboro ra cho tôi. Hắn mặc áo da phi công, có thêu tên Connor trên ngực trái. Connor là cậu quái nào thế?

Đội nhảy nhót đã lùi lại một chút, nhưng chỉ một chút thôi, với một chút kính trọng đối với Barnes. Nhiều người trong số họ vẫn cứ nhìn tôi, có thể đang nghĩ chắc mình đã bỏ sót chuyện gì chẳng.

Tôi lắc đầu từ chối thuốc lá. “Hãy để tôi gặp cô ấy,” tôi nói. Bởi vì cô ấy đang đợi tôi.

Barnes quan sát tôi một lúc, rồi lại mỉm cười. Hắn đang thấy vui, thấy thoải mái và thư giãn. Trò chơi đã kết thúc, đối với hắn. Hắn nhìn sang bên trái.

“Chắc chắn rồi,” hắn nói.

Hắn đột ngột nhảy ra xa khỏi chiếc xe, làm cho tám kim loại ở cửa xe nổ bốp, và ra hiệu cho tôi đi theo. Cả một biển áo mặc chật căng và kính bọc đầu tẽ ra hai bên, chúng tôi bước đi chậm chậm tới chiếc Toyota màu xanh.

Ở bên phải chúng tôi, dưới một thanh chắn đường bằng thép, có những đôi truyền hình, những đoạn cáp quấn quanh chân họ, ánh sáng màu xanh trắng của họ chọc thủng phần còn lại của màn đêm. Vài ống kính dõi theo khi tôi bước đi, nhưng hầu hết thì vẫn chúc đầu về phía tòa nhà.

CNN dường như có được vị trí tốt nhất.

Murdah ra khỏi xe trước, trong khi Sarah chỉ ngồi đó đợi, dán mắt vào kính xe phía trước, hai tay ôm đùi. Chúng tôi chỉ còn cách cô vài mét thì cô quay người nhìn tôi, cố nở một nụ cười.

Em đang đợi anh, Thomas.

“Ông Lang,” Murdah nói, đi vòng qua xe, bước xen vào giữa tôi và Sarah. Ông ta mặc áo khoác xám sẫm màu, áo sơ mi không kèm cà vạt. Cái vẻ sáng lạn trên trán ông ta dường như đã mờ hơn một chút so với những gì tôi nhớ, và đã có thêm râu mọc trong khoảng vài giờ qua chĩa ra quanh cằm ông ta, còn lại thì nhìn ông ta vẫn ổn.

Tại sao lại không chứ?

Ông ta chăm chăm nhìn vào mặt tôi trong vài giây rồi khẽ gật đầu đầy thỏa mãn. Như thể tôi đã chẳng làm gì khác ngoài cắt tỉa cỏ nhà ông ta theo đúng chuẩn.

“Tốt,” cuối cùng ông ta nói.

Tôi nhìn lại ông ta. Một cái nhìn trống rỗng, bởi vì tôi không muốn cho ông ta bất cứ một thứ gì lúc này.

“Cái gì tốt?” Tôi hỏi.

Nhưng Murdah đang nhìn gì đó phía sau lưng tôi, đoạn ra dẫu, và tôi cảm nhận có sự di chuyển đằng sau.

“Gặp lại ông sau nhé, Tom,” Barnes nói.

Tôi quay lại thì thấy hắn đã bắt đầu rời đi, bước giật lùi chậm chậm theo kiểu thân mật, lỏng chân, tôi-sẽ-nhớ-anh. Khi mắt chúng tôi gặp nhau, hắn đưa tôi một lời chào mĩa mai nho nhỏ, rồi quay đầu bước thẳng tới chiếc xe jeep quân đội đỗ gần phía sau đồng nhón nháo xe cộ. Một người đàn ông tóc vàng mặc thường phục khởi động máy khi Barnes tới gần, rồi bấm còi hai lần để xua đám đông đang xúm trước đầu xe. Tôi quay lại nhìn Murdah.

Lúc này ông ta đang dò xét mặt tôi, gần hơn một chút, chuyên nghiệp hơn một chút, như một bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ.

“Cái gì tốt?” Tôi hỏi lại, và chờ đợi trong khi câu trả lời của tôi bay qua khoảng không gian bất tận giữa hai thế giới.

“Anh đã làm đúng như tôi mong muốn,” cuối cùng thì Murdah nói. “Như tôi đã dự đoán.”

Ông ta lại gật đầu. Một chút thừa ở chỗ này, một chút gấp ở chỗ kia - đúng, tôi nghĩ tôi có thể làm gì đó với khuôn mặt này.

“Một vài người, ông Lang ạ,” ông ta tiếp tục, “một vài người bạn của tôi, đã nói với tôi rằng ông có thể sẽ rắc rối lắm. Ông có thể sẽ bất kham và phản thù.” Ông ta hít một hơi dài hơn. “Nhưng tôi đã đúng. Và điều đó thật tốt.”

Và rồi, vẫn nhìn vào mặt tôi, ông ta bước sang một bên, mở cửa ghế khách của chiếc Toyota.

Tôi nhìn Sarah xoay người chậm chậm trên ghế và bước ra ngoài. Cô đứng thẳng lên, hai tay bắt chéo phía trước như để giữ ấm trước cái lạnh lúc bình minh, và ngẩng mặt nhìn tôi.

Chúng tôi đang ở rất gần.

“Thomas,” cô nói, và trong một giây tôi đã cho phép mình đắm chìm vào trong đôi mắt đó, thật sâu, và chạm vào bất cứ thứ gì trong đó đã đưa tôi đến đây. Tôi không bao giờ quên được cái hôn đó.

“Sarah,” tôi nói.

Tôi với tay ra vòng quanh người cô - che chắn cô, bao bọc lấy cô, che giấu cô khỏi tất cả mọi thứ và tất cả mọi người - nhưng cô chỉ đứng đó, giữ hai tay phía trước.

Bởi thế tôi thu tay phải về phía mình, luồn nó vào giữa cơ thể hai chúng tôi, giữa bụng chúng tôi, sờ soạng, kiếm tìm một điểm tiếp xúc.

Tôi đã sờ thấy nó. Nắm lấy nó. “Tạm biệt,” tôi thì thầm.

Cô nhìn tôi.

“Tạm biệt,” cô nói.

Khối kim loại còn hơi ấm của thân thể cô.

Tôi để cô đi, và quay lại, chậm chậm, đối diện Murdah.

Ông ta đang nhỏ nhẹ nói chuyện trên điện thoại di động, nhìn lại tôi và cười, đầu ông ta hơi nghiêng về một bên. Và khi thấy biểu hiện của tôi, ông ta biết rằng có gì đó không ổn. Ông ta liếc xuống tay tôi, và nụ cười vụt xa khỏi khuôn mặt ông ta giống như màu cam trên một chiếc xe đua tốc độ.

“Chúa ơi,” một giọng nói từ phía sau lưng tôi, và tôi cho rằng nó có nghĩa là ai đó hẳn cũng đã nhìn thấy khẩu súng. Tôi không chắc, bởi vì tôi đang trừng trừng nhìn vào mắt Murdah.

“Kết thúc rồi,” tôi nói.

Murdah nhìn lại tôi, cái di động đã rũ xuống khỏi miệng ông ta.

“Mọi việc đã kết thúc,” tôi nói lại.

“Ông... ông đang nói cái gì thế?” Ông ta nói.

Murdah đứng đó nhìn khẩu súng, và sự nhận biết về khẩu súng, về vẻ đẹp của cái hoạt cảnh nho nhỏ giữa chúng tôi, làm cho gợn sóng lan tỏa trên biển người áo chật.

“Câu ngạn ngữ là,” tôi nói, “áp chế cường quyền.”

Hai mươi Sáu

Mặt trời đội mũ lên rồi, Hoan hô, hoan hô, hoan hô

L. ARTHUR ROSE VÀ DOUGLAS FURBER

Giờ chúng tôi đã về lại nóc tòa lãnh sự. Nói thế để anh tiện theo dõi.

Mặt trời đã lấp ló phía chân trời, làm những lớp màu đen tan thành những dải trắng nhợt, và tôi tự nhủ, nếu như có quyền quyết định, tôi sẽ gọi trực thăng vào lúc này. Mặt trời thật mạnh mẽ, thật chói lọi và đang tuyệt vọng che giấu, không cho tôi biết rằng trực thăng có lẽ đã có mặt ở đó rồi - có thể có tới năm chục chiếc đang quần đảo khoảng hai chục mét phía trên đầu tôi, đang xem tôi dỡ hai gói giấy dầu màu nâu.

Có điều, tất nhiên là tôi nghe thấy chúng. Hy vọng thế.

“Ông muốn gì?” Murdah hỏi.

Ông ta đang ở đằng sau tôi, có lẽ khoảng sáu mét. Tôi đã còng ông ta vào lối thoát cứu hỏa trong khi làm các việc lật vật của mình, và có vẻ ông ta không thích điều đó cho lắm. Xem ra ông ta đang bối rối.

“Ông muốn cái gì?” Ông ta gào lên.

Tôi không trả lời, bởi thế ông ta tiếp tục gào lên. Không phải gào những từ rõ ràng. Hoặc ít nhất là tôi không nhận ra bất cứ từ nào trong đó. Tôi huyết sáo vài nốt gì đó để át cái âm thanh ấy đi, và tiếp tục gắn ghim A vào lỗ B, trong khi chắc chắn rằng cấp C không làm nghẽn giá D.

“Điều tôi muốn là để cho ông được thấy nó tới,” cuối cùng tôi nói. “Thế thôi.”

Giờ tôi quay lại nhìn ông ta, để xem ông ta cảm thấy tệ đến mức nào. Rất tệ, và tôi không thấy mình phiền lắm vì điều đó.

“Ông điên rồi,” ông ta hét lên, giật mạnh cổ tay. “Tôi ở đây. Ông thấy không?” Ông ta cười, hoặc gần như cười, bởi vì ông ta không thể tin được tôi ngu ngốc đến thế. “Tôi ở đây. Sau Đại học sẽ không tới, bởi vì tôi đang ở đây.”

Tôi quay đi, nheo mắt nhìn bức tường thấp của ánh sáng mặt trời.

“Tôi hy vọng thế, Naimh,” tôi nói. “Tôi thực sự hy vọng thế. Tôi hy vọng ông vẫn còn hơn một phiếu nữa.”

Có một khoảng lặng. Và khi quay lại phía ông ta, tôi thấy nét xán lạn trên khuôn mặt đó đã gấp lại thành một cái cau mày.

“Phiếu,” cuối cùng ông ta nói, với giọng nhỏ nhẹ. “Phiếu,” tôi nhắc lại.

Murdah nhìn tôi một cách cẩn trọng. “Tôi không hiểu ông,” ông ta nói.

Bởi thế tôi hít một hơi sâu, và cố gắng diễn giải cho ông ta. “Ông không phải là một tay buôn vũ khí, Naimh,” tôi nói. “Không còn là thế nữa. Tôi đã tước đi cái đặc quyền đó của ông. Vì những tội lỗi của ông. Ông không giàu, không còn quyền lực, không còn quan hệ, và không còn là thành viên của Garrick.” Điều đó không làm ông ta mảy may quan tâm, nên có lẽ ông ta chưa bao giờ là thành viên của Garrick cũng nên. “Tất cả những gì của ông, lúc này, chỉ là một con người. Cũng giống như tất cả chúng tôi. Và, là một con người, ông có một phiếu bầu. Đôi khi thậm chí còn không có nữa kia.”

Ông ta nghĩ một cách cẩn trọng trước khi trả lời. Ông ta biết rằng tôi đang điên, nên phải nhẹ nhàng với tôi.

“Tôi không biết ông đang nói gì,” ông ta nói.

“Có chứ, ông biết đấy,” tôi nói. “Ông chỉ không biết rằng liệu tôi có biết điều tôi đang nói hay không thôi.” Mặt trời đã nhô lên cao hơn một chút, đang nhón chân để nhìn chúng tôi rõ hơn. “Tôi đang nói về hai mươi sáu người sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ thành công của Sau Đại học, và hàng trăm, có thể hàng ngàn người khác sẽ được hưởng lợi gián tiếp. Những người đã làm việc, đã vận động hành lang, đã đút lót, đã đe dọa, thậm chí giết chóc, chỉ để đạt đến bước này. Bọn họ cũng có phiếu bầu. Lúc này Barnes đang nói với họ, yêu cầu họ cho một câu trả lời có hay không, và ai biết con số kết quả là bao nhiêu?”

Murdah bất động. Mắt ông ta mở to còn miệng há ra, như thể không thích lắm với mùi vị món gì đó. “Hai mươi sáu,” ông ta nói, rất khẽ khàng. “Làm sao mà ông biết được là hai mươi sáu. Sao ông biết được chuyện này?”

Tôi làm vẻ mặt nhún nhường.

“Tôi từng là phóng viên tài chính,” tôi nói. “Trong vòng một giờ. Một người ở Smeets Velde Kerplein đã lần theo dòng tiền ông gửi cho tôi. Và nói cho tôi biết rất nhiều thứ.”

Ông ta cup mắt xuống, tập trung cao độ. Não bộ ông ta đã đưa ông ta đến đây, giờ nó phải tìm cách cho ông ta thoát.

“Tất nhiên,” tôi nói, ép ông ta vào quỹ đạo, “ông có thể đúng. Có thể cả hai mươi sáu người sẽ cùng hợp lại, hủy nó đi, loại bỏ nó, nói thế nào cũng được. Tôi không muốn đặt cược mạng mình vì nó.”

Tôi ngừng một chút, bởi vì tôi cảm thấy, theo cách này hay cách khác, tôi có quyền làm điều đó.

“Nhưng tôi rất vui lòng đặt cược mạng ông,” tôi nói.

Điều này làm ông ta chấn động. Nó hất văng ông ta khỏi trạng thái dẫn dờ.

“Ông điên à,” ông ta gào lên. “Ông có biết không? Ông có biết ông bị điên không?”

“Được,” tôi nói. “Thế hãy gọi cho họ. Gọi Barnes, bảo ông ta dừng lại. Ông đang ở trên mái nhà với một thằng điên, và bữa tiệc đã kết thúc. Dừng lá phiếu duy nhất của ông đi.”

Ông ta lắc đầu.

“Họ sẽ không tới đâu,” ông ta nói. Và rồi, bằng giọng nhỏ hơn nhiều, “Họ sẽ không tới, bởi vì tôi ở đây.”

Tôi nhún vai, bởi vì đó là tất cả những gì tôi nghĩ được. Tôi cảm thấy rất muốn nhún vai vào lúc này. Kiểu tôi thường cảm thấy trước khi nhảy dù.

“Nói tôi nghe ông muốn gì,” Murdah đột ngột gào lên, và bắt đầu khua lách cách cái cùm tay vào ống sắt của đường thoát hỏa hoạn. Khi nhìn lại, tôi thấy máu ướt đỏ tươi trên cổ tay ông ta.

Thật là ái ngại.

“Tôi muốn ngắm mặt trời mọc,” tôi nói.

Francisco, Cyrus, Latifa, Bernhard và Benjamin khốn kiếp đã nhập cuộc với chúng tôi ở mái nhà trên này, bởi vì dường như đây là chỗ cho những người thú vị tụ tập lúc này. Họ sợ hãi và lúng túng theo những mức khác nhau, không thể nắm bắt điều gì đang xảy ra; họ đã lạc mất vị trí của mình trong kịch bản, và đang hy vọng có ai đó sẽ mau chóng gọi với ra nói cho họ biết họ đang ở trang mấy.

Benjamin, không cần phải nói, đã làm điều tốt nhất là cố đầu độc những người khác chống lại tôi. Nhưng cái tốt nhất đó của anh ta không còn phát huy tác dụng vào lúc bọn họ thấy tôi đang quay trở lại tòa lãnh sự, tay gi súng vào gáy Murdah. Họ thấy điều đó rất lạ. Kỳ quặc. Không nhất quán với giả thuyết Phản Bội của Benjamin.

Bởi thế giờ đây họ đang đứng trước tôi, mắt liếc nhìn từ tôi sang Murdah; họ đang đánh hơi ngọn gió, trong khi Benjamin run rẩy căng thẳng vì ban nãy đã không bắn tôi.

“Ricky, cái quái gì đang xảy ra ở đây thế?” Francisco nói.

Tôi chậm chậm đứng dậy, cảm thấy tiếng rạn nơi đầu gối, và bước lùi lại để ngắm nghía thành quả lao động của mình.

Rồi tôi quay ra xa, vẫy tay về hướng Murdah. Tôi đã tập bài diễn thuyết này vài lần, và tôi nghĩ tôi đã tập ôn gần hết bài. “Người này,” tôi nói với bọn họ, “từng là một lái buôn vũ khí.” Tôi lại gần đường thoát hỏa hoạn hơn một chút bởi vì muốn tất cả mọi người đều có thể nghe rõ tôi. “Tên ông ta là Naimh Murdah, ông ta là người đứng đầu bảy công ty riêng lẻ, và là cổ đông chính trong bốn mươi một công ty khác. Ông ta có nhà ở Luân Đôn, New York, California, miền Nam nước Pháp, phía Tây Scotland, phía Bắc của bất cứ chỗ nào và nhà nào cũng có bể bơi. Ông ta có thu nhập ròng hơn một tỷ đô la một chút,” nói đến đây tôi quay lại nhìn Murdah, “đó hẳn là một khoảnh khắc rất lý thú nhỉ, Naimh. Thật là một ngày ngọt ngào, tôi có thể tưởng tượng được.” Tôi quay lại với các khán giả của mình. “Quan trọng hơn, từ góc độ của chúng ta, ông ta là chủ sở hữu hơn chín mươi tài khoản ngân hàng riêng rẽ, một trong số đó đã trả lương cho chúng ta trong sáu tháng vừa rồi.”

Dường như không có ai sẵn sàng tham gia, nên tôi táo bạo tấn tới.

“Đây là người đã thai nghén, tổ chức, cung cấp trang bị và tài chính cho Lưỡi gươm Công lý.”

Ngừng lại một chút.

Chỉ có Latifa tạo ra tiếng động ; một tiếng khịt nhỏ như không tin, hay sợ hãi, hay giận dữ. Còn lại thì bọn họ đều im lặng.

Họ nhìn Murdah một lúc lâu, tôi cũng thế. Tôi nhận ra rằng giờ đây ông ta còn có cả máu trên cổ - có lẽ tôi đã hơi mạnh tay quá khi đưa ông ta lên cầu thang - nhưng ngoại trừ điều đó, nhìn ông ta vẫn ổn. Tại sao lại không chứ?

“Nhảm nhí,” cuối cùng Latifa nói.

“Đúng thế,” tôi nói. “Nhảm nhí. Ông Murdah, thật nhảm nhí. Ông có đồng tình thế không?”

Murdah nhìn lại chúng tôi, cố gắng một cách tuyệt vọng để xem trong chúng tôi đứa nào ít điên nhất.

“Ông có đồng tình thế không?” Tôi hỏi lại.

“Chúng ta là một lực lượng cách mạng,” đột nhiên Cyrus nói, khiến tôi nhìn sang Francisco - bởi vì thực ra nói điều đó là việc của anh ta. Nhưng Francisco cau mày, nhìn quanh, và tôi biết anh ta đang nghĩ về sự khác biệt giữa bản kế hoạch hành động và hành động thực tế. Không giống sách giáo khoa tí nào, đó là điều Francisco đang phàn nàn.

“Tất nhiên đó là chúng ta,” tôi nói. “Chúng ta là một lực lượng cách mạng, với một nhà tài trợ thương mại. Thế thôi. Người này,” tôi trở tay vào Murdah sao cho càng kịch tính càng hay, “đã dựng các anh lên, đã dựng chúng ta lên, đã dựng cả thế giới lên, để mua vũ khí của ông ta.” Họ dịch người một chút. “Đó gọi là tiếp thị. Tạo ra nhu cầu cho một sản phẩm, ở một nơi vốn chỉ có hoa thủy tiên mọc. Đó là điều người này làm.”

Tôi quay đầu nhìn người này, hy vọng ông ta sẽ dự vào mà nói rằng đúng, toàn bộ điều này là sự thật, mỗi một lời trong đó đều là sự thật. Nhưng Murdah có vẻ như không muốn nói, và thay vào đó chúng tôi im lặng một lúc lâu. Rất nhiều suy nghĩ của Da Nâu đang chạy rần rần, va chạm với nhau.

“Vũ khí,” cuối cùng Francisco lên tiếng. Giọng anh ta nhỏ và nhẹ, nghe như đang gọi từ cách xa hàng dặm. “Vũ khí gì?”

Nó đó. Cái giây phút mà tôi phải làm cho họ hiểu. Và tin. “Một chiếc trực thăng,” tôi nói, và tất cả bọn họ giờ đang nhìn tôi. Cả Murdah nữa. “Họ sẽ phải một chiếc trực thăng tới đây để giết chúng ta.”

Murdah hắng giọng.

“Nó sẽ không tới,” ông ta nói, và tôi không chắc ông ta đang cố thuyết phục tôi hay thuyết phục bản thân mình. “Tôi ở đây, và nó sẽ không tới.”

Tôi quay lại với những người khác.

“Kể từ giờ, bất cứ lúc nào,” tôi nói, “một chiếc trực thăng cũng có thể xuất hiện, từ hướng đó.” Tôi chỉ về phía mặt trời, và nhận ra rằng Bernhard là người duy nhất quay lại nhìn. Còn lại bọn họ vẫn đang nhìn tôi. “Một chiếc trực thăng nhỏ hơn, nhanh hơn, được trang bị vũ khí tối tân hơn bất cứ loại nào các vị từng được thấy trong đời. Nó sẽ tới đây, rất mau thôi, sẽ hốt tất cả chúng ta ra khỏi mái nhà này. Có thể nó cũng hốt luôn cả cái mái, và hai tầng tiếp theo nữa, bởi vì nó là một thứ máy móc có sức mạnh không tưởng tượng được.”

Một chút im lặng, vài người trong số họ nhìn xuống dưới chân. Benjamin mở miệng để nói gì đó, hoặc nhiều khả năng hơn là gào lên gì đó, nhưng Francisco chìa một tay ra đặt lên vai Benjamin. Rồi nhìn tôi.

“Chúng tôi biết họ đang gửi trực thăng tới, Rick,” anh ta nói. Chu choa!

Nghe không ổn lắm. Nghe không ổn tí tẹo nào. Tôi nhìn một vòng những khuôn mặt khác, và khi tôi nhìn vào mặt Benjamin, anh ta không thể kiềm chế thêm nữa.

“Mày không thấy à, thằng khốn kiếp?” Anh ta gào lên, và gần như đang cười, anh ta căm ghét tôi quá đỗi. “Chúng tao đã thành công.” Anh ta bắt

đầu nhảy lên nhảy xuống ngay tại chỗ, và tôi thấy mũi anh ta lại bắt đầu chảy máu. “Chúng tao đã thành công, và sự phản bội của mày chẳng để làm gì.”

Tôi nhìn lại Francisco.

“Họ đã gọi cho chúng tôi, Rick,” anh ta nói. Giọng anh ta vẫn nhẹ nhàng và xa xôi. “Mười phút trước đây.”

“Sao cơ?” Tôi nói.

Giờ tất cả bọn họ đều đang nhìn tôi, trong khi Francisco nói. “Họ sẽ gửi một trực thăng tới,” anh ta nói. “Để đưa chúng ta tới sân bay.” Anh ta thở dài một tiếng, vai chùng xuống một chút. “Chúng ta đã thắng rồi.”

Ôi, mẹ kiếp, tôi tự nhủ.

Thế là chúng tôi đứng đây, trong một hoang mạc bê tông, với một vài lỗ thoát gió điều hòa nhiệt độ dựng đứng như những cây cọ, trong khi chờ đợi cuộc sống hoặc cái chết. Một nơi dưới ánh mặt trời, hay là một nơi tăm tối.

Tôi phải nói lúc này. Tôi đã thử một vài lần để bọn họ chú ý nghe lời tôi, nhưng có vài cuộc nói chuyện ngu ngốc, vớ vẩn giữa các đồng đội về việc vớt tôi ra khỏi mái nhà, nên tôi lại thôi. Nhưng giờ, mặt trời thật hoàn hảo. Thượng đế đã cúi xuống, đặt mặt trời lên để đỡ bóng gôn, và lúc này Ngài đang lục lọi túi đựng gậy của Ngài để tìm gậy phát bóng. Đây là thời điểm hoàn hảo, nên tôi phải nói lúc này.

“Thế điều gì đang xảy ra?” tôi hỏi.

Không ai trả lời, bởi vì đơn giản là không ai có thể trả lời. Tất cả chúng tôi biết điều chúng tôi muốn xảy ra, tất nhiên rồi, nhưng mong muốn không thôi thì không còn đủ nữa. Giữa ý tưởng và hiện thực có bóng tối ngăn cách. Tôi rút vài quân bài từ tất cả bốn phần bài. Nghiên cứu chúng.

“Chúng ta sẽ chỉ đứng loanh quanh đây, phải thế không?” “Câm cái mồm đi,” Benjamin nói.

Tôi không chấp anh ta. Tôi phải nói.

“Chúng ta đợi ở đây, trên mái nhà, chờ một chiếc trục thẳng. Họ bảo vậy sao?” Vẫn không có ai trả lời. “Có khả năng nào là họ đã gợi ý chúng ta xếp hàng chờ ở đây, với những vòng tròn sáng da cam bọc xung quanh chúng ta?” Im lặng. “Ý tôi là, tôi chỉ băn khoăn không biết ta có thể làm gì để cho chuyện này dễ dàng hơn đối với họ.”

Tôi hướng hầu hết điều này về phía Bernhard, bởi vì tôi có cảm giác anh ta là người duy nhất không chắc chắn. Những người còn lại trong bọn họ đã bám lấy cọng rơm. Họ phấn khích, hy vọng, bận rộn quyết định xem liệu họ có được ngồi cạnh cửa sổ hay không, liệu có đủ thời gian để mua hàng miễn thuế không - nhưng, giống như tôi, Bernhard đã thi thoảng quay nhìn, nheo mắt về phía mặt trời, và có lẽ anh ta cũng nghĩ đây là thời điểm tốt để tấn công ai đó. Đây là thời điểm hoàn hảo, và Bernhard cảm thấy dễ bị tấn công ở nơi đây, trên nóc nhà.

Tôi quay về Murdah. “Nói với họ đi,” tôi nói.

Ông ta lắc đầu. Không phải từ chối. Chỉ là bối rối, và sợ hãi, và một vài thứ khác. Tôi bước vài bước về phía ông ta, làm cho Benjamin đột ngột nâng khẩu Steyr lên.

Tôi vẫn phải bước tới.

“Hãy bảo họ rằng điều tôi nói là đúng,” tôi nói. “Nói với họ ông là ai.”

Murdah nhắm mắt lại một lúc, rồi mở ra. Có lẽ ông ta hy vọng nhìn thấy một bãi cỏ được cắt tỉa gọn ghẽ và những người phục vụ mặc áo khoác trắng, hoặc cái trần phòng ngủ của ông ta; khi nhận ra tất cả những gì trước

mắt là một dùm người bản thủ, đói khát, sợ sệt tay cầm súng, ông ta sụp người vào cái tay vịn.

“Ông biết là tôi đúng,” tôi nói. “Chiếc trục thẳng đó tới đây, ông biết là vì cái gì. Nó sẽ làm gì. Ông phải nói với họ.” Tôi bước thêm vài bước. “Nói với họ những gì đã xảy ra, tại sao họ sắp bị giết. Hãy dùng lá phiếu của ông.”

Nhưng Murdah đã kiệt sức. Cầm ông ta gục xuống ngực, mắt lại nhắm.

“Murdah...” Tôi nói, rồi dừng lại, bởi vì có ai đó vừa mới suyt một tiếng ngắn. Đó là Bernhard, và anh ta đang đứng bất động, đang nhìn xuống dưới mái, đầu nghiêng về một bên.

“Tôi nghe thấy nó,” anh ta nói.

Không ai dịch chuyển. Chúng tôi bị đóng băng.

Rồi tôi cũng nghe thấy. Và rồi Latifa, và rồi Francisco. Một con ruồi bay xa xa, trong một cái lọ xa xa.

Murdah hoặc đã nghe thấy, hoặc đã tin là tất cả những người còn lại đã nghe thấy. Cầm ông ta đã nâng khỏi ngực, mắt đã mở to ra.

Nhưng tôi không thể chờ ông ta. Tôi bước lại góc lan can.

“Anh đang làm gì thế?” Francisco nói. “Nó sẽ giết chết chúng ta,” tôi nói. “Nó tới đây để cứu chúng ta, Ricky.” “Giết chúng ta, Francisco.”

“Thằng chó chết,” Benjamin gào lên. “Mày đang làm cái quái gì thế?”

Tất cả bọn họ giờ đang nhìn tôi. Vừa nghe vừa nhìn. Bởi vì tôi đã với xuống cái nút thắt của bọc giấy dầu màu nâu, phơi ra các món châu báu nằm trong đó.

Loại Javelin do Anh quốc sản xuất là một hệ thống tên lửa cá nhân đất đối không gọn nhẹ, siêu thanh. Nó có một động cơ tên lửa đẩy hai tầng, dùng nhiên liệu rắn, tầm bắn hiệu quả từ năm tới sáu ki lô mét, nặng hơn hai mươi bảy cân, và có thể chọn bất cứ màu nào bạn muốn, cho nên màu xanh ô liu cũng vậy.

Hệ thống được tạo bởi hai khối thuận tiện, khối đầu tiên là một bộ phóng khép kín chứa quả tên lửa, khối thứ hai là hệ thống dẫn đường bán tự động, chứa rất nhiều điện tử cực nhỏ, cực thông minh và cực đắt tiền. Một khi đã được dựng lên, cái Javelin sẽ có khả năng thực hiện nhiệm vụ của nó tốt tốt bậc.

Nó dành để bắn hạ trực thăng.

Đó là lý do tại sao tôi yêu cầu có nó, anh thấy đấy. Bob Rayner sẽ mua cho tôi một cái ấm pha trà, một cái máy sấy tóc, hay một con BMW mui trần, nếu như tôi trả tiền hợp lý.

Nhưng tôi nói “không, Bob. Bỏ những thứ cám dỗ ấy đi. Tôi muốn một món đồ chơi lớn. Tôi muốn một cái Javelin.”

Cái mô hình cụ thể này, theo lời Bob, đã ngã vào thùng một chiếc xe tải đang rời khỏi kho hàng của Hậu cần Quân đội gần Colchester. Anh có thể tự hỏi làm sao mà chuyện như thế lại có thể xảy ra trong thế giới hiện đại, khi người ta có kiểm tra bằng máy vi tính, có hóa đơn có biên nhận, có lính gác cầm súng đứng ở các cổng ra vào - nhưng hãy tin tôi, quân đội cũng không khác siêu thị Harrods là mấy đâu. Hàng hóa bị co ngót bớt là chuyện thường như cơm bữa.

Chiếc Javelin đã được cẩn thận dỡ ra khỏi thùng xe bởi một vài người bạn của Rayner, họ chuyển nó xuống dưới sàn một chiếc xe buýt nhỏ hiệu VW, nơi nó nằm suốt chặng đường một ngàn hai trăm dặm tới Tangier, tạ ơn Chúa.

Tôi không biết liệu đôi vợ chồng lái chiếc xe có biết nó nằm ở đó hay không. Tôi chỉ biết rằng họ là người New Zealand.

“Mày bỏ cái đó xuống,” Benjamin gào to. “Nếu không thì sao?” tôi nói.

“Tôi sẽ giết mày,” anh ta hét lên, dịch lại gần hơn mép mái nhà.

Ngừng lại một chút, và không gian tràn ngập tiếng vo ve. Con ruồi trong lọ đang nổi giận.

“Tôi không quan tâm,” tôi nói. “Tôi không quan tâm. Nếu bỏ thứ này xuống thì đằng nào tôi cũng chết. Bởi thế tôi cứ chơi với nó, cảm ơn.”

“Cisco,” Benjamin gọi trong tuyệt vọng. “Chúng ta đã thắng. Anh nói chúng ta đã thắng.” Không ai trả lời anh ta, bởi thế Benjamin lại bắt đầu nhảy lên nhảy xuống. “Nếu như hắn ta bắn cái trục thẳng, họ sẽ giết chúng ta.”

Giờ đã có thêm nhiều tiếng la hét. Nhiều hơn nhiều. Nhưng càng khó mà nói được tiếng la hét tới từ đâu, bởi tiếng vo vo giờ đây đã dần dần chuyển thành tiếng lách cách. Tiếng lách cách từ phía mặt trời.

“Ricky,” Francisco nói, và tôi nhận ra anh ta đang đứng ngay đằng sau tôi. “Anh bỏ cái đó xuống.”

“Nó sẽ giết chúng ta, Francisco,” tôi nói.

“Bỏ nó xuống, Ricky. Tôi đếm tới năm. Anh bỏ nó xuống, không tôi bắn anh. Không giỡn chơi đâu.”

Và tôi nghĩ anh ta thực sự không giỡn chơi. Tôi nghĩ anh ta thực bụng tin rằng cái âm thanh này, cái tiếng đập cánh này, là Ôn Huệ, không phải là Chết Chóc. “Một,” anh ta nói.

“Tùy thuộc vào ông đấy, Naimh,” tôi nói, chỉnh mắt tôi vào cái vòng cao su. “Nói với họ sự thật ngay bây giờ. Nói với họ cái máy này là gì, và nó sẽ làm gì.”

“Hắn sẽ giết chúng ta mất,” Benjamin gào lên, và hình như tôi có thể thấy anh ta nhảy chồm chồm đầu đó bên trái tôi.

“Hai,” Francisco nói. Tôi bật hệ thống dẫn đường lên. Tiếng vo vo đã biến mất, bị chìm xuống bởi tần số thấp hơn của âm thanh từ chiếc trực thăng. Những nốt trầm. Tiếng vỗ cánh. “Nói với họ, Naimh. Nếu họ bắn tôi, tất cả mọi người sẽ chết. Nói với họ sự thật.”

Mặt trời đã trùm ánh sáng khắp bầu trời, trông rộng và nhân tâm. Chỉ có mặt trời và tiếng lách cách.

“Ba,” Francisco nói, và đột nhiên có thứ kim loại gì sau tai trái tôi. Có thể đó là một cái thìa, nhưng tôi không nghĩ thế.

“Có hay không, Naimh? Nó là cái gì?” “Bốn,” Francisco nói.

Âm thanh giờ đã lớn. Lớn như mặt trời. “Bắn nó đi,” Francisco nói.

Nhưng đó không phải là Francisco. Đó là Murdah. Và không phải ông ta đang nói, mà ông ta đang rống lên. Đang điên lên. Đang xé thịt ra ở chỗ cái còng tay, đang chảy máu, đang gào thét, đang quấy đạp, đá chân đến kiệt lực trên mái nhà. Và giờ tôi nghĩ Francisco đã bắt đầu thét lại ông ta, bảo ông ta im mồm đi, trong khi Bernhard và Latifa đang thét nhau, hay là thét tôi.

Tôi nghĩ, nhưng không chắc lắm. Rằng tất cả bọn họ đã bắt đầu biến mất, anh hiểu không. Biến dần đi, để lại tôi trong một thế giới rất tĩnh lặng.

Bởi vì giờ tôi có thể nhìn thấy nó.

Nhỏ, màu đen, nhanh. Như là con bọ trong kính ngắm.

Sau Đại học.

Tên lửa Hydra. Tên lửa không đối đất Hellfire. Súng.50. Hơn trăm cây số một giờ, nếu cần. Chỉ có một cơ hội.

Nó sẽ tới lấy mục tiêu. Nó chẳng có gì phải sợ chúng tôi. Một lũ khủng bố điên loạn ôm súng tự động, lố nhố ở xa. Chẳng bắn trúng nổi cửa một cái kho thóc.

Trong khi, chỉ cần bấm một nút, Sau Đại học sẽ làm bay một phòng ra khỏi tòa nhà.

Chỉ một cơ hội thôi.

Mặt trời chết tiệt. Sáng chói mắt tôi, làm nhòe hình ảnh trong ống ngắm.

Nước mắt bắt đầu túa ra khỏi mắt tôi vì độ sáng của hình ảnh, nhưng tôi vẫn giữ cho mắt mở.

Bỏ nó xuống, Benjamin đang nói. Đang gào vào tai tôi, từ cách xa hàng ngàn dặm. Bỏ nó xuống.

Chúa ơi, nó nhanh quá. Nó bay cao dọc phía trên mái nhà, có thể khoảng hơn tám trăm mét.

Thằng khốn kiếp chó chết.

Cổ tôi lạnh và cứng. Ai đó hẳn nhiên đang cố dẫn tôi xuống. Ấn họng súng vào cổ tôi.

Tao sẽ bắn chết mày, Benjamin gào lên.

Bỏ nắp đây an toàn, gạt cò xuống. Javelin của các ngài giờ đã được lên nòng, thưa quý ông.

Tập trung vào cú bắn. Bỏ nó xuống.

Mái nhà nổ tung. Vỡ bung ra. Và rồi, chưa đầy một giây sau là tiếng đại bác nổ. Một tiếng nổ kinh hoàng chói tai, rung người. Những mảnh đá văng tung tóe từ phía dưới và từ hai bên, mỗi mảnh trong đó cũng giết chóc như chính những quả đạn đã tạo ra chúng. Khói bụi, dữ dội và hủy diệt. Tôi chớp mắt quay đi, nước mắt chảy xuống mặt tôi khi mặt trời đã buông tha tôi.

Nó đã bay vượt qua lần đầu tiên. Một tốc độ khó tin. Nhanh hơn bất cứ thứ gì tôi từng thấy, một chiến binh hoàn hảo. Và vòng cua của nó thì không tưởng. Chỉ là chống cùi tay xuống và quay. Bay thẳng đường này, quay, bay ngược lại. Không có gì thừa cả.

Tôi có thể ngửi thấy mùi khói từ ống xả của nó.

Tôi lại nâng cái Javelin lên lần nữa, và trong khi làm vậy tôi thấy đầu và vai Benjamin nằm cách nhau chừng mười mét. Phần còn lại của anh ta, trời mà biết ở đâu.

Francisco lại đang gào lên với tôi, nhưng lần này bằng tiếng Tây Ban Nha, và tôi sẽ không bao giờ biết anh ta gào cái gì.

Nó đang tới. Còn hơn bốn trăm mét.

Và lần này thực sự tôi có thể nhìn thấy nó.

Mặt trời giờ đang ở phía sau tôi, đang vươn lên, đang bắt tốc độ, chiếu hết công suất vào cái cục màu đen đầy cảm thù đang lao đến phía tôi.

Chữ thập đầu ruồi. Một chấm đen.

Cứ bay thẳng. Không phải lẩn tránh. Có gì phải lo nào? Một lũ khủng bố điên cuồng, chẳng có gì phải sợ chúng cả.

Tôi có thể nhìn thấy mặt viên phi công lúc này. Không phải trong ống ngắm, mà trong tâm trí. Từ lúc nó bay qua lần đầu tiên, hình ảnh gương mặt viên phi công đã xuất hiện trong tâm trí tôi.

Đi nào.

Tôi kéo cò, phóng điện bộ pin nhiệt, và giữ cho mình khỏi ngã vì động cơ tăng một đã xô tôi vào góc tường bằng sức mạnh của cú phóng tên lửa.

Newton, tôi nghĩ.

Đang tiến tới. Vẫn cực nhanh, nhanh hơn mọi thứ, nhưng giờ ta đã có thể thấy người.

Ta có thể thấy người, đồ chó chết.

Động cơ đẩy tầng hai đã kích hỏa, đẩy chiếc Javelin phóng lên, hăm hở và mãnh liệt. Hãy để mãnh thú nhìn thấy con mồi. Hãy để sói nhìn thấy thỏ.

Tôi chỉ giữ nó. Đó là tất cả những gì tôi cần làm. Giữ nó thẳng vào đầu ruồi.

Camera ở bộ phận định hướng sẽ theo dõi đuôi lửa của quả tên lửa, so sánh nó với tín hiệu từ trong ống ngắm - nếu có sai lệch nào thì sẽ có một tín hiệu chỉnh sửa được gửi tới tên lửa.

Và những gì tôi cần làm là giữ nó trong kính ngắm. Hai giây.

Một giây.

Má của Latifa bị một mảnh vữa cửa phải và đang chảy máu rất dữ.

Chúng tôi ngồi trong văn phòng của Beamon, và tôi đang cố cầm máu vết thương bằng một chiếc khăn, trong khi Beamon canh cho chúng tôi bằng khẩu Steyr của Hugo. Một vài con tin khác cũng đã tìm được vũ khí và họ

đang tản ra khắp phòng, lo lắng nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi nhìn quanh phòng, nhìn các khuôn mặt đang lo lắng, và đột nhiên cảm thấy kiệt sức. Và đói. Đói đến chết đi được.

Có vài tiếng động từ phía hành lang. Những tiếng bước chân. Những tiếng gọi bằng tiếng Ả-rập, tiếng Pháp, và giờ là tiếng Anh.

“Ông mở to lên một chút, được chứ?” Tôi nói với Beamon. Ông ta liếc ra sau về phía cái ti vi, nơi một phụ nữ tóc vàng đang mấp máy nói gì đó với chúng tôi. Dòng chữ phía dưới ghi

“Connie Fairfax - Casablanca”. Cô ta đang đọc gì đó.

Beamon bước tới vặn âm lượng lên. Connie có giọng thật dễ nghe.

Latifa có khuôn mặt đẹp. Máu từ vết thương của cô đã bắt đầu đông lại.

“... được chuyển cho CNN ba giờ trước đây, bởi một phụ nữ trẻ có vẻ là người Ả-rập,” Connie nói, và hình ảnh chuyển tới cảnh một chiếc trực thăng nhỏ, màu đen, có vẻ đang ở trong tình trạng hết sức khó khăn. Connie vẫn tiếp tục đọc.

“Tôi là Thomas Lang,” cô ta nói. “Tôi đã bị các quan chức tình báo Mỹ ép buộc tham gia hoạt động này, bề ngoài là thâm nhập vào một tổ chức khủng bố, Lưỡi gươm Công lý.” Hình ảnh chuyển lại Connie trong khi cô ta ngược lên và ép tay vào tai nghe.

Một giọng đàn ông nói: “Connie, có phải đó chính là nhóm chịu trách nhiệm cho vụ ám sát ở Áo không?”

Connie nói đúng, đúng quá đi ấy chứ. Chỉ có điều là ở Thụy Sĩ.

Rồi cô ta nhìn xuống mảnh giấy.

“Lưỡi gươm Công lý, về thực chất, được tài trợ bởi một đầu nậu vũ khí phương Tây, có liên hệ với các phần tử biến chất của CIA Mỹ.”

Những tiếng gọi ở hành lang đã lắng xuống, và khi nhìn ra cửa, tôi thấy Solomon đứng đó nhìn tôi. Anh ta gật đầu, một lần, rồi chậm chậm bước tiếp vào trong phòng, đi qua những thứ đồ đạc đồ nát. Một nhóm người mặc áo phong bó sát xuất hiện phía sau anh ta.

“Đó là sự thật,” Murdah gào lên, và tôi quay lại phía ti vi để xem người ta đã quay được gì về đoạn thú tội của ông ta trên đó. Nói thật là nó không tuyệt lắm. Vài cái chồm đầu đi đi lại lại. Giọng Murdah bị méo, trộn với âm thanh nền, bởi vì tôi đã không thể đặt micro đủ gần với đường thoát hỏa hoạn. Nhưng dù gì tôi cũng biết đó là ông ta, thế có nghĩa là những người khác cũng sẽ nhận ra.

“Ông Lang kết thúc lời tuyên bố bằng cách cung cấp cho CNN dải sóng cao tần 254,125 MHz, là tần số VHF mà đoạn băng này dùng để phát,” Connie nói. “Chưa xác định được giọng những người liên quan, nhưng có vẻ...”

Tôi ra hiệu cho Beamon.

“Ông có thể tắt đi, nếu ông muốn,” tôi nói. Nhưng ông ta vẫn đề thế, và tôi sẽ không tranh cãi với ông ta.

Solomon ngồi ở mép bàn của Beamon. Anh ta nhìn Latifa một chút, rồi nhìn tôi.

“Chẳng phải giờ này ông nên vây ráp vài kẻ tình nghi sao?” tôi nói.

Solomon thoáng cười.

“Vào lúc này, ngài Murdah đang được vây ráp kỹ lưỡng,” anh ta nói. “Còn cô Woolf thì đang được bảo vệ an toàn. Còn về ông Russell P. Barnes...”

“Ông ta đã lái chiếc Sau Đại học,” tôi nói.

Solomon nhượng mảy. Hoặc đúng hơn anh ta vẫn để cặp mảy nguyên vị mà rũ người xuống một chút. Anh ta có vẻ không muốn phải ngạc nhiên thêm chút nào nữa trong ngày hôm nay. “Rusty đã từng lái trực thăng khi còn ở trong Hải quân,”

tôi nói. “Chính do vậy mà ông ta can dự vào.” Tôi khẽ nhắc chiếc khăn ra khỏi mặt Latifa, thấy máu đã ngừng chảy. “Anh có nghĩ là tôi có thể gọi điện thoại từ đây không?”

Mười ngày sau đó chúng tôi bay trở lại nước Anh trên một chiếc Hercules của Không quân Hoàng gia Anh. Ghế ngồi cứng, cabin ồn ào, và không có phim ảnh gì. Nhưng tôi thấy vui.

Tôi thấy vui khi nhìn Solomon ngủ, anh ta nằm ở đầu kia cabin, cái áo mưa màu nâu gấp lại lót đầu còn hai tay bắt chéo trên bụng. Solomon là một người bạn tốt bất cứ lúc nào, nhưng khi anh ta ngủ, tôi cảm thấy gần như là yêu anh ta.

Hoặc có thể chỉ là tôi đang khởi động cho bộ máy yêu đương của mình thức dậy, để sẵn sàng cho một ai đó.

Đúng, có lẽ là như thế.

Chúng tôi xuống sân bay Coltishall của Không quân Hoàng gia Anh ngay sau nửa đêm, và một bầy xe lao theo sau chúng tôi khi máy bay chạy rà tới khoang chứa. Sau một lúc, cửa mở ra đánh cạch và một chút không khí lạnh vùng Norfolk tràn vào trong máy bay. Tôi hít một hơi dài.

O’Neal đang chờ bên ngoài, hai tay đút sâu trong túi áo khoác, hai vai thu lên tới tận tai. Ông ta bắt tay tôi, và Solomon cùng tôi theo ông ta vào một chiếc Rover.

O’Neal và Solomon ngồi đằng trước, còn tôi chui vào sau họ, một cách chậm rãi, để thưởng thức khoảnh khắc này.

“Xin chào,” tôi nói.

“Xin chào,” Ronnie nói.

Ngừng lại một chút, Ronnie cùng tôi cười với nhau và gật đầu.

“Cô Crichton đã rất muốn có mặt ở đây để đón ông trở về,” O’Neal nói, lấy
găng tay vuốt những hạt nước đọng trên kính xe.

“Thật à?” tôi hỏi.

“Thật,” Ronnie đáp.

O’Neal khởi động máy, trong khi Solomon chỉnh lại thiết bị chống đọng
hơi nước.

“Thế thì,” tôi nói, “bất cứ điều gì cô Crichton muốn, cô ấy nhất định sẽ có.”

Ronnie và tôi vẫn cười khi chiếc Rover xuyên qua căn cứ, lao vào bóng
đêm Norfolk.

*Trong sáu tháng sau đó, số lượng tên lửa đất đối không Javelin tiêu thụ ở
nước ngoài tăng lên ít nhất bốn mươi phần trăm.*

HẾT

nhà nam **trình thám**

... Thử hình dung anh phải bẻ gãy tay ai đó.
Phải hay trái không quan trọng. Quan trọng là phải
bẻ, bởi vì nếu không bẻ thì thực ra cũng chẳng vấn đề gì.
Cứ cho là nếu anh không bẻ thì sẽ có hậu quả xấu đi.

Vậy câu hỏi của tôi là: anh sẽ bẻ thật nhanh - rắc, ối chà, xin
lỗi, để tôi giúp anh với cái xương gãy ngay tức thì kia - hay anh
sẽ nhẩn nha trong vòng tám phút, thì thoảng mới mạnh tay lên
một tí, cho tới khi tất cả những hoa cà hoa cải, những nóng và
lạnh quện vào nhau khó chịu đến vô cùng?

Đúng vậy. Tất nhiên rồi. Lựa chọn đúng đắn, lựa chọn duy nhất
hẳn là làm cho xong đi càng nhanh càng tốt. Bẻ cái tay, nốc vài
ngụm rượu, và lại trở thành công dân tốt. Chẳng thể có câu
trả lời nào khác.

Trừ khi.

Trừ khi, trừ khi, trừ khi.

Nếu như anh căm ghét cái kẻ bị bẻ tay kia thì sao?
Ý tôi là thực sự ghét hẳn ta, vô cùng ghét hẳn ta.

Đó chính là điều mà lúc này tôi phải tính tới.

*"Một cuốn tiểu thuyết rất đổi thông minh tinh tế...
tươi mới và lôi cuốn không cưỡng được."
- CHRISTOPHER BUCKLEY, THE NEW YORK TIMES BOOK REVIEW*



Giá: 105.000đ





CHÚ THÍCH

 Pain.